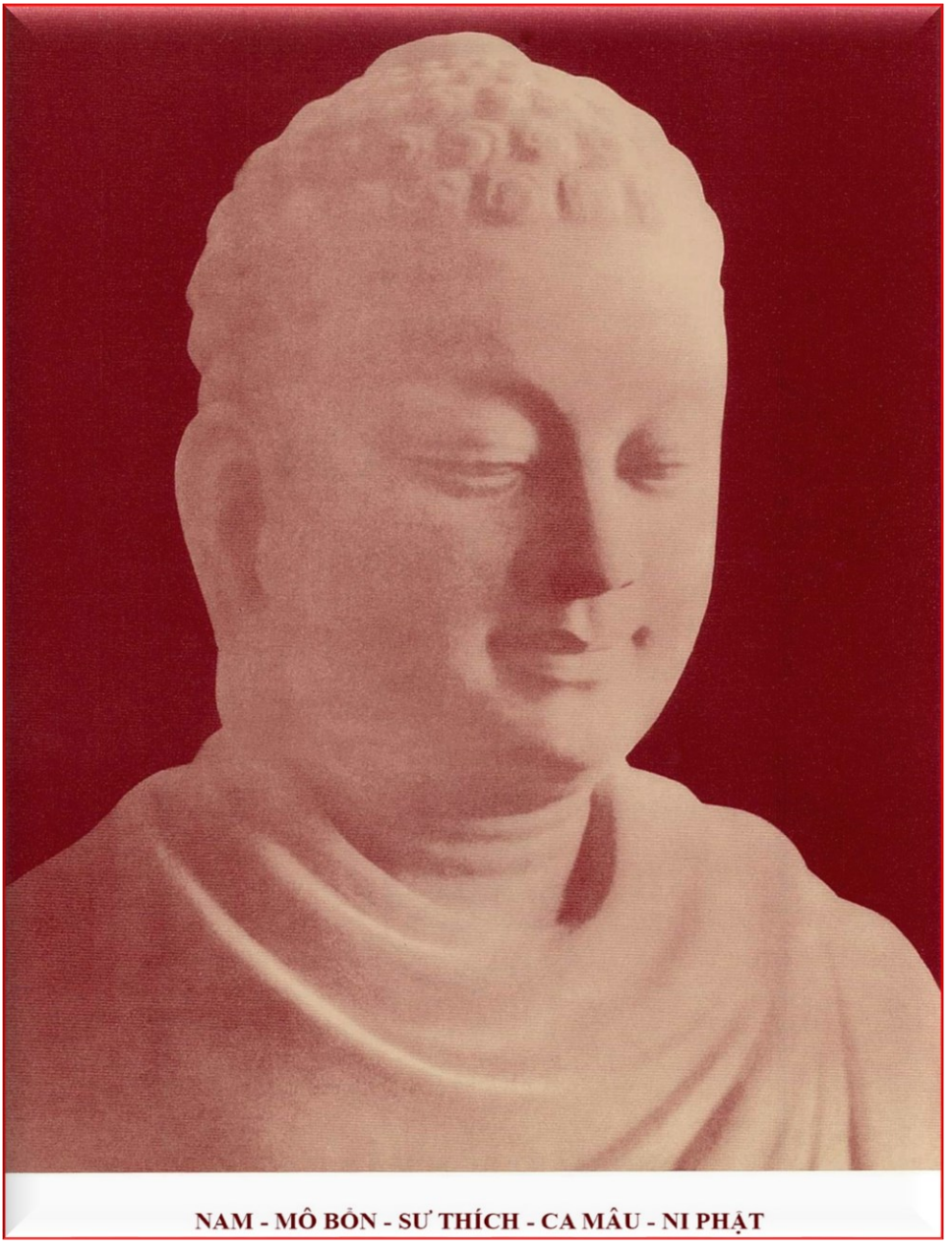

BỘ LUẬT 8 – T078

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 78

BỘ LUẬT

VIII

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 78

BỘ LUẬT
VIII

SỐ 1443 → 1447

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. Tên người: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...

2. Tên nước: Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...

3. Tôn xưng danh hiệu Phật: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...

4. Tác phẩm, kinh sách: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- <u>Viết hoa chữ đầu</u>:

1. Địa danh: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...

2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...

3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...

4. Chủng loại: chư Thiên

5. Phương hướng: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. Nhân danh: Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...

2. Địa danh: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...

3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...

4. Phẩm bậc, quả vị: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...

5. Chủng loại: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- <u>Số:</u>

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số) <u>ví dụ</u>: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
<u>ví dụ</u>: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- <u>Đặc biệt:</u>

Âm "y" và "i": dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ LUẬT 8 - T078

SỐ 1443 3
CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA 3
QUYỂN 1 3
TỰA TỲ NẠI DA 3
I. TÁM PHÁP BA LA THỊ CA 8
Học Xứ Thứ Nhất: HẠNH BẤT TỊNH 8
QUYỂN 2 27
Học Xứ Thứ Nhất: HẠNH BẤT TỊNH (Tiếp Theo) 27
QUYỂN 3 59
Học Xứ Thứ 2: LẤY VẬT KHÔNG CHO 59
QUYỂN 4 83
Học Xứ Thứ 3: ĐOẠN MẠNG NGƯỜI 83
Học Xứ Thứ 4: DỐI NÓI MÌNH ĐƯỢC PHÁP THƯỢNG NHƠN 96
QUYỂN 5 110
Học Xứ Thứ 5: XÚC CHẠM 110
Học Xứ Thứ 6: TÁM VIỆC THÀNH PHẠM 115
Học Xứ Thứ 7: CHE GIẤU TỘI NGƯỜI KHÁC 118
Học Xứ Thứ 8: TÙY THUẬN NGƯỜI BỊ CỬ 119
II. TĂNG GIÀ BÀ THI SA 122
Học Xứ Thứ Nhất: MAI MỐI 122
Học Xứ Thứ 2: VU BÁNG KHÔNG CĂN CỨ 134
Học Xứ Thứ 3: MƯỢN CĂN CỨ VU BÁNG 134
Học Xứ Thứ 4: GIAO DỊCH VỚI NAM TỬ CÓ TÂM NHIỄM 137
QUYỂN 6 139
Học Xứ Thứ 5: TỰ NÓI KHÔNG LỖI 139
Học Xứ Thứ 6: MỘT MÌNH ĐẾN NHÀ THẾ TỤC NGỦ ĐÊM 140
Học Xứ Thứ 7: MỘT MÌNH ĐẾN NHÀ THẾ TỤC 141
Học Xứ Thứ 8: ĐI ĐƯỜNG MỘT MÌNH 142
Học Xứ Thứ 9: MỘT MÌNH QUA SÔNG 143
Học Xứ Thứ 10: ĐỘ PHỤ NỮ CỦA NGƯỜI KHÁC 143
Học Xứ Thứ 11: ĐÒI NỢ CỦA NGƯỜI ĐÃ CHẾT 146
Học Xứ Thứ 12: VỘI TÁC PHÁP GIẢI CỬ 148
Học Xứ Thứ 13: KHÔNG BỎ ÁC KIẾN 150

Học Xứ Thứ 14: NÓI NGƯỜI KHÁC CÓ ÁI CÓ SÂN 153
Học Xứ Thứ 15: Ở TẠP LOẠN 156
Học Xứ Thứ 16: KHUYÊN CHỚ Ở RIÊNG 159
Học Xứ Thứ 17: PHÁ TĂNG GIÀ 162
Học Xứ Thứ 18: GIÚP BẠN PHÁ TĂNG 165
QUYỂN 7 168
Học Xứ Thứ 19: Ô GIA ÁC HẠNH 168
Học Xứ Thứ 20: TÁNH ÁC TRÁI CAN 175
III. NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ 179
Học Xứ Thứ Nhất: CHỨA Y DƯ KHÔNG PHÂN BIỆT 179
Học Xứ Thứ 2: LÌA NĂM Y 183
QUYỂN 8 196
Học Xứ Thứ 3: Y MỘT THÁNG 196
Học Xứ Thứ 4: GIẶT Y CŨ CHO BÍ SÔ KHÔNG PHẢI BÀ CON 202
QUYỂN 9 225
Học Xứ Thứ 4: GIẶT Y CŨ CHO BÍ SÔ KHÔNG PHẢI BÀ CON (Tiếp Theo) 225
Học Xứ Thứ 5: NHẬN Y TỪ BÍ SÔ KHÔNG PHẢI BÀ CON 232
Học Xứ Thứ 6: XIN Y TỪ CƯ SĨ KHÔNG PHẢI BÀ CON 240
Học Xứ Thứ 7: XIN Y QUÁ LƯỢNG 242
Học Xứ Thứ 8: BIẾT NGƯỜI TỤC HỨA CÚNG Y LIỀN ĐẾN XIN 244
Học Xứ Thứ 9: BIẾT NGƯỜI TỤC RIÊNG HỨA CHO Y LIỀN ĐẾN XIN 246
Học Xứ Thứ 10: QUÁ HẠN ĐỜI Y 247
QUYỂN 10 252
Học Xứ Thứ 11: CẦM VẬT BÁU 252
Học Xứ Thứ Mười Hai: XUẤT NHẬP CẦU LỢI 258
Học Xứ Thứ 13: MUA BÁN 266
Học Xứ Thứ 14: XIN BÁT 267
Học Xứ Thứ 15: TỰ XIN TƠ BẢO THỌ DỆT KHÔNG PHẢI BÀ CON DỆT Y 270
Học Xứ Thứ 16: KHUYÊN THỢ DỆT DỆT Y 271
Học Xứ Thứ 17: ĐOẠT Y 272
Học Xứ Thứ 18: HỒI TĂNG VẬT 273
Học Xứ Thứ 19: QUÁ THẤT NHẬT DƯỢC 276
Học Xứ Thứ 20: CHỨA BÁT DƯ 280
QUYỂN 11 282
Học Xứ Thứ Hai 21: KHÔNG XEM NĂM Y 282

Học Xứ Thứ 22: XẢ Y PHI THỜI 283
Học Xứ Thứ 23: ĐỨNG THỜI KHÔNG XẢ Y YẾT SỈ NA 284
Học Xứ Thứ 24: XIN VÀNG 284
Học Xứ Thứ 25: LẤY TIỀN NHUỘM Y DÙNG CHO ĂN UỐNG 285
Học Xứ Thứ 26: LẤY LỢI Y RIÊNG DÙNG CHO VIỆC ĂN UỐNG 286
Học Xứ Thứ 27: LẤY LỢI CỦA NGỌA CỤ DÙNG CHO VIỆC ĂN UỐNG 287
Học Xứ Thứ 28: LẤY TIỀN CẤT CHÙA DÙNG CHO VIỆC ĂN UỐNG 288
Học Xứ Thứ 29: LẤY LỢI CỦA NHIỀU NGƯỜI ĐEM VỀ CHO MÌNH 289
Học Xứ Thứ 30: LẤY LỢI VẬT CỦA TĂNG HỒI CHUYỂN VỀ CHO MÌNH 289
Học Xứ Thứ 31: MUA THUỐC BUỘC RỒI MỞ 290
Học Xứ Thứ 32: THỌ TRÌ Y DẦY QUÝ GIÁ 291
Học Xứ Thứ 33: THỌ TRÌ Y MỎNG QUÝ GIÁ 292
Học Xứ Thứ Nhất: CỐ Y NÓI DỐI 293
QUYỂN 12 303
Học Xứ Thứ Hai: CHÊ BAI MAI MỈA 303
Học Xứ Thứ Ba: NÓI LY GIÁN 320
Học Xứ Thứ Tư: PHÁT CỬ (Nơi pháp yết ma phát khởi lại) 321
Học Xứ Thứ Năm: NÓI PHÁP CHO MỘT NAM TỬ QUÁ NĂM, SÁU LỜI 323
Học Xứ Thứ Sáu: CÙNG NGƯỜI CHƯA THỌ GIỚI ĐỌC TỤNG ĐỒNG CÂU 324
Học Xứ Thứ Bảy: NÓI TỘI THÔ ÁC CHO NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ GIỚI 325
Học Xứ Thứ Tám: THẬT ĐƯỢC PHÁP THƯỢNG NHƠN, NÓI CHO NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ GIỚI BIẾT 330
Học Xứ Thứ Chín: VU BÁNG HỒI CHUYỂN LỢI VẬT CỦA TĂNG 331
Học Xứ Thứ Mười: KHINH CHÊ GIỚI 332
QUYỂN 13 334
Học Xứ Thứ Mười Một: HOẠI SANH CHỦNG 334
Học Xứ Thứ Mười Hai: CHÊ TRÁCH KHINH RẺ 338
Học Xứ Thứ Mười Ba: TRÁI LỜI DẠY XÚC NÃO 339
Học Xứ Thứ Mười Bốn: ĐỂ PHU CỤ CỦA TĂNG NƠI ĐẤT TRỐNG 341
Học Xứ Thứ Mười Lăm: KHÔNG THU CẤT PHU CỤ CỎ 346
Học Xứ Thứ Mười Sáu: GƯỢNG BỨC NÃO NGƯỜI KHÁC 348
Học Xứ Thứ Mười Bảy: CỐ Ý NGỒI NẰM TRÊN GIƯỜNG SÚT CHÂN

..... 348
Học Xứ Thứ Mười Tám: DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG 349
Học Xứ Thứ Mười Chín: CẤT CHÙA LỚN QUÁ LƯỢNG 350
Học Xứ Thứ Hai Mươi: THỌ QUÁ MỘT BỬA ĂN 351
Học Xứ Thứ 21: THỌ THỨC ĂN QUÁ BA BÁT 353
Học Xứ Thứ 22: ĂN ĐỦ 356
Học Xứ Thứ 23: KHUYÊN NGƯỜI KHÁC ĂN ĐỦ 361
QUYỂN 14 364
Học Xứ Thứ 24: ĂN BIỆT CHÚNG 364
Học Xứ Thứ 25: ĂN PHI THỜI 366
Học Xứ Thứ 26: ĂN THỨC ĂN ĐÃ TỪNG XÚC CHẠM 367
Học Xứ Thứ 27: KHÔNG THỌ MÀ ĂN 368
Học Xứ Thứ 28: DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG 372
Học Xứ Thứ 29: CHO NGOẠI ĐẠO THỨC ĂN 373
Học Xứ Thứ 30: XEM QUÂN TRẬN 375
Học Xứ Thứ 31: NGỦ TRONG QUÂN TRẬN QUÁ HAI ĐÊM 377
Học Xứ Thứ 32: NHIỄU LOẠN QUÂN BINH 378
Học Xứ Thứ 33: ĐÁNH BÍ SÔ NI 379
Học Xứ Thứ 34: GIƠ TAY DỌA ĐÁNH 380
Học Xứ Thứ 35: CHE GIẤU TỘI NGƯỜI KHÁC 380
Học Xứ Thứ 36: RỦ CÙNG ĐẾN TỤC GIA MÀ KHÔNG CHO ĂN 381
Học Xứ Thứ 37: ĐỐT LỬA 383
QUYỂN 15 390
Học Xứ Thứ 38: GỞI DỤC RỒI LẠI NGĂN 390
Học Xứ Thứ 39: CÙNG NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ GIỚI ĐỒNG PHÒNG NGỦ QUÁ HAI ĐÊM 391
Học Xứ Thứ 40: KHÔNG BỎ ÁC KIẾN TRÁI CAN 393
Học Xứ Thứ 41: TÙY THUẬN NGƯỜI BỊ XẢ TRÍ 395
Học Xứ Thứ 42: NHIẾP THỌ CẦU TỊCH NỮ KHÔNG BỎ ÁC KIẾN 396
Học Xứ Thứ 43: MẶC Y KHÔNG HOẠI SẮC 400
Học Xứ Thứ 44: CẦM VẬT QUÝ GIÁ 402
Học Xứ Thứ 45: TẮM PHI THỜI 404
Học Xứ Thứ 46: GIẾT BÀNG SANH 406
Học Xứ Thứ 47: CỐ Y XÚC NÃO BÍ SÔ NI 406
Học Xứ Thứ 48: DÙNG NGÓN TAY THỌC LÉT NGƯỜI KHÁC 408
Học Xứ Thứ 49: GIỠN TRONG NƯỚC 409
Học Xứ Thứ 50: CÙNG NGƯỜI NAM NGỦ CHUNG NHÀ 411
Học Xứ Thứ 51: KHỦNG BỐ BÍ SÔ NI 412

Học Xứ Thứ 52: GIẤU Y VẬT CỦA BÍ SÔ NI 413
Học Xứ Thứ 53: VU BÁNG BÍ SÔ NI THANH TỊNH 415
Học Xứ Thứ 54: CÙNG NGƯỜI NAM ĐI CHUNG ĐƯỜNG 416
QUYỂN 16 418
Học Xứ Thứ 55: CÙNG GIẶC ĐI CHUNG ĐƯỜNG 418
Học Xứ Thứ 56: PHÁ HOẠI SANH ĐỊA 418
Học Xứ Thứ 57: QUÁ BỐN THÁNG CÒN ĐÒI THỨC ĂN 420
Học Xứ Thứ 58: NGĂN TRUYỀN LỜI PHẬT DẠY 422
Học Xứ Thứ 59: NGHE LÉN BÀN VIỆC TRANH CẢI 423
Học Xứ Thứ 60: KHÔNG GỞI DỤC IM LẶNG BỎ ĐI 424
Học Xứ Thứ 61: KHÔNG CUNG KÍNH 426
Học Xứ Thứ 62: UỐNG RƯỢU 427
Học Xứ Thứ 63: VÀO THÔN XÓM PHI THỜI KHÔNG DẶN BÍ SÔ NI 430
Học Xứ Thứ 64: THỌ THỈNH THỰC TRƯỚC HAY SAU BỮA ĂN 432
Học Xứ Thứ 65: VÀO CUNG VUA 434
Học Xứ Thứ 66: DỐI NÓI KHÔNG BIẾT 436
Học Xứ Thứ 67: LÀM ỐNG ĐỰNG KIM 437
Học Xứ Thứ 68: LÀM GIƯỜNG QUÁ LƯỢNG 439
Học Xứ Thứ 69: DÙNG CỎ, BÔNG DỒN LÀM NỆM GIƯỜNG 440
Học Xứ Thứ 70: LÀM NI SƯ ĐÀN NA QUÁ LƯỢNG 441
Học Xứ Thứ 71: MAY Y CHE GHẺ 443
Học Xứ Thứ 72: MAY Y ĐỒNG LƯỢNG Y CỦA PHẬT 443
QUYỂN 17 445
Học Xứ Thứ 73: ĂN TỎI 445
Học Xứ Thứ 74: CẠO LÔNG CHỖ KÍN 448
Học Xứ Thứ 75: TẨY TỊNH KHÔNG ĐƯỢC QUÁ LƯỢNG 448
Học Xứ Thứ 76: DÙNG TAY VỖ CHỖ KÍN 449
Học Xứ Thứ 77: TỰ TAY NẤU THỨC ĂN SỐNG 450
Học Xứ Thứ 78: TẠT NƯỚC THƯỢNG CHỨNG 451
Học Xứ Thứ 79: ĐẠI TIỂU TIỆN TRÊN CỎ XANH TƯƠI 453
Học Xứ Thứ 80: ĐỒ ĐỒ BẤT TỊNH NGOÀI TƯỜNG 453
Học Xứ Thứ 81: MỘT MÌNH CÙNG NGƯỜI NAM ĐỨNG Ở CHỖ KHUẤT 455
Học Xứ Thứ 82: MỘT MÌNH CÙNG BÍ SÔ ĐỨNG Ở CHỖ KHUẤT 456
Học Xứ Thứ 83: MỘT MÌNH CÙNG NGƯỜI NAM ĐỨNG Ở CHỖ HIỂN LỘ 456
Học Xứ Thứ 84: MỘT MÌNH CÙNG BÍ SÔ ĐỨNG Ở CHỖ HIỂN LỘ ... 457
Học Xứ Thứ 85: MỘT MÌNH Ở MỘT PHÒNG 458

Học Xứ Thứ 86: CÙNG NGƯỜI NAM NÓI NHỎ 459
Học Xứ Thứ 87: CHO NGƯỜI NAM KỀ TAI NÓI NHỎ 460
Học Xứ Thứ 88: KỀ TAI BÍ SÔ NÓI NHỎ 460
Học Xứ Thứ 89: CHO BÍ SÔ KỀ TAI NÓI NHỎ 461
Học Xứ Thứ 90: ĐẤM NGỰC 461
Học Xứ Thứ 91: THỀ THỐT 462
Học Xứ Thứ 92: KHÔNG XEM XÉT MÀ GẠN HỎI NGƯỜI KHÁC 462
Học Xứ Thứ 93: KHÔNG XEM KỸ GIƯỜNG TÒA MÀ NGỒI NẰM.... 463
Học Xứ Thứ 94: DÙNG NHỰA CÂY LÀM SANH CHI 464
Học Xứ Thứ 95: NÓI PHÁP NHÀ BẠCH Y KHÔNG DẶN CẤT TỌA CỤ 468
Học Xứ Thứ 96: KHÔNG CHO PHÉP LIỀN NGỒI 469
Học Xứ Thứ 97: KHÔNG HỎI CHỦ LIỀN NGỦ LẠI ĐÊM 470
QUYỂN 18 472
Học Xứ Thứ 98: BIẾT NI Ở NHÀ BẠCH Y TRƯỚC, MÌNH ĐẾN SAU LẠI BẢO HỌ ĐI 472
Học Xứ Thứ 99: ĐỆ TỬ CÓ BỊNH KHÔNG CHĂM SÓC 473
Học Xứ Thứ 100: HAI NI NẰM CHUNG MỘT GIƯỜNG 473
Học Xứ Thứ 101: AN CƯ CHƯA TỰ TỨ MÀ DU HÀNH 475
Học Xứ Thứ 102: AN CƯ XONG KHÔNG DU HÀNH 476
Học Xứ Thứ 103: BIẾT CÓ KHỦNG BỐ MÀ DU HÀNH 476
Học Xứ Thứ 104: BIẾT CÓ CỌP SÓI SƯ TỬ MÀ DU HÀNH 477
Học Xứ Thứ 105: ĐẾN THIÊN TỰ LUẬN NGHỊ 477
Học Xứ Thứ 106: CHƯA ĐỦ TUỔI MÀ CHO NGƯỜI XUẤT GIA VÀ THỌ CỤ TÚC GIỚI 478
Học Xứ Thứ 107: VỘI NUÔI ĐỆ TỬ 479
Học Xứ Thứ 108: BIẾT NGƯỜI NỮ ĐÃ TỪNG GẢ, TUỔI CHƯA ĐỦ MƯỜI HAI MÀ CHO XUẤT GIA 481
Học Xứ Thứ 109: TUỔI ĐỦ MƯỜI HAI KHÔNG CHO CHÁNH HỌC PHÁP MÀ CHO THỌ CỤ GIỚI 484
Học Xứ Thứ 110: VỘI NUÔI NHIỀU CHÚNG 485
Học Xứ Thứ 111: CHO NGƯỜI NỮ CÓ THAI XUẤT GIA 487
Học Xứ Thứ 112: KHÔNG GIÁO GIỚI 488
Học Xứ Thứ 113: KHÔNG NHIẾP HỘ 489
Học Xứ Thứ 114: KHÔNG MANG THEO BÊN MÌNH 489
Học Xứ Thứ 115: ĐỒNG NỮ CHƯA ĐỦ HAI MƯƠI MÀ CHO THỌ CỤ GIỚI 490
Học Xứ Thứ 116: KHÔNG CHO HỌC SÁU PHÁP LIỀN CHO THỌ CỤ GIỚI

.... 491
Học Xứ Thứ 117: ĐỘ NGƯỜI NỮ TÁNH ÁC 492
Học Xứ Thứ 118: ĐỘ NGƯỜI NỮ NHIỀU ƯU SẦU 493
Học Xứ Thứ 119: HỌC PHÁP CHƯA ĐỦ MÀ CHO THỌ CẬN VIÊN... 494
Học Xứ Thứ 120: BIẾT HỌC SÁU PHÁP XONG MÀ KHÔNG CHO THỌ GIỚI CỤ TÚC 495
Học Xứ Thứ 121: NGƯỜI CHỒNG CHƯA GIẢI PHÓNG MÀ ĐỘ XUẤT GIA 496
Học Xứ Thứ 122: THEO ĐỜI Y 497
Học Xứ Thứ 123: BẢO NGƯỜI NỮ THU XẾP GIA NGHIỆP 497
Học Xứ Thứ 124: MỖI NĂM ĐỀU CHO XUẤT GIA VÀ THỌ GIỚI CỤ TÚC 499
QUYỂN 19 501
Học Xứ Thứ 125: GỞI DỤC TRẢI QUA ĐÊM 501
Học Xứ Thứ 126: CẦU GIÁO THỌ 502
Học Xứ Thứ 127: CHỖ KHÔNG CÓ BÍ SÔ LÀM TRƯỞNG TỊNH 502
Học Xứ Thứ 128: CHỖ KHÔNG CÓ BÍ SÔ TÁC PHÁP AN CƯ 503
Học Xứ Thứ 129: KHÔNG Ở TRONG HAI BỘ CHÚNG NÓI BA VIỆC TÙY Ý 504
Học Xứ Thứ 130: TRÁCH CHÚNG 505
Học Xứ Thứ 131: MẮNG CHÚNG 505
Học Xứ Thứ 132: THẤY NGƯỜI KHÁC ĐƯỢC KHEN, KHỞI TÂM TẬT ĐỐ 506
Học Xứ Thứ 133: (Không thấy ghi chú ở đây) 507
Học Xứ Thứ 134: ĐỐI VỚI NHÀ NGƯỜI XẢN TIẾC 507
Học Xứ Thứ 135: ĐỐI VỚI CHÙA XẢN TIẾC 508
Học Xứ Thứ 136: ĐỐI VỚI LỢI DƯỠNG ĂN UỐNG XẢN TIẾC 508
Học Xứ Thứ 137: XẢN PHÁP 510
Học Xứ Thứ 138: ĂN RỒI ĂN NỮA 511
Học Xứ Thứ 139: NUÔI CON CỦA NGƯỜI KHÁC 512
Học Xứ Thứ 140: KHÔNG MAY SẮM QUẦN ÁO TẮM 513
Học Xứ Thứ 141: BẢO THỢ GIẶT GIẶT Y 513
Học Xứ Thứ 142: CÙNG THƯỢNG CHÚNG ĐỔI Y 514
Học Xứ Thứ 143: VỘI CHO NGƯỜI THẾ TỤC PHÁP Y 515
Học Xứ Thứ 144: KHÔNG MAY SẮM BỊNH Y 516
Học Xứ Thứ 145: BỊNH Y CỦA ĐẠI CHÚNG LẠI ĐEM DÙNG RIÊNG 517
Học Xứ Thứ 146: THEO NGƯỜI NGHÈO XIN Y YẾT SỈ NA 517

Học Xứ Thứ 147: KHÔNG CÙNG XUẤT Y 518
Học Xứ Thứ 148: KHÔNG CÙNG CHIA Y 519
Học Xứ Thứ 149: THẤY NGƯỜI TRANH CÃI KHÔNG KHUYÊN DỨT 519
Học Xứ Thứ 150: BỎ CHỖ Ở ĐI MÀ KHÔNG DẶN LẠI 520
Học Xứ Thứ 151: ĐẾN NGƯỜI THẾ TỤC CẦU HỌC CHÚ PHÁP 521
Học Xứ Thứ 152: DẠY CHÚ PHÁP CHO NGƯỜI THẾ TỤC 522
Học Xứ Thứ 153: BÁN BÚN KHÔ 522
Học Xứ Thứ 154: LO LIỆU VIỆC NHÀ CHO NGƯỜI THẾ TỤC 523
Học Xứ Thứ 155: DỜI GIƯỜNG GHẾ 524
Học Xứ Thứ 156: TỰ TAY XE TƠ 525
Học Xứ Thứ 157: TỰ TAY QUAY TƠ 525
Học Xứ Thứ 158: CẦM DÙ ĐI 526
Học Xứ Thứ 159: MANG GIÀY DÉP NHIỀU MÀU SẮC 526
Học Xứ Thứ 160: CÓ GHẺ BẢO NGƯỜI BĂNG RỒI LẠI THÁO RA 526
Học Xứ Thứ 161: ĐỘ DÂM NỮ 527
Học Xứ Thứ 162: SAI BÍ SÔ NI THOA CHÀ THÂN 528
(Từ 163 đến 165) SAI CHÁNH HỌC NỮ… THOA CHÀ THÂN 528
Hai Học Xứ 166 & 167: DÙNG HƯƠNG THOA THÂN VÀ ĐẦU 529
QUYỂN 20 530
Học Xứ Thứ 168: DÙNG CĂN HỒ MA VÀ NƯỚC THOA THÂN 530
Học Xứ Thứ 169: CHƯA XIN PHÉP LIỀN HỎI 530
Học Xứ Thứ 170: ĐEO NỮ TRANG 531
Học Xứ Thứ 171: KÉO NHAU TẮM RỬA 532
Học Xứ Thứ 172: TỰ MÚA, DẠY NGƯỜI MÚA 532
Học Xứ Thứ 173: HÁT XƯỚNG 533
Học Xứ Thứ 174: ĐÁNH ĐÀN 533
Học Xứ Thứ 175: MỘT MÌNH RA NGOÀI ĐẠI TIỂU TIỆN 534
Học Xứ Thứ 176: SẮM ĐỒ CÀI ĐẦU BẰNG CỎ THƠM 534
Học Xứ Thứ 177: MUA SẮM LƯỢC DÀY 535
Học Xứ Thứ 178: MUA SẮM LƯỢC THƯA 535
Học Xứ Thứ 179: DÙNG CẢ BA VIỆC TRÊN 535
Học Xứ Thứ 180: SẮM ĐẦU TÓC GIẢ 536
V. BA LA ĐỀ ĐỀ XÁ NI 537
VI. CHỨNG HỌC PHÁP 541
SỐ 1444 561
CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ XUẤT GIA SỰ 561
QUYỂN 1 561

QUYỂN 2 586
CÓ DUYÊN ĐỘ XÁ LỢI TỬ VÀ MỤC KIỀN LIÊN 586
QUYỂN 3 609
QUYỂN 4 629
SỐ 1445 658
CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ AN CƯ SỰ 658
SỐ 1446 673
CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TÙY Ý SỰ 673
SỐ 1447 691
CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÌ CÁCH SỰ 691
QUYỂN THƯỢNG 691
QUYỂN HẠ 714

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 78

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

SỐ 1443

(QUYỂN 1→ 20)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1443

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 1

TỰA TỲ NẠI DA

Kính lạy đấng Đại bi
Thương xót khắp tất cả
Khuôn mặt Phật đầy đặn
Mắt trong như sen xanh
Phật sanh nhà điều phục
Chúng đệ tử điều phục
Điều phục trừ các lỗi
Kính lạy Pháp trung tôn
Phật nói ba tạng giáo
Tỳ-nại-da đứng đầu
Con ở trong giáo này
Xin lược bày khen tụng
Như cây, rễ là trọng
Cành nhánh từ đây sanh
Phật nói Luật là gốc
Sanh ra các pháp lành
Ví như bờ đê lớn

Nước lũ không tràn qua
Giới pháp cũng như vậy
Chế ngăn sự hủy giới
Chư Phật chứng Bồ đề
Độc giác thân tâm tịnh
Cho đến A-la-hán
Đều nhờ Luật hạnh thành
Ba đời các Hiền Thánh
Xa lìa phược Hữu vi
Đều lấy luật làm gốc
Đến được chỗ an ổn
Giáo pháp điều phục này
An trụ nơi thế gian
Tức là Như lai trụ
Tạng chánh pháp không diệt
Giới an lập chánh pháp
Đèn chánh pháp Như lai
Lìa giới thì không còn
Đường Niết-bàn an ổn
Phật du hóa thế gian
Tùy nơi nói kinh pháp
Luật giáo không như vậy
Nên biết khó được gặp
Như đất chở muôn loài
Nuôi lớn các cây cỏ
Luật giáo cũng như vậy
Hay sanh các phước trí
Phật nói nhờ Luật giáo

Các công đức phát sanh
Phụng trì được giải thoát
Hủy phá sanh cõi ác
Voi ngực không thuần phục
Chế ngự bằng roi móc
Luật giáo cũng như vậy
Không thuần khiến thuần phục
Như thành có hào ao
Ngăn được các oán địch
Luật giáo cũng như vậy
Đề phòng được phá giới
Ví như nước biển cả
Trôi giạt được thây chết
Luật giáo cũng như vậy
Tẩn xuất kẻ phá giới
Luật là vua trong pháp
Dẫn đầu của chư Phật
Bí-sô ví thương buôn
Giới là ngọc vô giá
Phá giới như độc rắn
Luật như thuốc trị độc
Ý mạnh mẽ khó điều
Lấy luật làm hàm thiếc
Luật ở nơi đường lành
Thường làm cầu phương tiện
Ở nơi biển ác thú
Luật cũng làm thuyền bè
Nếu đi nơi đường hiểm

Giới là người dẫn đường
Nếu lên thành vô úy
Giới là cầu thang vững
Đại sư bậc tối thắng
Đích thân nói luật giáo
Cả hai không sai biệt
Đều nên quy kính lễ
Phật và Thánh đệ tử
Đều trụ trong luật giáo
Nơi giới sanh cung kính
Vì thế con kính lễ
Con nương Luật tán thán
Lời này nên tôn trọng
Vừa cúi đầu quy y
Việc lành đã thành tựu
Biển cả Tỳ-nại-da
Bờ mênh mông khó biết
Tướng sai biệt vô cùng
Con sao tường tận hết Biển
Luật giáo của Phật
Thâm diệu thật khó lường
Con nay theo sức mình
Khen ngợi chỉ ít phần
Khi Thế Tôn Niết-bàn
Bảo khắp cả đại chúng
"Sau khi Ta diệt độ
Đều nên tôn kính giới"
Cho nên con tán tụng

Sắp nói Tỳ-nại-da
Các vị nên chí tâm
Khéo nghe giáo điều phục.
Biệt giải thoát kinh khó được nghe
Trải qua vô lượng trăm ngàn kiếp
Đọc tụng thọ trì cũng như vậy
Bậc như thuyết hành trì khó gặp
Phật thị hiện ở đời là vui
Diễn nói pháp vi diệu là vui
Tăng nhất tâm đồng kiến là vui
Hòa hợp cùng tu tiến là vui
Gặp Thánh nhơn hiện hữu là vui
Được cùng ở chúng cũng là vui
Nếu không gặp những người ngu si
Đó mới gọi là thường thọ lạc
Gặp người trì giới đủ là vui
Nếu gặp Đa văn cũng là vui
Gặp A-la-hán chân thật vui
Vì đời sau không còn tái sanh
Nơi bến bờ sông - thềm diệu lạc
Dùng pháp hàng địch - chiến thắng vui
Khi chứng đắc sanh chánh huệ quả
Tận trừ được ngã mạn là vui
Nếu có thể làm quyết định ý
Khéo điều căn - dục đủ đa văn
Từ trẻ đến già ở trong rừng
Lan nhã nhàn cư, tịch tĩnh vui.
Chắp hai tay cung kính

Kính lạy Phật Thích Ca
Biệt giải thoát điều phục
Tôi nói các vị nghe
Nghe rồi phải chánh hành
Như lời Như Lai dạy
Ở trong các tội nhỏ
Dõng mãnh siêng phòng hộ
Tâm như ngựa khó kìm
Liên tục quyết chí trừ
Hàm thiết Biệt giải thoát
Có trăm kim cực bén
Nếu người nào trái pháp
Nghe dạy phải dừng ngay
Đại sĩ như ngựa giỏi
Xông ra trận phiền não
Người thiếu hàm thiếc này
Chưa từng có hỉ lạc
Chết trong trận phiền não
Mê chuyển trong sanh tử.

I. TÁM PHÁP BA LA THỊ CA

Tổng Nhiếp Tụng:

Bất tịnh, không cho mà lấy,
Giết người, nói chứng thượng pháp,
Xúc, tám việc, giấu, tùy thuận,
Đều là không cùng ở chung.

Học Xứ Thứ Nhất: HẠNH BẤT TỊNH

Khi Bồ tát còn ở trên cung trời Đổ-sử, trước khi

hạ sanh quán năm việc ở thế gian: Một là dòng tổ xa, hai là thời tiết, ba là đất nước, bốn là tộc họ gần, năm là dòng họ mẹ. Lúc đó phu nhân Ma-da nằm mộng thấy con voi trắng sáu ngà giáng hạ vào bụng, cùng lúc đó đại địa chấn động sáu cách và ánh sáng chiếu soi khắp thế gian. Những chỗ tối tăm trong thế giới, nơi mà mặt trời, mặt trăng không thể chiếu đến; các hữu tình ở trong đó bị bóng tối che phủ nên từ khi sanh ra cho đến khi chết ngay cả thân mình cũng không thấy được, huống chi là thấy loài khác; khi họ gặp ánh sáng này đều khởi tưởng kỳ lạ, nói với nhau: "Tại sao ở đây lại có chúng sanh?". Cho đến khi Bồ tát hạ sanh, đại địa cũng chấn động sáu cách và ánh sáng cũng chiếu soi khắp thế gian như trước không khác. Lúc đó trong ba ngàn Đại thiên giới những loài hữu duyên thấy ánh sáng này đều rất vui mừng khởi tưởng hy hữu.

Cùng lúc đó có bốn vị đại quốc vương đều có Thái-tử ra đời:

Một là đại vương Phạm-thọ ở thành Thất-la-phiệt, khi Thái-tử mới sanh có ánh sáng lớn chiếu soi, vua liền suy nghĩ: "Do oai lực phước đức của Thánh tử ta mới có ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới, ta nên đặt tên cho con ta là Thắng-quang".

Hai là đại vương Đại-liên-hoa ở thành Vương-xá, khi Thái-tử mới sanh cũng có ánh sáng chiếu soi, vua liền suy nghĩ: "Phước lực của con ta thật

là hy hữu, khi mới sanh đã có ánh sáng chiếu khắp như ánh sáng mặt trời. Người mẹ tên là Ảnh, ta nên đặt tên con là Ảnh-thắng".

Ba là đại vương Bách-quân ở nước Kiều-thiểm-tỳ, khi Thái-tử mới sanh cũng thấy ánh sáng nên vua suy nghĩ: "Do phước lực của con ta nên có ánh sáng chiếu soi như mặt trời mới mọc chiếu soi khắp thế gian, ta nên đặt tên con là Xuất-quang".

4 là Đại luân vương ở nước Ốt-thệ-ni, khi Thái-tử mới sanh cũng thấy có ánh sáng, vua liền nghĩ: "Khi con ta sanh có ánh sáng thù thắng, như ngọn đèn sáng chiếu phá tối tăm, ta nên đặt tên con là Đăng-quang".

Bốn đại vương kia đều sanh niệm vui mừng cho sự thần kỳ này là do phước lực của con mình, không ngờ đó chính là do căn lực từ thiện rộng lớn và phước đức huân tu không thể nghĩ bàn của Bồ tát từ nhiều đời nhiều kiếp. Cùng lúc đó trong dòng họ Thích ca cũng có năm trăm đồng tử ra đời, Nan-đà là người sanh ra đầu tiên. Bên nữ có Da-du-đà-la, Lộc-mẫu và Cù-tỳ là ba đồng nữ được sanh ra trước, kế tiếp là sáu vạn đồng nữ cũng chào đời. Lại có năm trăm đồng nam của dòng đầy tớ được sanh, Xiển đà là người sanh ra đầu tiên; lại có năm trăm đồng nữ của dòng thị nữ cũng được sanh ra trong cùng một ngày. Lại có năm trăm voi mẹ, năm trăm ngựa mẹ đều sanh con, ngựa Kiền thác được sanh ra đầu tiên. Lúc đó có năm trăm phục tàng

trong đại địa bỗng tự hiện, biên cương của các nước nơi nào không thần phục thảy đều thần phục.

Ngày Bồ tát đản sanh, Thích Phạm thiên vương cùng các thiên chúng đi nhiễu trăm ngàn vòng, cung kính tôn trọng thừa sự Bồ tát. Lúc đó ở Vương đô cho đến thành ấp xóm làng các trưởng giả, Bà-la-môn… đều tập trung lại chiêm ngưỡng, cung kính thừa sự Bồ tát; vua Tịnh-phạn suy nghĩ: "Do phước đức đời trước của ta chiêu cảm nên nay có Thánh tử sanh vào nhà ta, có thể thành tựu mọi thắng sự, ta nên đặt tên con là Nhất thiết sự thành".

Lúc đó ở nước Ma-kiệt-đà có một thành lớn tên là Ni-câu-luật, dân chúng an cư lạc nghiệp, trong thành có một Bà-la-môn cũng tên là Ni-câu-luật giàu có, vàng bạc châu báu kho lẫm đầy ắp và có thế lực lớn như Tỳ sa môn thiên vương. Ông có mười tám tụ lạc lớn dùng làm phong lộc và có mười sáu ấp lớn dùng làm bộc sử, vàng ròng có đến mười sáu ức. Vua nước Ma-kiệt-đà là Đại-liên-hoa có một ngàn Cụ lê và số lượng Bà-la-môn cũng bằng như vậy. Trưởng giả Ni-câu-luật nhờ phước lành đời trước cảm quả thành thục nên trồng hạt lúa mạch thì thành hạt kim mạch, mỗi khi thu hoạch có hơn hai trăm thạch. Trưởng giả sợ xảy ra đều không hay nên mỗi buổi sáng đến hầu vua chỉ dùng một cốc kim mạch hiến thọ, cầu chúc cho vua phước thọ vô cùng. Trưởng giả cưới một người con gái vọng tộc làm vợ trải qua nhiều năm mà không

có con nên hai vợ chồng đã đến tế lễ tất cả đền thờ thần kỳ để cầu kế tự nhưng vẫn không toại ý. Trưởng giả ngồi chống tay vào má suy nghĩ: "Ta giàu có bậc nhất mà không có con kế tự, của cải này sẽ giao cho ai đây, cuối cùng cũng bị nhà vua tịch thu", bà mẹ thấy vậy bèn hỏi nguyên do, trưởng giả nói rõ nỗi lo âu của mình, bà mẹ nói: "Con không nên ưu sầu, mẹ thấy những người không con trên thế gian nếu cầu xin với tất cả lòng thành đều sẽ được toại nguyện, mẹ sẽ chỉ cách cho con. Trước kia mẹ không có con liền đến cầu thần cây Ni-câu-luật liền sanh được con, con nay hãy đến đó cầu chắc sẽ được như ý". Trưởng giả nghe lời mẹ liền đến cầu xin thần cây Ni-câu-luật: "Cúi xin thọ thần ban cho tôi mười một con, nếu được toại nguyện tôi sẽ xây dựng thần đường thờ cúng trang nghiêm và mở đại hội khánh tạ đáp ân", hằng ngày trưởng giả đều đến cầu xin như vậy, lại còn nguyện: "Nếu không được toại nguyện tôi sẽ bứng gốc chặt cây không cho thọ thần có chỗ nương tựa". Thọ thần nghe lời nguyện này sanh hoảng sợ suy nghĩ: "Việc này quá sức của ta, ta phải làm sao", nghĩ rồi liền đến chỗ thiên vương Tỳ sa môn cầu cứu: "Đại thiên, có một Bà-la-môn đến chỗ tôi cầu con còn dọa sẽ chặt cây, xin Đại thiên cứu giúp". Đại thiên biết mình cũng không thể giúp được bèn lên đến cõi trời trên bạch vua trời Đế-thích: "Xin thiên chủ cứu xét, có một Bà-la-môn

đến chỗ vị thiên thần trong phạm vi cai quản của tôi cầu con, còn dọa sẽ chặt cây nếu không được toại nguyện". Thiên chủ nghe rồi bảo quan phụ cận xem có Thiên tử nào tướng suy hiện tiền thì báo, thời gian sau có một Thiên tử tướng suy hiện tiền, vị quan này liền báo cho thiên chủ biết, thiên chủ liền bảo Thiên tử đó rằng: "Ngươi nên đến thọ sanh vào trong nhà của đại Bà-la-môn ở thành Ni-câu-luật của châu Thiệm-bộ", Thiên tử bạch vua: "Đại thiên, Bà-la-môn kia ỷ mình dòng họ tôn quý nên sanh nhiều phóng dật. Nay Phật đã ra đời nếu hóa duyên hoàn tất sẽ vào Niết-bàn, tôi trước có nguyện sẽ ở chỗ Phật chuyên tu tịnh hạnh, nếu sanh vào nhà kia sợ sẽ chướng ngại cho tôi", thiên chủ nói: "Ngươi khỏi phải lo ngại, ta sẽ giúp ngươi trong tất cả thời không để ngươi buông lung". Thiên tử tuân lịnh thiên chủ sau khi mạng chung đến thọ sanh trong nhà đại Bà-la-môn Ni-câu-luật. Người nữ trí huệ mang thai có năm trí kỳ lạ: Một là biết người nam có tâm dục, hai là biết thời tiết, ba là biết từ người nào được thai, bốn là biết thai nhi là nam, năm là biết thai nhi là nữ. Vợ của Bà-la-môn này biết mình đã mang thai vui mừng báo cho chồng biết, người chồng vui mừng reo lên: "Lành thay, an lạc thay, trước nay ta luôn mong đợi người con kế thừa gia nghiệp, nay ta đã có người giao phó gia nghiệp rồi, ta sẽ siêng tu phước nghiệp nguyện đem công đức này nguyện cầu cho cha mẹ

ta sanh vào cõi nào cũng được phước lạc vô cùng". Sau đó người chồng sắp xếp cho vợ ở trên lầu cao, trải bảo tòa cho vợ nằm, mời danh y đến lo việc thuốc thang, tất cả y phục ẩm thực… đều thích nghi với thời tiết lạnh nóng…, người vợ từ đây chân không dính đất, mắt tai không nghe những thinh sắc tà ác. Đủ ngày tháng hài nhi ra đời dung mạo tuyệt vời, sắc da như vàng ròng Thiệm-bộ… các tướng tốt đều đầy đủ; sau hai mươi mốt ngày người cha mở tiệc ăn mừng và yêu cầu thân tộc đặt tên cho hài nhi. Các thân tộc bàn với nhau: "Hài nhi vốn từ thần cây Ni-câu-luật mà cầu được nên đặt tên là Tất bát la, lại từ nơi dòng họ nên gọi là Ca-nhiếp-ba", cho nên người đương thời gọi tên là Tất bát la hay là Ca-nhiếp-ba. Người cha đem hài nhi giao cho tám bà vú chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo nên hài nhi mau lớn như hoa sen ra khỏi nước. Đến tuổi trưởng thành đồng tử Ca-nhiếp-ba được giao cho các minh sư để học các kỹ nghệ và điển tịch của dòng Bà-la-môn tôn quý. Học bất cứ môn gì, đồng tử vừa nghe qua liền nhớ không quên cho đến nội dung của bốn bộ Bệ-đà đều thông suốt. Bốn bộ Bệ-đà là Hiệt-lực-Bệ-đà, Da-thọ-Bệ-đà, Ta-ma-Bệ-đà và A-kiện-Bệ-đà (Bệ-đà dịch là minh trí, vì nếu thông suốt nội dung bốn bộ Bệ-đà này thì trí huệ ứng khắp; cũng gọi là Tứ Minh luận có hơn mười vạn bài tụng. Bộ luận thứ nhất nói về tác nghiệp, bộ luận thứ hai nói về tán tụng, bộ thứ ba

nói về pháp thức tế lễ, bộ thứ tư nói về việc trị nước an dân. Bệ-đà không có chánh dịch nên giữ nguyên tiếng Phạn, trong đó Ông thinh là câu mở đầu về chú thuật, Bồng thinh là lời kêu gọi Thần kỳ, Bệ-đà thinh là do ngoại đạo chấp âm thanh là thường khởi tự nhiên có từ vô thỉ, thường hằng trong hư không. Cựu dịch là Vệ đà). Thông suốt Tứ minh luận này rồi có thể khảo sát được sự biến chuyển trên thế gian, ở trên đất liền hay trên hư không; có thể tự hiểu rành pháp thức tế tự và dạy người cách tế tự; tự tụng tập và dạy người tụng tập; tự bố thí và dạy người bố thí… có thể hiển bày tôn chỉ của mình và khéo phá cách lập luận của người khác. Người như thế trước được đại chúng suy tôn sau mới được thỉnh làm đạo sư dạy cho các Bà-la-môn. Lúc đó người cha bảo Ca-nhiếp-ba: "Nay con đã trưởng thành, ta phải tổ chức hôn lễ cho con", Ca-nhiếp-ba nói: "Dục lạc thế gian không phải là điều con mong cầu", người cha nói: "Nhưng con còn phải kế thừa gia nghiệp, thờ phụng tổ tông không thể cho tuyệt tự", Ca-nhiếp-ba nói: "Cha há không nghe Cô tiên có nói người sống ẩn cư thì thần thức nhẹ nhàng, có thể đạt đến chỗ rốt ráo hay sao?", người cha nói: "Nghi thức cưới hỏi há không phải là chánh điển hay sao?", Ca-nhiếp-ba nói: "Đó là tục luận cận đại không phải pháp của Cổ tiên", nói xong liền than thở: "Ta nay gặp họa rồi, một khi vào trong bùn dục thì muôn kiếp khó thoát. Cha mẹ

ân trọng không thể trái, thật là tiến thoái đều không còn đường trốn tránh. Ta phải tìm cách nào để tránh sự trói buộc này", nghĩ rồi liền thưa với cha: "Nếu con phải cưới vợ thì cha hãy dùng vàng ròng đúc cho con một tượng người nữ làm kiểu mẫu". Người cha nghe rồi liền cho đúc một tượng người nữ bằng vàng có dung nghi tuyệt sắc, kích cỡ như người thật. Ca-nhiếp-ba xem xong rất vừa ý liền nói với cha: "Nếu có được một người nữ giống như thế, con sẽ vâng lời cha làm hôn lễ". Người cha nghe rồi chống tay vào má than thở: "Ta biết tìm ở đâu được người nữ tuyệt đẹp như thế này". Lúc đó các học trò thấy vậy liền hỏi nguyên do, người cha đem việc trên kể lại, học trò nói: "Có thể tìm được vì trên thế gian này nếu có người đầy đủ phước đức như Ca-nhiếp-ba thì chắc chắn sẽ có người nữ tuyệt diệu như thế ứng hợp", liền nói kệ:

"Trên đại địa rộng vô biên này,
Người đẹp như thế ắt phải có,
Nam tử đã là đại phước đức,
Nay vì cầu hôn, xin chớ lo".

Kế nói với người cha: "Xin người hãy đúc thêm ba tượng bằng vàng như thế này, chúng con sẽ mang đi khắp bốn phương rao tìm người nữ tương tợ như thế". Sau đó các học trò này chia nhau mang một tượng đi đến một phương gọi tượng vàng này là Kim thần để tìm hỏi có người nữ nào tương tự như thế, tuần tự đi đến thành Kiếp-tỷ-la. Trong

thành này có một đại Bà-la-môn cũng tên là Kiếp-tỷ-la giàu có… cưới một người con gái vọng tộc làm vợ, không bao lâu sau sanh được một con gái tuyệt sắc, vừa đoan chánh vừa Khả-ái lại hiền lành lại thuộc dòng họ Kiếp-tỷ-la nên được gọi là Diệu-hiền, đến tuổi trưởng thành nổi tiếng xinh đẹp và đức hạnh. Lúc đó các học trò mang tượng Kim thần đến trong thành này rao truyền: "Nữ giới nên biết, nếu ai có thể dùng hương hoa diệu vật cúng dường Kim thần thì thần sẽ ban cho năm điều: Một là sẽ được sanh trong nhà phú quý, hai là sẽ được làm dâu trong nhà quý tộc, ba là không bị chồng khinh, bốn là sẽ sanh con trai phước đức, năm là người chồng thường theo ý mình", các người nữ trong thành nghe rao truyền như vậy đều mang hương hoa đến chỗ Kim thần dâng cúng. Lúc đó người cha bảo Diệu-hiền nến đến dâng cúng tượng Kim thần để được năm điều tốt đẹp trên, Diệu-hiền nói: "Con vốn không phải là người nữ tham dục cần gì phải dâng cúng Kim thần", người cha nói: "Tuy con không mong cầu được như thế nhưng đến dâng cúng cũng đâu có tổn gì". Diệu-hiền không dám trái ý cha nên cùng các người nữ đến chỗ Kim thần, do oai quang của Diệu-hiền phản chiếu làm cho tượng Kim thần biến thành màu đen. Diệu-hiền thấy vậy liền cùng các người nữ trở về nhà, lúc đó tượng Kim thần hiện sắc vàng ròng trở lại như cũ. Các học trò thấy rõ việc này rồi đều kinh ngạc cho

là hy hữu và hỏi thăm mới biết được người con gái đó tên là Diệu-hiền con của đại Bà-la-môn Kiếp-tỷ-la. Các học trò vừa mừng vừa sợ liền đến chỗ đại Bà-la-môn đảnh lễ và bạch rằng: "Ở phương Nam có một thành tên là Ni-câu-luật, trong thành có một đại Bà-la-môn cũng tên là Ni-câu-luật giàu có … như đoạn văn trên cho đến câu con trai của người tên là Ca-nhiếp-ba thông tuệ không ai sánh bằng, thông suốt bốn bộ Bệ-đà… chưa có hôn thất nên chúng tôi vì Ca-nhiếp-ba đến đây tìm cầu". Bà-la-môn này đã nghe danh của Ca-nhiếp-ba nên vừa nghe các học trò nói như thế rất hài lòng đáp rằng: "Tôi xin nhận lời cầu hôn này, chúng ta hãy cùng chọn ngày lành tháng tốt để tổ chức hôn lễ". Các học trò nghe rồi vui mừng trở về báo lại cho Bà-la-môn Ni-câu-luật biết, Bà-la-môn này nghe rồi vui mừng nói: "Điều mà ta mong mỏi từ lâu, nay đã được toại nguyện". Ca-nhiếp-ba nghe rồi liền suy nghĩ: "Tìm vợ cho ta sao, tuy nói là tìm được nhưng chưa biết người nữ đó thế nào, ta nên đến đó xem thử", nghĩ rồi liền đến chỗ cha mẹ xin phép đi du lịch, cha mẹ nói: "Cha mẹ chỉ có một mình con, ngày hôn lễ cũng sắp tới, nếu con muốn đi du lịch thì hãy mau sớm trở về". Ca-nhiếp-ba từ biệt cha mẹ đi đến thành Kiếp-tỷ-la, thay đổi hình dung giả dạng người ăn xin đến nhà của Diệu-hiền đứng ở cửa ngỏ. Theo phong tục của nước này, khi cho thức ăn phải sai thiếu nữ mang ra, lúc đó Diệu-hiền

mang thức ăn ra cho, Ca-nhiếp-ba trông thấy sanh tưởng hy hữu liền khen: "Thật là tuyệt sắc giai nhân, bỏ một bông hoa tươi đẹp là việc làm rất khó", Diệu-hiền nghe rồi liền hỏi: "Người đính ước với tôi qua đời rồi sao?", Ca-nhiếp-ba nói: "Hiện tại vẫn còn", Diệu-hiền nói: "Nếu vậy tại sao lại nói như thế?", Ca-nhiếp-ba nói: "Người ấy tuy còn nhưng tình không ưa dục lạc", Diệu-hiền nghe rồi liền khen là hi hữu nói rằng: "Tôi cũng một lòng không ưa hành dục", Ca-nhiếp-ba nói: "Nếu cô là người này thì tôi chính là người đó. Nay chúng ta lập lời thề vì đối với lời cha mẹ dạy không dám trái: Chỉ trừ khi đang làm lễ thành hôn chúng ta nắm tay nhau, sau đó thề sẽ không xúc chạm thân phần". Ca-nhiếp-ba thề rồi trở về bổn xứ chuẩn bị tổ chức hôn lễ, sau ngày hôn lễ cả hai cùng ở một trú quán, cùng một sàng tòa nhưng mỗi người một bên chuyên tu thiện nghiệp cầu xuất ly, không hề khởi tâm dục nhiễm. Lúc đó Ca-nhiếp-ba nói với Diệu-hiền:

"Xem khắp tội lỗi trong sanh tử,
Đều từ ái nhiễm làm nhân duyên,
Người đời thảy đều cùng làm quấy,
Đâu biết chìm đắm trong ba cõi".

"Hiền thủ, vào đầu đêm cuối đêm nàng hãy an nghỉ, nửa đêm tôi mới tạm nghỉ".

Thời gian sau, một hôm Diệu-hiền đang yên giấc, tay duỗi thòng xuống giường; Ca-nhiếp-ba

hoặc kinh hành hoặc tư duy. Lúc đó thiên chủ Đế-thích muốn thử xem Ca-nhiếp-ba có chơn thật cầu giải thoát hay không nên hóa hiện làm con rắn hiện tướng đáng sợ bò đến chỗ Diệu-hiền muốn cắn vào tay. Ca-nhiếp-ba trông thấy liền dùng cán quạt đỡ tay Diệu-hiền để lên giường khiến Diệu-hiền thức giấc, Diệu-hiền nói: "Thánh tử chớ phạm lời thề", Ca-nhiếp-ba nói: "Có con rắn độc bò đến", Diệu-hiền nói:

"Thà để thân tôi bị rắn cắn,
Chớ đừng xúc chạm trái lời thề,
Rắn cắn chỉ khiến thân này chết,
Nhiễm dục trầm luân không bờ mé".

Ca-nhiếp-ba nói:

"Hiền thủ, ta chí thành cùng nàng tu tịnh hạnh.
Đi trên đao vào lửa tuy khó,
Trước người nữ tu hành khó hơn,
Nếu đã thủ chí không xâm phạm,
Trên thê gian này thật hiếm có.

Chẳng phải ta vì tâm dục xúc chạm người nàng, ta chỉ dùng cán quạt đỡ tay nàng lên giường để khỏi bị rắn cắn". Thiên chủ thấy rồi khen ngợi, trở về thiên cung. Hai vợ chồng ở chung một trú quán tinh tấn tu hành như vậy trải qua mười hai năm, như Phật dạy:

"Tích tụ đều tiêu tán,
Cao ngất ắt rơi rớt,

Hội họp rồi biệt ly,
Có sanh ắt có chết".

Sau khi cha mẹ qua đời, Ca-nhiếp-ba phải trông coi gia nghiệp, một hôm đến trong ruộng xem việc cày cấy, Ca-nhiếp-ba nói kệ:

"Xem chỗ cày bừa này,
Tổn hại các côn trùng,
Con bò lại mệt nhọc,
Thương chúng như thân thuộc.
Nông phu khổ tiều tụy,
Nắng gió tổn hình dung,
Làm việc cày bừa mệt,
Thấy vậy tâm áo não".

Ca-nhiếp-ba hỏi nông phu: "Ruộng đang cày là ruộng của ai?", đáp là của Ca-nhiếp-ba, Ca-nhiếp-ba nói: "Nhà tôi có điền nghiệp này hay sao?", đáp: "Tôi cày ruộng cho thân sinh của ông đến nay chưa dứt", Ca-nhiếp-ba nói: "Nếu vậy từ nay tôi giải phóng cho ông không còn là tôi tớ cho gia đình tôi nữa", liền nói kệ:

"Cơm ăn không quá một thăng gạo,
Nằm ngủ chỉ cần một giường nhỏ,
Hai trương điệp vải đủ che thân,
Thứ khác đều là vật ngu si".

Ca-nhiếp-ba về nhà nói với Diệu-hiền: "Hiền thủ, tôi nay muốn xả tục xuất gia, vì sao, vì tại gia ràng buộc như lao ngục, thường bị khổ não buộc

ràng, bị các ác tri thức theo làm nhân duyên tạo nghiệp không dứt. Xuất gia phóng khoáng như hư không, tu phạm hạnh thanh tịnh viên mãn đến cứu cánh giải thoát", liền nói kệ:

"Ở rừng núi tĩnh lặng,
Thản nhiên không sợ sệt,
Nếu ở đây siêng tu,
Lìa được các trói buộc.
Chánh kiến cùng tà kiến,
Đều từ tâm phát sanh,
Rừng tĩnh lặng an ổn,
Người trí khéo quán sát,
Nếu tham nhiễm việc đời,
Các khổ sẽ theo đuổi,
Nhất quyết lìa lưới trần,
Sẽ đến được Niết-bàn".

Ca-nhiếp-ba bảo người giữ kho: "Hãy lựa lấy đưa cho tôi bộ đồ xấu nhất, tôi muốn bỏ tục tu hạnh xuất ly", người giữ kho mở kho ra xem chỉ thấy toàn thuộc loại vô giá, chỉ có một đoạn vải tương đối xấu nhất trị giá khoảng một ức kim tiền, bèn mang đến đưa cho Ca-nhiếp-ba, Ca-nhiếp-ba nhận rồi rời bỏ nhà ra đi.

Lúc đó Bồ tát quán thấy các cảnh lão bịnh tử rồi, đến nửa đêm vượt thành xuất gia đến rừng Cần khổ, cùng một lúc với Ca-nhiếp-ba bỏ gia nghiệp tu hạnh xuất ly. Lúc Ca-nhiếp-ba đang ở bên tháp Đa tử thì Bồ tát đang ở A-lan-nhã, Ca-nhiếp-ba suy

nghĩ: "Nếu tôi gặp được bậc A-la-hán, tôi sẽ nương theo vị ấy thành kính thừa sự". Bồ tát sau sáu năm tu khổ hạnh bỗng nhận ra đó là việc làm vô ích, uổng công nhọc mệt nên từ bỏ lối tu này, đến chỗ hai người nữ chăn bò tên là Hoan-hỉ và Hoan-hỉ lực thọ cháo sữa để lấy lại sức. Sau đó đến chỗ người gánh cỏ Kiết tường xin loại cỏ này đem trải dưới cội Bồ đề làm tòa Kim cang để ngồi kiết già chánh niệm tư duy. Trong chánh niệm Bồ tát hàng phục ba mươi sáu ức binh chúng thiên ma chứng được Vô thượng giác. Sau đó Bồ tát đi đến thành Bà-la-nê-tư chỗ Tiên nhơn đọa xứ trong rừng Thi lộc ba phen chuyển mười hai hành pháp luân để độ cho năm Bí-sô. Kế đến chỗ Bà-la-môn Đại quân và hai người nữ chăn bò nói diệu pháp khiến họ sanh chánh kiến chứng được Sơ quả; kế nói pháp khiến cho ngoại đạo Lưu kế… cả thảy một ngàn người quy y theo Phật, xin xuất gia thọ giới cụ túc; vua Tần-bà-sa-la cũng được Kiến đế. Sau đó Phật đến thành Vương-xá độ Đại Mục-kiền-liên và Xá-lợi-tử; kế đến thành Thất-la-phiệt nói kinh Thiếu niên cho vua Thắng-quang để điều phục nhà vua, kế nói pháp cho phu nhơn Thắng man, tướng quân Tỳ-lư và Tiên thọ đều được Kiến đế. Thường pháp của Thế tôn là quán sát trong thế gian để khởi tâm đại bi làm lợi ích cho tất cả, giáo hóa hữu tình Phật là bậc nhất. Phật không nói hai lời, an trụ nơi định huệ, hiển phát ba Minh, khéo tu ba Học, khéo điều

phục ba Nghiệp, vượt khỏi bốn bộc lưu, an trụ bốn Thần túc, tu bốn Nhiếp hạnh, xả trừ năm Cái, xa lìa năm Chi, ra khỏi năm Đường, sáu căn đầy đủ, sáu Độ viên mãn, thí khắp bảy Tài, nở hoa bảy Giác, lìa tám Pháp thế gian, chỉ bày tám Chánh đạo, đoạn chín Kiết, hiểu rõ chín Định, đầy đủ mười Lực nên danh tiếng vang khắp mười phương. Trong các đấng tự tại, Phật là thù thắng nhất, được pháp vô úy, hàng phục ma oán, nổi tiếng sấm lớn, cất tiếng gầm Sư tử. Ngày đêm sáu thời thường dùng Phật nhãn quán sát thế gian: Ai thêm ai bớt, ai gặp khổ ách, ai sa bùn dục, ai có thể được giáo hóa, dùng phương tiện gì cứu độ khiến họ ra khỏi. Người không có thánh tài khiến cho được thánh tài, dùng trí An thiện na phá màng mắt Vô minh. Người không có căn lành khiến trồng được căn lành; người đã có căn lành khiến cho được tăng trưởng, an trí vào cõi trời người được an ổn vô ngại, đến thành Niết-bàn. Như có bài tụng:

"Giả sử sóng biển lớn,
Có thể mất kỳ hạn,
Phật giáo hóa chúng sanh,
Cứu độ không quá thời.
Như mẹ có một con,
Thường hộ thân mạng nó,
Phật giáo hóa chúng sanh,
Bi niệm còn hơn kia.
Phật đối với hữu tình,

từ không lìa bỏ,
Nghĩ cứu họ khổ nạn,
Như bò mẹ theo con".

Lúc đó Thế tôn suy nghĩ: "Đã đến lúc hóa độ ẩn sĩ Ca-nhiếp-ba", nghĩ rồi Phật đi đến nước Phật lật thị du hành trong nhân gian đến thành Quảng nghiêm bên tháp Đa tử ngồi dưới một gốc cây, vì muốn dẫn đường cho Ca-nhiếp-ba nên thân Phật phóng ra ánh sáng như núi Diệu kim chiếu sáng lạ kỳ. Lúc đó Ca-nhiếp-ba noi theo ánh sáng đến chỗ Thế tôn; từ xa thấy nghi dung đoan nghiêm, tướng hảo đặc thù, các căn vắng lặng, nhất tâm không loạn của Thế tôn, Ca-nhiếp-ba vui mừng kêu lên: "Đây là thầy của tôi, tôi là đệ tử", Phật nói: "Đúng vậy, này Ca-nhiếp-ba, ta là thầy của ông, ông là đệ tử của ta", Ca-nhiếp-ba thành tâm lễ kính, Phật nói: "Thật không biết mà dối nói là biết, thật chưa từng thấy mà dối nói là từng thấy, thật chẳng phải Đại sư mà tự xưng là Đại sư, thật chẳng phải A-la-hán mà tự xưng là A-la-hán, thật chẳng phải Bạc già phạm mà tự xưng là Bạc già phạm, chẳng phải Tam Phật đà mà tự xưng là Tam Phật đà… Hạng người dối trá này, đầu họ sẽ vỡ ra làm bảy mảnh. Này Ca-nhiếp-ba, điều mà ta biết thì ta nói là biết, điều mà ta thấy thì ta nói là thấy, ta là Đại sư thì nói là Đại sư, ta là A-la-hán thì nói là A-la-hán, ta là Tam Phật đà thì nói là Tam Phật đà. Ta có nhân duyên nói pháp yếu cho các Thinh văn chẳng phải là

không có nhân duyên, là chơn thật xuất ly chẳng phải là không xuất ly, là chỗ quy y chẳng phải là không quy y, là chơn thật siêu việt chẳng phải là không siêu việt, là có thần thông chẳng phải là không có thần thông. Do nhân duyên này ông nên học như vậy, nên nghĩ như sau: pháp mà tôi được nghe tương ưng với thiện, tôi đều cung kính chuyên tâm lắng nghe, tôn trọng ghi nhớ một ý tưởng không rời, nghe rồi suy nghĩ cung kính thọ trì. Đối với năm Thủ uẩn ta thật quán biết là Khổ sanh diệt, đối với sáu Thức xứ ta thấy là Tập vì nó mờ mịt, đối với bốn Niệm xứ khéo trụ ở tâm, đối với bảy Bồ đề phần ta sẽ tu tập và tu tập nhiều hơn, đối với tám Giải thoát ta sẽ thân chứng để được viên mãn. Tôi đối với Đại sư và người có trí, các vị đồng phạm hạnh hằng khởi tâm ân trọng, tâm biết hổ thẹn. Chánh kiến của tôi niệm niệm tương tục, nơi thân tùy chuyển không cho gián đoạn. Này Ca-nhiếp-ba, ông nên học như vậy.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮUBỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 2

Học Xứ Thứ Nhất: HẠNH BẤT TỊNH (Tiếp Theo)

Lúc đó Thế tôn nói pháp yếu chỉ dạy cho Ca-nhiếp-ba được lợi hỉ rồi đứng dậy ra đi, Ca-nhiếp-ba đi theo sau và suy nghĩ: "Khi nào Thế tôn ngồi ta sẽ dâng điệp y Tăng-già-chi này trải chỗ Phật ngồi". Lúc đó có năm trăm giặc cướp đi theo sau muốn cướp đoạt, Phật biết nên ngồi xuống bên đường, Ca-nhiếp-ba vội lấy điệp y trải cho Phật ngồi, Phật ngồi xuống rồi nói: "Tăng-già-chi này rất mềm và êm, ông có thể mặc y phấn tảo của ta được chăng?", Ca-nhiếp-ba đáp: "Xin Thế tôn thọ nhận điệp y mềm và êm này và ban cho con chiếc y phấn tảo của Thế tôn ". Ca-nhiếp-ba trong suốt tám ngày không chứng được quả gì, đến ngày thứ chín mới chứng được quả A-la-hán. Lúc đó Diệu-hiền không chỗ nương thân lại không rành thời vụ nên cô bỏ nhà theo ngoại đạo không y xuất gia, do cô đoan chánh xinh đẹp nên các ngoại đạo không y đều sanh tâm nhiễm đắm và bức não cô làm việc

phi pháp. Cô đem việc này nói với các nữ ngoại đạo không y, họ bảo cô đến chỗ đại sư Bổ thích noa bạch lại đầy đủ sự việc, nhưng vị đại sư này sau khi nghe xong lại nói với cô rằng: "Ta do đồ chúng này cung kính tôn trọng mà được nhiều lợi dưỡng, những người sống theo giới điều đều đã phân tán hết, thế lực của ta cũng suy giảm, họ muốn làm gì ta cũng không thể quản thúc được". Sau đó Diệu-hiền cùng các nữ ngoại đạo không y đến thành Vương-xá gặp lúc đang có tiết hội, Ca-nhiếp-ba cũng đang ở tại thành Vương-xá nên sáng hôm đó khi đắp y mang bát vào thành khất thực tình cờ gặp được Diệu-hiền liền hỏi: "Hiền thủ, lâu nay có được an lạc không, có tu tịnh hạnh không?". Diệu-hiền gặp lại Ca-nhiếp-ba không ngăn được lòng bi cảm, nước mắt lưng tròng nói: "Nương ai tu tịnh hạnh, xưa kia cùng ở chung một trú quán suốt mười hai năm kiên tâm tu tịnh hạnh, trước sau không thay đổi. Từ khi xa cách đến nay vì phải ở xen tạp với đám người tạp uế, nếp sống đồng như súc sanh, đã không thành xuất gia làm sao có được tịnh hạnh", Ca-nhiếp-ba hỏi rõ nguyên do, Diệu-hiền kể lại đầy đủ sự việc đã qua, Ca-nhiếp-ba nghe rồi suy nghĩ: "Người nữ này có căn lành đời trước hay không và do ai tế độ được", liền nhiếp niệm quán biết là có căn lành, được giải thoát và do chính mình tế độ nên nói với Diệu-hiền: "Hiền thủ có muốn xuất gia trong pháp luật khéo thuyết giảng

này không?", Diệu-hiền nói: "Chớ khiến tôi giẫm lại vết xe cũ", Ca-nhiếp-ba nói: "Hiền thủ chớ nói như thế, Đại sư của tôi vạn đức viên mãn, diệt tất cả chướng, là chơn thật phước điền, là chỗ quy y vi diệu tịch tĩnh, đã chứng chơn giải thoát. Nàng không nên đem pháp của hạng hạ liệt so sánh". Diệu-hiền nghe rồi bằng lòng xuất gia, Ca-nhiếp-ba dẫn Diệu-hiền đến chỗ Đại-thế-chủ nói rằng: "Thánh giả, người nữ Diệu-hiền này tâm ưa thích Thắng pháp, xin hãy cho cô ấy xuất gia". Đại-thế-chủ nghe lời, cho Diệu-hiền xuất gia và thọ giới cụ túc, sau đó cho năm pháp y và các vật dụng rồi nói: "Từ nay cô hãy ở trong cảnh giới Phật khất thực nuôi thân, khéo tu tịnh hạnh". Sáng hôm sau Diệu-hiền đắp y mang bát vào thành khất thực, do cô quá xinh đẹp nên mọi người đều trầm trồ: "Vì sao một người nữ tuyệt đẹp như vậy lại không hưởng thọ dục lạc mà làm người xuất gia chứ?", cô nghe được lời này cảm thấy xấu hổ nên không vào thành khất thực nữa. Sau đó Ca-nhiếp-ba gặp lại Diệu-hiền hỏi thăm có được an lạc không mới biết được nguyên do, liền suy nghĩ: "Nếu Phật cho phép, ta khất thực xong sẽ trích nửa phần cho Diệu-hiền", nghĩ rồi liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói tùy ý cho phân nửa, Ca-nhiếp-ba từ hôm đó chia nửa phần thức ăn cho Diệu-hiền. Ni-thổ-la-nan-đà thấy vậy liền chê cười và vu báng rằng: "Thánh giả Ca-nhiếp-ba trước kia

cùng với Diệu-hiền ở chung một trú quán suốt mười hai năm tịnh tu phạm hạnh, hôm nay lại có tư tình khất thực cho nhau", Ca-nhiếp-ba nghe được lời này liền nói pháp yếu cho Diệu-hiền theo đó tu tập, nói xong rồi bỏ đi, Diệu-hiền sau đó phát tâm đại dõng mảnh, đầu đêm sau đêm chánh niệm tương ưng, khắc trách tự tâm không tạm dừng nghỉ nên chứng được quả A-la-hán, chuyển thành người nữ Vô sanh thanh tịnh. Sau đó Ca-nhiếp-ba gặp lại Diệu-hiền biết cô đã chứng quả liền nói: "Cô được kết quả này là nhờ tôi là thiện tri thức, điều gì cần làm tôi đã làm xong, từ nay ở trong cảnh giới Phật cô hãy tự khất thực nuôi thân", cho nên sáng hôm sau Diệu-hiền lại đắp y mang bát vào thành khất thực.

Lúc đó vua Vị-sanh-oán sau khi giết cha sanh tâm hối hận nên trong lòng luôn ưu sầu, dù có các kỹ nhạc bên tai cũng không giải tỏa được nỗi ưu sầu này. Đại thần của vua tình cờ gặp Diệu-hiền đi khất thực, thấy cô nghi dung đoan chánh xinh đẹp liền suy nghĩ: "Người nữ này tuyệt đẹp, nghi dung khác với người thường, nếu ta đem hiến cho vua có thể giải tỏa được nỗi ưu sầu", nghĩ rồi liền bắt Diệu-hiền đưa về phủ, buộc cô cởi bỏ pháp y mặc y phục của thể nữ rồi trang điểm cho cô với danh hương và chuỗi ngọc, sau đó đưa cô đến chỗ vua. Vua Vị-sanh-oán vừa nhìn thấy cô liền giải tỏa nỗi ưu sầu, cũng do nghiệp ác đời trước của Diệu-hiền

đã chín muồi nên cô không thể tránh được nạn bị vua cưỡng bức. Lúc đó vào ngày rằm sắp làm lễ Bao-sái-đà, Đại-thế-chủ nhìn khắp trong chúng ni thấy không có Diệu-hiền liền nhập định quán sát biết Diệu-hiền đang gặp nạn, xuất định rồi liền bảo ni Liên-hoa-sắc: "Cô hãy nhiếp niệm quán sát về Diệu-hiền", Liên-hoa-sắc liền nhiếp niệm quán biết chỗ Diệu-hiền đang ở, liền như tráng sĩ co duỗi cánh tay biến mất giữa ni chúng và hiện ra ở vương cung, đứng trên không trung từ xa bảo Diệu-hiền: "Này Diệu-hiền, vì sao cô đã phá các ma phiền não mà lại không phát khởi thần thông, để chịu sự bức não này?", nói rồi liền chỉ dạy pháp yếu để phát khởi thần thông lực. Diệu-hiền liền hệ niệm trừ loạn, trong khoảnh khắc chứng được thần túc nương hư không đi theo Liên-hoa-sắc đến chỗ trưởng tịnh, chúng mười hai Bí-sô ni thấy Diệu-hiền trong chiếc áo thể nữ liền sanh tâm khinh, cười nói rằng: "Tôi thật không thể cùng cung nhơn này làm trưởng tịnh". Đại-thế-chủ nghe lời này liền bảo Diệu-hiền: "Cô nên trở lại bạch vua cho mặc lại pháp phục trước kia rồi trở về đây mau", Diệu-hiền dùng thần thông đến chỗ vua đang ngủ khảy móng tay đánh thức vua dậy, vua thức dậy thấy Diệu-hiền trên hư không liền kinh hoàng, lông tóc đều dựng đứng hỏi: "Người là ai, là thiên long hay quỷ thần?", Diệu-hiền đáp: "Tôi không phải là thiên long hay quỷ thần, tôi là Bí-sô ni tên là Diệu-

hiền trong chúng Thinh văn của Đại sư". Vua nghe rồi nói tụng:

"Hiện không pháp y và bình bát,
Dung nghi lại không giống hình ni,
Tướng mạo lại giống là diễm nữ,
Pháp tục trái nhau, hãy nói rõ".

Diệu-hiền hiện thân xuống kể lại sự việc trên rồi nói:

"Đại vương phi lý bức não nhau,
Cưỡng đoạt bát và y của tôi,
Vật của cha mẹ nên trao lại,
Tôi phải trở về làm Trưởng tịnh".

Vua nghe rồi liền ngất xỉu, phải dùng nước rưới lên mặt mới tỉnh lại, vua kính lễ ai cầu sám hối rồi bảo lấy y bát kính cẩn trao lại cho Diệu-hiền, Diệu-hiền nhận lấy y bát rồi trở về bổn xứ cùng các ni làm Trưởng tịnh. Sau đó các Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô ni, thường pháp của chư Phật là đúng thời mới hỏi, không đúng thời thì không hỏi; có lợi mới hỏi, không lợi thì không hỏi để dứt trừ nghi hoặc. Lúc đó Phật hỏi Diệu-hiền: "Cô thật đã làm việc không đoan nghiêm này phải không?", đáp: "Thật vậy Thế tôn", lại hỏi: "Cô có thọ lạc không?", đáp: "Con đã ly dục nên không có thọ lạc", Phật nói: "Nếu vậy thì cô không phạm, nhưng Bí-sô ni nếu làm hạnh bất tịnh thì cũng

phạm Ba-la-thị-ca giống như Tô-trận-na. Ta quán thấy mười công đức lợi… và để hiển dương Thánh giáo lợi khắp trời người nơi Tỳ-nại-da của Bí-sô ni Thinh văn chế học xứ này như sau: Nếu lại có Bí-sô ni cùng các Bí-sô ni khác đồng thọ trì học xứ, chưa xả học xứ, học xứ suy kém, không tự phát lồ mà làm hạnh bất tịnh hai thân giao hội, cho đến cùng với bàng sanh thì Bí-sô ni này cũng phạm Ba-la-thị-ca không được cùng ở chung."

- Nếu lại có Bí-sô ni : Có năm hạng Bí-sô ni: Một là danh tự Bí-sô ni, hai là tự xưng Bí-sô ni, ba là khất cầu Bí-sô ni, bốn là phá phiền não Bí-sô ni, năm là Bạch-tứ-yết-ma viên cụ Bí-sô ni. Sao gọi là danh tự Bí-sô ni? nghĩa là tên Bí-sô ni do người đặt được người đời chấp nhận hoặc chủng tộc là Bí-sô ni. Sao gọi là tự xưng Bí-sô ni? nghĩa là người ấy thật không phải Bí-sô ni, chỉ tự nói mình là Bí-sô ni, hoặc là tặc trụ tự xưng Bí-sô ni. Sao gọi là khất cầu Bí-sô ni? là chỉ cho người thế tục đi xin ăn để tự nuôi sống. Sao gọi là phá phiền não Bí-sô ni? là chỉ cho người có thể đoạn hết các lậu hoặc phiền não, đốt cháy hết các khổ dị thục về sanh già bịnh chết ở đời vị lai, khéo biết rõ là đã trừ hết gốc rễ như chặt ngọn cây Đa-la, chứng pháp bất sanh. Sao gọi là Bạch-tứ-yết-ma viên cụ Bí-sô ni? nghĩa là bản thân người này không có các chướng nạn, Tăng như pháp tác pháp thành tựu viên mãn. Nghĩa của Bí-sô ni nói ở trong đây là chỉ cho hạng Bí-sô

ni thứ năm.

- Nói lại có là nói còn có Bí-sô ni khác thuộc loại như vậy. Nói cùng với các Bí-sô ni là nói cùng các Bí-sô khác.

- Nói đồng được học xứ là nếu có người thọ giới trước một trăm năm, những việc cần phải học cũng giống như người mới thọ giới không khác. Việc cần học của người mới thọ viên cụ cùng với việc nên học của người thọ viên cụ trước một trăm năm không khác nhau, nghĩa là nghi quỷ trì phạm của học xứ thi-la khi đắc giới đều giống như nhau.

- Nói không xả học xứ là đối với người điên cuồng tâm loạn bị khổ não ràng buộc hay người câm, điếc ngu si mà xả học xứ thì không gọi là xả. Nếu ở chỗ vắng vẻ một mình khởi ý tưởng là vắng lặng một mình, hoặc ở chỗ vắng lặng một mình khởi ý tưởng là không vắng lặng một mình, hoặc ở chỗ không vắng lặng một mình mà khởi tưởng là vắng lặng một mình thì chẳng phải là xả học xứ. Nếu người ở Trung phương đối với người ở Biên phương sử dụng ngôn ngữ của Trung phương thì xả không thành xả, nhưng nếu họ hiểu thì thành xả. Nếu người ở Biên phương đối với người ở Trung phương sử dụng ngôn ngữ của Biên phương, hoặc người ở Trung phương đối với người ở Trung phương sử dụng ngôn ngữ của Biên phương thì xả không thành xả, nhưng nếu họ hiểu thì thành xả. Nếu người ở Biên phương đối với người ở Biên

phương sử dụng ngôn ngữ Trung phương như trên có thể biết. Nếu đối với người ngủ, người nhập định, phi nhơn, trời, loài bàng sanh biến hóa, hoặc trong lúc ồn ào náo động hoặc người tâm tánh mất thăng bằng… đều không thành xả học xứ.

- Nói học xứ bị suy kém mà không tự nói ra phân biệt có bốn trường hợp:

Một là xả học xứ không phải học xứ bị suy kém mà nói là xả. Hai là học xứ bị suy kém mà nói là xả, không phải xả học xứ. Ba là xả học xứ, học xứ bị suy kém mà nói là xả.

Bốn là không xả học xứ, không phải học xứ bị suy kém mà nói là xả.

Sao gọi là xả học xứ, không phải học xứ bị suy kém mà nói là xả? như có Bí-sô ni quyến luyến nhớ thương gia đình muốn trở về thế tục, đối với đạo sa môn không còn tâm yêu thích nữa, cảm thấy khổ sở nhàm chán rồi đến chỗ một Bí-sô ni khác nói rằng: "Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi là Bí-sô ni nay xả học xứ", đây gọi là xả học xứ. Hoặc nói: "Tôi xả Phật đà, Đạt-ma, Tăng già", hoặc nói: "Tôi xả Tố-đát-la, Tỳ-nại-da, Ma-sất-lý-ca", hoặc nói: "Tôi xả Ô-ba-đa-da, A-lan-nhã giá-lợi-gia", hoặc nói: "Biết tôi là người tục, biết Tôi là Cầu-tịch, là Phiến-tra-bán trạch-ca, nhiễm ô Bí-sô, giết cha, hại mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng, tâm ác làm Phật bị thương chảy máu, là ngoại đạo, là người hướng về

ngoại đạo, là tặc trụ, là người biệt trụ, bất cọng trụ", cho đến nói: "Tôi với người đồng pháp, đồng phạm hạnh như các vị không phải là bạn bè". Đây gọi là xả học xứ không phải học xứ bị suy kém mà nói là xả.

- Sao gọi là học xứ bị suy kém mà nói là xả, không phải là xả học xứ? như có Bí-sô ni quyến luyến nhớ thương gia đình muốn trở về thế tục… như văn trên, đến chỗ một Bí-sô ni nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, phạm hạnh khó lập, chỗ vắng lặng khó nương ở, không thể sống trong rừng, thọ ngọa cụ xấu. Tôi nhớ cha me, anh em, tôi phải kế thừa sự nghiệp của ông cha. Tôi muốn học các nghề công xảo, kinh doanh và nghề nông". Bí-sô ni này nói đủ lời hối tiếc như vậy mà không nói Tôi xả học xứ, đây gọi là học xứ bị suy kém mà nói là xả, không phải là xả học xứ.

- Sao gọi là xả học xứ, học xứ bị suy kém mà nói là xả? Như có Bí-sô ni quyến luyến nhớ thương gia đình… như văn trên, đến chỗ Bí-sô ni khác nói rõ ràng Tôi xả học xứ… như văn trên, cho đến nói những người đồng phạm hạnh như các vị không phải là bạn bè, đây gọi là xả học xứ, học xứ bị suy kém mà nói là xả.

- Sao gọi là không xả học xứ, không phải học xứ bị suy kém mà nói là xả? là trừ ba trường hợp nêu trên thì gọi là không xả học xứ, không phải học xứ bị suy kém mà nói là xả.

- Nói làm hạnh bất tịnh là hành dâm dục, dâm dục là hai thân giao hợp, nơi thân nghiệp làm việc phi pháp.

- Nói cho đến cùng với loài bàng sanh là chỉ cho loài khỉ…; chữ thử là chỉ cho người phạm; Bí-sô ni là người được tánh Bí-sô. Sao gọi là được tánh Bí-sô? Tức là người thọ viên cụ, viên cụ là Tăng Bạch-tứ-yết-ma như pháp thành tựu viên mãn; người tấn thọ cụ tâm chí thành mong cầu giới pháp, tâm không sân hận thệ nguyện thọ giới, dùng lời nói biểu bạch, ngữ nghiệp thể hiện rõ ràng nên gọi là Viên cụ.

- Nói Ba-la-thị-ca là tội cực trọng, cực ác, đáng loại bỏ không nên yêu thích. Bí-sô ni vừa phạm tội này liền chẳng còn là sa môn, chẳng phải là Thích ca nữ, mất tánh Bí-sô ni, trái tánh Niết-bàn, bị đọa lạc sụp ngã, bị người khác vượt trội hơn, không thể cứu vớt được như cây Đa-la bị chặt ngọn không thể sống lại được nên gọi là ba la thị ca.

- Nói không cùng ở chung là nói người phạm tội này không được cùng ở chung với các Bí-sô ni khác. Tăng bố tát, tự tứ hoặc đơn bạch, bạch nhị, Bạch-tứ-yết-ma; hoặc trong chúng có việc Tăng sai mười hai hạng người thì người phạm giới này không được sai. Dù pháp hay thực đều không cùng thọ dụng, người này nên đuổi ra khỏi chúng nên gọi là không cùng ở chung.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Hành dâm nơi ba chỗ
Ba chỗ cách không cách
(có y phục hay không có y phục)
Sống, chết, hoại không hoại
Nam. Nữ, bán trạch ca
Thấy người ngủ hành dâm
Hoặc trao cho thuốc, rượu…
Cưỡng bức thích không thích
Phạm không phạm nên biết.

Nếu Bí-sô ni nơi ba chỗ làm hạnh bất tịnh, làm pháp dâm dục liền phạm Ba-la-thị-ca, ba chỗ là đường đại tiểu tiện và miệng. Nếu Bí-sô ni cùng ba hạng người làm pháp dâm dục vừa vào nơi ba chỗ hành dâm liền phạm Ba-la-thị-ca, ba hạng người đó là nam thuộc loài người, nam thuộc loài phi nhơn, và nam bàng sanh. Nếu Bí-sô ni khởi tâm dâm, ý muốn thọ lạc, tùy thuận niệm dục nơi ba chỗ chưa hư hoại của người nam còn sống làm việc dâm dục, có y phục hành dâm với người có y phục hay không có y phục, hoặc không có y phục hành dâm với người không có y phục, vừa vào ba chỗ hành dâm này cùng giao hội liền phạm Ba-la-thị-ca. Bí-sô ni nơi ba chỗ tổn hoại của người nam còn sống làm việc dâm dục, có y phục hay không có y phục như trên, vừa vào ba chỗ hành dâm này liền phạm Tốt-thổ-la-để. Bí-sô ni nơi ba chỗ không hư

hoại của người nam đã chết làm việc dâm dục, có y phục hay không có y phục như trên, vừa vào ba chỗ hành dâm này liền phạm Ba-la-thị-ca; nếu nơi ba chỗ tổn hoại của người nam đã chết làm việc dâm có y phục hay không có y phục như trên, vừa vào ba chỗ hành dâm này liền phạm Tốt-thổ-la-để. Đối với phi nhơn nam hay bàng sanh nam sống hay chết, ba chỗ tổn hoại hay không tổn hoại, có cách hay không cách, phạm tội nặng nhẹ như trên có thể biết.

Bí-sô ni đối với Bí-sô đang ngủ làm hạnh bất tịnh, nếu Bí-sô đang ngủ trong ba thời đều không hay biết thì không phạm, nhưng người hành dâm phạm tội căn bản; nếu Bí-sô đang ngủ lúc đầu biết, giữa và sau không biết thì không phạm, nhưng người hành dâm phạm tội căn bản; nếu ban đầu và giữa biết, sau lại không biết cũng không phạm, nhưng người hành dâm phạm tội căn bản; nếu cả ba thời đều biết mà tâm không thọ lạc cũng không phạm, nhưng người hành dâm phạm tội căn bản; nếu cả ba thời tâm đều biết với tâm thọ lạc thì cả hai đều phạm tội căn bản. Nếu Bí-sô ni đến chỗ Bí-sô ni, Thức-xoa-ma-na, Cầu-tịch, cầu tịch nữ phạm tội nặng nhẹ như trên có thể biết.

Nếu Bí-sô ni dùng rượu làm từ gạo, nếp, hoa quả hay rễ… cho Bí-sô khác uống say để làm việc bất tịnh, Bí-sô say này trong ba thời biết hay không biết, thọ lạc hay không thọ lạc phạm tội hay không

phạm tội như trên nên biết; đối với ba chúng khác cũng giống như trường hợp trên ngủ ở trên.

Nếu Bí-sô ni dùng thuốc hay chú thuật khiến cho người kia mê loạn để làm việc bất tịnh, cho đến đối với ba chúng khác phạm hay không phạm cũng giống như trên.

Nếu Bí-sô ni cưỡng bức Bí-sô khác, người bị cưỡng bức lúc mới vào ba chỗ hành dâm mà khởi thọ lạc thì cả hai đều bị tẫn; nếu lúc mới vào và khoảng giữa không thọ lạc nhưng sau lại thọ lạc thì cả hai cũng đều bị tẫn; nếu người bị cưỡng bức cả ba thời không thọ lạc thì không phạm, nhưng người cưỡng bức bị tẫn. Cưỡng bức ba chúng khác cũng giống như trên mà định tội, nếu Bí-sô ni lăng bức lẫn nhau cũng như trên nên biết.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Thế tôn: "Thế tôn, tôn giả Ca-nhiếp-ba và Diệu-hiền trước kia đã tạo nghiệp gì, do nghiệp lực ấy cả hai người đều được thiểu dục?", Phật bảo các Bí-sô: "Hai người trước kia đã tạo nghiệp nay quả báo thành thục trở lại tự thọ, các thầy khéo lắng nghe: Thuở xưa có một nông phu ở trong một ngôi làng nọ, sớm chiều lùa trâu ra ruộng cày cấy, tới giờ cơm người vợ mang cơm ra cho ăn. Một hôm người vợ vào rừng kiếm củi để nấu cơm thấy có một vị Độc giác ngồi dưới gốc cây trong rừng, thân tâm vắng lặng, dung sắc đoan nghiêm bèn đến kính lễ rồi ngồi xuống chiêm ngưỡng. Lúc đó nông phu thấy

vợ không mang cơm đến nên vác cày đi tìm, đến trong rừng thấy vợ ngồi trước vị Độc giác liền lớn tiếng nói: "Nàng cùng người này làm việc phi pháp", vị Độc nghe lời này rồi vì thương xót nông phu nên vọt lên hư không hiện các thần biến…. Nông phu thấy vậy sanh tâm hổ thẹn gieo mình xuống đất như đại thọ bị ngã, quỳ gối chắp tay ai cầu sám tạ rồi bạch: "Cúi xin Đại Thánh chơn thanh tịnh rũ lòng đại từ bi thọ con cúng dường, con vì nghi ngờ nên nói ra lời phi lý, cúi xin Thánh giả từ bi dung thứ". Vị Độc giác hiện thân trở xuống, nông phu cúng dường rồi phát nguyện: "Do tâm dục nên con khởi niệm ác, chúng con xin nguyện đời đời thường ít dục nhiễm".

Này các Bí-sô, nông phu xưa kia chính là cụ thọ Ca-nhiếp-ba, vợ của nông phu chính là Diệu-hiền. Từ đó về sau cho đến ngày nay cả hai đều thiểu dục. Các thầy lắng nghe tiếp:

Thuở xưa trong một làng nọ có một trưởng giả giàu có, thời gian sau đến tiết Tam xuân trăm hoa đua nở, núi rừng xanh tươi, nước ao trong, hoa chim xen nhau, các loại chim như Khổng tước, Anh võ, Nga, Nhạn, Uyên ương từng đàn bay hót. Lúc đó trên thế gian không có Phật, chỉ có Độc giác ra đời vì lòng từ bi nên thọ dụng ngọa cụ xấu, là thắng phước điền thích ở chỗ yên tĩnh vắng lặng, không cùng thế tục giao tiếp như con đại Tê giác thích lìa bầy sống một mình. Trưởng giả cùng gia

quyến dạo chơi trong vườn, vì không thấy vị Độc giác ngồi dưới gốc cây trong vườn hoa nên trưởng giả cùng vợ hành dục gây ra tiếng động khiến Độc giác xuất định. Lúc đó trưởng giả cảm thấy hổ thẹn và hối hận nên dâng lễ cúng dường và phát nguyện: "Con vì đam mê sắc dục nên đã làm việc xấu trước Thánh giả, chúng con xin nguyện đời vị lai được quả báo thiểu dục".

Này các Bí-sô, trưởng giả xưa kia chính là cụ thọ Ca-nhiếp-ba, vợ của trưởng giả chính là Diệu-hiền. Do xưa kia phát nguyện như vậy nên cả hai đều được thiểu dục.

Các Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn, thật là hy hữu, cụ thọ Ca-nhiếp-ba và Diệu-hiền đều cùng xuất gia", Phật nói: "Không phải đời này cả hai lìa tục xuất gia, mà thời xa xưa cũng đã như vậy. Các thầy lắng nghe: Thuở xưa ở thành Bà-la-nê-tư có một người thợ gốm làm việc trong một phường gốm, có bốn vị Độc giác đến xin nghỉ qua đêm, vì đến có trước sau nên không biết nhau. Lúc đó có một vị Độc giác nhập định Hỏa quang, ba vị kia trông thấy cùng đến chỗ vị Độc giác đó và cùng thăm hỏi lẫn nhau: "Thánh giả là ai?", một vị đáp: "Các vị có nghe biết vị vua tên là Trượng bình, vây quanh vua có vô lượng ức ngàn binh voi hay không?", cùng đáp là có nghe, vị đó nói: "Vị vua đó chính là tôi", cùng hỏi: "Vì sao Đại vương lìa tục xuất gia?", đáp: "Khi tôi ở trên lầu cao thấy diều hâu ngậm miếng

thịt bay ngang qua, lại thấy có bầy chim cùng loại bay theo tranh nhau giành lấy miếng thịt. Diều hâu kia liền bỏ miếng thịt bay sang một bên để các chim kia cùng nhau tranh giành, tôi thấy cảnh này rồi tâm sanh nhàm lìa nên bỏ tục xuất gia", kế nói tụng:

"Thấy diều hâu ngậm thịt, Các chim cùng tranh giành, Bỏ thịt được an ổn.

Niệm dục không chơn thật, Như mộng tưởng điên đảo, Nên tôi bỏ vương vị, một mình như tê giác, Ở riêng tại một nơi".

Kế hỏi vị Độc giác thứ hai: "Thánh giả là ai?", đáp: "Các vị có nghe biết vị vua tên là Xú-diện, vây quanh vua có vô lượng ức ngàn binh mã hay không?", cùng đáp là có nghe, vị ấy nói: "Vị vua ấy chính là tôi", cùng hỏi: "Vì sao Đại vương lìa tục xuất gia?", đáp: "Khi tôi ở trong cung thấy có hai con trâu đực chạy theo con trâu cái, vì tranh giành trâu cái nên hai trâu đực húc nhau khiến cả hai đều bị thương, con bị gãy sừng bỏ chạy. Tôi thấy việc này trong lòng lo nghĩ: Trong tất cả họa hoạn, tham dục là cội gốc; nghĩ rồi tâm sanh nhàm lìa nên tôi bỏ tục xuất gia", kế nói tụng:

"Thấy hai trâu đực giành trâu cái, Húc lẫn nhau khiến bị tổn thương, Con trâu lìa bỏ được an ổn.

Hữu tình vì dục thường lo sợ, Ta như Tê giác đi một mình,

An nhiên trụ ở trong rừng vắng, Không bị các tham dục lôi cuốn, Được đến chỗ tự tại vô vi".

Kế hỏi vị Độc giác thứ ba: "Thánh giả là ai?", đáp: "Các vị có nghe biết vua Phạm-thọ ở thành Bà-la-nê-tư, vây quanh vua có vô lượng ức ngàn chúng nhơn hay không?", cùng đáp là có nghe, vị ấy nói: "Vị vua ấy chính là tôi", cùng hỏi: "Vì sao Thánh giả lìa tục xuất gia?", đáp: "Đến tiết Tam xuân trăm hoa đua nở, núi rừng xanh tươi, nước ao trong, hoa chim xen nhau, các loại chim như Khổng tước, Anh võ, Nga, Nhạn, Uyên ương từng đàn bay hót. Tôi cùng các thể nữ vào trong vườn hoa thưởng ngoạn rồi ăn uống vui chơi, sau đó vì mỏi mệt nên tôi ngủ thiếp đi. Các cung nhơn thấy tôi ngủ nên tha hồ hái hoa bẻ trái khiến cho cây hoa trái trong vườn trở nên tàn tạ. Khi tôi thức dậy nhìn thấy cảnh này trong lòng lo nghĩ: Những cây hoa trái này vừa rồi con sum suê tươi tốt, bây giờ trở nên tàn tạ như thế, thân ta chắc cũng như vậy. Nghĩ rồi tâm sanh nhàm lìa nên tôi bỏ vương vị xuất gia", kế nói tụng:

"Tôi thấy các cây hoa tươi đẹp, Bây giờ tàn tạ chẳng nỡ nhìn, Nên biết các dục đều như vậy, Như con Tê giác ở một mình".

Kế hỏi vị Độc giác thứ tư: "Thánh giả là ai?", đáp: "Các vị có nghe biết vị vua tên là Tráng thắng ở thành An lạc, vây quanh vua có vô lượng ức ngàn chúng nhơn hay không?", cùng đáp là có nghe, vị

ấy nói: "Vị vua ấy chính là tôi", cùng hỏi: "Vì sao Đại vương lìa tục xuất gia?", đáp: "Khi tôi ở trong cung có các thể nữ vây quanh, lúc đó có một thể nữ tay đeo vòng xuyến hạt trai trắng, mỗi khi cánh tay lay động liền phát ra âm thanh náo động. Tôi thấy việc này trong lòng lo nghĩ: Xuyến là vật vô tri, khi cánh tay lay động con phát ra âm thanh náo động huống chi người cùng ở chung làm sao an tĩnh được. Nghĩ như vậy nên tôi bỏ tục xuất gia", kế nói tụng:

"Tôi thấy vòng xuyến đeo nơi tay,
Cánh tay lay động phát âm thanh,
biết các dục cũng như vậy,
Tôi như voi rừng sống độc hành".

Lúc đó hai vợ chồng thợ gốm nghe bốn vị Độc giác nói như thế rồi, người vợ liền nói với chồng: "Thánh tử, các Đại tiên này đều là những vị vua tự tại hào quý mà còn từ bỏ vương vị và thế lạc để xuất gia, tại sao chúng ta lại không xuất gia?", hai đứa con nghe vậy liền nói: "Nếu cha mẹ xuất gia, ai sẽ nuôi chúng con?", người cha nghe rồi liền nói: "Con chớ lo âu, cha đợi con lớn rồi mới xuất gia", nói rồi người thợ gốm cầm bình đi lấy nước, người vợ nói: "Thánh tử để tôi đi lấy nước cho", nói rồi cầm lấy cái bình trong tay chồng ra đến bờ sông để bình ở đó rồi đi xuất gia. Người chồng nghe tin vợ đã xuất gia liền than: "Ta đã thua kế vợ, giờ một mình ta phải nuôi con khôn lớn. Ta nên thử xem

các con đã biết điều thiện và tự nuôi sống được chưa?". Người thợ gốm sau đó liền cho con ăn thức ăn lạt dở, còn mình ăn thức ăn ngon; cho con ăn trái chua còn mình ăn trái ngọt. Người con thấy vậy liền nói: "Cha cho con ăn thức ăn lạt dở và trái chua như vậy làm sao con ăn được", người cha nghe rồi liền suy nghĩ: "Con ta đã biết phân biệt ngon dở chua ngọt thì ta có thể toại nguyện được rồi", nghĩ rồi liền bỏ nhà đi xuất gia. Sau đó gặp lại người vợ, bà hỏi: "Ông đã để lại thức ăn cho con rồi sao?", người chồng nói: "Tôi đã thử thấy chúng biết phân biệt ngon dở chua ngọt nên tôi mới bỏ đi, bà đã xuất gia, tôi cũng xuất gia, bà chớ lo nghĩ nữa".

Này các Bí-sô, người thợ gốm xưa kia chính là cụ thọ Ca-nhiếp-ba, người vợ chính là Diệu-hiền. Xưa kia hai người đã bỏ tục xuất gia, nay cũng như vậy".

Các Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn, Diệu-hiền trước đã tạo nghiệp gì mà được thân kim sắc?", Phật nói: "Diệu-hiền trước đã tạo nghiệp nay được thọ quả", liền nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Các thầy lắng nghe:

Chín mươi mốt kiếp xa xưa về trước có Phật

Tỳ-bà-thi Như lai Ứng đẳng chánh giác ra đời đầy đủ mười hiệu, lúc đó ở Vương đô có vị vua tên là Thân huệ dùng pháp giáo hóa nên dân chúng được an cư lạc nghiệp. Trong nước không có dối trá, đạo tặc hay bịnh dịch… lúa gạo, trâu dê… đều sung túc, vua thương dân như con. Phật Tỳ-bà-thi cùng sáu mươi hai vạn Bí-sô an trú ở bên sông cách vương đô không xa, khi Phật ngồi trên tòa thuyết pháp cho đại chúng oai quang ngời sáng, nhưng khi Phật du hành trong nhân gian thì chỗ ngồi đó không còn ngời sáng nữa. Lúc đó em gái của vua hỏi vua Thế tôn hiện nay ở đâu, vua nói Thế tôn đã du hành trong nhân gian, em gái vua yêu cầu nhà vua dùng vàng Thiệm-bộ tạc tượng bằng thân lượng của Như lai rồi để vào ngồi ngồi của Phật. Khi Phật du hành trở về, do oai lực của Phật nên tượng vàng này mất sáng, em gái vua thấy việc hy hữu này khởi tâm tịnh tín quỳ gối chắp tay phát nguyện: "Như oai quang thần đức của Phật làm cho tượng Phật bằng vàng mất sáng, con nguyện đời vị lai sanh bất cứ nơi nào thân quang của con cũng như Phật không khác".

Này các Bí-sô, người nữ phát nguyện đó chính là Diệu-hiền do dùng tâm thanh tịnh phát nguyện nên nay được quả báo sanh bất cứ nơi nào thân đều có sắc vàng. Do lòng chí thành mãnh liệt và tâm thanh tịnh không hư hoại nên trong chín mươi mốt kiếp đối với thượng phước điền gieo hạt giống tốt

thì sẽ được quả báo vi diệu mãi đến ngày nay không dứt. Các thầy hãy nghe tiếp, Diệu-hiền đã từng tạo nghiệp gì mà được thân sắc vàng, dung mạo đoan chánh không ai sánh.

Thuở xưa ở thành Bà-la-nê-tư có một trưởng giả giàu có bảo vợ nên thường sửa soạn món ăn cúng dường các Sa môn, Bà-la-môn. Thời gian sau có một vị Độc giác thân tâm vắng lặng đến nhà trưởng giả khất thực, người vợ thấy vị Độc giác này thân tướng không đoan nghiêm nên không cúng dường, vị Độc giác không được thức ăn nên ra đi, đứa tớ gái thấy vậy liền mời vào nhà bạch với phu nhân: "Đại gia, tại sao không cúng thức ăn cho vị Thánh giả này?", phu nhân nói: "Ta thấy vị này thân tướng không đoan nghiêm nên không muốn cúng", đứa tớ gái nói: "Lão gia đâu có nói không cúng cho người không có tướng tốt", phu nhân nói: "Tuy lão gia không nói nhưng ta không muốn cho". Đứa tớ gái nghe rồi liền suy nghĩ: "Ta nhịn đói đem phần ăn của mình cúng cho Thánh giả", nghĩ rồi liền đem phần ăn của mình dâng cúng. Lúc đó vị Độc giác thương xót liền vọt lên hư không hiện các thần biến, đứa tớ gái trông thấy liền quỳ gối chắp tay phát nguyện: "Thánh giả, do thân tướng của Thánh giả không đoan nghiêm nên khất thực khó được, nay con gieo căn lành này nguyện đời vị lai được dung mạo đoan nghiêm, ai thấy đều ưa nhìn". Lúc đó vua Phạm-thọ cùng các quan từ xa thấy vị

Độc giác bay lên hư không hiện các thần biến, vua liền hỏi các quan vị Độc giác đó đang khất thực ở nhà ai, kế nói kệ:

"Hôm nay Đại sĩ đến nhà ai,
Trừ bỏ nghèo khổ cho an lạc,
Trên thắng phước điền gieo giống phước,
Sẽ được quả báo không cùng tận".

Sau đó nhà vua biết được vị Độc giác khất thực ở nhà trưởng giả, trưởng giả nghe biết việc này rồi liền trở về nhà hỏi ra mới biết chính đứa tớ gái đã nhịn phần ăn của mình cúng dường vị độc giác. Trưởng giả bảo đứa tớ gái: "Do ngươi làm được việc phước này nên từ nay về sau ngươi được tự do, có cần dùng vật chi cứ tùy ý lấy dùng". Lúc đó phu nhân bảo đứa tớ gái: "Phước phần của ngươi hãy cho lại ta", đứa tớ gái không chịu, phu nhân nổi giận lấy gậy đánh vào đầu liền mạng chung được sanh lên cõi trời ba mươi ba. Vừa sanh lên đây các cung điện ở cõi trời này đều rực sáng, vua Đế-thích và bốn vị phụ thần nhìn thấy người nữ này tâm liền sanh mê loạn. Một vị phụ thần tâu vua ban cho người nữ này, vua Đế-thích nói: "Ta cũng yêu thích", liền nói kệ:

"Tâm ta rất yêu thích,
Nhưng biết phải làm sao,
Chỉ dụng tâm nhớ nghĩ,
Vì phải tạm giữ thân".

Vị phụ thần thứ nhất nói kệ:

"Thiên chủ còn an ổn,
Đối cảnh này nói kệ,
Như nghe tiếng trống lớn,
Dục loạn cũng như vậy".

Vị phụ thần thứ hai nói kệ:

" Như trống khi đánh lên,
Tiếng trống càng chuyển lớn,
Như thác cuốn trôi gỗ,
Dục loạn cũng như vậy".

Vị phụ thần thứ ba nói kệ:

" Nước lớn cuốn trôi gỗ,
Chạm nhau không tạm dừng,
Rắn độc trừng mắt giận,
Dục ái cũng như vậy".

Vị phụ thần thứ tư nói kệ:

"Các vị tâm an ổn,
Đều nói được kệ tụng,
Nay tôi không tự biết,
Là chết hay là sống".

Lúc đó vua Đế-thích và ba vị phụ thần kia nói với nhau: "Vị đại thần này do say mê sắc đẹp, sợ mạng sắp hết nên muốn giữ người nữ này hầu hạ".

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, do nhân duyên gì người nữ tuyệt sắc kia lại khiến cho chư thiên mê loạn đều nói kệ?", Phật nói: "Không phải chỉ có lần ấy người nữ tuyệt sắc

kia đã khiến cho chư thiên mê loạn mà xa xưa về trước cũng đã từng làm cho biết bao nam tử vì nàng mà làm ca vịnh. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa có năm thiếu niên nhân đến một ngôi làng thấy vợ của một trưởng giả liền sanh đắm nhiễm, năm thiếu niên này sai sứ đến nhà nói với bà ta có người cần gặp tại chỗ , người vợ này nói với chồng: "Có các thiếu niên muốn gặp em, em muốn làm nhục họ cho họ xấu hổ", nói rồi bà bảo người sứ thứ nhất: "Vào đêm tối hãy ngồi đợi tôi trên cây Đa căn, tôi sẽ đến"; kế bảo người sứ thứ hai : "Hãy ngồi đợi tôi trên cành cây phía Đông"; kế bảo người sứ thứ ba : "Hãy ngồi đợi tôi trên cành cây phía Tây"; kế bảo người sứ thứ tư: "Hãy ngồi đợi tôi trên cành cây phía Nam"; kế bảo người sứ thứ năm: "Hãy đợi tôi trên cành cây phía bắc". Cả năm người đều không biết việc xứ phân này nên mỗi người đều y theo lời hẹn ngồi đợi mãi cho đến sáng, người ngồi giữa cây nói kệ:

"Mặt trời đang xuất hiện,
Nông phu đã ra đồng,
Người nói dối không đến,
Nên bỏ cây Đa căn".

Người thứ hai nói kệ:

"Người đẹp ước hẹn đến,
Lẽ nào lại nói dối,
Tại sao mặt trời này,

Lại xuất hiện nhanh thế".

Người thứ ba nói kệ:

"Mặt trời đã mọc rồi,
Nông phu đã ra đồng,
Chúng ta như dê ngu,
Trên cây chịu lạnh cóng".

Người thứ tư nói kệ:

"Nay gặp nhiều khổ não,
Cầu vợ người mới thế,
Chúng ta là kẻ mê,
Đêm lạnh gần chết cóng".

Người thứ năm nói kệ:

"Ta không lo thân mình,
Một đêm lạnh chịu khổ,
Chỉ sầu cây Ca la,
Nhánh khô không sanh lại".

Lúc đó thần cây Đa căn nói kệ:

"Các ông hãy lo thân,
Chớ lo việc người ngoài,
Cây tổn có ngày sanh,
Dục khổ không dừng nghỉ".

Các Bí-sô nên biết, người say mê sắc dục có những lỗi như thế, chịu khổ sở mà chẳng toại lòng. Cho nên các thầy hãy siêng cầu xuất ly sanh tử, trừ họa hoạn của các dục. Vợ của trưởng giả kia chính là Diệu-hiền do tuyệt đẹp nên khiến chư thiên và người trong tụ lạc đó đều tâm mê ý loạn, đến ngày

nay cũng chính dung mạo tuyệt sắc này khiến cho mọi người nhìn thấy đều sanh mê loạn".

Lúc đó các Bí-sô có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Diệu-hiền trước đã tạo nghiệp gì mà nay đã xuất gia lại bị năm trăm ngoại đạo bức não?", Phật nói: "Diệu-hiền trước đã tạo nghiệp nên nay tự thọ lấy quả báo, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, trong thành Bà-la-nê-tư có một dâm nữ bán sắc nuôi thân, nam tử nào có năm trăm kim tiền mới được gần gũi, lúc đó có năm trăm nghĩa nhơn đồng ấp cùng nạp tiền cho dâm nữ và hẹn đến trong vườn hoa cùng hội họp. Dâm nữ nhận tiền rồi trên đường đi đến chỗ hẹn thì gặp Vương tử giữ lại nên không đến được chỗ đã hẹn, khiến cho năm trăm nghĩa nhơn này chờ đợi mãi đều sanh tâm lo buồn. Lúc đó có Độc giác ra đời vì lòng từ bi nên thọ dụng ngọa cụ xấu, là thắng phước điền thích ở chỗ yên tĩnh vắng lặng, vào bữa tiểu thực đắp y mang bát đến chỗ năm trăm người. Họ thấy Đại sĩ thân tâm vắng lặng nên mang thức ăn uống đến dâng cúng rồi phát nguyện: "Nay chúng con hưng khởi phước nghiệp nơi bậc thắng phước điền nguyện cầu như sau: Dâm nữ xấu xa kia đã lấy tiền của chúng con mà không đến khiến chúng con đều sanh tâm ưu não, nguyện đời sau dâm nữ ấy dù tại gia hay xuất gia, chúng con cũng sẽ bức não nhau cùng hành phi pháp".

Này các Bí-sô, năm trăm nghĩa nhơn xưa kia

chính là năm trăm ngoại đạo ngày nay, dâm nữ chính là Diệu-hiền. Do nhân duyên này nên ngày nay tuy đã xuất gia vẫn bị năm trăm ngoại đạo bức não làm việc phi pháp".

Lúc đó các Bí-sô thỉnh hỏi Phật: "Diệu-hiền trước kia đã tạo nghiệp gì mà được chứng quả A-la-hán, lại còn bị vua Vị-sanh-oán bức não làm hạnh bất tịnh?", Phật nói: "Cũng là do nguyện lực trước kia, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa có một trưởng giả cưới vợ đã lâu vẫn không có con nên muốn cưới thêm người vợ nhỏ, khi người vợ nhỏ được đón về nhà thì cưng yêu người vợ mới, khinh rẽ người vợ cũ. Sau đó người vợ trước nói với chồng là mình đã thọ năm giới, người chồng nghe vậy trở lại kính trọng người vợ trước, người vợ sau ganh tỵ nghĩ cách làm cho người vợ trước phá giới. Người vợ sau chuốc rượu cho chồng uống say rồi đưa vào phòng người vợ trước, người chồng say nên cưỡng bức người vợ trước cùng hành phi pháp, người vợ trước đem lòng oán hận người vợ sau. Một hôm có một vị Độc giác đến nhà trưởng giả khất thực, người vợ trước thấy vị Độc giác thân tâm vắng lặng nên đem thức ăn dâng cúng rồi phát nguyện: "Nay con làm phước nghiệp này nơi vị thắng phước điền nguyện cầu đời sau dù người vợ nhỏ này có chứng quả con cũng cưỡng bức làm nhơ tịnh hạnh của cô ta".

Này các Bí-sô, người vợ trước của trưởng giả

xưa kia chính là vua Vị-sanh-oán ngày nay, người vợ sau chính là Diệu-hiền nay tuy chứng quả A-la-hán vẫn còn bị vua cưỡng bức là do nghiệp lực ấy".

Các Bí-sô lại thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Diệu-hiền trước đã tạo nghiệp gì, do nghiệp lực ấy nay được xuất gia, đoạn phiền não chứng quả A-la-hán đứng vào bậc nhất trong các vị chứng ngộ?", Phật nói: Diệu-hiền trước đã tạo nghiệp nên nay được quả báo, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa lúc con người thọ tới hai vạn tuổi có Phật Ca-nhiếp-ba ra đời, Diệu-hiền xuất gia trong giáo pháp của Phật, vị Ô-ba-đà-da của Diệu-hiền là bậc A-la-hán trí huệ thần thông bậc nhất. Lúc lâm chung Diệu-hiền phát nguyện: "Con nguyện được như vị Thân giáo sư của con ở trong giáo pháp của Phật Ca-nhiếp-ba trí huệ thần thông bậc nhất, nguyện xin đời sau con được gặp Phật Thích-ca Mâu-ni, được xuất gia trong giáo pháp của Phật và được Phật thọ ký cho con là Lợi trí bậc nhất.

Này các Bí-sô, cô ni phát nguyện xưa kia chính là Diệu-hiền ngày nay, do nhân duyên này nên nay được gặp ta, ở trong giáo pháp của ta được Lợi trí bậc nhất".

Các Bí-sô lại thỉnh hỏi Phật: "Cụ thọ Ca-nhiếp-ba đã tạo nghiệp gì, do nghiệp lực ấy được sanh trong nhà phú quý, thọ dụng đầy đủ, tướng mạo đoan nghiêm. Thầy ấy đã từng ngàn lần sanh vào

châu Thiệm-bộ, ở các châu khác cho đến các cõi trời Tứ vương thiên, Lục dục thiên… cũng đã từng ngàn lần thọ sanh, nay lại gặp Thế tôn xuất gia, đoạn các phiền não chứng quả A-la-hán?", Phật nói: "Cụ thọ Ca-nhiếp-ba đã tạo nghiệp nay được thọ quả, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa ở thành Bà-la-nê-tư có vua tên là Phạm-thọ dùng chánh pháp giáo hóa, cách thành không xa ở trong một rừng hoa yên tĩnh có năm trăm tiên nhơn cư trú, bản tánh từ bi thương xót hữu tình. Lúc đó trên thế gian không có Phật, chỉ có Độc giác ra đời vì lòng từ bi nên thọ dụng ngọa cụ xấu, là thắng phước điền thích ở chỗ yên tĩnh vắng lặng, không cùng thế tục giao tiếp như con đại Tê giác thích lìa bầy sống một mình ở cách chỗ các tiên nhơn không xa. Vào bửa tiểu thực Đại sĩ đắp y mang bát vào thành khất thực xong liền bay lên hư không, vua và các quan đều nhìn thấy, sau khi hỏi biết được chỗ ở, vua liền mang thức ăn uống thượng diệu đến dâng cúng vị Độc giác và kính lễ mỗi ngày ba lần. Lúc đó có một đồng tử nương ở với các tiên nhơn thấy vậy sanh tâm kính trọng cũng mỗi ngày ba lần đến chỗ vị Độc giác. Một hôm vị Độc giác đến châu Bắc-câu-lô xin thứ cơm thơm tự nhiên mang về đầy bát, hương thơm xông khắp khu rừng, đồng tử liền đến hỏi vị Độc giác là cơm đó xin được từ đâu, đáp là từ Bắc-câu-lo-châu, đồng tử nghe rồi càng sanh tín kính bạch

rằng: "Cúi xin Đại tiên thương xót sáng mai thọ con thỉnh thực", vị Độc giác nhận lời. Sáng hôm sau khi các tiên nhơn đi khỏi, đồng tử liền lấy một thăng gạo đỏ nấu với sữa, đựng đầy một âu mang đến cúng dường vị Độc giác rồi phát nguyện: "Con nguyện nhờ phước nghiệp này đời sau thường được sanh vào nhà phú quý, tướng mạo đoan nghiêm, cuối cùng gặp được Đại sư và được chứng quả".

Này các Bí-sô, tiên đồng xưa kia chính là cụ thọ Ca-nhiếp-ba, do lời phát nguyện xưa kia nên thường được sanh vào nhà phú quý, từ đó về sau trải qua các châu cho đến các cõi trời đã từng ngàn lần thọ sanh, nay được gặp ta xuất gia đoạn phiền não và chứng quả".

Các Bí-sô lại thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, cụ thọ Ca-nhiếp-ba đã tạo nghiệp gì, do nghiệp lực ấy được Thế tôn thọ ký: ở trong giáo pháp của Phật là người ít muốn biết đủ, ưa ở nơi A-lan-nhã tu hạnh Đầu đà bậc nhất?", Phật nói: "Ca-nhiếp-ba đã tạo nghiệp nay được thọ quả báo, các thầy lắng nghe: Thuở xưa lúc con người thọ tới hai vạn tuổi có Phật Ca-nhiếp-ba ra đời, trong giáo pháp của Phật có một người xuất gia, vị Thân giáo sư của vị ấy là người ít muốn biết đủ thường hành hạnh Đầu đà ưa ở nơi A-lan-nhã, Phật Ca-nhiếp-ba thọ ký cho vị Thân giáo sư ấy là hành hạnh Đỗ-đa bậc nhất. Vị đệ tử này khi lâm chung phát nguyện: "Nguyện con

được như vị Thân giáo sư của con ở trong giáo pháp của Phật Ca-nhiếp-ba được thọ ký lá hành hạnh Đỗ-đa bậc nhất, nguyện đời vị lai lúc con người thọ một trăm tuổi có Phật Thích ca ra đời, con được gặp Phật xuất gia và cũng được thọ ký là hành hạnh Đỗ-đa bậc nhất". Này các Bí-sô, vị đệ tử phát nguyện xưa kia chính là cụ thọ Ca-nhiếp-ba nay cũng được ta thọ ký là bậc thiểu dục tri túc hành hạnh Đỗ-đa bậc nhất.

Các Bí-sô lại thỉnh hỏi Phật: "Cụ thọ Ca-nhiếp-ba trước đã tạo nghiệp gì, do nghiệp lực ấy có thể khiến voi đang say vừa thấy cụ thọ liền thức tỉnh?", Phật nói: "Ca-nhiếp-ba trong năm trăm đời thường làm người xuất gia không hề phạm Ác-tác, do nhân duyên này người thấy đều sanh cung kính".

Nhiếp Tụng Phần Trên:
Hai người đều thiểu dục,
Cùng tu chơn phạm hạnh,
Thường sanh nhà phú quý,
Thiểu dục là bậc nhất.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 3

Học Xứ Thứ 2: LẤY VẬT KHÔNG CHO

Thế tôn ở trong Trúc-lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương-xá, lúc đó Thế tôn chưa chế học xứ cho các Thanh văn ni. Bên Tăng có Bí-sô Đản-ni-ca phạm trộm cùng với việc mà Đản-ni-ca đã phạm các Bí-sô ni đều biết, đồng thời các Bí-sô ni biết vật có chủ, không cho mà lấy khiến các Bà-la-môn thế tục chê trách: "Các Sa môn ni trọc đầu này biết là vật có chủ, không cho mà lấy đem về để mình dùng. Ai lại bớt phần ăn của mình đem cúng cho những người cạo tóc này". Các ni nghe được lời này đem bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp ni chúng rồi hỏi các Bí-sô ni: "Các cô thật đã biết vật có chủ, không cho mà lấy phải không?", đáp: "Thật vậy Thế tôn", Phật quở trách: "Đây không phải là việc làm của Sa môn ni, chẳng phải là Thích ca nữ, ta quán mười công đức lợi… nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô ni Thanh văn như sau: Nếu lại có Bí-sô ni ở trong làng xóm hoặc nơi vắng vẻ, người khác

không cho mà dùng tâm trộm cắp lấy vật của người. Khi lấy cắp như thế nếu vua hay đại thần của vua bắt được hoặc giết hoặc trói hoặc đuổi ra khỏi nước, hoặc trách mắng: Cô là kẻ giặc, ngu si không biết chi mới trộm cắp như vậy. Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca không được cùng ở chung."

- Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho người phạm.

- Thôn xóm là trong phạm vi tường rào.

Chỗ nhàn tỉnh vắng lặng là ngoài phạm vi tường thành hàng rào.

- Chữ tha là chỉ cho nam, nữ, huỳnh môn …

- Không cho mà lấy là không có người đưa cho.

- Lấy với tâm trộm cắp là người khác không cho, khởi tâm trộm cắp mà lấy.

- Khi lấy cắp như vậy là lấy năm ma sái hay hơn năm ma sái.

- Chữ vua là dòng Sát-đế-lợi hoặc Bà-la-môn, Bệ-xá, Thủ-đà-la khi thọ nhận ngôi vị được quán đảnh, hoặc người nữ thọ ngôi vị được quán đảnh đều gọi là vua.

- Chữ đai thần là quan phụ tướng của vua, giúp vua trông coi việc nước.

- Chữ bắt là bắt giữ dẫn đến, giết là đoạn mạng sống, trói có ba là gông, cùm và xiềng xích, nói đuổi ra khỏi nước là không cho ở trong nước, mắng cô là kẻ giặc, ngu si không biết chi là lời khinh khi nhục mạ.

- Bí-sô ni là người được tánh Bí-sô, tức là người thọ viên cụ. Sao gọi là viên cụ? tức là Bạch-tứ-yết-ma như pháp thành tựu viên mãn, người tấn thọ cụ giới với tâm mong cầu thọ giới, tâm không sân hận, dùng lời nói biểu bạch, ngữ nghiệp hiển bày rõ ràng nên gọi là viên cụ.

- Nói phạm Ba-la-thị-ca là tội cực trọng, cực ác, nếu người nào vừa phạm tội này liền chẳng phải là sa môn nữ, chẳng phải Thích ca nữ, mất tánh Bí-sô. Trái tánh Niết-bàn, bị đọa lạc sụp ngã, người khác vượt trội lên trên, không thể cứu vớt, như cây Đa-la bị chặt ngọn không thể sống được.

- Nói không cùng ở chung là người này không được ở chung với các Bí-sô ni khác, khi Tăng yết ma bố tát, tự tứ, đơn bạch, bạch nhị, bạch tứ hoặc mười hai hạng người Tăng sai, người này không được dự phần.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Tổng Nhiếp Tụng:

Tự lấy ở trên đất
Hoặc trên không rơi xuống
Lụa, xe và dinh điền
Trốn thuế, loài không chân
Đàn đồ la, Thế la
Tổng cộng là mười việc .
Biệt Nhiếp Tụng:
Tự lấy, không cho lấy,

Tâm trộm vật của người
Nghĩ là vật có chủ
Có ba, năm không đồng
Lại có bốn, bốn khác
Và hai, năm sai biệt
Đều thuộc vật quý trọng
Việc tùy xứ nên biết.

Có ba tướng phạm nếu Bí-sô ni đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Tự mình lấy, trông chừng cho người lấy và sai bảo người lấy. Sao gọi là tự mình lấy? Tức là tự tay lấy cắp hoặc tự dẫn người đến lấy vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là trông chừng cho người lấy? tức là mình trông chừng cho người lấy hoặc trông chừng cho người dẫn họ đến lấy vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là sai bảo người lấy? tức là mình sai người đến lấy hoặc sai người dẫn họ đến lấy vật rời khỏi chỗ cũ.

Lại Có ba duyên nếu Bí-sô ni đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: khởi tâm lấy cắp, khởi phương tiện lấy cắp và vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là khởi tâm lấy cắp? tức là khởi tặc tâm, có tặc tâm lấy cắp vật của người khác. Sao gọi là khởi phương tiện lấy cắp? Tức là dùng tay, chân hoặc bày mưu tính kế để lấy cắp.

Lại Có ba duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-

la-thị-ca. Đó là: vật có sở hữu chủ, thể vật quý trong và vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là vật có sở hữu chủ? Tức là vật quý trọng này thuộc sở hữu của nam, nữ hay huỳnh môn.

Lại Có ba duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Khởi tưởng có sở hữu chủ, thể vật quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là khởi tưởng có sở hữu chủ? Tức là Bí-sô ni tưởng vật này là của người khác hoặc của nam hay nữ… gìn giữ.

Lại có bốn duyên nếu Bí-sô ni đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Vật sở hữu của người khác, khởi tưởng vật của người khác, thể vật quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ.

Lại có bốn duyên nếu Bí-sô ni đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Có tâm lấy cắp, khởi phương tiện lấy cắp, thể vật quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ.

Lại có bốn duyên nếu Bí-sô ni đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Người khác giữ gìn, tưởng là của mình, thể vật quý trọng, nhấc rời khỏi chỗ. Sao gọi là người khác giữ gìn? Tức là người có vật quý trọng cất giữ hoặc tự giữ hoặc người hay binh lính canh giữ. Sao gọi là tưởng của mình? Tức là người có vật quý trọng cất trong rương tủ, tưởng là của

mình nói đây là vật của mình.

Lại có bốn duyên nếu Bí-sô ni đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Vật có người gìn giữ tưởng không thuộc của mình, hoặc không có người gìn giữ tưởng thuộc của mình, thể vật quý trọng và nhấc rời khỏi chỗ. Sao gọi là có người giữ tưởng không thuộc của mình? Như có kẻ cướp cướp phá thành ấp, người giữ làng đoạt lại được gom lại một chỗ để coi giữ mà không nghĩ vật ấy là của mình. Sao gọi là không có người giữ tưởng thuộc của mình? như có vật quý trọng cất trong rương tủ không có người coi giữ, tưởng của mình nên lấy.

Lại có năm duyên nếu Bí-sô ni đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Không tưởng thuộc của mình, không tưởng thuộc của thân hữu, không tưởng chỉ dùng tạm, khi lấy không nói với người, có tâm lấy cắp.

Lại có năm duyên Bí-sô ni không phạm, đó là khởi tưởng thuộc của mình, tưởng của thân hữu, tưởng chỉ dùng tạm, khi lây nói cho người biết và không có tâm lấy cắp.

Nhiếp Tụng:

Hoặc ở trên mặt đất
Hoặc ở trong rương tủ
Hoặc ở nơi bãi trống

Đồng ruộng các cây thuốc.

Nếu Bí-sô ni biết vật quý trong của người để trên mặt đất như kiềng xuyến, chuỗi anh lạc… các thứ trang sức, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến lấy, khi chưa chạm đến đồ vật thì phạm Ác-tác; nếu chạm đến mà chưa nhấc rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu nhấc rời khỏi chỗ gọi là trộm cắp, tính theo thời giá thành tội, đủ năm ma sái thì phạm Ba-la-thị-ca, không đủ thì phạm Tốt-thổ-la-để. Nếu mặt đất bằng phẳng trơn tru thì gọi là một chỗ, nếu gồ ghề hay có sụp lở, đắp vá hoặc có ghi chữ hay tô vẽ thì gọi là khác chỗ. Nếu trên bàn hay mâm bằng phẳng thì gọi là một chỗ, nếu có bể móp hay tô vẽ thì gọi là khác chỗ.

Nếu vật quý trọng của người để trong sân như kiềng xuyến, anh lạc…, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện cho đến chưa chạm đồ vật thì phạm Ác-tác; nếu xúc chạm nhưng chưa nhấc rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu nhấc rời khỏi chỗ gọi là trộm cắp, tính theo thời giá thành tội như trên. Nếu lúa bắp… phơi trên sân bằng phẳng một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu đùn thành đống cao thấp không bằng nhau nhiều màu sắc thì gọi là khác chỗ.

Nếu vật quý trọng của người khác cất trong hang, hầm như vật báu, anh lạc…, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện cho đến chưa chạm đồ

vật thì phạm Ác-tác, nếu xúc chạm mà chưa nhấc rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu đã nhấc rời khỏi chỗ theo thời giá định tội như trên. Nếu lúa bắp… cất chứa trong hang, hầm ngang bằng với cửa một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu không ngang bằng và chất cao thấp không bằng hoặc có vách ngăn thì gọi là khác chỗ.

Nếu trong đồng ruộng của người có các loại cây thuốc như Hương phụ tử, Hoàng khương, Bạch khương và các loại thuốc như Ô đầu…, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện cho đến chưa chạm đồ vật thì phạm Ác-tác, nếu đã xúc chạm nhưng chưa nhấc rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-để, nếu đã nhấc rời khỏi chỗ tính theo thời giá định tội như trên.

Nhiếp Tụng:

Nhà cửa có ba chỗ,
Vật của chim ba loại,
Tụng chú lấy đem giấu,
Ba việc này không đồng.

Nếu cái áo tạp sắc của người treo trên nhà, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện bắc thang leo lên hay dùng vật móc lấy, khi chưa chạm đến áo thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến áo nhưng chưa lấy rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-để, nếu đã lấy rời khỏi chỗ tính theo thời giá định tội như trên.

Nếu người giặt y đem phơi trên lầu, gió thổi rơi xuống chỗ Bí-sô ni kinh hành hoặc rớt xuống bên cửa, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện khi chưa chạm đến áo thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến áo nhưng chưa nhấc lên thì phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu đã nhấc lên định tội như trên.

Nếu vật quý trọng của người cất trên lầu cao như vật báu các loại trang sức, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện dùng thang leo lên hay dùng vật móc lấy, khi chưa chạm đến vật thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến nhưng chưa nhấc lên cho đến đã nhấc lên khỏi chỗ cũ định tội như trên.

Nếu có người ở trong nhà bên vườn ao trồng hoa và cây ăn trái, vào ngày lễ hội treo giăng các vật thượng diệu để trang nghiêm. Lúc đó có chim bay qua ngậm lấy hạt châu mang đi, nếu Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện bắt chim, khi chưa chạm đến hạt châu thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến nhưng chưa lấy rời khỏi chim, tưởng là vật của chim thì phạm Ác-tác, nếu lấy hạt châu rời khỏi chim tính giá đủ năm ma sái thì phạm Tốt-thổ-la-đề, không đủ thì phạm Ác-tác; nếu tưởng hạt châu này là của người, khi chạm đến hạt châu chưa lấy rời khỏi chim liền phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu lấy rời khỏi chim tính giá đủ năm ma sái thì phạm bổn tội, không đủ thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

Nếu trong vườn ao có nuôi các loại chim Anh vũ, Xá lợi, Câu la chỉ, Mạng mạng… rồi dùng

chuỗi anh lạc trang sức cho chúng, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện bắt chim, khi chưa chạm đến anh lạc thì phạm Ác-tác; khi chạm đến vật nghĩ tưởng là vật của chim thì phạm Ác-tác, nếu lấy rời khỏi chim tính giá đủ năm ma sái thì phạm Tốt-thổ-la-đề, không đủ thì phạm Ác-tác; nếu nghĩ tưởng đây là vật của người khi vừa chạm đến anh lạc chưa lấy rời khỏi chim liền phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu lấy rời khỏi chim tính giá đủ năm ma sái thì phạm bổn tội, không đủ thì phạm Tốt-thổ-la-đề .

Nếu có Bí-sô ni đối với hai loại phục tàng, một loại có chủ một loại không chủ; Bí-sô ni có ý muốn lấy phục tàng có chủ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm Mạn-đồ-la ở bốn phương đóng địa la mộc, dùng chỉ năm màu cột lại, trong lò đốt các loại cây tạp, miệng tụng chú kêu gọi phục tàng có chủ đến, phục tàng không chủ đừng đến; lúc đó phục tàng có chủ theo lời chú gọi mà đến dù mắt chưa thấy đến vẫn phạm Tốt-thổ-la-đề, khi mắt thấy đến gọi là trộm cắp tính theo thời giá đủ năm ma sái thì phạm Bổn tội, không đủ thì phạm Tốt-thổ-la-đề . Nếu khi tụng chú kêu gọi phục tàng không chủ đến, phục tàng có chủ đừng đến; lúc đó phục tàng không chủ theo lời chú gọi mà đến, mắt chưa thấy đến thì phạm Ác-tác, khi mắt trông thấy đến tính theo thời giá đủ năm ma sái thì phạm Tốt-thổ-la-đề, không đủ thì phạm Ác-tác. Nếu đối với phục tàng có chủ hay

không chủ vào thời gian khác nhau, tác pháp riêng lẻ để trộm lấy định tội cũng giống như trên.

Nhiếp Tụng:

Nếu vật trên chiếu giạ
Hoặc ở trên tảng đá
Cây hoa trái kỳ diệu
Tùy chỗ việc nên biết.

Nếu vật quý trọng của người để trên chiếu giạ hay trên thảm như vật báu, các đồ trang sức, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy cắp, khi chưa chạm đến vật thì phạm Ác-tác; nếu đã chạm đến nhưng chưa nhấc rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu nhấc rời khỏi chỗ thì gọi là trộm cắp định tội như trên. Nếu chiếu thảm kia đồng một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu nhiều màu sắc khác nhau thì gọi là khác chỗ.

Nếu vật quý trọng của người để trên tảng đá cho đến lấy không đủ năm ma sái thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu tảng đá trơn nhẵn một khối thì gọi là một chỗ, nếu có đục khoét hay trên có chữ hoặc tô vẽ với nhiều màu sắc thì gọi là khác chỗ.

Có ba loại cây: Cây có hoa, cây có trái và cây kỳ diệu, nếu Bí-sô ni chặt với tâm lấy trộm hoa trái… tính giá định tội như trên.

Nhiếp Tụng:

Nếu vật trên yên ngựa
Và voi, ngựa, kiệu xe

Tùy mập ốm nên biết
Trộm thuyền việc sai khác.

Nếu vật quý trọng của người để trên yên ngựa như vật báu…, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy, khi chưa chạm đến vật thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến nhưng chưa lấy rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-để, cho đến lấy rời khỏi chỗ định tội như trên. Nếu trên yên ngựa dùng tấm trải một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu là tạp sắc thì gọi là khác chỗ.

Nếu vật quý trọng của người để trên thớt voi như các vật báu… , Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy, khi chưa chạm đến vật thì phạm Ác-tác, cho đến lấy rời khỏi chỗ định tội như trên. Con voi mập mạp da thịt tròn đầy thì gọi là một chỗ, nếu ốm gầy thấy xương sườn xương sống… thì tùy mỗi chỗ gọi là khác chỗ. Nếu trên mình voi có trang sức chuỗi anh lạc…, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy, khi chưa chạm đến anh lạc thì phạm Ác-tác, cho đến lấy rời khỏi chỗ định tội như trên. Nếu trên mình voi phủ tấm trải một màu sắc thì gọi là chỗ, nếu là tạp sắc thì gọi là khác chỗ. Cho đến xe ngựa, xe bò, kiệu… định tội cũng giống như trên.

Nếu Bí-sô ni thấy thuyền đã cột neo, khởi tâm lấy cắp đi đến làm thuyền dao động thì phạm Ác-tác; nếu mở dây neo làm cho thuyền trôi theo dòng nước, mắt vẫn còn trông thấy thuyền thì phạm Tốt-

thổ-la-để, khi thuyền khuất khỏi tầm mắt thấy tính theo thời giá đủ năm ma sái thì phạm bổn tội, nếu không đủ thì phạm Tốt-thổ-la-để. Nếu chèo thuyền đi ngược dòng nước ở trong phạm vi tương tợ bề rộng của con sông thì phạm tội Căn bản, phạm vi chưa tới bề rộng con sông thì phạm Tốt-thổ-la-để. Nếu chèo thuyền từ bờ này đến bờ kia cũng tính theo trong phạm vi tầm mắt thấy mà định tội như trên. Nếu kéo thuyền lên bờ trộm lấy mang đi cũng tính theo trong phạm vi tầm mắt thấy mà định tội như trên. Nếu trộm thuyền bằng cách nhận chìm dấu dưới bùn rồi sau đó tìm cách mang đi, khi thuyền vừa chìm xuống bùn liền thành tội trộm, định tội như trên. Nếu Bí-sô ni trộm vật rồi chôn hoặc đốt hoặc phá nghĩ rằng làm như vậy để vật thuộc về ta, không thuộc về người khác thì phạm Tốt-thổ-la-để.

Nhiếp Tụng:

Có ba loại ruộng đất,
Thuyền Có ba loại khác
Ngỗng nhạn và ao hoa
Trộm nước, đồ săn lưới
Đệ tử chỉ bày giặc
Ba loại, việc không đồng.

Vào mùa thu có người làm ruộng và trồng trọt như lúa, bắp, mía…, nếu Bí-sô ni thấy trong ruộng của mình thiếu nước bèn ở nơi đồng nội có kênh nước chung, lấp không cho nước chảy vào ruộng

của người và khơi cho nước chảy vào ruộng của mình, ý muốn cho ruộng mình được tốt còn ruộng người không được tốt. Kết quả ruộng mình tốt, ruộng người bị thiệt hại, tùy thiệt hại bao nhiêu tính theo thời giá định tội như trên. Ngược lại nếu thấy nước nhiều ở nơi kênh nước chung, khơi cho nước chảy vào ruộng người cho ngập úng và lấp không cho nước chảy vào ruộng mình, ý muốn cho ruộng mình được tốt còn ruộng người thì không. Kết quả ruộng mình tốt, ruộng người bị thiệt hại, tùy thiệt hại bao nhiêu tính theo thời giá định tội như trên.

Vật phân biệt có bốn loại: Một là thể vật và giá đều trọng như ma ni, chơn châu, lưu ly, kha bối…; hai là thể vật khinh nhưng giá trọng như tơ lụa, nhung gấm, uất kim hương…; ba là thể vật trọng nhưng giá khinh như chì, thiết, sắt…; bốn là thể vật và giá đều khinh như gai, bông gòn, kiếp bối…. Nếu đem loại vật có thể và giá đều trọng cùng loại vật có thể và giá đều khinh chất chung trong một con thuyền, khi thuyền bị đắm chủ của đồ vật tuyên bố: "Vật nào nổi trên mặt nước thì tùy ý lấy, vật nào chìm dưới nước thì thuộc về tôi". Nếu Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện lặn xuống sông lấy, khi chưa chạm đến đồ vật thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến nhưng chưa lấy rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-để, nếu đã lấy rời khỏi chỗ tính theo thời giá định tội như trên. Nếu vật chìm dưới nước khởi tâm ý vớt lấy, nghĩ rằng vật này không phải của

mình cũng không phải của người, nhưng muốn không thuộc về người nên vớt lấy, định tội cũng giống như trên.

Nếu đem loại vật có thể khinh giá trọng và loại vật có thể trọng giá khinh chất chung trong một con thuyền, khi thuyền bị đắm chủ thuyền tuyên bố: "Vật nào chìm dưới nước thì tùy ý lấy, vật nào nổi trên mặt nước thì thuộc về tôi". Nếu Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy vật nổi trên mặt nước, khi chưa chạm đến vật thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến nhưng chưa lấy rời khỏi chỗ và đã lấy rời khỏi chỗ, định tội đều giống như trên.

Nếu có người nuôi ngỗng… trong ao hồ và trang sức cho chúng bằng chuỗi anh lạc, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện lội vào trong ao hồ bắt ngỗng, khi chưa chạm đến chuỗi anh lạc thì phạm Ác-tác; nếu khi chạm đến nghĩ rằng tôi lấy vật của ngỗng thì phạm Ác-tác, nếu lấy rời khỏi mình ngỗng tính theo thời giá định tội như trên. Nếu khi lấy nghĩ là tôi lấy vật của người thì khi chạm đến anh lạc chưa lấy rời khỏi mình ngỗng liền phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu lấy rời khỏi mình ngỗng tính theo thời giá định tội như trên.

Nếu trong ao hồ có trồng hoa như hoa Thanh liên, Bạch liên, Phân-đà-lợi…, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện vào trong ao hái trộm hoa, khi chưa chạm đến hoa thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến cho đến khi lấy rời khỏi chỗ, định tội đều

giống như trên.

Nếu trên bờ ao có trồng các loại cây như A-địa-mộc-đa-ca, Chiêm-bác-ca, Ba-tra-la, Bà-lợi-sư-ca…, Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện hái trộm, khi leo lên cây chưa chạm đến hoa trái thì phạm Ác-tác, nếu đã hái lấy cho đến leo xuống cây, định tội đều giống như trên.

Nếu có nhóm thợ săn trong rừng cài bẫy săn để bắt các loài thú làm nghiệp giết hại, Bí-sô ni khởi tâm trộm lấy các bẫy săn này tính theo giá định tội như trên; nếu khi lấy với tâm từ bi muốn phá hủy nghĩ rằng: "Chớ để những bẫy săn này sát hại nhiều sanh mạng, khiến cho bọn thợ săn chuốc lấy vô lượng tội nghiệp", thì Bí-sô ni chỉ phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô ni thấy Nai bị bắt, nếu khởi tâm trộm lấy đến mở dây cho nó tính giá định tội như trên, nếu khởi tâm từ bi mà thả thì chỉ phạm Ác-tác. Nếu nhóm người đánh cá quăng lưới đặt nơm để bắt cá, Bí-sô ni khởi tâm trộm gỡ lấy lưới và nơm này, tính giá định tội như trên; nếu khởi lòng từ bi cũng định tội như trên. Nếu lấy cá trong lưới và trong nơm cũng định tội giống như trên.

Nếu có đoàn thương buôn mang nhiều hàng hóa đi trong đường hiểm khó tìm được nước, nước đựng trong bình, vò hay đãy nước bằng da mang theo của mỗi người có giới hạn; Bí-sô ni có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy phần nước dành cho người, định tội như trên, nếu lấy phần nước dành

cho súc vật tính giá đủ năm ma sái thì phạm Tốt-thổ-la-để, không đủ thì phạm Ác-tác. Đối với đoàn thương buôn đi trên thuyền ra biển, nước khan hiếm nếu Bí-sô ni có tâm lấy cắp, định tội cũng giống như trên.

Trường hợp đệ tử đi theo hai thầy trên đường, thầy giao y vật cho đệ tử mang, nếu đệ tử có tâm lấy cắp đi tụt phía sau cách xa hai thầy, nếu còn trong tầm mắt thấy thì phạm Tốt-thổ-la-để, nếu mất hút ngoài tấm mắt thấy tính giá đủ năm ma sái thì phạm bổn tội, không đủ thi phạm Tốt-thổ-la-để . Nếu đi nhanh về phía trước cũng định tội như trên; nếu lấy y từ trong phòng lên lầu hoặc xuống lầu, cũng dựa trong phạm vi tầm mắt thấy mà định tội như trên.

Trường hợp Bí-sô ni sống nơi A-lan-nhã, có kẻ cướp muốn cướp phá thôn đến hỏi Bí-sô ni: "Cô có biết nhà trong thôn đó không?", đáp biết, kẻ cướp hỏi: "Nhà đó nhiều người nữ ít người nam, không có chó dữ cũng không có nhiều bụi gai, dễ vào dễ ra, đối với tôi không có thiệt hại gì mà còn cướp được tài vật phải không? Nếu cướp được tôi sẽ chia cho cô một phần". Nếu Bí-sô ni trả lời: "Tôi biết nhà đó nhiều nữ ít nam, không có chó dữ cũng không có nhiều bụi gai, dễ vào dễ ra, đối với ông không có thiệt hại gì mà còn cướp được tài vật", kẻ cướp nghe Bí-sô ni nói thế liền vào nhà đó cướp được tài vật, trở về đưa cho Bí-sô ni một phần, dù

chưa chạm đến vật Bí-sô ni vẫn phạm Tốt-thổ-la-để, nếu đã nhận lấy thì tính theo thời giá định tội như trên. Nếu Bí-sô ni sau khi nói với kẻ cướp như vậy rồi liền hối hận, vội đến chỗ kẻ cướp nói lại như sau: "Lúc nãy tôi chưa suy xét kỹ nên vội nói như thế, thật sự thì nhà đó nhiều nam ít nữ, có chó dữ và nhiều bụi gai, khó vào khó ra, dù lấy được tài vật cũng không tránh khỏi bị thương tổn", dù kẻ cướp có đi cướp hay không, Bí-sô ni vẫn phạm Tốt-thổ-la-để. Nếu Bí-sô ni không đến chỗ kẻ cướp nói lại như vậy mà đến nhà đó nói rằng: "Các vị nên cảnh giác, cẩn thận đề phòng kẻ cướp tối nay sẽ đến cướp, đừng để tài sản bị cướp hoặc thân mạng bị thương tổn", dù cho kẻ cướp có đến hay không, Bí-sô ni vẫn phạm Tốt-thổ-la-để .

Về phương tiện lấy cắp liên quan tới ba việc: Một là việc ruộng đất, hai là việc nhà cửa, ba là việc quán xá. Về việc ruộng đất có hai cách lấy: Một là kiện tụng lấy, hai là bao vây lấy. Sao gọi là kiện tụng lấy? Nếu Bí-sô ni tranh chấp ruộng đất với người tục kiện lên quan, không thắng kiện thì phạm Tốt-thổ-la-để, nếu thắng kiện cho đến người tục tâm chưa dứt bỏ thì phạm Tốt-thổ-la-để, nếu người tục tâm dứt bỏ thì tính theo thời giá định tội như trên. Sao gọi là bao vây lấy? Nếu Bí-sô ni ở trên ruộng đất của người khác dùng cây trồng hay trụ cột che ngăn chung quanh, hoặc đào hào, xây tường vách chung quanh, xây chưa giáp khắp thì

phạm Tốt-thổ-la-để, nếu đã giáp khắp tính giá định tội như trên. Về việc nhà cửa và quán xá theo như việc ruộng đất mà định tội.

Nhiếp Tụng:

Không chân và hai chân
Bốn chân cùng nhiều chân
Trộm của các loài ấy
Phạm nhẹ nặng nên biết.

Nói không chân là chỉ cho loài rắn, lươn, đỉa. Ba loài này được người chơi rắn, thầy thuốc của vương gia và người sơn dã nuôi. Người chơi rắn thường bắt rắn làm trò chơi để kiếm sống. Thầy thuốc của vương gia thường dùng đỉa trị bịnh để kiếm sống. Người sơn dã nuôi loài không chân này để làm thuốc ói mửa hoặc nướng để nhắm rượu. Nếu Bí-sô ni trộm lấy những loài trùng này tính theo thời giá định tội như trên.

Nói hai chân là chỉ cho người và chim, khi trộm người có Có ba phương tiện: Hẹn chỗ, định thời gian và hiện tướng. Hẹn chỗ là nói với người kia rằng nếu ông thấy tôi ở trong vườn hay chỗ tập họp hay ở miếu Thiên tự thì ông biết là việc thành tựu. Định thời gian là nói rằng vào buổi sáng, trưa hay chiều nếu ông thấy tôi từ đằng xa thì ông biết là việc thành tựu. Hiện tướng là nói rằng nếu ông thấy tôi mới cạo râu tóc, đắp y đỏ, tay cầm tích trượng, bưng bát đựng đầy thức ăn thì ông biết là việc

thành tựu. Khi trộm cắp như thế tính theo thời giá định tội như trên. Khi trộm chim có hai phương tiện: Từ dưới đất bắt được hay từ trên không rơi xuống. Từ dưới đất bắt được là bắt trộm chim từ trên mặt đất, tính giá định tội như trên. Từ trên không rơi xuống là người bắt chim đốt đồng cỏ khô khiến chim bị khói lửa bức hại rơi xuống. Khi rớt xuống chỗ kinh hành hạnh đầu đà của Bí-sô ni hay ở trước cửa nhà, nếu Bí-sô ni có tâm trộm cắp nhặt lấy, tính theo thời giá định tội như trên.

Nói bốn chân là chỉ cho voi, ngựa, lừa, lạc đà, trâu, bò, dê… Khi trộm cắp có hai phương tiện: Từ chỗ nhốt từng bầy hay là chỗ cột riêng từng con. Khi Bí-sô ni từ trong chuồng ngựa trộm ngựa dẫn đi, trong phạm vi tầm mắt thấy thì phạm Tốt-thổ-la-để, ngoài phạm vi tầm mắt thấy thì phạm bổn tội. Khi Bí-sô ni trộm ngựa cột nơi trụ cột hay gốc cây dắt đi, định tội giống như trên. Các loài bốn chân khác chuẩn theo đó nên biết.

Nói nhiều chân là chỉ cho loài sâu bọ, ong bướm, rít… Đối với loài nhiều chân có ba hạng người cần dùng là quan đoán sự, người giữ thành và thương buôn ra biển. Quan đoán sự nuôi ong hoặc rít, bò cạp… trong một cái vò, khi kẻ tội phạm không chịu khai liền bắt họ đưa tay chân vào trong vò cho ong chích hay rít cắn để họ khai ra. Người giữ thành nuôi ong trong vò, nếu có kẻ địch đến khiêu chiến không thể đánh lui được thì mở vò thả

ong ra chích quân địch, bị chích đau quân địch bỏ chạy. Thương buôn ra biển tìm châu báu nuôi ong trong vò để phòng lúc gặp hải tặc, nếu địch không lại thì mở vò thả ong ra chích giặc cướp, bị chích đau giặc cướp bỏ chạy.

Duyên xứ giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có vị A-la-hán Bí-sô ni tên Thế La đã đoạn các phiền não. Một đồng tử bán hương vừa trông thấy ni Thế La hết lòng kính trọng, đến chỗ ni Thế La bạch: "Thánh giả, nếu cần vật gì cứ đến nhà con tùy ý lấy dùng, Thánh giả dạy bảo gì con đều vâng theo", đáp lành thay. Thời gian sau ni Thế La mắc bịnh nặng không thể đi khất thực, đồng tử bán hương trông thấy các Bí-sô ni thứ lớp khất thực liền đến lễ bái và hỏi thăm ni Thế La vì sao không đi khất thực, một Bí-sô ni nói: "Hiền thủ, vị ni ấy mắc bịnh nặng". Đồng tử nói: "Thánh giả, trước đây tôi có bạch với ni Thế La nếu cần vật gì cứ đến nhà tôi tùy ý lấy dùng, nhưng mãi không thấy vị ni ấy đến. Nếu ni Thế La cần gì xin Thánh giả đến lấy mang về cho vị ấy", Bí-sô ni này nói: "Lành thay Hiền thủ". Đồng tử bạch như vậy đến hai, ba lần khiến một Bí-sô ni trẻ suy nghĩ: "Đồng tử này ân cần thỉnh cho như vậy, ta nên thử xem hư thực thế nào", nghĩ rồi liền đưa cái bát nhỏ cho đồng tử nói: "Hiền thủ, Thánh giả Thế La nay cần ít dầu". Đúng lúc đó dầu mới vừa ép xong, đồng tử liền múc dầu đổ đầy bát nhỏ rồi đưa cho vị ni trẻ nói rằng: "Nếu

Thánh giả Thế La có cần gì thêm cứ tùy ý đến lấy". Vị ni trẻ nhận dầu rồi về lấy dầu này thoa cho ni Thế La, dầu thoa vừa hết thì bịnh của ni Thế La cũng khỏi hẳn. Khi thấy ni Thế La đi khất thực, đồng tử liền đến đảnh lễ nói rằng: "Đã lâu con không gặp được Thánh giả", đáp: "Lâu nay tôi mắc bịnh", đồng tử nói: "Trước đây con có thỉnh Thánh giả cần gì cứ đến nhà con tùy ý lấy dùng nhưng mãi không thấy Thánh giả đến, vừa rồi có một vị ni trẻ đến nói Thánh giả bịnh cần ít dầu, con đã lấy dầu mới ép múc đầy bát nhỏ đưa cho vị ấy". Ni Thế La chú nguyện cho đồng tử rồi đi, khi trở về trú xứ liền hỏi các Bí-sô ni: "Ai đã đến chỗ đồng tử bán hương lấy dầu mang về?". Vị ni trẻ nói: "Thánh giả, khi tôi đi khất thực gặp đồng tử ấy hai, ba phen nói với tôi là ông có bạch với Thánh giả nếu cần gì cứ đến nhà ông ấy tùy ý lấy dùng nhưng mãi không thấy Thánh giả đến lấy, nay Thánh giả Thế La bịnh nếu có cần gì tôi cứ đến lấy mang về. Tôi nghĩ nên thử xem hư thực thế nào nên đưa cái bát nhỏ cho đồng tử nói là Thánh giả Thế La cần ít dầu. Đồng tử ấy liền múc dầu đầy bát nhỏ đưa cho tôi, tôi đem về thoa cho Thánh giả, vừa hết dầu thì bịnh Thánh giả cũng hết". Ni Thế La hỏi: "Tôi có nhờ cô đến chỗ đồng tử xin dầu không?", đáp không có. Một vị ni trẻ khác vốn có hiềm khích với vị ni trẻ này liền nói với ni Thế La: "Thánh giả, vị ni này nhơn Thánh giả bịnh không phải chỉ đến chỗ đồng tử xin

dầu, mà đã xin khắp thành Thất-la-phiệt này". Vị ni trẻ này nghe rồi hối hận không biết mình có phạm tội không bèn đem việc này bạch các Bí-sô ni, các Bí-sô ni bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật hỏi vị ni trẻ: "Cô dùng tâm gì đến chỗ đồng tử kia xin dầu?", đáp: "Con khởi tâm muốn thử đồng tử kia". Phật nói: "Không phạm; nhưng Bí-sô, Bí-sô ni không hỏi người bịnh thì không nên xin giùm. Khi cần xin nên hỏi người bịnh là nên đến phòng thuốc của Tăng xin hay đến chỗ tín đồ, thân quyến xin. Tùy lời nói của người bịnh mà đến xin; nếu Bí-sô, Bí-sô ni không hỏi người bịnh mà đi xin thì phạm tội Việt pháp".

Nhiếp Tụng:

Vật đóng thuế gởi người
Mang giúp vật cho người
Không nhận bèn cưỡng ép
Mang đi cho cha mẹ
Lại vì Tam bảo mang
Cho giá sau chia đều
Chủ y mang đi giùm
Khiến người nhiễm không nhiễm
Trốn thuế đi cửa sau
Đoạt hết vật thương buôn.
Tụng này gồm duyên khởi,
Bí-sô rành rõ luật.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 4

Học Xứ Thứ 3: ĐOẠN MẠNG NGƯỜI

Thế tôn ở trong rừng Đại giá bên bờ sông Thắng huệ thành Quảng nghiêm, lúc đó Phật nói diệu pháp cho bốn chúng nghe, khen ngợi pháp quán bất tịnh và khuyên bốn chúng nên tu pháp quán bất tịnh, vì nêu tu tấp pháp quán này nhiều sẽ được quả lợi lớn. Các Bí-sô nghe rồi liền tu pháp quán bất tịnh, sau khi tu quán liền nơi thân máu mủ này sanh tâm nhàm lìa, có người cầm dao tự sát, có người uống thuốc độc, có người dùng dây thắt cổ, có người từ ghềnh núi cao lao mình xuống hoặc lần lượt hại lẫn nhau… cho nên chúng Bí-sô ngày càng giảm bớt. Phật bèn hỏi A Nan-đà nguyên do, A Nan-đà đem việc trên bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô hỏi rằng: "Các thầy thật đã lần lượt dạy bảo giết lẫn nhau như thế phải không?", các Bí-sô đáp: "Thật vậy Thế tôn", Phật bảo các Bí-sô: "Việc mà các thầy làm không phải là pháp sa môn, không phải hạnh tùy thuận, là không thanh tịnh, không phải là việc nên làm của

người xuất gia", Phật đủ lời quở trách rồi bảo các Bí-sô: "Nay ta chế học xứ này cho hai bộ đệ tử Thanh văn như sau: Nếu lại có Bí-sô ni cố tự tay đoạn mạng sống của người hay thai người, hoặc cầm dao trao cho người, hoặc tự cầm dao, hoặc nhờ người cầm dao, hoặc khuyên chết, khen ngợi cái chết, nói rằng: Này cô, cô đã làm tội lụy bất tịnh này sống làm chi nữa, thà chết đi còn hơn. Tùy theo tâm niệm của mình dùng lời nói khác để khen ngợi cái chết, khuyên chết, nếu người kia nhân đây mà chết thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca không được cùng ở chung."

Người là chỉ cho thai trong bụng mẹ đã đủ sáu căn: Nhãn nhĩ tỉ thiệt thân và ý. Nói Thai người là lúc mới nhập thai chỉ Có ba căn: Thân mạng và ý. Nói Cố ý là cố tâm không phải nhầm lẫn. Nói Tự tay là tự tay giết. Nói Đoạn mạng là giết chết, mạng căn không còn tiếp nối. Nói Cầm dao đưa cho người là biết người kia muốn chết, cầu chết nên cầm dao đưa cho hoặc để ở chỗ kia ngồi nằm muốn họ tự hại, tự sát. Nói Tìm người cầm dao là tìm nam, nữ, bán trạch ca nhờ họ giết. Nói Khuyên chết là khuyên ba hạng người chết, đó là người phá giới, người trì giới và người bịnh.

Sao gọi là khuyên người phá giới chết? Nếu Bí-sô ni đối với Bí-sô ni phá giới có mong cầu điều gì như y bát… hoặc nơi mạng sống của sa môn duyên tới các tư cụ, nghĩ rằng: "Nếu Bí-sô ni phá giới kia

còn sống thì y bát… các tư cụ của vị ấy không lý do gì ta có thể có được. Ta nên đến khuyên khiến kia cầu chết". Nghĩ rồi liền đến chỗ Bí-sô ni phá giới kia nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, cụ thọ phá giới làm các tội nghiệp, thân ngữ ý thường tạo các ác. Cụ thọ kéo dài sự sống thì nghiệp ác kia càng tăng, do nghiệp ác càng tăng cụ thọ sẽ chịu khổ lâu dài trong địa ngục". Vị phá giới kia nghe rồi liền hỏi: "Nếu vậy tôi phải làm sao?", đáp: "Cụ thọ nên xả thân, tự đoạn mạng mình". Nếu vị phá giới kia xả thân bằng cách tự sát thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca; nếu vị phá giới kia không nghe theo lời khuyên thì Bí-sô ni này phạm Tốt-thổ-la-để . Nếu Bí-sô ni sau khi khuyên vị kia chết rồi sanh lòng hối hận trở lại nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, lời khuyên trước đây của tôi cũng như lời của kẻ ngu si, không phân biệt kỹ, không suy xét kỹ nên nói năng bừa bãi. Cụ thọ nên gần gũi thiện tri thức Để-sám trừ tội thì ba Nghiệp bất thiện đã làm trước kia nhờ lực sám hối sẽ trở lại thanh tịnh. Do thanh tịnh nên xả thân này rồi sẽ được sanh lên cõi trời". Vị phá giới kia nếu hỏi: "Như vậy tôi phải làm sao?", đáp: "Cụ thọ chớ xả thân, chớ tự sát". Nếu vị phá giới kia không tự sát thì Bí-sô ni này phạm Tốt-thổ-la-để, nếu vị phá giới kia tuy nghe lời khuyên trước kia mà vẫn không tự sát thì Bí-sô ni này cũng phạm Tốt-thổ-la-để .

Sao gọi là khuyên người trì giới chết? Như có

Bí-sô ni đối với Bí-sô ni trì giới có mong cầu gì như y bát các tư cụ… liền đến chỗ vị kia khuyên rằng: "Cụ thọ biết chăng, cụ thọ đã trì giới tu các pháp thiện, lại hay thường hằng thí, ái lạc thí, quảng đại thí, phân bố thí… cụ thọ có phước bố thí như thế chắc chắn sẽ sanh thiên". Vị trì giới kia nghe rồi liền hỏi: "Như vậy tôi phải làm sao?", đáp: "Cụ thọ nên xả thân, nên tự sát". Nếu vị trì giới kia nghe lời khuyên bèn tự sát thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca; nếu không nghe theo lời khuyên thì Bí-sô ni này phạm Tốt-thổ-la-để . Nếu sau khi khuyên rồi hối hận trở lại chỗ vị trì giới kia nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, lời khuyên trước đây của tôi cũng như lời của kẻ ngu không phân biệt kỹ, không suy xét kỹ nên nói năng bừa bãi. Cụ thọ đã trì giới tu các pháp thiện… chắc chắn sanh cõi trời". Vị trì giới kia nếu hỏi: "Như vậy tôi phải làm sao?", đáp: "Cụ thọ đừng xả thân, đừng tự sát". Nếu vị trì giới kia không tự sát thì Bí-sô ni này phạm Tốt-thổ-la-để, nếu vị trì giới kia tuy nghe lời khuyên trước dây mà vẫn không tự sát thì Bí-sô ni này cũng phạm Tốt-thổ-la-để.

Sao gọi là khuyên người bịnh chết? như có Bí-sô đối với Bí-sô ni bịnh có mong cầu gì như y bát, các tư cụ… nghĩ rằng: "Nếu người bịnh nặng này còn sống thì y bát… của vị này không có lý do gì ta có thể được, ta nên đến khuyên khiến cho chết", nghĩ rồi liền đến chỗ người bịnh nói rằng: "Cụ thọ

biết chăng, cô bịnh nặng đã lâu, chịu đã nhiều đau khổ, nếu kéo dài sự sống thì bịnh khổ càng tăng thường chịu đau đớn". Người bịnh nghe rồi liền hỏi: "Như vậy tôi phải làm sao?", đáp: "Cụ thọ nên xả thân, nên tự sát". Nếu người bịnh nghe theo lời khuyên liền tự sát thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca, nếu không nghe theo lời khuyên thì Bí-sô ni này phạm Tốt-thổ-la-đề . Nếu sau khi khuyên rồi hối hận liền trở lại chỗ người bịnh nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, lời khuyên trước đây của tôi cũng như lời của kẻ ngu, không phân biệt kỹ, không suy xét kỹ nên nói năng bừa bãi. Cụ thọ nên gần gũi thiện tri thúc có thể tìm thuốc đúng bịnh và thức ăn không kiêng, như pháp nuôi bịnh thì không bao lâu sau cụ thọ sẽ lành bịnh, tùy ý du hành". Người bịnh nghe rồi nếu hỏi: "Như vậy tôi phải làm sao?", đáp: "Cụ thọ đừng xả thân, đừng tự sát". Nếu người bịnh nghe lời không tự sát thì Bí-sô ni này phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu người bịnh tuy nghe lời khuyên trước kia mà vẫn không tự sát thì Bí-sô ni này cũng phạm Tốt-thổ-la-đề.

Nói khen chết là Bí-sô ni đối trước người muốn chết khen ngợi chết. Nói này cô là lời kêu gọi. Nói mang cái thân tội lụy này làm chi nữa, thà chết còn hơn sống là nói lời khinh chê. Nói tùy theo tâm niệm của mình là tâm mình sanh niệm khác. Nói dùng những lời lẽ khác là dùng nhiều phương tiện khuyên khiến chết. Nói khen khiến cho chết là ở

trước người bịnh khéo léo khen ngợi cái chết khiến cho họ muốn chết. Nếu người đó do phương tiện này mà chết tức là do nghe theo lời khuyên, khen mà cầu chết, không phải vì việc gì khác. Nói Bí-sô ni là chỉ cho người có tánh Bí-sô, tánh Bí-sô là đã thọ viên cụ. Nghĩa của Ba-la-thị-ca như giới trên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Có lúc dùng nội thân
Hoặc dùng vật bên ngoài
Hoặc cả hai trong ngoài
Đây gọi là tướng sát.

Sao gọi là dùng nội thân giết? Nếu Bí-sô ni có tâm sát, dùng tay đánh đập nam, nữ, bán trạch ca… do đây liền mạng chung thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca. Nếu lúc đó không chết nhưng do duyên này sau lại chết thì Bí-sô ni này cũng phạm Ba-la-thị-ca. Nếu lúc đó không chết sau cũng không chết thì Bí-sô ni này phạm Tốt-thổ-la-đề. Tay đã như thế cho đến các thân phần khác như đầu, vai, chân… đánh đá muốn khiến kia phải chết; nếu chết thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca, nếu lúc đó không chết nhưng do duyên này sau lại chết thì Bí-sô ni này cũng phạm Ba-la-thị-ca; nếu trước sau đều không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

Sao gọi là dùng vật bên ngoài giết? Nếu Bí-sô ni có tâm sát dùng tên bằng tre hay bằng sắt… bắn

chết nam, nữ, bán trạch ca… do đây mà chết thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca; nếu lúc đó không chết nhưng do duyên này sau lại chết thì cũng phạm Ba-la-thị-ca; nếu trước sau đều không chết thì phạm Tốt-thổ-la-để . Cho đến dùng các loại binh khí như mâu giáo… hoặc gạch đá… từ xa phóng ném tới với tâm sát hại muốn cho chết, do đây mà chết thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca, nếu không chết liền sau mới chết cũng phạm Ba-la-thị-ca, nếu trước sau đều không chết thì phạm Tốt-thổ-la-để.

Sao gọi là dùng cả hai trong ngoài để giết? Nếu Bí-sô ni với tâm sát cầm dao giết nam, nữ, bán trạch ca, do phương tiện này mà mạng chung thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca. Nếu lúc đó không chết sau mới chết cũng phạm Ba-la-thị-ca; nếu lúc đó không chết sau cũng không chết thì phạm Tốt-thổ-la-để. Cho đến các loại binh khí khác như kiếm, giáo mác… cây đá… đánh đâm hay đập người kia với tâm sát hại cho chết, do phương tiện này mà mạng chung thì phạm Ba-la-thị-ca, hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên.

Nhiếp Tụng:

Dùng thuốc độc, bột độc
Và ở hai chỗ nương
Hoặc cho uống rượu say
Đặt bẩy rập hại người.

Sao gọi là dùng thuốc độc giết? Nếu Bí-sô ni với tâm sát hại dùng thuốc độc hòa vào trong thức ăn để giết nam, nữ bán trạch ca…, do phương tiện này mà người kia mạng chung thì phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên.

Sao gọi là dùng bột độc giết? Nếu Bí-sô ni với tâm sát hại dùng bột độc thoa vào người hoặc hòa vào trong nước tắm, hoặc hòa vào trong hương thoa để giết nam, nữ, bán trạch ca…, do phương tiện này mà người kia mạng chung thì phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên.

Sao gọi là ở hai chỗ nương giết? Tức là ở hai chỗ nơi đất và nơi cây. Nơi đất là Bí-sô ni với tâm sát hại đào hầm hố rồi đặt bẫy dưới đó, khi nam, nữ, bán trạch ca… đi qua bị mắc phải mà chết; hoặc thả sư tử, hổ lang đến ăn thịt họ; hoặc để cho gió thổi nắng nung nóng đến chết khô, hoặc chết vì đói khát, do những phương tiện này mà mạng chung thì phạm Ba-la-thị-ca, nếu không chết thì phạm Tốt-thổ-la-để. Cho đến đầu gối, bắp chân, eo lưng, ngực, cổ… bị mắc dính đến chết… cho đến chết vì đói khát đều phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên. Nơi cây là nếu Bí-sô ni cố tâm muốn giết nam, nữ, bán trạch ca… ở nơi cây lớn hay cột trụ, cây cọc… dùng dây cột họ vào đó… cho đến chết vì đói khát đều phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên.

Sao gọi là cho uống rượu say giết? Nếu Bí-sô

ni cố tâm muốn giết nam, nữ, bán trạch ca cho uống rượu say, nhơn đây mà chết cho đến chết vì đói khát, đều do rượu mà phải mạng chung thì phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên. Rượu nếp đã như thế cho đến các loại rượu cất bằng rễ, hoa quả… hoặc niệm chú vào trong rượu, hoặc pha thuốc vào trong rượu, uống vào tâm sanh cuồng loạn, ngu si không biết phải trái, do phương tiện này dẫn đến mạng chung. Hoặc cho uống rượu say cô tâm muốn cho vua quan, giặc hay oan gia giết họ thảy đều phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên.

Sao gọi là đặt máy cung, bẩy rập giết? Nếu Bí-sô ni cố tâm muốn giết nam, nữ, bán trạch ca… bèn đặt máy cung để bắn tên sắt hoặc đặt bẩy rập có gươm dao bên đường, khi họ đi ngang qua sẽ bị bắn trúng hay bị chặt đứt chân tay hay thân phần khác, do phương tiện này mà mạng chung thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên. Cho đến các máy móc bẩy rập khác làm chết người, định tội giống như trên.

Nhiếp Tụng:

Chú nguyện thây chết dậy
Đọa thai và bùa chú
Xô đẩy và nước lửa
Sai khiến và lạnh, nóng.

Sao gọi là chú nguyện thây chết dậy giết? Nếu

Bí-sô ni cố tâm muốn giết nam, nữ, bán trạch ca… vào ngày thứ mười bốn không trăng đến chỗ bỏ thây chết, tìm thây nào mới chết chưa có tổn hoại, lấy đất màu vàng lau chùi rồi dùng nước thơm rửa thây chết đó, lấy một cặp bạch điệp mới phủ lên, dùng tô thoa chân rồi chú nguyện. Khi thấy thây chết muốn đứng dậy thì đặt thây trên xe hai bánh, lấy hai cái linh bằng đồng cột vào cổ, đặt hai cây dao nhọn vào tay. Lúc đó thây chết đứng dậy hỏi: "Cô muốn tôi giết ai?", Bí-sô ni nói: "Ngươi có biết nam (nữ, bán trạch ca…) tên là hay không?", đáp biết, Bí-sô ni nói: "Ngươi có thể đến giết người đó hay không?". Nếu người đó bị giết thì Bí-sô ni phạm Ba-la-thị-ca; nếu ở nhà đó có kết các loại dược thảo thành tua cột ngang trên cửa và đặt trong bình nước, hoặc nơi cửa cột con trâu cái với con trâu nghé cùng màu, hoặc cột con dê cái với con dê con cùng màu, hoặc nhà có Ma-dược-thạch, Thạch-trục, hoặc ở cửa có cọc Nhơn-đà-la hay có lửa thường cháy, hoặc nhà có đặt hình tượng Phật, hoặc Chuyển luân vương, hoặc mẹ của Chuyển luân vương mang thai Chuyển luân vương, hoặc có hình tượng bồ tát, hoặc mẹ của Bồ tát mang thai Bồ tát, hoặc sắp tụng giới, hoặc đang tụng giới; hoặc sắp tụng kinh hay đang tụng kinh như kinh Tiểu không, kinh Đại không… khi có những loại như vậy thủ hộ thì thây chết đứng dậy đó không thể vào nhà giết chết người được, lúc đó Bí-sô ni

phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu Bí-sô ni không thành thạo làm pháp khiến cho thây chết đứng dậy thì thây chết này sẽ đi thụt lùi đến giết Bí-sô ni, nếu Bí-sô ni chú nguyện để giết thây chết này thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Trên đây là nguyên thây chết đứng dậy, nếu là nửa thây chết đứng dậy thì sự việc cũng giống như trên, chỉ khác là xe một bánh, cột một cái linh vào cổ và đặt một con dao vào tay, định tội cũng giống như trên.

Sao gọi là đọa thai giết? Nếu Bí-sô ni muốn giết người mẹ mang thai chứ không muốn giết cái thai, lấy chân đạp hay đá vào bụng, nếu chỉ có người mẹ chết thì Bí-sô ni phạm Ba-la-thị-ca; nếu cái thai chết, bà mẹ không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề; nếu cả hai đều chết thì đối với bà mẹ phạm Ba-la-thị-ca; nếu cả hai không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu Bí-sô ni muốn giết cái thai chứ không muốn giết bà mẹ, dùng chân đạp hay đá vào bụng, nếu chỉ có cái thai chết thì Bí-sô ni phạm Ba-la-thị-ca; nếu bà mẹ chết, cái thai không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề; nếu cả hai đều chết thì phạm Ba-la-thị-ca, nếu cả hai đều không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

Sao gọi là dùng bùa chú giết? Nếu Bí-sô ni cố tâm muốn giết nam, nữ, bán trạch ca… nên thiết lập Mạn đồ la, đặt một lò lửa, đốt lửa lên, khi đút cây củi vào lò, miệng tụng cấm chú nghĩ rằng: "Khi nào cây củi cháy hết thì người kia liền chết". Nếu

cây củi mới cháy được phân nữa thì người chết, Bí-sô ni này phạm Tốt-thổ-la-để; nếu cây củi cháy hết người kia mới chết thì Bí-sô ni phạm Ba-la-thị-ca. Nếu Bí-sô ni cố tâm muốn giết nam, nữ, bán trạch ca… lấy hạt vừng, hạt cải mỗi thứ một thăng rồi cho vào cối giã, miệng tụng cấm chú nghĩ rằng: "Khi nào những hạt này giã thành bột thì người kia chết". Nếu giã chưa thành bột mà người kia chết thì Bí-sô ni phạm Tốt-thổ-la-để; nếu đã thành bột mới chết thì Bí-sô ni phạm Ba-la-thị-ca.

Nếu Bí-sô ni với tâm sát hại khởi phương tiện dùng một thăng sữa bò đựng trong một cái tô, dùng ngón tay quậy sữa, miệng tụng cấm chú nghĩ rằng: "Khi sữa đựng trong tô biến thành máu thì người kia chết". Nếu sữa trong tô chưa thành máu người kia liền chết thì Bí-sô ni này phạm Tốt-thổ-la-để; nếu sữa trong tô đều biến thành máu người kia mới chết thì phạm Ba-la-thị-ca.

Nếu Bí-sô ni cố tâm muốn giết người, khởi phương tiện dùng chỉ năm sắc may Tăng-già-chi, miệng tụng cấm chú nghĩ rằng: "Nếu may y này xong thì người kia chết". Nếu may y chưa xong, người kia liền chết thì Bí-sô ni này phạm Tốt-thổ-la-để; nếu may y xong mới chết thì phạm Ba-la-thị-ca.

Nếu Bí-sô ni cố tâm muốn giết người, khởi phương tiện dùng ngón tay vẽ trên mặt đất, miệng tụng cấm chú nghĩ rằng: "Vẽ đủ bảy số thì người

kia chết". Nếu vẽ chưa đủ bảy số người đó liền chết thì Bí-sô ni này phạm Tốt-thổ-la-để; nếu vẽ xong bảy số mới chết thì phạm Ba-la-thị-ca.

Sao gọi là xô xuống giết? Nếu Bí-sô ni muốn giết người tìm cách xô người từ vách núi, sườn núi… các chỗ cao nguy hiểm xô xuống cho chết, nếu do đây mà chết thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca. Nếu lúc đó không chết sau mới chết cũng phạm Ba-la-thị-ca; nếu trước sau đều không chết thì phạm Tốt-thổ-la-để. Cho đến xô từ trên tường, trên cây, trên lưng voi, lưng ngựa… từ những chỗ cao xô xuống; hoặc dùng đầu, vai, đầu gối chân… các thân phần khác để xô xuống cho chết, nếu do đây mà chết thì phạm Ba-la-thị-ca. Lúc đó nếu không chết sau mới chết cũng phạm Ba-la-thị-ca; nếu trước sau đều không chết thì phạm Tốt-thổ-la-để.

Sao gọi là giết trong nước? Nếu Bí-sô ni muốn giết người xô người xuống nước, do đây mà chết thì phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên. Nước là chỉ chung sông, biển, ao, hồ, giếng… cho đến đổ nước vào miệng khiến cho chết, định tội như trên.

Sao gọi là giết trong lửa? Nếu Bí-sô ni muốn giết người xô vào trong lửa, do đây mà chết thì phạm Ba-la-thị-ca, hay phạm Tốt-thổ-la-để, giống như trên. Lửa chỉ chung cho hỏa hoạn thiêu đốt nhà cửa, thôn xóm, thành ấp, rừng cây… cho đến dùng

tro than bỏ vào miệng khiến cho chết, định tội như trên.

Sao gọi là sai khiến giết? Nếu Bí-sô ni muốn giết người bèn sai người đó đến chỗ nguy hiểm khiến cho chết, do đây mà chết thì phạm Ba-la-thị-ca hay phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên. Chỗ nguy hiểm là chỉ chung những nơi có giặc cướp, oan gia, thú dữ… đến đó nhất định phải chết.

Sao gọi là lạnh rét giết? Nếu Bí-sô ni muốn giết người, lúc trời lạnh rét ban ngày cho người đó ở trong nhà, nhưng ban đêm lại cho ở ngoài trời trên chỗ ẩm ướt, do duyên này mà chết thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca hay phạm Tốt-thổ-la-để, định tội giống như trên.

Sao gọi là nóng bức giết? Nếu Bí-sô ni muốn giết người, lúc trời nóng bức ban ngày cho người đó ở ngoài trời, ban đêm cho ở trong nhà kín lại thêm dùng khói lửa xông vào… do duyên này mà chết thì Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca hay phạm Tốt-thổ-la-để, định tội như trên.

Học Xứ Thứ 4: DỐI NÓI MÌNH ĐƯỢC PHÁP THƯỢNG NHƠN

Lúc đó Thế tôn du hành trong nhân gian đến ở trong rừng Thăng nhiếp ba thuộc thôn phía Bắc Trúc-lâm, lúc này ở thế gian bị mất mùa đói kém nên khất thực khó được, cha mẹ đối với con cái còn không thể giúp nhau huống chi là người khác đến

xin, cho nên Thế Tôn bảo các Bí-sô: "Hiện nay gặp lúc mất mùa đói kém, khất thực khó được; cha mẹ đối với con cái còn không thể giúp nhau cho nên các thầy mỗi người nên tìm đến chỗ thân hữu ở các tụ lạc gần Bệ-xá Ly để an cư, Như Lai và A Nan an cư trong rừng này". Các Bí-sô nghe rồi vâng theo lời Phật dạy, mỗi người tìm đến chỗ thân hữu của mình ở các tụ lạc gần Bệ-xá Ly để an cư. Lúc đó năm trăm Bí-sô thiện lai nói với nhau: "Như Thế Tôn dạy hiện nay gặp lúc mất mùa đói kém khất thực khó được, cha mẹ đối với con cái còn không thể giúp nhau huống chi là người khác đến xin. Các Bí-sô mỗi người đều tìm đến chỗ thân hữu ở tụ lạc gần Bệ-xá Ly để an cư, Phật và A Nan an cư trong khu rừng đó. Ở đây chúng ta không có ai quen thuộc để tìm đến an cư, nhưng ở thôn ngư phủ thì chúng ta có quyến thuộc, chúng ta nên đến đó thăm hỏi rồi ở ngoài thôn tạm cất thảo am để an cư". Bàn xong năm trăm Bí-sô này liền đến thôn ngư phủ hỏi ý kiến các quyến thuộc rồi cất tạm thảo am ở ngoài thôn để an cư. Lúc đó năm trăm Bí-sô này nói với nhau: "Chúng ta chưa học hiểu nhiều giáo lý, nếu các quyến thuộc đến thỉnh hỏi làm sao chúng ta thuyết pháp cho họ nghe. Nếu khi họ đến chúng ta phải khen ngợi lẫn nhau như vầy: Bà con được thiện lợi lớn, vì trong tụ lạc này có số tăng chúng thắng diệu đến an cư. Các Bí-sô này đã chứng tưởng vô thường, tưởng khổ vô thường,

tưởng khổ không, tưởng không vô ngã, tưởng nhàm lìa ẩm thực, tưởng không ưa thích tất cả thế gian, tưởng hoạn nạn, tưởng đoạn trừ, tưởng lìa dục, tưởng chấm dứt, tưởng chết chóc, tưởng bất tịnh, tưởng bầm xanh, tưởng phình trướng, tưởng máu mủ chảy ra, tưởng trùng vòi ăn, tưởng máu huyết đầy khắp, tưởng tan rã, tưởng xương trắng, tưởng quán không. Các Bí-sô này đắc tĩnh lự thứ nhất, tĩnh lự thứ hai, tĩnh lự thứ ba, tĩnh lự thứ bốn; đắc bốn tâm từ bi hỉ xả, đắc Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Các Bí-sô này chứng bốn quả, được sáu thần thông, tám Giải thoát…". Thời gian sau, các thân quyến đến thăm hỏi, các Bí-sô này liền khen ngợi lẫn nhau như đã cùng bàn tính trước cho đến câu "Các Bí-sô này chứng bốn quả, được sáu thần thông, tám Giải thoát". Các quyến thuộc nghe rồi hỏi rằng: "Các Thánh giả thật sự chứng được thắng quả như vậy chăng?", các Bí-sô này đáp: "Thật như vậy". Những người thế tục trong thôn ngư phủ nghe các Bí-sô này chứng được Thắng quả như thế đều sanh lòng kính mến; đối với cha mẹ, vợ con quyến thuộc của họ còn không thể giúp nhau nhưng đối với các Bí-sô này họ cung phụng thức ăn thức uống đầy đủ.

Pháp thường của chư Phật khi chưa vào Niết-bàn còn an trụ ở thế gian, đối với đệ tử hằng năm có hai lần nhóm họp, một là vào ngày mười lăm

tháng bốn làm lễ an cư, hai là ngày mười lăm tháng bảy làm lễ tùy ý. Nếu người Tiền an cư thì sau khi thọ giáo hóa rồi liền đi đến thành ấp thôn xóm nào đó để an cư; sau khi làm lễ tùy ý rồi liền trở về tụ hội chỗ Phật để trình bày sự chứng đắc của mình cho tất cả đều biết, nếu Bí-sô nào chưa chứng đắc thì cầu thỉnh phương pháp để tu chứng. Lúc đó các Bí-sô an cư gần Bệ-xá Ly sau ba tháng an cư, may y xong với nhan sắc tiều tụy, hình dung gầy yếu chấp trì y bát đi đến Trúc-lâm. Vừa đến nơi cụ thọ A Nan-đà từ xa đã trông thấy, đối với các Đồng phạm hạnh cụ thọ khởi tâm thân ái vui mừng gọi Thiện lai, rồi tới trước đón tiếp cầm lấy y bát… và thăm hỏi: "Các cụ thọ an cư ở nơi nào đến?", các Bí-sô đáp: "Chúng tôi an cư ba tháng ở tụ lạc Phật Lật Thị, nay đến yết kiến Thế Tôn" , A Nan-đà hỏi: "Các cụ thọ an cư ba tháng cầu ẩm thực có vất vả không?", các Bí-sô đáp: "Ba tháng an cư tuy an lạc nhưng khất thực rất khó khăn vất vả", A Nan-đà nói: "Các cụ thọ hình dung gầy yếu đủ biết cầu ẩm thực rất khó khăn".

Lúc đó năm trăm Bí-sô ở thôn ngư phủ an cư xong cũng chấp trì y bát đến Trúc-lâm yết kiến Thế Tôn, cụ thọ A Nan-đà cũng đón tiếp thăm hỏi như đối với các Bí-sô trên, năm trăm Bí-sô này đáp: "Chúng tôi an cư nơi đó được an lạc, việc ẩm thực dễ cầu", A Nan-đà nói: "Các cụ thọ nhan sắc hồng hào, hình dung mập béo đủ biết ẩm thực dễ cầu;

nhưng hiện nay gặp lúc mất mùa đói kém, cha mẹ đối với con cái còn không thể giúp nhau, tại sao các cụ thọ lại dễ được ẩm thực?". Năm trăm Bí-sô này nói: "Chúng tôi đối trước các quyến thuộc tự khen ngợi lẫn nhau là Bí-sô này đắc tưởng vô thường… (như trên) cho đến câu đắc tám Giải thoát nên được các quyến thuộc cúng dường thức ăn thức uống đầy đủ". A Nan-đà hỏi: "Những gì các cụ thọ tự khen ngợi lẫn nhau là thật hay hư?", năm trăm Bí-sô đáp: "Là hư không phải thật". A Nan-đà nói: "Các cụ thọ há vì chút ăn uống, tự thân không có pháp thượng nhơn mà lại tự xưng là chứng được hay sao?", năm trăm Bí-sô nói: "Dù hợp hay không thì chúng tôi cũng đã nói rồi". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền quở trách năm trăm Bí-sô này: "Tại sao các người vì tham ăn uống, tự thân không có pháp Thượng nhân mà lại tự xưng là chứng được?". các Bí-sô liền đem sự duyên này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô và hỏi năm trăm Bí-sô an cư ở thôn ngư phủ: "Các thầy thật không có pháp Thượng nhân mà tự xưng là chứng được phải không?". Năm trăm Bí-sô này đáp: "Thật vậy thưa Thế Tôn". Phật liền dùng đủ lời quở trách các Bí-sô này rằng: "Việc các thầy đã làm không phải của sa môn, không phải hạnh tùy thuận, là việc không nên làm, không phải oai nghi, là việc mà người xuất gia không nên làm. Các thầy nên biết trong thế gian Có ba loại Đại tặc: Một là

loại đại tặc hoặc có trăm chúng, ngàn chúng, trăm ngàn chúng kéo đến thành ấp xóm làng đục tường, mở khóa lấy trộm tài vật của người; hoặc chận đường giết người cướp của; hoặc phóng hỏa đốt xóm làng; hoặc cướp phá quốc khố. Hai là loại đại tặc không có trăm chúng, ngàn chúng, trăm ngàn chúng, không đến thành ấp đục tường mở khóa trộm lấy tài vật của người; cũng không chận đường giết người cướp của… như trên; nhưng lại lấy vật của Tăng kỳ như củi, rau, hoa trái… đem bán để tự nuôi sống hay đem cho người khác. Ba là loại Đại tặc không có trăm chúng, ngàn chúng, trăm ngàn chúng, không đến thành ấp đục tường mở khóa trộm lấy tài vật của người… như trên; cũng không lấy vật của Tăng kỳ… như trên; nhưng tự thân thật chưa chứng đắc pháp Thượng nhân mà lại vọng nói là đã chứng đắc. Này các Bí-sô, đại tặc thứ nhất, đại tặc thứ hai không gọi là Đại tặc mà chỉ gọi là Tiểu tặc; còn các Bí-sô thật chưa chứng đắc pháp thượng nhân mà tự xưng là đã chứng đắc, thì ở trong loài người, trời, ma phạm, sa môn, Bà-la-môn mới chính là Đại tặc". Như Lai liền nói kệ:

"Thật không phải La Hán,
Tự nói là La Hán,
Ở trong loài người, trời,
Mới chính là Đại tặc".

Thế Tôn đủ lời quở trách rồi liền bảo các Bí-sô: "Ta quán thấy mười điều lợi nên ở nơi Tỳ-nại-

da chế học xứ này cho các hai bộ đệ tử Thanh văn như sau: Nếu lại có Bí-sô, Bí-sô ni thật sự không biết, không biết gì hết, tự biết mình không chứng đắc pháp Thượng nhân, là pháp mà bậc Thánh giả tịch tịnh chứng ngộ thù thắng, trụ trong Trí kiến an lạc mà nói là tôi biết tôi thấy. Vị này vào thời gian khác hoặc có người hỏi hay không có người hỏi, vì muốn được thanh tịnh nên nói rằng: Này các cụ thọ, thật sự tôi không biết, không thấy mà vọng nói là có biết có thấy, đó là lời nói hư dối. Bí-sô, Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca không nên cùng ở chung."

Sau khi Thế Tôn chế học xứ này cho các Bí-sô rồi, lúc đó có một số đông Bí-sô trụ ở A-lan-nhã thọ ngọa cụ thô xấu, do sách tấn chuyên tu tương ưng nên được chút ít tự tướng, tịch chỉ phương tiện thế gian, liền nghĩ là đã chiết phục được phiền não và dục nhiễm sân hận không còn hiện hành nên nói với nhau: "Các cụ thọ biết chăng, ở trong A-lan-nhã những gì nên chứng đắc tôi đều đã chứng được, đời này sanh đã tận, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Nay tôi có thể rời khỏi A-lan-nhã đến ở nơi tụ lạc". Nói xong họ liền cùng nhau rời khỏi A-lan-nhã đến ở nơi tụ lạc, nhưng khi ở đây họ thường gặp nữ nhơn, hoặc cầu tịch, tịnh nhơn; do cùng ở chung xen tạp nên phiền não sanh khởi trở lại, dục nhiễm và sân hận lại hiện hành, các Bí-sô này nói với nhau: "Thế

Tôn đã ở nơi Tỳ-nại-da chế học xứ cho các đệ tử: Nếu lại có Bí-sô thật sự không biết… như trên cho đến câu không nên cùng ở chung. Chúng ta sống ở A-lan-nhã thọ ngọa cụ thô xấu, do sách tấn chuyên tu tương ưng… như trên cho đến câu dục nhiễm và sân hận lại hiện hành. Như vậy há chẳng phải chúng ta đã phạm tội Tha-thắng rồi hay sao. Chúng ta nên đến chỗ cụ thọ A Nan-đà nói rõ sự việc, cụ thọ nói thế nào thì chúng ta sẽ làm theo như thế ấy". Nói rồi họ liền cùng nhau đi đến chỗ cụ thọ A Nan-đà nói rõ sự việc như trên và hỏi: "Không biết chúng tôi có phạm tội Tha-thắng không?". Cụ thọ A Nan-đà nghe rồi liền dẫn các Bí-sô này đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi đem sự việc kể trên bạch Phật và hỏi: "Thế Tôn, các Bí-sô này có phạm tội cực trọng hay không?". Thế Tôn nói: "Này A Nan-đà, trừ bậc tăng thượng mạn không phạm bổn tội". Lúc đó Thế Tôn liền dùng đủ phương tiện vì người ưa thích trì giới, người tôn trọng giới tùy thuận khuyến dụ mà thuyết pháp rồi bảo các Bí-sô: "Này các Bí-sô, trước kia là sáng chế (chế lần đầu tiên) còn bây giờ là tùy khai. Nay ta vì các hai bộ đệ tử Thanh văn nói lại học xứ này như sau: Nếu lại có Bí-sô, Bí-sô ni thật không biết, không biết gì hết, tự biết mình không chứng đắc pháp Thượng nhân, là pháp mà bậc Thánh giả tịch tịnh chứng ngộ thù thắng, trụ trong Trí kiến an lạc mà nói là tôi biết tôi thấy. Vị này vào một thời gian khác có người hỏi

hay không có người hỏi, vì muốn được thanh tịnh nên nói rằng: Các cụ thọ, tôi thật không biết không thấy mà vọng nói là có biết có thấy, đó là lời nói hư dối. Trừ bậc tăng thượng mạn, Bí-sô, Bí-sô ni này phạm Ba-la-thị-ca không nên cùng ở chung".

- Nghĩa của Bí-sô ni như rong giới trên đã nói.

- Không biết là không biết sắc thọ tưởng hành thức.

- Không biết gì hết là không biết gì về sắc thọ tưởng hành thức .

- Pháp thượng nhân: Thượng là chỉ cho Sắc giới ở trên Dục giới và Vô sắc giới ở trên Sắc giới; Nhân là chỉ cho phàm nhân; pháp là chỉ cho Ngũ Cái, có thể trừ được Ngũ cái này thì gọi là Thượng.

- Tịch tĩnh là Niết-bàn; Thánh là chỉ cho Phật và Thanh văn; Chứng ngộ thù thắng là chỉ cho bốn quả sa môn tức là quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn và A-la-hán.

- Trí là bốn trí Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí và các Trí khác; Thấy là thấy bốn Thánh đế; An lạc trụ là được bốn tĩnh lự; Nói Tôi biết là biết pháp Tứ đế; Nói Tôi thấy là thấy Trời, rồng, dạ xoa, Yết-lan-đạc-ca lộ đồ, Kiền đạt bà, Khẩn na la, Cưu-bàn-trà, Yết-lan-đạc-ca tra bố đơn na, quỷ Tất xá già. Nói Tôi nghe là nghe tiếng Trời, rồng… tiếng quỷ Tất-xá-già; Tôi đến cõi trời… chỗ quỷ Tất xá già; Hoặc Trời, rồng… đền chỗ tôi; Tôi thân gần

nói chuyện với Trời, rồng…; Trời, rồng… cũng thân gần nói chuyện với tôi.

- Thật chưa chứng mà vọng nói là đã chứng tức là nói đắc tưởng Vô thường… đắc tám Giải thoát.

- Vị ấy vào thời gian khác là không phải lúc đang nói; Có người hỏi là bị người khác hỏi; Không có người hỏi là do mình sanh tâm hối hận mà ưu sầu; Muốn mình được thanh tịnh là mong cầu khỏi tội .

- Nói rằng: Cụ thọ, tôi thật không biết là thuộc về ý thức; Tôi thật không thấy là thuộc về nhãn thức.

- Hư dối vọng ngữ là nói khác với ý nghĩ; Trừ bậc Tăng thượng mạn là trừ người tăng thượng mạn, họ chưa thật chứng mà tưởng là đã thật chứng, do không có tâm hư vọng nên không phạm tội căn bản.

- Chữ "Thử" là chỉ cho người phạm; Bí-sô, Bí-sô ni là người có tánh Bí-sô (như đã giải ở trong các giới trên) cho đến câu không thuộc trong mười hai hạng người Tăng sai nên gọi là không cùng ở chung.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Thấy tướng A-lan-nhã,
Trong nhà thọ diệu tòa,
Hay biết nơi tự tướng,

Phương tiện hiển mình chứng.

- Nếu Bí-sô ni ưa muốn như vậy, chấp nhận như vậy nói rằng: "Tôi thấy chư thiên cho đến thấy Yết-tra-bố-đơn-na" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói thấy quỷ Phấn tảo thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô ni ưa muốn như vậy, chấp nhận như vậy nói rằng: "Tôi nghe tiếng Trời… tiếng Yết-tra-bố-đơn-na" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói nghe tiếng quỷ Phấn tảo thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Tối đến chỗ chư thiên cho đến chỗ Yết-tra-bố-đơn-na" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói tôi đến chỗ quỷ Phấn tảo thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Chư thiên đến chỗ tôi cho đến Yết-tra-bố-đơn-na đến chỗ tôi" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói quỷ Phấn tảo đến chỗ tôi thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Tôi thân gần nói chuyện với chư thiên cho đến Yết-tra-bố-đơn-na" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói thân gần nói chuyện với quỷ Phấn tảo thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Chư thiên thân gần nói chuyện với tôi cho đến Yết-tra-bố-đơn-na" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói quỷ Phấn tảo thân gần nói chuyện với tôi thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Tôi đắc

tưởng Vô thường" mà thật sự là không đắc thì phạm Ba-la-thị-ca, cho đến nói được Câu giải thoát đều phạm Ba-la-thị-ca.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có nhiều Bí-sô ở thôn xóm hoặc A-lan-nhã phần nhiều bị phi nhơn đến nhiễu loạn. Trong số đó người nào đắc quả dự lưu hoặc Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thì không bị phi nhơn nhiễu loạn; tôi ở nơi đó cũng không bị phi nhơn nhiễu loạn" thì phạm Ba-la-thị-ca.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Ở trong nhà của , thọ thỉnh thực trên tòa ngồi trải bằng lụa tạp năm màu thắng diệu, nếu người nào đắc bốn quả mới được ngồi trên tòa đó thọ thực; tôi cũng được ngồi trên tòa thắng diệu đó thọ thực" thì phạm Ba-la-thị-ca.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có nhiều chúng Bí-sô ở A-lan-nhã hoặc trong tụ lạc được chút ít định tự tướng, tâm được chánh định, điều phục được phiền não; dục tham, sân hận không hiện hành. Tôi cũng ở nơi A-lan-nhã đó được một ít tự tướng… sân hận không hiện hành" thì phạm Ba-la-thị-ca.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có Bí-sô đích thân thấy chư thiên" mà không nói là tôi thấy thì phạm Tốt-thổ-la-để; cho đến thấy Yết-tra-bố-đơn-na mà không nói là tôi thấy cũng phạm Tốt-

thổ-la-để; nói thấy quỷ Phấn tảo mà không nói là tôi thấy thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có Bí-sô nghe tiếng của chư thiên" mà không nói là tôi nghe thì phạm Tốt-thổ-la-để; cho đến nghe tiếng của Yết-tra-bố-đơn-na mà không nói là tôi nghe cũng phạm Tốt-thổ-la-để; nghe tiếng của quỷ Phấn tảo mà không nói là tôi nghe thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có Bí-sô đến chỗ của chư thiên" cho đến chỗ của Yết-tra-bố-đơn-na mà không nói là Tôi đến thì phạm Tốt-thổ-la-để; chỗ của quỷ Phấn tảo mà không nói là Tôi đến thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có chư thiên cho đến Yết-tra-bố-đơn-na đến chỗ của Bí-sô" mà không nói là đến chỗ Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu nói là quỷ Phấn tảo thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có Bí-sô thân gần nói chuyện với chư thiên cho đến Yết-tra-bố-đơn-na "Mà không nói là Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu nói là quỷ Phấn tảo thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có chư thiên cho đến Yết-tra-bố-đơn-na thân gần nói chuyện với Bí-sô" mà không nói là Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu nói có quỷ Phấn tảo thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có Bí-sô

đắc tưởng Vô thường cho đến tám Giải thoát" mà không nói là Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có nhiều Bí-sô ở A-lan-nhã hoặc trong tụ lạc thường bị phi nhơn quấy nhiễu, trong đó Bí-sô nào đắc bốn quả thì không bị phi nhơn nhiễu loạn; có một Bí-sô ở trong tụ lạc đó cũng không bị phi nhơn nhiễu loạn" mà không nói là Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có nhiều chúng Bí-sô ở trong nhà thế tục ngồi trên tòa thắng diệu thọ thực đều đã chứng bốn quả; có một Bí-sô cũng đã ở trong nhà đó ngồi trên tòa thắng diệu thọ thực" mà không nói rõ là Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô ni tâm vọng nói rằng: "Có nhiều Bí-sô ở A-lan-nhã hoặc ở tụ lạc được ít định tự tướng, điều phục được phiền não, tham dục sân hận không hiện hành; có một Bí-sô ở trong tụ lạc kia cũng được ít định tự tướng… sân hận không hiện hành" mà không nói rõ là Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 5

Học Xứ Thứ 5: XÚC CHẠM

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó Thế tôn vẫn chưa chế các Bí-sô ni không nên ở A-lan-nhã, như Thế tôn dạy: Nay Ta vì lợi ích thương xót các Thanh văn, việc cần nên làm đều đã làm xong, các đệ tử cũng nên tác ý rằng: Hãy nương nơi A-lan-nhã hoặc bên gốc cây nơi chỗ yên tĩnh hoặc trong núi hang, trong am cỏ hoặc chỗ đất trống trụ trong tĩnh lự chớ có buông lung Để-sau này hối hận, đây là giáo huấn của Ta. Cho nên các Bí-sô ni đều trụ nơi A-lan-nhã để tĩnh tâm, lúc đó ni Liên-hoa-sắc khi chưa xuất gia, chưa lìa dục nhiễm dung mạo đoan chánh hơn người, người nam nào muốn cùng cô hoan lạc phải mang đến năm trăm kim tiền. Lúc đó có một Bà-la-môn tử say mê Liên-hoa-sắc nhưng lại không có đủ tiền, Liên-hoa-sắc bảo phải đi kiếm đủ tiền mang đến, Bà-la-môn tử đó bèn đi làm thuê để kiếm đủ tiền. Thời gian sau Liên-hoa-sắc nhờ cụ thọ Đại Mục-kiền-liên khai ngộ nên đoạn pháp ác đã làm, xuất gia đoạn phiền não lìa

dục nhiễm chứng được giải thoát an lạc thành A-la-hán, từ đó Liên-hoa-sắc thường vào trong rừng tối lặng lẽ tu tập thiền định, thọ giải thoát lạc. Thời gian sau Bà-la-môn tử kia làm thuê kiếm được đủ số năm trăm kim tiền trở lại tìm Liên-hoa-sắc thì nghe nói Liên-hoa-sắc đã xuất gia, liền mang số tiền này tìm đến chùa ni hỏi thăm Liên-hoa-sắc. Sau khi biết Liên-hoa-sắc đang ở trong khu rừng tối liền vào trong rừng tìm, thấy cô đang ngồi tĩnh lặng dưới một gốc cây, Bà-la-môn tử cầm tiền đến trước cô nói: "Nay tôi mang tiền đủ số đến đây, cô hãy cùng tôi hoan lạc", Liên-hoa-sắc nói: "Này Bà-la-môn tử, pháp ác này tôi đã từ bỏ rồi. Người ở nơi thân tôi thấy cái gì hấp dẫn mà lại sanh tâm đắm nhiễm?", Bà-la-môn tử nói: "Tôi yêu thích con mắt của Thánh giả", Liên-hoa-sắc liền dùng thần thông móc tròng mắt để trong lòng bàn tay nói rằng: "Bây giờ người ở nơi cục thịt này có còn yêu thích nữa không?", Bà-la-môn tử nổi giận nói: "Nữ sa môn trọc đầu này làm trò huyễn thuật", nói xong liền dùng nắm tay đánh vào đầu cô rồi bỏ đi. Liên-hoa-sắc đem việc này bạch các Bí-sô ni, các Bí-sô ni đem bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Ví như cục thịt vứt nơi ngã tư đường chim thú đều tụ tập, người nữ cũng như vậy. Từ nay các Bí-sô ni không nên ở nơi A-lan-nhã".

Sau khi Phật chế ngăn các Bí-sô ni không nên ở nơi A-lan-nhã, các Bí-sô ni liền vào trong thành

Thất-la-phiệt ngồi tĩnh lặng ở giữa ngã tư đường, lại bị các người nam xấu ác bức não. Các Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Chư ni nên ở trong chùa ni". Lúc đó trong thành có trưởng giả Tỳ-xá-khư lòng tin sâu đậm hỏi chư ni cần gì, các Bí-sô ni kể lại sự việc trên, trưởng giả nói: "Các Thánh giả, tôi có một trú xứ rộng rãi, khi nào xây chùa xong xin các Thánh giả thương xót đến đó ở". Thời gian sau chư ni đều đến trú xứ của trưởng giả Tỳ-xá-khư ở, trưởng giả hằng ngày đến kính lễ các Bí-sô ni, ni Châu-kế-Nan-đà thấy trưởng giả tướng mạo đoan nghiêm nên sanh tâm ái nhiễm, một hôm giả bịnh nằm trong phòng, trưởng giả như thường lệ sáng sớm đến trong chùa kính lễ chỉ thấy có một ni giữ chùa, các vị khác đều ra ngoài khất thực, vừa định ra về thì ni Châu-kế-Nan-đà ở trong phòng cất tiếng rên. Tỳ-xá-khư nghe tiếng rên liền hỏi vị ni giữ chùa là ai rên rồi vào trong phòng hỏi thăm: "Thánh giả có bịnh khổ gì?", đáp: "Bịnh khổ của tôi khó bề nói được", trưởng giả nói: "Vì sao không tìm thầy trị liệu?", đáp: "Bịnh này không trị được", liền hỏi: "Thuốc khó được hay sao?", đáp: "Không khó, chỉ là nguyện cầu của tôi không thể được", trưởng giả nói: "Thánh giả đã là người xuất gia thì phải suốt đời nhờ người khác cung cấp tứ sự cần dùng, như Thế tôn đã dạy là nên nhận từ tịnh nhơn. Thánh giả cần chi cứ nói, tôi sẽ cúng dường đầy đủ". Châu-

kế-Nan-đà nói: "Đúng như lời trưởng giả nói, người biết pháp cũng cần châm chước liệu lường", trưởng giả nghe rồi tâm sanh kính trọng gấp bội khen Bí-sô ni là người thiểu dục, liền nói kệ:

"Con đối với Thánh giả,
Nay phát tâm tịnh tín,
Dù cần thịt nơi thân,
Con cũng có thể cúng".

Lúc đó Châu-kế-Nan-đà nói lời tỏ tình đòi hỏi cùng làm pháp ác, trưởng giả nghe rồi bịt tai nói rằng: "Thánh giả không nên nói với con lời này", Châu-kế-Nan-đà nói: "Ông cũng có ý thích, chỉ là nói gượng mà thôi", trưởng giả muốn bỏ đi, Châu-kế-Nan-đà liền nói: "Nếu không chấp thuận cùng làm phi pháp thì hãy đến ôm tôi", trưởng giả bèn đến ôm Châu-kế-Nan-đà. Lúc đó các ni khất thực trở về vào phòng nhìn thấy, Tỳ-xá-khư xấu hổ cúi đầu bỏ ra về, các Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi Châu-kế-Nan-đà: "Cô thật đã làm việc không đoan nghiêm như thế phải không?", đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật quở trách: "Việc mà cô đã làm không phải là pháp của nữ Sa môn, không phải là hạnh tùy thuận, không thanh tịnh…", quở trách rồi bảo các Bí-sô ni: "Ta quán mười công đức lợi nơi Tỳ-nại-da của Thanh văn ni chế học xứ này như sau: Nếu lại có Bí-sô ni tự có tâm nhiễm, khởi tâm thọ lạc cùng với người nam

có tâm nhiễm, từ mắt trở xuống, từ đầu gối trở lên, hai thân xúc chạm nhau hoặc cực kỳ xúc chạm thì Bí-sô ni này cũng phạm Ba-la-thị-ca không được cùng ở chung".

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni có tâm nhiễm, bị dục nhiễm trói buộc. Cùng với người nam có tâm nhiễm là người nam cũng có tâm dục.

Từ mắt trở xuống, từ đầu gối trở lên là giới hạn nơi thân phần.

Khởi tâm thọ lạc xúc chạm nhau là thọ xúc lạc.

Cực kỳ xúc chạm là xúc chạm nhau lâu. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni có tâm nhiễm cùng người nam cũng có tâm nhiễm, từ mắt trở xuống, từ đầu gối trở lên, hai thân xúc chạm nhau… thì mắc tội căn bản. Nếu Bí-sô ni có tâm nhiễm cùng người nam không có tâm nhiễm, hai thân xúc chạm nhau thì phạm Tốt-thổ-la-để. Nếu Bí-sô ni không có tâm nhiễm cùng người nam có tâm nhiễm hay không có tâm nhiễm, khi xúc chạm cô ni có tâm đề phòng thì không phạm. Nếu Bí-sô ni bịnh, người nam xoa chà thân, ni khởi tâm nhiễm thì phạm Ác-tác; không khởi tâm nhiễm thì không phạm; bị bịnh não hại trói buộc thì không phạm.

Nhiếp Tụng Văn Giới Trên:

"Cả hai có tâm nhiễm,
Từ mắt đến đầu gối,

Nếu hai thân xúc chạm,
Đều mắc tội Căn bản.
Nếu ni có tâm nhiễm,
Nam tử không ý dâm,
Ni cùng kia xúc chạm,
Ni phạm tội Thổ la.
Cả hai không tâm nhiễm,
Hoặc nam có tâm nhiễm,
Nếu khi ni xúc chạm,
Tâm đề phòng, không phạm.
Bí-sô ni bịnh hoạn,
Nam tử vì xoa bóp,
Nếu ni khởi tâm nhiễm,
Sẽ phạm tội Ác-tác.

Học Xứ Thứ 6: TÁM VIỆC THÀNH PHẠM

Phật ở thành Thất-la-phiệt, trong thành có một nam tử bán hương tướng mạo đoan nghiêm cưới vợ chưa bao lâu, Ni-thổ-la-nan-đà thấy liền sanh tâm nhiễm hỏi: "Anh đã có vợ chưa, vợ anh hình tướng như thế nào, hai người có thương yêu nhau không?", đáp: "Đạo tục khác nhau, Thánh giả cần gì biết điều đó", Thổ-la-Nan-đà cứ nói những lời trêu chọc tình tứ khiến cho người nam này sanh tâm đắm nhiễm, cả hai cùng ước hẹn gặp nhau ở trong chùa nơi cửa phòng của Thổ-la-Nan-đà, trước khi trở về chùa Thổ-la-Nan-đà dặn người

nam bán hương: "Khi vào chùa anh không nên làm động chuông". Đến chiều tối người nam này theo lời đã ước hẹn vào trong chùa đến cửa phòng của Thổ-la-Nan-đà, Thổ-la-Nan-đà liền mở cửa cho vào và bảo trốn dưới gầm giường. Lúc đó các ni khác đến phòng thỉnh bạch, Thổ-la-Nan-đà ra giáo thọ xong trở vào, người nam này thấy ni trở vào liền từ dưới gầm giường chui ra, Thổ-la-Nan-đà quên tưởng là kẻ trộm định la lên, người nam này nói: "Tôi không phải là kẻ trộm mà chính là người đã cùng ước hẹn", nói rồi liền bồng Thổ-la-Nan-đà đặt lên giường. Lúc đó cô ni tự nghĩ: "Ta là người đứng đầu trong chúng, thu phục được mọi người là nhờ giới đức, nếu ta phá thi la thì không còn gì nữa, mọi người biết việc ta làm đều sẽ từ bỏ ta", nghĩ rồi liền bảo người nam buông ra, người nam này vừa buông ra thì cô ni liền đạp vào ngực người nam khiến ngã nhào xuống đất hộc máu. Thổ-la-Nan-đà liền chạy ra ngoài lớn tiếng kêu: "Tôi đã hàng phục được ma và đã xô ngã được oán địch", các ni nghe liền chạy tới hỏi: "Cô đã đắc quả A-la-hán rồi sao?", đáp là không được, lại hỏi: "Cô đã chứng được quả Bất hoàn hay Nhất lai hay Dự lưu?", đáp là không được, liền hỏi: "Cô đã làm nhiều phẩm vật cúng dường để thỉnh Thế tôn phải không?", đáp là không có thỉnh, liền hỏi: "Nếu vậy thì cô đã làm việc gì?". Thổ-la-Nan-đà liền chỉ người nam bán hương nói rằng: "Người này vào trong phòng tôi,

tôi đã đạp khiến cho hộc máu", các ni nghe rồi liền nói: "Cô nếu không dẫn vào thì người ấy làm sao vào được. Cô đã làm nghiệp ác, chúng tôi không tùy hỉ". Các Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi Thổ-la-Nan-đà: "Cô thật đã làm việc phi pháp này phải không?", đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật quở trách: "Cô đã làm hạnh bất tịnh, không phải là việc tùy thuận, không phải là hạnh của nữ Sa môn, không phải là việc nên làm của người xuất gia…", quở trách rồi bảo các Bí-sô ni: "Ta quán mười công đức lợi nơi Tỳ-nại-da của Thanh văn ni chế học xứ này như sau: Nếu lại có Bí-sô ni tự có tâm nhiễm cùng người nam có tâm nhiễm làm tám việc: Dựa kề, cười nói, hẹn chỗ đến, định giờ đến, hiện tướng, người nam đến đi trong lòng chấp thuận, ở chỗ có thể cùng làm việc phi pháp, buông thân nằm xuống. tám việc như vậy cùng nhau lãnh thọ thì Bí-sô ni này cũng phạm Ba-la-thị-ca không được cùng ở chung."

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Ni-thổ-la-nan-đà hoặc Bí-sô ni khác giống như vậy. Cùng người nam có tâm nhiễm là cả hai đều có tâm nhiễm trói buộc nhau. Hiện tướng là như nói khi thấy tôi mới cạo tóc, mặc y, tay bưng bát… thì biết là việc thành tựu. Người nam đến đi trong lòng chấp thuận là yêu thích nhau. Phi xứ là ở chỗ có thể làm việc hành dâm phi pháp. Buông thân nằm là cùng giao

hội. tám việc như thế cùng lãnh thọ là làm tám việc trên đều với tâm nhiễm.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu làm bảy việc trước, mỗi việc đều phạm Tốt-thổ-la-đề, làm việc thứ tám thì phạm tội Căn bản.

Nhiếp Tụng Văn Giới Trên:

"Trạo cử và cười nói,
Hẹn chỗ và định giờ,
Hiện tướng, người đến đi,
Chỗ khuất, buông thân nằm,
Bảy việc trước tội Thô,
Việc thứ tám tội trọng.

Học Xứ Thứ 7: CHE GIẤU TỘI NGƯỜI KHÁC

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó có Bí-sô ni Thiện-hữu vu báng cụ thọ Thật-lực-tử, tự nói tội nên bị chúng tẫn xuất phải hoàn tục. Cô có một người em gái là ni Tiểu hữu lúc ở chỗ các ni khác thấy có đồ chúng cùng giáo thọ cho nhau, cô liền nói với các ni: "Chị tôi nếu không hoàn tục cũng sẽ giáo thọ đồ chúng như vậy", các ni nói: "Cần gì nói đến tên của cô ni phá giới này", Tiểu hữu nói: "Thánh giả, trước kia tôi đã biết chị tôi phạm tội Tha-thắng nhưng vì thân quyến nên tôi không nói ra, như có bài tụng:

"Tuy thấy lỗi oan gia, Nhơn giả còn không nói,

Huống chi là thân quyến, Đâu nỡ nói việc riêng".

Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các ni hỏi rõ sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni trước đã biết Bí-sô ni khác phạm tội Tha-thắng nhưng không nói ra, sau đó cô ni kia hoặc chết hoặc hoàn tục hoặc đi nơi khác mới nói rằng: "Ni chúng nên biết, trước đây tôi đã biết cô ni này phạm tội Tha-thắng", thì Bí-sô ni này cũng phạm tội Tha-thắng.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni Tiểu hữu hoặc có ni khác giống như vậy. Biết là tự biết hay người khác nói cho biết. Phạm Tha-thắng là phạm một trong tám tội thuộc Tha-thắng mà che giấu. Không nói ra là không cử tội.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô ni biết sự việc như vậy mà che giấu, không cứ tội thì cũng phạm tội Tha-thắng.

Học Xứ Thứ 8: TÙY THUẬN NGƯỜI BỊ CỬ

Duyên khởi và nơi chôn giống như giới trước, lúc đó Tăng già hòa hợp tác pháp yết ma Xả trí và chúng Bí-sô ni cũng tác pháp không lễ kính cho Bí-sô Căn bản…, Bí-sô này muốn đến trong Tăng biểu hiện sự cung kính mong cầu giải tội, Ni-thổ-la-nan-đà nói với Bí-sô này: "Thánh giả định đi đâu, nay con muốn kính lễ", Bí-sô nói: "Tôi bị Xả trí, nay

muốn đến trong Tăng cầu giải tội", Thổ-la-Nan-đà nói: "Thánh giả là dòng họ Thích xuất gia, tại sao lại cực khổ cầu sám tạ. Thánh giả cần gì con đều sẽ cung cấp, hãy cứ an tâm đọc tụng tác ý"… Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni: "Hãy tác pháp can gián riêng Ni-thổ-la-nan-đà", các ni vâng lời Phật can Thổ-la-Nan-đà rằng: "Cô há không biết Tăng đã tác pháp yết ma Xả trí và chúng ni cũng đã tác pháp yết ma không lễ kính cho Bí-sô Căn bản hay sao, tại sao cô lại còn cung cấp y bát và các vật dụng khiến cho không thiếu thốn, cô hãy bỏ việc tùy thuận người bị cử". Khi can như vậy Ni-thổ-la-nan-đà vẫn không chịu bỏ, các Bí-sô ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni: "Hãy Bạch-tứ-yết-ma can Thổ-la-Nan-đà", các ni vâng lời Phật Bạch-tứ-yết-ma can, Bạch-tứ-yết-ma xong Thổ-la-Nan-đà vẫn không chịu bỏ, các Bí-sô ni bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các ni hỏi rõ sự thật, quở trách rồi chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết Tăng già hòa hợp tác pháp yết ma Xả trí và chúng Bí-sô ni cũng đã tác pháp yết ma không lễ kính cho Bí-sô kia. Bí-sô kia muốn ở trong Tăng biểu hiện sự cung kính cầu mong được cứu vớt, tự ở trong giới xin giải yết ma Xả trí. Bí-sô ni nói với Bí-sô kia rằng: "Thánh giả chớ nên ở trong Tăng cầu giải yết ma, con sẽ cung cấp y bát và các tư cụ cho Thánh giả không để thiếu

thốn, Thánh giả cứ yên tâm đọc tụng tác ý". Các Bí-sô ni nên can Bí-sô ni này: "Cô há không biết Tăng đã tác pháp yết ma Xả trí và chúng ni cũng đã tác pháp yết ma không lễ kính cho Bí-sô kia, Bí-sô kia muốn ở trong Tăng cầu giải tội tại sao cô lại cung cấp y thực cho Bí-sô kia không để thiếu thốn, cô hãy bỏ việc tùy thuận này đi". Khi các Bí-sô ni can như vậy, cô ni kia chịu bỏ thì tốt, không chịu bỏ thì nên Bạch-tứ-yết-ma can khiến cho bỏ việc đó, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni kia phạm Ba-la-thị-ca không được cùng ở chung.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Ni-thổ-la-nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Bí-sô kia là Bí-sô trong pháp luật này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni biết Tăng đã tác pháp yết ma Xả trí và chúng ni cũng đã tác pháp yết ma không lễ kính Bí-sô kia, mà còn nói những lời tùy thuận trên thì phạm Ác-tác. Nếu khi can chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Khi bạch tứ can từ tác bạch cho đến yết ma lần thứ ba, không chịu bỏ đều phạm tôi Thô, yết ma lần thứ tư chưa xong mà bỏ thì cũng phạm tội Thô, nếu yết ma xong thì phạm tội Tha-thắng.

Các đại đức, tôi đã nói tám Pháp Tha-thắng xong, Bí-sô ni phạm một pháp nào trong các pháp

này đều không được cùng các Bí-sô ni khác ở chung, như trước kia và sau này cũng vậy, phạm tội Tha-thắng không được cùng ở chung. Nay hỏi các đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Tôi nay nhớ giữ như thế.

Các đại đức, đây là hai mươi pháp Tăng-già-phạt-thi-sa, mỗi nửa tháng nói một lần từ trong Giới kinh rút ra.

Tổng Nhiếp Tụng:

"Mai mối và hai báng,
Hai nhiễm, bốn một mình,
Chồng bỏ, khế ước, giải,
Hai tránh, tạp, ở riêng,
Phá tăng, thuận theo bạn,
Ô gia và ác tánh,
Chúng giáo có hai mươi,
Tám Pháp can ba lần."

II. TĂNG GIÀ BÀ THI SA

Học Xứ Thứ Nhất: MAI MỐI

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó chúng mười hai ni tự làm việc mai mối, đem ý của người nam nói với người nữ, đem ý của người nữ nói với người nam cho đến nam nữ tư thông cũng làm mai mối tác hợp. Các ngoại đạo đều chê trách: "Các Sa môn Thích nữ này đã làm

việc không nên làm, cũng làm mai mối có khác gì thế tục. Ai lại mang thức ăn cúng sáng trưa cho các Sa môn nữ trọc đầu này chứ", các ni nghe biết đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm các Bí-sô ni hỏi chúng mười hai ni: "Các cô thật đã làm việc mai mối, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam… phải không?", đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật quở trách: "Các cô không phải là nữ Sa môn, không phải là hạnh tùy thuận, không phải hạnh thanh tịnh, không phải thiện oai nghi, không phải là việc mà người xuất gia nên làm", quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni làm việc mai mối, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam hoặc để thành vợ chồng hoặc thành việc tư thông dù chỉ trong giấy lát, Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho chúng mười hai ni hoặc có ni khác giống như vậy. Nói mai mối là làm sứ giả qua lại cho hai bên. Đem ý của người nam nói với người nữ, đem ý của người nữ nói với người nam tức là truyền đạt ý của hai bên để tác thành việc vợ chồng hay việc tư thông. Có bảy loại vợ và mười loại tư thông, bảy loại vợ gồm có vợ thủy thọ, vợ tài sính, vợ vương kỳ, vợ tự lạc, vợ y thực, vợ cộng hoạt và vợ tu du.

Nhiếp Tụng:

Bảy vợ là thủy thọ,
Tài sính, vương kỳ được,
Tự lạc, y thực trụ,
Cộng hoạt và tu du.

Sao gọi là vợ thủy thọ? Do cha mẹ của người nữ không lấy tài vật sính lễ, chỉ dùng nước rót vào trong tay của chàng rễ nói rằng: "Nay ta đem con gái ta gã cho con, con phải khéo tự phòng hộ, đừng để người khác khinh phạm", nên gọi là vợ thủy thọ. Sao gọi là vợ tài sính? Do cha mẹ của người nữ nhận sính lễ của chàng rễ mới gã con gái cho, nên gọi là vợ tài sính. Sao gọi là vợ vương kỳ? Do vua dòng Sát-đế-lợi thủy nhiễu đầu vương (pháp quán đảnh khi lên ngôi vua) đem binh chinh phạt nước nào không thần phục, khi chiến thắng nói với binh lính rằng: "Cho tùy ý chọn người nữ làm vợ", do quyền lực của vua nên được chọn người nữ làm vợ nên gọi là vợ vương kỳ. Lại có trường hợp chúa giặc đánh phá thành ấp bắt người nữ làm vợ cũng gọi là vợ vương kỳ. Sao gọi là vợ tự lạc? Do người nữ tự tìm đến người nam mà mình yêu thương nói rằng: "Tôi vui lòng làm vợ chàng", nếu người nam chấp nhận thì gọi là vợ tự lạc. Sao gọi là vợ y thực? Do người nữ tìm đến người nam có tiền của nói rằng: "Nếu chàng cung cấp cho tôi y thực, tôi sẽ về làm vợ chàng", nếu người nam chấp nhận thì gọi là vợ y thực. Sao gọi là vợ cộng hoạt? Do người nữ tìm đến người nam nói rằng: "Tài sản của tôi và tài

sản của chàng sẽ hợp làm một nếu chúng ta sống chung với nhau", nếu người nam chấp nhận thì gọi là vợ cộng hoạt. Sao gọi là vợ tu du? Tức là làm vợ tạm thời.

Mười loại tư thông là mười loại người nữ đã được bảo hộ, đó là cha bảo hộ, mẹ bảo hộ, anh em bảo hộ, chị em bảo hộ, đại công bảo hộ, đại gia bảo hộ, người thân bảo hộ, chủng tộc bảo hộ, dòng họ bảo hộ và vương pháp bảo hộ.

Nhiếp Tụng:

Mười hộ là cha mẹ,
Anh em và chị em,
Đại công và đại gia,
Thân, chủng, tộc, vương pháp.

Sao gọi là cha bảo hộ? Tức là người nữ chồng chết hoặc bị bắt trói, giam cầm hoặc trốn đi nên người cha bảo hộ người nữ này.

Mẹ bảo hộ cũng vậy. Sao gọi là anh em bảo hộ? Tức là người nữ cả cha mẹ và chồng đều qua đời hoặc bị thất lạc tứ tán nên đến nương ở với anh em, được anh em bảo hộ. Chị em bảo hộ cũng vậy. Sao gọi là Đại công (cha chồng) bảo hộ? Tức là người nữ cha mẹ tôn thân đều qua đời, còn chồng thì bịnh hoạn hay bị điên cuồng lưu lạc, phải nương ở với cha chồng, người cha chồng này bảo con dâu rằng: "Con hãy vui sống ở cạnh ta, ta sẽ thương con như là con ruột của ta", nên gọi là đại công như pháp

bảo hộ. Đại gia (chủ nhân) bảo hộ cũng vậy. Sao gọi là Thân bảo hộ? quyến thuộc từ bảy đời trở lại gọi là Thân, qua bảy đời không còn gọi là Thân. Do người nữ cả cha me, anh em, chị em và phu chủ đều qua đời hoặc bị điên cuồng lưu lạc xứ khác, phải đến nương ở với người thân trong họ hàng, nên gọi là Thân bảo hộ. Sao gọi là Chủng bảo hộ? Có bốn chủng tộc là Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Bệ-xá và Thủ-đạt-la, người nữ đến nương ở trong chủng tộc của mình thì gọi là Chủng bảo hộ. Sao gọi là Tộc-bảo-hộ? Trong mỗi chủng tộc có các dòng tộc sai khác như tộc Phả-la-đọa, tộc Đỗ-cao-thiếp-bà-sai…, người nữ nương ở trong dòng tộc của mình thì gọi là Tộc bảo hộ. Sao gọi là Vương pháp bảo hộ? Do người nữ trong thân tộc không con ai, chỉ một thân đơn độc phải nhờ vào vương pháp bảo hộ mới không bị người khác khinh phạm, nên gọi là vương pháp bảo hộ. Lại có trường hợp người nữ góa bụa giữ tiết hạnh trinh tâm nên không ai dám khinh phạm, cũng gọi là Vương pháp bảo hộ. Tăng-già-phạt-thi-sa như đã giải thích ở các giới trên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Như trước những phụ nữ có tướng trạng ly biệt gồm bảy loại:

Nhiếp Tụng:

Đang và sau khi gây,

Bẻ cỏ và quăng gạch,
Y pháp, không phải vợ (tôi),
Nói cho nhiều người biết.

Đối với các loại người nữ kể trên có bảy trường hợp ly biệt:

- Một là lúc đang gây gỗ liền chia tay (ly biệt).
- Hai là sau khi gây gỗ xong liền chia tay.
- Ba là giận nhau bẻ cỏ làm ba đoạn để chia tay.
- Bốn là giận nhau quăng gạch về ba hướng để chia tay.
- Năm là y pháp đối trước thân quyến nói chia tay.
- Sáu là nói rõ ràng người này không phải là vợ tôi để chia tay.
- Bảy là nói cùng khắp cho mọi người biết là đã chia tay nhau. Trong bảy loại vợ từ vợ thủy thọ cho đến vợ tu du, nếu Bí-sô ni thấy người tục đối với ba loại người vợ đầu (vợ thủy thọ, vợ tài sính và vợ vương kỳ) vì gây gỗ gay gắt mà chia tay nhau, ở trong bảy trường hợp ly biệt kể trên nếu thuộc trường hợp thứ một làm cho họ hòa hiệp lại thì phạm một Ác-tác; nếu thuộc trường hợp thứ hai làm cho hòa hiệp lại thì phạm hai Ác-tác; nếu thuộc trường hợp thứ ba làm cho hòa hiệp lại thì phạm ba Ác-tác; nếu thuộc ba trường hợp bốn, năm, sáu làm cho hòa hiệp lại thì theo thứ tự phạm một, hai, ba tội thô; nếu thuộc trường hợp ly biệt thứ bảy cố

gắng làm cho họ hòa hiệp lại thì Bí-sô ni phạm Tăng-tàn. Đối với bốn loại người vợ sau (từ vợ Tự lạc cho đến vợ Tu du) và mười loại tư thông (tức là mười loại người nữ được bảo hộ) ở trong bảy trường hợp ly biệt tùy theo trường hợp nào cố gắng làm cho họ hòa hiệp thì Bí-sô ni đều phạm Tăng-tàn.

Nhiếp Tụng:

Tự nhận, nhận từ sứ,
Hai Bí-sô, bốn oai nghi,
Trước sau cùng tùy hành,
Tôn ty, duyên và sự.

1. Tự nhận lời: Nếu Bí-sô ni tự nhận lời làm mai mối, tự đến nói và tự trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô ni tự nhận lời, tự đến nói và sai người trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô ni tự nhận lời, sai người đến nói và tự trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô ni tự nhận lời, sai người đến nói và sai người trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

2. Nhận lời qua sứ giả: Nếu Bí-sô ni nhận lời mai mối qua sứ giả, tự đến nói và tự trở về báo lại; hoặc nhận lời qua sứ giả, tự đến nói và sai người trở về báo lại; hoặc nhận lời qua sứ giả, sai người đến nói và tự trở về báo lại; hoặc nhận lời qua sứ giả, sai người đến nói và sai người trở về báo lại

đều phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

3. Hai Bí-sô ni nhận lời: Nếu hai Bí-sô ni nhận lời làm mai mối, cả hai cùng đến nói và cùng trở về báo lại thì cả hai đều phạm Tăng-tàn. Nếu hai Bí-sô ni nhận lời, cả hai cùng đến nói nhưng cả hai đều không trở về báo lại thì cả hai đều phạm hai tội thô. Nếu hai Bí-sô ni nhận lời, cả hai đều không đến nói và cả hai đều không trở về báo lại thì cả hai đều phạm một tội thô. Nếu hai Bí-sô ni nhận lời, một người nói: "Cô đến đó truyền đạt ý của tôi rồi trở về báo lại", người kia làm theo lời dặn thì cả hai đều phạm Tăng-tàn. Nếu hai Bí-sô ni nhận lời, một người nói: "Tôi chỉ đến nói chớ không trở về báo lại", người kia phải trở về báo lại. Người đến nói và trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn; người không trở về báo lại thì phạm hai tội thô. Nếu hai Bí-sô ni nhận lời, một người nói: "Tôi không đến nói cũng không trở về báo lại", người kia phải đến nói và trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn; người không đến nói và không trở về báo lại thì phạm một tội thô.

4. Cùng đi đường nhận lời mai mối: Nếu một Bí-sô ni cùng một nam một nữ đi trên đường, người nam nói với Bí-sô ni: "Thánh giả có thể nói với người nữ ấy rằng: Cô có thể làm vợ người nam này hoặc tạm thời cùng ở chung được không?", hoặc người nữ nói với Bí-sô ni rằng: Thánh giả có thể nói với người nam ấy rằng: Cậu có thể làm

chồng người nữ này hoặc tạm thời cùng ở chung được không?". Nếu Bí-sô ni nhận lời nói giúp rồi báo tin lại thì phạm Tăng-tàn. Đi đã như vậy thì ba oai nghi còn lại đứng, nằm ngồi cứ theo đây có thể biết. Nếu có hai Bí-sô ni đi cùng hai nam hai nữ, hoặc ba Bí-sô ni đi cùng ba nam ba nữ… nhận lời làm mai mối, định tội cũng như trên.

5. Trước sau cùng đi: Nếu hai Bí-sô ni một người đi trước một người đi sau, người đi trước nhận lời làm mai mối, đến nói rồi trở về báo lại thì người đi trước phạm Tăng-tàn; người đi sau không phạm. Nếu Bí-sô ni đi trước nhận lời rồi bảo Bí-sô ni đi sau đến nói, biết được kết quả rồi Bí-sô ni đi trước tự trở về báo lại thì Bí-sô ni đi trước phạm hai tội thô, Bí-sô ni đi sau phạm một tội thô. Nếu Bí-sô ni đi trước nhận lời, tự đến nói rồi sai Bí-sô ni đi sau trở về báo lại thì Bí-sô đi trước phạm hai tội thô, Bí-sô ni đi sau phạm một tội thô. Nếu Bí-sô ni đi trước nhận lời rồi sai Bí-sô ni đi sau đến nói và trở về báo lại thì Bí-sô ni đi sau phạm hai tội thô; Bí-sô ni đi trước phạm một tội thô. Như Bí-sô ni đi trước, Bí-sô ni đi sau tùy việc đã làm phạm tội nhiều ít như trên nên biết. Bí-sô ni đi sau sai Bí-sô ni đi trước tùy việc đã làm phạm tội nhiều ít như trên nên biết.

6. Đối với địa vị cao thấp nhận lời mai mối: Có hai gia đình trưởng giả, một tự tại và một không tự tại. Tự tại là tự làm chủ đối với nam nữ của mình,

tùy tình lấy cho; nếu đến quan ty hoặc ở giữa đám đông người dù nói việc hư dối, người ta vẫn tin theo nên gọi là tự tại. Không tự tại là do địa vị thấp kém, đối với nam nữ của mình không có thế lực lấy cho; nếu đến quan ty hay ở giữa đám đông người, dù nói việc thật người ta cũng không tin theo nên gọi là không tự tại.

Bí-sô ni ở bên người tự tại nhận lời làm mai mối, đến nói với người tự tại rồi trở về báo lại với người tự tại thì phạm Tăng-tàn. Bí-sô ni ở bên người tự tại nhận lời, đến nói với người tự tại rồi trở về nói lại với người không tự tại thì phạm hai tội thô và một Ác-tác. Bí-sô ni ở bên người tự tại nhận lời, đến nói với người không tự tại rồi trở về báo lại với người tự tại thì phạm hai tội thô và một Ác-tác. Bí-sô ni ở bên người tự tại nhận lời, đến nói với người không tự tại rồi trở về báo lại với người không tự tại thì phạm một tội thô và hai Ác-tác. Bí-sô ni ở bên người không tự tại nhận lời, đến nói với người không tự tại rồi trở về báo lại với người tự tại thì phạm hai Ác-tác và một tội thô. Bí-sô ni ở bên người không tự tại nhận lời đến nói với người tự tại rồi trở về báo lại với người không tự tại thì phạm hai Ác-tác và một tội thô. Bí-sô ni ở bên người không tự tại nhận lời, đến nói với người tự tại rồi trở về báo lại với người tự tại thì phạm hai tội thô và một Ác-tác. Bí-sô ni ở bên người không tự tại nhận lời, đến nói với người không tự

tại rồi trở về báo lại với người không tự tại thì phạm ba Ác-tác.

7. Có ba duyên làm mai mối: Bí-sô ni có ba duyên để làm việc mai mối, đủ ba duyên này không cần dùng lời báo tin lại cũng thành tựu việc mai mối, phạm Tăng-tàn: Một là chỗ hẹn, hai là giờ hẹn và ba là hiện tướng. Sao gọi là chỗ hẹn? Tức là nói với người kia rằng: "Nếu thấy tôi ở trong vườn , hoặc trong miếu thờ trời hoặc chỗ đông người thì liền biết việc mai mối đã thành tựu". Sao gọi là giờ hẹn? Tức là nói với người kia rằng: "Nếu vào bửa ăn sáng hoặc giữa trưa hoặc xế chiều trông thấy tôi thì liền biết việc mai mối đã thành tựu". Sao gọi là hiện tướng? Tức là nói với người kia rằng: "Nếu thấy tôi mới cạo tóc hoặc mặc đại y mới, hoặc cầm tích trượng hay bưng bát đựng đầy tô hay dầu thì liền biết việc mai mối đã thành tựu".

8. Có ba việc làm sứ mai mối cũng thành tựu việc mai mối: Một là dùng lời nói, hai là dùng thư từ, ba là dùng thủ ấn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ giả mai mối, dùng lời đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ giả mai mối, dùng lời đến nói và dùng thư gởi về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ giả mai mối, dùng thư gởi đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng thư gởi đến nói và dùng thư gởi về báo lại thì phạm Tăng-tàn.

Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng thư gởi đến nói hoặc dùng chỗ hẹn hoặc giờ hẹn hoặc hiện tướng để báo tin lại đều phạm Tăng-tàn . Trường hợp này gọi là làm sứ mai mối kiêm dùng thư có năm loại sai biệt.

Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng lời đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng lời đến nói và dùng thủ ấn gởi về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng thủ ấn gởi đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng thủ ấn gởi đến nói và dùng thủ ấn gởi về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng thủ ấn gởi đến nói và dùng chỗ hẹn hoặc dùng giờ hẹn hoặc hiện tướng để báo tin lại đều phạm Tăng-tàn. Trường hợp này là làm sứ mai mối kiêm dùng thủ ấn có năm loại sai biệt. Như vậy đối với lời nói kiêm thư từ và thủ ấn có tới hai mươi lăm cách khác nhau, đối với thư từ kiêm lời nói và thủ ấn, hoặc đối với thủ ấn kiêm lời nói và thư từ gồm có nhiều cách hỗ tương khi làm sứ mai mối. Nếu Bí-sô đến nhà thí chủ nói rằng: "Người con gái này đã trưởng thành sao không lấy chồng, hoặc người con trai này đã lớn sao không lấy vợ?", đều phạm Ác-tác. Trường hợp không phạm là người phạm ban đầu hoặc cuồng si tâm loạn, bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ 2: VU BÁNG KHÔNG CĂN CỨ

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Ni-thổ-la-nan-đà do tranh cải lăng xăng nên khiến trong ni chúng sanh phiền não. Thổ-la-Nan-đà đem pháp Tha-thắng không căn cứ vu báng Bí-sô ni khiến cho ni này không được an lạc trụ, bỏ phế việc tu nghiệp thiện và việc tu tập thiền định vì trong lòng ưu não. Các Bí-sô đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni trong lòng sân hận không nguôi, cô ý đem pháp Ba-la-thị-ca không căn cứ vu báng Bí-sô ni thanh tịnh, muốn làm hoại tịnh hạnh của vị ấy. Thời gian sau dù có người hỏi hay không có người hỏi, biết việc này là không căn cứ vu báng Bí-sô ni kia, vì sân hận nên cố ý nói như thế thì Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa .

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà và ai khác giống như vậy. Trong lòng sân hận là tình sanh phẫn nộ. Bí-sô ni thanh tịnh là người trong pháp luật này. Đem pháp không căn cứ là không dựa trên ba việc thấy nghe nghi. Tránh có bốn loại: Bàn luận tránh, phi ngôn tránh, phạm tránh và sự tránh.

Học Xứ Thứ 3: MƯỢN CĂN CỨ VU

BÁNG

Duyên khởi và nơi chốn giống như trước, lúc đó Ni-thổ-la-nan-đà dùng pháp tương tợ vu báng Bí-sô ni… giống như trong giới trên cho đến câu Phật chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni trong lòng sân hận không bỏ, dùng pháp Ba-la-thị-ca phi phần khác, chỉ là pháp tương tợ vu báng Bí-sô ni thanh tịnh, muốn làm hoại tịnh hạnh của vị ấy. Thời gian sau dù có người hỏi hay không có người hỏi, biết việc đó là việc phi phần khác chỉ là pháp tương tợ để vu báng Bí-sô ni kia, vì sân hận nên nói như thế, thì Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ai khác giống như vậy. Phi phần khác: Chữ khác trong đây chỉ cho Niết-bàn vì trái với sanh tử; tám Pháp Ba-la-thị-ca không phải là phần kia.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào? Trong học xứ này tướng phạm như thế nào:

Nếu vu báng Bí-sô ni thanh tịnh có mười việc thành phạm và năm việc không phạm. Mười việc thành phạm là không thấy việc ấy, không nghe, không nghi liền khởi tưởng hư dối: Thật không thấy… mà vọng nói là có thấy…, khi nói ra lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc nghe mà quên, nghi mà quên, khởi hiểu biết như vậy, khởi tưởng như vậy nói rằng: Tôi nghe nghi không quên, khi

nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc nghe mà tin hay nghe không tin mà nói là tôi thấy; hoặc nghe mà nghi hay nghe không nghi hoặc chỉ tự mình nghi mà nói là tôi thấy, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Năm việc không thành phạm là người kia không thấy, không nghe, không nghi, hiểu biết có thấy…, khởi tưởng có thấy… nên nói là tôi thấy… thì không phạm. Hoặc nghe mà quên, nghi mà quên, nghi tưởng có nghe mà nói là tôi nghe cũng không phạm. Vu báng người thanh tịnh có mười việc thành phạm và năm việc không thành phạm, vu báng người thanh tịnh tợ như không thanh tịnh cũng giống như vậy.

Nếu vu báng người không thanh tịnh có mười một việc việc thành phạm và sáu việc không phạm. Mười một việc thành phạm là không thấy, không nghe, không nghi, hiểu biết như vậy, khởi tưởng như vậy, thật không thấy… mà vọng nói là tôi thấy…, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc thấy mà quên hay nghe mà quên, nghi mà quên, hiểu biết như vậy, khởi tưởng như vậy mà nói là thấy… không quên, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc nghe mà tin hay nghe không tin mà nói là tôi thấy; hoặc nghe mà nghi hay nghe không nghi hoặc chỉ tự mình nghi mà nói là tôi thấy, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Sáu việc không phạm là người kia không thấy, không nghe, không nghi, hiểu biết có thấy…, khởi

tưởng có thấy… nên nói là tôi thấy… thì không phạm. Hoặc thấy mà quên hay nghe mà quên, nghi mà quên, hiểu biết có thấy, khởi tưởng có thấy mà nói là tôi thấy… cũng không phạm. Nếu vu báng người tợ như thanh tịnh có mười một việc việc thành phạm và sáu việc không phạm giống như vậy.

Học Xứ Thứ 4: GIAO DỊCH VỚI NAM TỬ CÓ TÂM NHIỄM

Duyên khởi và nơi chôn giống như giới trước, lúc đó trong thành có một nam tử bán hương tướng mạo đoan nghiêm, khi ni Châu-kế-Nan-đà đến mua các tạp vật vừa thấy nam tử này liền khởi tâm dục, nam tử này nhìn thấy cô cũng có ý nhiễm, cho nên lấy ít tiền mà đưa cho nhiều hàng hóa. Các ni khác cần mua thứ gì thấy vậy đều dựa vào Châu-kế-Nan-đà để làm việc giao dịch. Các Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni có tâm nhiễm đến chỗ người nam cũng có tâm nhiễm, cùng nhau đón nhận để theo lấy vật gì thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa .

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Châu-kế-Nan-đà hoặc ni khác giống như vậy. Cùng có tâm nhiễm là cả hai nhiễm ái nhau, nếu cả hai đều có tâm nhiễm mà theo nhận lấy vật gì đều phạm chúng giáo. Nếu

ni có tâm nhiễm, người nam không có tâm nhiễm thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu ni không có tâm nhiễm, người nam có tâm nhiễm thì phạm Ác-tác; nếu cả hai đều không có tâm nhiễm cũng phạm Ác-tác vì không cho giao dịch với người như thế.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 6

Học Xứ Thứ 5: TỰ NÓI KHÔNG LỖI

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, Thế tôn đã chế giới Bí-sô ni nào có tâm nhiễm ở nơi người nam không có tâm nhiễm thọ nhận vật gì thì phạm Tốt-thổ-la-để. Lúc đó Ni-thổ-la-nan-đà vẫn đi thọ nhận vật từ người nam, các ni khác hỏi thì cô nói là đi tìm cầu vật dụng về, các ni nói: "Cô há không biết Thế tôn đã chế học xứ ni có tâm nhiễm nơi người nam không có tâm nhiễm thọ vật dụng thì phạm tội Thô hay sao?, Thổ-la-Nan-đà hỏi: "Cô không có tâm nhiễm phải không?", đáp là không có, Thổ-la-Nan-đà nói: "Tùy cô không có tâm nhiễm ở bên người nam có tâm nhiễm thọ nhận vật dụng thì tôi có lỗi gì". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni nói với Bí-sô ni khác rằng: Tùy cô không có tâm nhiễm ở bên người nam có tâm nhiễm thọ nhận vật dụng thì tôi có lỗi gì, Bí-

sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Giải thích từ ngữ và tướng phạm giống như giới trước.

Học Xứ Thứ 6: MỘT MÌNH ĐẾN NHÀ THẾ TỤC NGỦ ĐÊM

Phật ở thành Vương-xá, lúc đó Bí-sô ni Thiện-hữu đem việc không căn cứ vu báng cụ thọ Thật-lực-tử, đối trước các Bí-sô tự nói mình đã phạm giới nên phải hoàn tục, thời gian sau mắc bịnh khổ. Thiện-hữu có người em là Bí-sô ni Tri-hữu, lúc Thiện-hữu bịnh nặng sắp qua đời liền nhắn Tri-hữu đến để gặp mặt, Tri-hữu được tin liền đến chỗ Thiện-hữu, đêm đó Thiện-hữu qua đời, chồng của Thiện-hữu đi vắng đến đêm mới về, thấy vợ đã chết liền đấm ngực khóc than: "Con trai con gái của tôi ai sẽ nuôi dưỡng đây", người thân trong nhà nói: "Dì Tri-hữu có thể thay thế". Tri-hữu nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu ta trả lời có thể sẽ bị bức nhục", nghĩ vậy nên đứng làm thinh, đến sáng hôm sau Tri-hữu định ra về thì người anh rễ nói: "Dì định đi đâu, dì hãy ở lại đây nuôi dưỡng các cháu, đã là thân tộc há không thương xót sao?", nói rồi liền bước tới muốn nắm giữ Tri-hữu, Tri-hữu cao giọng quát: "Ông và con trai con gái của ông dù cùng một lúc đều chết hết cũng can gì đến tôi chứ", nói xong liền bỏ ra về. Về đến chùa các ni hỏi: "Đêm qua cô

ngủ ở đâu và ngủ với ai?", đáp là ở nhà chị và ngủ một mình, các ni nói: "Nếu gặp phải kẻ xấu há không hoại hạnh thanh tịnh của cô hay sao?", Tri-hữu nói: "Nếu tôi cùng nói chuyện, chắc chắn sẽ chuốc lấy họa ấy". Các ni hỏi rõ nguyên do liền bạch với các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni một mình từ chùa đến chỗ khác ngủ đêm thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni Tri-hữu.

Giải thích từ ngữ và tướng phạm giống như giới trước.

Học Xứ Thứ 7: MỘT MÌNH ĐẾN NHÀ THẾ TỤC

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Ni-thổ-la-nan-đà ban ngày một mình không có bạn đến nhà thế tục nói pháp cho trưởng giả nghe… Các ni khuyên không nên như thế e gặp nạn phạm hạnh, Thổ-la-Nan-đà nói: "Các cô không thấy nam tử bán hương đã bị tôi đạp ói máu hay sao?", các ni nói: "Chưa chắc người nam khác lại khiếp nhược như nam tử bán hương". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni vào ban ngày một mình đến

nhà thế tục thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Đến nhà thế tục một mình không có bạn đến khi mặt trời lặn thì phạm tội Chúng giáo, nếu cùng Cầu-tịch nữ đi thì phạm Tốt-thổ-la-để, cùng Chánh học nữ đi thì phạm Ác-tác.

Học Xứ Thứ 8: ĐI ĐƯỜNG MỘT MÌNH

Duyên khởi và nơi chốn giống nhu giới trước, lúc đó có đoàn thương buôn đi đến thành Vương-xá, Ni-thổ-la-nan-đà một mình đi theo sau, họ đi đến sáu thành khác ni vẫn một mình đi theo sau. Thời gian sau trở về lại trú xứ, các ni xoa bóp để giải tỏa nhọc mệt, cho cô nghỉ ngơi rồi hỏi đã đi đâu, Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi một mình đi qua sáu thành", các ni nói: "Một mình đi du lịch mà không có bạn, nếu gặp người xấu lăng bức há không phải là nạn lớn cho tịnh hạnh hay sao?", Thổ-la-Nan-đà nói: "Các cô không thấy nam tử bán hương muốn đến bức tôi đã bị tôi đá ói máu hay sao, còn ai dám đến xâm phạm tôi", các ni nói: "Chưa chắc người nam khác lại khiếp nhược như nam tử bán hương". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đi đường một mình thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như thế. Đi một mình không có bạn thì phạm tội Chúng giáo, cùng Cầu-tịch nữ đi thì phạm tội Thô, cùng Chánh học nữ đi thì phạm Ác-tác.

Học Xứ Thứ 9: MỘT MÌNH QUA SÔNG

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó các Bí-sô ni du hành trong nhân gian đến sông A-thị-la-phạt-để, thuyền đò ở bờ bên kia, Bí-sô ni Ca-lợi-ca nói với các ni: "Tôi lội qua bờ bên kia để kêu thuyền đò qua", nói rồi liền nhảy xuống nước bơi qua nhưng bơi đến giữa dòng sông thì đuối sức. Các ni đứng bên bờ này nói: "Ca-lợi-ca chớ sợ, phải gắng sức", Ca-lợi-ca nói: "Tôi nay kiệt sức sắp chết, làm sao đến bờ kia được". Sau đó các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni một mình lội qua sông thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Ca-lợi-ca hoặc có ni khác giống như vậy. Một mình lội qua sông không có bạn thì phạm tội Chúng giáo, nếu cùng Cầu-tịch nữ lội qua sông thì phạm Tốt-thổ-la-để, cùng Chánh học nữ lội qua sông thì phạm Ác-tác.

Học Xứ Thứ 10: ĐỘ PHỤ NỮ CỦA

NGƯỜI KHÁC

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó vua Thắng-quang có một đại tướng quân tên là Năng chấp kiếm thường đi chinh phạt, người vợ ở nhà bị dục tình bức bách nên cùng người ngoài tư thông. Tướng quân trở về nghe biết việc này liền đánh bằng roi để trị phạt, nhưng người vợ vẫn chứng nào tật nấy. Tướng quân suy nghĩ: "Ta vì quốc vương đi chinh phạt hàng phục các thôn ấp khác khiến họ quy thuận vua, tại sao vợ ta, ta lại không thể nghiêm trị được", nghĩ rồi liền đến tâu vua: "Đại vương nên lập chế cho người nữ, nếu không tu sửa đức hạnh của mình, làm ô nhiễm phóng hóa thì phạm hiến pháp mắc tội rất nặng", vua chấp nhận cho là việc làm tốt. Không ngờ thời gian sau người phụ nữ của tướng quân lại vi phạm luật này nên bị chồng bỏ và bị hình pháp nghiêm trị, người nữ này cầu xin pháp quan: "Tôi mới phạm một lần cầu xin tha thứ", nhưng pháp quan không chịu tha, người nữ này lại cầu xin được sống bảy năm, pháp quan cũng không chịu, người nữ lại cầu xin được sống sáu năm, năm năm… cứ như thế cho đến cầu xin được sống bảy ngày thì pháp quan chấp thuận cho sống thêm bảy ngày. Người nữ liền suy nghĩ: "Ta chỉ còn sống có bảy ngày nữa, ta nên tu phước nghiệp", lúc đó Ni-thổ-la-nan-đà vào thành khất thực đến nhà của người nữ này, thấy cô ta đang khóc liền hỏi nguyên do, người nữ liền kể

lại mọi việc, Ni-thổ-la-nan-đà nghe rồi liền nói: "Sao cô không bỏ tục xuất gia?", người nữ nói: "Ai sẽ dẫn dắt tôi?", Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi sẽ cho cô xuất gia", người nữ liền đảnh lễ bạch rằng: "Nếu được như thế là Thánh giả đã ban cho con mạng sống". Thổ-la-Nan-đà liền độ cho người nữ xuất gia, tướng quân Năng chấp kiếm nghe tin người vợ xấu xa kia đã xuất gia liền nói: "Nàng ta há có thể vào được thành Vô úy chăng, đợi đủ bảy ngày ta sẽ giết chết". Lúc đó Thổ-la-Nan-đà nghe được lời này liền dẫn người nữ kia đến chỗ chúng mười hai ni cầu giúp đỡ, nói rằng: "Người nữ này là phụ nữ của quan nhơn tên đã quy y Phật pháp rồi, nay xin nương về với các vị", chúng mười hai ni nói: "Đây là việc thiện, chúng tôi sẽ thu nhận, nếu có ai đến hỏi, tôi sẽ tự giải thích", kế dẫn người nữ đến chỗ Đại-thế-chủ bạch rằng: "Thánh giả, người nữ này là phụ nữ của quan nhơn tên đã quy y Tam bảo, nay đến quy y Đại-thế-chủ", Đại-thế-chủ hỏi rõ thân thế rồi nói: "Người không có đức hạnh này không thể độ được". Thổ-la-Nan-đà lại dẫn người nữ này đến chỗ phu nhơn Thắng man nói giống như trên, phu nhơn cũng hỏi rõ thân thế rồi nói: "Người nữ không có đức hạnh này tại sao lại vội độ cho xuất gia, đây là việc làm phi pháp, tôi sẽ tâu vua biết", nói rồi liền đem việc này tâu vua, vua nghe rồi nói rằng: "Đây là việc làm phi pháp, thật khó quyết đoán, nếu y theo pháp luật nghiêm trị thì

tổn thương đến Phật giáo, ta sẽ chịu ảnh hưởng xấu; nếu ta phóng thích thì làm tổn đến hình pháp. Tới lui hai đường đều khó xử đoán". Nhà vua liền sai sứ giả đến báo mọi việc cho tướng quân Năng chấp kiếm biết, tướng quân nói với sứ giả: "Nghiêm lịnh đã lập ra, mọi người đều biết, làm sao có thể đối với người nữ này mà trái luật chứ?", nhà vua nói: "Hãy nên phóng xả cho người này", tướng quân nghe rồi liền chê trách các ni: "Tại sao lại độ cho người nữ phạm pháp này xuất gia chứ?". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết phụ nữ của người đã làm việc phi pháp, mọi người đều chê trách, bị chồng từ bỏ, đã tâu cho vua biết mà độ cho người nữ ấy xuất gia thì Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Nói rộng ra thì không nên độ cho người nữ như thế xuất gia, nếu độ thì phạm tội Chúng giáo.

Học Xứ Thứ 11: ĐÒI NỢ CỦA NGƯỜI ĐÃ CHẾT

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, trong thành này có một trưởng giả rất giàu có, bỗng lâm trọng bịnh không thể chữa khỏi, trưởng giả

biết mình không sống được bao lâu nữa nên tu phước thí, cúng dường các Sa môn, Bà-la-môn và cấp thí cho những người nghèo khó cô quả. Lúc đó Ni-thổ-la-nan-đà khất thực đến trước nhà trưởng giả, chúc cho trưởng giả không bịnh an ổn, trưởng giả nói: "Thánh giả, tôi bịnh nặng không hy vọng sống lâu nên tôi đã đem hết của cải hành phước thí", Thổ-la-Nan-đà nói: "Hiền thủ, tôi rất tùy hỉ vì đây là việc nên làm, đối với chư ni chúng tôi về lợi dưỡng rất thiếu thốn, nếu theo thứ lớp thí xả thì trưởng giả huệ thí cho chúng tôi bao nhiêu?", trưởng giả nói: "Của cải đã có tôi đều thí xả hết rồi, sao Thánh giả không đến sớm hơn?", Thổ-la-Nan-đà nói: "Nói vậy thì tôi từ nhà này đi ra với hai tay không rồi, trưởng giả không còn gì để cho sao?", trưởng giả nói: "Thật sự không còn gì, chỉ còn một tờ giấy nợ nếu cần Thánh giả cứ lấy", Thổ-la-Nan-đà nói: "Nếu cho thì tôi lấy", liền nói kệ:

"Do nhờ phước thí này,
Tâm được diệu trang nghiêm,
Thường được các của cải,
Đạt đến vô thượng lạc".

Trưởng giả nói: "Thánh giả, người mắc nợ này nhà nghèo không thể trả hết một lần, nếu họ trả được bao nhiêu thì cứ tùy ý lấy, chớ xúc não họ", Thổ-la-Nan-đà nói: "Hiền thủ, tôi là người xuất gia há không đắn đo suy nghĩ lại xúc não người khác hay sao?". Không bao lâu sao trưởng giả qua đời,

Thổ-la-Nan-đà hay tin này rồi liền đến lôi kéo người mắc nợ ra đến ngã tư đường để đòi nợ. Các trưởng giả, Bà-la-môn trông thấy đều chê trách: "Tại sao Bí-sô ni lại đi đòi nợ của người đã chết đến nỗi lôi kéo người mắc nợ như vậy?". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni dựa vào tờ giấy nợ của người đã chết mà đi đòi nợ cho mình thì Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Nếu Bí-sô ni cầm tờ giấy nợ đi đòi để tìm cầu của cải về cho mình thì phạm tội Chúng giáo. Không phạm là nếu vì tăng già thì nên dùng lý để đòi lại.

Học Xứ Thứ 12: VỘI TÁC PHÁP GIẢI CỬ

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó có Bí-sô ni Loạn ý tánh hay sân giận, thường dùng những lời thô sẵn mắng chửi các ni khác nên tất cả chúng ni đều hiềm trách khinh tiện. Nhân lúc loạn ý ra ngoài khất thực, các ni tụ lại nói xấu về cô, con gái của ni Loạn ý là ni Tịch tĩnh nghe thấy mọi người nói xấu mẹ mình nên đợi Loạn ý khất thực về liền đi nói lại. Loạn ý nghe rồi liền nổi giận nói ra những lời thô mắng chửi ni chúng. Các ni gạn hỏi mới biết chính ni Tịch tĩnh đã đến chỗ

người mẹ nói những lời đấu loạn nên các ni liền tác pháp yết ma Xả trí cho ni Tịch tĩnh. Tịch tĩnh đến chỗ Loạn ý khóc nói rằng: "Con đã bị các ni tác pháp Xả trí", Loạn ý nghe rồi liền nổi cơn phẫn nộ gấp bội nói: "Mong sao họ tác pháp Xả trí cho tất cả quốc dân", nói rồi liền dẫn Tịch tĩnh ra ngoài giới tác pháp giải yết ma. Các ni nói với Loạn ý: "Các ni đã tác pháp xả trí cho Tịch tĩnh, tại sao cô lại dẫn ra ngoài giới tác pháp giải?", Loạn ý nói: "Các ni cưỡng ép tác pháp, tôi giải thì có lỗi gì?", các ni hỏi: "Cô cùng ai tác pháp và tác pháp ở đâu?", đáp: "Tôi cùng người khác ra ngoài giới tác pháp giải", các ni nói: "Há tác pháp giải như thế là hợp lý hay sao?", đáp: "Hợp hay không thì tôi cũng đã làm rồi, can gì đến các cô". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đã biết Bí-sô ni bị ni chúng tác pháp yết ma Xả trí liền dẫn ra ngoài giới tác pháp giải thì Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni Loạn ý hoặc có ni khác giống như vậy. Biết Bí-sô ni là chỉ cho ni Tịch tĩnh. Ni chúng là người trong pháp luật này. Nếu dẫn ra ngoài giới tác pháp giải yết ma thì phạm tội Chúng giáo, vừa làm liền phạm.

Học Xứ Thứ 13: KHÔNG BỎ ÁC KIẾN

Tại thành Thất-la-phiệt có một Bí-sô ni tên là Hắc-sắc trước kia là ngoại đạo, mỗi lần tranh cải lăng xăng với các ni thường nói rằng: "Tôi bỏ Phật, Pháp, Tăng. Chẳng phải chỉ có Sa môn Thích nữ mới trì giới có đức hạnh, trong lòng chất trực, phạm hạnh thuần thiện mà các nơi khác cũng có những người thiện như vậy; tôi sẽ đến nơi đó tu phạm hạnh". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni: "Hãy ở chỗ khuất can riêng Bí-sô ni này, nếu có ni khác giống như vậy cũng nên tác pháp can như sau: Này ni Hắc-sắc, mỗi khi tranh cải cô chớ nói rằng: Tôi bỏ Phật, Pháp, Tăng. Chẳng phải chỉ có Sa môn Thích nữ mới trì giới có đức hạnh, trong lòng chất trực, phạm hạnh thuần thiện mà các nơi khác cũng có những người thiện như vậy; tôi sẽ đến nơi đó tu phạm hạnh. Nay cô hãy bỏ ác kiến này đi."

Các ni vâng lời Phật ở chỗ khuất can riêng nhưng ni Hắc-sắc cô chấp không chịu bỏ còn nói rằng: "Những lời này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng". Các ni lại bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni: "Hãy Bạch-tứ-yết-ma chánh can ni Hắc-sắc như sau: đánh kiền chùy nhóm họp ni chúng, một ni tác bạch yết ma như sau:

Đại đức ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni Hắc-sắc này

tự khởi ác kiến mỗi khi tranh cải thường nói rằng: Tôi bỏ Phật, Pháp, Tăng. Chẳng phải chỉ có Sa môn Thích nữ mới trì giới có đức hạnh, trong lòng chất trực, phạm hạnh thuần thiện mà các nơi khác cũng có những người thiện như vậy; tôi sẽ đến nơi đó tu phạm hạnh. Các ni đã ở chỗ khuất can riêng nhưng cô vẫn cố chấp không chịu bỏ ác kiến này, còn nói: Những lời này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu Bí-sô ni tăng già đúng thời đến nghe thì Bí-sô ni tăng già chấp thuận, nay Bí-sô ni tăng già tác pháp yết ma Không bỏ ác kiến cho ni Hắc-sắc. Bạch như vậy. Kế tác yết ma:

Đại đức ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni Hắc-sắc này tự khởi ác kiến mỗi khi tranh cải thường nói rằng: Tôi bỏ Phật, Pháp, Tăng. Chẳng phải chỉ có Sa môn Thích nữ mới trì giới có đức hạnh, trong lòng chất trực, phạm hạnh thuần thiện mà các nơi khác cũng có những người thiện như vậy; tôi sẽ đến nơi đó tu phạm hạnh. Các ni đã ở chỗ khuất can riêng nhưng cô vẫn cố chấp không chịu bỏ, còn nói rằng: Những lời này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng. Nay Bí-sô ni tăng già tác pháp yết ma Không bỏ ác kiến cho ni Hắc-sắc, vị nào chấp thuận thì yên lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Bí-sô ni tăng già đã chấp thuận tác pháp yết ma Không bỏ ác kiến cho ni Hắc-sắc rồi vì im lặng. Tôi nay xin nhớ giữ như thế.

Các ni vâng lời Phật dạy tác pháp yết ma chánh can nhưng Bí-sô ni vẫn cô chấp không chịu bỏ, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni mỗi khi tranh cải lăng xăng với các ni khác thường nói rằng: Tôi bỏ Phật, Pháp, Tăng. Chẳng phải chỉ có Sa môn Thích nữ mới trì giới có đức hạnh, trong lòng chất trực, phạm hạnh thuần thiện mà các nơi khác cũng có những người thiện như vậy; tôi sẽ đến nơi đó tu phạm hạnh. Các Bí-sô ni nên can riêng khuyên bỏ ác kiến này đi, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì nên tác pháp Bạch-tứ-yết-ma chánh can khiến bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Hắc-sắc hoặc có ni khác giống như vậy.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Khi các Bí-sô ni can riêng khuyên bỏ ác kiến này mà Bí-sô ni không chịu bỏ thì phạm Ác-tác; khi Bạch-tứ-yết-ma chánh can, tác bạch xong mà chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm tội Thô; yết ma lần đầu xong chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì cũng phạm tội Thô; yết ma lần thứ hai cũng vậy, đến yết ma lần ba xong mà không bỏ thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu tác yết ma phi pháp mà

chúng hòa hợp, hoặc tác yết ma như pháp mà chúng không hòa hợp. Hoặc tác pháp tương tợ mà chúng hòa hợp, hoặc tác pháp tương tợ mà chúng không hòa hợp; hoặc tác yết ma không như pháp, như luật như lời Phật dạy mà bỉnh pháp yết ma thì tác pháp không thành, Bí-sô ni kia không phạm.

Nếu Bí-sô ni kia đang ở trên chỗ ngồi bạch với đại chúng rằng: "Các đại đức ni, tôi Bí-sô ni tên phạm Tăng-già-phạt-thi-sa", nói như vậy thì tốt, nếu không nói thì cho đến khi nào chưa như pháp sám hối tội đã phạm, nếu cùng các Bí-sô ni khác-tác bạch yết ma cho đến Bạch-tứ-yết-ma thì mỗi mỗi phạm Ác-tác.

Học Xứ Thứ 14: NÓI NGƯỜI KHÁC CÓ ÁI CÓ SÂN

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ni-thổ-la-nan-đà thường tranh cải lăng xăng với các ni khác rồi ôm lòng sân hận, các ni nói: "Thánh giả chớ có tranh cải lăng xăng rồi ôm hận trong lòng", Thổ-la-Nan-đà nói: "Các cô có thương, giận, sợ, si nên đối với người tranh cải có người ngăn, có người không ngăn". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni: "Hãy ở chỗ khuất can riêng ni kia như sau: Cô chớ nên nói các cô có thương, giận, sợ, si nên đối với người tranh cải có người ngăn, có người không ngăn. Cô hãy thôi và nên bỏ ác kiến này đi". Các

ni vâng lời Phật dạy ở chỗ khuất can riêng nhưng Thổ-la-Nan-đà không chịu cải hối, còn nói rằng: "Lời nói này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng". Các ni lại bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni: "Hãy tác pháp Bạch-tứ-yết-ma can Ni-thổ-la-nan-đà như sau: đánh kiền chùy, trải tào, tập Tăng, một ni tác bạch yết ma như sau:

Đại đức ni tăng già lắng nghe, Bí-sô Ni-thổ-la-nan-đà này thường tranh cải với các ni khác rồi ôm hận trong lòng, các ni can ngăn: Cô chớ nên tranh cải…, ni ấy đáp: Các cô có thương, giận sợ si, đối với người tranh cải có người ngăn có người không ngăn. Các ni đã ở chỗ khuất can riêng nhưng cô ấy vẫn cô chấp không chịu bỏ ác kiến này, còn nói rằng: Lời nói này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu Bí-sô ni tăng già đúng thời đến lắng nghe thì Bí-sô ni tăng già nên chấp thuận, nay Bí-sô ni tăng già tác pháp yết ma Không bỏ lời nói có ái có sân. Bạch như vậy.

Đại đức ni tăng lắng nghe, Bí-sô Ni-thổ-la-nan-đà này thường cùng các ni khác tranh cải rồi ôm hận trong lòng, các ni can… giống như đoạn văn tác bạch trên cho đến câu ngoài ra đều là hư vọng. Nay Bí-sô ni tăng già tác pháp Bạch-tứ-yết-ma Không bỏ lời nói có ái có sân cho Ni-thổ-la-nan-đà, nếu cụ thọ nào chấp thuận thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần một, lần hai, lần ba cũng nói như thế. Bí-sô ni tăng già đã Bạch-

tứ-yết-ma Không bỏ lời nói có ái có sân cho Ni-thổ-la-nan-đà xong rồi vì im lặng. Nay tôi xin nhớ giữ như vậy.

Các ni vâng lời Phật dạy Bạch-tứ-yết-ma chánh can nhưng ni kia vẫn chấp chặt không chịu bỏ, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau: Nếu lại có Bí-sô ni cùng các Bí-sô ni khác tranh cải lăng xăng, các ni khuyên can rằng: Cô chớ tranh cải lăng xăng. Bí-sô ni kia nói rằng: Các cô có thương, giận, sợ, si nên đối với người tranh cải có người can ngăn có người không can ngăn. Các Bí-sô ni nói: Khi được can ngăn cô chớ nói rằng: Các cô có thương giận sợ si, đối với người tranh cải có người can ngăn, có người không can ngăn, cô hãy thôi nói lời này đi. Khi các Bí-sô ni can riêng như vậy, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì nên Bạch-tứ-yết-ma chánh can khiến cho bỏ lời nói này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Các Bí-sô ni là người trong pháp luật này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Khi các Bí-sô ni can riêng khuyên bỏ ác kiến này mà Bí-sô ni không chịu bỏ thì phạm Ác-tác;

khi Bạch-tứ-yết-ma chánh can, tác bạch xong mà chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm tội Thô; yết ma lần đầu xong chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì cũng phạm tội Thô; yết ma lần thứ hai cũng vậy, đến yết ma lần ba xong mà không bỏ thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu tác yết ma phi pháp mà chúng hòa hợp, hoặc tác yết ma như pháp mà chúng không hòa hợp. Hoặc tác pháp tương tợ mà chúng hòa hợp, hoặc tác pháp tương tợ mà chúng không hòa hợp; hoặc tác yết ma không như pháp, như luật như lời Phật dạy mà bỉnh pháp yết ma thì tác pháp không thành, Bí-sô ni kia không phạm.

Nếu Bí-sô ni kia đang ở trên chỗ ngồi bạch với đại chúng rằng: "Các đại đức ni, tôi Bí-sô ni tên phạm Tăng-già-phạt-thi-sa", nói như vậy thì tốt, nếu không nói thì cho đến khi nào chưa như pháp sám hối tội đã phạm, nếu cùng các Bí-sô ni khác-tác bạch yết ma cho đến Bạch-tứ-yết-ma thì mỗi mỗi phạm Ác-tác.

Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ 15: Ở TẠP LOẠN

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có hai ni tên Khả-ái và Tùy-ái cùng ở tạp loạn: Trạo cử, giỡn cười, ôm ấp nhau…, các Bí-sô ni nói: "Hai cô chớ cùng ở tạp loạn: Trạo cử, giỡn cười, ôm ấp nhau như vậy sẽ khiến cho pháp lành suy tổn,

không được tăng ích. Các cô hãy ở riêng thì pháp lành mới tăng ích, không bị suy tổn". Khi các ni khuyên can như vậy, họ không chịu nghe theo nên các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các ni nên ở chỗ khuất can riêng. Khi các ni can riêng, họ vẫn không chịu cải hối nên các ni lại bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các ni: "Hãy Bạch-tứ-yết-ma đối chúng can hai ni kia, nếu có ni khác giống như thế cũng nên tác pháp can như thế, một ni tác bạch yết ma như sau:

Đại đức ni tăng già lắng nghe, hai Bí-sô ni Khả-ái và Tùy-ái này cùng ở tạp loạn: Trạo cử, giỡn cười, ôm ấp nhau… Các ni đã ở chỗ khuất can riêng hai ni kia rằng: "Hai cô chớ cùng ở tạp loạn: Trạo cử, giỡn cười, ôm ấp nhau như vậy sẽ khiến cho pháp lành suy tổn, không được tăng ích. Các cô hãy ở riêng thì pháp lành mới tăng ích, không bị suy tổn", nhưng hai ni kia vẫn không chịu bỏ, còn nói rằng: việc này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu Bí-sô ni tăng già đúng thời đến lắng nghe thì Bí-sô ni tăng già nên chấp thuận, nay Bí-sô ni tăng già tác pháp Bạch-tứ-yết-ma Không bỏ cùng ở tạp loạn. Bạch như vậy.

Văn tác yết ma y theo văn tác bạch mà làm. Khi các Bí-sô ni Bạch-tứ-yết-ma chánh can, hai ni kia vẫn chấp chặt không chịu bỏ, còn nói: "Việc này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật

do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ở tạp loạn cùng Bí-sô ni khác: Trạo cử, giỡn cười, ôm ấp nhau…, các Bí-sô ni nói: "Hai cô chớ cùng ở tạp loạn: Trạo cử, giỡn cười, ôm ấp nhau như vậy sẽ khiến cho pháp lành suy tổn, không được tăng ích. Các cô hãy ở riêng thì pháp lành mới tăng ích, không bị suy tổn". Khi các Bí-sô ni can riêng như vậy chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì nên Bạch-tứ-yết-ma chánh can khiến cho bỏ việc đó, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì hai Bí-sô ni kia phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni Khả-ái và Tùy-ái hoặc có ni khác giống như vậy. Ở tạp loạn là không có ở riêng. Trạo cử… là buông thả thân tâm. Các Bí-sô ni là các ni trong pháp luật này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Khi các Bí-sô ni can riêng khuyên bỏ ác kiến này mà Bí-sô ni không chịu bỏ thì phạm Ác-tác; khi Bạch-tứ-yết-ma chánh can, tác bạch xong mà chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm tội Thô; yết ma lần đầu xong chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì cũng phạm tội Thô; yết ma lần thứ hai cũng vậy, đến yết ma lần ba xong mà không bỏ thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu tác yết ma phi pháp mà chúng hòa hợp, hoặc tác yết ma như pháp mà

chúng không hòa hợp. Hoặc tác pháp tương tợ mà chúng hòa hợp, hoặc tác pháp tương tợ mà chúng không hòa hợp; hoặc tác yết ma không như pháp, như luật như lời Phật dạy mà bỉnh pháp yết ma thì tác pháp không thành, Bí-sô ni kia không phạm.

Nếu Bí-sô ni kia đang ở trên chỗ ngồi bạch với đại chúng rằng: "Các đại đức ni, tôi Bí-sô ni tên phạm Tăng-già-phạt-thi-sa", nói như vậy thì tốt, nếu không nói thì cho đến khi nào chưa như pháp sám hối tội đã phạm, nếu cùng các Bí-sô ni khác-tác bạch yết ma cho đến Bạch-tứ-yết-ma thì mỗi mỗi phạm Ác-tác.

Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ 16: KHUYÊN CHỚ Ở RIÊNG

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trên, lúc đó hai ni Khả-ái và Tùy-ái cùng ở tạp loạn bị Tăng già tác pháp Bạch-tứ-yết-ma nên phải ở riêng, Thổ-la-Nan-đà đến chỗ hai ni này nói rằng: "Tại sao hai cô không cùng ở chung mà lại ở riêng, nếu cùng ở tạp loạn thì pháp lành mới tăng ích". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni: "Hãy ở chỗ khuất can riêng ni kia như sau: Cô chớ nói rằng: Hai cô chớ ở riêng, nếu ở riêng sẽ khiến pháp lành bị suy tổn, không có tăng ích; hãy ở chung thì pháp lành mới tăng ích. Cô hãy bỏ lời nói này đi". Các ni vâng lời

Phật ở chỗ khuất can riêng nhưng ni kia cố chấp không chịu bỏ, còn nói: "Lời nói này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng" nên các ni lại bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các ni: "Hãy Bạch-tứ-yết-ma chánh can, nếu có ni khác giống như vậy cũng nên tác pháp can, một ni tác bạch yết ma như sau:

Đại đức ni tăng già lắng nghe, hai Bí-sô ni Khả-ái và Tùy-ái này ở tạp loạn, Tăng già đã tác pháp Bạch-tứ-yết-ma chánh can nên họ đã ở riêng, nhưng Bí-sô Ni-thổ-la-nan-đà lại đến chỗ hai ni kia nói rằng: Hai cô nếu ở chung thì pháp lành sẽ tăng ích, nếu ở riêng thì pháp lành sẽ suy tổn. Các ni đã can riêng nhưng ni kia vẫn chấp chặt không bỏ, còn nói: Lời nói này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu Bí-sô ni tăng già đúng thời đến lắng nghe thì Bí-sô ni tăng già nên chấp thuận, Bí-sô ni tăng già nay tác pháp Bạch-tứ-yết-ma Không bỏ ác kiến khuyên chớ ở riêng cho Ni-thổ-la-nan-đà. Bạch như vậy.

Văn tác yết ma y theo văn tác bạch mà làm. Các ni vâng lời Phật dạy Bạch-tứ-yết-ma chánh can nhưng ni kia vẫn chấp chặt không bỏ, còn nói: "Lời nói này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết các Bí-sô ni khác thích

ở riêng lại nói với họ rằng: Các cô chớ ở riêng, nếu ở riêng sẽ khiến pháp lành bị suy tổn, không được tăng ích; các cô nên ở chung để pháp lành được tăng ích không bị suy tổn. Các Bí-sô ni nên can riêng ni kia rằng: Cô chớ khuyên đừng ở riêng sẽ khiến cho pháp lành bị suy tổn, cô hãy bỏ ác kiến khuyên đừng ở riêng này đi. Khi can riêng như vậy chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì nên tác pháp Bạch tứ yết ma chánh can cho bỏ lời nói kia, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni kia phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Khi các Bí-sô ni can riêng khuyên bỏ ác kiến này mà Bí-sô ni không chịu bỏ thì phạm Ác-tác; khi Bạch-tứ-yết-ma chánh can, tác bạch xong mà chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm tội Thô; yết ma lần đầu xong chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì cũng phạm tội Thô; yết ma lần thứ hai cũng vậy, đến yết ma lần ba xong mà không bỏ thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu tác yết ma phi pháp mà chúng hòa hợp, hoặc tác yết ma như pháp mà chúng không hòa hợp. Hoặc tác pháp tương tợ mà chúng hòa hợp, hoặc tác pháp tương tợ mà chúng không hòa hợp; hoặc tác yết ma không như pháp, như luật như lời Phật dạy mà bỉnh pháp yết ma thì tác pháp không thành, Bí-sô ni kia không phạm.

Nếu Bí-sô ni kia đang ở trên chỗ ngồi bạch với đại chúng rằng: "Các đại đức ni, tôi Bí-sô ni tên phạm Tăng-già-phạt-thi-sa", nói như vậy thì tốt, nếu không nói thì cho đến khi nào chưa như pháp sám hối tội đã phạm, nếu cùng các Bí-sô ni khác-tác bạch yết ma cho đến Bạch-tứ-yết-ma thì mỗi mỗi phạm Ác-tác.

Học Xứ Thứ 17: PHÁ TĂNG GIÀ

Duyên khởi ở tại Trúc-lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương-xá, lúc đó chúng Bí-sô ni đại Thanh văn như Chuẩn-đà, Ấn-đà, Ma-la-bà, Bát-tra-chiết-la, A-tra-tỳ-ca, Khư-sứ-ma, Tô-ma, Liên-hoa-sắc, Đại-thế-chủ… an cư ba tháng hạ ở nơi đây. Lúc đó thế gian mất mùa đói kém, khất thực khó được, Thổ-la-Nan-đà thường cùng các ni khác tranh cải lăng xăng nên nói với các ni Hoan-hỉ, Cận Hoan-hỉ và Châu kế Hoan-hỉ rằng: "Các cô hãy cùng tôi phá Tăng già Bí-sô ni hòa hợp", các ni nói: "Chúng Thanh văn ni của Phật đều có đại oai đức, thiên nhãn sáng sạch quán biết tâm người khác, các việc tiến thú thảy đều hay biết, chúng ta làm sao phá được tăng già hòa hợp?", Thổ-la-Nan-đà nói là có cách, các ni hỏi là cách gì, Thổ-la-Nan-đà nói: "Chúng ta có thể đem y bát, thức ăn ngon, thuốc men, ngọa cụ… cho các ni nhỏ thân cận với các Bí-sô ni tôn túc; hoặc dạy họ đọc tụng thọ trì … để nhiếp phục họ", các ni nghe rồi đều tán thành

nhưng khi họ vừa khởi phương tiện thì chúng ni đều biết liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các ni ở chỗ khuất can riêng Ni-thổ-la-nan-đà như sau: "Cô chớ nên khởi phương tiện phá Tăng già hòa hợp và cố chấp việc phá Tăng. Cô nên cùng Tăng già hòa hợp Hoan-hỉ không tranh, nhất tâm nhất ý như sữa hòa với nước, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, an lạc lâu dài. Cô hãy bỏ việc phá tăng". Các ni vâng lời Phật dạy ở chỗ khuất can riêng nhưng ni kia vẫn cố chấp không chịu bỏ, còn nói: "Pháp này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng", liền bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các ni nên Bạch-tứ-yết-ma chánh can, nếu có ni khác giống như vậy cũng nên can, một ni tác bạch yết ma như sau:

Đại đức ni tăng lắng nghe, Bí-sô Ni-thổ-la-nan-đà này khởi phương tiện phá Tăng già Bí-sô ni hòa hợp, các ni đã ở chỗ khuất can riêng nhưng ni kia vẫn cố chấp không chịu bỏ, còn nói: pháp này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu Tăng già Bí-sô ni đúng thời đến nghe, Tăng gia Bí-sô ni nên chấp thuận tác pháp Bạch-tứ-yết-ma Không bỏ ác kiến phương tiện phá tăng cho Ni-thổ-la-nan-đà. Bạch như vậy.

Văn bạch yết ma y theo văn tác bạch mà làm, khi các ni Bạch-tứ-yết-ma chánh can, Ni-thổ-la-nan-đà vẫn cố chấp không bỏ, còn nói: "Pháp này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng", các bạn ni

của Thổ-la-Nan-đà lại nói với chúng ni: "Các cô chớ bàn với Thổ-la-Nan-đà việc tốt hay xấu…". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni phương tiện phá Tăng hòa hợp, cố chấp không chịu bỏ, các Bí-sô ni nên khuyên can Bí-sô ni đó rằng: "Cô chớ nên khởi phương tiện phá Tăng già hòa hợp và cố chấp việc phá Tăng. Cô nên cùng Tăng già hòa hợp Hoan-hỉ không tranh, nhất tâm nhất ý như sữa hòa với nước, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, an lạc lâu dài. Cô hãy bỏ việc phá tăng". Khi được can riêng như vậy chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên Bạch-tứ-yết-ma chánh can khiến cho bỏ việc đó, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni kia phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Hòa hợp là cùng một mùi vị. Muốn phá Tăng là muốn chia Tăng già ra làm hai phe. Các Bí-sô ni là chúng ni trong pháp luật này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni được can riêng chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Ác-tác; khi các ni Bạch-tứ-yết-ma chánh can, tác bạch xong chịu bỏ thì phạm tội Thô, yết ma lần một, lần hai xong không

chịu bỏ cũng phạm tội Thô, yết ma lần ba xong thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô ni kia ngay nơi tòa ngồi bạch với chúng ni: "Đại đức, tôi Bí-sô ni tên phạm Tăng-già-phạt-thi-sa", nói vậy thì tốt, nếu không nói cho đến khi nào chưa như pháp sám hối mà cúng các ni khác-tác bạch yết ma cho đến bạch tứ thì phạm Ác-tác.

Học Xứ Thứ 18: GIÚP BẠN PHÁ TĂNG

Lúc đó Thế tôn ngay nơi chỗ ngồi muốn chế học xứ Theo giúp bạn phá Tăng cho các đệ tử Thanh văn ni, nên bảo các Bí-sô ni: "Các Bí-sô ni hãy khoan đứng dậy, Tăng già còn có chút việc", Thế tôn liền hỏi các bạn ni đã giúp Ni-thổ-la-nan-đà trong việc phá Tăng: "Các cô thật đã biết Ni-thổ-la-nan-đà muốn phá Tăng hòa hợp liền khuyến khích và cố chấp không chịu bỏ, các cô đã thuận tà trái chánh còn nói với các Bí-sô ni rằng: Các cô chớ bàn nói vơi Thổ-la-Nan-đà việc tốt hay xấu, vì sao, vì Bí-sô ni kia là người đúng pháp đúng luật, y theo pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không biết mà nói; những gì Bí-sô ni kia nói chúng tôi đều ưa thích. Các cô thật đã nói như vậy phải không?", đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật liền quở trách: "Các cô không phải là nữ sa môn, đây không phải là việc nên làm của người nữ xuất gia, không phải là hạnh tùy thuận, là việc không thanh tịnh…". Phật đủ lời quở trách rồi bảo các Bí-sô

ni… cho đến cấu chế học xứ này như sau: Nếu lại có Bí-sô ni hoặc một, hai hoặc nhiều cùng làm bạn đảng với Bí-sô ni kia, thuận tà trái chánh tùy thuận với nhau nên các Bí-sô ni này nói với chúng ni: Các cô chớ bàn nói với Bí-sô ni kia việc tốt hay xấu, vì sao, vì Bí-sô ni kia là người thuận theo pháp luật, y theo pháp luật mà nói, không có hư vọng, điều mà Bí-sô ni kia ưa thích, chúng tôi cũng ưa thích. Chúng ni nên nói với các Bí-sô ni này: Các cô chớ nói Bí-sô ni kia là người thuận thao pháp luật, y theo pháp luật mà nói, không có hư vọng, vì sao, vì Bí-sô ni kia không phải là người thuận theo pháp luật, không y theo pháp luật mà nói, tất cả đều là hư vọng. Các cô chớ ưa thích việc phá Tăng, nên ưa thích Tăng già hòa hợp, cùng Tăng già hòa hợp Hoan-hỉ không tranh, nhất tâm nhất ý như sữa hòa với nước khiến cho giáo pháp của Địa sư được ngời sáng, an lạc lâu dài. Các cô nên bỏ ác kiến phá Tăng già, thuận tà trái chánh, khuyến khích tranh cải cố chấp không bỏ này đi. Khi chúng ni can riêng như vậy, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì chúng ni nên Bạch-tứ-yết-ma chánh can khiến cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc ni khác giống như vậy. Một, hai, nhiều Bí-sô ni là chỉ cho các bạn ni của Thổ-la-Nan-đà. Thuận tà trái chánh là làm bạn với ni kia thuận theo tà

kiến, trái bỏ chánh lý. Chúng ni là người trong pháp luật này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu các Bí-sô ni đồng bạn trợ giúp này đã biết Bí-sô ni kia muốn phá tăng hòa hợp… khi khởi phương tiện làm bạn trợ giúp, thuận tà trái chánh thì phạm Ác-tác. Các tướng phạm khác giống như giới trên.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 7

Học Xứ Thứ 19: Ô GIA ÁC HẠNH

(Làm hạnh xấu, nhơ tâm tín kính của người)

Thế tôn ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó ở núi Chỉ-trá có chúng mười hai ni là Nan-đà, Ô-ba-Nan-đà, Thổ-la-Nan-đà, Châu-kế-Nan-đà, Để-sa, Mật-hằng-để-sa, Ba-ly-đa-để-sa, Lạc-ỷ-đa, Bạt-đà-la, Tô-bạt-đà-la, Tôn-đà-la, Thệ-diên-đa cùng làm hạnh xấu làm nhơ tâm tín kính của người như: Giao thiệp với các nam tử, cùng cười giỡn, xúc chạm, cùng ngồi một giường, cùng ăn một mâm, cùng uống một chung… cho đến các việc như ca múa, trang điểm, buông lung trạo cử…. Do nhân duyên này tiếng xấu lan khắp chung quanh núi Chỉ-trá khiến cho các ni muốn đến đều không dám đến, các ni đã ở lâu đều bỏ đi đến chỗ khác. Sau đó có nhiều Bí-sô ni du hành đến núi này, sáng sớm đắp y mang bát vào xóm khất thực đều mang bát không trở về, liền suy nghĩ: "Dân chúng nơi đây an cư lạc

nghiệp, sung túc đáng lẽ khất thực đều được no đủ, tại sao chúng ta không được thí gì cả, phải chăng các ni đã ở trước đây làm việc phi pháp làm nhơ tâm tín kính của họ chăng". Lúc đó các trưởng giả nơi núi này nhơn có việc luận bàn cùng nhóm họp một chỗ, trong số đó có một Ô-ba-sách-ca tên là Ốt-lộ-ca thấy các Bí-sô ni khất thực mang bát không trở về nên đến gần hỏi thăm, các ni nói ý nghĩ của mình, Ô-ba-sách-ca nói: "Các cô hãy thương xót chúng tôi đem việc này bạch Phật", các Bí-sô ni im lặng nhận lời, Ô-ba-sách-ca nói: "Các Thánh giả thương xót đến nhà tôi thọ thực". Các ni nhận lời thỉnh đến nhà Ô-ba-sách-ca này thọ thực, thọ thực xong nói pháp chỉ dạy cho Ô-ba-sách-ca được lợi hỉ rồi đứng dậy ra đi. Các ni này tuần tự du hành đến thành Thất-la-phiệt, ni chúng ở đây chào đón khách ni và hỏi thăm đi đường có an ổn không, các ni liền đem việc trên kể lại, các Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo Đại-thế-chủ: "Này Kiều đáp di, bà có thể cùng năm trăm Bí-sô ni Thượng tọa đến núi Chỉ-trá tác pháp yết ma xua đuổi chúng mười hai ni đó không?", đáp là được, Phật nói: "Có năm nhân duyên tác pháp yết ma xua đuổi là phi pháp phi luật, ni chúng phạm tội Việt pháp, đó là: Không gạn hỏi, không bảo nhớ nghĩ, không cứu xét sự việc, kia không tự nói tội, kia không có mặt. Vì tuy thật có tội cũng phải nên gạn hỏi cho trách tâm

khiến kia thuyết hối, tự nói tội. Lại có năm nhân duyên ngược với trên là như pháp như luật tác pháp yết ma, ni chúng không phạm tội Việt pháp. Khi đến gần tới núi đó nên dừng lại một chỗ sai một Bí-sô ni đến đó gạn hỏi, nếu người nào có năm pháp sau đây thì không nên sai, nếu đã sai nên hủy bỏ, đó là có thương, giận, sợ, si và không hiểu rõ việc gạn hỏi hay không gạn hỏi. Ngược với năm pháp trên thì nên sai, đã sai rồi thì không nên hủy bỏ. Pháp sai như sau: Nhóm tăng nên hỏi trước vị kia rằng: "Cô có thể đến núi Chỉ-trá gạn hỏi chúng mười hai ni đã làm những việc phi pháp hay không?", nếu đáp là có thể thì nên sai một Bí-sô ni tác bạch yết ma như sau:

Đại đức ni Tăng già lắng nghe, Bí-sô ni tên là có thể đến núi Chỉ-trá làm người gạn hỏi chúng mười hai ni. Nếu Bí-sô ni tăng già đúng thời đến lắng nghe thì Bí-sô ni Tăng già nên chấp thuận sai Bí-sô ni tên làm người đến núi Chỉ-trá gạn hỏi chúng mười hai ni. Bạch như vậy.

Văn bạch yết ma y theo văn tác bạch mà làm, đến núi Chỉ-trá rồi đánh kiền chùy, nếu họ nghe tiếng kiền chùy đến nhóm họp thì tốt, nếu không đến nhóm thì các ni nên tác pháp yết ma xua đuổi. Nếu họ đến thì các ni nên nói nguyên do cho họ biết rồi nói là vì các cô đã làm những việc phi pháp không thanh tịnh như vậy. Nếu họ nhận tội thì các ni nên nói với họ là do nhân duyên này nên chúng

tôi đến đây tác pháp yết ma xua đuổi cho các cô."

Lúc đó chúng mười hai ni nghe tin Đại-thế-chủ cùng các ni sắp đến tác pháp xua đuổi họ, trong số đó có bốn ni Bạt-đà-la, Tô-bạt-đà--la, Tôn-đà-la và Thệ-diên-đa suy nghĩ: "Chúng mười hai ni đã làm hạnh xấu, chúng ta đã đồng tình theo, nếu Đại-thế-chủ đến đây tác pháp xua đuổi, chúng ta sẽ bị đuổi đi", nghĩ rồi cùng đắp y mang bát lén ra cửa thành phía Tây đi đến thành Thất-la-phiệt đối ni chúng thuyết hối, những tội đã phạm tội nào nên thuyết hối thì thuyết hối, tội nào nên trách tâm thì trách tâm nên được trở lại thanh tịnh, cùng ở chung với các ni thanh tịnh khác đồng thọ dụng.

Lúc đó Đại-thế-chủ cùng năm trăm Bí-sô ni đi vào từ cửa thành phía Đông, đến nơi trải tòa ngồi rồi đánh kiền chùy tập họp, chúng mười hai ni còn lại 8 vị đều đến họp, vị ni gạn hỏi bắt đầu gạn hỏi: "Các cô thật đã làm những hạnh xấu làm hoại chánh pháp phải không?", đáp là thật, vị ni gạn hỏi sau khi gạn hỏi rồi, biết chúng đã nhòm đầy đủ liền tác bạch yết ma:

Đại đức ni tăng lắng nghe, các Bí-sô ni tên Nan-đà, Ô-ba-Nan-đà, Thổ-la-Nan-đà, Châu-kế-Nan-đà… đã làm hạnh xấu làm nhơ tâm tín kính của người, làm hoại chánh pháp. Nếu Bí-sô ni tăng già đúng thời đến nghe, Bí-sô ni tăng già nên chấp thuận tác pháp yết ma xua đuổi cho các ni Nan-đà… đã làm hạnh xấu làm nhơ tâm tín kính của

người mà không có tâm buông bỏ. Bạch như vậy.

Văn yết ma y theo văn tác bạch mà làm, Lúc đó Ô-ba-sách-ca Ốt-lộ-ca thấy việc này rồi đến chỗ Đại-thế-chủ đảnh lễ rồi ngồi một bên, Đại-thế-chủ nói pháp chỉ dạy cho Ô-ba-sách-ca được lợi hỉ rồi khuyên tu thiện và phát tâm Hoan-hỉ, kế nói rằng: "Các Bí-sô ni làm hạnh xấu làm nhơ tâm tín kính của người nay đã bị xua đuổi rồi". Ô-ba-sách-ca bạch với Đại-thế-chủ: "Xin Thánh giả và đại chúng thương xót sáng mai đến nhà con thọ thực", Đại-thế-chủ im lặng nhận lời, Ô-ba-sách-ca biết đã nhận lời sau khi về nhà ngay trong đêm ấy lo liệu đầy đủ các món ăn cúng dường, sáng sớm liền cho người đến thỉnh, Đại-thế-chủ cùng đại chúng đắp y mang bát đến nhà Ô-ba-sách-ca thọ thực xong nói pháp chỉ dạy được lợi hỉ rồi đi trở về thành Thất-la-phiệt. Sau khi cất y bát rửa chân xong liền đến bạch Phật là đã tác pháp yết ma xua đuổi các ni ở núi Chỉ-trá đã xong.

Lúc đó các Bí-sô ni Nan-đà, Ô-ba-Nan-đà… nói với nhau: "Nếu người bị té xuống đất thì phải tự chống đất đứng dậy, chúng ta nên đến thành Thất-la-phiệt đến chỗ Phật và chỗ Đại-thế-chủ sám hối tạ tội", nói rồi cùng nhau đi đến thành Thất-la-phiệt. Đại-thế-chủ nghe tin các ni này sắp đến liền đến bạch hỏi Phật nên đối xử với họ như thế nào, Phật nói: "Nếu khi gặp không nên cùng nói chuyện, nếu là bậc hạ lạp cao cũng khỏi phải lễ bái, người

nhỏ hạ đến vái chào cũng không chúc vô bịnh; nếu họ xin chỗ ở nên chỉ phòng bên, nếu đòi ngọa cụ thì cấp cho ngọa cụ cũ rách. Nếu họ nói tôi là bậc hạ lạp cao tại sao cấp cho tôi ngọa cụ cũ rách thì nên nói với họ: Cô là bậc già si, Phật đại từ nên bảo trao cho cô vật dụng này", Đại-thế-chủ vâng lời Phật dạy cáo lui. Sau đó trưởng giả Cấp-cô-độc cũng đến chỗ Phật bạch hỏi nên đối xử với các ni đã làm hạnh xấu làm nhơ tâm tín kính của người như thế nào, Phật nói: "Không cần kính lễ chào hỏi nhưng nên cung cấp thức ăn cho họ". Do Phật dạy như vậy nên khi các ni này đến, các ni ở trú xứ không cùng nói chuyện, cũng không chúc vô bịnh; khi xin chỗ ở thì cấp cho ở phòng xấu nhất, khi xin ngọa cụ vật dụng thì cấp cho ngọa cụ cũ rách… Các ni Nan-đà, Ô-ba-Nan-đà… thấy vậy liền nói với nhau: "Hành động, ngôn ngữ và ý thú mà chúng ta đã làm, bốn ni Bạt-đà-la… cũng làm như chúng ta, chúng ta nên đến chỗ của họ", nói rồi liền cùng đến chỗ bốn ni đó cũng bị họ đối xử như trên liền nói: "Các bậc lão ni tôn túc đối xử với chúng tôi như vậy cũng hợp lý, còn các cô, những hành động ngôn ngữ trước đây của các cô cũng như chúng tôi, tại sao hôm nay lại đối xử với chúng tôi như vậy?", bốn ni này nói: "Những gì chúng tôi đã làm trước đây thật không khác các cô, nhưng đối với các tội đã phạm tội nào đáng thuyết hối chúng tôi cũng đã thuyết hối, tội nào đáng trách tâm

chúng tôi cũng đã trách tâm, nay chúng tôi trở lại thanh tịnh không phạm, cho nên chúng tôi không thể cùng các cô đồng thọ dụng". Tám ni kia nghe rồi liền nói: "Ni chúng có thương giận sợ si nên đối với các ni đồng phạm tội mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi". Ni chúng nghe biết liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni nên ở chỗ khuất can riêng các ni đó… cho đến khi ni chúng tác pháp Bạch-tứ-yết-ma chánh can họ cũng cố chấp không chịu bỏ, còn nói: "Lời nói này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ở trong thôn xóm, thành ấp làm hạnh xấu làm nhơ tâm tín kính của người, ai cũng thấy, cũng nghe, cũng biết. Chúng ni nên khuyên can các Bí-sô ni kia: Các cô đã làm hạnh xấu làm nhơ tâm tín kính của người; ai cũng thấy, cũng nghe, cũng biết; các cô hãy đi đi, không nên ở đây nữa. Các Bí-sô ni kia nói với chúng ni rằng: Ni chúng có thương giận sợ si, có các ni đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Chúng ni nên nói với các Bí-sô ni kia rằng: Các cô chớ nên nói ni chúng có thương giận sợ si, có các ni đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Vì sao, vì ni chúng không có thương giận sợ si, vì các cô làm hạnh xấu làm nhơ

tâm tín kính của người, ai cũng thấy nghe, ai cũng biết nên mới bị đuổi. Các cô nên bỏ lời nói này đi. Khi chúng ni khuyên can như vậy, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì ni chúng nên tác pháp Bạch-tứ-yết-ma chánh can khiến cho bỏ lời nói này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho tám ni Nan-đà… hoặc có ni khác giống như vậy. Ô-tha-gia: Có hai nhân duyên làm nhơ tâm tín kính của người là ở chung và cùng thọ dụng. Ở chung là cùng người nam cùng ngồi một giường, cùng ăn một mâm, cùng uống chung một ly, cùng cười giỡn… Cùng thọ dụng là cùng ăn trái cây và tăm xỉa răng… Ác hạnh là làm những hạnh xấu thuộc về tội thô trọng. Gia là chỉ cho các Bà-la-môn, cư sĩ… Chúng ni là chỉ cho người trong pháp luật này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu các Bí-sô ni biết ni chúng đã như pháp tác yết ma Xua đuổi, sau lại nói ni chúng có thương giận sợ si thì phạm Ác-tác. Khi chúng ni can riêng, chịu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Thô… các tướng phạm khác giống như trong giới trên.

Học Xứ Thứ 20: TÁNH ÁC TRÁI CAN

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Bí-sô ni Để-sa lạc ỷ đa phạm nhiều tội, các ni khác gạn hỏi bảo cô nhớ nghĩ để thuyết hối rằng:

"Cô phạm tội hãy như pháp phát lồ chớ nên che giấu, nếu phát lồ thì được an lạc", ni Để-sa lạc ỷ đa nói: "Các cô thuộc đủ loại thành phần trong xã hội xuất gia… chớ đến nói với tôi việc tốt hay xấu, tôi cũng không đến nói với các cô việc tốt hay xấu. Các cô chớ nên khuyên bảo gì tôi". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các ni nên ở chỗ khuất can riêng ni kia… cho đến khi chúng ni tác pháp Bạch-tứ-yết-ma chánh can, cô kia vẫn cô chấp không chịu bỏ tánh xấu ác, còn nói: "Việc này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tánh xấu ác không chịu nghe lời khuyên can của người khác, khi các Bí-sô ni như pháp như luật từ trong Giới kinh do Phật nói ra để khuyên can, ni kia không chịu nghe theo, còn nói: Các cô chớ đến nói với tôi việc tốt hay xấu, tôi cũng không đến nói với các cô việc tốt hay xấu, các cô hãy thôi đi chớ khuyên can tối nữa. Các Bí-sô ni nên nói với ni kia rằng: Cô hay nghe lời khuyên can, khi các Bí-sô ni như pháp như luật từ trong Giới kinh do Phật nói ra để khuyên can thì cô nên nghe theo. Các ni như pháp khuyên can cô, cô cũng như pháp khuyên can các ni, cùng khuyên can lẫn nhau như vậy chúng Thanh văn của Như lai mới được tăng trưởng, cô hãy bỏ tánh xấu ác này đi.

Khi được các Bí-sô ni can riêng như vậy, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên tác pháp Bạch-tứ-yết-ma chánh can khiến cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni kia phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni Để-sa hoặc có ni khác cũng giống như vậy. Tánh ác là không chịu nghe lời khuyên can, khi các thiện Bí-sô ni dùng lời tùy thuận, không trái chánh lý can vẫn theo ý mình cố chấp không chịu nghe theo. Các cô chớ đến nói với tôi việc tốt hay xấu là việc tốt không cần khuyên tu, việc xấu không cần can ngăn.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Khi biết các Bí-sô ni như pháp can… phạm tội nặng nhẹ giống như trong các giới trên. Khi các Bí-sô ni tác pháp Bạch tứ yết ma thành rồi thì Bí-sô ni phạm phải thuận hành những hành pháp như sau: Không được độ cho người xuất gia, không được truyền thọ giới cụ túc cho người và làm y chỉ sư, không được nuôi Cầu-tịch nữ, Ni chúng không nên sai đến chỗ Bí-sô cầu giáo thọ sư, dù trước đã sai cũng phải hủy bỏ. Bí-sô ni phạm không được gạn hỏi, không được tác pháp yết ma, không được quở trách… Nếu Bí-sô ni phạm có hai mươi pháp sau đây thì các Bí-sô ni không được giải yết ma và cho xuất tội:

Một là ở trong chúng không thể hiện sự cung

kính. Hai là thân không coi nhẹ lợi dưỡng.

Ba là ở trong chúng không sanh tâm khiêm hạ. Bốn là không bỏ tâm ngạo mạn.

Năm là không thận theo pháp xuất ly. Sáu là không thuận tùng sự trị phạt.

Bảy là ở trong chúng không hành hạnh cung kính. Tám là trái với pháp cung kính.

Chín là ở trong giới không cầu giải tội. Một là nói tôi nhưng không thuyết hối. Mười một là ỷ thế lực của vua quan.

Mười hai là nương theo ngoại đạo hay người khác, không nương theo chúng.

Mười ba là mặc y phục ngoại đạo hay của thế tục.

Mười bốn là thừa sự ngoại đạo, làm điều không nên làm. Mười lăm là không học tập học xứ của Bí-sô ni.

Mười sáu là nhục mạ Bí-sô ni. Mười bảy là thường sân hận. Mười tám là hay la mắng.

Mười chín là làm cho chúng mất lợi dưỡng.

Hai mươi là không muốn cùng ở chung.

Các đại đức, tôi đã nói hai mươi pháp Tăng-già-phạt-thi-sa, mười hai pháp đầu vừa làm liền phạm, tám Pháp sau ba lần can mới phạm. Nếu Bí-sô ni tùy phạm một pháp nào mà cố che giấu thì hai bộ Tăng già nên tác pháp cho hành nửa tháng Ma-na-ti, hành Ma-na-ti xong mới được xuất tội.

Nếu Bí-sô ni phạm làm cho hai bộ Tăng già vui lòng thì hai bộ Tăng già mỗi bộ đủ hai mươi người, ở trong hai bộ Tăng già đủ bốn mươi người này tác pháp xuất tội cho Bí-sô ni phạm kia. Nếu thiếu một vị thì tội của Bí-sô ni này không được trừ diệt mà hai bộ Tăng già phạm tội Việt pháp. Đây là pháp xuất tội.

Nay hỏi các đại đức trong đây có thanh tịnh không (3 lần), các đại đức trong đây thanh tịnh vì im lặng. Tôi nay xin nhớ giữ như vậy.

III. NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ

Các đại đức, đây là ba mươi ba pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca từ trong Giới kinh rút ra, mỗi nửa tháng tụng một lần. (Ni không có hai pháp Bất định)

Nhiếp Tụng Một:

Trì, lìa, chứa, giặt y,
Nhận y, xin, thọ quá,
Đồng giá và chủ riêng,
Sai sứ đưa tiền y.

Học Xứ Thứ Nhất: CHỨA Y DƯ KHÔNG PHÂN BIỆT

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô chứa nhiều ba y, mỗi lần đánh răng súc miệng, rửa tay chân, lễ bái hai thầy, lễ Phật, lau quét chùa tháp, vào thôn khất thực, thọ

thực, thọ giáo, thính pháp… đều mặc y khác nhau. Lại thêm khi thay y, giặt y, hong phơi y… bận rộn nhiều việc nên bỏ phế việc đọc tụng, tư duy phẩm thiện. Các Bí-sô thiểu dục thấy vậy nên chê trách: "Tại sao Bí-sô lại chứa nhiều y dư phế bỏ việc tu chánh nghiệp". Chê trách rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này tập họp các Bí-sô… đủ lời quở trách hạng người nhiều ham muốn, không biết đủ, khó nuôi, khó làm cho đầy đủ và khen ngợi hạng người ít ham muốn, biết đủ, dễ nuôi, dễ làm cho đầy đủ, biết lượng mà thọ nhận, tu hạnh Đỗ-đa (đầu đà). Quở trách rồi bảo các Bí-sô: "Ta quán thấy mười công đức lợi nên chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni đã may y xong, y Yết-sỉ-na đã xuất, được y dư phân biệt được cất chứa mười ngày; nếu không phân biệt mà chứa quá hạn thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca". Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni trong pháp luật này.

May y đã xong, y Yết-sỉ-na đã xuất: Có bốn câu, một là có may y rồi không phải xuất y Yết-sỉ-na, hai là có xuất y Yết-sỉ-na không phải may y rồi, ba là có xuất y Yết-sỉ-na, may y cũng xong rồi, bốn là có không phải may y rồi, cũng không phải xuất y Yết-sỉ-na. Câu đầu nghĩa là nếu Bí-sô giặt nhuộm may thành y rồi nhưng Tăng chưa xuất y Yết-sỉ-na . Câu thứ hai nghĩa là nếu Bí-sô may y chưa xong, Tăng đã xuất y Yết-sỉ-na. Câu thứ ba nghĩa là nếu

Bí-sô may y xong rồi, Tăng lại xuất y Yết-sỉ-na. Câu thứ bốn nghĩa là nếu Bí-sô may y chưa xong, y Yết-sỉ-na chưa xuất.

Nhận được y dư chứa trong vòng mười ngày tức là mười đêm, y dư là ngoài y đã thọ trì còn có y khác, làm pháp phân biệt được chứa, nếu chứa quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca, vật này nên xả, tội kia nên sám.

Ba-dật-để-ca là đốt nấu, đọa lạc, nếu phạm tội này bị đọa vào ba cõi ác địa ngục, bàng sanh và ngạ quỷ chịu khổ đốt nấu. Người phạm tội này nếu không ân cần thuyết hối trừ tội thì có thể làm chướng ngại pháp lành đã có nên gọi là Ba-dật-để-ca. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni ngày đầu trong tháng nhận được y, trong vòng mười ngày nên trì, nên xả, nên tác pháp, nên cho người. Nếu không trì, không xả, không tác pháp, không cho người đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai không được y, ngày thứ ba được y cho đến ngày thứ mười được y, không tác pháp thọ trì cho đến ngày thứ mười một mặt trời mọc, y đã được trong chín ngày đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Như vậy cho đến y đã được trong tám ngày… tùy số ngày nhiều ít được y, chuẩn theo đây nên biết. Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai được y, trong vòng mười ngày y đã được trước nên

trì, y đã được sau nên xả, có thể dựa theo đây nên biết. Nếu không tác pháp thọ trì đến ngày thứ mười một mặt trời mọc, y đã được trong hai ngày đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Như vậy cho đến ba ngày… được y, chuẩn theo đây nên biết.

Nếu Bí-sô ni một ngày được hai y, cho đến hai ngày… được y đều nên tác pháp giống như trước. Nếu không tác pháp đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Nếu Bí-sô ni một ngày nhận được nhiều y, ngày thứ hai về sau cũng nhận được nhiều y đều tác pháp giống như trước. Nếu không tác pháp đến ngày thứ mười một mặt trời mọc phạm tội đồng như trước. Những trường hợp này đều do cái trước nhiễm cái sau nối tiếp nhau phát sanh tội lỗi.

Nếu Bí-sô ni có y phạm Xả-đọa, y này không xả, không trải qua đêm, tội kia không thuyết hối, nếu nhận thêm các y khác đều phạm Xả-đọa. Nếu y phạm Xả-đọa của Bí-sô ni này tuy xả, không trải qua đêm, tội kia không thuyết hối, các y đã được khác đều phạm Xả-đọa. Nếu xả y, trải qua đêm tội kia không thuyết hối, các y đã được khác đều phạm Xả-đọa vì do cái trước nhiễm. Nếu Bí-sô ni chứa y dư đã phạm Xả-đọa, không làm ba việc thì tất cả y đã được hoặc là bát, đãy đựng bát, đãy lọc nước… cho đến nhận bất cứ tư cụ gì của sa môn đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca, vì do cái trước nhiễm. Nếu xả y, trải qua đêm, tội kia thuyết hối, nhận được

các y khác đều không phạm.

Học Xứ Thứ 2: LÌA NĂM Y

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó các Bí-sô chứa nhiều ba y nên khi an cư nơi nào nhận được y tài đều đem giặt nhuộm cắt may rồi gói lại gởi cho thí chủ, chỉ đắp mặc hai y du hành trong nhân gian. Trải qua thời gian Bí-sô gởi y không trở về, thí chủ phải đem ra hong phơi mất rất nhiều thì giờ, phế bỏ việc đọc tụng, tư duy. Các Bí-sô khác thấy vậy liên chê trách: "Tại sao Bí-sô lại chứa nhiều y dư đem gởi làm trở ngại chánh nghiệp của người khác". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này tập họp các Bí-sô khen ngợi các Bí-sô thiểu dục tu hạnh Đỗ-đa rồi bảo các Bí-sô: "Ta quán thấy mười công đức lợi nên chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni may y đã xong, y Yết-sỉ-na lại xuất, nếu lìa một trong năm y ngủ đêm ở ngoài giới cho đến một đêm liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca ". Sau khi Thế tôn chế học xứ rồi, Phật lại duyên nơi cụ thọ Ca-nhiếp-ba mà tùy khai như trong luật Bí-sô đã nói cho đến câu: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni may y đã xong, y Yết-sỉ-na cũng đã xuất, nếu lìa một y trong năm y ngủ đêm ở ngoài giới cho đến một đêm, trừ chúng tăng tác pháp, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Lìa một trong năm y là Tăng-già-chi, Ốt-đát-la-tăng-già, An-đát-bà-ta, Câu-tô-lạc-ca, Tăng-khước-kỳ, lìa một trong năm y này ngủ đêm ở ngoài giới cho đến khi mặt trời mọc, trừ Tăng yết ma, đều phạm Xả-đọa, y nên xả, tội nên sám như giới trước.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Một, hai, nhiều thôn, nhà
Tường, rào, hào bao quanh,
Nhà kỷ nhạc, ngoại đạo
Phố, quán và lầu, sân
Nhà, xe, thuyền, rừng cây,
Đều có bốn không đồng,
Ở trong bốn oai nghi,
Hộ y nên khéo biết.

Có một, hai, nhiều thôn xóm có tường, hàng rào, hoặc hào bao quanh thôn. Một thôn có một thế phần hay nhiều thế phần. Nhiều thôn có một thế phần hay nhiều thế phần. Một nhà có một thế phần hay nhiều thế phần. Nhiều nhà có một thế phần hay nhiều thế phần, cho đến nhà kỷ nhạc, nhà ngoại đạo, phố, quán, lầu, sân, nhà, xe, thuyền, rừng cây đều có một thế phần và nhiều thế phần bốn loại không đồng. Sao gọi là một thôn xóm? Người nơi núi đồi, đồng nội ở chung, nhiều nhà tạo thành một thôn, phạm vi bao nhiêu gọi là một thế phần?: Tức

là trong ngoài thôn khoảng một tầm, là chỗ có thể để xay giả nấu ăn và tụ họp lại để ăn uống. Nếu y của Bí-sô ni ở trong nhà, thân ở trong thế phần; hoặc y ở trong thế phần, thân ở trong nhà khi mặt trời mọc đều không phạm lìa y. Nếu để y trong nhà và trong thế phần còn thân ở chỗ khác ngoài thế phần, khi mặt trời chưa mọc thì phạm Ác-tác, khi mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Một thôn như vậy, hai thôn cũng như vậy.

Sao gọi là nhiều thôn xóm? Người trong một thôn, nhà cửa xây dựng không theo thứ lớp, tạo thành nhiều thôn, phạm vi bao nhiêu là một thế phần, đồng hay khác? Trường hợp này không có thế phần, có khác không đồng, phạm vi lìa y dựa theo một thôn làm tiêu chuẩn.

Sao gọi là tường bao quanh thôn? Là bốn phía thôn có tường bao quanh, phạm vi bao nhiêu gọi là một thế phần? Tức là trong và ngoài tường khoảng một tầm, là khoảng không gian mà con gà bay tới rồi đáp xuống, cũng là chỗ mà người biết hổ thẹn đi tới để tiện lợi.

Sao gọi là hàng rào bao quanh thôn? Là bốn phía thôn có hàng rào bao quanh, phạm vi bao nhiêu là một thế phần? Tức là trong và ngoài hàng rào khoảng một tầm, bằng với chỗ đo được khoảng mười hai khuỷu tay, cũng là chỗ mà cổ xe chở tre có sáu con bò kéo có thể quay đầu lại được.

Sao gọi là hào bao quanh thôn? Là chung quanh phía ngoài thôn có đào hào ngăn cách, phạm vi bao nhiêu là một thế phần? Tức là bên trong và bên ngoài hào ngăn khoảng một tầm, bằng với chỗ mà bụi của chân con trâu hay con dê tung bay tới, cũng bằng với chỗ mà quăng gạch đá sỏi tới được.

Sao gọi là một thôn có một thế phần? tức là thôn ấy có một vườn rừng, một thần miếu, một chỗ tụ họp, phạm vi bao nhiêu gọi là một thế phần? Tức là phạm vi ngoài vườn rừng một tầm, bằng với chỗ có thể xay giả nấu ăn và tụ họp để ăn uống.

Sao gọi là một thôn có nhiều thế phần? Tức là thôn ấy có nhiều vườn rừng, nhiều thần miếu, nhiều chỗ tụ họp. Phạm vi bao nhiêu gọi là thế phần, là khác hay đồng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là nhiều thôn có một thế phần? Tức là nhiều thôn có một vườn rừng, một thần miếu, một chỗ tụ họp. Phạm vi bao nhiêu gọi là thế phần? Trong và ngoài thôn khoảng một tầm, bằng với chỗ xay giả, nấu ăn và tụ họp để ăn uống.

Sao gọi là nhiều thôn có nhiều thế phần? Tức là nhiều thôn có nhiều vườn rừng, nhiều thần miếu, nhiều chỗ tụ họp. Phạm vi bao nhiêu gọi là thế phần, là khác hay đồng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một nhà có một thế phần? Tức là

trong nhà này chỉ có một gia trưởng, anh em không chia riêng. Phạm vi thế phần giống như một thôn .

Sao gọi là một nhà có nhiều thế phần? Tức là trong nhà này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là nhiều nhà có một thế phần? Tức là trong nhiều nhà này chỉ có một gia trưởng, anh em không chia riêng.

Sao gọi là nhiều nhà có nhiều thế phần? Tức là nhiều nhà này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một nhà kỷ nhạc có một thế phần? Tức là trong nhà chỉ có một gia trưởng, anh em không chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần? Bên trong và ngoài nhà khoảng một tầm, bằng với chỗ để giá trống, đàn tỳ bà, ống tiêu, ống sáo… của giàn nhạc và chỗ ban nhạc tụ họp ăn uống .

Sao gọi là một nhà kỷ nhạc có nhiều thế phần? Tức là trong nhà này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? riêng là chỗ ở riêng của anh em, chung là chỗ để giá trống…

Sao gọi là nhiều nhà kỷ nhạc có một thế phần?

Tức là nhiều nhà này chỉ có một gia trưởng, anh em không chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần? Bên trong và bên ngoài nhà khoảng một tầm, bằng với chỗ để giá trống…

Sao gọi là nhiều nhà kỷ nhạc có nhiều thế phần? Tức là nhiều nhà này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần

Sao gọi là một nhà ngoại đạo có một thế phần? Tức là người trong nhà này có đồng một kiến giải, không có ý thú riêng. Phạm vi bên trong và bên ngoài nhà khoảng một tầm là một thế phần, bằng với chỗ phơi phân bò, chất củi, chỗ cúng tế, chỗ nấu ăn, chỗ tụ họp ăn uống .

Sao gọi là một nhà ngoại đạo có nhiều thế phần? Tức là người trong nhà này có nhiều kiến giải sai khác và có ý thú không đồng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần, cái gì đồng, cái gì khác? Bằng với miễu thờ trời.

Sao gọi là nhiều nhà ngoại đạo có một thế phần? Tức là người trong nhiều nhà này có đồng một kiến giải, không có ý thú riêng. Phạm vi bên trong và ngoài nhà khoảng một tầm là một thế phần, bằng với chỗ phơi phân bò…

Sao gọi là nhiều nhà ngoại đạo có nhiều thế phần? Tức là người trong nhiều nhà này có nhiều

kiến giải sai khác, ý thú cũng không đồng. Trường hợp này không có thế phần .

Sao gọi là một phố có một thế phần? Tức là trong phố này có gia trưởng, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài khoảng một tầm là một thế phần, bằng với chỗ để hàng hóa, mua bán giao dịch…

Sao gọi là một phố có nhiều thế phần? Tức là trong phố này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Thế phần này cái gì chung, cái gì riêng? Chung là chỗ giao dịch.

Sao gọi là nhiều phố có một thế phần? Tức là trong nhiều phố này chỉ có một gia trưởng, anh em không chia riêng. Thế phần này là bên trong và bên ngoài phố khoảng chừng một tầm, bằng với chỗ để hàng hóa…

Sao gọi là nhiều phố có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều phố này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một quán có một thế phần? Tức là trong quán này có một gia trưởng, anh em không chia riêng. Phạm vi trong ngoài quán có một tầm là một thế phần, bằng với chỗ để đại mạch, tiểu mạch, dầu mè, tơ lụa…, chỗ giao dịch.

Sao gọi là một quán có nhiều thế phần? Tức là trong quán này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu gọi là thế phần, cái gì chung,

cái gì riêng? Tức là chỗ để giường ghế, đồ vật…

Sao gọi là nhiều quán có một thế phần? Tức là trong nhiều quán này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi trong và ngoài quán có một tầm là thế phần, bằng với chỗ để dầu, mè… các vật.

Sao gọi là nhiều quán có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều quán này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi chừng bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một lầu có một thế phần? Tức là trong lầu này có một chủ lầu, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài lầu có một tầm là thế phần, bằng với chỗ tụ họp ăn uống.

Sao gọi là một lầu có nhiều thế phần? Tức là trong lầu này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Tức là chỗ để thang lầu.

Sao gọi là nhiều lầu có một thế phần? Tức là trong nhiều lầu này có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài lầu có một tầm là thế phần, bằng với chỗ tụ họp ăn uống .

Sao gọi là nhiều lầu có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều lầu này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một sân có một thế phần? Tức là trong sân này có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài sân có một tầm, là chỗ để gạo lúa…

Sao gọi là một sân có nhiều thế phần? Tức là trong sân này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Tức là ranh giới của sân.

Sao gọi là nhiều sân có một thế phần? Tức là trong nhiều sân này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài sân có một tầm là thế phần, là chỗ để lúa gạo.

Sao gọi là nhiều sân có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều sân này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một ngôi nhà có một thế phần? Tức là trong ngôi nhà này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài ngôi nhà có một tầm là thế phần, bằng với chỗ cột trâu bò, ngựa, bỏ phân cỏ…

Sao gọi là một ngôi nhà có nhiều thế phần? Tức là trong ngôi nhà này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, tức là từ cửa trở vào trong.

Sao gọi là nhiều ngôi nhà có một thế phần? Tức là trong nhiều ngôi nhà này chỉ có một chủ, anh em

không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài ngôi nhà có một tầm là thế phần, chỗ cột bò ngựa, bỏ phân cỏ…

Sao gọi là nhiều ngôi nhà có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều ngôi nhà này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một xe có một thế phần? Tức là xe này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi ngoài của xe có một tầm là thế phần, là chỗ xe đi và dừng, cũng là chỗ cột trâu bò ngựa, bỏ phân cỏ.

Sao gọi là một xe có nhiều thế phần? Tức là xe này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần? Bằng với cái ách của xe. Cái gì chung, cái gì riêng? Chung là chỗ đòn ngang trước xe.

Sao gọi là nhiều xe có một thế phần? Tức là nhiều xe này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Thế phần là chỗ xe đi.

Sao gọi là nhiều xe có nhiều thế phần? Tức là nhiều xe này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một thuyền có một thế phần? Tức là thuyền này chỉ có một chủ, anh em không chia

riêng. Phạm vi bên trong và ngoài thuyền có một tầm là thế phần, là chỗ cột thuyền, nấu ăn và tụ họp ăn uống.

Sao gọi là một thuyền có nhiều thế phần? Tức là thuyền này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Bên chiếc thuyền là thế phần.

Sao gọi là nhiều thuyền có một thế phần? Tức là trong nhiều thuyền này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Chỗ thuyền dừng là thế phần.

Sao gọi là nhiều thuyền có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều thuyền này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một khu rừng có một thế phần? Tức là trong khu rừng này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài khu rừng có một tầm là thế phần, bằng với chỗ hái hoa trái và ăn uống.

Sao gọi là một khu rừng có nhiều thế phần? Tức là trong khu rừng này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Thế phần là một dặm vuông.

Sao gọi là nhiều khu rừng có một thế phần? Tức là trong nhiều khu rừng này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài khu rừng có một tầm là thế phần, là chỗ hái hoa trái và ăn uống.

Sao gọi là nhiều khu rừng có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều khu rừng này có nhiều chủ, anh

em chia riêng. Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một cây có một thế phần? Tức là chỗ cành lá giao nhau. Bên ngoài cây khoảng một tầm là thế phần, bằng với chỗ bóng mát của cây lúc giữa trưa của tháng năm, hoặc là chỗ hoa lá trái cây rơi xuống khi trời không có gió, cũng bằng với chỗ khi trời mưa giọt nước văng tới.

Sao gọi là một cây có nhiều thế phần? Tức là chỗ cành lá thưa thớt, không giao nhau. Thế phần bằng với gốc cây.

Sao gọi là nhiều cây có một thế phần? Tức là chỗ cành lá giao nhau, có chung bóng mát.

Sao gọi là nhiều cây có nhiều thế phần? Tức là cành lá của các cây này cách xa nhau, không giao nhau thành bóng mát.

Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Khi Bí-sô ni đi đứng nằm ngồi, phạm vi khoảng chừng bao nhiêu là thế phần lìa y?". Phật nói: "Như Bà-la-môn Sanh Văn trồng cây Yểm-một-la, cách nhau bảy tầm bông trái xum xuê, khoảng cách của bảy cây này là bốn mươi chín tầm. Bí-sô ni đi trong phạm vi này là thế phần không mất y, quá phạm vi này là thế phần mất y. Nếu đứng nằm ngồi thì phạm vi chỉ trong một tầm; nếu ngủ ở trung gian giữa hai giới, chéo của y không rời khỏi thân là thế phần của y. Bí-sô ni lìa y ngủ nên làm ba việc, phạm hay không phạm đều như văn trên đã nói rõ."

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 8

Học Xứ Thứ 3: Y MỘT THÁNG

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô chứa nhiều y, thọ được vải màu xanh không may y liền mà đem cất, lại mong được thêm thứ vải khác, nghĩ rằng nếu thọ được vải tương tợ như vậy sẽ may thành y. Vải màu xanh đã nghĩ như vậy, cho đến được vải màu vàng, màu đỏ, màu trắng hoặc vải mỏng, vải dày… đều đem cất và nghĩ như vậy. Các Bí-sô thiểu dục trông thấy liền chê trách: "Tại sao Bí-sô lại chứa cất nhiều thứ vải không chịu may thành y". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến Phật bảo các Bí-sô: "Ta quán thấy mười công đức lợi, nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni may y đã xong, y Yết-sỉ-na lại xuất, được y phi thời cần thì thọ, thọ rồi phải mau may thành y. Nếu có chỗ hy vọng sẽ cúng cho đủ thì được cất chứa trong vòng một tháng, nếu chứa quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô ni là ni chúng trong pháp này.

May y đã xong, y Yết-sỉ-na lại xuất: Có bốn câu giống như giới trên. Được y phi thời: sao gọi là thời, sao gọi là phi thời? Thời là trú xứ nào không thọ y Yết-sỉ-na thì trong vòng một tháng từ ngày mười sáu tháng tám đến ngày mười lăm tháng chín; nếu trú xứ nào có thọ y Yết-sỉ-na thì trong vòng năm tháng, từ ngày mười sáu tháng tám đến ngày mười lăm tháng giêng. Ngoài thời gian nói trên gọi là phi thời. Nếu có chỗ hy vọng sẽ cúng: Nghĩa là thiếu vải chờ xin cho đủ nên được cất chứa trong vòng một tháng, hy vọng cha mẹ, anh em, chị em, sư chủ… sẽ cúng thêm vải; hoặc vào ngày hội năm năm, ngày hội sáu năm, ngày hội thăng chức, ngày hội mãn năm ta sẽ được cúng vải, nếu đủ may thành y thì tốt. Nếu trong ba y có một y không đủ thì được chứa trong vòng một tháng, quá thời gian một tháng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Chỗ hy vọng hay không
Hết mong, vải không đồng,
Mới cũ, phấn tảo khác,
Điều số lượng khuỷu tay.

Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất trong tháng được vải màu xanh đem cất chưa may, vì có chỗ hy vọng

cho thêm, nghĩ rằng nếu được cúng thêm vải cùng màu ta sẽ may thành y. Ngay trong ngày nhận được vải cùng màu, Bí-sô ni phải may thành y trong vòng mười ngày nên trì, nên xả, nên tác pháp. Nếu không trì, không xả, không tác pháp đến ngày thứ mười một, mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Bí-sô ni ngày thứ nhất không được vải nào khác, ngày thứ hai, thứ ba cho đến ngày thứ mười đều được vải thì Bí-sô ni phải may thành y trong vòng mười ngày đó nên trì, nên xả, nên tác pháp. Nếu không trì, không xả, không tác pháp, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Bí-sô ni trong mười ngày không được vài nào khác, ngày thứ mười một, thứ mười hai cho đến ngày thứ mười chín cũng đều không được vải, đến ngày thứ hai mươi mới được vải thì nên như trước tác pháp, nếu không tác pháp phạm Xả-đọa.

Bí-sô ni trong hai mươi mốt ngày không được vải đến ngày thứ hai mươi chín mới được thì nội trong ngày thứ ba mươi liền phải may thành y, nên trì, nên xả, nên tác pháp. Nếu không trì, không xả không tác pháp đến ngày thứ ba mươi mốt mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Do thời gian trước được y, tướng nhiễm nối tiếp nhau. Được vải màu xanh đã như vậy, được các loại vải màu khác cũng như vậy.

Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất được vải màu xanh đem cất chưa may thành y vì có chỗ hy vọng cúng thêm cho đủ, nghĩ rằng nếu được thêm vải cùng màu ta sẽ may thành y. Ngay ngày được vải cùng màu, Bí-sô ni phải may thành y trong vòng mười ngày nên trì, nên xả, nên tác pháp, Nếu không tác pháp đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Nếu ngày thứ nhất không được vải nào khác, ngày thứ hai được cho đến ngày thứ ba mươi đều được… giống như văn trên. Được vải màu xanh đã như vậy, được các loại vải khác cũng như vậy.

Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất được vải màu xanh không may đem cất vì hy vọng có người cúng thêm, nhưng do thời gian lâu xa không xứng với lòng mong muốn, không biết làm sao; hoặc ngay ngày được vải màu xanh liền may thành y trong vòng mười ngày… giống như văn trên đã nói, cho đến ngày thứ ba mươi mới được các loại vải khác cũng giống như trong đoạn văn trên.

Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất được vải màu xanh không may đem cất vì có chỗ hy vọng cúng thêm, nhưng chỗ hy vọng kia tuy chưa được y, tâm cầu chưa dứt; hoặc ngay ngày được vải màu xanh liền may thành y… như đoạn văn trên. Nếu ngày thứ nhất được vải màu xanh không may đem cất vì có chỗ hy vọng, nhưng chỗ hy vọng bị đoạn tuyệt. Vải mà Bí-sô ni đã được nội trong mười ngày nên trì,

nên xả như trong đoạn văn trên.

Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế Tôn có bao nhiêu loại y?", Phật nói: "Có hai loại y: Một là loại mới, hai là loại cũ. Mới tức là mới may, cũ tức là đã trải qua bốn tháng thọ dụng. Này Ưu-ba-ly, lại có năm loại y: Một là y có thí chủ, hai là y không có thí chủ, ba là y vãng hoàn, bốn là y của người chết, năm là y phấn tảo. Sao gọi là y có thí chủ?: Tức là có nam, nữ, bán trạch ca làm thí chủ cúng y. Sao gọi là y không có thí chủ? Tức là không có nam, nữ, bán trạch ca làm thí chủ cúng y. Sao gọi là y vãng hoàn? Như có người chết, quyến thuộc nhớ thương dùng y phủ lên người chết rồi khiêng đến chỗ hỏa thiêu, khi thiêu lấy lại chiếc y ấy đem cúng cho tăng. Sao gọi là y của người chết? Tức là ở trong rừng thây chết, y của người chết không có sở hữu chủ. Sao gọi là y phấn tảo? Có tất cả năm loại: Một là y bỏ trên đường đi, hai là y bỏ nơi chỗ đổ rác, ba là y bỏ nơi bờ sông, bốn là y bị kiến nhấm, năm là y rách nát. Lại có năm loại y: Một là y bị lửa cháy, hai là y bị nước ngâm, ba là y bị chuột gặm, bốn là y bị bò nhơi, năm là y của bà mẹ sanh con xong rồi bỏ.

Bí-sô ni nhận được vải mới muốn may y nên giặt nhuộm cắt may thành y Tăng-già-chi hai lớp, Ni sư đàn hai lớp, Ốt-đát-la-tăng-già một lớp, An-đát-bà-ta một lớp. Nếu Bí-sô ni may y Tăng-già-chi hai lớp rồi may thêm lớp thứ ba, khi vừa thiếp

vào liền phạm Ác-tác, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Bí-sô ni đối với y Tăng-già-chi mới xé bỏ lớp bọc cũ định dùng vào việc khác, khi vừa xé liền phạm Ác-tác, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Bí-sô ni đối với y Tăng-già-chi mới xé bỏ lớp bọc cũ ra để giặt nhuộm rồi may khâu trở lại thì không phạm. Đến ngày thứ mười một mặt trời mọc nếu may khâu chưa xong thì phạm Xả-đọa. Tăng-già-chi đã như vậy thì ni sư đàn, … cũng như vậy. Nếu Bí-sô ni có y Ốt-đát-la-tăng-già mới may thêm lớp thứ hai, khi vừa thiếp vào liền phạm Ác-tác, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Y-An-đát-bà-ta cũng như vậy.

Nếu Bí-sô ni được vải cũ muốn may y nên giặt nhuộm cắt may thành y Tăng-già-chi bốn lớp, Ni sư đàn bốn lớp, Ốt-đát-la-tăng-già và An-đát-bà-ta hai lớp. Nếu Bí-sô ni đối với y Ốt-đát-la-tăng-già và An-đát-bà-ta hai lớp muốn may thêm lớp thứ ba, khi vừa thiếp vào liền phạm Ác-tác; đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Bí-sô ni đối với y nhiều lớp muốn xé bỏ, khâu may hay không khâu may, có phạm hay không phạm đều giống như trong đoạn văn trên đã nói. Bí-sô ni được y có thí chủ, y không thí chủ… chuẩn theo y mới và cũ nên biết. Nếu là y phấn tảo thì may mấy lớp tùy ý, không có hạn định".

Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế Tôn, Tăng-

già-chi có mấy loại, điều số thế nào?", Phật nói: "Có chín loại đó là y chín điều, mười một điều, mười ba điều, mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều, hai mươi mốt điều, hai mươi ba điều và hai mươi năm điều. Này Ưu-ba-ly, ba loại y thứ nhất có hai đàn cách dài một đàn cách ngắn; ba loại y kế Có ba đàn cách dài một đàn cách ngắn; ba loại y sau cùng có bốn đàn cách dài một đàn cách ngắn nên may nên thọ trì, quá điều lượng này thành phá nạp". Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế Tôn, y lớn y nhỏ có bao nhiêu thứ?". Phật nói: " y Tăng-già-chi Có ba bậc thượng trung và hạ, bậc thượng bề đứng ba khuỷu tay, bề ngang năm khuỷu tay; bậc hạ bề đứng hai khuỷu tay rưỡi, bề ngang bốn khuỷu tay rưỡi; ở giữa hai bậc trên là bật trung. Ốt-đát-la-tăng-già và An-đát-bà-ta cũng Có ba bậc thượng trung hạ như Tăng-già-chi. Này Ưu-ba-ly có hai loại An-đát-bà-ta: Một là bề đứng hai khuỷu tay, bề ngang năm khuỷu tay; hai là bề đứng hai khuỷu tay, bề ngang bốn khuỷu tay. Y An-đát-bà-ta bậc thấp nhất chỉ trùm ba luân là nhỏ nhất trong số y thọ trì. Y phạm Ni-tát-kỳ nhỏ nhất chỉ bằng ngang dọc một khuỷu tay. Nếu Bí-sô ni phạm Xả-đọa nên làm ba việc như trên đã nói. Đây chỉ là lược nói pháp thức của ba y."

Học Xứ Thứ 4: GIẶT Y CŨ CHO BÍ SÔ

KHÔNG PHẢI BÀ CON

Lúc Bồ tát từ cung trời Đổ-sử giáng sanh vào cung vua Tịnh-phạn ở thành Kiếp-tỷ-la, tiếng đồn vang khắp bốn phương: Dòng họ Thích Ca hạ sanh Thái-tử ở cạnh núi Tuyết bên dòng sông Diêm của thành Kiếp-tỷ-la, chỗ tiên nhơn ở. Cách đó không xa có tiên nhơn tên A-lan-nhã Tư Đà giỏi về tướng số và bói toán nên nhà vua liền triệu đến để xem tướng cho Thái-tử. Tướng số A-tư-đà đoán rằng: "Nếu Thái-tử ở nhà thì làm vua Chuyển luân cai trị giáo hóa bốn thiên hạ, là một vị đại thánh chủ có bảy báu đầy đủ đó là luân báu, tượng báu, mã báu, ngọc báu, nữ báu, chủ tàng thần báu, chủ binh thần báu với ngàn người con có oai lực lớn, dũng kiện không ai hơn, có thể hàng phục oán địch. Trên đại địa, trên khắp bốn biển đều không có đạo tặc cũng không có hình phạt nặng, chỉ dùng pháp lý cai trị làm cho mọi người được sống an ổn. Nếu Thái-tử xuất gia cạo bỏ râu tóc, do tâm chánh tín từ nhà đến chỗ không nhà sẽ được thành Phật, Ứng chánh biến tri, tiếng đồn vang khắp mười phương, giáo hóa cứu độ muôn loài". Lúc đó vua của các nước lân bang nghe tin Thái-tử sanh ở Tuyết sơn… giáo hóa cứu độ muôn loài, liền suy nghĩ: "Nay ta nên đến thừa sự Thái-tử, sau này sẽ thọ phước lộc của người", lại nghĩ: "Nay ta không có duyên trông thấy Thái-tử, ta nên thừa sự vua Tịnh-phạn cũng tức là thừa sự Thái-tử". Các vua lân bang suy nghĩ

như vậy rồi liền sai sứ thần mang quốc tín đến chỗ vua Tịnh-phạn. Bồ tát ở trong thâm cung dần dần trưởng thành, do thấy cảnh già bịnh chết nên trong lòng sầu não, buông bỏ việc đời vào ở trong rừng. Các vua lân bang nghe biết liền suy nghĩ: "Lâu nay ta phụng sự vua Tịnh-phạn là vì Thái-tử, nay Thái-tử đã vào ở trong rừng mong cầu xuất ly, ta cần gì uổng công phí sức phụng sự nữa". Do nghĩ như vậy nên các vua lân bang không sai sứ thần mang quốc tín đến nữa. Trong các vua nước lân bang chỉ còn có vua Thắng-quang tuy chấm dứt quốc tín nhưng sứ thần hai nước vẫn còn qua lại. Sứ thần của vua Thắng-quang là Đại thần Mật-hộ, sứ thần của vua Tịnh-phạn là Đại thần Ô-đà-di . Khi đại thần Mật-hộ đến chỗ vua Tịnh-phạn luận bàn việc nước xong thì đến nhà của đại thần Ô-đà-di nghỉ, ngược lại khi đại thần Ô-đà-di đến chỗ vua Thắng-quang luận bàn việc nước xong thì đến nhà của đại thần Mật-hộ nghỉ. Vợ của đại thần Mật-hộ tên là Cấp-đa nhan sắc đoan nghiêm, ai nhìn cũng yêu mến, do thường lui tới nhà của đại thần Mật-hộ nên đại thần Ô-đà-di tư thông với Cấp-đa. Khi đại thần Mật-hộ nghe biết Cấp-đa cùng Ô-đà-di tư thông liền muốn giết hai kẻ xấu xa này, nhưng lại nghĩ : "Nếu ta giết đại thần của nước lân bang sẽ làm loạn vương thành tạo nên sự kinh hoàng sợ hãi, tại sao vì người vợ tội lỗi của mình mà lại giết một Bà-la-môn", do nghĩ như vậy nên giả lơ không hay biết.

Thời gian sau Mật-hộ qua đời, vua Thắng-quang lấy cớ Mật-hộ không có con kế thừa nên tịch thu gia sản. Lúc đó Ô-đà-di nghe biết việc này liền suy nghĩ: "Ta còn sống đây làm sao nở để cho Cấp-đa không có chỗ nương nhờ", do nghĩ như vậy nên sáng hôm sau liền vào cung tâu vua Tịnh-phạn: "Đại vương, trong nước của vua Thắng-quang có việc bất ổn, đại vương nên sai sứ thần đến đó tham hỏi, nếu không sẽ chiêu lấy họa bại". Vua Tịnh-phạn liền sai Ô-đà-di làm sứ thần đến thành Thất-la-phiệt thăm hỏi vua Thắng-quang, khi đến nơi Ô-đà-di suy nghĩ: "Ta nên yết kiến nhà vua trước hay gặp đại thần trước" , lại nghĩ: "Theo phép cầu việc phải đi từ dưới lên, ta nên đến chỗ đại thần trước". Nghĩ rồi liền đến chỗ đại thần nói rằng: "Tôi muốn nhờ quan tâu giúp với nhà vua cho tôi được lấy Cấp-đa", vị Đại thần nghe rồi liền nhận lời tâu giúp. Sau đó Ô-đà-di liền đến chỗ vua Thắng-quang bàn việc nước xong liền tâu vua: "Rất mong đại vương ban cho tôi chỗ nghỉ", vua hỏi: "Trước đây khanh từng dừng nghỉ ở đâu?", Ô-đà-di đáp: "Trước đây tôi từng nghỉ ở nhà của đại thần Mật-hộ", vua nói: "Vậy nay khanh nên đến đó nghỉ", Ô-đà-di nói: "Đại thần Mật-hộ nay đã qua đời rồi", vua nói: "Chủ nhà tuy đã chết nhưng căn nhà đâu có chết", Ô-đà-di liền tâu vua: "Đại vương, căn nhà tuy không chết nhưng sản nghiệp không còn". Vua Thắng-quang liền ra lịnh Đại thần tìm chỗ dừng

nghỉ cho Ô-đà-di, sau khi Ô-đà-di ra khỏi cung Đại thần liền tâu vua: "Đại vương, không phải Ô-đà-di không có chỗ dừng nghỉ, vì trước đây ông ta đã cùng với Cấp-đa tư thông, nên bổn ý của ông ta muốn vua chấp thuận cho ông ta được lấy Cấp-đa. Nếu Đại vương nhiếp thọ được người này tức là nhiếp thọ được vua Tịnh-phạn". Vua Thắng-quang nghe rồi liền triệu Ô-đà-di đến nói rằng: "Này Ô-đà-di, thật sự ta không biết khanh với Cấp-đa trước đây có giao tình, nay ta ban Cấp-đa cho khanh làm vợ, tài vật và nhà cửa đều cấp cho hai khanh". Ô-đà-di nghe rồi vui mừng bái tạ rồi lui ra, sau đó đến nhà của Cấp-đa, Cấp-đa ra đón rồi khóc, Ô-đà-di hỏi vì sao khóc, Cấp-đa nói: "Phu chủ của em nay đã qua đời, chẳng phải anh cũng sẽ bỏ em nữa hay sao". Ô-đà-di nói: "Chính vì việc này nên ta mới đến đây, ta đã tâu với vua xin được cưới em làm vợ, tài vật và nhà cửa vua đều cấp cho, em muốn ở lại đây hay muốn qua thành Kiếp-tỷ-la?". Cấp-đa suy nghĩ: "Nếu ta cùng qua thành Kiếp-tỷ-la thì vợ của Bà-la-môn này sẽ không để ta yên, ta nên ở lại đây tại ngôi nhà cũ của mình". Vì thế Ô-đà-di có hai nhà ở hai nơi, một ở thành Kiếp-tỷ-la, một ở thành Thất-la-phiệt .

Lúc đó Bồ tát trong sáu năm tu khổ hạnh ở rừng già không có một vật gì là sở hữu, sau sáu năm Ngài mới bắt đầu ăn uống trở lại, trước tiên là ở làng Thắng Quân tại chỗ ở của hai mục ngưu nữ,

một tên là Hoan-hỉ, một tên là Hỷ-lực, thọ nhận món cháo nấu nhừ với mười sáu loại sữa để phục hồi sức khỏe; sau đó đến chỗ nam tử Thiện-hạnh lấy cỏ cát tường rồi đến dưới cây Bồ đề trải cỏ ngồi kiết già thệ nguyện rằng: "Nếu ta chưa đoạn hết lậu hoặc, ta thề không đứng dậy". Bồ tát đã đoạn hết lậu hoặc trong khi thiền quán nên Hắc long vương hết sức khen ngợi. Sau khi hàng phục ba mươi sáu ức ma quân chứng Nhất thiết trí thành Phật, Thế Tôn liền nhận lời thỉnh của Phạm vương đến thành Ba-la-nê-tư ba lần chuyển pháp luân mười hai hành để độ năm Bí-sô. Độ năm Bí-sô rồi lại đến trong rừng Bạch điệp độ sáu mươi Hiền bộ chứng được Kiến đế, kế trở lại trong làng Thắng quân độ hai mục ngưu nữ khiến họ cũng chứng được Kiến đế. Sau đó đến bên rừng Ô-lư-tần-loa để độ một ngàn ngoại đạo cho họ xuất gia thọ cụ giới, kế lên đỉnh núi Già-da hiện ba thần biến giáo hóa khiến hàng Bồ tát, chư thiên trụ nơi Niết-bàn an ổn. Sau đó đến Trượng lâm độ vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đà chứng được Kiến đế, đồng thời độ cho trăm ngàn thiên chúng và trăm ngàn Bà-la-môn nước Ma-kiệt-đà. Kế đến thành Vương-xá nhận tinh xá Trúc-lâm và độ cho Thân Tử, Mục-liên xuất gia rồi đến thành Thất-la-phiệt thọ nhận vườn Cấp-cô-độc ở rừng Thệ-đa, nói kinh Thiếu niên cho vua Thắng-quang khiến vua chứng được Kiến đế. Cuối cùng Thế Tôn trụ ở trong rừng Thệ-đa, vua Thắng-

quang liền sai người đến thành Kiếp-tỷ-la báo tin cho vua Tịnh-phạn biết hiện Thái-tử đang ở trong rừng Thệ-đa, đã chứng quả Vô thượng chánh giác và khiến cho các loài hữu tình đồng hưởng vị cam lồ.

Vua Tịnh-phạn nghe rồi ngồi chống tay vào má than rằng: "Xưa kia khi Thái-tử Nhất-thế-nghĩa-thành tu khổ hạnh, ta thường sai sứ đến thăm hỏi, những sứ giả đã đi đều không thấy trở về, nay sao lại có tin nói là Thái-tử hiện ở trong rừng Thệ-đa". Vừa lúc đó đại thần Ô-đà-di vào cung thấy nhà vua như vậy liền hỏi: "Vì sao Đại vương lại ngồi chống tay vào má thở than ưu sầu như vậy?". Vua nói: "Làm sao ta không ưu sầu, trước kia khi Thái-tử Nhất-thế-nghĩa-thành tu khổ hạnh, Ta thường sai sứ đến thăm hỏi, những sứ giả ra đi đều không thấy trở về. Nay ta bỗng được tin nói là Thái-tử hiện đang ở trong rừng Thệ-đa, đã chứng được Vô thượng chánh giác và khiến cho các loài hữu tình đồng hưởng vị cam lồ". Ô-đà-di liền tâu vua: "Nếu như vậy, thần xin làm sứ đến đó rồi mang tin trở về cho Đại vương". Vua nói: "Khanh nên đi rồi về báo lại, đừng có ở luôn bên đó". Nói rồi vua tự tay viết thư cho Thái-tử:

"Từ thọ thai về sau,
Tôi nuôi dưỡng Thế Tôn,
Lửa phiền não thường đốt,
Thường mong cây Tối thắng,

Nay đã lớn khôn rồi,
Đồ chúng số vô biên,
Mọi người được an lạc,
Chỉ riêng tôi đắng cay".

Viết xong đóng ấn rồi đưa cho Ô-đà-di, Ô-đà-di mang thư của Vua đến chỗ Thế Tôn ngự ở thành Thất-la-phiệt dâng lên, Thế Tôn nhận thư rồi mở ra xem, Ô-đà-di hỏi: "Thế Tôn có trở về thành Kiếp-tỷ-la không?", Thế Tôn nói: "Ta đi cùng với ông". Ô-đà-di nhớ lại ngày xưa khi Thái-tử vượt thành xuất gia, phụ vương thường triệu về mà không chịu về nên bạch Phật rằng: "Nếu Thái-tử không chịu trở về, tôi có sức sẽ đưa Ngài về". Thế Tôn nghe rồi liền nói kệ:

"Lưới ái sanh tử nếu trừ hết,
Người này chẳng cần ai dẫn đường.
Thế Tôn oai lực không cùng tận,
Ông phương tiện gì dẫn đi được.
Lưới ái sanh tử nếu trừ hết,
Người này chẳng cần ai dẫn đường.
giới Thế Tôn không xứ sở,
Ông phương tiện gì dẫn đi được".

Ô-đà-di nghe Phật nói kệ rồi liền đảnh lễ Phật bạch rằng: "Thế Tôn, tôi muốn trở về vương thành tâu cho phụ vương của Ngài biết". Phật nói: "Làm sứ giả cho Phật theo lý thì không phải như vậy", Ô-đà-di hỏi: "Làm sứ giả cho Phật phải như thế nào?", Phật nói: "Tất cả người xuất gia mới là sứ

giả của Phật". Ô-đà-di nói: "Vậy tôi muốn xuất gia, nhưng vì đã hứa với Đại vương nên phải về báo lại, bây giờ tôi phải đi". Phật nói: "Đợi khi về xuất gia rồi hãy về báo tin", Ô-đà-di nói: "Lành thay, vậy con xin xuất gia". Phật bảo tôn giả Xá-lợi-tử xuất gia cho Ô-đà-di để Ô-đà-di được lợi ích trong đêm dài sanh tử. Cụ thọ Xá-lợi-tử vâng lời Phật dạy cho Ô-đà-di xuất gia và cho thọ viên cụ, những hành pháp của một Bí-sô đều lược nói cho Ô-đà-di biết. Ô-đà-di thọ giáo giới xong kính lễ Xá-lợi-tử rồi đến chỗ Phật đảnh lễ bạch rằng: "Thế Tôn, con nay đã xuất gia". Phật nói: "Bây giờ thầy có thể trở về báo lại cho phụ vương của ta biết, nhưng chớ có đường đột bước vào trong cung, nên đứng ở ngoài cửa báo là có Bí-sô Thích Ca đang đứng ở ngoài cửa, đợi gọi mới vào. Nếu người kia hỏi có Bí-sô Thích Ca khác nữa không, thì nên đáp là có; nếu hỏi Thái-tử Nhất-thế-nghĩa-thành cũng có hình dạng như vậy phải không, thì nên đáp là cùng một hình dạng như vậy. Thầy cũng không nên ngủ đêm ở trong cung, nếu hỏi Thái-tử Nhất-thế-nghĩa-thành có ngủ đêm trong cung không, thì nên đáp là không có; nếu hỏi các Bí-sô ngủ ở đâu, thì nên đáp là ngủ ở nơi A-lan-nhã hoặc ở tại Tỳ ha la; nếu hỏi Thái-tử Nhất-thế-nghĩa-thành có muốn đến đây không, thì nên đáp là muốn đến; nếu hỏi chừng nào đến, thì nên đáp là bảy ngày sau sẽ đến". Ô-đà-di nghe nhớ kỹ rồi đảnh lễ Phật ra đi, Phật dùng thần

lực yểm trợ khiến cho Ô-đà-di chỉ trong chớp nhoáng đã đến thành Kiếp-tỷ-la, đứng ở ngoài cửa cung báo với người đứng gác rằng: "Hãy vào bạch vua là có Bí-sô Thích Ca đang đứng ở ngoài cửa", người gác cửa hỏi: "Có các Bí-sô Thích Ca khác nữa hay không?", đáp có. Người gác cửa liền vào trong cung tâu vua: "Đại vương, Bí-sô Thích Ca đã đến hiện đang đứng ở ngoài cửa", Vua nói: "Hãy cho vào để Ta xem thử hình dạng của Bí-sô Thích Ca như thế nào". Người gác cửa liền dẫn vào, Vua vừa nhìn liền nhận ra ngay là Ô-đà-di nên hỏi: "Ô-đà-di, khanh đã xuất gia rồi sao?", đáp: "Đại vương, tôi đã xuất gia", Vua hỏi: "Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành cũng có hình dạng như vầy hay sao?", đáp: "Đại vương, hình dạng cũng giống như thế". Vua Tịnh-phạn vừa nghe lời này, do ân tình quá nặng từ nhiều kiếp đến nay nên ngã xuống ngất xỉu, phải dùng nước lạnh rưới hồi lâu mới tỉnh lại. Sau khi được đỡ dậy ngồi lên chỗ ngồi rồi vua liền hỏi Ô-đà-di: "Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành có muốn đến đây không?", đáp: "Muốn đến", Vua hỏi: "Khi nào sẽ đến?", đáp: "Bảy ngày sau sẽ đến". Vua nghe nói rồi liền ra lịnh cho các quan: "Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành qua bảy ngày sau sẽ trở về chốn cũ, các khanh nên tu sửa thành quách và trang nghiêm đường sá, trong cung cũng phải quét dọn sạch sẽ". Ô-đà-di liền nói: "Đại vương, Thế Tôn không ngủ đêm ở trong cung", Vua hỏi: "Thế

thì ngủ ở đâu?", đáp: "Hoặc ở A-lan-nhã hoặc ở Tỳ-ha-la". Vua liền ra lịnh cho các quan: "Các khanh nên đến nơi A-lan-nhã rừng Khuất Lộ Đà xây cất một trú xứ có mười sáu đại viện, mỗi đại viện có sáu mươi phòng giống như ở rừng Thệ-đa". Các quan phụng mệnh làm đúng như lời vua đã ban, hàng nhơn thiên thù thắng cũng phát tâm vào công việc này, do ý niệm tương ưng với định lực nên mọi việc đều thành tựu. Tất cả các nẻo đường trong thành đều được quét dọn sạch sẽ, được rưới bằng nước thơm Chiên đàn nên khắp nơi đều có hương thơm thù diệu, khắp nơi cũng đều treo cờ phướn tạo nên một không gian rất vui tươi dễ chịu, giống như vườn Hoan-hỉ của trời Đế-thích. Trong lòng tất cả mọi người đều khát ngưỡng muốn gặp lại Thế Tôn.

Lúc đó Thế Tôn ở rừng Thệ-đa bảo cụ thọ Mục-kiền-liên thông báo cho các Bí-sô biết Như Lai muốn đến thành Kiếp-tỷ-la, các cụ thọ muốn nhìn thấy cảnh cha con gặp nhau thì hãy mang y bát đến tháp tùng. Mục-kiền-liên vâng lời đi thông báo, các Bí-sô nghe rồi liền mang y bát đến tháp tùng với Thế Tôn đi đến thành Kiếp-tỷ-la. Do Thế Tôn đã tự diều phục nên những người tự điều phục vây quanh, Thế Tôn tự tịch tĩnh nên những người tịch tĩnh vây quanh, Thế Tôn đã giải thoát nên những người giải thoát vây quanh, Thế Tôn đã an ổn nên những người đã an ổn vây quanh, Thế Tôn đã thuần

thiện nên những người thuần thiện vây quanh, Thế Tôn đã lìa dục nên những người đã lìa dục vây quanh, Thế Tôn đã chứng quả A-la-hán nên các A-la-hán vây quanh, Thế Tôn đã đoan nghiêm nên những người đoan nghiêm vây quanh. Thế Tôn như rừng Chiên đàn nên rừng Chiên đàn vây quanh, Thế Tôn như voi chúa nên bầy voi vây quanh, Thế Tôn như sư tử vương nên bầy sư tử vây quanh, Thế Tôn như đại ngưu vương nên bầy ngưu vây quanh, Thế Tôn như Nga vương nên bầy Nga vây quanh, Thế Tôn như diệu Sí điểu vương nên bầy sí điểu vây quanh. Thế Tôn như Bà-la-môn nên các học đồ vây quanh, như đại y vương nên các bịnh nhơn vây quanh, như Đại tướng quân nên binh chúng vây quanh, như người dẫn đường nên những người đi đường vây quanh, như thương chủ nên các thương khách vây quanh, như Đại trưởng giả nên chúng nhơn vây quanh, như quốc vương nên các đại thần vây quanh. Thế Tôn như trăng sáng nên các tinh tú vây quanh, như nhật luân nên các thiên quang vây quanh, như Trì Quốc thiên vương nên chúng Càn Thát Bà vây quanh, như Tăng Trưởng thiên vương nên chúng Cưu-bàn-trà vây quanh, như Xú-mục thiên vương nên Long chúng vây quanh, như Đa-văn thiên vương nên chúng Dược-xoa vây quanh, như Tịnh-diệu-vương nên chúng A-tô-la vây quanh, như Đế-thích nên chư thiên cõi trời Tam thập tam vây quanh, như

Phạm thiên vương nên Phạm chúng vây quanh. Như Đại hải trầm lắng an trụ, như mây lớn tầng tầng lớp lớp giăng phủ, như Tượng vương dứt cơn say cuồng. Thế Tôn đã diều phục các căn, oai nghi tịch tĩnh, trang nghiêm thân bằng ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp với một vầng hào quang tròn rộng một tầm, sáng hơn ánh sáng của một ngàn mặt trời, bước đi an tường như núi báu di động, mười Lực, bốn Vô sở úy, Đại bi, Tam niệm trụ, vô lượng công đức thảy đều viên mãn. Các đại Thanh văn như tôn giả A-nhã-kiều-trần-như, tôn giả Cao-thắng, tôn giả Bà-sắt-ba, tôn giả Đại-danh, tôn giả Vô-diệt, tôn giả Xá-lợi-tử, tôn giả Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-diếp-ba, tôn giả Danh-xưng… và đại chúng cùng đến thành Kiếp-tỷ-la, tuần tự đến bờ sông Lư-hí-đa, lúc đó các Bí-sô hoặc rửa tay chân, hoặc súc miệng hoặc lọc nước hoặc tắm giặt… Dân chúng trong thành Kiếp-tỷ-la nghe tin Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành sắp về đến đều rất vui mừng, tranh nhau kéo tới rừng Khuất-lộ-đà. Lúc đó vua Tịnh-phạn cũng cho trải tòa trang hoàng trên khoảng đất rộng để đón Thái-tử, hàng vạn người đều vân tập đến đây đều sanh tâm Hoan-hỉ suy nghĩ không biết cha lễ con hay con lễ cha. Lúc đó Thế Tôn cũng suy nghĩ: "Nếu Ta đi bộ vào thành, những người trong dòng họ Thích Ca sẽ khởi tâm coi thường, sanh lòng bất tín cho rằng Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành có mất mát lớn, vì

khi ra đi có trăm ngàn thiên chúng tùy tùng trên không trung ở thành Kiếp-tỷ-la, nay chứng được Diệu trí vô thượng trở về lại đi bộ vào thành. Muốn cho họ không có tâm khinh mạn ta phải dùng thần biến đề vào thành Kiếp-tỷ-la". Thế Tôn liền tùy theo tâm sở niệm nhập tam ma địa, nhập định rồi nơi tòa không hiện, cùng các Bí-sô vụt lên hư không. Lúc đó Thế Tôn như mặt trăng tròn có các Bí-sô vây quanh, như Nga vương duỗi cánh, trong bốn oai nghi đều hiện thần biến. Thế Tôn nhập định Hỏa quang trước tiên từ phương Đông hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng; hoặc hiện biến thần thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy. Sau đó Thế Tôn thu hồi thần biến rồi ở trên hư không cao bảy cây Đa la, các Bí-sô cao sáu cây; Phật cao sáu cây, các Bí-sô cao năm cây; Phật cao năm cây, các Bí-sô cao bốn cây; Phật cao bốn cây, các Bí-sô cao ba cây; Phật cao ba cây, các Bí-sô cao hai cây; Phật cao hai cây, các Bí-sô cao một cây; Phật cao một cây, các Bí-sô ở trên mặt đất. Thế Tôn đi ở trên hư không cách đất cao hơn mọi người cùng với vô lượng trăm ngàn câu chi đại chúng Thiên nhơn vây quanh vào trong thành Kiếp-tỷ-la. Vua Tịnh-phạn vừa thấy Phật liền đảnh lễ Phật và nói kệ:

"Phật mới sanh đại địa chấn động,

Bóng cây Thiệm-bộ chẳng lìa thân.
Nay lần thứ ba lễ bậc Viên trí,
Hàng phục ma oán thành Chánh giác".

Lúc đó những người trong dòng họ Thích Ca thấy vua Tịnh-phạn đảnh lễ Phật sanh lòng bất nhẫn nói lớn: "Vì sao tôn phụ lại đảnh lễ con mình". Vua Tịnh-phạn nghe rồi liền bảo các Thích chủng: "Các người không nên nói như thế, chính ngày Bồ tát mới sanh, đại địa chấn động, đã phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp thế gian, ánh sáng chiếu soi vượt qua cõi trời Tam thập tam. Các chốn tối tăm trong thế giới mà ánh sáng của mặt trời mặt trăng không thể chiếu soi đến, đều nhờ ánh sáng này mà chúng hữu tình ở đó được nhìn thấy nhau. Do ta thấy được việc hy hữu này nên ta liền đảnh lễ Phật, đây là lần thứ nhất. Khi Bồ tát đến đồng ruộng xem các sản nghiệp đã ở dưới bóng cây Thiệm-bộ ngồi kiết già xa lìa pháp ác bất thiện của cõi dục, có tầm từ được định Hỷ lạc nhập Sơ tĩnh lự. Quá ngọ mặt trời về chiều, bao nhiêu bóng cây khác đều ngã về Đông, chỉ có bóng cây Thiệm-bộ chỗ Bồ tát ngồi vẫn đứng yên để che thân cho Bồ tát. Do ta thấy việc hy hữu này nên ta liền đảnh lễ Phật, đây là lần thứ hai. Và hôm nay là lần thứ ba ta đảnh lễ Phật". Khi Thế Tôn bước tới tòa ngồi ngồi xuống rồi, vua Tịnh-phạn lại bước tới đảnh lễ Phật rồi ngồi qua một bên, đây là lần thứ tư vua đảnh lễ Phật. Lúc đó các Thích chủng ở trong rừng

Khuất-lộ-đà đã sắp đặt xong thắng tòa và các vật phẩm cúng dường thượng hảo chờ đợi Thế Tôn và chúng Bí-sô đến. Khi Thế Tôn cùng đại chúng đến nơi, Phật ngồi lên thắng tòa thì vua Tịnh-phạn liền dâng các phẩm vật thượng diệu lên cúng dường Phật và Tăng. Nối tiếp vua Tịnh-phạn là vua Bạch-phạn, Hộc-phạn, Cam-lồ-phạn và trăm ngàn vạn ức đại chúng đều bước tới đảnh lễ Phật rồi ngồi qua một bên. Những người còn lại khác hoặc đứng chắp tay hoặc ngưỡng vọng từ xa, lúc đó vua Tịnh-phạn dùng kệ hỏi Phật:

"Phật xưa ở trong cung,
Đi đều có ngựa xe,
Sao nay dùng đôi chân,
Đi trong chốn chông gai".

Phật dùng kệ đáp:

"Tôi dùng thần túc thông,
Tự tại đi trên không,
Đi khắp cùng đại địa,
phiền não vô hại".

Vua lại hỏi:

"Xưa y phục cao sang,
Dung sắc sáng nhiều vẻ,
Nay mặc áo thô xấu,
Làm sao nhẫn chịu được?".

Phật đáp:

"Hổ thẹn là thượng phục,

Mặc vào rất đoan nghiêm,
Người thấy sanh yêu mến,
Tịch tĩnh nơi rừng già".

Vua lại hỏi:

"Xưa ăn gạo lúa thơm,
Đựng mâm vàng thù thắng,
Nay xin cơm thô dở,
Làm sao no đủ được?".

Phật đáp:

"Tôi dùng pháp vi diệu,
Vị cùng định tương ưng,
Diệt trừ tham ăn uống,
Thương chúng sanh nên thọ".

Vua lại hỏi:

"Xưa lầu cao, điện ngọc,
Tùy thời tự an nhàn,
Nay ở trong rừng núi,
Tại sao không hoảng sợ?".

Phật đáp:

"Tôi đã đoạn gốc sợ,
Phiền não đều dứt trừ,
Dù ở trong rừng sâu,
Cũng dứt hẳn lo sợ".

Vua lại hỏi:

"Xưa ở trong Vương cung,
Dùng nước thơm tắm gội,
Nay ở trong rừng núi,

Nước gì Mâu Ni tắm?".

Phật đáp:

"Ao pháp bến Phước đức,
Người thanh tịnh an vui,
Kẻ trí tắm ao này,
Trừ Cấu không ướt thân".

Vua lại hỏi:

"Xưa ở trong Vương cung,
Bình vàng phun nước tắm,
Nay ở nơi sông hồ,
Lấy gì rưới lên thân?".

Phật đáp:

"Tôi tắm nước Tịnh giới,
Diệu pháp khí rưới thân,
Người trí đều khâm khen,
Rửa sạch Cấu thân tâm".

Thế Tôn dùng kệ đáp vua Tịnh-phạn rồi quán Giới tánh ý nhạo tùy miên sai biệt của đại chúng để thuyết pháp xứng với căn cơ, khiến cho số người nghe pháp như vua Bạch-phạn, vua Hộc-phạn, vua Cam-lồ-phạn và trăm ngàn đại chúng đồng nghe pháp hoặc đắc quả Dự lưu, hoặc đắc quả Nhất lai, hoặc đắc quả Bất hoàn, hoặc có người xin xuất gia đoạn các phiền não chứng quả A-la-hán; hoặc có người phát tâm Bồ đề Độc giác, hoặc có người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Còn lại những người khác đều quy y Tam bảo trụ trong chánh tín, chỉ có vua

Tịnh-phạn vì quá vui mừng nên chưa thể đắc Kiến đế. Sau đó vua Tịnh-phạn và đại chúng đảnh lễ Phật rồi cáo lui, trở về cung vua Tịnh-phạn chìm đắm trong ý nghĩ: "Chỉ có một mình con ta mới có oai đức này, không còn ai khác sánh kịp". Thế Tôn biết trong tâm vua cha đang nghĩ gì, để hàng phục tánh kiêu mạn này của vua cha nên trời vừa sáng tỏ Thế Tôn liền bảo cụ thọ Mục-kiền-liên: "Thầy nên quán tâm, thương xót phụ vương ta". Mục-liên vâng lời Phật dạy liền chấp trì y bát đến chỗ vua Tịnh-phạn, vua vừa thấy Mục-liên liền xướng thiện lai. Mục-liên lúc đó liền như sở niệm nhập tam ma địa, nhập định rồi liền ẩn thân nơi tòa ngồi hiện trên hư không, trước tiên ở phương Đông nhập định Hỏa quang hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ trắng hồng; hoặc hiện biến thần thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa hay trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như thế. Sau đó thu hồi thần biến hiện trở lại chỗ ngồi, vua Tịnh-phạn liền hỏi Mục-liên: "Có phải các đệ tử của Thế Tôn đều có đại oai đức như tôn giả?". Mục-liên dùng kệ đáp:

"Thánh đệ tử Mâu Ni,
Đều có đại oai đức,
Ba Minh và sáu Thông,
Không ai là không có".

Vua nghe rồi liền suy nghĩ: "Chẳng phải chỉ có

một mình con ta là có đại oai đức, các Bí-sô đều có đại thần lực như vậy". Nghĩ như vậy rồi tâm kiêu mạn trước đây liền dứt trừ, vua lại suy nghĩ: "Thế Tôn hiện nay chỉ có loài người cúng dường, không thấy có chư thiên ". Mục-liên biết ý nghĩ của vua liền tâu rằng: "Đại vương, tôi muốn trở về chỗ đức Thế Tôn ", Vua nói: "Tùy ý tôn giả". Sau đó vua cũng đi đến chỗ Phật, do biết được ý nghĩ của phụ vương nên lúc đó Phật biến hóa khu rừng Khuất Lộ Đà thành tô phả chi ca. Khi vua Tịnh-phạn muốn vào từ cửa Đông gặp Phật, người giữ cửa liền bảo chớ vào, vua hỏi vì sao thì người giữ cửa bảo là Thế Tôn đang nói pháp cho chư thiên nghe. Vua hỏi người giữ cửa: "Hiền thủ là ai?", người giữ cửa đáp: "Tôi là Trì Quốc thiên vương ở phương Đông". Vua bèn đi đến cửa Nam, người giữ cửa cũng bảo chớ vào giống như trên, vua liền hỏi: "Hiền thủ là ai?", người giữ cửa đáp: "Tôi là Tăng Trưởng thiên vương ở phương Nam". Vua bèn đi đến cửa Tây, người giữ cửa cũng bảo chớ vào giống như trên, vua liền hỏi: "Hiền thủ là ai?", người giữ cửa đáp: "Tôi là Xú-mục thiên vương ở phương Tây". Vua bèn đi đến cửa Bắc, người giữ cửa cũng bảo chớ vào giống như trên, vua liền hỏi: "Hiền thủ là ai?", người giữ cửa đáp: "Tôi là Đa-văn thiên vương ở phương Bắc". Lúc đó Thế Tôn dùng thần lực gia bị cho vua Tịnh-phạn khiến từ ngoài cửa trông thấy Thế Tôn đang thuyết pháp

cho chư thiên nghe. Thấy rồi vua liền suy nghĩ: "Thế Tôn hiện nay không phải chỉ có loài người cúng dường, ngay cả chư thiên cũng đến kính lễ". Thế Tôn khiến vua dứt trừ tâm kiêu mạn rồi bèn thu hồi thần lực, lúc đó tôn giả Mục-liên liền đưa vua vào gặp Phật, Thế Tôn tùy theo ý nhạo tùy miên giới tánh sai biệt của vua và các chúng khác để thuyết pháp xứng với căn cơ khiến cho vua Tịnh-phạn chứng được quả Dự Lưu, chứng quả rồi vua liền bạch Phật: "Thế Tôn, nay tôi được chứng quả không phải do cao tổ, cũng không phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, vua, sa môn, Bà-la-môn, cũng chẳng phải do tôn thân mà được. Chính là do nương nơi Thế Tôn là bậc thiện tri thức nên mới được chứng quả này. Ở trong ba đường ác Nại-lạc-ca, bàng sanh và Ngạ quỷ Thế Tôn đã cứu tôi ra khỏi, đặt để tôi vào cõi người trời, dứt mé sanh tử ở đời vị lai, làm khô cạn biển lớn nước mắt và máu, vượt ra khỏi núi cao xương trắng từ vô thỉ đến nay đã tích chứa, hang sâu thẳm thân kiến cũng trừ bỏ nên tôi mới chứng được quả này. Thế Tôn, tôi đã ra khỏi dòng sanh tử, nay tôi xin quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, làm Ô-ba-sách-ca, xin Thế Tôn chứng tri, từ hôm nay cho đến trọn đời tôi không sát sanh cho đến không uống rượu, thọ trì năm học xứ", nói rồi đảnh lễ Phật cáo lui. Sau đó vua Tịnh-phạn đến chỗ vua Bạch-phạn muốn trao vương vị, vua Bạch-phạn hỏi: "Có ý gì?", vua Tịnh-phạn nói: "Tôi nay

đã Kiến đế không muốn làm vua", vua Bạch-phạn hỏi vào lúc nào, vua Tịnh-phạn đáp là vào ngày hôm nay, vua Bạch-phạn nghe rồi nói: "Ngay ngày Thế Tôn mới đến, vừa nghe pháp tôi đã Kiến đế rồi". Vua Tịnh-phạn liền đến chỗ vua Hộc-phạn, rồi đến chỗ vua Cam-lồ-phạn muốn trao vương vị thì các vua đều nói là đã Kiến đế. Vua Tịnh-phạn nghe rồi nói: "Như thế này thì tôi làm lễ quán đảnh cho ai để trao vương vị". Các vua đều nói nên trao vương vị cho Hiền-thiện thuộc dòng họ Thích Ca, vua Tịnh-phạn nghe rồi liền làm lễ quán đảnh trao vương vị cho Hiền Thiện.

Thế Tôn và Tăng chúng hằng ngày vào cung vua thọ cúng dường, lúc đó vua Tịnh-phạn suy nghĩ: "Đệ tử của Phật có hàng ngàn người đều từ ngoại đạo đến, tâm tuy đoan nghiêm nhưng thân chưa được uy nghiêm vì do ngày trước tu khổ hạnh nên hình dung tiều tụy. Làm thế nào khiến cho môn đồ của Thế Tôn có được dung mạo Khả-ái, vừa nhìn phước tướng tâm thiện liền sanh, ta nên bảo trong dòng họ Thích ca xuất gia theo Thế Tôn". Nghĩ rồi vua liền tập họp Thích chủng hỏi: "Thái-tử Nhất-thiết-nghĩa-thành nếu không xuất gia thì sẽ làm gì?", đáp: "Sẽ làm vua Chuyển luân", vua lại hỏi: "Lúc đó các vị sẽ làm gì?", đáp: "Chúng tôi xưng thần và làm tùy tùng", vua lại hỏi: "Nay Thái-tử chứng được pháp Cam lồ, cũng khiến cho các hữu tình đồng được nếm mùi vị ấy, sao các vị

không tùy tùng?", mọi người nghe rồi đều đáp: "Chúng tôi muốn được xuất gia", vua nói: "Hãy theo sở nguyện của các vị", các Thích chủng lại hỏi: "Toàn gia đều đi hay mỗi gia đình chỉ đi một người?", Vua nói: "Mỗi gia đình một người". Nói rồi vua Tịnh-phạn liền cho đánh kiền chùy phổ cáo trong Thích chủng là mỗi nhà một người xuất gia theo Phật, cho nên trong dòng họ Thích có đến năm trăm Thích tử đồng loạt xuất gia. Như Thế Tôn nói bỏ quý tộc xuất gia được nhiều lợi dưỡng, cho nên năm trăm thích tử Bí-sô đều được rất nhiều lợi dưỡng.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 9

Học Xứ Thứ 4: GIẶT Y CŨ CHO BÍ SÔ KHÔNG PHẢI BÀ CON (Tiếp Theo)

Lúc đó Thế Tôn thấy rồi liền suy nghĩ: "Các thích tử này vốn vì cầu giải thoát mà xuất gia, nay lại bỏ thiểu dục chìm đắm trong tài lợi". Thế Tôn muốn họ không chìm đắm trong tài lợi nữa nên cùng chúng tăng trở lại rừng Thệ-đa ở thành Thất-la-phiệt an trú như trước kia. Lúc đó cụ thọ Ô-đà-di vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành theo thứ lớp khất thực đến nhà của vợ cũ là Cấp-đa đứng ở cửa ngỏ, Cấp-đa từ xa trông thấy nhận ra Ô-đà-di liền chạy tới đấm ngực nói: "Ô-đà-di, tại sao anh lại bỏ em mà xuất gia?", Ô-đà-di nói: "Hiền thủ, Thế Tôn khi còn là Bồ tát cũng đã bỏ người vợ yêu quý là Da-du-đà-la và sáu vạn thể nữ để xuất gia, tôi làm sao có thể cùng sống với nàng". Cấp-đa nói: "Thế thì em cũng muốn xuất gia", Ô-đà-di nói: "Nếu được như thế thì rất tốt", Cấp-đa nói: "Em thu xếp gia nghiệp xong sẽ xuất gia", Ô-đà-di nói: "Nên mau thu xếp, đừng có trì trệ". Nói rồi liền bỏ

đi, không bao lâu sau lại đến hỏi: "Sao cô chưa xuất gia?", Cấp-đa nói: "Tôi thu xếp gia nghiệp chưa xong", Ô-đà-di nói: "Chắc cô đợi sau khi nước Kiều-tát-la bị cháy hết, cô mới thu xếp xong phải không?", Cấp-đa nói: "Nội nhật hôm nay thu xếp xong, ngày mai tôi sẽ xuất gia". Sau đó Ô-đà-di lại suy nghĩ: "Ta do tục lụy trước kia nên các vị đồng phạm hạnh Hắc bát khinh khi, nếu Cấp-đa xuất gia ta sẽ càng chiêu lấy cơ hiềm rằng lục chúng Bí-sô đã độ Bí-sô ni". Nghĩ rồi liền sanh truy hối nên trời vừa hừng sáng Ô-đà-di liền đắp y mang bát đi đến thành Vương-xá, vừa đến nơi thì đúng vào lúc Hạ an cư. Trong lúc đó Cấp-đa thu xếp xong gia nghiệp liền đến trong rừng Thệ-đa hỏi các Bí-sô: "Vị ấy ở đâu?", các Bí-sô hỏi: "Vị ấy là ai?", đáp: "Là Thánh giả Ô-đà-di", các Bí-sô nói: "Vị ấy đã đi đến thành Vương-xá cách đây rất xa". Cấp-đa nghe rồi liền khóc, các Bí-sô hỏi vì sao khóc, Cấp-đa nói: "Thánh giả Ô-đà-di bảo tôi bỏ thế tục sẽ cho tôi xuất gia, nay tôi thu xếp xong gia nghiệp đến đây thì Thánh giả lại bỏ đi xa. Bây giờ tôi không còn nhà để về lại cũng không được xuất gia, làm sao không khóc". Một người nghe rồi liền nói: "Vì dao cạo ở đây cũ nên Thánh giả đi đến Vương thành muốn lấy dao mới về để cạo tóc cho bà". Vừa lúc ấy có chúng Bí-sô ni vì thỉnh giáo thọ nên đến trong rừng Thệ-đa, thấy Cấp-đa đang đứng khóc liền hỏi nguyên do, Cấp-đa liền kể lại sự việc, các

Bí-sô ni nói: "Bí-sô không có độ cho ni xuất gia mà phải là Bí-sô ni độ, bà hãy theo chúng tôi đến chỗ Đại-thế-chủ Kiều-đáp-di sẽ độ cho bà xuất gia". Cấp-đa liền đi theo các ni đến chỗ Đại-thế-chủ, Đại-thế-chủ liền cho Cấp-đa xuất gia.

Lúc đó Ô-đà-di ở thành Vương-xá lại suy nghĩ: "Vì ta muốn tránh các Hắc bát cơ hiềm nên không độ cho Cấp-đa xuất gia, như thế là ta bị mất mát lớn. Nếu có vị Hắc-bát nào khác độ cho Cấp-đa xuất gia thì dù ta muốn gặp trong chốc lát cũng không thể được", do nghĩ như vậy nên tuy Hạ an cư nhưng tâm của Ô-đà-di thường không vui. Sau đó có một Bí-sô ma-ha-la từ thành Thất-la-phiệt Hạ an cư xong đi đến Vương thành, đúng lúc Ô-đà-di đứng ngoài cửa ngỏ tinh xá Trúc-lâm trông thấy. Nhìn thấy lão Bí-sô này tóc bạc trắng, mi dài phủ mắt, bước đi thong thả, không biết có phải là bậc Thượng tọa hay không, nên Ô-đà-di bước tới chào hỏi, vị lão Bí-sô liền luôn miệng nói: "Kính lễ A-giá-lợi-da, kính lễ Ô-ba-đà-da". Ô-đà-di nghe nói rồi biết không phải là bậc Thượng tọa, liền dẫn vào chùa hỏi: "Thầy từ đâu đến đây?", đáp: "Từ thành Thất-la-phiệt đến". Ô-đà-di nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu ta hỏi tin tức Cấp-đa trước thì người nghe sẽ chê trách, ta nên tuần tự hỏi thăm", nghĩ rồi liền hỏi: "Thế Tôn có được ít bịnh, ít não, đi đứng tự tại, sở hành an vui chăng? Thế Tôn có Hạ an cư ở đó chăng?", đáp: "Thế Tôn không bịnh, an

vui và Hạ an cư tại đó", lại hỏi: "Tứ chúng có được không bịnh và an vui chăng, có thường đến nghe Thế Tôn thuyết pháp chăng?", đáp: "Tứ chúng đều không bịnh an vui và thường đến nghe Phật thuyết pháp", lại hỏi: "Chư tôn túc như Kiều-trần-như, Ca Diếp Ba, Xá-lợi-tử, Mục-kiền-liên… Đại-thế-chủ Kiều Đáp Di cho đến vua Thắng-quang… có được vô bịnh an vui chăng?", đáp: "Tất cả đều không bịnh an vui", lại hỏi: "Thầy có biết vợ của Đại thần tên là Cấp-đa không?", đáp: "Có biết, bà cũng là vợ trước kia của đại đức Ô-đà-di", lại hỏi: "Chẳng phải bà ta vẫn còn là vợ cũ của Đại đức ấy hay sao?", đáp: "Nay bà đã xuất gia rồi", lại hỏi: "Ai đã độ cho bà ta xuất gia?", đáp: "Là Đại-thế-chủ". Ô-đà-di sau khi biết rõ sự việc rồi liền suy nghĩ: "Cấp-đa đã xuất gia, ta nên gặp mặt", nghĩ rồi liền lấy bát của lão Bí-sô treo lên cọc ngà voi rồi đưa dầu cho thoa chân tay, nói rằng: "Trong phòng này có sẵn thức ăn, ở đây có lợi dưỡng gì thầy cứ thọ dụng". Lão Bí-sô liền nói: "Tôi không muốn ở đây", Ô-đà-di liền đưa cái khóa cửa và nói: "Như Thế Tôn có dạy Bí-sô không nên bỏ không trú xứ, này Ma-ha-la, đây là khóa cửa, thầy nên biết". Nói rồi liền bỏ đi đến thành Thất-la-phiệt, vào trong rừng Thệ-đa quét dọn sạch sẽ phòng của mình rồi đọc tụng chánh pháp. Vừa lúc đó có Bí-sô ni vào trong rừng Thệ-đa thỉnh giáo thọ, nghe tiếng đọc tụng liền cùng đến chỗ Ô-đà-di hỏi: "Đại đức lâu

nay đi đâu vắng?", đáp: "Tôi có việc phải đến thành Vương-xá vừa mới trở về". Các ni nghe rồi về chùa nói với Cấp-đa: "Cô nên Hoan-hỉ vì A-giá-lợi-da của cô đã về đến trong rừng Thệ-đa rồi", Cấp-đa hỏi: "A-giá-lợi-da nào?", đáp là Bí-sô Ô-đà-di, Cấp-đa hỏi: "Sao cô biết Bí-sô ấy là thầy quỷ phạm của tôi, tôi đâu có theo Bí-sô ấy thọ học", các ni nói: "Đâu cần theo thọ học, cô nên đến hỏi thăm sức khỏe của vị ấy". Cấp-đa liền mang theo hương bột… đi đến phòng của Ô-đà-di gõ cửa, Ô-đà-di hỏi là ai, đáp là Cấp-đa, Ô-đà-di liền mở cửa mời vào rồi hỏi: "Ai cho bà xuất gia?", đáp là Đại-thế-chủ, Ô-đà-di nói: "Trước đây vì có việc gấp phải đi đến Vương thành, còn cô vì sao lại gấp cầu lìa tục?", đáp: "Trước đây đại đức bảo tôi thu xếp gia nghiệp rồi độ tôi xuất gia. Tôi nghe lời nên thu xếp gia nghiệp, không ngờ đại đức bỏ tôi đi đến Vương thành. Nếu Đại-thế-chủ không độ tôi xuất gia thì lúc ấy tôi không biết phải làm sao", Ô-đà-di nói: "Chẳng phải lúc đó tôi có hứa là dạy cho cô sao, cô hãy ngồi xuống đây, tôi sẽ thuyết pháp cho cô nghe". Cấp-đa liền ngồi xuống chú tâm nghe pháp, Ô-đà-di khi thuyết pháp liền nhớ lại chuyện vui cười thuở xưa nên hỏi Cấp-đa: "Cô có nhớ ngày xưa tại vườn , rừng , miếu , chúng ta đã ăn những món ăn ngon như thế như thế không?". Khi cùng nói chuyện tâm dục liền khởi khiến tình ý hỗn loạn. Phàm người nữ trí huệ có năm trường hợp không

cọng sự: Một là biết người nam có tâm dục hừng thạnh hay không có…, lúc đó Cấp-đa biết Ô-đà-di đang có tâm dục hừng thạnh nên xin phép ra ngoài một lát sẽ trở vào, nhưng khi ra khỏi phòng Cấp-đa liền bỏ chạy. Ô-đà-di nghe tiếng chân chạy liền chạy theo ra gọi Cấp-đa, do hấp tấp chạy theo nên sanh chi chạm vào bắp vế khiến tinh tiết ra, dục tâm liền tiêu tan nên Ô-đà-di đứng lại bồi hồi nhìn theo. Cấp-đa thấy vậy liền quay trở lại nói: "Thánh giả, nếu vừa rồi tôi chấp thuận thì tôi không còn là Bí-sô ni, Thánh giả cũng không còn là Bí-sô". Ô-đà-di nói: "Như Thế Tôn đã dạy, nếu ai hộ mình tức là hộ người, nếu ai biết hộ người liền thành hộ mình. Thế nào là hộ mình tức là hộ người? Tự có thể tu tập, do tu tập nhiều nên có chứng ngộ. Thế nào là hộ người liền thành hộ mình?: Không não hại, không phẫn hận, không có tâm oán hại, thường khởi lòng từ bi thương xót mọi loài". Cấp-đa nói: "Thánh giả hãy cởi quần ra đưa cho tôi giặt". Khi Ô-đà-di đưa quần cho Cấp-đa giặt, Cấp-đa thấy tinh dính dơ liền sanh tâm hối, tâm nhiễm liền bộc phát, như trong kinh Phật có kệ:

"Những người say đắm dục,
Không thấy được nghĩa lợi,
Không quán được thiện pháp,
Thường đi trong tối tăm".

Do tâm nhiễm nên tình ý rối loạn, Cấp-đa liền lấy giọt tinh ấy để vào trong nữ căn, do nghiệp lực

của hữu tinh không thể nghĩ bàn nên ngay lúc ấy liền có thân trung ấm tối hậu của một hữu tình đến thác thai. Cấp-đa về chùa giặt y của Ô-đà-di, chư ni trông thấy liền hỏi, Cấp-đa liền kể lại mọi việc, chư ni nghe rồi nói rằng: "Chúng tôi không ngờ lại xảy ra chuyện như vậy", Cấp-đa nói: "Đại đức Ô-đà-di chưa hề xúc phạm thân phần của tôi", chư ni nói: "Chưa xúc chạm mà còn như thế". Nói rồi chư ni liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Cô ni kia không phạm Ba-la-thị-ca, nhưng cô ấy đã có thai, nên để cô ấy ở chỗ khuất, cấp dưỡng thức ăn uống chớ để thiếu thốn. Đứa bé sanh ra đặt tên là đồng tử Ca-nhiếp-ba cho xuất gia sẽ đoạn các hữu lậu, chứng quả A-la-hán, trong hàng đệ tử của ta sẽ là người có biện tài thuyết giảng bậc nhất".

Lúc đó Thế Tôn liền suy nghĩ: "Do Bí-sô nhờ Bí-sô ni không phải là thân tộc giặt y nên xảy ra điều tội lỗi như thế". Thế Tôn liền do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: "Nếu lại có Bí-sô ni giặt, nhuộm, đập y cũ cho Bí-sô không phải là bà con thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Cấp-đa hoặc có người nào khác giống như vậy. Thân tộc là từ bảy đời của hai bên cha mẹ trở lại, bảy đời trở lên thì không phải. Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di. Y cũ là y cũ thuộc trong bảy loại y: Y bằng lông, y Sô-ma, Xà-

nhược-ca, Yết-lan-đạc-ca bá tử, Độc-cô-lạc-ca, Cao-cô-bạc-ca và An-bát-lan-đắc-ca. Giặt là dưới cho đến đem ngâm nước. Nhuộm là dưới cho đến đem nhúng vào trong màu. Đập là dưới cho đến lấy tay đập một cái.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni biết Bí-sô không phải là thân tộc, khởi tưởng không phải thân tộc mà giặt y cũ liền phạm Xả-đọa; nhuộm, đập cũng phạm. Trong ba việc hoặc làm cả ba, hoặc làm hai việc, hoặc một việc; hoặc trong ba việc tùy làm một việc nào đều phạm bổn tội; nếu nghi không phải là thân tộc mà làm cũng phạm Xả-đọa. Nếu Bí-sô là thân tộc lại khởi tưởng không phải là thân tộc mà làm thì phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô là thân tộc mà khởi tâm nghi cũng phạm Ác-tác.

Học Xứ Thứ 5: NHẬN Y TỪ BÍ SÔ KHÔNG PHẢI BÀ CON

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật chưa cấm Bí-sô ni trụ nơi A-lan-nhã, cho nên chư ni thường đến trong rừng vắng tu tập tĩnh lự thọ lạc trong thắng định. Lúc đó Bí-sô ni Liên-hoa-sắc cùng năm trăm đồ chúng đi đến trong rừng Tối ngồi bán già nhập Diệt tận định dưới một gốc cây. Đến xế chiều các ni muốn trở về trú xứ trong thành Thất-la-phiệt, một vị ni nói: "Chúng ta nên gọi Thánh giả Liên-hoa-

sắc xuất định để cùng đi", ni khác nói: "Thánh giả có đại oai thần, nếu cần có thể trở về trú xứ trước chúng ta". Do vậy các ni lặng lẽ trở về thành Thất-la-phiệt, đến chiều tối Liên-hoa-sắc mới xuất định, nhìn khắp thấy không có ai, biết là chư ni đã trở về trước bèn suy nghĩ: "Ta nên vào thành hay ở lại đây", nghĩ rồi quyết định ở lại nên liền nhập định.

Đêm đến có đám giặc năm trăm người sau khi trộm cướp xong đến trong rừng này cùng nhau bàn bạc là phân nữa ở đây chia tài vật đã cướp được, còn phân nữa đi canh phòng. Nhóm đi canh phòng phát hiện ra Thánh giả đang nhập định không biết là người hay là gốc cây, trong nhóm có một vị tu hoàn tục nói: "Đây là Bí-sô ni", đám giặc nghe rồi liền khởi niệm: "Trong rừng tối này là nơi đáng sợ mà Bí-sô ni lại ngồi nhập định ở đây, thật là hy hữu". Khi trở về chỗ chúa giặc, chúa giặc hỏi: "Các vị đi canh phòng có thấy điều gì lạ không?", đáp: "Có, trong rừng tối đáng sợ này lại có một Bí-sô ni ngồi nhập định". Chúa giặc nghe rồi liền cùng đám giặc đi đến đó xem, đến nơi thấy một Bí-sô ni dung mạo đoan nghiêm, oai nghi tịch định, vừa nhìn liền sanh kính tín. Chúa giặc liền khen ngợi: "Trong rừng này có hai điều Khả-ái: Một là ánh trăng đẹp, hai là dung mạo Khả-ái của Bí-sô ni". Chúa giặc bảo đánh thức cô để chúa giặc cúng dường nhưng vị tu hoàn tục ở trong đám giặc nói: "Bí-sô ni không ăn phi thời", chúa giặc liền khen ngợi:

"Trong rừng này có hai điều Khả-ái: Một là dung mạo đoan nghiêm, hai là không ăn phi thời". Chúa giặc lại muốn mời uống rượu, vị tu hoàn tục liền nói: "Bí-sô ni không uống rượu", chúa giặc liền khen ngợi: "Trong rừng này có hai điều Khả-ái: Một là dung mạo đoan nghiêm, hai là không uống rượu". Chúa giặc lại nói: "Nay ta may mắn gặp được thượng phước điền mà lại không dâng cúng gì được", nói rồi liền lấy tấm bạch điệp quý giá gói thức ăn thượng diệu treo lên cây nói rằng: "Nếu đúng như nghi dung tịch định của Thánh giả thì không việc gì là không hay, không việc gì là không biết. Nay tôi treo y thực trên cây này, mong Thánh giả từ bi thọ dụng", Chúa giặc nói xong liền cùng đám giặc bỏ đi.

Qua sáng mai Liên-hoa-sắc xuất định thấy chung quanh có nhiều dấu chân người liền nhập định quán, biết là dấu chân của năm trăm giặc cướp đến đây rồi đi, nhìn lên trên cây thấy có y thực biết là do tâm tịnh kính tín của giặc cướp mà được, cô nghĩ: "Nếu ta đợi có người đến trao thức ăn thì sợ có cầm thú đến làm hoại vật tịnh thí này, ta nên đem thức ăn này hiến cúng cho tăng già. Như Phật đã dạy, nếu đối với ni là ác xúc thì đối với tăng là tịnh, ngược lại nếu đối với tăng là ác xúc thì đối với ni là tịnh". Nghĩ rồi cô liền mang thức ăn này đến trong rừng Thệ-đa, lúc đó Ô-ba-Nan-đà đang đi kinh hành ở trước cửa ngỏ, thấy Bí-sô ni đi đến

liền hỏi: "Đại muội, trời chưa sáng cửa thành đã mở rồi sao?", đáp: "Đại đức, chẳng phải tôi từ trong thành đến mà từ trong rừng Tối đến", Ô-ba-Nan-đà nói: "Đại muội, ban ngày tôi vào trong rừng ấy còn thấy sợ, lông tóc dựng đứng, tại sao Đại muội lại ở lại đêm trong rừng ấy?". Liên-hoa-sắc liền kể lại sự việc đêm qua rồi nói: "Đây là y thực của đám giặc để lại cho với lòng tịnh tín", Ô-ba-Nan-đà nói: "Đại muội, do oai nghi tịch định của cô mà đám giặc sanh kính ái cúng cho vật thực này. Tôi nếu có tấm bạch điệp tốt này để may y Tăng-già-chi hai lớp, trụ trong thiểu dục, tu các phẩm thiện thì tốt quá". Liên-hoa-sắc liền hỏi: "Đại đức cần tấm bạch điệp này không?", đáp: "Nếu cô có dư thì tùy tình xử phân". Liên-hoa-sắc nói: "Đại đức đợi tôi mang thức ăn này dâng cúng cho Tăng, khi trở lại sẽ cúng bạch điệp này cho đại đức". Ô-ba-Nan-đà nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu các Hắc bát khác trông thấy tấm bạch điệp này chắc chắn sẽ xin thì ta không do đâu được", nghĩ rồi liền nói: "Cô hãy đứng ở đây, tôi kêu người ra lấy thức ăn đem vào", nói rồi liền vào bên trong, thấy có một người đứng rỗi rãi liền bảo ra cửa nhận lấy thức ăn mang vào. Vị này ra nhận lấy thức ăn, Liên-hoa-sắc dâng thức ăn rồi liền giũ sạch tấm bạch điệp đưa cho Ô-ba-Nan-đà. Được y Ô-ba-nan-đà liền chú nguyện: "Nguyện cho người cúng y này tâm như anh lạc, tâm tư trợ, định huệ trang nghiêm, đắc

đạo nhơn thiên, tùy tình thọ dụng y phục thắng diệu, cuối cùng đến Niết-bàn an ổn vô thượng", chú nguyện rồi bỏ đi. Sau đó Liên-hoa-sắc đến đảnh lễ Thế Tôn, Thế Tôn thấy năm y của Bí-sô ni cũ rách liền hỏi A Nan-đà: "Chúng Bí-sô ni khi an cư lợi dưỡng có đầy đủ không?", đáp: "Thế Tôn, chúng ni an cư lợi dưỡng đầy đủ", Thế Tôn hỏi: "Nếu thế thì tại sao năm y của Liên-hoa-sắc đều cũ rách?", đáp: "Thế Tôn, Bí-sô ni này lòng tin vững chắc, ý thích thuần thiện, vật đã có được đều Hoan-hỉ hiến cúng Tam bảo, người đến xin đều không làm cho nghịch ý. Vừa rồi cô được một tấm bạch điệp quý giá đã cúng cho đại đức Ô-ba-Nan-đà". Thế Tôn hỏi: "Bí-sô ấy đối với ni không phải thân tộc này có lấy y không?", đáp có lấy. Phật bảo A-Nan-đà: "Nếu là Bí-sô không phải thân tộc thì sẽ không nghĩ đến Bí-sô ni này có đủ năm y không, tùy lúc nào cho thảy đều nhận lấy; ngược lại nếu là Bí-sô thân tộc sẽ không như vậy, thấy họ thiếu thốn sẽ không chịu nhận". Phật lại bảo A-Nan-đà: "Trong số y dư cất ở trong kho hãy lấy năm y đưa cho Bí-sô ni Liên-hoa-sắc". A-Nan-đà vâng lời Phật dạy vào trong kho lấy năm y đưa cho Liên-hoa-sắc. Phật do duyên này bảo các Bí-sô ni cũng không nên nhận y từ các Bí-sô… cho đến câu: "Ta vì hai bộ đệ tử chế học xứ này như sau:

Nếu Bí-sô ni nhận y từ Bí-sô không phải bà con thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Thế tôn chế học xứ rồi, trong thành Thất-la-phiệt có một trưởng giả giàu có, thọ dụng đầy đủ, gia sản nhiều như Tỳ sa môn thiên vương. Trưởng giả cưới một người con gái trong dòng tộc làm vợ, trải qua thời gian lâu mà vẫn không có con nên trong lòng ưu sầu suy nghĩ: "Ta tuy giàu có nhưng không có con nối dòng, sau khi ta chết nhà vua sẽ lấy cớ không con để tịch thu gia sản này. Tư lương đời sau ta cũng chưa tu tập". Người vợ thấy chồng ưu sầu liền hỏi nguyên do, trưởng giả liền nói ý nghĩ của mình cho vợ nghe, người vợ nghe rồi liền hỏi: "Tu tập tư lương đời sau như thế nào?", đáp: "Cúng dường thức ăn thịnh soạn rồi cúng cho Phật và tăng mỗi vị một cặp bạch điệp thượng hảo, đó là tu tập tư lương đời sau". Người vợ nghe rồi liền bảo người chồng làm ngay, người chồng liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật thuyết diệu pháp cho trưởng giả, chỉ dạy được lợi hỉ rồi im lặng. Trưởng giả liền đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế Tôn, con thỉnh Phật và chúng tăng sang mai đến nhà con thọ thực, xin thương xót", Thế Tôn im lặng nhận lời, trưởng giả biết Thế Tôn đã thương xót nhận lời liền kính lễ rồi ra. Trở về nhà trong đêm đó trưởng giả sửa soạn đầy đủ các món ăn thượng diệu, đến sáng sớm lo trải tòa ngồi và nước rồi sai người đến thỉnh Phật và Tăng, Phật liền chấp trì y bát cùng các Bí-sô tới nhà thí chủ. Tới chỗ trưởng giả thiết thực Phật và Tăng theo thứ

tự an tọa, thấy Phật và tăng như pháp ngồi rồi, trưởng giả liền tự tay dâng các món ăn thượng diệu cúng dường đầy đủ, sau đó dâng cúng mỗi vị một cặp bạch điệp thượng hạng rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết pháp. Phật tùy theo căn tánh nói diệu pháp, chỉ dạy được lợi hỉ rồi chú nguyện cho thí chủ, sau đó trưởng giả tiễn đưa Phật và tăng ra về, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, đảnh lễ Phật rồi vào nhà. Trưởng giả tu niệm xả thí rồi vui mừng nói với vợ: "Hiền thủ nên vui mừng vì tôi đã làm xả thí tư lương cho đời sau", người vợ nói: "Tuy anh đã làm rồi, nhưng em chưa làm", trưởng giả nói: "Việc tu phước thí này há chẳng phải em có chung hay sao?", người vợ nói: "Tuy biết có chung nhưng em vẫn muốn thỉnh Đại-thế-chủ và các Bí-sô ni đến nhà thọ thực và cúng cho mỗi vị một cặp bạch điệp thượng hạng. Đây mới chính là tư lương đời sau của em", trưởng giả khen: "Hay lắm, tùy ý em muốn". Người vợ của Trưởng giả liền đến chỗ Đại-thế-chủ đảnh lễ rồi ngồi một bên, sau khi nghe diệu pháp rồi liền bạch: "Thánh giả, con xin thỉnh Thánh giả và các Bí-sô ni sáng mai đến nhà con thọ thực, xin thương xót"… giống như đoạn văn trên, cho đến đoạn vợ Trưởng giả đem chiếc rương lớn ra, trong đó đựng đầy bạch điệp. Đại-thế-chủ nhìn thấy liền suy nghĩ: "Thế Tôn chế giới không cho Bí-sô ni thọ nhận y phục thượng diệu, nay nếu ta thọ thì trái với học xứ, nếu không thọ thì trở ngại

thí chủ tu phước, các Bí-sô ni cũng mất lợi dưỡng", lúc đó các Bí-sô ni cũng suy nghĩ: "Nếu Đại-thế-chủ nhận bạch điệp này thì tốt quá". Đại-thế-chủ biết được tâm niệm của ni chúng liền suy nghĩ: "Thế Tôn nên nhân việc này cho ni thọ y tốt". Nghĩ rồi Đại-thế-chủ liền cho chư ni thọ y rồi chú nguyện cho vợ Trưởng giả, khi trở về Đại-thế-chủ liền đến chỗ Thế Tôn đem việc trên bạch Phật, Phật bảo Đại-thế-chủ: "Lành thay, Như lai chưa cho mà bà đã biết thời, từ nay về sau cho phép Bí-sô ni thọ y quý giá, có thể trao đổi với các Bí-sô".

Đại-thế-chủ nghe Phật dạy rồi đảnh lễ cáo lui, trở về trú xứ nói cho chư ni biết, các Bí-sô ni liền mang y đến trong rừng Thệ-đa đổi với các Bí-sô. Lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni đem y quý giá này đến chỗ lục chúng muốn đổi lấy y thô, lục chúng nói: "Các cô cúng cho tôi, tôi còn chưa nhận huống chi là trao đổi". Lại có Bí-sô ni mang y tốt này đến chỗ Bí-sô già muốn đổi lấy y thô, Bí-sô già nói: "Hãy đợi một chút chờ tôi bạch Phật", nói rồi liền đến bạch Phật, Phật nói: "Ta cấm Bí-sô lấy y từ Bí-sô ni, trừ đổi chác". Lúc đó Thế Tôn khen ngợi trì giới, thiểu dục tri túc rồi bảo các Bí-sô: "Trước là sáng chế nay là tùy khai, nên nói như sau: Nếu lại có Bí-sô ni thọ nhận y từ Bí-sô không phải là thân tộc phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca, trừ đổi chác".

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni trong pháp luật này. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni đối với Bí-sô không phải là thân tộc, khởi tưởng không phải là thân tộc hoặc nghi mà nhận lấy y từ họ thì phạm tội Xả-đọa.

Nếu Bí-sô ni đối với Bí-sô thuộc thân tộc, khởi tưởng không phải là thân tộc hoặc nghi thì phạm Ác-tác.

Không phạm là nếu Bí-sô ni đem y cúng cho Tăng, hoặc vì nghe thuyết pháp mà cúng hoặc vì thọ Viên cụ mà cúng hoặc thấy bị giặc cướp nên cúng, hoặc do mua mà có, hoặc do trao đổi mà được, tất cả đều không phạm.

Nếu Bí-sô quen biết nhiều người được cúng nhiều lợi dưỡng, đem y vật này đến chỗ Bí-sô ni để xuống đất nói rằng: "Này cô, những tài vật mà tôi có được này, xin cô hãy thọ nhận", nói rồi để đó bỏ đi, Bí-sô ni nhận lấy cũng không phạm.

Học Xứ Thứ 6: XIN Y TỪ CƯ SĨ KHÔNG PHẢI BÀ CON

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt giống như trong luật Bí-sô, do Bí-sô Ô-ba-Nan-đà xin y từ nhà trưởng giả, cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni xin y từ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Sau khi Thế tôn chế học xứ này rồi, có nhiều Bí-sô du hành trong nhân gian bị giặc cướp đoạt

hết y phục, các Bí-sô này nói với nhau: "Phật chế giới không cho xin y từ cư sĩ không phải bà con, ở đây chúng ta không có bà con, phải trở về thành Thất-la-phiệt đến chỗ các vị đồng phạm hạnh xin y phục, nhưng hiện giờ chúng ta không có y phục làm sao đi được"… cho đến câu các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: Trừ thời khác là nếu Bí-sô bị đoạt y, bị mất y, bị cháy y, bị gió thổi bay, bị nước cuốn trôi. Trước kia là sáng chế, bây giờ là tù khai, học xứ này nên nói lại như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni xin y từ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca, trừ thời khác là nếu Bí-sô ni bị cướp y, bị mất y, bị cháy y, bị gió thổi bay y, bị nước cuốn trôi y.

Nếu lại có Bí-sô ni là người trong pháp luật này. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Sự việc Có ba loại: Giá y, sắc y và lượng y.

Về giá y: Nếu Bí-sô ni không gặp nạn duyên mà đến Cư sĩ không phải thân tộc xin giá y bằng một Ca-lợi-sa-ba-noa (trong giới Không cho mà lấy có giải thích) và được vào tay giá y bằng một Ca-lợi-sa-ba-noa thì khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả-đọa. Như vậy cho đến giá y bằng năm mươi Ca-lợi-sa-ba-noa, tùy xin tùy được kết tội nặng nhẹ chuẩn theo đó mà biết. Nếu Bí-sô ni đến Cư sĩ không phải thân tộc xin giá y bằng một Ca-lợi-sa-ba-noa, nhưng lại được giá y bằng hai Ca-

lợi-sa-ba-noa thì khi xin phạm Ác-tác, khi được không phạm. Như vậy cho đến giá y bằng năm mươi Ca-lợi-sa-ba-noa, xin ít nhưng được nhiều, phạm và không phạm chuẩn theo đó mà biết.

Về sắc y: Nếu Bí-sô ni đến cư sĩ không phải thân tộc xin y màu xanh và được y màu xanh thì khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả-đọa. Cho đến các màu khác như vàng đỏ trắng… y dày y mỏng… chuẩn theo đó mà biết. Nếu Bí-sô ni xin y màu xanh lại được y màu vàng thì khi xin phạm Ác-tác, khi được không phạm. Cho đến các màu sắc khác và dày mỏng hy vọng đối nhau cũng chuẩn theo đó mà biết.

Về lượng y: Nếu Bí-sô ni đến cư sĩ không phải thân tộc xin y bằng năm khuỷu tay và được y bằng năm khuỷu tay thì khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả-đọa. Cho đến xin y bằng năm mươi khuỷu tay hoặc xin y bằng năm khuỷu tay lại được y mười khuỷu tay cho đến năm mươi khuỷu tay chuẩn theo đó mà biết. Nếu xin chỉ tơ lại được một miếng nhỏ, xin một miếng nhỏ lại được y dài rộng đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ 7: XIN Y QUÁ LƯỢNG

Duyên khởi cũng giống như trong luật Bí-sô từ Bí-sô Ô-ba-Nan-đà, lúc đó có nhiều Bí-sô bị giặc

cướp đoạt y, Ô-ba-Nan-đà đến nói với các vị ấy rằng: "Tại sao mặc y phục cũ rách như thế mà không đến người khác xin, Thế tôn có cho phép nếu bị giặc cướp y thì khất cầu không phạm", các Bí-sô này nói: "Chúng tôi không thể đến người khác xin y", Ô-ba-Nan-đà nói: "Nếu không thể khất cầu thì tôi sẽ xin giúp cho các vị", các Bí-sô này nói tùy ý. Ô-ba-Nan-đà dựa vào việc này đến các nhà Bà-la-môn, cư sĩ, trưởng giả thuyết pháp giáo hóa được rất nhiều y phục, cái tốt đem về cho mình, cái cũ xấu đem đưa cho các Bí-sô kia. Các Bí-sô biết được liền bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni bị đoạt y, bị mất y, bị cháy y, bị trôi mất y, bị gió thổi bay mất y, đến Cư sĩ vợ Cư sĩ không phải là thân tộc xin y. Cư sĩ cúng nhiều y, Bí-sô ni nếu cần chỉ nên thọ hai y thượng hạ, nếu thọ quá phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni trong pháp luật này. Bị đoạt y… đã giải ở giới trên. Nên thọ hai y thượng hạ: Có hai loại y thượng hạ, một là y thượng hạ của Bí-sô ni, hai là y thượng hạ của thế tục. Y thượng hạ của Bí-sô ni là y mới làm Tăng-già-chi hai lớp thì bề đứng ba, bề ngang năm; nếu là Ni bà san thì bề đứng hai, bề ngang năm. Y thượng hạ của thế tục là y thượng bề dài hai khuỷu tay, bề rộng ba khuỷu tay; y hạ bề dài bảy khuỷu

tay, bề rộng hai khuỷu tay. Nếu cần nên thọ là khởi tâm thọ nhận. Thọ quá là thọ nhận quá số lượng đã chế thì khi được y vào tay liền phạm Xả-đọa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni đến người khác xin y thượng hạ của thế tục được như số lượng đã chế, nếu xin thêm nữa thì khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả-đọa. Nếu xin y thượng hạ của Bí-sô ni cũng giống như vậy. Nếu Bí-sô ni đến người khác xin y thượng hạ của thế tục, dù không đủ số lượng như đã chế cũng không nên xin thêm nữa, nếu có dư thì không cần phải trả lại cho chủ. Nếu Bí-sô ni đến người khác xin y thượng hạ của Bí-sô ni, nếu không đủ như số lượng đã chế thì có thể xin thêm, nếu có dư thì nên trả lại cho chủ. Nếu y của thế tục không đủ lại xin thêm hoặc y của Bí-sô dư không trả lại, kết tội nặng nhẹ chuẩn theo đây nên biết. Nếu có ý muốn xin quá số lượng đã chế thì khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả-đọa. Phạm Xả-đọa rồi lại nhận được y vật nữa, tất cả đều đồng phạm.

Học Xứ Thứ 8: BIẾT NGƯỜI TỤC HỨA CÚNG Y LIỀN ĐẾN XIN

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô từ Bí-sô Ô-ba-Nan-đà do đứa tớ gái nói cho biết hai vợ chồng trưởng giả muốn cúng y cho mình liền đến xin… Phật do duyên này nhóm các Bí-sô hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử

như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, có cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải là thân tộc cùng để dành tiền định mua y thanh tịnh cúng cho Bí-sô ni kịp thời mặc dùng. Bí-sô ni này trước không được thỉnh mà do người khác nói cho biết, liền đến nhà kia nói rằng: Lành thay hai vị để dành tiền mua vải cúng cho tôi, hãy mua loại vải thanh tịnh như thế như thế…, vì muốn tốt, nếu được vải thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni: Chỉ cho ni trong pháp luật này. Thân tộc và không phải thân tộc như đã giải ở giới trên. Giá y chỉ cho vàng bạc, bối xỉ… Biện là để dành tiền mua vải cúng. Y chỉ cho bảy loại y như trong giới trên có nói. Mua là khi mua từ người khác. Thanh tịnh là được như vậy mới thọ dụng. Cho là khi thí y. Bí-sô chỉ cho Ô-ba-Nan-đà. Trước không thọ thỉnh là không nói cho biết trước. Nhờ người khác nói cho biết là được người khác tiết lộ rồi đến cầu xin vải tốt.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào? Có ba việc là giá y, sắc y và lượng y.

Sao gọi là giá y? Nếu Bí-sô ni được y giá bằng năm Ca-lợi-sa-ba-noa từ người không phải là thân tộc, thọ thì không phạm. Nếu không thọ y này lại đòi y tốt hơn, giá cao hơn, khi đòi phạm Ác-tác, khi được phạm Xả-đọa. Như vậy cho đến năm mươi Ca-lợi-sa-ba-noa, tùy cầu xin tùy được,

phạm nhẹ nặng chuẩn theo đây nên biết.

Sao gọi là sắc y? Nếu Bí-sô ni được y màu xanh, thọ thì không phạm; nếu không thọ lại đòi y màu đẹp hơn, khi đòi phạm Ác-tác, khi được phạm Xả-đọa. Sắc xanh đã như vậy, các sắc y khác chuẩn theo đây nên biết.

Sao gọi là lượng y? Nếu Bí-sô ni dược y năm khuỷu tay thọ thì không phạm; nếu không thọ lại đòi y đẹp hơn, rộng lớn hơn phạm tội giống như trên. Như vậy cho đến nhiều khuỷu tay hơn, phạm tội nặng nhẹ đều giống như trên. Không phạm là nếu xin chỉ sợi lại được một miếng nhỏ, xin một miếng nhỏ lại được tấm y lớn… đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ 9: BIẾT NGƯỜI TỤC RIÊNG HỨA CHO Y LIỀN ĐẾN XIN

Duyên khởi cũng giống như giới trên của luật Bí-sô, chỉ khác ở chỗ là hai vợ chồng mỗi người riêng biệt để dành tiền mua y cúng, Ô-ba-Nan-đà bảo hai người họp chung tiền lại để mua một y thượng hảo… cho đến khiến Trưởng giả chịu phạt khổ sở nên các Bí-sô đem việc này bạch Phật. Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, có cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải là thân tộc, mỗi người riêng biệt để dành tiền

định mua y thanh tịnh như vậy như vậy… để cúng cho Bí-sô ni . Bí-sô ni này trước không thọ thỉnh, nhờ người khác nói cho biết liền đến nói với hai vợ chồng rằng: Lành thay hai vị hãy họp chung tiền lại để mua y thanh tịnh như vậy như vậy… kịp thời cúng cho tôi, vì muốn y tốt, nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca."

Trong học xứ này tướng phạm có ba loại giống như giới trên.

Học Xứ Thứ 10: QUÁ HẠN ĐÒI Y

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô do Bí-sô Ô-ba-Nan-đà đến nhà đại thần Hành vũ nói pháp về ba thứ phước nghiệp Hữu sự, khiến cho đại thần này khởi tâm Hoan-hỉ hứa cúng cho sáu mươi kim tiền sau khi Bí-sô Ô-ba-Nan-đà an cư xong… cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni hoặc vua hay đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ sai sứ đem giá tiền y đưa cho Bí-sô ni nói rằng: "Thánh giả, số tiền này là của vua (Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ) sai tôi đem đến, Thánh giả hãy nhận lấy". Bí-sô ni nói: "Nhơn giả, giá tiền y này tôi không được nhận, nếu được y thanh tịnh thuận thời tôi mới được nhận". Sứ nói: "Thánh giả có người chấp sự không?", đáp: "Có, tịnh nhơn của tăng hay Ô-ba-tư-ca ở chỗ đó là người chấp sự của Bí-sô ni. Sứ giả liền đến chỗ của người chấp sự trao

giá tiền y rồi nói: "Cô hãy dùng giá tiền y này mua y thanh tịnh, thuận thời đưa cho Bí-sô ni để vị ấy đắp mặc". Dặn dò người chấp sự xong, sứ giả trở lại chỗ Bí-sô ni nói: "Tôi đã đưa giá tiền y cho người chấp sự mà cô đã chỉ, khi được y thanh tịnh thuận thời cô nên nhận". Bí-sô ni khi cần y nên đến chỗ người chấp sự hai hoặc ba lần nói: "Tôi cần y" để nhắc, nếu được y thì tốt, nếu không được y thì bốn, năm, sáu lần đến đó đứng im lặng để nhắc, được y thì tốt, nếu không được y mà đến nhắc nữa, cố cầu cho được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Cuối cùng vẫn không được y thì Bí-sô ni nên đến chỗ người đã đưa giá tiền y hoặc nhờ người đáng tin đến nói rằng: "Ông sai người đưa giá tiền y đến cho Bí-sô ni nhưng Bí-sô ni đó cuối cùng vẫn không được y, ông nên biết lấy lại, đừng để mất số tiền ấy. Đây là thời.

Bí-sô ni là chỉ cho ni trong pháp luật này.

Vua: Dù nam hay nữ nếu được quán đảnh đều gọi là vua.

Đại thần là người chấp hành chánh sự.

Bà-la-môn là quý chủng đa văn.

Cư sĩ là kẻ tại gia giàu có.

Sứ giả là nam, nữ hay huỳnh môn.

Giá tiền y chỉ cho vàng bạc hay tiền.

Thuận thời thanh tịnh là đúng lý mới được nhận.

Tịnh nhơn của Tăng là tịnh nhơn của đại chúng.

Ô-ba-tư-ca là người đã quy y Tam bảo, thọ trì năm học xứ.

Bí-sô ni được hai, ba lần nói là hai, ba lần nói ra lời để nhắc người chấp sự. Bốn, năm, sáu lần tùy chỗ đứng im lặng: Nói tùy chỗ có bốn: Một là nhà xưởng như xưởng làm gốm…, hai là nhà ở, ba là đồng ruộng, bốn là cửa hiệu. Lại có sáu lần gạn hỏi, như người kia hỏi: "Cô đến có việc gì?", đáp: "Vì việc ấy nên đến". Người kia lại nói: "Lành thay mời ngồi", đáp: "Tôi vì việc ấy nên đến". Người kia lại nói: "Mời cô dùng cơm", đáp: "Tôi vì việc ấy nên đến". Người kia lại nói: "Mời cô ăn bánh", đáp: "Tôi vì việc ấy nên đến". Người kia lại nói: "Mời cô dùng nước", đáp: "Tôi vì việc ấy nên đến". Tùy một lần trong sáu lần hỏi đáp trên, Bí-sô ni nên nói ngay đến việc chính, không để cho họ đề cập đến việc khác thì không gọi là thiện hảo; ngược lại nếu Bí-sô ni nói từ từ để họ có thời gian nhớ lại mới gọi là thiện hảo; nếu được y thì tốt, nếu không được y mà quá sáu lần này đến đòi y cho được thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Qua ba lần nói sáu lần im lặng mà vẫn không được y thì Bí-sô ni nên đến chỗ người cúng y, hoặc tự đến hoặc nhờ người đáng tin đến tức là đệ tử hay môn nhân nói cho người cúng y biết rõ mọi việc để họ lấy lại tiền y đừng để cho mất uổng. Đây cũng là cách thức trả lại cho chủ giá tiền y. Nếu Bí-sô

nhờ người báo cho thí chủ biết rồi, người chấp sự mới đến nói với Bí-sô ni: "Thánh giả hãy nhận giá tiền y này", Bí-sô ni nên nói với người chấp sự: "Tôi đã xả giá tiền y này rồi, ông nên đem trả lại cho chủ y". Bí-sô ni nói như vậy là tốt, nếu lấy giá tiền y thì phạm Xả-đọa. Nếu người chấp sự nói: "Thánh giả hãy nhận giá y này, tôi sẽ đến nói với thí chủ cúng y để họ Hoan-hỉ". Trường hợp này Bí-sô ni nhận giá y không phạm. Nếu Bí-sô không theo trình tự như vậy mà nhận lại y thì đều phạm Xả-đọa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu người là thí chủ hoặc là sứ giả hoặc là chấp sự, như pháp nhận được y thì không phạm, không như pháp thì phạm Xả-đọa. Nếu người là thí chủ hoặc là sứ giả còn phi nhơn là chấp sự, như pháp nhận được y cũng không phạm, không như pháp thì phạm Ác-tác. Nếu người là thí chủ, phi nhơn là sứ giả, phi nhơn là chấp sự giống như trên phạm Ác-tác. Nếu người là thí chủ, phi nhơn là sứ giả, người là chấp sự cũng như trên phạm Xả-đọa.

Nếu phi nhơn là thí chủ hoặc là sứ giả hoặc là chấp sự giống như trên phạm Ác-tác. Nếu phi nhơn là thí chủ, hoặc là sứ gia, người là chấp sự giống như trên phạm Xả-đọa. Nếu phi nhơn là thí chủ, người là sứ giả, người là chấp sự giống như trên phạm Xả-đọa. Nếu phi nhơn là thí chủ, người là sứ giả, phi nhơn là chấp sự giống như trên phạm Ác-

tác. Nếu Bí-sô ni xin giá tiền y từ phi nhơn thì phạm Ác-tác, nhận được y thì phạm Xả-đọa. Xin giá tiền y từ loài rồng thì phạm Ác-tác, nhận được y thì phạm Xả-đọa. Nếu Bí-sô ni gởi thư hay sai sứ đến xin giá tiền y thì phạm Ác-tác, nhận được y thì phạm Xả-đọa. Không phạm giống như trên.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 10

Nhiếp Tụng Hai:

Cầm vàng bạc, xuất nạp,
Mua bán, bát, xin tơ,
Thợ dệt, tự đoạt y,
Hồi, thuốc dư, bát dư.

Học Xứ Thứ 11: CẦM VẬT BÁU

Thế tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, duyên khởi giống như trong luật Bí-sô do Lục chúng Bí-sô tự tay cầm vàng bạc hoặc bảo người cầm… khiến ngoại đạo chê trách: "…họ đâu khác thế tục, tại sao các Bà-la-môn, cu sĩ lại mang thức ăn đến dâng cúng cho họ". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni tự tay cầm vàng bạc, bối xỉ, tiền hoặc bảo người cầm, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu khi bảo người cầm lấy có mười tám trường hợp không đồng đều thành tướng phạm:

1. Nói ngươi lấy vật này: Là bảo người lấy vàng bạc… ở chỗ dễ thấy, phạm Ác-tác; khi tay cầm giở lên phạm Xả-đọa.

2. Nói ngươi lấy ở chỗ này: Là bảo người khác lấy vật ở trong rương trắp…, phạm tội giống như trên.

3. Nói ngươi lấy chừng ấy vật này: Là bảo người khác lấy vật với số lượng trăm, ngàn, vạn… phạm như trên.

4. Nói ngươi mang vật này: Là bảo người khác mang vật đến (đi), phạm giống như trên.

5. Nói ngươi ở chỗ này mang đi: Là bảo người khác mang vật đựng trong rương trắp… phạm giống như trên.

6. Nói ngươi mang chừng ấy vật này: Là bảo người khác mang vật với số lượng chừng trăm, ngàn, vạn… phạm giống như trên.

7. Nói ngươi để vật này: Là bảo người khác đặt để vàng bạc… phạm giống như trên.

8. Nói ngươi để ở đây: Là bảo người khác để vật trong rương trắp… phạm giống như trên.

9. Nói ngươi để chừng ấy vật này: Là bảo người khác đặt để vật với số lượng trăm, ngàn… phạm như trên.

Chín trường hợp này là căn cứ vào vật ở chỗ dễ

thấy mà bảo người khác làm.

10. Nói ngươi lấy vật kia: Là bảo người khác lấy vật ở chỗ không thấy, phạm Ác-tác; khi nhấc vật lên phạm Xả-đọa.

11. Nói ngươi lấy ở chỗ kia: Là bảo người khác lấy vật ở trong rương trắp, phạm giống như trên.

12. Nói ngươi lấy chừng ấy vật kia: Là bảo người khác lấy vật với số lượng chừng trăm ngàn… phạm như trên.

13. Nói ngươi mang vật kia đến (đi): Là chỉ vật kia bảo người mang đến hay mang đi .

14. Nói ngươi mang vật ở chỗ kia đến (đi): Là chỉ vật đựng trong rương trắp bảo người khác mang đến hoặc mang đi, phạm giống như trên.

15. Nói ngươi mang chừng ấy vật kia: Là chỉ vật kia bảo người khác mang đến (đi) với chừng ấy sô lượng, phạm giống như trên.

16. Nói ngươi để vật kia: Là chỉ vật kia bảo người khác đặt để, phạm giống như trên.

17. Nói ngươi để ở chỗ kia: Là chỉ người để vật trong rương trắp ở chỗ kia, phạm giống như trên.

18. Nói ngươi để với chừng ấy vật kia: Là chỉ vật kia bảo người khác đặt để với chừng ấy số lượng, phạm như trên.

Chín trường hợp này là căn cứ vật ở chỗ không thấy mà bảo người làm.

Nếu Bí-sô ni tự tay cầm giữ vàng bạc, bối xỉ…

phạm Xả-đọa. Nếu

Bí-sô ni cầm vàng bạc đã thành hay chưa thành đều phạm Xả-đọa. Nếu Bí-sô ni cầm vàng bạc, bối xỉ có văn tướng thành tựu đều phạm Xả-đọa. Bí-sô ni chạm vào vật bảy báu như Ma ni… phạm Xả-đọa. Bí-sô ni cầm tiền mà nước Biên phương cùng dùng thì phạm Xả-đọa; nước Biên phương không cùng dùng thì phạm Ác-tác. Cầm sắt đồng thiếc… thuộc kim loại thì không phạm.

Sau khi Phật chế học xứ này cho các đệ tử thanh văn rồi, lúc Phật đang ở rừng Thệ-đa, ở nước Chiêm-ba có một trưởng giả tâm thâm tín thuần thiện thường dùng vật thượng diệu để cúng dường, lại xây cất một trú xứ nguy nga tráng lệ cúng cho Phật và tăng. Có nhiều Bí-sô ni an cư ở đây, sau khi làm lễ Tùy ý xong liền bảo Trưởng giả: "Nay chúng tôi muốn đến thành Thất-la-phiệt đảnh lễ Đại sư và các Bí-sô kỳ túc, Trưởng giả hãy thí y cho chúng tôi", Trưởng giả nói: "Thánh giả, ở đây không có điệp y thượng diệu, hãy đợi đoàn thương buôn đến, tôi sẽ mua dâng cúng", Bí-sô ni nói: "Nếu không có điệp y thượng diệu thì cúng y thô xấu cũng được", Trưởng giả nói: "Thánh giả, tôi xưa nay chỉ thí y thượng diệu không cúng y thô xấu. Nếu Thánh giả không đợi được thì tôi cúng giá tiền y tùy ý các vị mua", Bí-sô ni nói: "Thế tôn đã chế giới không được cầm giữ tiền bạc", Trưởng giả nói: "Nếu như vậy thì thà tôi không cúng chứ

tôi không cúng y thô xấu". Các Bí-sô ni biết rốt cuộc không được gì nên ra đi, đến thành Thất-la-phiệt, các Bí-sô ni trú xứ nói: "Thiện lai cụ thọ, chẳng phải chỗ các vị an cư đã nhận được nhiều y phục hay sao mà vẫn mặc y phục thô rách thế này?", đáp: "Vì không có y thượng diệu để thọ nhận", lại hỏi: "Các vị an cư ở đâu?", đáp: "Ở trú xứ của trưởng giả nước Chiêm-ba", lại hỏi: "Nghe nói Trưởng giả ấy chỉ cúng y thượng diệu, vì sao lại không có để thọ nhận?", đáp: "Chính vì duyên này nên mới không được y", liền đem sự việc trên kể lại cho các Bí-sô ni, các Bí-sô ni bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật suy nghĩ: "Các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ kính tín muốn cúng giá y cho các Bí-sô ni, các Bí-sô ni cũng muốn được y, ta nên tùy khai cho các Bí-sô ni không bị thiếu thốn", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô ni: "Nếu có người cúng giá tiền y, cần thì được nhận, nhận rồi nên khởi niệm là vật của người kia để cất giữ, các Bí-sô ni cũng nên tìm người chấp sự". Các Bí-sô ni không biết tìm người chấp sự như thế nào, Phật bảo: "Nên tìm tịnh nhơn hay Ô-ba-tư-ca, nên hỏi người ấy rằng; người có thể làm thí chủ cho tôi không, nếu đáp là được thì nên khởi tâm ký gởi cho người ấy để cất giữ vật kia, nên bảo người đó cầm, không được tự cầm". Lúc đó có Bí-sô ni đi đến phương khác nghĩ rằng: "Nay ta đến đây không có thí chủ", liền khởi tâm truy hối bạch Phật, Phật nói:

"Dù đi đến phương xa, miễn người đó còn sống thì vẫn là thí chủ". Lúc đó có Bí-sô ni chưa tìm được thí chủ thì có người đem cúng giá tiền y, Bí-sô ni nghi không dám nhận nên bạch Phật, Phật nói: "Nên nhận rồi cầm giá y đó đến trước một Bí-sô ni nói rằng: Cụ thọ biết cho, tôi Bí-sô ni tên , được vật bất tịnh này, tôi muốn đem vật bất tịnh này đổi lấy tịnh tài. Nói ba lần rồi tùy tình thọ dụng". Lúc đó có thí chủ xây cất trú xứ ở ven làng cúng cho Tăng thường bị giặc đến khủng bố nên các Bí-sô ni bỏ đi nơi khác, giặc cướp vào chùa lấy hết các thứ, Phật nói: "Nếu là vật của tăng già hay của Tốt-đổ-ba như vàng bạc vật báu thì nên cất giấu ở chỗ chắc chắn rồi mới bỏ đi nơi khác". Phật bảo cất giấu, các Bí-sô ni không biết bảo ai cất giấu, Phật nói: "Bảo tịnh nhơn hay Ô-ba-tư-ca cất giấu". Có trường hợp bảo họ cất giấu thì họ lấy luôn, Phật bảo nên tìm Ô-ba-tư-ca thâm tín, nếu không có thì bảo cầu tịch nữ, nếu không có Cầu-tịch nữ thì Bí-sô ni tự tay cất giấu. Bí-sô ni không biết cất giấu như thế nào, Phật bảo nên đào hầm, Bí-sô ni không biết bảo ai đào, Phật bảo sai tịnh nhơn hoặc Ô-ba-sách-ca. Trường hợp họ đào cất giấu rồi lấy luôn thì nên tìm người thâm tín, nếu không có người thâm tín thì nên bảo Cầu-tịch nữ, nếu không có Cầu-tịch nữ thì Bí-sô ni tự tay đào cất giấu, sau khi giặc bỏ đi thì lấy lại giao cho Tăng già. Phật bảo các Bí-sô ni: "Ta vì nạn duyên nên khai cho các

việc trên, nạn duyên không còn thì không nên dùng nữa, nếu vẫn còn dùng thì phạm Ác-tác."

Học Xứ Thứ Mười Hai: XUẤT NHẬP CẦU LỢI

Duyên khởi ở tại thành Thất-la-phiệt giống như trong luật Bí-sô. Đức Bạc già phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó xa gần đều nghe biết ở nước Trung phương có Phật ra đời, các đệ tử Thanh văn đều có đại thần thông…, nếu người nào có thể cúng dường Phật và Tăng thì được đại quả báo, được đại lợi ích. Các thương nhơn phương Bắc nghe biết như thế liền bàn với nhau: "Chúng ta nên đến nước trung phương buôn bán, một là cầu lợi, hai là cúng dường Phật và Tăng". Các thương nhơn liền chở nhiều hàng hóa đến thành Thất-la-phiệt của nước Trung phương, trong thành này có một ngoại đạo lộ hình, rất giỏi về thiên văn và toán ký, nghe biết các thương nhơn phương Bắc đến liền suy nghĩ: "Ta nay nên đến xem thử và thăm hỏi, có thể ở chỗ các thương nhơn này ta sẽ được chút gì", nghĩ rồi liền lấy sách tướng ra nghiên cứu kỹ, đoán biết được tên tuổi của cha mẹ thương nhơn và hàng hóa mang theo thu lợi được nhiều hay ít. Sau đó ngoại đạo này đến chỗ thương chủ nói : "Thiện lai thương chủ, có phải thương chủ tên là, thân sinh của thương chủ tên là , thân mẫu của thương chủ tên là

, số hàng hóa mang đến gồm có , vào ngày thương chủ sẽ thu được lợi như thế như thế…". Thương chủ nghe rồi suy nghĩ: "Ta nghe nói đệ tử của Phật có đại thần thông, có đại biến hóa phải chăng là người này", nghĩ như vậy rồi sanh tâm kính tín liền lấy điệp y bằng lông sắc đỏ và trái cây đặc sản của phương Bắc dâng cúng cho ngoại đạo này. Ngoại đạo này liền mặc điệp y mới này đến khoe với các đồng môn, họ hỏi: "Người được y thượng hảo này từ đâu?", ngoại đạo liền kể sự việc trên cho các đồng môn nghe, họ nghe rồi liền nói: "Sa môn Thích tử thường khinh rẽ chúng ta, nói chúng ta chỉ gần gũi với hạng Chiên đà la tầm thường, không thể thân gần với hạng người cao quý. Người nên mặc y thượng hảo này đến chỗ sa môn Thích tử để khích tâm họ". Ngoại đạo này nghe lời các đồng môn liền đi đến rừng Thệ-đa, lúc đó Ô-ba-Nan-đà đang đứng ở cửa ngỏ trông thấy ngoại đạo từ xa đi đến liền suy nghĩ: "Ngoại đạo này mặc y quý giá, nếu ta không đoạt được y này thì không xứng với tên Ô-ba-Nan-đà". Khi ngoại đạo đến gần liền hỏi: "Ông mới trở về thế tục sao?", đáp: "Tôi đâu có về thế tục", lại hỏi: "Nếu không như thế thì sao lại mặc y này?", đáp: "Có thương buôn từ phương Bắc vừa đến, tôi đến thăm hỏi, do nói đúng tên cha mẹ của ông ấy nên sanh lòng kính tín, dâng cúng tôi chiếc y quý này". Ô-ba-Nan-đà nói: "Đây không phải là việc tốt, đâu thể tuổi già suy như ông lại phá giới

hay sao, Ông hay ngồi xuống đây, tôi sẽ nói pháp yếu". Ngoại đạo nghe lời ngồi xuống, Ô-ba-Nan-đà dùng tâm Hoan-hỉ nói diệu pháp, nếu Ô-ba-Nan-đà dùng tâm Hoan-hỉ nói pháp xả thí thì người nghe sẽ cảm thấy như có thể cắt thịt mình để thí. Nói pháp xong, Ô-ba-Nan-đà nói: "Đại sư của ông bản tánh thích y thô xấu, dạy môn đồ lộ hình cạo tóc, đi nhiều ít đứng, thường nằm dưới đất. Nếu tánh của Đại sư ông thích ăn ngon mặc đẹp thì đã cho phép ông mặc y thượng diệu trị giá ngàn vạn, tùy ý ăn bách vị, ở trong phòng xá trị giá năm ngàn kim tiền… nhưng Đại sư của ông đã không cho môn đồ sống nếp sống đó. Đại sư của tôi tánh quảng đại nên cho phép đệ tử mặc y quý giá, ăn thức ăn bách vị, ở trong phòng xá trị giá năm ngàn kim tiền. Nếu ông mặc y quý giá này đi khất thực, người có lòng tín kính sẽ nghĩ là ông muốn phá giới, như vậy khất thực sẽ khó khăn không đủ nuôi thân. Ông nên cho tôi chiếc y này, tôi sẽ đổi lại cho ông chiếc y thô xấu đúng như ý muốn của Đại sư ông. Tôi sẽ mặc y này khất thực, nếu tịnh tín hỏi có từ đâu, tôi sẽ nói là của ông biếu, họ sẽ biết ông là người thâm tín, sẽ cúng cho ông thức ăn ngon và bổ dưỡng". Ngoại đạo nghe Ô-ba-Nan-đà nói rồi liền sanh tâm Hoan-hỉ đưa y quý cho Ô-ba-Nan-đà, Ô-ba-Nan-đà chú nguyện cho không bịnh được sống lâu rồi nói: "Các đồng môn của ông nếu khi biết ông đổi y quý này cho tôi bảo ông đòi lại thì

sao?", đáp: " Y này là sở hữu của tôi, đại đức không nên lo lắng", liền nói: "Được vậy thì tôi nhận", Ô-ba-Nan-đà liền nhận y quý và đưa lại cho ngoại đạo y thô xấu. Lúc đó ngoại đạo mặc y thô xấu này đến chỗ đồng môn, họ hỏi: "Y thô xấu này từ đâu có?", đáp: "Là Ô-ba-Nan-đà đổi cho tôi". Đồng môn nghe rồi liền nói: "Các Thích tử này luôn nghĩ đến việc sát phạt ta, người khác thấy ta tuy khi dễ nhưng không giống như Lục chúng, trong sáu người này Ô-ba-Nan-đà khinh dễ chúng ta hơn hết. Nếu ông đổi y với ai khác chúng tôi cũng tùy hỉ, nhưng Ô-ba-Nan-đà này lúc nào cũng muốn uống máu chúng ta, ông lại đổi y với ông ta thì ai nhẫn chịu được. Ông phải đến đòi lại, đòi được thì tốt, nếu đòi không được chúng tôi sẽ đồng tẫn xuất ông, đổi chỗ của ông, úp bát đối với ông và không nói chuyện cùng ông." Ngoại đạo nghe rồi rất sợ hãi liền đến chỗ Ô-ba-Nan-đà để đòi lại y quý, Ô-ba-Nan-đà từ xa trông thấy đoán là đến đòi y nên vào phòng đóng cửa, ngoại đạo đến gõ cửa, Ô-ba-Nan-đà im lặng, các Bí-sô thấy liền hỏi: "Ông có việc gì cần muốn gặp Ô-ba-Nan-đà sao?", ngoại đạo này liền kể lại sự việc trên, các Bí-sô nói: "Ông muốn đòi lại chiếc y quý thì phải đến chỗ Thế tôn ai cầu mới đòi lại được". Ngoại đạo nghe rồi liền đến chỗ Thế tôn, Thế tôn từ xa thấy ngoại đạo này đi đến liền nói với các Bí-sô: "Ngoại đạo này đến để đòi lại chiếc y quý giá, đòi được thì tốt, nếu

không đòi được sẽ thổ huyết mà chết". Lúc đó ngoại đạo đến chỗ Phật nói rằng: "Đại đức Ô-ba-Nan-đà lấy chiếc y quý giá của tôi, xin Thế tôn thương xót bảo Ô-ba-Nan-đà trả y lại cho tôi, nếu tôi không đòi được y các đồng môn sẽ tẫn xuất tôi…" Thế tôn liền bảo A Nan-đà: "Thầy nên đến chú nguyện cho Ô-ba-Nan-đà không bịnh rồi bảo Ô-ba-Nan-đà nên trả lại chiếc y quý giá cho ngoại đạo, nếu không trả lại ngoại đạo này sẽ thổ huyết mà chết". Cụ thọ A Nan-đà vâng lời Phật dạy đến chỗ Ô-ba-Nan-đà nói lại nguyên văn, Ô-ba-Nan-đà nghe rồi nói: "Tôi xin kính cẩn vâng lời Phật day không dám trái lịnh. Nếu không phải Thế tôn bảo tôi trả lại thì dù số ngoại đạo ở châu Thiệm-bộ này nhiều như trúc, như mía, lau nhất loạt thổ huyết mà chết, Ô-ba-Nan-đà tôi cũng không lay động. Cụ thọ yên tâm, tôi sẽ đem trả lại chiếc y đó". Ô-ba-Nan-đà liền đến nói với ngoại đạo: "Đại sư của ông trước đây đã vọng ngữ lừa dối thế gian, ông ta chết đã đọa vào địa ngục Vô gián, trên lưỡi có năm trăm con trâu cày suốt ngày đêm. Nay ông cũng vọng ngữ quả báo sẽ gấp bội tức là có ngàn con trâu cày trên lưỡi của ông. Ông đã mặc áo của tôi chớ tôi chưa dùng chiếc áo của ông". Ô-ba-Nan-đà nói xong liền lấy chiếc y quý giá ra kéo bung chỗ kết nối y rồi vò mạnh làm cho chiếc y nhàu nát, sau đó mới đưa cho ngoại đạo và nói to: "Cầm lấy và đi mau, đừng làm nhơ uế trú xứ của tôi", ngoại đạo

nói: "Hôm nay ra khỏi chỗ này cho đến suốt đời tôi thề không bước chân tới rừng Thệ-đa nữa". Đây là duyên khởi nhưng Phật vẫn chưa kết giới.

Lúc đó Lục chúng Bí-sô làm đủ cách để kiếm lời hoặc thủ hoặc dữ hoặc sanh hoặc chất, dùng vật đã thành lấy vật đã thành, dùng vật chưa thành lấy vật đã thành, dùng vật đã thành lấy vật chưa thành, dùng vật chưa thành lấy vật chưa thành. Thủ là thu lấy hàng hóa từ phương khác mà mình thích sở hữu, vận chuyển đem đi, tìm người coi giữ, lập các chứng từ khế ước. Dữ là lập khế ước đưa vật cho người khác vay trong thời hạn là bao nhiêu ngày. Sanh là sanh lợi, như đưa cho người khác một ít vật dụng mà thu lại nhiều thóc lúa, sanh lợi gấp mấy lần. Chất là thu vật báu, lập chứng từ bảo chứng cho tài vật ấy. Dùng vật đã thành lấy vật đã thành: Là dùng đồ vật bằng vàng bạc… đổi lấy đồ vật đã làm thành của người khác. Dùng vật chưa thành lấy vật đã thành: Là dùng thỏi vàng đổi lấy đồ bằng vàng của người khác. Dùng vật đã thành lấy vật chưa thành là dùng đồ bằng vàng đổi lấy thỏi vàng của người khác. Dùng vật chưa thành lấy vật chưa thành là dùng thỏi vàng đổi lấy vàng vụn của người khác. Bí-sô xuất thu như vậy để cầu lợi nên bị ngoại đạo chê trách: "Sa môn Thích tử xuất thu cầu lợi đâu khác gì người thế tục, ai lại đem y thực cúng cho họ nữa". Các Bí-sô nghe biết liền bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-

sô… cho đến câu: "… Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni dùng mọi cách xuất thu để cầu lợi, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Dùng mọi cách là không phải một cách. Xuất thu cầu lợi là dùng các phương tiện Thủ, Dữ, Sanh, Chất để cầu lợi nhuận.

Trong học xú này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô ni vì cầu lợi, tích trữ hàng hóa dùng mọi phương tiện chuyên chở đến phương khác, đóng thuế, lập chứng từ… khi chưa thu lợi thì phạm Ác-tác, khi thu được lợi thì phạm Xả-đọa. Nếu Bí-sô ni vì cầu lợi, đưa vàng bạc tiền cho người khác vay, khi chưa thu lợi và khi thu được lợi, phạm tội giống như trên. Nếu Bí-sô ni vì sanh lợi, đem tài vật cho người khác mượn… cho đến khi thu được lợi, phạm tội giống như trên. Bí-sô ni vì cầu lợi, thu vào vật báu tính theo thời gian để thủ lợi… phạm tội giống như trên. Bí-sô ni vì cầu lợi đem y của mình đổi cho người, khi đổi phạm Ác-tác, khi nhận được phạm Xả-đọa.

Lúc đó Thế tôn ở trong Trùng các đường bên ao Di-hầu tại thành Quảng Nghiêm, trong thành này các Lật-cô-tỳ đều ở nhà cao sáu, bảy tầng thấy các Bí-sô ni ở nhà thấp nên xây cất nhà cao sáu . Bảy tầng cúng cho các Bí-sô ni, trải qua thời gian

lâu đều bị hư hoại. Các thí chủ này thấy vậy liền suy nghĩ: "Chúng ta còn sống mà chùa đã hư hoại, nếu sau khi ta chết sự việc còn như thế nào nữa. Chúng ta nên thí vật vô tận để Tăng tu sửa". Nghĩ rồi liền đem vật thí đến chỗ các Bí-sô ni nói rằng: "Thánh giả, những vật thí vô tận này cúng để tu bổ chùa, xin Thánh giả nhận", các Bí-sô ni nói: "Thế tôn đã chế giới nên chúng tôi không được nhận", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu vì Tăng có doanh tạo tu sửa gì thì nên nhận vật vô tận, Bí-sô Tỳ ha la nên làm ba tầng, Bí-sô ni nên làm hai tầng". Các Bí-sô ni nhận vật vô tận rồi đem cất vào kho, thời gian sau thí chủ đến hỏi: "Vì sao Tỳ ha la vẫn chưa được tu sửa?", Bí-sô ni đáp là không có tiền vật, thí chủ nói: "Chẳng phải tôi đã cúng vật vô tận rồi hay sao?", Bí-sô ni nói: "Vật vô tận vẫn còn ở trong kho", thí chủ nói: "Vật vô tận không nên để như vậy, đâu phải trong nhà tôi không có chỗ để, vì sao không xoay sở Để-sanh lợi?", các Bí-sô ni nói: "Thế tôn chế giới không cho cầu lợi", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu vì Tăng thì được cầu lợi nhuận". Nghe Phật tùy khai như vậy, các Bà-la-môn. Cư sĩ có tín tâm đều đem vật vô tận cúng thí, vật vô tận này được xoay sở Để-sanh lợi. Lúc đó các Bí-sô ni đem vật vô tận này cho thí chủ xoay sở Để-sanh lợi, sau đó lại tranh chấp với thí chủ về lợi nhuận, thí chủ nói: "Thánh giả, chẳng lẽ do vật của chúng tôi mà sanh

tranh chấp hay sao?". Các Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Không nên cùng thí chủ sanh lợi", các Bí-sô ni liền cùng với giới hào quý sanh lợi, khi đòi vật họ ỷ thế không đưa. Phật nói: "Không nên cùng giới hào quý sanh lợi", các Bí-sô ni liền cùng hạng người nghèo khổ sanh lợi, khi đòi vật họ không có vật đưa lại. Phật nói: "Khi đưa vật vô tận cho ai thì cần phải phân minh, hai bên làm khế ước và lập chứng từ, dù là Ô-ba-sách-ca tín tâm cũng phải làm khế ước chứng từ rõ ràng".

Học Xứ Thứ 13: MUA BÁN

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Lục chúng Bí-sô mua bán đủ thứ, mua rẽ bán mắc, đầu cơ tích trữ khiến các Bà-la-môn, cữ sĩ chê trách nên các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do duyên này nhòm họp các Bí-sô hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni mua bán các thứ đủ mọi hình thức, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Đủ mọi hình thức là không phải một hình thức. Mua bán là thu mua giá rẽ bán ra giá đắc.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni vì lợi mua bán, khi mua vào phạm Ác-tác, khi bán ra phạm Xả-đọa. Nếu vì lợi cho nên mua vào nhưng không vì lợi mà bán ra, khi

mua phạm Ác-tác, khi bán ra không phạm. Nếu không vì lợi mà mua vào nhưng vì lợi mà bán ra, khi mua không phạm nhưng khi bán ra phạm Xả-đọa. Không vì lợi mua vào, không vì lợi bán ra thì không phạm. Nếu khi sắp đi đến xứ khác mua vật mang theo vốn không vì cầu lợi, khi đến đó gặp duyên bán ra được lợi nhưng không phạm.

Học Xứ Thứ 14: XIN BÁT

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, bát bị nứt chưa tới năm lằn nứt còn có thể dùng được, vì muốn tốt nên tím cầu cái khác, khi được phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Bí-sô này nên ở trong chúng xả bát ấy, rồi lấy cái bát của người nhỏ nhất trong chúng đưa lại cho Bí-sô ni này nói rằng: "Bát này giao lại cho cô, cô không nên giữ yên đó, không nên phân biệt cũng không nên cho ai, mà phải cẩn thận như pháp thọ dụng từ từ cho đến khi bể". Đây là pháp xả bát."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Chưa tới năm lằn nứt là chưa đủ năm lằn nứt. Vì muốn tốt nên tìm cầu bát khác là vì tham tốt nên tìm thêm bát thứ hai. Bí-sô ni này nên ở trong chúng xả bát ấy tức là hành pháp xả bát, trong chúng nên sai một Bí-sô ni hành bát có phạm, người không có năm đức thì không nên sai, nếu đã sai thì không nên làm, đó là ái, sân, sợ si, không

biết pháp hành và không hành. Ngược lại nếu có đủ năm đức thì nên sai, đã sai rồi thì nên làm. Nên sai như sau: đánh kiền chùy nhóm tăng, trước hỏi vị nào có thể vì Tăng già hành bát có phạm, nếu có người đáp là có thể thì Tăng nên sai một Bí-sô ni tác pháp yết ma như trong Bách nhất yết ma có nói rõ. Phật nói: Nay Ta chế hành pháp cho Bí-sô ni hành bát có phạm như sau: "Bí-sô ni ấy nên ở trong chúng hòa hợp bạch: Kính bạch đại đức ni tăng, tôi Bí-sô ni tên sẽ hành bát có phạm. Sáng ngày mai các cụ thọ mỗi vị mang bát của mình đến trong Tăng. Sáng hôm sau Bí-sô ni hành bát nên mang bát có phạm đến trước vị thượng tòa khen ngợi bát đó như sau: Bát này thanh tịnh viên mãn, có thể thọ dụng, nếu Thượng tọa cần xin hãy tùy ý nhận. Nếu thượng tòa nhận bát ấy thì Bí-sô ni hành bát nên lấy chiếc bát cũ của Thượng tọa thứ nhất chuyển trao cho vị Thượng tọa thứ hai, Thượng tọa thứ hai không nhận thì chuyển trao cho vị Thượng tọa thứ ba. Khi Thượng tọa thứ ba lấy mà Thượng tọa thứ hai đòi lấy thì đòi lần thứ nhất không đưa, lần thứ hai cũng không đưa, lần thứ ba nên đưa nhưng vị Thượng tọa này mắc tội Việt pháp phải như pháp sám hối. Hành pháp xả bát như vậy cho đến vị cuối cùng nhỏ nhất trong Tăng, Bí-sô ni hành bát nên lấy bát của vị nhỏ nhất cuối cùng này đưa lại cho Bí-sô ni phạm và nói rằng: Bát này không nên giữ yên đó, không nên phân biệt, cũng không nên cho

ai, mà phải cẩn thận như pháp thọ dụng từ từ cho đến khi bể. Đây là pháp hành bát, Bí-sô ni hành bát nếu không y theo pháp này mà hành thì phạm tội Việt pháp."

Phật nói: "Nay Ta chế thêm hành pháp cho Bí-sô ni phạm như sau: "Bí-sô ni phạm được bát này rồi phải sắm hai cái đãy đựng bát, đãy tốt đựng bát dư, đãy không tốt đựng bát cũ. Khi khất thực phải mang cả hai bát theo, thức ăn khô thì đựng trong bát dư, thức ăn ướt thì đựng trong bát cũ. Trở về trú xứ thọ thực thì nên ăn thức ăn trong bát cũ trước, ăn xong khi rửa nên rửa bát dư trước, rửa xong hong phơi cũng phải phơi bát dư trước, khi cất thì cất bát dư ở chỗ tốt. Khi đi đường có thể nhờ người mang giùm bát cũ, còn bát dư phải tự mang, không có ai mang giùm thì bên vai phải mang bát dư, bên vai trái mang bát cũ. Bí-sô ni phạm được bát đối với hành pháp này nếu không hành theo thì phạm tội Việt pháp. Đây là pháp trị phạt cho đến trọn đời hoặc cẩn thận thọ dụng cho đến khi bể".

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu bát của Bí-sô ni bị nứt một lằn chưa trét vẫn còn dùng được lại cầu xin bát khác, khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả-đọa. Nếu bát của Bí-sô ni bị nứt hai lằn chưa trét vẫn còn dùng được lại cầu xin bát khác, phạm tội giống như trên. Cho đến ba, bốn lằn nứt cũng như vậy.

Nếu bát của Bí-sô ni bị nứt một lằn, trét rồi còn dùng được lại cầu xin bát khác, khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả-đọa. Cho đến bị nứt bốn lằn phạm tội cũng như vậy. Nếu bát bị nứt năm lằn dù trét hay không trét, còn dùng được hay không dùng được cầu xin bát khác đều không phạm. Bát do mua hay do người cúng dường cũng không phạm.

Học Xứ Thứ 15: TỰ XIN TƠ BẢO THỌ DỆT KHÔNG PHẢI BÀ CON DỆT Y

Duyên khởi như trong luật Bí-sô cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự xin tơ tằm bảo thọ dệt không phải họ hàng dệt thành y, khi được y phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Tự xin tơ tằm là xin hoặc một lượng hay nửa lượng… Bảo thợ dệt không phải họ hàng: Thợ dệt là người dệt thuê.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô ni xin tơ sợi từ người không phải họ hàng, bảo thợ dệt không phải họ hàng đều phạm Ác-tác, khi được y phạm Xả-đọa. Bí-sô ni xin tơ từ người không phải họ hàng bảo thợ dệt là họ hàng dệt thành y, khi xin phạm Ác-tác khi được y không phạm. Bí-sô ni xin tơ từ người thuộc họ hàng, bảo thợ dệt không phải họ hàng dệt thành y, khi xin không phạm, khi được y phạm Xả-đọa. Bí-sô ni

đến người thuộc họ hàng xin tơ bảo thợ dệt là họ hàng dệt thành y thì đều không phạm. Bí-sô ni xin tơ từ người không phải họ hàng rồi tự dệt lấy, khi xin phạm Ác-tác, khi thành y cũng phạm Ác-tác. Bí-sô ni xin tơ từ người bà con rồi tự dệt lấy, khi xin không phạm, khi thành y phạm Ác-tác, nếu trả tiền công cho thợ dệt thì không phạm.

Học Xứ Thứ 16: KHUYÊN THỢ DỆT DỆT Y

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, có Cư sĩ và vợ cư sĩ không phải họ hàng bảo thợ dệt không phải họ hàng dệt y cho Bí-sô ni. Bí-sô ni này trước không thọ thỉnh lại sanh niệm khác, đến chỗ thợ dệt nói rằng: Ông có biết y này người ta bảo ông dệt cho tôi. Lành thay, ông nên dệt cho đẹp, dài rộng và bền chắc, tôi sẽ đem ít nhiều thức ăn trong bát hoặc giá tiền thức ăn trả thêm cho ông. Nếu Bí-sô ni dùng thức ăn hay giá tiền thức ăn đưa cho thợ dệt để cầu được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Trước không thọ thỉnh là không được báo cho biết trước. Sanh niệm khác là muốn cầu được y. Tôi sẽ đem ít nhiều thức ăn trong bát… là chỉ cho năm loại Kha-đãn-ni-thực, năm loại Bổ-thiện-ni-thực hoặc thực phẩm làm từ ngũ cốc.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni vì cầu y mang hai loại thức ăn kể trên đến chỗ thợ dệt trao cho họ ăn, khuyên họ dệt y cho tốt… thì phạm Ác-tác, khi được y thì phạm Xả-đọa.

Học Xứ Thứ 17: ĐOẠT Y

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, do Bí-sô Nan-đà cho đệ tử y rồi bảo người đệ tử này cùng du hành trong nhân gian, người đệ tử này không chịu đi theo nên Bí-sô Nan-đà đoạt lại y. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm các Bí-sô hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni trước đã cho Bí-sô ni khác y, sau vì phiền não sân giận mắng nhiếc, sanh tâm chê trách tự đoạt hay bảo người khác đoạt lại y, nói rằng: Hãy trả lại y cho tôi, tôi không cho cô nữa. Nếu y rời khỏi thân người kia, mình lấy tự thọ dụng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Bí-sô ni khác là chỉ cho đệ tử hay ni khác. Phiền não sân giận… là thân ngữ ý đều hiện tướng sân hận. Tự đoạt, bảo người đoạt đều là lấy y rời khỏi thân người kia. Tự thọ dụng là thuộc về mình để dùng.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Có ba loại tướng phạm: Một là thân nghiệp như

trước cho y sau vì sân hận tự tay đoạt lại hoặc lôi hoặc kéo nhưng miệng không nói, khi chéo y chưa rời khỏi thân người kia thì phạm Ác-tác, khi rời khỏi thân thì phạm Xả-đọa. Hai là ngữ nghiệp như nói ra lời đòi y nhưng không động thân, kết tội giống như trên. Ba là cả thân ngữ nghiệp họp dùng để đoạt y lại. Bảo người đoạt khi bảo Bí-sô ni đoạt y nếu y chưa rời khỏi thân người kia thì cả hai đều phạm Ác-tác, nếu rời khỏi thân thì người được sai bảo phạm đọa, người sai bảo phạm Xả-đọa; nếu bảo Bí-sô đoạt y, kết tội cũng như vậy, bảo ba chúng sau phạm Ác-tác, nếu bảo thế tục đoạt thì phạm tội vô lượng. Có hai trường hợp không phạm: Một là nạn sự như hai thầy thấy đệ tử ở chỗ có khủng bố, hoặc phi thời ở chỗ nguy hiểm, sợ mất y nên đoạt lấy lại thì không phạm. Hai là thuận theo lời dạy như hai thầy thấy đệ tử gần gũi ác tri thức hoặc đi chung đường muốn kia không tạo ác nên đoạt y thì không phạm.

Học Xứ Thứ 18: HỒI TĂNG VẬT

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết thí chủ đem vật cúng cho chúng tăng mà hồi chuyển đem về cho mình, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Tăng vật có hai là y thực, trong giới này là chỉ cho

y phục. Hồi là vật đã quyết định thuộc của chúng tăng mà giáo hóa thí chủ để hồi chuyển về cho mình.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni biết y vật thí cho một Bí-sô ni khác mà hồi chuyển về cho mình, khi hồi chuyển phạm Ác-tác, khi được phạm Xả-đọa. Như vậy cho đến biết vật thí cho hai, ba người hoặc cho Tăng mà hồi chuyển về cho mình phạm tội giống như trên.

Nếu Bí-sô ni biết vật thí cho một Bí-sô ni mà hồi chuyển cho một Bí-sô ni khác, khi hồi chuyển phạm Ác-tác, khi người kia nhận được cũng phạm Ác-tác. Như vậy cho đến biết vật thí cho một người mà hồi chuyển đến cho hai, ba người hoặc cho tăng, phạm tội cũng giống như trên.

Nếu Bí-sô ni biết vật thí cho tăng mà hồi chuyển về cho một người, khi hồi chuyển phạm Ác-tác, khi người kia nhận được cũng phạm Ác-tác. Như vậy cho đến biết vật thí cho Tăng mà hồi chuyển cho hai, ba người, khi hồi chuyển phạm Ác-tác, khi những người kia nhận được cũng Ác-tác.

Nếu Bí-sô ni biết vật thí cho Tăng già này mà hồi chuyển về cho tăng già khác, khi hồi chuyển phạm Ác-tác, khi Tăng già kia nhận được cũng phạm Ác-tác. Nếu biết vật thí cho Bí-sô tăng già

lại hồi chuyển cho Bí-sô ni tăng già; hoặc biết vật thí cho Bí-sô ni tăng già lại hồi thí cho Bí-sô tăng già; hoặc biết vật thí cho hai bộ tăng già lại hồi thí cho Bí-sô tăng già; hoặc biết vật thí cho hai bộ tăng già lại hồi thí cho Bí-sô ni tăng già; hoặc biết vật thí cho Bí-sô tăng già lại hồi thí cho hai bộ tăng già; hoặc biết vật thí cho Bí-sô ni tăng già lại hồi thí cho hai bộ tăng già; hoặc Tăng già bị phá làm hai bộ, biết vật thí cho bộ này lại hồi thí cho bộ kia; hoặc biết vật thí cho chùa này lại hồi thí cho chùa kia… cho đến triển chuyển hồi thí cho nhau đều phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô ni biết vật cúng cho Phật tượng nơi này lại hồi chuyển cúng cho Phật tượng nơi kia; biết vật cúng cho tốt đổ ba nơi này lại hồi chuyển cúng cho tốt đổ ba nơi kia… cho đến hồi chuyển qua lại cho nhau như thế đều phạm Ác-tác.

Nếu nhà vua ra lịnh hồi chuyển thì không phạm; nếu biết vật thí cho người nghèo này lại hồi chuyển thí cho người nghèo kia thì phạm Ác-tác, nếu tìm cách cứu giúp mà không được nên hồi chuyển đem cho thì không phạm… cho đến vật định thí cho bàng sanh lại hồi chuyển cho người, hoặc vật thí cho người lại hồi chuyển cho bàng sanh đều phạm Ác-tác. Vật định thí cho người xuất gia lại hồi chuyển đem cho người tục hay ngược lại đều phạm Ác-tác, nếu tìm cách giúp mà không được nên hồi chuyển đem cho thì không phạm. Như thế cho đến nam nữ, bán trạch ca, Bí-sô và ba

chúng dưới hoặc nhiều hoặc ít, cho đây, cho kia hồi chuyển lẫn nhau đều như trước. Nếu tìm cầu không được tuy trái với bản tâm nhưng cho người khác thì không phạm.

Học Xứ Thứ 19: QUÁ THẤT NHẬT DƯỢC

(Thực phẩm chứa dùng quá bảy ngày)

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, do các đệ tử của tôn giả Tất lăng già bà ta tự xúc chạm hoặc bảo người xúc chạm các loại thực phẩm đã có, hoặc để xen tạp với thức ăn uống khác, hoặc hòa lẫn vào nhau, hoặc để chung một chỗ tự mỗi loại nhiễm nhau, không phân biết được là thời dược hay là phi thời dược. Các Bí-sô thiểu dục chê trách rồi bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Như Thế tôn đã dạy nếu Bí-sô ni có bịnh được tùy ý lấy dùng các loại thực phẩm đã có như sữa, dầu, đường, mật… trong thời hạn bảy ngày, gọi là Thất nhật dược, tự cất giữ để lấy dùng. Nếu Bí-sô ni cất giữ quá bảy ngày, vẫn còn lấy dùng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Nếu Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni ngày thứ một trong tháng được các loại thực phẩm này tự cất giữ để thọ dụng trong

vòng bảy ngày, hoặc có thể xả, hoặc cho người khác; nếu không cất giữ, không xả, không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất không được các loại thực phẩm này, ngày thứ hai, ngày thứ ba không được cho đến ngày thứ bảy mới được thì nên tự cất giữ để thọ dụng trong vòng bảy ngày, hoặc có thể xả hoặc cho người; nếu không cất giữ, không xả, không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất được thực phẩm, ngày thứ hai được thực phẩm thì đối với loại thực phẩm của ngày đầu được cất giữ thọ dụng trong vòng bảy ngày; còn loại thực phẩm được của ngày thứ hai thì nên xả hoặc cho người khác. Hoặc cất giữ thọ dụng loại thực phẩm của ngày thứ hai còn loại thực phẩm của ngày thứ nhất thì xả hoặc cho người khác, nếu không cất giữ, không xả, không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Bí-sô ni như ngày thứ nhất, ngày thứ hai phải đối thú tác pháp… cho đến ngày thứ sáu, ngày thứ bảy cũng phải đối thú tác pháp.

Nếu Bí-sô ni ngày thứ một trong tháng được nhiều loại thực phẩm, nên trong vòng bảy ngày tự tác pháp thọ trì hoặc xả hoặc cho người; nếu không thọ trì, không xả, không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Nếu Bí-sô ni nhận được nhiều loại thực phẩm như đối với

ngày thứ nhất cho đến ngày thứ bảy cũng nên trong vòng bảy ngày tự tác pháp thọ trì, hoặc xả hoặc cho người; nếu không thọ trì, không xả không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất được nhiều loại thực phẩm, ngày thứ hai cũng được nhiều loại thực phẩm thì nên cất giữ thọ trì loại thực phẩm của ngày thứ một trong vòng bảy ngày, còn loại thực phẩm của ngày thứ hai nên xả hoặc cho người khác. Hoặc cất giữ loại thực phẩm của ngày thứ hai còn loại thực phẩm của ngày thứ nhất nên xả hoặc cho người khác, nếu không xả không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa. Nếu Bí-sô ni ngày thứ nhất, ngày thứ hai đều không được nhiều loại thực phẩm, cho đến ngày thứ sáu, ngày thứ bảy mới được thì nên cất giữ thọ trì loại thực phẩm của ngày thứ sáu còn loại thực phẩm của ngày thứ bảy nên xả hoặc cho người. Nếu không xả không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa.

Bí-sô ni có các loại thực phẩm, tự xúc chạm bảo người xúc chạm hoặc để xen tạp với các loại thức ăn thức uống khác, hoặc cùng loại để chung một chỗ không thể phân biệt được thì loại thực phẩm này nên cho tịnh nhơn hay Cầu-tịch nữ. Bí-sô ni đối với các loại thực phẩm này nếu không tự xúc chạm bảo người xúc chạm, không để xen tạp với các loại thực ăn thức uống khác, hoặc không

để chung một chỗ với cùng loại lẫn lộn nhau, xả và không xả, thời và phi thời có thể khéo phân biệt thì được cất giữ trong vòng bảy ngày tự tác pháp thọ trì. Pháp thọ trì như sau: Trước giờ ngọ rửa tay sạch sẽ cầm loại thực phẩm này đối trước một vị đồng phạm hạnh nói: "Cụ thọ xin nhớ nghĩ, tôi Bí-sô ni tên vì có bịnh duyên, loại thực phẩm thanh tịnh này nay xin được thọ trì trong vòng bảy ngày" (3 lần). Nếu dùng được một ngày nên đến nói với vị đồng phạm hạnh: "Cụ thọ, tôi vì có bịnh duyên các loại thực phẩm này đã dùng được một ngày còn sáu ngày nữa được tiếp tục dùng". Nói như vậy cho đến ngày thứ bảy, dùng đủ bảy ngày rồi nếu có dư thì nên xả hay cho tịnh nhơn, Cầu-tịch nữ. Nếu không xả, không cho đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả-đọa.

Bí-sô ni có loại thực phẩm phạm Xả-đọa không xả cho người, không làm pháp gián cách tội, không thuyết tội, nếu nhận được thêm các loại thực phẩm khác đều phạm Xả-đọa vì do tội trước nhiễm lây.

Nếu Bí-sô ni có thực phẩm phạm Xả-đọa, thực phẩm này tuy xả nhưng chưa làm pháp gián cách tội, chưa thuyết tội nếu nhận thêm các loại thực phẩm khác đều phạm Xả-đọa vì do tội trước nhiễm lây. Nếu Bí-sô ni có thực phẩm phạm Xả-đọa, thực phẩm này tuy xả và đã làm pháp gián cách tội nhưng chưa thuyết tội, nếu nhận được các loại thực phẩm khác đều phạm Xả-đọa. Nếu Bí-sô ni có thực

phẩm phạm Xả-đọa chưa làm ba việc kể trên nếu nhận được các loại vật dụng cần dùng khác như y bát… mà cất chứa đều phạm Xả-đọa vì do tội trước nhiễm lây. Bí-sô ni có thực phẩm phạm Xả-đọa, đã xả thực phẩm, đã làm pháp gián cách tội, đã thuyết tội, sau đó nhận được các loại thực phẩm khác đều không phạm.

Học Xứ Thứ 20: CHỨA BÁT DƯ

Duyên khởi và nơi chốn cũng như giới trước, lúc đó chúng mười hai ni được nhiều bát dư, cất chứa mà không thọ dụng, cũng không cho người khác. Các ni bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được cất chứa bát dư trải qua một đêm, nếu quá một đêm thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Bát dư là trừ bát đang thọ trì, bát khác đều gọi là dư.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni vào ngày thứ một trong tháng được bát, ngay trong ngày đó nên thọ trì, nên phân biệt, nên xả, nên cho người… ngoài ra đều giống như trong giới y dư. Nếu bát nhỏ hay bạc trắng hoặc cho người sắp thọ giới thì không phạm.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 11

Nhiếp Tụng Ba:

Không xem, xả, không xả,
Xin vàng bạc, tiền nhuộm,
Được lợi có năm giới (sai khác),
Mua thuốc, hai (giới) giá y.

Học Xứ Thứ Hai 21: KHÔNG XEM NĂM Y

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô ni ít nhớ nghĩ nên không nhớ biết y nào là Tăng-già-chi, y nào là Ốt-bát-la-tăng-già, y nào là An-đát-bà-ta, y nào là Quyết-tô-lạc-ca, y nào là Tăng khước kỳ. Cho nên Đại-thế-chủ đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các ni nên xem lại năm y đang thọ trì trong mỗi nửa tháng". Tuy Phật đã bảo như thế nhưng Ni-thổ-la-nan-đà mỗi nữa tháng không chịu xem lại năm y đang thọ trì, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni trong mỗi nửa tháng không xem lại năm y đang thọ trì, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Tướng phạm trong học xứ này là trong mỗi nửa tháng không xem lại năm y thì phạm Xả-đọa.

Học Xứ Thứ 22: XẢ Y PHI THỜI

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Phật bảo các ni nên xả y Yết-sỉ-na, Thổ-la-Nan-đà muốn xả y phi thời nên nói với các ni: "Cần gì chứa cất y này, hãy cùng xả đi, còn đợi đến khi nào", các ni nghe khuyên nên cùng xả. Sau đó mỗi người mang năm y du hành trong nhân gian, các ni khác hỏi:" các cô không có trương y Yết-sỉ-na hay sao?", đáp là trương rồi, các ni kia liền hỏi: "Nếu đã trương y rồi sao còn mang theo năm y đi". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni xả y Yết-sỉ-na phi thời, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà và ni khác giống như vậy. Thời y Yết-sỉ-na là từ mười sáu tháng tám đến mười lăm tháng giêng, ngoài thời gian này thì gọi là phi thời. Xả là Bạch-nhị-yết-ma xả. Tướng phạm trong học xứ này là nếu tác pháp xả phi thời thì phạm Xả-đọa, nếu bị giặc cướp đoạt mang đi thì không phạm.

Học Xứ Thứ 23: ĐÚNG THỜI KHÔNG XẢ Y YẾT SỈ NA

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, như Phật đã dạy đúng thời các ni nên xả y Yết-sỉ-na nhưng Thổ-la-Nan-đà lại không chịu xả. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đúng thời xả y Yết-sỉ-na mà lại không chịu xả thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ 24: XIN VÀNG

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó có một người thợ vàng cưới vợ chưa bao lâu, không biết người vợ có thể trông coi việc nhà được hay không nên muốn thử, liền để chiếc kim hoàn ở chỗ người vợ rồi đi. Sau đó có Ni-thổ-la-nan-đà đến nhà khất thực, người vợ vào trong nhà lấy thức ăn ra sớt vào bát cho Bí-sô ni, Thổ-la-Nan-đà thấy chiếc kim hoàn liền nói với người vợ của người thợ vàng: "Hiền thủ hãy cho tôi chiếc kim hoàn này", người vợ nghe rồi im lặng, Thổ-la-Nan-đà cho là người vợ kia chịu cho, liền lấy chiếc kim hoàn đi. Sau đó người thợ vàng trở về hỏi vợ chiếc kim hoàn đâu, người vợ nói: "Người xuất gia mới đến đã lấy đi rồi", người thợ vàng chạy theo đòi lại, Thổ-la-Nan-đà nói: "Hiền thủ, nếu không có người

trao thì tôi đâu dám lấy", người thợ vàng nói: "Hãy trả vàng lại cho tôi", Thổ-la-Nan-đà liền bỏ chiếc kim hoàn vào miệng, người thợ vàng liền móc trong miệng ra để lấy lại chiếc kim hoàn rồi đủ lời chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cầu xin vàng bạc, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà và ni khác giống như vậy. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 25: LẤY TIỀN NHUỘM Y DÙNG CHO ĂN UỐNG

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó năm y của Thổ-la-Nan-đà cũ rách, khi đến nhà của phu nhơn Thắng man khất thực, phu nhơn trải tòa mời ngồi, Thổ-la-Nan-đà nói pháp rồi im lặng, phu nhơn hỏi: "Vì sao lại mặc y cũ rách như thế?", Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi đâu có chồng con lo cho tôi y phục", phu nhơn nghe nói thế liền xin cúng năm y, Thổ-la-Nan-đà nói: "Tuy có phước dâng cúng nhưng không có phước thọ dụng, tôi cần có tiền để may và nhuộm y", phu nhơn liền cúng thêm tiền để may và nhuộm y. Thổ-la-Nan-đà nhận vải và tiền rồi đem bán vải lấy tiền để dùng cho việc ăn uống chớ không may y. Thời gian sau lại

mặc y cũ rách đến nhà của phu nhơn Thắng man, phu nhơn hỏi tại sao vẫn còn mặc y cũ rách, Thổ-la-Nan-đà liền nói: "Xin hãy tùy hỉ sẽ được lìa tám nạn. Tiền phu nhơn thí trước kia đã để vào Vô tận tạng", phu nhơn hỏi: "Vải đã thí dùng làm gì?", Thổ-la-Nan-đà nói: "Đã đem bán để dùng cho việc ăn uống, đối với tôi chỉ cần che thân bằng y phấn tảo là đủ rồi, cần gì phải mặc y phục sạch đẹp". Phu nhơn nghe biết rồi liền chê trách: "Tại sao lợi của năm y lại đem dùng cho việc ăn uống?". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni lấy tiền nhuộm y dùng cho việc ăn uống, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đế-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà và ni khác giống như vậy. Dùng cho việc ăn uống là lấy tiền bán vải được thí để đổi lấy hai loại của năm món thức ăn Kha-đãn-ni và Bồ-thiện-ni.

Học Xứ Thứ 26: LẤY LỢI Y RIÊNG DÙNG CHO VIỆC ĂN UỐNG

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Ni-thổ-la-nan-đà đắp y cũ rách đến các nhà trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn nói pháp, họ hỏi tại sao lại mặc y cũ rách như thế, liền nói: "Tôi đâu có chồng con lo cho tôi y phục", họ nghe rồi liền tùy hỉ dâng cúng, có người cho tơ, có người cho tiền

để mua vải, có người cho tiền để may, có người cho tiền để nhuộm. Thổ-la-Nan-đà nhận hết rồi dùng cho việc ăn uống chớ không dùng Để-sắm y, thời gian sau vẫn mặc y cũ rách đến nhà họ, họ hỏi nguyên do và đáp cũng giống như giới trên nên bị họ chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được lợi y riêng lại đem dùng cho việc ăn uống thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ 27: LẤY LỢI CỦA NGỌA CỤ DÙNG CHO VIỆC ĂN UỐNG

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà đang ở trong chùa có vợ chồng trưởng giả đến thăm, Thổ-la-Nan-đà nói pháp cho họ nghe khiến họ sanh Hoan-hỉ tín kính nói rằng: "Thánh giả cần gì cứ nói, chúng tôi sẽ dâng cúng", đáp là cần ngọa cụ, trưởng giả liền đưa tiền Để-sắm ngọa cụ, Thổ-la-Nan-đà nhận tiền rồi đem dùng cho việc ăn uống. Thời gian sau đến nhà trưởng giả, trưởng giả hỏi ngọa cụ đã làm xong chưa, liền nói: "Thân nhơ nhớp này tùy nghi thọ dụng, cần gì phải làm ngọa cụ tốt mới", họ nghe rồi liền chê trách: "Tại sao lợi của ngọa cụ lại đem

dùng cho việc ăn uống". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được lợi của ngọa cụ lại đem dùng cho việc ăn uống thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ 28: LẤY TIỀN CẤT CHÙA DÙNG CHO VIỆC ĂN UỐNG

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà suy nghĩ: "Chùa ta đang ở đã bị hư hoại, ai sẽ tu bổ", sau đó có vợ của các trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn đến kính lễ, Thổ-la-Nan-đà nói pháp cho họ nghe rồi dẫn họ đi tham quan chùa để chỉ những chỗ bị hư hoại. Các người nữ này thấy rồi đều muốn tu bổ nên mỗi người đều bớt chút tiền của mình tịnh tâm dâng cúng cho Thổ-la-Nan-đà để tu bổ lại chùa, nhưng Thổ-la-Nan-đà lại lấy tiền này dùng cho việc ăn uống. Thời gian sau họ đến chùa vẫn như cũ liền hỏi tại sao chưa tu bổ, Thổ-la-Nan-đà nói: "Phòng nhỏ, am thất cũng đủ để yên ở, cần gì phải tu bổ cho đẹp", họ nghe rồi liền chê trách: "Tại sao lại lấy lợi vật của tăng kỳ dùng cho việc ăn uống". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ

như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được tiền cúng để cất chùa lại đem dùng cho việc ăn uống thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ 29: LẤY LỢI CỦA NHIỀU NGƯỜI ĐEM VỀ CHO MÌNH

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, như Thế tôn dạy cứ năm, sáu năm có đại hội một lần, lúc đó có nhiều Bí-sô ni đến, Ni-thổ-la-nan-đà do duyên này vào thành Thất-la-phiệt đến nhà của các trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn xin được nhiều lợi vật cho chúng ni, sau đó lại hồi chuyển đem về cho riêng mình. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được lợi của nhiều người lại hồi chuyển đem về cho riêng mình thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Giải thích và tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ 30: LẤY LỢI VẬT CỦA TĂNG HỒI CHUYỂN VỀ CHO MÌNH

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó các Bí-sô ni an cư ba tháng, Ni-thổ-la-nan-đà nhân lễ Tùy ý đến nhà thế tục xin được nhiều

phẩm vật cho chúng ni an cư, sau đó lại hồi chuyển đem về cho riêng mình khiến các thế tục chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được lợi vật của Tăng kỳ lại hồi chuyển đem về cho riêng mình thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Giải thích và tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ 31: MUA THUỐC BUỘC RỒI MỞ

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó ni Châu-kế-Nan-đà đối với nam tử bán hương có tâm ái nhiễm, khi đến cửa hàng mua thuốc, mua xong buộc lại rồi mở ra, mở ra rồi buộc lại để cùng nam tử trò chuyện thọ lạc. Các ni khuyên can không nên làm như thế nhưng Châu-kế-Nan-đà không chịu nghe theo. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đã mua các loại thuốc, mua xong buộc lại rồi mở ra, mở ra rồi buộc lại để chuyện trò thọ lạc.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Châu-kế-Nan-đà. Tướng phạm trong đây là hễ có buộc mở đều phạm Đọa.

Học Xứ Thứ 32: THỌ TRÌ Y DẦY QUÝ GIÁ

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó vua Thắng-quang nước Kiều-tát-la ban cho tướng quân Chấp kích chiếc y dày quý giá, tướng quân đem y này cúng cho ni Pháp dự, Pháp dự đem để trên giá y. Châu-kế-Nan-đà vào phóng Pháp dự lễ bái nhìn thấy y liền hỏi có từ đâu, Pháp dự nói: "Tướng quân Chấp kích cúng cho tôi", Châu-kế-Nan-đà nói: "Thánh giả phước nhiều nên được nhơn thiên cúng dường", Pháp dự hỏi: "Cô thích y này phải không?", Châu-kế-Nan-đà nói: "Thánh giả, hoa héo nơi thần miếu thì nên bỏ", Pháp dự nghe rồi biết ý nên lấy y đưa cho Châu-kế-Nan-đà. Châu-kế-Nan-đà được y liền mặc đi vào thành khất thực, người tục nhìn thầy đều phê bình chê trách: "Xem ra cô ni này còn đam mê dục lạc, tại sao lại mặc thượng phục của vua đi du hành khắp nơi?". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni thọ trì y dày quý giá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đế-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Châu-kế-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Y dày quý giá: Y dày là một trăm lượng, quý giá là hai mươi Ca-lợi-sa-ba-noa hoặc hơn, y này gọi là y Tế ca thi hoặc

là y Thượng quyên. Tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 33: THỌ TRÌ Y MỎNG QUÝ GIÁ

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó vua Thắng-quang đem y mỏng quý giá ban cho phu nhơn Thắng man, phu nhơn đem y này cúng cho Đại-thế-chủ, Đại-thế-chủ để y trên giá y, Châu-kế-Nan-đà vào phòng kính lễ thấy y hỏi đáp giống như giới trên. Châu-kế-Nan-đà sau khi được y này liền mặc đi vào thành khất thực bị người tục phê bình chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni thọ trì y mỏng quý giá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Châu-kế-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Y mỏng quý giá: Y mỏng là năm lượng, quý giá là hai mươi Ca-lợi-sa-ba-noa hoặc hơn. Tướng phạm như trên.

Các đại đức, tôi đã nói ba mươi ba pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca rồi, nay hỏi các đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Trong đây thanh tịnh vì im lặng, tôi xin nhớ giữ như thế.

IV. BA DẬT ĐỂ CA

Các đại đức, đây là một trăm tám mươi pháp Ba-dật-để-ca mỗi nửa tháng nói một lần từ trong

Giới kinh rút ra.

Nhiếp Tụng Một:

Vọng, chê bai, ly gián,
Phát cử, nói, đồng tiếng,
Nói tội, được thượng pháp,
Theo thân quen, khinh giới.

Học Xứ Thứ Nhất: CỐ Y NÓI DỐI

Phật ở trong Trúc-lâm, bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương-xá, lúc đó cụ thọ La-hổ-la ở trong rừng Ôn-tuyền bên thành này khi có cư sĩ, Bà-la-môn kính tín đến hỏi Thế tôn nay ở đâu. Nếu lúc đó Thế tôn ở trong Trúc-lâm thì La-hổ-la nói là ở núi Linh-thứu, nếu Thế tôn ở Linh-thứu thì La-hổ-la nói là ở Trúc-lâm… khiến cho mọi người muốn đến đảnh lễ Phật đều không thể gặp được, lại còn mỏi mệt khổ nhọc. Sau đó họ trở lại chỗ La-hổ-la, La-hổ-la hỏi có gặp Thế tôn không, họ nói: "Không gặp, tại sao Thánh giả cố ý xúc não chúng tôi?", đáp: "Quả là tôi đã cố ý xúc não các vị". Mọi người nghe rồi đều chê trách, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nghe rồi sáng sớm đắp y mang bát vào thành Vương-xá theo thứ lớp khất thực rồi trở về bổn xứ thọ thực. Sau đó đến chỗ La-hổ-la trong rừng Ôn-tuyền, La-hổ-la thấy Phật đến trải tòa, để nước rửa nghinh đón Phật, Phật ngồi xuống tự rửa chân, rửa xong nghiêng chậu nước rửa đổ bỏ, chỉ chừa lại một chút nước trong chậu rồi hỏi La-hổ-

la: "Con có thấy chút ít nước trong chậu không?", đáp là thấy, Phật nói: "Này La-hổ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói vọng, không hổ thẹn cũng không truy hối, Như lai gọi đó là người ngu và là người thiếu pháp sa môn", nói rồi trút đổ hết xuống đất hỏi La-hổ-la: "Con có thấy chút nước trong chậu đổ hết ra đất không?", đáp có thấy, Phật nói: "Này La-hổ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hối, Như lai gọi đó là người ngu và là người bỏ mất hết pháp sa môn", nói rồi Thế tôn đá chậu nghiêng ngửa ra đất hỏi La-hổ-la: "Con có thấy chậu bị đá nghiêng ngửa ra đất không?", đáp có thấy, Phật nói: "Này La-hổ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hối, Như lai gọi đó là người ngu, là người làm nghiêng đổ pháp sa môn", nói rồi Phật úp chậu xuống đất hỏi La-hổ-la: "Con có thấy chậu bị úp xuống đất không?", đáp có thấy, Phật nói: "Này La-hổ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối, không hổ thẹn cũng không truy hối, Như lai gọi đó là người ngu đã lật úp pháp sa môn. Này La-hổ-la, như con voi chúa say rượu có sức mạnh, cặp ngà của nó như càng xe mập khỏe khéo hay chiến đấu, khi ra chiến trường chiến đấu với đối phương thì bốn chân, cặp ngà, đuôi, xương sống, xương hông đều có tác dụng, chỉ trừ cái vòi thì nó cuốn lại không đem ra dùng. Này La-hổ-la, con voi này vì bảo vệ tính mạng nên không dùng cái vòi để quật ngã đối thủ. Người điều khiển quân voi liền

biết con voi này vì hộ tiếc thân mạng. Này La-hổ-la, nếu con voi khi cùng đối phương chiến đấu dùng cái vòi để tranh tài thì người điều khiển voi biết con voi này không tiếc thân mạng, khi sáp trận sẽ tàn hại, không việc ác nào là không làm. Cũng như vậy này La-hổ-la, nếu có Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hối, Như lai nói người như vậy không việc ác nào là không làm". Thế tôn liền nói kệ:

"Người nào trái thật pháp,
Cố nói lời hư dối,
Cho đến khi mạng chung,
Không ác nào không làm.
Thà nuốt hòn sắt đỏ,
Cũng như lửa cháy hừng,
Không dùng miệng phá giới,
Ăn thức ăn tín tâm".

Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới. Lúc đó ở thành Thất-la-phiệt Ni-thổ-la-nan-đà cố ý nói dối, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cố ý nói dối, phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Cố ý là tâm biết rõ

việc kia không thật. Vọng ngữ có chín loại, tám loại, bảy loại, sáu, năm, bốn, ba, hai loại vọng ngữ sai khác nhau. Chín loại vọng ngữ là dùng vô căn Tha-thắng, Tăng-già-phạt-thi-sa, Ba-dật-để-ca, Đề-xá-ni, Đột-sắc-ngật-lý-đa; dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng để vọng ngữ. tám loại vọng ngữ là dùng vô căn Tha-thắng, Tăng-già-phạt-thi-sa, Ba-dật-để-ca, Đề-xá-ni, Đột-sắc-ngật-lý-đa; dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. Bảy loại vọng ngữ là dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng; dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. sáu loại vọng ngữ là Bí-sô ni muốn vọng ngữ nghĩ rằng ta sẽ vọng ngữ; khi đang vọng ngữ nghĩ rằng ta đang vọng ngữ; khi đã vọng ngữ nghĩ rằng ta đã vọng ngữ; dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. năm loại vọng ngữ là dùng vô căn năm bộ tội để vọng ngữ. Bốn loại vọng ngữ là dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng. Ba loại vọng ngữ là nghĩ rằng ta sẽ vọng ngữ, ta đang vọng ngữ và ta đã vọng ngữ. hai loại vọng ngữ là nghĩ rằng ta đang vọng ngữ và ta đã vọng ngữ. Không có một loại mà thành vọng ngữ.

Lại có năm loại vọng ngữ là tự mình có vọng ngữ phạm Ba-la-thị-ca, hoặc phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, hoặc phạm Tốt-thổ-la-để, hoặc phạm Ba-dật-để-ca, hoặc phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa. Sao gọi là vọng ngữ phạm Ba-la-thị-ca? Bí-sô ni thật

không chứng được pháp thượng nhơn mà tự xưng là đã chứng. Sao gọi là vọng ngữ phạm Tăng-già-phạt-thi-sa? Bí-sô ni biết Bí-sô ni kia thanh tịnh không phạm, dùng pháp vô căn Tha-thắng để hủy báng. Sao gọi là vọng ngữ phạm Tốt-thổ-la-để? Bí-sô ni ở trong chúng cố tâm vọng ngữ, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật, luật nói là phi luật… Sao gọi là vọng ngữ phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa? Bí-sô ni mỗi nửa tháng làm lễ Bao-sái-đà, khi tụng giới kinh được hỏi có thanh tịnh không, mình thật không thanh tịnh, tự biết có phạm khởi tâm che giấu ngồi im lặng. Ngoài bốn loại vọng ngữ kể trên, các loại vọng ngữ khác đều phạm Ba-dật-để-ca. Ba-dật-để-ca nghĩa là đọa lạc, bị đốt nấu trong ba đường ác. Tội này nếu không ân cần nói tội sám trừ thì có thể chướng ngại pháp lành đã có.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni không thấy, không nghe, không giác tri, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy nói rằng: Tôi thấy nghe, giác tri. Khi nói như vậy mỗi lời đều phạm Ba-dật-để-ca. Nếu Bí-sô ni từng thấy nghe, giác tri mà quên, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy, không nhớ việc đó mà nói là không quên thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-để-ca. Nếu Bí-sô ni thật thấy nghe, giác tri sau sanh nghi, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy mà nói là thấy nghe giác tri không có nghi thì mỗi lời nói đều

phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô ni thật không thấy nghe giác tri mà tưởng là thấy nghe giác tri nói rằng tôi thật có thấy nghe giác tri thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu Bí-sô ni thật không thấy nhưng có nghe giác tri, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi thấy nhưng không có nghe giác tri thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô ni thật không nghe nhưng có thấy giác tri, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi nghe nhưng không có thấy giác tri thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu Bí-sô ni thật không có giác (hiểu) nhưng có thấy nghe và tri (biết), khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi có hiểu nhưng không có thấy nghe biết thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu Bí-sô ni thật không biết nhưng có thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi biết nhưng không thấy nghe và hiểu thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội.

Nếu thật thấy mà quên còn nghe hiểu biết không quên, khởi tưởng như vậy; sau nói rằng tôi thấy không quên, nghe hiểu biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật nghe mà quên còn thấy hiểu biết không quên, khởi tưởng như vậy; sau nói rằng tôi nghe không quên, thấy hiểu biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật hiểu mà quên còn thấy nghe biết

không quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu không quên, thấy nghe biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật biết mà quên còn thấy nghe hiểu không quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết không quên, thấy nghe hiểu cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội.

Nếu thật thấy mà nghi còn nghe hiểu biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi thấy không nghi, còn nghe hiểu biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật nghe mà nghi còn thấy hiểu biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi nghe không nghi, còn thấy hiểu biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật hiểu mà nghi còn thấy nghe biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu không nghi còn thấy nghe biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật biết mà nghi còn thấy nghe hiểu không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết không nghi còn thấy nghe hiểu có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội.

Nếu thật không thấy khởi tưởng không thấy, còn nghe hiểu biết tưởng có nghe hiểu biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi thấy nhưng không có nghe hiểu biết thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật không nghe khởi tưởng không nghe nhưng khởi tưởng có thấy hiểu biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng không có thấy hiểu biết

thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật không hiểu khởi tưởng không hiểu nhưng khởi tưởng có thấy nghe biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu nhưng không có thấy nghe biết thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật không biết khởi tưởng không biết nhưng khởi tưởng có thấy nghe hiểu; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết nhưng không có thấy nghe hiểu thì khi nói phạm bổn tội.

Nếu thật thấy nghe hiểu biết mà không quên việc kia, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nghe hiểu biết nhưng lại quên việc kia thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật thấy nghe hiểu biết không sanh nghi tâm, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nghe hiểu biết nhưng sanh nghi tâm thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật thấy nghe hiểu biết tưởng có thấy nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không có thấy nghe hiểu biết thì khi nói phạm bổn tội.

Nếu thật thấy nhưng không có nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không thấy nhưng có nghe hiểu biết thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật nghe nhưng không có thấy hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không nghe nhưng có thấy hiểu biết thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật hiểu mà không có thấy nghe biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không hiểu nhưng có thấy nghe biết thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật biết mà không thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy sau

nói rằng tôi không biết nhưng có thấy nghe hiểu thì khi nói phạm bổn tội.

Nếu thật thấy không quên còn nghe hiểu biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nhưng quên, còn nghe hiểu biết không quên thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật nghe không quên còn thấy hiểu biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng quên, còn thấy hiểu biết không quên thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật hiểu không quên còn thấy nghe biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có hiểu nhưng quên còn thấy nghe biết không quên, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật biết không quên còn thấy nghe hiểu lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có biết nhưng quên còn thấy nghe hiểu không quên, khi nói phạm bổn tội.

Nếu thật thấy không nghi còn nghe hiểu biết có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nhưng nghi còn nghe hiểu biết không nghi, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật nghe không nghi còn thấy hiểu biết có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng nghi còn thấy hiểu biết không nghi, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật hiểu không nghi còn thấy nghe biết có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có hiểu nhưng nghi còn thấy nghe biết không nghi, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật biết không nghi còn thấy nghe hiểu có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có biết nhưng

nghi còn thấy nghe hiểu không nghi, khi nói phạm bổn tội.

Nếu thật thấy tưởng có thấy nhưng tưởng không nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không thấy nhưng có nghe hiểu biết, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật nghe tưởng có nghe nhưng tưởng không thấy hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không nghe nhưng có thấy hiểu biết, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật hiểu tưởng có hiểu nhưng tưởng không thấy nghe biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không hiểu nhưng có thấy nghe biết, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật biết tưởng có biết nhưng tưởng không thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không biết nhưng có thấy nghe hiểu, khi nói phạm bổn tội. Nếu Bí-sô ni nói trái với tâm nghĩ đều phạm Ba-dật-đề-ca, không nói trái với tâm nghĩ thì không phạm.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 12

Học Xứ Thứ Hai: CHÊ BAI MAI MỈA

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô chê bai mai mỉa các Bí-sô như nói: "Thầy mắt chột, lưng gù, quá cao, quá lùn, quá mập, hoặc điếc, mù, câm, ngọng, chân què đi chống nạng, răng hô, môi sệ…", khiến các Bí-sô này hổ thẹn không vui, bỏ phế việc tụng niệm tư duy. Các Bí-sô thiểu dục liền chê trách: "Tại sao Bí-sô lại chê bai mai mỉa Bí-sô, nói thầy mắt chột

… giống như đoạn văn trên", bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ chúng hỏi sự thật, quở trách Lục chúng… cho đến câu: "… Đây không phải là việc làm của một sa môn, vì sao? Các thầy hãy lắng nghe:

Ngày xưa trong một tụ lạc nọ có một trưởng giả cưới vợ thời gian không lâu sau sanh được mười một con gái dần dần lớn khôn. Trưởng giả phải tự mình cày ruộng, lúc đó có một cư sĩ tử, cha mẹ đều

qua đời, thường vào rừng đốn củi đem bán để tự nuôi sống, khi gánh củi tới một gốc cây dừng nghỉ liền thấy trưởng giả đang tự mình cày ruộng nên đến hỏi: "Cậu đã già yếu, tại sao lại tự cày ruộng cực khổ như thế?", đáp: "Này cháu, ta không có anh em cũng không có con trai nếu không tự cày ruộng thì làm sao có cơm ăn", cư sĩ tử nói: "Để cháu cày thay cho, cậu hãy nghỉ tay một chút". Trưởng giả vui vẻ đưa cái cày cho chàng trai cày thay, đến trưa người nhà mang cơm nước đến, trưởng giả bảo chàng trai cùng ăn, ăn xong chàng trai nói: "Cậu hãy về nghỉ để cháu cày luôn đến chiều, nhưng cháu không biết nhà cậu, chiều tối cậu cho người ra đầu thôn đón cháu", trưởng giả nghe vậy liền về nhà nghỉ, chàng trai cày đến chiều, thả bò cho ăn cỏ rồi gánh củi lùa bò trở về, đến đầu thôn đã thấy trưởng giả đứng đón dẫn chàng trai về nhà. Về đến nhà chàng trai quét dọn chuồng bò, rải rơm khô rồi bỏ cỏ cho bò ăn, trưởng giả thấy chàng trai siêng năng chịu khó như vậy liền suy nghĩ: "Ta nhờ chàng trai này mà được thảnh thơi, ta nên gả con gái cho nó". Ăn tối xong, trưởng giả nói: "Này cháu, cháu hãy ở đây siêng năng chịu khó coi ngó gia nghiệp, ta sẽ gả đưa con gái của ta cho cháu làm vợ", chàng trai nói: "Nếu được như vậy thì cháu thật tốt phúc". Từ đó chàng trai hết mình phục vụ cho sanh nghiệp của gia đình trưởng giả, trưởng giả có nuôi hai con bò, con lớn

bẩm tánh hiền lành, con nhỏ tánh ham ăn, tuy đã xỏ mũi vẫn tìm cách ăn lúa bắp của người nên bị đồng tử chăn giữ ném đá đánh đuổi làm gãy mất một cái sừng, do đó nó có tên là con bò gãy sừng; thời gian sau nó lại ăn lúa bắp của người bị người chăn giữ quăng cái liềm chặt đứt cái đuôi của nó, từ đó nó được gọi là con bò gãy sừng cụt đuôi. Trải qua một thời gian, chàng trai nhắc trưởng giả về hôn nhân mà ông đã hứa, trưởng giả nghe rồi liền bảo vợ: "Hiền thủ hãy sắm sửa y phục và chuỗi anh lạc cho con gái, không bao lâu nữa sẽ gả con gái lấy chồng", người vợ liền hỏi gả cho ai, trưởng giả nói: "Tôi đã hứa gả cho cư sĩ tử", người vợ nói: "Tông tộc của cư sĩ tử này vốn không biết rõ, tại sao lại đem con gái gả cho nó. Bàn chuyện hôn nhân thì thân thuộc phải qua lại mời nhau ăn uống, dòng họ có tương ưng tôi mới chịu gả con", trưởng giả nói: "Hiền thủ, cư sĩ tử này từ ngày đến nhà ta đã siêng năng chịu khó làm hết mọi việc nên tôi mới được thảnh thơi", người vợ nói: "Tôi thật không thể gả con cho một gã làm thuê, xóm giềng sẽ nhiều lời mai mỉa". Trưởng giả nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu ta nói không gả con gái thì chàng trai này sẽ bỏ đi, ta sẽ phải cực khổ như trước, ta nên dối lập phương tiện", nghĩ rồi liền nói với chàng trai: "Này cháu, họ hàng thân tộc của ta rất đông, khi tụ về dự lễ cưới ắt phải cần nhiều thức ăn thức uống, vậy cháu hãy đợi mùa thu lúa chín". Sau vụ

lúa mùa thu chàng trai lại nhắc việc hôn nhân, trưởng giả nói: "Cháu hãy đợi đến mùa mía", thu hoạch mía xong chàng trai lại nhắc, trưởng giả lại nói: "Hãy đợi đến mùa lúa mạch", thu hoạch lúa mạch xong chàng trai lại nhắc, trưởng giả lại bảo hãy đợi đến mùa lúa mới, chàng trai thấy trưởng giả cứ hẹn lần hẹn lữa liền suy nghĩ: "Hết hẹn mùa lúa tới hẹn mùa mía… xem ra đều là lừa gạt ta, ta nên nói cho mọi người trong thôn biết, nếu không được ta kiện lên quan". Nghĩ rồi liền nói cho mọi người trong thôn biết, mọi người nghe rồi liền đến hỏi trưởng giả: "Ông đã hứa gả con sao không chịu làm lễ thành hôn cho chúng nó?", trưởng giả nghe rồi nổi giận nói: "Chàng trai đó là người làm công, lẽ nào tôi lại hứa gả con cho người làm công như nó".

Mọi người nghe rồi đều im lặng, cư sĩ tử suy nghĩ: "Ta không được tiền công lại không được vợ, thật là luống uổng thời gian mà chẳng được gì. Nay ta phải gây tổn hại gì cho họ rồi mới ra đi". Nghĩ rồi đến giữa trưa chàng trai lùa hai con bò ra ngoài đánh đập khổ sở rồi cột vào gốc cây cho phơi nắng. Thời đó súc vật hiểu được lời nói của người nên nói với cư sĩ tử: "này chàng trai, trước đây ông biết được sự khó nhọc của chúng tôi nên thương tưởng, ân đồng như cha mẹ, sao nay lại đánh đập chúng tôi khổ sở còn cột chúng tôi vào gốc cây cho phơi nắng như thế này, chúng tôi có lỗi gì với ông?", cư

sĩ tử nói: "Các ngươi không có lỗi gì nhưng chủ của ngươi có lỗi với ta", bò hỏi: "Chủ tôi có lỗi gì?", đáp: "Ông ta trước hứa gả con gái cho ta nay lại nuốt lời", bò nói: "Sao ông không kiện lên quan?", đáp: "Vì không có người làm chứng", bò nói: "Chúng tôi sẽ làm chứng cho ông", chàng trai hỏi: "Ngươi có nói được tiếng người không?", bò nói: "Chúng tôi không nói được tiếng người nhưng chúng tôi sẽ hiện tướng khiến cho người ta hiểu. Ông phải ở trước quan thề cho họ tin, sau đó đưa chúng tôi đến làm chứng. Ông hãy nhốt chúng tôi vào chuồng đừng cho ăn cỏ uống nước đủ bảy ngày rồi thả chúng tôi ra chỗ có nhiều cỏ nước để cho họ thấy và tin chúng tôi vẫn không chịu ăn cỏ uống nước, chúng tôi sẽ hiện tướng để vua quan tin lời ông nói là sự thật, lúc đó chúng tôi mới ăn uống lại". Chàng trai nghe rồi liền thả bò ra lùa chúng đến chỗ cỏ xanh tươi để nó ăn no rồi mới lùa chúng về chuồng. Sau đó chàng trai đến chỗ vua tâu rằng: "Đại vương, tại thôn có ông trưởng giả tên đã hứa gả con gái cho tôi để tôi cực khổ làm việc nhiều năm nay, nay lại nuốt lời không chịu gả". Nhà vua cho gọi ông trưởng giả đến hỏi rõ thực hư, trương giả nói không có hứa như vậy, vua hỏi cư sĩ tử: "Ngươi có người làm chứng không?", đáp: "Có, là hai con bò nuôi trong nhà trưởng giả", vua hỏi: "Chúng có nói được tiếng người không?", đáp: "Chúng không nói được tiếng người, nhưng chúng

có thể hiện tướng khiến người hiểu được, hai con bò làm chứng này đem nhốt trong chuồng bảy ngày không cho ăn uống, đủ bảy ngày thả ra ở chỗ có cỏ nước, nó vẫn không ăn uống và hiện tướng cho đến khi nào đại vương tin, nó mới chịu ăn uống. Nếu tôi nói hư dối tôi xin chịu tội tử". Nhà vua bảo đại thần: "Hãy y theo lời nói của chàng trai để chúng nghiệm thật hư". Đại thần tuân lịnh đem hai con bò nhốt trong chuồng không cho ăn uống, lúc đó con bò gãy sừng cụt đuôi nói với con bò lớn: "Tại sao chúng ta phải nhận lấy hạn kỳ bảy ngày ở trong chuồng không được ăn uống gì", bò lớn nói: "Chúng ta đã hứa với chàng trai làm chứng, tự nhịn đói nhịn khát cho đến khi nào vua tin lời chàng trai nói", bò gãy sừng cụt đuôi nói: "Nếu được thả ra gặp đá tôi cũng nuốt huống chi là cỏ nước", bò lớn nói: "Chàng trai đã thương tưởng chúng ta như cha mẹ, chúng ta không thể làm trái lời đã hứa", bò gãy sừng cụt đuôi nói: "Tuy có ái niệm nhưng chàng ta vẫn thường gọi tôi là bò gãy sừng cụt đuôi, tôi không thích". Đủ bảy ngày hai con bò được thả ra chỗ có nhiều cỏ nước, vua và đại thần đều đến xem hai con bò hiện tướng gì làm chứng. Lúc con bò gãy sừng cụt đuôi muốn ăn cỏ uống nước, con bò lớn liền đưa cặp sừng làm cho mũi của bò nhỏ hổng lên trời, vua thấy vậy hỏi đại thần: "Chúng hiện tướng như vậy là ý gì?", đại thần là người có trí tâu vua: "Ý chúng muốn nói sự việc đó không chỉ hai

chúng nó làm chứng mà vị hộ thế thứ năm cũng làm chứng". Nhà vua thấy việc hy hữu này rồi liền bảo các đại thần: "Súc sanh là loài vô tri thức còn vì người làm chứng sự việc hứa hôn không phải là hư dối. Nay ta tác thành cho chàng trai và con gái của trưởng giả thành chồng vợ".

Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên biết loài bàng sanh nghe chê bai còn không thích huống chi loài người. Từ nay các thầy không được dùng ác ngữ chê bai mai mỉa người khác". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới, Phật lại bảo các Bí-sô: "Khi nói lời chê bai mai mỉa người khác thì việc đã làm trong đời hiện tại không thể thành tựu". Các thầy lắng nghe:

Ngày xưa, trong một thôn nọ có ông trưởng giả làm nghề đánh xe, nuôi hai con bò cái để kéo xe, một con tên Hoan-hỉ, một con tên Mỹ-vị. Thời gian sau cả hai con bò đều sanh được một con dần dần khôn lớn, con của bò Hoan-hỉ có sừng dài nên được gọi là Hoan-hỉ sừng dài; con của bò Mỹ-vị đầu trọc không sừng nên được gọi là Mỹ-vị trọc đầu, cả hai con bò này đều mập mạnh như nhau. Một hôm nhóm người đánh xe cùng cho bò uống nước trong ao, một người nói: "Hãy thử xem bò của ai sức mạnh hơn", ai nấy đều nói bò của mình sức mạnh hơn, trưởng giả nói: "Bò của tôi có sức mạnh hơn hết", mọi người hỏi: "Làm sao biết được bò của ông có sức mạnh hơn hết?", trưởng giả nói: "Bò tôi

có thể kéo được một xe nặng lên sườn dốc". Mọi người nghe rồi liền đánh cược với trưởng giả năm trăm kim tiền rồi cho hai con bò kéo chiếc xe nặng lên sườn dốc, trưởng giả quát hai con bò: "Hoan-hỉ sừng dài kéo nhanh lên, Mỹ-vị trọc đầu kéo nhanh lên". Lúc đó con bò trọc đầu nghe kêu mình là trọc đầu nên không vui liền đứng yên không chịu kéo xe lên. Trưởng giả thua cuộc mất năm trăm kim tiền nên nổi giận đánh đập hai con bò tàn nhẫn, rồi cột bên gốc cây cho phơi nắng. Bò sừng dài nói với trưởng giả: "Trước đây ông thương tưởng chúng tôi như cha mẹ, nay tôi có lỗi gì mà ông lại đối xử như vậy?", trưởng giả nói: "Do hai ngươi không chịu kéo xe lên sườn dốc nên ta thua mất năm trăm kim tiền", bò sừng dài nói: "Do ông tạo khẩu nghiệp chớ chúng tôi có lỗi gì ", trưởng giả hỏi: "Ta đã tạo khẩu nghiệp gì?", bò trọc đầu nói: "Trước mọi người ông lại quát kêu tôi là trọc đầu, tôi không thích, nếu ông gọi tôi bằng tên gọi trìu mến hơn thì tôi mới vui vẻ kéo xe lên sườn dốc. Lần sau ông đánh cược lại gấp đôi tiền lần trước, chúng tôi sẽ kéo xe lên sườn núi bù lại số tiền thua cuộc lần này". Thời gian sau trưởng giả lại đánh cược với nhóm người đánh xe, họ nói: "Ông muốn thua cuộc lần nữa hay sao?", trưởng giả nói: "Tôi thua thì các ông đâu có mất mát gì, lần này xe chở nặng hơn lần trước và tiền cá cược là một ngàn kim tiền". Mọi người nghe rồi bằng lòng đánh cược,

trưởng giả liền cho hai con bò kéo xe lên sườn dốc và cổ vũ chúng nó: "Hoan-hỉ nhanh lên nào, Mỹ-vị nhanh lên nào". hai con bò nghe cổ vũ với giọng trìu mến nên vui vẻ ra sức kéo xe lên sườn dốc, trưởng giả thắng cược thu về một ngàn kim tiền. Lúc đó thiên thần trên hư không nói kệ:

"Dù có chở nặng mấy,
Từ dưới kéo lên đồi,
Tâm hai bò nếu vui,
Cũng kéo được xe này.
Nếu nói lời thuận ý,
Hai bò nghe vui mừng,
Kéo xe lên không khó,
Giúp chủ thắng ngàn vàng,
Cho nên thường ái ngữ,
Đừng nói lời chối tai,
Vì khi nói ái ngữ,
Vô tội thường an vui".

Phật bảo các Bí-sô: "Loài bàng sanh nghe lời chê bai còn không vui giúp chủ huống chi là người, cho nên các Bí-sô không nên nói lời chê bai người khác". Phật quở trách Lục chúng Bí-sô rồi bảo các Bí-sô: "… Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni nói lời chê bai mai mỉa, phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Hủy tử ngữ là dùng lời chê bai mai mỉa người khác, nếu người kia hiểu được ưu sầu không vui thì Bí-

sô này phạm Ba-dật-đề-ca.

Tổng Nhiếp Tụng:

Chủng tộc và công xảo,
Nghiệp, tướng, bịnh là năm.
Tội và phiền não loại,
Ác mắng là sau cùng.
Biệt Nhiếp Tụng:
Dòng họ, dệt lông, may,
Sắt, đồng và làm da,
gốm và hớt tóc,
Làm mây tre, đầy tớ.

Nếu Bí-sô ni khởi ý chê bai đến Bí-sô ni thuộc dòng Bà-la-môn nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Bà-la-môn xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni thuộc dòng Sát-đế-lợi nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Sát-đế-lợi xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ác-tác. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni thuộc dòng Bệ-xá nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Bệ-xá xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đền chỗ

Bí-sô ni thuộc dòng Thú-đạt-la nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Thú-đạt-la xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ dệt nói rằng: "Cụ thọ là thợ dệt xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ dệt lông nói rằng: "Cụ thọ là thợ dệt lông xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ may nói rằng: "Cụ thọ là thợ may xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-để-ca. Như vậy cho đến là thợ làm đồ sắt, thợ làm đồ đồng, thợ làm đồ da, thợ làm đồ gốm, thợ hớt tóc, thợ điêu khắc, thợ làm đồ mây tre, làm đầy tớ… đều nói giống như trên nên biết. Đây là luận về chủng tộc.

Nếu Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni thuộc dòng Bà-la-môn nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Bà-la-môn xuất gia, nay chẳng phải sa môn,

chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học các công xảo và kỷ thuật của mình tức là oai nghi pháp thức đã có của Bà-la-môn như cầm bình tẩy tịnh và lấy tro đất, quy tắc đọc tụng, học thổi tiếng vò, tiếng bồng, học Tứ Vệ đà, học làm các phương pháp thí hội, thí thọ". Bí-sô mi kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ác-tác. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni thuộc dòng Sát-đế-lợi nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Sát-đế-lợi xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học các công xảo và kỷ thuật của mình tức là oai nghi pháp thức đã có của Sát-đế-lợi như cởi voi, ngựa, xe, cách cầm cung, cầm móc câu, cầm dây, học các động tác xoay chuyển tới lui, học các nghệ thuật bắn cung, đánh kiếm…". Bí-sô ni kia nhe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ác-tác. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni thuộc dòng Bệ-xá nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Bệ-xá xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học các công xảo của mình, tức là oai nghi pháp thức đã có của dòng Bệ-xá như cách cày ruộng, cách chăn trâu bò, cách mua bán giao dịch…". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đế-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni thuộc dòng Thú-đạt-la nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Thú-đạt-

la xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học các công xảo của mình, tức là oai nghi pháp thức đã có của dòng Thú-đạt-la như cách vận chuyển cây, củi, cách chăn nuôi cầm súc…". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-đề-ca.

Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ dệt nói rằng: "Cụ thọ là thợ dệt xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học công xảo của mình như cách dệt đại điệp, tiểu điệp, mền chăn…". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ dệt lông nói rằng: "Cụ thọ là thợ dệt lông xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học công xảo của mình như cách dệt thảm lớn, thảm nhỏ hoặc dày hoặc mỏng…". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ may nói rằng: "Cụ thọ là thợ may xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học công xảo của mình như cách may áo dài, quần dài, áo ngắn, quần ngắn…". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến

chỗ Bí-sô ni là thợ làm đồ sắt nói rằng: "Cụ thọ là thợ làm đồ sắt xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học công xảo của mình như cách làm bát sắt lớn nhỏ, làm kim, đao, búa rìu…". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca.

Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ làm đồ đồng nói rằng: "Cụ thọ là thợ làm đồ đồng xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học công xảo của mình như cách làm mâm đồng, bình đồng, chuông linh đồng…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ làm đồ da nói rằng: "Cụ thọ là thợ làm đồ da xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học công xảo của mình như cách làm giày da, giày ống phú la, dép…". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ làm đồ gốm nói rằng: "Cụ thọ là thợ làm đồ gốm xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học công xảo của mình như cách làm bình, chậu, lu, vại …". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Bí-sô ni khởi ý

chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ hớt tóc nói rằng:

"Cụ thọ là thợ hớt tóc xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học công xảo của mình như cách hớt đủ kiểu tóc, cắt móng tay, lấy ráy tai…". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ mộc nói rằng: "Cụ thọ là thợ mộc xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn . Cô nên học công xảo của mình như cách đóng giường, ghế, bàn, tủ…". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là thợ làm đồ mây tre nói rằng: "Cụ thọ là thợ làm đồ mây tre xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học công xảo của mình như cách làm chiếu, làm quạt, làm dù…". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni là đầy tớ nói rằng: "Cụ thọ là đầy tớ xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên học công xảo của mình như cách phục dịch cho người…". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-để-ca. Đây là luận về công xảo.

Nếu Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni

thuộc dòng Bà-la-môn nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Bà-la-môn xuất gia… chẳng phải Bà-la-môn. Cô nên làm các hành nghiệp của mình như tẩy tịnh… như đoạn văn trên". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này… giống như đoạn văn trên cho đến phạm Ác-tác. Như thế cho đến đầy tớ đều bảo làm theo nghề nghiệp của mình giống như đoạn văn trên cho đến phạm Ba-dật-đề-ca. Đây là luận về công việc.

Bí-sô ni khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô ni què chân nói rằng: "Cụ thọ là người què chân xuất gia, chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Như vậy cho đến chê bai mai mỉa các Bí-sô ni mắt chột, mù, điếc, câm, ngọng, gù lưng…, các Bí-sô ni kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô ni này phạm tội giống như trên. Đây là luận về hình tướng.

Bí-sô ni khởi ý chê bai mai mỉa đến chỗ Bí-sô ni mắc bịnh lại nói rằng: "Cụ thọ là người mắc bịnh lại xuất gia, chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô ni kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Như thế cho đến chê bai mai mỉa các Bí-sô ni mắc bịnh nan y, khó trị, truyền nhiễm…, các Bí-sô ni kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô ni này phạm tội giống như trên. Đây là luận

về bịnh hoạn.

Bí-sô ni khởi ý chê bai mai mỉa đến chỗ Bí-sô ni phạm tội Ba-la-thị-ca nói rằng: "Cụ thọ đã phạm tội Ba-la-thị-ca, chẳng phải Sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô ni kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Như thế cho đến chê bai mai mỉa các Bí-sô ni phạm tội Tăng-già-phạt-thi-sa, Tốt-thổ-la-đề, Ba-dật-đề-ca, Ba la đề Đề-xá-ni, Đột-sắc-ngật-lý-đa, các Bí-sô ni kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô ni này phạm tội giống như trên. Đây là luận về phạm tội.

Bí-sô ni khởi ý chê bai mai mỉa đến chỗ Bí-sô ni hay sân nói rằng: "Cụ thọ hay nổi sân, chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô ni kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Như vậy cho đến chê bai mai mỉa các Bí-sô ni có các phiền não như hận, phú, não, tật đố, xan tham, vô tàm, vô quý, tà kiến…, các Bí-sô ni kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô ni này phạm tội giống như trên. Đây là luận về phiền não.

Sao gọi là dùng lời thô ác mắng nhiếc? Tức là nói những lời thô bỉ khó nghe, Bí-sô ni kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô ni này phạm tội giống như trên. Không phạm là trong một trú xứ có nhiều Bí-sô ni trùng tên, hoặc khi hỏi người kia mà người kia không hiểu nên nói rằng:

"Bí-sô ni thuộc chủng loại như vậy… ", thì không phạm.

Học Xứ Thứ Ba: NÓI LY GIÁN

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Lục chúng Bí-sô đến các Bí-sô nói ly gián khiến cho các Bí-sô oán hận nhau, trong lòng ưu sầu không được an lạc trụ, bỏ cả việc tu tập chánh nghiệp, đọc tụng tư duy, tâm ái niệm trước đây đều do lời ly gián này mà đoạn tuyệt. Các Bí-sô thiểu dục chê trách rồi bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp hai bộ chúng hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni nói lời ly gián, phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Tổng Nhiếp Tụng:

Chủng tộc và công xảo,
Nghiệp, tướng, bịnh là năm,
Tội và phiền não loại,
Ác mắng là sau cùng.

Biệt Nhiếp Tụng:

Chủng tộc là bốn họ,
Cho đến dòng tôi tớ,
Công xảo việc đều đồng,
Tác nghiệp cũng như vậy,
Trong đó có tạp loại,
Thợ dệt, lông, làm kim,

Thợ sắt và khắc đồng,
Nghề da và nghề gốm,
Hớt tóc và nghề mộc,
Cho đến nghề mây tre,
Cả thảy mười một loại,
Đầy tớ ở sau cùng.

Nếu Bí-sô ni khởi ý ly gián đến chỗ Bí-sô ni thuộc dòng Bà-la-môn nói rằng: "Cụ thọ, có Bí-sô ni nói cụ thọ thuộc dòng Bà-la-môn xuất gia, chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn", nếu hỏi là ai, đáp là Bí-sô ni tên , khi nói tên phạm Ác-tác, khi nói chủng tộc phạm Đọa. Như vậy cho đến đến chỗ Bí-sô ni thuộc dòng Sát-đế-lợi… Bí-sô ni là đầy tớ để nói ly gián, phạm tội đều giống như trên .

Học Xứ Thứ Tư: PHÁT CỬ (Nơi pháp yết ma phát khởi lại)

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Lục chúng Bí-sô biết chúng tăng đã như pháp hòa hợp xử đoán việc tranh cải rồi, còn nơi pháp yết ma phát khởi lại… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đã biết Tăng như pháp hòa hợp xử đoán việc tranh cải, việc tranh cải đã dứt diệt rồi con nơi pháp yết ma phát khởi lại thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này.

Biết là mình hiểu rõ. Hòa hợp là đồng một vị.

Tránh có bốn loại là bàn luận tránh, phi ngôn tránh, phạm tội tránh và tác sự tránh. Nơi yết ma phát khởi lại là khơi động lại khiến cho việc tranh cải không dứt diệt.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô ni đối với việc thuộc bàn luận tránh khởi tưởng là bàn luận tránh, biết việc đã trừ diệt khởi tưởng là đã trừ diệt hoặc sanh nghi mà phát khởi lại, phạm Ba-dật-để-ca. Việc chưa trừ diệt khởi tưởng đã trừ diệt hoặc nghi mà phát khởi lại thì phạm Ác-tác.

Bí-sô ni đối với việc thuộc Bàn luận tránh khởi tưởng là thuộc Phi ngôn tránh, biết việc đã trừ diệt khởi tưởng là đã trừ diệt hoặc nghi mà phát khởi lại, phạm Ba-dật-để-ca.

Bí-sô ni đối với việc thuộc bàn luận tránh khởi tưởng là thuộc Phạm tội tránh, biết việc đã trừ diệt khởi tưởng là đã trừ diệt hoặc nghi mà phát khởi lại, phạm Ba-dật-để-ca.

Bí-sô ni đối với việc thuộc Bàn luận tránh khởi tưởng là thuộc Tác sự tránh, biết việc đã trừ diệt khởi tưởng đã trừ diệt hoặc nghi mà phát khởi lại phạm tội như trên. Như lấy việc thuộc bàn luận tránh làm đầu vọng về ba tránh sau có bốn câu, nếu lấy ba tránh còn lại làm đầu chuẩn theo đây nên biết, tổng cộng có mười sáu câu. Có năm hạng người:

1. Người chủ: Là người đối với việc tranh cải hiểu rõ từ đầu đến cuối.

2. Người làm yết ma: Là người bỉnh pháp yết ma quyết đoán việc tranh cải này.

3. Người gởi dục: Là người gởi ý muốn của mình đến Tăng lúc đang làm yết ma.

4. Người nói tự thấy: Là người nói tự thấy sự việc lúc đang yết ma.

5. Người khách: Là người không hiểu rõ đầu đuôi sự việc tranh cải. Trong năm hạng người này thì ba hạng đầu biết chúng tăng hòa hợp quyết đoán việc tranh cải, đã như pháp diệt trừ, nếu phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề-ca. hai hạng sau do không biết rõ, nếu phát khởi lại chỉ phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa.

Học Xứ Thứ Năm: NÓI PHÁP CHO MỘT NAM TỬ QUÁ NĂM, SÁU LỜI

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Bí-sô Ô-ba-Nan-đà hiểu rành về thân tướng, vào buổi sáng đắp y mang bát vào thành Thất-la-phiệt khất thực tới các nhà của Bà-la-môn, cư sĩ nói tướng ẩn mật, bạo ác… của họ… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni nói pháp cho nam tử quá năm, sáu lời thì phạm Ba-dật-đề-ca, trừ có người nữ trí huệ bên cạnh.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Nam tử là người hiểu được lời nói tốt xấu. Không quá năm, sáu lời là khi nói năm câu pháp lại cố ý nói đến sáu câu; khi nói sáu câu pháp lại cố ý nói đến bảy câu. Tướng phạm trong học xứ này là nếu Bí-sô ni nói pháp cho nam tử nghe năm, sáu câu lại cố ý nói đến sáu, bảy câu thì phạm Đọa.

Học Xứ Thứ Sáu: CÙNG NGƯỜI CHƯA THỌ GIỚI ĐỌC TỤNG ĐỒNG CÂU

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Lục chúng Bí-sô cùng người chưa thọ cụ giới đọc tụng đồng một câu khiến cho trú xứ ồn náo lên, như Bà-la-môn đọc các ngoại luận, như các học trò trong học đường cao tiếng tập đọc… cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô một cùng người chưa thọ viên cụ đọc tụng đồng một câu và dạy pháp thì phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Người chưa thọ viên cụ: Có hai loại viên cụ là Bí-sô và Bí-sô ni, ba chúng dưới đều gọi là người chưa thọ viên cụ. Cú (câu) có đồng câu và câu trước, đồng câu là khi vị viên cụ đọc câu Chư ác mạc tác thì người chưa thọ viên cụ đồng loạt cùng đọc câu Chư ác mạc tác; câu trước là khi vị viên cụ đọc câu Chư ác mạc tác, âm thanh chưa dứt thì người chưa thọ viên cụ đọc nối tiếp theo câu trước là câu

Chúng thiện phụng hành. Tự (chữ) cũng có đồng chữ và chữ trước, đồng chữ là khi vị viên cụ đọc chữ Chư thì người chưa thọ viên cụ đồng loạt cùng đọc chữ Chư; chữ trước là khi vị viên cụ đọc chữ Chư, âm thanh chưa dứt thì người chưa thọ viên cụ dọc nối tiếp theo chữ trước là chữ ác.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô ni đối với người chưa thọ viên cụ khởi tưởng là chưa thọ viên cụ và nghi mà cùng đồng câu hay câu trước đọc tụng thì phạm Đọa. Nếu đối với người chưa thọ viên cụ khởi tưởng là chưa thọ viên cụ và nghi mà cùng đồng chữ hay chữ trước đọc tụng cũng phạm Đọa. Nếu đối với người chưa thọ viên cụ khởi tưởng là đã thọ viên cụ và nghi mà cùng đồng câu, câu trước hay đồng chữ, chữ trước đọc tụng đều phạm Ác-tác. Nếu đối với người đã thọ viên cụ khởi tưởng là chưa thọ viên cụ và nghi mà cùng đọc tụng thì phạm Ác-tác. Nếu đối với người thọ viên cụ khởi tưởng là thọ viên cụ thì không phạm, nếu nói lắp, nói nhanh cũng không phạm.

Học Xứ Thứ Bảy: NÓI TỘI THÔ ÁC CHO NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ GIỚI

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có Bí-sô do chưa ly dục nên phạm tội Chúng giáo (Tăng-tàn), cầu sám hối trừ tội và hành pháp Biến trụ, Lục chúng Bí-sô nói cho người tục biết khiến

họ sanh bất tín… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, biết Bí-sô ni khác có tội thô, đem nói cho người chưa thọ cận viên biết, phạm Ba-dật-để-ca."

Thời gian sau ở trong thành Thất-la-phiệt có Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-cán ở nhà thế tục làm việc nhơ nhà người, hiện tướng bất thiện khiến mọi người không sanh tín kính. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni: "Các Bí-sô ni nên sai một Bí-sô ni đến các nhà thế tục nói cho họ biết Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-cán đã làm việc phi pháp. Bí-sô ni không có năm đức thì không nên sai, nếu đã sai thì không nên đi, đó là có thương, giận, sợ, si, không biết nên nói và không nên nói. Nếu có đủ năm đức ngược với năm đức trên thì nên sai, đã sai thì nên đi. Nên sai như sau: Trải tòa đánh kiền chùy tập tăng, tăng nhóm rồi liền hỏi ai có thể đến nhà thế tục nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-cán, nếu có người đáp là có thể thì nên sai một Bí-sô ni tác pháp yết ma, bạch như sau:

"Đại đức ni tăng lắng nghe, Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-cán này ở nhà thế tục đã làm những việc phi pháp khiến mọi người không sanh tín kính. Bí-sô ni này tên có thể đến nhà thế tục nói cho họ biết Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-

cán đã làm những việc phi pháp. Nếu ni tăng đúng thời đến nghe, ni tăng nên chấp thuận, nay ni tăng sai Bí-sô ni này tên đến nhà thế tục nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-cán. Bạch như vậy". Kế tác yết ma:

"Đại đức ni tăng già lắng nghe, Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-cán ở nhà thế tục đã làm những việc phi pháp khiến mọi người không sanh tín kính. Bí-sô ni này tên có thể đến nhà thế tục nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-cán. Nay ni tăng sai Bí-sô ni này tên đến nhà thế tục làm người nói lỗi, nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-cán. Nếu các cụ thọ chấp thuận Bí-sô ni này tên

đến nhà thế tục làm người nói lỗi nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-cán thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Ni tăng nay chấp thuận sai Bí-sô ni này tên làm người nói lỗi vì im lặng. Nay tôi xin nhớ giữ như vậy".

"Này các Bí-sô ni, nay ta chế hành pháp cho Bí-sô ni làm người nói lỗi": Bí-sô ni làm người nói lỗi này đến nhà thế tục nói rằng: "Các vị lắng nghe, người làm nhơ nhà thế tục và người làm nhơ người xuất gia ví như ruộng lúa xanh tươi mà bị sương mù, mưa đá làm cho hư hoại hết. Đối với hai hạng

người này các vị chớ cùng ở chung khiến Thánh giáo thương tổn. Vì sao, vì người tự thân bị tổn hại như hạt giống bị khô cháy không thể nẩy mầm, ở trong Thánh giáo không thể tăng trưởng. Các vị nên quy hướng về Như lai Ứng cúng Chánh biến tri và các tôn giả Thượng tọa đã chứng ngộ như Kiều-trần-như, Bà-đạp-ba, Vô-thắng, Hiền-thiện, Đại-danh, Danh-xưng, Viên-mãn… Thân-tử, Đại Mục-kiền -liên…". Bí-sô ni được sai nói rồi cáo từ". Lúc đó Bí-sô ni Tùng-cán nghe biết việc này liền suy nghĩ: "Chúng tăng đã sai Bí-sô ni kia đến nhà thế tục nói tội lỗi của mình", nghĩ rồi liền đến chỗ Bí-sô ni kia hỏi: "Cô đã đến nhà thế tục nói tội lỗi của tôi phải không?", đáp: "Vì chúng tăng như pháp sai tôi làm như vậy", Bí-sô ni Tùng-cán nói: "Việc làm của tôi đúng hay sai tự tôi biết, nếu cô còn đi nói nữa tôi sẽ mổ bụng cô, kéo ruột cô ra đem treo ở gốc cây cho mọi người được thấy". Bí-sô ni được sai nghe rồi hoảng kinh trở về báo lại cho các Bí-sô ni biết rồi nói: "Nay tôi không dám đến nhà thế tục nói tội lỗi của họ nữa". Các Bí-sô ni đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Tùng-cán là người ngu si, có thể khinh dễ cá nhơn một người chứ không thể khinh dễ đại chúng. Tăng già nên đơn bạch đi nói tội lỗi của họ như sau": Trải tòa, đánh kiền chùy, tập họp chúng rồi sai một Bí-sô ni tác bạch: "Đại đức ni tăng lắng nghe, Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-cán đã làm những việc phi

pháp khiến thế tục không sanh tín kính. Nay không ai dám đến nhà thế tục nói tội lỗi của họ, nếu Tăng già đúng thời đến nghe, tăng già nên chấp thuận, Tăng già nếu thấy Bí-sô Quảng-ngạch và Bí-sô ni Tùng-cán làm việc phi pháp liền nói cho thế tục biết, nên nói như sau: Các vị nên biết, Bí-sô và Bí-sô ni tội ác này đã làm thương tổn Thánh giáo, người này tự thân bị tổn hoại cũng như hạt giống cháy không thể nẩy mầm, ở trong Thánh pháp luật không thể tăng trưởng, Các vị nên quy hướng Như lai Ứng cúng Chánh biến tri và các tôn giả đã chứng ngộ như Kiều-trần -như… Bạch như vậy".

hư lời Phật đã dạy, đại chúng liền thông cáo cùng khắp cho các tục gia biết về hành xứ của Bí-sô và Bí-sô ni đó, không ngờ thông cáo này lại khiến cho nhiều người không sanh tín kính, các Bí-sô ni đi khất thực gặp khó khăn. Các Bí-sô ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Tục gia nào biết hành xứ của Bí-sô và Bí-sô ni kia thì nên nói, không biết thì đừng nói". Lúc đó Phật khen ngợi trì giới, tùy thời tuyên nói pháp thiểu dục rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết Bí-sô ni kia có tội thô ác mà nói cho người chưa thọ cận viên biết, trừ Tăng yết ma, phạm Ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Tội thô ác là nhân tội của Ba-la-thị-ca và Tăng-già-

phạt-thi-sa. Tội thô ác trong đây có hai: Một là tự tánh thô ác, hai là nhơn khởi thô ác. Thông cáo là nói rõ việc đó. Trừ Tăng yết ma là đại chúng vì việc đó mà tác pháp.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni đối với tục gia không biết khởi tưởng là không biết và nghi mà đến nói cho họ biết tội thô ác của người đó thì phạm Đọa. Nếu đối với tục gia biết mà khởi tưởng là không biết và nghi, đến nói cho họ biết thì phạm Ác-tác. Không phạm là đối với thế tục không biết mà khởi tưởng là họ đã biết, hoặc đại chúng nói rõ việc đó, hoặc mọi người đều nghe biết, như bức tranh trên trên vách mọi người đều nhìn thấy, không phải chỉ riêng mình biết thì nói không có lỗi.

Học Xứ Thứ Tám: THẬT ĐƯỢC PHÁP THƯỢNG NHƠN, NÓI CHO NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ GIỚI BIẾT

Duyên khởi và nơi chốn giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có nhiều Bí-sô chuyên cần thực hành, hệ niệm tu tập… cho đến được chứng quả A-la-hán. Sau đó họ đến các quyến thuộc nói cho họ biết để hiển bày oai đức của mình… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni thật đã chứng được pháp thượng nhơn mà đến nói cho người chưa thọ cụ

giới biết thì phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Pháp thượng nhơn như đã giải thích trong giới thứ tư Tha-thắng, trong giới này chỉ khác là thật chứng. Tướng phạm trong học xứ này là nếu Bí-sô ni không có tâm giả dối khởi tưởng là thật chứng mà đến nói cho người chưa thọ cụ giới biết thì phạm Đọa.

Học Xứ Thứ Chín: VU BÁNG HỒI CHUYỂN LỢI VẬT CỦA TĂNG

Duyên khởi như trong luật của Bí-sô cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni trước đồng tâm chấp thuận, sau nói ngược lại rằng: Các cụ thọ đem lợi vật của Tăng đã được hồi chuyển cho người mà mình thân quen thì phạm Ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Trước đồng tâm chấp thuận là trước đã chấp thuận việc làm ấy của Tăng. Sau nói ngược lại là thời gian sau mới nói lời chê trách. Bí-sô ni thân hậu là đồng thân giáo sư, đồng quỷ phạm sư hoặc thân giáo sư cho đệ tử hay đệ tử cho thân giáo sư; quỷ phạm sư cho đệ tử hay đệ tử cho quỷ phạm sư; y chỉ sư cho đệ tử hay đệ tử cho quỷ phạm sư… và các thân hữu khác. Lợi vật có hai ẩm thực và y phục, trong giới này là chỉ cho y phục.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni tùy có lợi vật nhiều hay ít của chúng tăng, trước đồng tâm chấp thuận đem cho sau nói ngược lại như trên thì phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu thật sự Tăng không hồi chuyển đem cho mà là tự cá nhân hồi chuyển đem cho, nói lời chê trách thì không phạm.

Học Xứ Thứ Mười: KHINH CHÊ GIỚI

Duyên khởi như trong luật Bí-sô cho đến câu Phật bảo các Bí-sô nên mỗi nửa tháng nói Ba-la-đề-mộc-xoa, các Bí-sô vâng lời Phật dạy mỗi nửa tháng nói Giới kinh. Lục chúng Bí-sô khi nghe giới nói rằng: "Tại sao ở chỗ tôi có lỗi lầm mà lại thường làm cho thương tổn, mỗi nửa tháng nói các tiểu tùy tiểu giới này khiến cho các Bí-sô nghe tâm sanh phiền não, khởi tâm truy hối". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi đều chê trách bạch Phật, Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni vào mỗi nữa tháng khi nói Giới kinh chê trách rằng: Các cụ thọ cần gì nói những tiểu tùy tiểu giới này, vì khi nói những giới này sẽ khiến các Bí-sô ni Ác-tác phiền não hoài nghi truy hối. Nếu nói khinh chê giới như thế thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Giới kinh là nghĩa theo thứ lớp tương ưng từ bốn Tha-thắng cho đến bảy Diệt-tránh. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô ni vào mỗi nữa tháng khi Tăng nói bốn Ba-la-thị-ca, Tăng-già-phạt-thi-sa cho đến bảy Diệt-tránh nói rằng: "Cần gì nói tiểu tùy tiểu giới này khiến các Bí-sô ni sanh tâm Ác-tác…", thì phạm Ba-dật-để-ca. Hoặc sanh phiền não hối hận hoài nghi, hoặc nói nhớ việc đời, hoặc nói không thích xuất gia hoặc nói hoàn tục… đều phạm Đọa. Như vậy nên biết, đối với mười sáu việc còn lại, các tạp sự, Ni đà na, Mục đắc ca… và các kinh tương ưng với luật giáo, khi nói đến các việc ấy mà nói rằng: "Cần gì nói tiểu tùy tiểu giới này, vì khi nói những việc này sẽ khiến các Bí-sô ni sanh tâm Ác-tác…", thì phạm Ba-dật-để-ca. Khi nói các kinh khác nói rằng: "Cần gì y theo kinh này vì nói như vậy khiến người phiền não hối hận hoài nghi", thì phạm Ác-tác.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 13

Nhiếp Tụng Thứ Hai:

Chủng tử, khinh, xúc não,
Để giường, nệm cỏ, kéo (lôi),
Gượng ở, giường sút chân,
Tưới cỏ; ba, hai tầng.

Học Xứ Thứ Mười Một: HOẠI SANH CHỦNG

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô tự chặt hoặc bảo người chặt cây và chặt phá các loại cỏ tươi, tùy hái hoa trái để dùng. Các ngoại đạo thấy rồi đều chê trách: "Các sa môn Thích tử này tự chặt hoặc bảo người chặt phá cây cỏ không khác gì những người thế tục và Bà-la-môn chúng ta, ai lại cúng dường cho hạng người như thế". Các Bí-sô nghe biết bạch Phật, Phật do nhơn duyên này nhóm các Bí-sô… cho đến câu: "… Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự phá hoại chủng tử là thôn

xóm của chúng hữu tình và bảo người khác phá hoại thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này.

Chủng tử thôn có năm loại là Căn chủng (loại củ), Hành chủng (loại cành, cọng), Tiết chủng (loại có lóng, có mắt), Khai chủng (loại do nứt ra, nở ra), và Tử chủng (loại có hột). Sao gọi là Căn chủng? Như các loại cây Hương phụ tử, cây Xương bồ, Hoàng cương, bạch cương… đều từ củ mà sanh nên gọi là Căn chủng. Sao gọi là Hành chủng? Như các loại cây Thạch lựu, cây Liễu, Bồ đào, Bồ đề… đều từ cành mà sanh nên gọi là Hành chủng. Sao gọi là Tiết chủng? Như các loại cây mía, cây trúc, cây Lau… đều từ lóng mắt mà sanh nên gọi là Tiết chủng. Sao gọi là Khai chủng? Như các loại cây cam, quýt, bưởi… đều do chín nứt ra mà sanh nên gọi là khai chủng. Sao gọi là Tử chủng? Như các loại cây lúa, cây đậu, đại mạch… đều từ hột mà sanh nên gọi là Tử chủng. Gọi chung năm loại chủng tử này là Chủng tử thôn.

Thôn xóm của hữu tình chỉ cho các loại cây trên, đều là nơi nương ở của các loài hữu tình như ong, bướm, kiến… Nếu Bí-sô ni nhổ hoặc chặt phá cây cối là chỗ ở của hữu tình đều phạm Đọa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào? Trong học xứ này tướng phạm như thế nào? Nhiếp Tụng:

Củ… tưởng là sanh chủng, Chặt cây cỏ và hoa, Cây… ở chỗ kinh hành, Rêu xanh, bình, giá y.

Nếu Bí-sô ni nơi Căn chủng khởi tưởng là căn chủng, sống khởi tưởng là sống, tự chặt hay bảo người chặt đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu cây khô tưởng là sống và nghi, khi chặt phá đều phạm Ác-tác.

Nếu Bí-sô ni nơi Căn chủng khởi tưởng là Hành chủng, tưởng sống và nghi, tự chặt, bảo người chặt đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu cây khô tưởng là sống và nghi, chặt phá đều phạm Ác-tác. Căn chủng đã như vậy thì tiết chủng… ba loại còn lại đều có bốn câu như trên nên biết. Nếu lấy Hành chủng vọng về bốn loại sau, mỗi loại đều có bốn câu kết phạm như trên nên biết.

Nếu Bí-sô ni đối với năm loại chủng tử này tự làm hay bảo người làm, đem ném vào trong lửa muốn làm cho năm loại chủng tử này bị hoại thì phạm năm tội Đọa, không tổn hoại thì phạm năm Ác-tác. Đem bỏ vào trong nước cũng phạm như trên, đem bỏ vào trong cối giả kết phạm cũng như trên.

Nếu Bí-sô ni dùng một phương tiện chặt cây, khi chặt đứt phạm một Ác-tác, một tội Đọa. Nếu chặt một nhát mà đứt hai cây thì phạm một Ác-tác và hai tội Đọa. Nếu chặt một lần mà đứt nhiều cây thì phạm một Ác-tác và nhiều tội Đọa. Nếu hai lần

chặt đứt một cây thì phạm hai Ác-tác một tội Đọa; nếu hai lần chặt đứt hai cây thì phạm hai Ác-tác hai tội Đọa; nếu hai lần chặt đứt nhiều cây thì phạm hai Ác-tác, nhiều tội Đọa. Nếu chặt nhiều lần mà đứt chỉ một cây thì phạm nhiều Ác-tác một tội Đọa; nếu chặt nhiều lần mà đứt hai cây thì phạm nhiều Ác-tác hai tội Đọa; nếu chặt nhiều lần đứt nhiều cây thì phạm nhiều Ác-tác nhiều tội Đọa. Cây đã như vậy thì đối với hoa cỏ chuẩn theo đó nên biết.

Nếu Bí-sô ni nhổ cây phạm Đọa, làm cho da cây bị nứt và làm thương tổn chỗ không cứng chắc thì phạm Ác-tác; nếu làm thương tổn phần cứng chắc của cây thì phạm Đọa. Bí-sô ni làm tổn hoại cây cỏ tươi phạm Đọa, tổn hoại lá vàng phạm Ác-tác, làm tổn hoại hoa chưa nở phạm Đọa, hoa đã nở phạm Ác-tác. Nếu hoại trái chưa chín phạm Đọa, hoại trái đã chín phạm Ác-tác. Chỗ đất có mọc cỏ đổ nước sôi lên hay lấy phân bùn đổ lên khiến nó bị tổn hoại thì phạm Đọa, nó không bị tổn hoại thì phạm Ác-tác, nếu không có tâm làm tổn hoại thì không phạm. Nếu Bí-sô ni kinh hành trên đất có cỏ, nghĩ muốn làm nó tổn hoại, tùy tổn hoại tới đâu đều phạm Đọa. Chỗ đất có cỏ kéo củi qua hay lấy chiếu phủ lên làm nó bị tổn hoại thì phạm Đọa, không có tâm làm tổn hoại thì không phạm. Nếu kinh hành trên đất có rêu xanh phạm hay không phạm giống như trên. Trên đất có rêu xanh kéo củi qua… phạm hay không phạm giống như

trên. Bèo, rong rêu trong nước nếu vớt lìa khỏi nước phạm Đọa, chưa lìa khỏi nước phạm Ác-tác. Nhổ nấm mọc trên đất phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô ni đối với bình chậu… và trên y phục hoặc mền, nệm, chiếu có mốc xanh mốc trắng khởi tâm làm tổn hoại đều Ác-tác. Nếu bảo người biết tịnh rồi thọ dụng thì không phạm. Nếu đối với năm loại sanh chủng bảo người biết tịnh cũng không phạm.

Học Xứ Thứ Mười Hai: CHÊ TRÁCH KHINH RẼ

Duyên khởi như trong luật Bí-sô cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni chê bai khinh rẽ Bí-sô ni khác, phạm Ba-dật-để-ca.

Chê bai khinh rẽ là đối diện nói thẳng và mượn việc khác dùng lời nói biểu đạt.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni bị tăng tác pháp quở trách rồi ở trước mười hai hạng người được Tăng sai, đang trong giai đoạn hành sự mà sân trách, khinh rẽ đều phạm Ba-dật-để-ca. Nếu Bí-sô ni bị tăng tác pháp quở trách rồi ở trước mặt mười hai hạng người được Tăng sai, dù đã qua giai đoạn hành sự mà vẫn sân trách, khinh rẽ đều phạm Ba-dật-để-ca. Nếu Bí-sô ni không bị tăng tác pháp quở trách ở trước mười hai hạng người được tăng sai đang trong giai đoạn hành sự mà sân trách thì phạm Ác-tác, khinh

rẽ cũng phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô ni không bị Tăng tác pháp quở trách ở trước mười hai hạng người được Tăng sai, tuy đã qua giai đoạn hành sự mà vẫn sân trách khinh rẽ đều phạm Ác-tác. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười Ba: TRÁI LỜI DẠY XÚC NÃO

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni chống trái lời dạy xúc não thì phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Chống trái lời dạy xúc não là khởi tưởng xúc não người khác, dùng lời nói biểu đạt.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào? Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu có Bí-sô ni đến Bí-sô ni khác nói rằng: "Cô có thấy Bí-sô ni mới cạo râu tóc, mặc đại y đỏ, tay cầm tích trượng, tay bưng bát đựng đầy tô, mật… đi qua đây không?", đáp: "Không thấy, tôi chỉ thấy Bí-sô ni đi bằng hai chân". Nếu Bí-sô ni cố tâm nói lời này để não loạn vị kia thì phạm Ba-dật-để-ca. Nếu có người khác đến hỏi như trên, chỉ khác ở chỗ là Bí-sô, đáp rằng: "Không thấy, tôi chỉ thấy Bí-sô đi bằng hai chân". Nếu Bí-sô cố tâm nói lời này để não loạn vị kia thì phạm Ba-dật-để-ca, như

vậy cho đến hỏi về Chánh học nữ, cầu tịch, cầu tịch nữ, đáp cũng giống như trên đều phạm như trên. Nếu có người hỏi: "Cô có thấy người tục vác mía, tre, củi… đi ngang qua đây không?", đáp: "Không thấy, tôi chỉ thấy có người đi bằng hai chân". Nếu cố ý nói lời này để xúc não vị kia thì phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu hỏi như trên chỉ khác là mặc áo xanh, đỏ, vàng…, đáp cũng như trên để não loạn đều phạm Đọa. Hỏi về người nam đã như thế thì hỏi về người nữ cũng như thế nói hay im lặng để xúc não đều phạm Đọa.

Không phạm là nếu có thợ săn đuổi theo con nai vào trong chùa hỏi Bí-sô ni có thấy con nai chạy qua đây không, Bí-sô ni không nên đáp là thấy. Nếu lúc đó là mùa lạnh thì nên bảo thợ săn vào trong chùa sưởi ấm chốc lát; nếu là mùa nóng nực thì nên bảo thợ săn vào chùa uống nước mát. Nếu thợ săn nói: "Tôi không mệt, tôi chỉ hỏi về con nai", lúc đó Bí-sô ni nhìn móng tay nói rằng: "Nặc-khư-bát-xa-nhĩ"; nếu thợ săn hỏi về nai nữa thì Bí-sô ni nên nhìn mặt trời nói rằng: "Nạp bà bát xa nhĩ". (Nặc-khư là tiếng Phạm, nghĩa là móng tay, cũng có nghĩa là không; Bát-xa nghĩa là thấy; Nhĩ nghĩa là tôi. Câu này ý nói tôi thấy móng tay, cũng có nghĩa là nói mắt tôi không thấy, người kia nghe nói không cho là Bí-sô ni không thấy con vật. Đây là phương tiện để cứu chúng sanh nên không phạm. Nạp-bà nghĩa là thái hư, cũng có nghĩa là không,

câu-nạp-bà-bát-xa-nhĩ ý nói tôi thấy thái hư, cũng có nghĩa là nói tôi không thấy. Vì diễn đạt cả hai nghĩa trên nên giữ nguyên âm Phạm không dịch). Nếu thợ săn nói: "Tôi không hỏi móng tay và thái hư, tôi chỉ hỏi về con nai", lúc đó Bí-sô ni nên nhìn khắp bốn phương khởi nghĩ trong thắng nghĩa đế, tất cả các hành vốn không có hữu tình, liền đáp là tôi không thấy hữu tình cũng không phạm. Nếu Bí-sô ni vào trường hợp khác khi hỏi không đáp như thật đều phạm Đọa.

Học Xứ Thứ Mười Bốn: ĐỂ PHU CỤ CỦA TĂNG NƠI ĐẤT TRỐNG

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có một trưởng giả thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực, các Bí-sô vào sáng sớm đã đắp y mang bát đi đến nhà trưởng giả, Thế tôn ở chùa sai người đi lấy thức ăn về do có năm duyên: Một là cần yên tĩnh, hai là nói pháp cho chư thiên, ba là thăm nom người bịnh, bốn là xem xét phu cụ của tăng, năm là chế học xứ cho các Bí-sô. Trường hợp này Phật muốn đi xem xét phu cụ của Tăng và chế học xứ cho các Bí-sô. Sau khi chúng tăng đi rồi, Thế tôn cầm chìa khóa đến các phòng xem xét và khắp nơi ngoài sân chùa, sau cùng đến một phòng không người ở, thấy có nhiều phu cụ để bừa bãi trên đất trống. Lúc đó bổng có gió mưa ập đến, Phật nghĩ: "Những phu cụ này là do lòng tin của Bà-la-môn

cư sĩ đã chịu cực khổ, nhín phần chi dụng của vợ con mang đến cúng cho Tăng già để cầu thắng phước. Vậy mà các Bí-sô khi thọ dụng lại không biết lượng, không khéo giữ gìn đem bỏ bừa bãi", nghĩ rồi, Thế tôn vận dụng thần thông che chắn gió mưa để thu cất các phu cụ, thu cất xong lấy áo tắm mưa ra ngoài để tắm mưa, tắm xong vào phòng trụ trong yên tĩnh. Sau đó Bí-sô lấy thức ăn về đến, thường pháp của chư Phật là hỏi thăm người mang thức ăn về: "Chư tăng thọ ẩm thực có được no đủ không?", đáp là đều no đủ. Thế tôn thọ thực rồi sau đó lại trụ trong yên tĩnh cho đến xế chiều mới xuất định, đến trong chúng tăng ngồi vào chỗ ngồi rồi bảo các Bí-sô: "Sau khi chư tăng đi phó thực, ta ở lại chùa cầm chìa khóa đi xem xét các phòng… giống như đoạn văn trên cho đến câu thu cất các phu cụ. Này các Bí-sô, thí chủ nhín phần chi dụng của vợ con mang đến cúng cho tăng già để cầu thắng phước, các thầy không thể như pháp thọ dụng lại còn làm hư tổn của tín thí", liền nói kệ:

"Đối với vật tín thí,
Biết lượng mà thọ dụng,
Tự thân được an ổn,
Khiến phước đức tăng trưởng".

Lúc đó Thế tôn khen ngợi người tri túc y pháp thọ dụng của tín thí rồi bảo các Bí-sô: "Ta nay chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni để phu cụ của Tăng và các

giường ngồi nơi đất trống, khi đi không tự cất, không bảo người cất, phạm Ba-dật-đề-ca."

Phật chế học xứ rồi, sau đó có Bí-sô theo đoàn thương buôn du hành trong nhân gian đến một trú xứ xin nghỉ qua đêm, cuối đêm họ thức dậy đi, Bí-sô nghe kêu vội thức dậy dặn trao ngọa cụ nên bị bỏ lại ở sau và gặp giặc cướp. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nơi tạm nghỉ nếu có Bí-sô thì nên dặn rồi đi". Sau đó ở thành Thất-la-phiệt có hai trưởng giả nhiều đời oán cừu nhau, một người có tín tâm, một người không có tín tâm. Người có tín tâm suy nghĩ: "Nay ta không nên làm tăng thêm thù hận, ta nên xả bỏ oán thù làm người xuất gia", người không có tín tâm nghe tin này liền nói: "Dù oan gia có vào thành vô úy ta cũng không buông tha". Bí-sô trưởng giả nghe được lời này liền suy nghĩ: "Ta vì xả bỏ oán thù mà xuất gia, nếu ta ở đây người ấy cũng đến khủng bố, ta nên lánh đi nơi khác", nghĩ rồi liền đến xin phép Ô-ba-đà-da đi lánh nạn, Trưởng giả không có tín tâm nghe biết được liền mang theo lương thực đi đường để đuổi theo Bí-sô, Bí-sô vì nương theo thời mà đi còn phi thời không đi; ngược lại trưởng giả kia thời và phi thời đều đi nên đuổi kịp Bí-sô, từ xa trông thấy Bí-sô vào nghỉ qua đêm trong một ngôi chùa, trưởng giả sợ vào trong chùa gây bất lợi sẽ có nhiều người trong chùa trở lại gây bất lợi cho ông, nên tìm nơi nghỉ qua đêm đợi sáng mai chặn đón Bí-sô trên

đường đi. Trời vừa sáng như lời Phật đã dạy, Bí-sô dặn dò lại Bí-sô ở trú xứ thu cất giùm phu cụ vì phải gấp lên đường đến Vương thành. Bí-sô đi rồi, trưởng giả ở trên đường đợi không thấy nên vào trong chùa hỏi, sau khi biết được đường đi của Bí-sô liền đuổi theo bắt kịp được Bí-sô, Bí-sô nói: "Hiền thủ, tôi nay đã xuất gia muốn xả bỏ oán ác", trưởng giả nói: "Bây giờ ta muốn xả bỏ oán ác đây", nói rồi liền cầm cây đánh Bí-sô gần chết, bát bị bể, y bị rách, Bí-sô gắng gượng trở lại ngôi chùa kia kể lại mọi việc, các Bí-sô trong chùa nói: "Nếu chúng tôi không bảo cụ thọ đi theo con đường đó thì không bị khổ não như thế này". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói trừ thời nhân duyên, rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau: Nếu lại có Bí-sô ni mang giường ghế phu cụ của Tăng để nơi chỗ đất trống, khi đi không tự cất, không bảo người cất, nếu có Bí-sô ni mà không dặn trao thì phạm Ba-dật-để-ca, trừ thời nhân duyên."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này.

Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, rời phu cụ đi khoảng bao xa gọi là thế phần?", Phật nói: "Như Bà-la-môn Sanh văn trồng cây Am một la mỗi cây cách nhau khoảng bảy tầm, trong vòng bảy cây có bốn mươi chín tầm, khi để phu cụ nơi đất trống với khoảng cách này thì phải dặn dò trao lại. Rời khỏi thế phần này phải tự thu cất, nếu

không tự cất cũng không bảo người cất thì gọi là không thu cất." Có Bí-sô ni là nơi đó có người ở có thể dặn dò trao lại. Có năm cách dặn: Một là nói với người chủ: "Cụ thọ, phòng ở này nên coi ngó, phu cụ nên thu cất, đây là chìa khóa phòng". Nếu ở đó không có Bí-sô ni thì nên dặn lại Cầu-tịch nữ, nếu không có Cầu-tịch nữ thì nên dạn lại người thế tục, nếu không có người thế tục thì nên nhìn bốn phía rồi cất chìa khóa phòng vào một nơi kín đáo mới được đi; nếu giữa đường gặp Bí-sô ni nên nói cho biết chỗ đã cất chìa khóa. Trừ thời nhân duyên là trừ có nạn duyên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô để phu cụ của Tăng cố ý không dặn lại mà bỏ đi, chưa rời khỏi thế phần thì phạm Ác-tác, nếu rời khỏi thì phạm Đọa. Nếu Bí-sô ni trải phu cụ của Tăng nơi đất trống rồi vào trong phòng tĩnh tọa, xuất định xong rồi đi như thế cho đến canh đầu, nếu phu cụ không tổn hoại thì phạm Ác-tác, tổn hoại thì phạm Đọa.

Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, có mấy trường hợp làm cho phu cụ bị hư hoại?", Phật nói: "Có hai trường hợp là gió và mưa, gió thổi cuốn hư gọi là gió làm hoại, mưa ướt làm mục gọi là mưa làm hoại".

Bí-sô ni vào xế chiều trải phu cụ nơi đất trống không thu cất, cũng không bảo người cất đến nửa

canh nếu không tổn hoại thì phạm Ác-tác, tổn hoại thì phạm Đọa. Như vậy cho đến hết một canh, một canh rưỡi, hai canh, hai canh rưỡi, ba canh, ba canh rưỡi, bốn canh, bốn canh rưỡi đến trời sáng, nửa buổi sáng, đến trưa, đúng ngọ, quá ngọ, xế chiều, chiều tối, tối trong khoảng thời gian ngày đêm này trải phu cụ của Tăng mà không xem xét, không thu cất, nếu chưa tổn hoại thì phạm Ác-tác, tổn hoại thì phạm Đọa.

Học Xứ Thứ Mười Lăm: KHÔNG THU CẤT PHU CỤ CỎ

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có hai Bí-sô một già một trẻ vì muốn kính lễ Phật nên cùng đi đến thành Thất-la-phiệt, chiều tối ghé vào một ngôi chùa xin nghỉ qua đêm. Các Bí-sô ở đây phân chia phòng và ngọa cụ cho Bí-sô già, còn Bí-sô trẻ chỉ được phòng không được ngọa cụ nên Bí-sô này tìm nhiều cỏ khô trải dày cho ấm…

Sáng hôm sau ra đi không thu dọn nên kiến nương ở trong phu cụ cỏ này, thời gian sau làm hư hỏng phóng xá. Phật đi đến các phòng xem xét ngọa cụ thấy cỏ bừa bãi… quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ở trong phòng tăng tự trải phu cụ cỏ hoặc bảo người trải, khi đi không thu cất, không bảo người thu cất, nếu có Bí-sô ni mà không dặn dò thì phạm Ba-dật-để-ca.

Thế tôn chế học xứ rồi, sau đó có nhiều Bí-sô du hành trong nhân gian đến chỗ một trưởng xin nghỉ qua đêm rồi trải cỏ khô làm nệm dày bằng đầu gối để ngủ cho ấm. Sáng hôm sau bỏ đi không nói cũng không thu dọn sạch sẽ nên bị trưởng giả chê trách. Phật nói: "Nên nói cho chủ biết và phải thu dọn sạch sẽ, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp". Thời gian sau lại có nhiều Bí-sô du hành đến một ngôi chùa xin nghỉ qua đêm, sáng hôm sau muốn đem bỏ phu cụ cỏ, vị chủ chùa nói: "Loại cỏ này tìm rất khó được lại rất xa, không nên đem bỏ", khách Bí-sô nói: "Thầy không biết tự thân phạm tội, lại muốn chúng tôi cùng phạm tội hay sao?", nói rồi liền đem bỏ phu cụ cỏ. Phật nói: Không nên đem bỏ, nếu có Bí-sô thì nên dặn trao lại, khi nào họ bảo đem bỏ thì mới bỏ, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp. Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ở trong phòng tăng tự trải hay bảo người trải phu cụ cỏ; khi ra đi không tự thu dọn, không bảo người thu dọn, nếu có Bí-sô ni mà không dặn lại thì phạm Ba-dật-đề-ca, trừ duyên khác.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Tướng phạm giống như giới trên, nếu ở chỗ đất đá sỏi hay đất cát, không có trùng kiến dù trải phu cụ cỏ không thường coi ngó cũng không phạm.

Học Xứ Thứ Mười Sáu: GƯỢNG BỨC NÃO NGƯỜI KHÁC

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Ô-đà-di đến chỗ các Bí-sô trẻ tuổi khuyến dụ họ cùng đi du hành… cho đến câu các Bí-sô trẻ này bị bức ra ngoài ngủ nơi đất trống, suốt đêm chịu khổ vì lạnh… Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni nơi trú xứ Tăng, biết các Bí-sô ni khác đã nghỉ nơi đó trước, mình đến sau mà vào ở trong đó cố ý xúc não họ bằng cách nằm ngồi trên ngọa cụ của họ, nghĩ rằng: Nếu họ bực mình thì tự xa tránh đi nơi khác, thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ Mười Bảy: CỐ Ý NGỒI NẰM TRÊN GIƯỜNG SÚT CHÂN

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Ô-ba-Nan-đà đến khuyến dụ các Bí-sô trẻ: "Các thầy hãy cùng tôi du hành trong nhân gian, chắc chắn sẽ hàng phục được các tông khác. Tự sẽ được danh xưng. Các vị nếu muốn đọc tụng, thiền tư và y thực các món cần dùng sẽ không để các vị thiếu thốn", các Bí-sô trẻ nghe rồi nhưng biết rõ Ô-ba-Nan-đà thường làm việc xấu không thể cùng ở chung nên không ai chịu cùng đi. Lúc đó có một

Bí-sô khất thực nghe Ô-ba-Nan-đà đang tìm bạn đồng hành liền hứa cùng đi chung, người bạn thân của Bí-sô khất thực can ngăn nhưng Bí-sô khất thực không chịu nghe theo, nói rằng: "Tôi đã đủ mười hạ, không phải y chỉ vị ấy, cũng không đến vị ấy cầu thọ học nghiệp, vị ấy muốn làm gì tôi cũng không thể làm được", người bạn thân nói: "Sau thầy sẽ tự biết". … Cho đến câu Ô-ba-Nan-đà cố ý buông thần ngồi nằm trên giường sút chân, khiến chân giường rơi xuống trúng đầu Bí-sô khất thực…, Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

"Nếu lại có Bí-sô ni ở trong trú xứ tăng biết chân giường và chân ghế trên tầng gác bị sút mà buông mình ngồi nằm, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Biết là tự biết hay người khác nói cho biết . Chân giường bị sút là chân giường lỏng lẻo, không liên kết với giường ghế. Buông mình ngồi nằm là ngồi nằm mạnh xuống cố ý làm cho chân giường sút ra để gây thương tích cho người khác.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô biết phòng xá của tăng có giường bị sút chân mà buông mình ngồi nằm cố ý gây tổn hại cho người khác đều phạm Đọa. Nếu giường kê sát đất hay có vật chống đỡ ở dưới thì không phạm.

Học Xứ Thứ Mười Tám: DÙNG NƯỚC

CÓ TRÙNG

Duyên khởi ở nước Kiều-thiểm-tỳ giống như trong luật của Bí-sô, lúc đó Xiển đà dùng nước có trùng tưới lên cỏ, đất…, các Bí-sô thiểu dục chê trách rồi bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết nước có trùng, tự tưới lên cỏ, đất hay trộn với phân bò…, hoặc bảo người tưới thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Tướng phạm là nếu Bí-sô ni đối với nước có trùng khởi tưởng có trùng và nghi mà tự tưới dùng hay bảo người tưới dùng thì phạm Đọa. Nếu nước không có trùng khởi tưởng là có trùng và nghi thì Ác-tác.

Học Xứ Thứ Mười Chín: CẤT CHÙA LỚN QUÁ LƯỢNG

Duyên khởi như trong luật Bí-sô, như Phật đã dạy người tu phước đời này, đời sau thường thọ lạc; người không tu phước, đời sau thường khổ não. Cho nên các Bí-sô giáo hóa các Bà-la-môn, cư sĩ xây cất chùa cho Tăng ở, lúc đó Lục chúng lại hay phê bình chỉ trích chùa nay chùa kia xây cất không hoàn hảo… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni xây cất chùa lớn có nhiều tầng bên bệ cửa phải đặt ngạch cửa, cửa sổ phải có

song cửa, phải có lỗ thông gió và chỗ thoát nước. Khi xây vách tường lên nếu là hồ nhão không chắc thì chỉ nên xây chừng hai tầng, không quá ba tầng, nếu xây quá phạm Ba-dật-đề-ca."

Chùa lớn có hai một là vật thí lớn, hai là hình lượng lớn, trong giới này là hình lượng lớn. Khi xây vách tường lên nếu là hồ nhão không chắc tức là làm nền móng không chắc do trộn hồ non thì khi xây tường lên làm nhiều tầng chỉ nên chừng hai tầng, không quá ba tầng sẽ dễ bị sụp đổ.

Tướng phạm nói đầy đủ trong luật Bí-sô.

Học Xứ Thứ Hai Mươi: THỌ QUÁ MỘT BỮA ĂN

Duyên khởi ở tại thành Thất-la-phiệt giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Thế tôn thần thông giáo hóa phá được các ngoại đạo nên họ phân tán đi khắp nơi và đến ở nơi chốn biên phương. Nơi đó có một trưởng giả xây cất một trú xứ cho các tà sư ngoại đạo ở, sau đó có một người bạn thân quen đến thăm trưởng giả và hỏi: "Nơi đây có phước điền thù thắng đáng cung kính không?", trưởng giả liền dẫn đến gặp các tà sư ngoại đạo, người bạn liền nói với trưởng giả: "Những vị này không phải là phước điền thù thắng, phước điền thù thắng chính là các vị Thánh đệ tử của Phật Thế tôn". Sau đó Lục chúng nghe biết tin này liền cùng nhau đến chỗ trưởng giả… cho đến câu làm cho trưởng giả

mất lòng tin thanh tịnh, lại còn đánh các ngoại đạo đuổi ra khỏi chỗ ở. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni ở nơi trú xứ của ngoại đạo, được ngủ qua một đêm và thọ một bửa ăn, nếu thọ quá phạm Ba-dật-đề-ca. Lúc đó Thế tôn quan biết trưởng giả đã đến lúc được điều phục nên sai cụ thọ Xá-lợi-tử đến đó thuyết pháp giáo hóa. Tôn giả vâng lời Phật đến đó thuyết pháp giáo hóa khiến cho trưởng giả và trăm ngàn hữu tình ở nơi đó đều thấy được chơn đế lý. Do thuyết pháp quá lâu, thời thực trôi qua, tôn giả không ăn lại bị trúng gió… nên Phật do duyên này bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ở trú xứ ngoại đạo, được ngủ qua một đêm và ăn một bửa cơm, trừ nhân duyên bịnh, nếu thọ dụng quá thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Trú xứ ngoại đạo là thí chủ đem trú xứ cho ngoại đạo ở trước.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni ở trú xứ khác đã thọ một bửa ăn, nếu ngủ qua một đêm nữa thì phạm Ác-tác, nếu thọ thức ăn nữa thì phạm Đọa. Nếu ngủ đêm ở chỗ này mà ăn ở chỗ khác, khi ngủ phạm Ác-tác, khi ăn

không phạm. Nếu ngủ đêm ở chỗ khác còn ăn ở đây thì khi ngủ không lỗi, khi ăn phạm Đọa. Nếu ngủ đêm ở chỗ khác và ăn ở chỗ khác, tạm thời đến đây thì không phạm. Nếu nơi đây có nhiều người cộng tác hoặc thí chủ mời ở lại hoặc trú xứ này do bà con xây cất thì ăn quá một bửa không phạm.

Nhiếp Tụng Ba:

Quá ba, không dư thực,
Khuyên đủ và biệt chúng,
Phi thời xúc, không thọ,
Ngoại đạo, xem quân.

Học Xứ Thứ 21: THỌ THỨC ĂN QUÁ BA BÁT

Duyên khởi ở tại thành Thất-la-phiệt giống như trong luật Bí-sô, lúc đó ở phương Bắc có vị thương chủ nghe danh xưng của Phật và các vị Thánh đệ tử nên cùng các thương nhơn đi đến thành Thất-la-phiệt và dừng nghỉ ở ngoài thành. Lục chúng Bí-sô biết được liền tìm đến chỗ họ nói pháp để mong cầu được họ cúng y, không bao lâu sau họ bỏ đi đến nơi khác, Lục chúng lại tìm đến chỗ đó gặp họ và nói kệ:

Lục chúng liền nói kệ:

"Biên phương đường hiểm không nên đến,
Dù có đi cũng chớ dừng ở,
Chẳng những nơi chốn không nên đến,

Người nơi ấy cũng chớ kết bạn,
Kẻ ở núi hiểm mới gặp tốt,
Như vàng mài đá mất tươi sáng.
Người ở Trung phương không như vậy,
Thỉ chung không đổi như núi Nhạc".

Thương chủ nghe kệ rồi nói: "Các Thánh giả vì sao lại phiền giận, vừa gặp đã quở trách?", Lục chúng nói: "Chúng tôi đã cùng các vị bày tỏ tình nghĩa, bỏ việc tu phẩm thiện để đến nói pháp cho các vị nghe", nói rồi lại hiện tướng cầu y, cuối cùng cũng được cúng y, các thương nhơn lại thỉnh thọ thực, Lục chúng thọ nhiều quá nên các lương thực của các thương nhơn đều hết sạch, họ phải đi mua thêm lương thực và bị giặc cướp hết nên các thương nhơn chê trách Lục chúng. Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế học xứ.

Duyên khởi cũng ở trong thành Thất-la-phiệt như trong luật Bí-sô, lúc đó có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu thì người vợ qua đời, cứ như thế cho đến cưới thêm người vợ thứ bảy cũng lại qua đời cho nên trưởng giả đó được mệnh danh là người hại vợ. Từ đó không ai chịu làm vợ ông ta nữa, thời gian sau ông hỏi cưới được một người con gái chột mắt phải, người bạn cũ liền nói kệ:

"Nhà ba la sắp xếp gọn sạch,
Như người nằm ngủ gối đầu Tây,
Người chột mắt phải cưới làm vợ,
Có thể làm tổn trời Đế-thích,

Hai ác gặp nhau ắt có tổn,
Ví như hai đá chạm cùng nhau,
Cả hai đều là người làm hại,
Nếu cưới nhất định gặp chết chóc".

Lúc đó cha mẹ của người nữ chột mắt phải đang sửa soạn các phẩm vật cho ngày hôn lễ của con, Lục chúng đến nhà đó khất thực thọ nhiều quá nên thức ăn chuẩn bị tiễn đưa con gái về nhà chồng đều hết sạch … khiến cho hôn lễ không thành, cha mẹ của cô gái chê trách Lục chúng. Phật do duyên này quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đê tử như sau:

Nếu lại có nhiều Bí-sô ni đến trong nhà thế tục, có Bà-la-môn, Cư sĩ tịnh tín… ân cần thỉnh cúng bánh bún… các món ăn, Bí-sô cần thì được thọ hai, ba bát, nếu thọ quá thì phạm Ba-dật-đề-ca. Thức ăn đã thọ được mang về trú xứ, nếu có Bí-sô thì nên cùng chia cho nhau ăn. Đây là thời. "

Nếu lại có nhiều Bí-sô ni là ni trong pháp luật này, trên hai người thì gọi là nhiều. Nhà thế tục tức là nhà của cư sĩ bạch y, Bà-la-môn … Hai ba bát: Bát Có ba bậc thượng trung và hạ, bát bậc thượng của nước Ma-kiệt-đà đựng được hai thăng gạo nấu thành cơm; bát bậc trung đựng được một thăng rưỡi gạo nấu thành cơm; bát bậc hạ đựng được một thăng gạo nấu thành cơm.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Khi Bí-sô ni dùng ba bát cỡ lớn thọ thức ăn của người khác thì phạm Ác-tác, khi ăn phạm Đọa.

Học Xứ Thứ 22: ĂN ĐỦ

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Khi ta hành theo pháp Nhất tọa thực, ta thường được thiểu dục, không bịnh, thân tâm khinh an, được an lạc trụ. Các thầy cũng nên hành theo pháp Nhất tọa thực … để được an lạc trụ". Các Bí-sô nghe Phật nói hành theo pháp Nhất tọa thực được công đức như thế nên tất cả đều hành theo, nhưng khi đang ăn thấy A-giá-lợi-da, Ô-ba-đà-da cho đến các bậc kỳ túc khác đến đều đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi; đã rời khỏi chỗ ngồi liền cho là ăn đủ nên không dám ăn nữa, do ăn không đủ nên sắc mặt xanh xao, thân thể gầy yếu. Thế tôn biết rõ nguyên do mà vẫn hỏi A Nan-đà: "Vì sao các Bí-sô sắc mặt lại xanh xao và thân thể gầy yếu?", đáp: "Do Thế tôn dạy hành theo pháp Nhất tọa thực được an lạc trụ nên tất cả các Bí-sô đều hành theo pháp này, nhưng khi thấy hai thầy và các bậc kỳ túc khác đến đều đứng dậy chào hỏi, đã rời khỏi tòa ngồi liền cho là ăn đủ nên không dám ăn nữa; do ăn không đủ nên sắc mặt xanh xao thân thể gầy yếu", Phật bảo A Nan-đà: "Bí-sô hành Nhất tọa thực khi đang ăn dù hai thầy hay ai khác đến cũng không nên đứng dậy, cứ tùy ý ăn cho no".

Sau đó các Bí-sô tùy có được chút ít các loại

canh rau đậu, ăn rồi cho là ăn đủ liền đứng dậy, đã đứng dậy rồi nên không dám ăn nữa; do nhân duyên này nên gầy yếu, Thế tôn lại hỏi A Nan-đà nguyên do, A Nan-đà liền đem nguyên do trên bạch Phật, Phật nói: "Có năm loại thức ăn Kha-đãn-ni là củ, cọng, lá, hoa và quả nếu ăn thì không thành ăn đủ; có năm loại thức ăn Bồ-thiện-ni là cơm, bánh, bún, cá thịt nếu ăn thì thành ăn đủ. Nếu Bí-sô được ăn năm loại thức ăn Kha-đãn-ni trước thì sau được ăn năm loại thức ăn Bồ-thiện-ni . Nếu trước được ăn năm món Bồ-thiện-ni thì sau không nên ăn năm món Kha-đãn-ni, nếu ăn phạm tội Việt pháp". Sau đó các Bí-sô vừa thọ thực được một ít, vì có duyên sự nên đứng dậy, đã đứng dậy rồi nên không dám ăn nữa, do nhân duyên này nên gầy yếu, Thế tôn lại hỏi A Nan-đà nguyên do, A Nan-đà đem nguyên do trên bạch Phật, Phật nói: "Có năm nhân duyên mới thành ăn đủ, lại có năm nhân duyên không thành ăn đủ. Thế nào là năm nhân duyên thành ăn đủ?

1. Biết đây là thức ăn: Tức là biết thuộc năm món Kha-đãn-ni hay thuộc năm món Bồ-thiện-ni.

2. Biết có người trao thức ăn: Tức là nam, nữ hay bán trạch ca…

3. Biết thọ rồi mới ăn: Tức là biết hai loại của năm món ăn trên thọ được từ người khác mà ăn.

4. Biết ngăn món ăn: Tức là biết ngăn hai loại

năm món thức ăn trên.

5. Biết xả oai nghi: Là từ chỗ ngồi đứng dậy đi.

Ngược với năm nhân duyên trên thì không thành ăn đủ.

Lại có năm duyên thành ăn đủ và năm duyên không thành ăn đủ.

Thế nào là năm duyên thành ăn đủ? Một là thức ăn thanh tịnh, hai là có một ít thức ăn không thanh tịnh xen tạp, ba là không phải thức ăn thuộc ác xúc, bốn là có một ít thức ăn thuộc ác xúc xen tạp, năm là rời khỏi chỗ ngồi. Thế nào là năm duyên không thành ăn đủ? Một là thức ăn không thanh tịnh, hai là có phần nhiều thức ăn không thanh tịnh xen tạp, ba là thức ăn thuộc ác xúc, bốn là có phần nhiều thức ăn thuộc ác xúc xen tạp, năm là chưa rời khỏi chỗ ngồi ăn.

Lại có năm duyên thành ăn đủ và năm duyên không thành ăn đủ. Thế nào là năm duyên thành ăn đủ? Một là thấy người dọn đưa thức ăn đến, Bí-sô nói không cần; hai là hoặc Bí-sô nói hãy đi; ba là Bí-sô hoặc nói thôi, bốn là Bí-sô hoặc nói đã đủ, năm là Bí-sô hoặc nói ăn xong rồi. Năm cách nói trên là quyết đoán không thọ thêm thức ăn nữa; ngược với năm cách nói trên gọi là năm duyên không thành ăn đủ."

Như Thế tôn dạy Bí-sô không nên ăn quá no hay ăn rồi lại ăn nữa, lúc đó Lục chúng Bí-sô dù no

hay không no vẫn ăn nữa, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "…Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ăn đủ rồi lại nữa, phạm Ba-dật-để-ca ." Sau đó có một trưởng giả thỉnh Phật và tăng đến nhà thọ thực, lúc đó có rất nhiều Bí-sô mắc bịnh, những người nuôi bịnh đi phó thực ăn no rồi lấy thức ăn mang về cho các Bí-sô bịnh ăn, nhưng các Bí-sô bịnh ăn không hết, người nuôi bịnh đã ăn đủ rồi nên không dám ăn nữa, lại không có cầu tịch hay tịnh nhân để cho họ ăn, bèn đem thức ăn dư đó đổ đống ở bên ngoài, chim quạ bay đến giành ăn kêu la inh ỏi. Thế tôn nghe rồi liền hỏi A Nan-đà: "Vì sao có tiếng chim kêu la như thế?", A Nan-đà liền đem sự việc trên bạch Phật, Thế tôn suy nghĩ: "Nay ta nên làm cho các Bí-sô được an lạc trụ và thí chủ được phước thọ dụng, nên cho các Bí-sô tác pháp dư thực để ăn", nghĩ rồi liền bảo A Nan-đà: "Nay ta cho phép các Bí-sô tác pháp dư thực để được tùy ý ăn". Lúc đó các Bí-sô không biết tác pháp như thế nào liền bạch Phật, Phật nói: "Trường hợp Bí-sô ăn đủ rồi, lại có thí chủ đem hai loại của năm món ăn đến, nếu Bí-sô cần nên rửa tay sạch rồi thọ, sau đó mang đến chỗ Bí-sô đang ăn mà chưa rời khỏi chỗ ngồi, ở trước vị ấy nói rằng: "Cụ thọ, tôi Bí-sô tên đã ăn đủ rồi lại được hai loại của năm món ăn, ý muốn ăn nữa nên đến trước cụ thọ xin tác pháp dư thực". Bí-sô

kia nên vì tác pháp dư thực bằng cách tự mình ăn vài miếng rồi nói: "Hãy mang đi, đây là thức ăn của thầy cứ tùy ý ăn". Sau khi tác pháp dư thực rồi, Bí-sô này được tùy ý ăn no. Nếu Bí-sô ăn đủ rồi, ý muốn ăn nữa mà không tác pháp dư thực, khi ăn phạm tội Việt pháp".

Có năm nhân duyên không thành tác pháp dư thực: ở ngoài giới, ở chỗ xa có che ngăn, ở sau lưng, ở một bên và vị đối tác pháp đã rời khỏi chỗ ngồi. Ngược với năm duyên trên thì thành tác pháp dư thực.

Lại có năm duyên không thành tác pháp dư thực: Ngoài giới, chỗ có ngăn che, không dùng đồ đựng, tay không cầm thức ăn đến và vị đối tác pháp đã rời khỏi chỗ ngồi. Ngược với năm duyên trên thì thành tác pháp dư thực. Một người tác pháp dư thực rồi có nhiều Bí-sô đến cùng ăn đều không phạm.

Lúc đó Thế tôn khen ngợi người trì giới, tôn trọng giới nói pháp tùy thuận cho các Bí-sô rồi nói: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni ăn đủ rồi, không làm pháp thức ăn dư mà ăn nữa thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Không làm pháp thức ăn dư là không đem hai loại của năm món ăn đến trước một Bí-sô ni khác-tác

pháp.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu có Bí-sô ni ăn đủ rồi, khởi tưởng ăn đủ rồi và nghi mà ăn nữa thì phạm Đọa. Ăn không đủ khởi tưởng là ăn đủ và nghi mà ăn nữa thì phạm Ác-tác. Ăn không đủ khởi tưởng ăn không đủ hoặc ăn đủ khởi tưởng là ăn không đủ mà ăn nữa đều không phạm. Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Ăn những thứ cháo như thế nào được gọi là ăn đủ?", Phật nói: "Cháo vừa chín nếu dựng cái muỗng vào mà không ngã, hoặc lấy ngón tay vẻ cái móc mà dấu không mất, ăn loại cháo này được gọi là ăn đủ", lại hỏi: "Thế tôn, ăn loại bún như thế nào được gọi là ăn đủ?", Phật nói: "Bún khi nấu với nước nếu dựng cái muỗng vào mà không ngã, hoặc dùng tay vẻ cái móc mà dấu không mất, ăn loại bún như thế được gọi là ăn đủ. Lại nữa tất cả loại cháo lỏng, bún lỏng đều gọi là ăn không đủ".

Học Xứ Thứ 23: KHUYÊN NGƯỜI KHÁC ĂN ĐỦ

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, chỉ khác đối tượng trong học xứ này là người vợ không phải người chồng, lúc đó người vợ đến chỗ Bí-sô ni cầu xin xuất gia, vị ni này dẫn đến chỗ vị Thân giáo sư để cho xuất gia. Cho xuất gia xong, vị Thân giáo sư bảo Bí-sô ni giáo thọ người nữ mới xuất gia này. Thời gian sau có một trưởng giả thỉnh Phật

và Tăng đến nhà thọ thực, thọ thực xong đến nhà một thí chủ thân quen lại được cúng thêm thức ăn, vị thầy hỏi người đệ tử già: "Cô muốn được thức ăn này không?", đáp là muốn được, nói rồi liền nhận lấy hai phần thức ăn mang về chùa. Về đến trong chùa vị thầy hỏi người đệ tử già: "Cô muốn lược nước hay đi tác pháp dư thực?", đáp: "Con đi tác pháp dư thực". Vị thầy liền đi lược nước còn đệ tử đi đến chỗ Bí-sô ni chưa ăn xong mang phần thức ăn của mình ra xin tác pháp dư thực, còn phần thức ăn của thầy thì không làm. Vị thầy lược nước xong trở vào trong chùa hỏi người đệ tử già đã tác pháp dư thực chưa, liền đáp là đã tác pháp rồi nên vị thầy lấy phần thức ăn của mình ra ăn. Đợi thầy ăn xong, người đệ tử già nói: "Thầy cho phép con gạn hỏi tội phạm?", thầy nói: "Cô cứ tùy ý hỏi", đệ tử nói: "Thầy có tội phải như pháp sám hối", thầy nói: "Tôi không thấy tội", đệ tử nói: "Thầy không tác pháp dư thực mà ăn", thầy nói: "Này cụ thọ, tôi há không hỏi cô đã tác pháp dư thực chưa, cô nói đã tác pháp rồi, tại sao đợi tôi ăn rồi cô mới nói là không tác pháp dư thực?", đệ tử nói: phần của con thì đã tác pháp rồi, nhưng phần của thầy thì không làm", thầy nói: "Này cụ thọ, tôi thật không có tội, chuẩn theo lý thì cô mới có tội". Thầy giáo thọ liền đem việc này bạch các Bí-sô ni, các Bí-sô ni liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho

đến câu: "… Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni biết Bí-sô ni khác ăn đủ rồi, không làm pháp dư thực mà khuyên ăn nữa, nói rằng: Cụ thọ nên ăn thức ăn này, chỉ vì muốn cho người kia phạm tội, sanh ưu não thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Bí-sô ni đệ tử già. Biết là tự biết hay do người khác nói mà biết. Bí-sô ni khác là chỉ cho người trong giáo pháp này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni biết người khác ăn đủ rồi, không làm pháp dư thực mà khuyên người kia ăn hai loại của năm món ăn thì phạm Đọa.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 14

Học Xứ Thứ 24: ĂN BIỆT CHÚNG

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Phật ở thành Vương-xá, Đề-bà-đạt-đa vẫn ở trong giới nhưng lại cùng năm trăm Bí-sô khác ăn riêng chúng nên các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp hai bộ Tăng quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-để-ca. Sau đó lại có Bí-sô, Bí-sô ni thân mang bịnh khổ nên Phật nói trừ nhơn duyên bịnh; lại có vị đi đường hoặc làm việc chúng phải nhịn ăn nên Phật nói trừ khi đi đường và làm việc chúng; lại có vị quá giang thuyền đi phải nhịn ăn nên Phật nói trừ khi đi thuyền… cho đến câu trừ khi đại thí hội. Lúc đó vua Ảnh-thắng khi chưa Kiến đế đã đem Trúc-lâm cúng cho ngoại đạo lộ hình, sau khi được Kiến đế liền bỏ ngoại đạo đem Trúc-lâm cúng cho Phật và tăng. Cậu của vua trước kia xuất gia theo ngoại đạo sau khởi lòng tin Phật phát tâm cúng dường Bí-sô… cho đến câu trừ khi Sa môn thí thực. Lúc

đó Thế tôn khen ngợi người thiểu dục và tôn trọng giới, tùy thuận nói pháp yếu rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ăn biệt chúng phạm Ba-dật-đề-ca, trừ thời khác."

Ăn riêng chúng là ở trong một giới không cùng chúng đống ăn. Trừ thời khác: Khi bịnh là người bịnh không thể ngồi yên suốt trong bữa ăn; khi làm việc là làm công việc của tháp hay của chúng, cho đến quét dọn lau chùi; khi đi đường là đi và về khoảng một trạm đường hay nửa trạm; khi đi thuyền là đi trên thuyền qua một trạm hay nửa trạm; khi đại hội là khi có nhiều người tụ tập; khi sa môn thí thực là chỉ cho các ngoại đạo ngoài Phật pháp, vì họ cũng nhọc thân cầu đạo nên gọi là sa môn. Những thời này được ăn biệt chúng, đây là tùy khai. Trú xứ có hai là trú xứ căn bản và trú xứ ngoài viện, khi Bí-sô ni ăn ở trong trú xứ căn bản thì nên hỏi Bí-sô ni ở ngoài viện có cùng đến ăn hay không, nếu không hỏi mà ăn thì phạm Ác-tác. Khi Bí-sô ni ở ngoài viện ăn nên hỏi Bí-sô ni ở bổn xứ có cùng đến ăn không, nếu không hỏi mà bốn người cùng ăn thì phạm Đọa; nếu chỉ Có ba người ăn, một người không ăn; hoặc ba người là viên cụ, một người chưa là viên cụ cùng ăn thì không phạm. Nếu đem thức ăn đến cho vị kia, cho đến đem cho Bí-sô ni ở trú xứ kia muối hay rau trái cũng đều

không phạm; hoặc thi chủ nói: "Vị nào đến nhà tôi đều thỉnh thọ thực"; hoặc thí chủ xây phòng riêng để cúng nói rằng: "Vị nào vào phòng này tôi đều dâng cúng" cùng ăn đều không phạm.

Học Xứ Thứ 25: ĂN PHI THỜI

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Thập thất chúng sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực bị các Bà-la-môn, trưởng giả sân mắng phải mang bát không trở về và nhịn đói. Xế trưa đói bụng vào trong vườn đến trước những người thế tục lấy tay xoa bụng rồi nói kệ:

"Phật nói lời mỹ diệu,
Ảnh hưởng khắp thế gian,
Khổ vì đói đứng đầu,
Lời này thật không sai".

Những người thế tục này đưa thức ăn cho ăn…, Thập thất chúng ăn phi thời như vậy nên Phật quở trách và chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ăn phi thời, phạm Ba-dật-đề-ca."

Phi thời có hai là từ giờ ngọ trở đi và sáng lúc mặt trời chưa mọc. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni phi thời tưởng là phi thời và nghi mà ăn đều phạm Đọa. Nếu thời tưởng là phi thời và nghi mà ăn thì phạm Ác-tác. Nếu thời tưởng là thời; phi thời tưởng là thời thì không phạm.

Học Xứ Thứ 26: ĂN THỨC ĂN ĐÃ TỪNG XÚC CHẠM

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó thường pháp của cụ thọ Ca-la là mỗi khi ở thôn xóm thành ấp nào vào sáng sớm đắp y mang bát theo thứ lớp khất thực, oai nghi tỏ rõ, phòng hộ các căn, khéo an trụ chánh niệm. Khi được thức ăn nếu là cơm nhão thì đựng trong bát, nếu là cơm khô thì đựng trong đãy bát, cơm nhão trong bát thì ăn trong ngày, còn cơm khô thì hong phơi rồi cất trong một hủ bằng sành, gặp lúc trời mưa gió lạnh thì lấy nước nóng rưới lên cơm khô này để ăn, ăn no rồi liền thọ an lạc giải thoát của tĩnh lự đẳng trì đẳng chí vi diệu.… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ăn thức ăn đã từng xúc chạm thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Đã từng xúc chạm có hai: Một là trước giờ ngọ thọ, qua giờ ngọ xúc chạm; hai là qua giờ ngọ thọ, qua giờ ngọ lại xúc chạm. Nếu Bí-sô ni biết thức ăn này đã từng xúc chạm, không tác pháp mà ăn lại thì phạm Đọa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni đối với thức ăn đã từng xúc chạm, khởi tưởng là đã từng xúc chạm và nghi mà ăn thì phạm Đọa. Nếu chẳng phải đã từng xúc chạm khởi tưởng là đã từng xúc chạm và nghi mà ăn thì phạm

Ác-tác. Nếu chẳng phải đã từng xúc chạm khởi tưởng là không phải đã từng xúc chạm; hoặc đã từng xúc chạm lại khởi tưởng là chẳng phải đã từng xúc chạm đều không phạm. Phật nói: "Nếu Bí-sô ni từng xúc chạm bát chưa rửa sạch cho đến cái muỗng rồi lấy dùng để ăn đều phạm Đọa. Nếu tay xúc chạm vào các vật như đãy bát… sau đó không rửa tay sạch mà cầm lấy thức ăn ăn đều phạm Đọa. Nếu Bí-sô ni muốn uống nước, không súc miệng mà uống thì Ác-tác, nếu rửa tay sạch hay súc miệng sạch rồi thì không phạm".

Học Xứ Thứ 27: KHÔNG THỌ MÀ ĂN

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Bí-sô Đại-ca-la dùng bát, y, thức ăn và ngọa cụ được vất bỏ nơi Thâm-ma-xá-na. Sao gọi là bát nơi Thâm-ma-xá-na? Nếu có người chết đem đến bỏ nơi Thâm-ma-xá-na, các thân tộc dùng cái âu hay bát sành đựng đồ cúng tế cho người chết thì Đại-ca-la lượm lấy cái âu hay cái bát này rửa sạch rồi dùng để đựng thức ăn. Sao gọi là y nơi Thâm-ma-xá-na? Nếu thân tộc dùng tấm vải phủ cho người chết khi đem bỏ nơi Thâm-ma-xá-na thì Đại-ca-la lượm lấy tấm vải này đem về giặt nhuộm rồi cắt may thành y để mặc. Sao gọi là thức ăn nơi Thâm-ma-xá-na? Nếu thân tộc dùng năm loại đoàn thực cúng cho người chết thì Đại-ca-la sau đó lấy ăn. Sao gọi là ngọa cụ nơi Thâm-ma-xá-na? Nghĩa là

Đại-ca-la thường ngủ ở trong rừng thây chết. Do vậy nếu có người chết nhiều mang đến trong rừng thây chết thì Đại-ca-la mập mạp, sáng sớm khỏi phải vào thành khất thực; nếu không có người chết thì Đại-ca-la thường phải vào thành khất thực. Người giữ cửa thành thấy vậy liền suy nghĩ: "Nếu có người chết thì Bí-sô Đại-ca-la khỏi vào thành khất thực, nếu không có người chết thì phải vào thành khất thực, há không phải Thánh giả này ăn thịt người chết hay sao?". Lúc đó trong thành có một Bà-la-môn vừa mới qua đời, gia đình đưa tử thi đến trong rừng thây chết làm lễ hòa táng, người vợ và con gái đứng bên đống lửa khóc. Lúc đó Đại-ca-la đang đứng nhìn lửa thiêu thây chết, người con gái trông thấy liền nói với mẹ: "Hôm nay Thánh giả Đại-ca-la giống như con quạ mù đứng giữ thây chết". Có người nghe được lời nói này liền nói cho các Bí-sô biết, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Người con gái của Bà-la-môn kia tự làm tổn hại, đệ tử thanh văn của ta đức như núi Diệu cao mà nói lời thô ác khinh hủy nhau, do nghiệp ác này trong năm trăm đời phải làm con quạ mù". Dân chúng trong thành xa gần đều nghe được lời thọ ký này của Thế tôn… cho đến câu Đại-ca-la chạy đến xua đuổi con Dã can không cho nó lấy đồ cúng để mình lấy ăn…, mọi người nói: "Mặc cho thầy nói là ăn vật gì, nhưng khắp trong thành đều đồn là thầy ăn thịt người chết". Nói xong mọi người cùng

đến chỗ các Bí-sô kể lại sự việc trên, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Thế tôn nghe rồi suy nghĩ: "Tất cả các Bí-sô do không thọ mà ăn nên có lỗi này phát sanh", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "Có thọ lấy mới được ăn để người khác chứng biết", các Bí-sô không biết thọ lấy như thế nào, Phật nói: "Có năm cách thọ lấy:

Một là thân trao cho, thân thọ: Nghĩa là người kia dùng tay trao cho, mình dùng tay thọ lấy.

Hai là thân trao cho, dùng vật thọ: Nghĩa là người kia dùng tay trao cho, mình dùng bát để thọ lấy.

Ba là dùng vật trao cho, thân thọ lấy: Nghĩa là người kia dùng bát trao cho, mình dùng tay thọ lấy.

Bốn là dùng vật trao cho, dùng vật thọ lấy: Nghĩa là người kia dùng bát trao cho, mình dùng bát thọ lấy.

Năm là để dưới đất thọ lấy: Có một biên quốc, người trong nước đó phần nhiều xấu ác, cho đến cha mẹ, anh em… cũng hiềm hận nhau, không cần gần nhau.

Nếu Bí-sô đến biên quốc này ở bên đường khất thực nên làm đàn tiểu Mạn-trà-la rồi đặt bát trên đàn đứng một bên duyên nơi bát, nếu có ai cúng thí thì bảo bỏ vào bát, đó gọi là thọ.

Có năm cách không thành thọ thực: Chỗ thấy xa, chỗ ngăn che, ở bên cạnh, ở sau lưng và lúc

chắp tay. Ngược với trên là năm cách thành thọ thực"…. Cho đến câu các Bí-sô được cúng trái cây không thọ, Phật bảo nên thọ, tác tịnh rồi ăn, các Bí-sô không biết tác tịnh như thế nào, Phật nói: "Có năm cách tác tịnh là bằng lửa, bằng dao, bằng móng tay, bằng cách làm cho khô hoặc do chim mổ cắn. Lại có năm cách tác tịnh là bằng cách nhổ gốc, dùng tay bẻ gãy, hoặc cắt đứt, hoặc chẻ ra, hoặc lấy hết hạt ra". Như Phật đã dạy thọ lấy rồi mới ăn, Lục chúng thọ hay không thọ đều ăn, các Bí-sô thiểu dục chê trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "… Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, thức ăn không thọ mà đưa vào miệng ăn nhai thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Sau đó có một Bí-sô ni thấy nước và tăm không có người trao phải vào trong thôn xóm để tìm người trao cho, Phật nói trừ nước và tăm xỉa răng. Sau đó lại có Bí-sô du hành trong nhân gian đi qua con đường nguy hiểm, không có người trao cho thức ăn, có con vượn, khỉ, gấu… mang thức ăn đến cho Bí-sô, Bí-sô không dám nhận…, Phật nói: "Nếu là loài hữu tình có hiểu biết, đã trao hay chưa trao thức ăn, Bí-sô đều được nhận để ăn". Do nhân duyên này, Phật bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, thức ăn không thọ mà đưa

vào miệng ăn nhai thì phạm Ba-dật-để-ca, trừ nước và tăm xỉa răng."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Không thọ là không nhận được từ người khác.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni đối với thức ăn không thọ, khởi tưởng không thọ và nghi… phạm hai nặng hai nhẹ và hai không phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ 28: DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó ở trong vườn Cù sư la nước Kiều-thiểm-tỳ, Bí-sô Xiển đà dùng nước có trùng, các Bí-sô thấy liền nói: "Sao cụ thọ lại cố tâm dùng nước có trùng", Xiển đà nói: "Số trùng trong nước này đâu có ai giao cho tôi, ở trong bình, chậu, ao hồ và bốn biển rộng lớn sao chúng không đến ở, chúng tự sanh tự diệt đối với tôi có tội gì", các Bí-sô thiểu dục chê trách Xiển đà rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô cho đến câu: " …Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết nước có trùng mà thọ dụng, phạm Ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Biết là tự biết hay người khác nói cho biết. Nước có trùng, trùng phân biệt có hai: Một là vừa nhìn liền thấy, hai là do lược nước mới thấy. Thọ dụng

có hai: Nội thọ dụng là dùng cho nội thân như ăn uống, tắm rửa…; ngoại thọ dụng là dùng cho việc ngoài thân như giặt y, rửa bát…

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni dùng nước có trùng, khởi tưởng có trùng và nghi đều phạm Đọa; nước không có trùng, khởi tưởng có trùng và nghi đều phạm Ác-tác; hai câu sau không phạm. Nếu Bí-sô ni biết đường, mật, sữa dầu… có trùng sanh mà thọ dụng đều phạm Đọa.

Học Xứ Thứ 29: CHO NGOẠI ĐẠO THỨC ĂN

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó ở trong thành Vương-xá các thương nhơn đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật nói diệu pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi im lặng. Các thương nhơn nghe pháp xong thâm tâm Hoan-hỉ đảnh lễ Phật rồi lui ra, sau đó đến chỗ A Nan-đà đảnh lễ rồi ngồi một bên, tôn giả cũng nói diệu pháp cho họ nghe rồi im lặng, các thương nhơn bạch rằng: "Đại đức, Thế tôn sau khi hạ an cư xong sẽ đến nơi đâu?", tôn giả nói: "Các vị nên tự đến hỏi Thế tôn", các thương nhơn nói: "Thế tôn oai đức tôn nghiêm, chúng tôi không dám gạn hỏi", tôn giả nói: "Tôi xem xét tướng mạo, biết Thế tôn hạ an cư xong sẽ đi đến thành Thất-la-phiệt". Đúng như dự đoán Thế tôn hạ an cư xong cùng đại chúng đi đến thành

Thất-la-phiệt… cho đến câu trong đoàn thương buôn có ngoại đạo lộ hình đi theo, do không được thức ăn nên hiện tướng đói khát. Các Bí-sô ni thấy vậy liền mang thức ăn dư trong bát đưa cho họ ăn… cho đến câu ngoại đạo lộ hình này sau đó gặp một ngoại đạo lộ hình khác hỏi: "Ai giúp cho các vị lương thực dọc đường?", đáp là Thích nữ trọc đầu, ngoại đạo lộ hình kia nghe rồi sanh tâm bất nhẫn liền nói kệ:

"Làm sao thân ngươi không sa đọa,
Lưỡi ngươi sao không xé thành trăm,
Làm sao chư thần thấy việc này,
Lại không sét đánh nát thân ngươi,
Dã can theo Sư tử ăn dư,
Lại thường nghĩ cách hại Sư tử,
Thập lực Thánh chúng đem cơm cho,
Ngươi nay bị mắng không biết ân,
Thánh chúng chứng được Nhất thiết trí,
Bạn hay không, tâm đều bình đẳng,
Ngoại đạo các ngươi thật đáng ghét,
Vậy mà vẫn còn cứu giúp nhau,
Người nào không biết ân và nghĩa,
Phải biết người này không bằng chó,
Chó đối với người còn biết ân,
Ngươi tợ rắn dữ thường phun độc".

Ngoại đạo nói kệ rồi liền bỏ đi, đây là duyên khởi nhưng Phật chưa kiết giới.

Phật khi đến trong thành Thất-la-phiệt, có năm trăm người thỉnh Phật và Tăng thọ thực… cho đến câu có hai nữ ngoại đạo một già một trẻ đến xin thức ăn. Khi tôn giả đưa cho bánh cho họ không xem kỹ có cái bánh dính đôi, người già được một cái bánh, còn người trẻ được cái bánh dính đôi, người già thấy vậy liền nói: "Chắc là Vương tử sanh tâm ái niệm em nên mới đưa cho em cái bánh dính đôi", người trẻ nói: "Đừng nói như vậy, Vương tử đã bỏ cung điện nguy nga, nhàm chán thế tục xuất gia, thoát khỏi trần lao như bỏ đàm dãi". Các Bí-sô thiểu dục nghe biết chê trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: " … Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự tay trao thức ăn cho ngoại đạo không y và các nam nữ ngoại đạo khác thì phạm Ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni tự tay trao thức ăn cho các nam nữ ngoại đạo đều phạm Đọa, nếu là thân tộc hay người bịnh thì không phạm; hoặc muốn dùng thức ăn làm nhân duyên để trừ bỏ ác kiến cho họ thì không phạm.

Học Xứ Thứ 30: XEM QUÂN TRẬN

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó

trong thành Thất-la-phiệt vua Thắng-quang sai vị đại tướng đem quân đến Biên phương chinh phạt phản loạn. Lục chúng Bí-sô nghe tin quân binh sắp ra trận liền nói với nhau: "Chúng ta nên đi xem quân trận", đến nơi thấy đoàn tượng quân đi đến, Nan-đà liền hỏi: "Các ông đến nơi đâu?", đáp là ra biên thùy dẹp loạn, Nan-đà nói: "Đoàn quân voi như thế này làm sao chiến thắng được, ta xem thấy voi của ông hình tướng như heo, còn voi của giặc to như núi Nhạc, còn xem hình dáng của ông có đi mà không có về, vậy ông hãy trở lại từ biệt tôn thân rồi hãy tòng quân" … cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đến xem chỉnh trang quân, phạm Ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Chỉnh trang quân là chỉnh đốn quân nghi trước khi ra trận như mặc áo giáp, đội mũ trụ… bốn binh là đội quân thứ nhất chỉ toàn voi gọi là Tượng quân, đội quân thứ hai kiêm dùng ngựa gọi là Mã quân, đội quân thứ ba kiêm dùng xe gọi là Xa quân, đội quân thứ tư kiêm đi bộ gọi là Bộ quân.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni xem chỉnh trang quân phạm Đọa, nêu Bí-sô ni trên đường khất thực gặp quân binh đi đến, hoặc chùa gần đại lộ, hoặc quân đội vào trong chùa, hoặc được vua, phu nhân, vương tử, đại

thần… thỉnh mời dù thấy quân binh cũng không phạm, khi thấy quân binh không được phê bình tốt xấu hay dở, hoặc một trong tám nạn duyên hiện tiền dù thấy quân binh cũng không phạm.

Nhiếp Tụng Bốn:

Xem quân hai giới, đánh, dọa,
Che giấu tội, đến tục gia,
Đốt lửa, gởi dục, hai đêm,
Nói dục không phải chướng ngại.

Học Xứ Thứ 31: NGỦ TRONG QUÂN TRẬN QUÁ HAI ĐÊM

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó vua Thắng-quang thân chinh ra đến biên thành dẹp phản loạn nhưng vẫn không hàng phục được, đại thần tâu vua: "Trưởng giả Cấp-cô-độc có đại phước lực, nếu trưởng giả đến đây có thể khiến cho giặc quy hàng", vua liền sắc chỉ triệu trưởng giả đến trong quân, tuy ở trong quân nhưng trưởng giả lại nhớ đến Phật và Thánh chúng. Vua liền sắc thư bạch với Tăng chúng, Lục chúng lấy thẻ bằng lòng đi đến trong quân trận, đến nơi lại giống như trước phê bình chỉ trích bốn binh, khiến cho bốn binh mất hết tinh thần chiến đấu… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni có nhân duyên đến trong quân trận chỉ được ở lại chừng hai đêm, nếu quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào? Nếu các Bí-sô ni ở lại trong quân trận quá hai đêm phạm Đọa, nếu vua… thỉnh mời ở lại, hoặc có tám nạn duyên phải ở lại quá hai đêm thì không phạm.

Học Xứ Thứ 32: NHIỄU LOẠN QUÂN BINH

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Lục chúng ở trong quân trận ẩn núp mai phục ở trong rừng đồng loạt hét lên để khủng bố và nhiễu loạn quân binh… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ở trong quân trận hai đêm mà xem chỉnh tranh quân đội, xem bày binh bố trận thì phạm Ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Bày binh bố trận: bày binh có bốn loại: Sư tử kỳ binh, Đại ngưu kỳ binh, Kình ngư kỳ binh và Kim súy điểu kỳ binh; bố trận có bốn loại: Sóc nhẫn thế trận, Xa viên thế trận, Bán nguyệt thế trận và Bằng dực thế trận.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni ở lại hai đêm trong quân trận xem bốn loại binh chủng, khi chưa mặc giáp trụ cầm binh khí thì phạm Ác-tác, khi chỉnh trang quân binh xong thì phạm Đọa. Nếu nhà vua… thỉnh ở lại và tám nạn duyên xảy đến thì không phạm như

giới trên.

Học Xứ Thứ 33: ĐÁNH BÍ SÔ NI

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó cụ thọ Đại Mục-kiền-liên độ cho mười bảy thiếu niên xuất gia, khi cụ thọ du hành trong nhân gian có dặn bảo họ nương ở trong Tăng, họ liền y chỉ Ô-đà-di, Ô-đà-di bảo họ làm việc này việc nọ thì họ không chịu làm nên Ô-đà-di tức giận đánh một người nhưng cả mười bảy người đều đồng loạt lớn tiếng kêu khóc… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni vì sân giận không vui mà đánh Bí-sô ni khác, phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Bí-sô ni khác là chỉ cho người trong pháp này đã thọ viên cụ.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni dùng nội thân phần hay dùng vật ngoài thân hoặc kiêm dùng cả hai đều phạm Đọa. Nội thân phần là Bí-sô ni do sân giận dùng một ngón tay đánh Bí-sô ni thì phạm một tội Đọa, cho đến năm ngón tay thì năm tội Đọa, cú nắm tay, cánh tay, vai, đầu gối… đều phạm Đọa. Dùng vật ngoài thân là Bí-sô ni do sân giận dùng cỏ cây, cung tên hay các loại khí cụ đánh hay từ xa ném tới tùy trúng một chỗ nào trên thân người kia đều phạm Đọa. Kiêm dùng cả hai là Bí-sô ni tay cầm

dao, gậy… đánh tùy trúng một nơi nào trên thân người kia đều phạm Đọa. Nếu vì muốn người kia sợ hoặc vì thành tựu chú thuật đều không phạm.

Học Xứ Thứ 34: GIƠ TAY DỌA ĐÁNH

Duyên khởi giống như giới trên trong luật Bí-sô, lúc đó Ô-đà-di giơ tay dọa đánh một người trong mười bảy người nhưng cả mười bảy người đều đồng loạt lớn tiếng kêu khóc… Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni vì sân giận không vui, giơ tay dọa đánh Bí-sô ni khác thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích từ ngữ và tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ 35: CHE GIẤU TỘI NGƯỜI KHÁC

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Bí-sô Nan-đà có một đệ tử thân giáo tên là Đạt-ma thường ôm lòng hổ thẹn, ưa thích trì giới hạnh, thường tự truy hối. Một hôm Đạt-ma bạch thầy: "Nay con muốn đến chỗ yên tĩnh để tu tập theo ý mình", Nan-đà nói: "Con nên cẩn thận", Ô-ba-Nan-đà nghe hai thầy trò nói như vậy liền bảo Đạt-ma: "Thầy hãy cầm tọa cụ của tôi, tôi cùng đi với thầy", Đạt-ma nói: "Thầy cũng đến trong rừng vắng để tĩnh lự hay sao?", Ô-ba-Nan-đà nói: "Thầy nói tâm ta tán loạn không thể tĩnh lự được hay sao?", Đạt-ma liền cầm tọa cụ của Ô-ba-Nan-đà

đến trong rừng vắng để bên một gốc cây … cho đến câu Ô-ba-Nan-đà khởi tâm dục nhiễm nắm cánh tay và ôm người nữ hôn, sau đó đến chỗ Đạt-ma hỏi có thấy gì không, Đạt-ma nói: "Các việc khác đều thấy, chỉ trừ giao hội", Ô-ba-Nan-đà nói: "Cụ thọ có biết cũng đừng nói với ai", Đạt-ma nói: "Cho đến khi chưa gặp Bí-sô thiện thì tôi hoàn toàn không nói", Ô-ba-Nan-đà nói: "Thân giáo sư của thầy làm những việc xấu xa, tôi đều che dấu, thầy thấy lỗi của tôi mà lại không che dấu hay sao?", Đạt-ma nói: "Biết người khác có thô ác mà che dấu cho nhau, tôi sẽ bạch các Bí-sô". Nói rồi liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "… Nay chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết Bí-sô ni khác có tội thô ác mà che dấu, phạm Ba-dật-đề-ca ."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Tội thô ác có hai: Tội Tha-thắng và tội Chúng giáo, trong học xứ của ni là chỉ cho tội Chúng giáo (Tăng-tàn). Tướng phạm là khởi tâm che giấu tội Thô thì phạm Đọa, nếu là tội Đọa thì che giấu cho đến khi mặt trời chưa mọc thì phạm Ác-tác, nếu sợ người khác hại đến phạm hạnh hay mạng nạn phải che giấu thì không phạm.

Học Xứ Thứ 36: RỦ CÙNG ĐẾN TỤC

GIA MÀ KHÔNG CHO ĂN

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Ô-ba-Nan-đà nói với Nan-đà: "Đại đức nên biết, đệ tử của thầy là Đạt-ma có hiềm khích với tôi, muốn vạch bày tội lỗi của tôi, tôi muốn làm việc bất lợi cho Đạt-ma hoặc khiến cho một ngày nhịn đói" … Cho đến câu Ô-ba-Nan-đà và Nan-đà rủ Đạt-ma cùng đi đến một tục gia thọ thỉnh thực nhưng cuối cùng lại làm cho Đạt-ma không được ăn.… Phật do duyên này quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni nói với Bí-sô ni khác rằng: Cụ thọ hãy cùng tôi đi đến nhà thế tục, tôi sẽ bảo họ cúng thức ăn ngon. Bí-sô ni kia nghe rồi liền cùng đi nhưng cuối cùng lại không được ăn, còn bị xua đuổi nói rằng: Cô hãy đi đi, tôi cùng cô nói chuyện hay ngồi chung đều không vui, tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình vui hơn. Khi nói lời này là muốn cho Bí-sô ni kia sanh phiền não thì phạm Ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là người trong pháp luật này. Cô hãy đi đi… là lời xua đuổi, khởi ý xúc não muốn khiến cho người kia nhịn đói, chỉ do lý do này không vì việc gì khác.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu lại có Bí-sô ni cố tâm khiến cho Bí-sô ni khác nhịn đói thì phạm Đọa, nếu vì bịnh thầy thuốc

bảo nhịn ăn, không cho ăn thì không phạm.

Học Xứ Thứ 37: ĐỐT LỬA

Duyên khởi ở thành Vương-xá giống như trong luật Bí-sô, lúc đó các thương nhơn trong thành suy nghĩ: "Thế tôn an cư xong muốn du hành đến đâu, chúng ta sẽ đi theo và chở nhiều phẩm vật để thừa sự cúng dường", nghĩ rồi liền đến hỏi A Nan-đà… cho đến câu A Nan-đà nói: "Xem tướng mạo thì biết Thế tôn sẽ đến thành Vương-xá", thương chủ liền hỏi mỗi ngày Thế tôn đi được bao nhiêu dặm đường để chuẩn bị phẩm vật cúng dường ở mỗi chặn đường. Trên đường đi A Nan-đà thường đi trước khi đến một ngã rẽ: Một bên là con đường thẳng có nhiều sư tử hổ lang…, một bên là con đường quanh co nhưng an ổn; A Nan-đà đợi bạch Phật quyết định… cho đến câu Như lai đã xa lìa mọi sợ hãi từ lâu, sư tử hổ lang đều không thể làm gì được.… Phật đi theo con đường thẳng nguy hiểm đến một thôn xóm thì thấy có hai đồng tử đang chơi giỡn ở đầu thôn, mười một cầm trống, mười một cầm cung; cả hai cùng đi trước dẫn đường cho Phật. Lúc đó Phật mỉm cười, từ trong miệng phóng ra hào quang năm sắc chiếu xuống hay chiếu lên, nếu chiếu xuống thì chiếu đến ngục Vô gián và các ngục khác khiến cho chúng sanh trong đây đang bị đốt nóng liền được mát mẻ, đang bị lạnh cóng liền được ấm áp. Họ cảm thấy an lạc

liền suy nghĩ: "Ta và mọi người từ cảnh khổ địa ngục chết đi, được sanh vào cõi khác chăng?". Thế Tôn sau khi làm cho các hữu tình kia sanh tín tâm liền hiện nhiều tướng khác nữa, thấy những tướng này họ liền suy nghĩ: "Chúng ta không phải chết ở đây sanh về cõi kia, mà là do sức oai thần của Đại thánh đã khiến thân tâm chúng ta hiện được an lạc". Đã sinh tín kính thì có thể diệt các khổ, ở cõi nhơn thiên được thọ thân thắng diệu, thành chơn pháp khí thấy được lý chơn đế. Nếu hào quang chiếu lên thì đến cõi trời Sắc cứu cánh, trong hào quang diễn nói các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã… và nói kệ:

"Người nên cầu xuất ly,
Siêng tu lời Phật dạy,
Hàng phục quân sanh tử,
Như voi xô nhà cỏ,
Ở trong pháp luật này,
Nên tu không phóng dật,
Khô được biển phiền não,
Dứt hết bờ mé khổ."

Hào quang này sau khi chiếu khắp ba ngàn Đại thiên thế giới liền trở về chỗ Phật, nếu Thế Tôn nói việc quá khứ thì hào quang trở vào phía sau lưng, nếu nói việc vị lai thì hào quang trở vào phía trước ngực, nếu nói việc địa ngục thì hào quang trở vào phía dưới chân, nếu nói việc bàng sanh thì hào quang trở vào phía gót chân, nếu nói việc ngạ quỷ

thì hào quang trở vào phía ngón chân, nếu nói việc loài người thì hào quang trở vào đầu gối, nếu việc của Lực luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay trái, nếu nói việc của Chuyển luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay phải, nếu nói việc cõi trời thì hào quang trở vào rốn, nếu nói việc của Thanh văn thì hào quang trở vào miệng, nếu nói việc của Độc giác thì hào quang trở vào phía giữa hai chân mày, nếu nói việc của đạo quả Chánh đẳng chánh giác thì hào quang trở vào phía trên đảnh đầu. Lúc đó ánh sáng xoay quanh Phật ba vòng rồi vào từ đảnh, cụ thọ A Nan-đà liền bạch Phật: "Thế tôn Như lai Ứng chánh đẳng giác không phải không nhân duyên mà vui vẻ mỉm cười", liền nói kệ tụng:

"Thế tôn lìa trạo cử, kiêu mạn,
Trong các hữu tình, Phật bậc nhất,
Hàng phục phiền não và các oán,
Nếu không duyên cớ không mỉm cười,
Như lai tự chứng chơn diệu giác,
Tất cả thính giả đều muốn nghe,
Xin Mâu ni tối thắng tuyên dương,
Giải tỏa lòng nghi của đại chúng".

Thế tôn nói: "Đúng vậy, Như lai Ứng chánh đẳng giác không phải không có nhân duyên mà hiện mỉm cười. Thầy có thấy hai đồng tử dẫn đường hồi nãy không, hai đồng tử này nhờ thiện căn này ở đời vị lai trong mười ba kiếp không bị

đọa trong ba đường ác, thường sanh trong cõi trời người ở thân sau cùng thành tựu đạo quả vô thượng chánh đẳng bồ đề vô thượng, một vị hiệu là Như lai Pháp cổ âm, một vị hiệu là Như lai Thí vô úy". Thế tôn nói lời thọ ký này rồi tiếp tục lên đường đến một thôn xóm ở ven rừng để nghỉ qua đêm. Như lời Phật dạy Bí-sô dù ở trong trú xứ hay ở dưới gốc cây đều theo thứ lớp lớn nhỏ phân chia chỗ nghỉ, lúc đó lục chúng được phân chia ở cạnh một cây khô. Ban đêm bị lạnh bức bách Lục chúng liền dùng lửa đốt cây khô để sưởi ấm, không ngờ trong bọng cây là chỗ ở của rắn, rắn bị khói xông nên bò lên nhánh cây rồi buông mình xuống, Lục chúng thấy rồi liền lớn tiếng kêu là sắp rớt, các thương nhơn nghe tiếng kêu lớn này cho là có sư tử đến liền hoảng sợ bỏ chạy tứ tán. Thế tôn liền hỏi A Nan-đà nguyên do, A Nan-đà liền đem sự việc trên bạch Phật, Phật bảo A Nan-đà: "Thầy hãy mau đến nói với các thương nhơn, Như lai ở chỗ nào thì chỗ đó lìa sợ hãi về sư tử, hãy nên quay trở lại chớ có sợ hãi nữa". A Nan-đà vâng lời Phật dạy đến thông báo khiến các thương nhơn yên tâm quay trở lại chỗ cũ, các Bí-sô thấy việc này rồi đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, tại sao Lục chúng kêu lớn sắp rớt lại khiến các thương nhơn kinh sợ bỏ chạy tứ tán, tại sao Thế tôn lại nhơn việc này an ủi khiến họ lìa sợ hãi?". Phật nói: "Chẳng phải chỉ ngày nay Lục chúng làm cho các thương nhơn hoảng sợ mà

từ thuở xưa cũng đã từng làm cho họ kinh sợ bỏ chạy tứ tán, ta cũng đã an ủi khiến họ lìa ưu não. Các thầy lắng nghe: Thuở xưa có sáu con thỏ kết bạn nương ở bên nhau cạnh một ao nước trong rừng cây trái Tần loa, lúc đó trái Tần loa chín rụng xuống ao nước phát ra tiếng, sáu con thỏ này vừa nghe tiếng trái rụng này do thân hình nhỏ bé nhu nhược nên kinh sợ bỏ chạy tứ tán. Lúc đó con dã can thấy thỏ bỏ chạy liền hỏi nguyên do, thỏ nói: "Tôi nghe trong ao nước có tiếng động lạ, sợ có mãnh thú đến hại nên bỏ chạy", dã can nghe rồi cũng bỏ chạy theo, cứ như thế lan ra khắp các cầm thú trong rừng vừa nghe nói cũng đều bỏ chạy theo. Cách đó không xa có một sư tử chúa ở trong hang núi thấy các loài thú bỏ chạy tứ tán như thế liền nói: "Các ngươi đều có móng bén, răng nhọn và có sức mạnh, tại sao phải hoảng sợ bỏ chạy như thế?", tất cả đều nói như lời thỏ đã nói ở trên, sư tử hỏi: "Các ngươi nghe tiếng đáng sợ đó từ đâu", tất cả đều đáp là không biết từ đâu, sư tử nói: "Nếu chưa biết gốc ngọn thì đừng chạy nữa, để ta xem xét kỹ tiếng đáng sợ đó là tiếng gì, phát ra từ đâu", nói rồi liền hỏi cọp, cọp nói là nghe được từ con báo, như thế lần lượt hỏi đến con thỏ, thỏ nói là chính tai nghe được tiếng động lạ đó từ trong ao nước, sư tử liền dẫn các loài thú đến bên ao nước, tạm đứng chốc lát liền nghe tiếng trái Tần loa chín rụng xuống ao phát ra, sư tử nói: "Đây là tiếng của loại

cây trái ăn được rụng xuống ao, không gì phải sợ hãi". Lúc đó trong hư không chư thiên nói kệ:

"Không nên nghe người nói liền tin,
Phải đích thân xem xét tường tận,
Đừng như trái cây rớt trong ao,
Khiến thú trong rừng đều hoảng chạy".

Này các Bí-sô, sư tử chúa thuở xưa chính là thân ta, sáu con thỏ chính là Lục chúng, xưa kia đã làm cho các loài thú hoảng sợ, ta cũng đã an ủi khiến họ lìa sợ hãi; ngày nay lại làm cho các thương nhơn hoảng sợ, ta cũng an ủi khiến họ yên tâm". Sau đó Thế tôn tiếp tục lên đường đến thành Vương-xá, lúc đó Lục chúng Bí-sô ngồi bên đống lửa, mỗi người cầm cây củi đang cháy đùa giỡn vẽ hình tròn…, ngoại đạo trông thấy đều chê trách rằng: "Sa môn Thích tử cầm khúc củi đang cháy đùa giỡn có khác gì đồng tử, tại sao các người lại giảm phần chi dụng của vợ con cúng cho những người trọc đầu này". Các Bí-sô nghe rồi liền bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "… Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni tự đốt lửa, bảo người khác đốt lửa, phạm Ba-dật-đề-ca."

Thế tôn chế học xứ này rồi các Bí-sô không dám đốt nhang đèn cúng dường ở trong tháp cũng không thừa sự các Thân giáo sư, Quỹ phạm sư trong việc nấu nước, xông bát, nhuộm y…, Thế tôn biết nhưng vẫn hỏi A Nan-đà nguyên do, A Nan-

đà đem sự việc trên bạch Phật, Phật nói: "Nếu người cần dùng lửa, khi dùng cẩn thận giữ gìn thì không phạm. Khi dùng lửa nên khởi nghĩ rằng ta dùng lửa để cúng dường tháp Phật, hoặc thừa sự hai thầy hoặc vì mình và các đồng phạm hạnh cần dùng lửa để làm việc này việc kia, thì không phạm"…. cho đến vì các bịnh duyên khác. Phật bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni không bịnh mà vì mình đốt lửa hoặc bảo người đốt lửa, phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni dùng củi đang cháy đùa giỡn với nhau vẽ thành hình tròn… đều phạm Đọa. Khi Bí-sô ni đốt lửa nên khởi nghĩ cẩn thận đề phòng, nếu không khởi nghĩ mà vội đốt lửa thì phạm Đọa, tắt lửa cũng phạm đọa. Nếu Bí-sô ni cầm củi đang cháy bươi lửa trong tro rồi đem lửa ấy dùng nấu thức ăn, đốt đèn… đều phạm Ác-tác; nếu nếu bỏ móng tay… phun nước miếng vào lửa cũng phạm Ác-tác; nếu khi dùng lửa có khởi nghĩ cẩn thận đề phòng thì không phạm.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 15

Học Xứ Thứ 38: GỞI DỤC RỒI LẠI NGĂN

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó trong Lục chúng A thuyết ca và Bổ nại phạt tố đều qua đời, Nan-đà và Ô-ba-Nan-đà đều đã già nua. Thập thất chúng nay đã trưởng thành đều khỏe mạnh và tráng kiện lúc đó cùng bàn với nhau: "Chúng ta thường bị Lục chúng khinh khi, nay nương ở trong chúng chỉ còn có hai người, Ô-ba-Nan-đà là độc hại hơn, chúng ta nên tác pháp yết ma xả trí"… Cho đến câu Thập thất chúng phương tiện dối gạt không để cho thượng tỏa Nan-đà đến trong chúng rồi đánh kiền chùy nhóm chúng tác pháp yết ma Xả trí cho Ô-ba-Nan-đà, Ô-ba-Nan-đà liền đến chỗ Nan-đà khóc, Nan-đà nói: "Trì dục không thành là Ác dục, hãy trả dục lại cho tôi"…. Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni gởi dục cho người khác rồi sau hối hận nói: Hãy trả dục lại cho tôi, tôi không

gởi dục cho cô, thì phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Tướng phạm là nếu trước đã gởi dục rồi, sau lại hối hận nói như trên thì phạm Đọa.

Học Xứ Thứ 39: CÙNG NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ GIỚI ĐỒNG PHÒNG NGỦ QUÁ HAI ĐÊM

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Thế tôn nói diệu pháp cho đại chúng vây quanh, thính chúng lắng nghe quên cả mỏi mệt. Những người làm thuê sau khi nghe pháp xong nói với nhau: "Thế tôn nói pháp ban ngày chỉ người giàu nghe được, nếu Thế tôn nói pháp ban đêm chúng ta mới nghe được", Phật nói: "Nếu tụng kinh hay nói pháp ban đêm nâng đốt đèn cho sáng". Lúc đó Bí-sô Ma-ha-la không dụng tâm ngủ, mớ nói việc phi pháp khiến người tục nghe được liền chê trách, không chịu nghe pháp nữa. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Do đồng phòng cùng người chưa thọ cụ giới ngủ và đốt đèn sáng mới có lỗi náy sanh. Từ nay các Bí-sô, Bí-sô ni không nên cùng người chưa thọ cụ giới đồng phòng ngủ và đốt đèn đuốc". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới. Lúc đó tôn giả Xá-lợi-tử có hai cầu tịch là Chuẩn-đà và La-hổ-la trong hạ an cư không được phân chia phòng xá… cho đến câu La-hổ-la suy nghĩ: "Phi thời gặp Phật thưa hỏi là không có lý đó, ta nên đến

trong nhà vệ sinh ngủ qua đêm", nhà vệ sinh này trước đó đã được một thí chủ tịnh tín dùng bùn diệu hương thoa trét sạch sẽ nên La-hổ-la vào trong đó ngủ tạm. Đến đêm trời mưa lớn, nước mưa tràn ngập khiến cho con rắn độc ở trong hang dưới đất gần đó phải bò ra ngoài và bò vào trong nhà vệ sinh. Như lai đại sư chứng được tâm không quên, lúc đó khởi nghĩ: "Nếu La-hổ-la bị rắn độc này cắn chắc phải chết, chỉ còn lại cái tên gọi mà thôi. Dòng họ Thích kiêu ngạo sẽ sanh bất tín nói rằng: "Nếu La-hổ-la không xuất gia sẽ kế thừa ngôi vị Chuyển luân vương, nay xuất gia lại không có nơi nương tựa, phải nằm ngủ trong nhà vệ sinh bị rắn cắn chết thật là oan uổng", nghĩ rồi Như lai liền duỗi tay hữu ra như cái vòi voi đến chỗ La-hổ-la đang nằm, nhấc lên đưa đến phòng mình đặt trên giường, đêm đó Như lai hoặc đi hoặc ngồi cho đến sáng. Các Bí-sô sau khi thức dậy rửa mặt súc miệng xong liền đến chỗ Như lai đảnh lễ, thường pháp của Như lai là khi muốn chế học xứ cho các Bí-sô, nếu Bí-sô nào chưa đến thì đợi đến đủ, nếu Bí-sô nào đến rồi thì không cho đi để tập trung đầy đủ. Lúc đó La-hổ-la thức dậy thấy mình đang nằm trên giường của Phật nên hoảng sợ ngồi dậy. Sau khi các Bí-sô đến đủ, Phật bảo các Bí-sô: "Tất cả các Cầu-tịch, Cầu-tịch nữ không cha không mẹ, xuất gia nương theo các thầy là người đồng phạm hạnh. Nếu các thầy không thương yêu giúp đỡ thì còn ai giúp đỡ,

cho nên từ nay các Bí-sô, Bí-sô ni được cùng người chưa thọ cụ giới đồng phòng ngủ hai đêm không phạm". Lúc đó Lục chúng Bí-sô lại cùng ngủ quá hai đêm… Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cùng người chưa thọ cận viên đồng nhà ngủ quá hai đêm, phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này; người chưa thọ cụ túc là chỉ cho Cầu-tịch. Nhà có bốn loại: Một là có che lợp khắp hết và có vách ngăn khắp hết như các phòng xá và nhà khách…; hai là che lợp khắp hết nhưng chỉ có phần lớn là có vách ngăn tức là có cửa sổ thông với nhau; ba là phần lớn có che lợp nhưng có vách ngăn khắp hết tức là bốn mặt là nhà, bốn bên là vách nhưng bên trong có mái hiên, có hành lang thông với nhau; bốn là phần nhiều có che lợp và phần nhiều có vách ngăn, tức là nhà bốn mặt nhưng có một mặt không có vách ngăn hoặc ngăn phân nữa hoặc lợp phân nửa hoặc mái hiên giao nhau thì không phạm. Nếu bịnh cùng ngủ quá hai đêm cũng không phạm.

Học Xứ Thứ 40: KHÔNG BỎ ÁC KIẾN TRÁI CAN

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Bí-sô Vô tướng sanh ác kiến nói rằng: "Như lời Phật dạy dục là pháp chướng ngại không nên tập

hành, nhưng tôi biết pháp này khi tập hành chẳng phải là pháp chướng ngại", các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên tác pháp can riêng, nếu có Bí-sô, Bí-sô ni khác giống như vậy cũng nên tác pháp can như sau: Nên đến chỗ Bí-sô kia nói rằng: "Thầy chớ nói rằng như lời Phật dạy Dục là pháp chướng ngại không nên tập hạnh, nhưng tôi biết pháp này khi tập hạnh không phải là pháp chướng ngại". Thầy chớ phỉ báng Thế tôn, phỉ báng Thế tôn là không tốt, Thế tôn nói Dục là pháp chướng ngại thì khi tập hành nhất định là pháp chướng ngại. Thầy nên bỏ ác kiến này đi". Các Bí-sô vâng lời Phật can riêng nhưng Bí-sô kia cố chấp không chịu bỏ, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói nên tác pháp Bạch tứ yết ma chánh can cho đến yết ma Xả trí, nhưng Bí-sô kia vẫn cố chấp không chịu bò, Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni nói rằng: Tôi biết pháp Phật dạy Dục là chướng ngại nhưng khi tập hành chẳng phải là chướng ngại. Các Bí-sô ni nên nói với Bí-sô ni kia rằng: Cô chớ nên nói là tôi biết lời Phật dạy Dục là pháp chướng ngại nhưng khi tập hành chẳng phải là pháp chướng ngại. Cô đừng phỉ báng Thế tôn, phỉ báng Thế tôn là không tốt, Thế tôn không nói như vậy, Thế tôn dùng vô lượng pháp môn nói Dục là chướng ngại, cô hãy bỏ ác kiến đó đi. Khi các Bí-sô ni can riêng như thế, nếu bỏ thì

tốt, không bỏ thì nên tác pháp yết ma ân cần can ngăn khiến cho bỏ việc ấy, bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Pháp chướng ngại là chỉ cho bốn Tha-thắng, hai mươi Chúng giáo, ba mươi ba Xả-đọa, một trăm tám mươi pháp Đọa cho đến Chúng học pháp. Khi tập hành chẳng phải là chướng ngại là không chướng ngại Thánh quả của sa môn. Phỉ báng là nói lời phi lý, bất thiện chiêu lấy quả ác dị thục.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni nói rằng: Tôi biết lời Phật dạy… giống như đoạn văn trên. Khi các Bí-sô ni can riêng nếu bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm Ác-tác. Khi yết ma chánh can, nếu tác bạch và yết ma lần nhất, lần hai xong mà không bỏ đều phạm Ác-tác; yết ma lần ba xong thì phạm Đọa. Nếu tác yết ma phi pháp thì không phạm.

Nhiếp Tụng Thứ Năm:

Cùng ác kiến đồng ngủ,
Cầu-tịch, y hoại sắc,
Cầm báu, tắm, bàng sanh,
Xúc não, chọc lét nhau,
Giỡn trong nước, đồng ngủ.

Học Xứ Thứ 41: TÙY THUẬN NGƯỜI BỊ XẢ TRÍ

Duyên khởi giống như tong luật Bí-sô, lúc đó Bí-sô Vô tướng bị Tăng tác pháp yết ma xả trí rồi

ngồi chống tay vào má, dáng vẻ ưu sầu nói với Lục chúng: "Tôi bị các Hắc bát trao cho pháp yết ma Xả trí, xem tôi như hạng người Chiên đồ la không cùng qua lại ", Ô-ba-Nan-đà nói: "Nếu bị yết ma Xả trí thì thành ấp thôn xóm và ba cõi hữu tình há không có hay sao, thôi đừng có ưu phiền hãy cầu sám tạ đi", Ô-ba-Nan-đà khuyên rồi cùng với Vô tướng nói chuyện, thọ dụng y thực và đồng nhà nằm ngồi, các Bí-sô thiểu dục thấy rồi chê trách và đem việc này bạch Phật, Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

"Nếu lại có Bí-sô ni biết người kia nói lời như vậy, chưa tùy thuận Tăng và không chịu bỏ ác kiến lại cùng nói chuyện, cùng thọ dụng và ở chung đồng nhà nằm ngủ thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Chưa tùy thuận tăng là chưa tùy thuận sám hối.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào? Nếu Bí-sô ni biết người nói như vậy, chưa tùy thuận Tăng… lại cùng nói chuyện, cùng ở chung… thì phạm Đọa. Nếu người đó bịnh chăm nom thì không phạm, hoặc đồng ở để khuyên họ bỏ ác kiến thì không phạm.

Học Xứ Thứ 42: NHIẾP THỌ CẦU TỊCH NỮ KHÔNG BỎ ÁC KIẾN

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Lục chúng có hai Cầu-tịch tên là Lợi-thích và Trưởng-đại cùng ở chung với một Bí-sô khất thực

cùng cười giỡn trạo cử… Thời gian sau Bí-sô khất thực hối hận tự trách tâm rồi phát đại dõng mãnh siêng tu đoạn trừ các phiền não, cuối cùng chứng được quả A-la-hán, được đại thần thông nương hư không mà đi và gặp lại hai Cầu-tịch… cho đến câu Cầu-tịch nghe rồi liền nói: "Các Bí-sô này trước kia cùng tôi làm việc phi pháp như vậy, tại sao hôm nay lại chứng được quả tăng thượng, dựa vào nhân duyên này tôi biết lời Phật dạy Dục là pháp chướng đạo nhưng khi tập hành chẳng phải là chướng đạo". Các Bí-sô nghe rồi đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Hai cầu tịch này nói lời phi lý, các thầy nên tác pháp can riêng để hiểu dụ họ, nếu có ai giống như vậy cũng nên tác pháp can như sau: "Này Lợi-thích và Trưởng-đại, đừng nên nói rằng: Tôi biết pháp Phật dạy Dục là pháp chướng đạo nhưng chẳng phải là chướng đạo. Ngươi đừng phỉ báng Thế tôn, phỉ báng Thế tôn là không tốt, Thế tôn không có nói như vậy, Thế tôn dùng mọi phương tiện nói Dục là pháp chướng ngại, hai ngươi nên bỏ ác kiến này đi". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy đến hiểu dụ hai cầu tịch nhưng hai cầu tịch cố chấp không chịu bỏ ác kiến, còn nói rằng: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là hư vọng". Các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên Bạch-tứ-yết-ma chánh can hai cầu tịch, Bí-sô ni cũng cùng tác pháp như sau: Đánh kiền chùy, tập họp chúng, bảo cầu tịch nữ ở chỗ mắt thấy tai

không nghe rồi sai một Bí-sô ni Bạch-tứ-yết-ma như sau:

Đại đức ni tăng lắng nghe, cầu tịch nữ này tự khởi ác kiến nói rằng: Tôi biết lời Phật dạy… giống như đoạn văn trên. Khi các Bí-sô ni tác pháp can riêng, cầu tịch nữ này cố chấp không bỏ còn nói rằng: Chỉ việc này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu ni tăng đúng thời đến nghe, ni Tăng nên chấp thuận, nay ni Tăng tác pháp Bạch tứ yết ma để hiểu dụ Cầu-tịch nữ khiến cho bỏ việc này như sau: "Này cầu tịch nữ, chớ nên nói rằng… giống như đoạn văn trên cho đến câu cô nên bỏ ác kiến này đi. Bạch như vậy.

Lúc đó một Bí-sô ni đến nói với cầu tịch nữ: "Chúng tăng tác pháp Bạch-tứ-yết-ma nay đã tác bạch xong, cô nên bỏ ác kiến đó đi", nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Bí-sô ni nên trở lại trong Tăng báo cho biết là không chịu bỏ. Tăng tiếp tục tác yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm, cho đến câu đây là yết ma lần thứ nhất, giống như trước đến nói với cầu tịch nữ, nếu vẫn không chịu bỏ thì trở lại trong Tăng báo cho biết, kế tác yết ma lần hai, lần ba cũng đều như trước đến khuyên Cầu-tịch nữ nên bỏ ác kiến. Lúc đó các Bí-sô ni vâng lời Phật dạy tác pháp Bạch tứ yết ma hiểu dụ, Cầu-tịch nữ vẫn không chịu bỏ ác kiến, còn nói rằng: "Chỉ đây là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng", các Bí-sô ni bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo:

"Các Bí-sô ni nên tác pháp yết ma bất xả ác kiến tẫn xuất Cầu-tịch nữ kia…", các Bí-sô ni vâng lời Phật dạy tác pháp yết ma tẫn xuất nhưng Cầu-tịch nữ vẫn cô chấp không chịu bỏ ác kiến… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết có cầu tịch nữ nói rằng: Tôi biết lời Phật dạy Dục là pháp chướng ngại nhưng khi tập hành chẳng phải là chướng ngại. Các Bí-sô ni nên nói với cầu tịch nữ kia rằng: Ngươi chớ nên nói là tôi biết lời Phật dạy Dục là pháp chướng ngại nhưng khi tập hành chẳng phải là chướng ngại. Ngươi chớ nên phỉ báng Thế tôn, phỉ báng Thế tôn là không tốt, Thế tôn không có nói như vậy, Thế tôn đã dùng vô lượng pháp môn nói Dục là pháp chướng ngại, ngươi nên bỏ ác kiến này đi. Khi các Bí-sô ni khuyên can như vậy, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì nên Bạch tứ yết ma chánh can cho bỏ ác kiến này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô ni nên nói với cầu tịch nữ kia rằng: Từ nay trở đi, ngươi không nên nói Như lai Ứng chánh đẳng giác là đại sư của tôi, cũng không được đi theo sau các bậc tôn túc đồng phạm hạnh, cũng không được cùng Bí-sô ni đồng nhà ngủ hai đêm như các cầu tịch nữ khác, ngươi hãy mau đi đi. Nếu Bí-sô ni biết cầu tịch nữ kia đã bị tẫn xuất mà còn thu nhận cùng ở chung, cùng nói chuyện và cấp dưỡng y thực thì phạm Ba-

dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này; cầu tịch nữ là người chưa thọ cụ giới. Nhiếp thọ là cho y chỉ.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni biết cầu tịch nữ bị tẫn xuất… cho đến đồng nhà ngủ thì phạm Đọa, nếu là thân tộc hoặc kia bị bịnh hoặc muốn khiến cho kia bỏ ác kiến nên tạm thời thu nhận đều không phạm.

Học Xứ Thứ 43: MẶC Y KHÔNG HOẠI SẮC

Duyên khởi như trong luật Bí-sô, lúc đó ở trong thành Vương-xá có hai Long vương tên là Kỳ-lợi và Bạt-lũ.… Sau đó vua Ảnh-thắng y theo lời của hai Long vương cho xây cất hai Thần đường ở ngoài thành, mỗi năm hai lần đến ngày tiết hội dân chúng khắp nơi tụ về rất đông. Tiết hội lần đó có đội ca nhạc từ phương Nam đến Vương thành, họ nói với nhau: "Nếu chúng ta nói hành tích thù thắng của bậc Đại nhân, mọi người ở đây sẽ yêu thích và thưởng cho chúng ta nhiều tiền", bàn xong họ tìm đến Lục chúng yêu cầu kể lại thắng hạnh của Phật khi còn là Bồ tát, Lục chúng hỏi: "Các vị hỏi việc đó để làm gì?", đáp: "Chúng tôi muốn đưa thắng hạnh của Phật vào trong âm nhạc, sáng tác một khúc ca vũ nhạc", Lục chúng nói: "Các vị muốn đem thắng hạnh của Phật tôi vào trong âm

nhạc hay sao? Hãy đi mau, tôi không nói đâu". Các nhạc công lại tìm đến chỗ Ni-thổ-la-nan-đà cũng yêu câu như trên, Thổ-la-Nan-đà liền kể lại đầu đuôi thắng hạnh của Phật từ khi sanh ra cho đến khi chứng quả Bồ đề, các nhạc công nghe rồi liền cùng nhau sáng tác thành một khúc ca vũ nhạc rồi lập hí trường trình diễn, những người có lòng tin xem xong đều khen là hiếm có và tặng thưởng rất nhiều tiền. Sau đó họ muốn làm cho người không tin cũng bị thu hút lôi cuốn nên dựa vào hình nghi hành động của Lục chúng Để-sáng tác và trình diễn, những người không tin khi xem đều cười to và tặng thưởng rất nhiều tiền. Lục chúng nghe biết việc này liền cùng nhau đến chỗ thần đường lập hí trường, mặc y phục thế tục tự trình diễn để kéo hết các khán thính giả của đoàn nhạc công kia về chỗ mình. Họ được khen ngợi và cũng được tặng thưởng rất nhiều tiền nên bị đoàn nhạc công kia chê trách… cho đến câu Phật quở trách và chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được y mới nên dùng một trong ba loại màu để nhuộm cho hoại sắc hoặc màu xanh, màu xám, màu đỏ. Nếu không dùng ba loại màu này nhuộm cho hoại sắc mà thọ dụng thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Y mới có hai loại: Một là thể y mới, hai là mới được từ người khác cúng cho, trong học xứ này là chỉ

cho thể y mới. Nhuộm cho hoại sắc là nhuộm làm cho màu sắc xấu đi.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu các Bí-sô ni được y mới không dùng một trong ba loại màu kể trên nhuộm cho hoại sắc mà thọ dụng thì phạm Đọa.

Học Xứ Thứ 44: CẦM VẬT QUÝ GIÁ

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Ô-ba-Nan-đà sáng sớm đắp y vào thành khất thực, giữa đường thấy các đồng tử để chuỗi ngọc trang sức bên đường để cùng nhau đùa giỡn. Ô-ba-Nan-đà khởi tưởng là vật của dược xoa để lấy nên bị các đồng tử này đuổi theo, đứa kéo tay, đứa kéo chân, đứa lấy đất ném… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự tay cầm vật quý gia và thuộc loại vật báu hoặc bảo người lấy thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Lúc đó Thế tôn từ thành Quảng-nghiêm đi đến thành Thất-la-phiệt nước Kiều-tát-la ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa. Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu nghe Phật về đến liền muốn đến kính lễ, bà trang sức các loại anh lạc trên người nhưng khi sắp gặp Phật bà liền cởi các đồ trang sức này đưa cho thị tùng giữ rồi vào gặp Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe pháp, nghe pháp xong đảnh lễ Phật ra về. Lúc đó thị tùng để các đồ trang sức của bà ở dưới gốc

cây, khi ra về quên lấy, tôn giả A Nan-đà trông thấy chuỗi anh lạc liền suy nghĩ: "Do duyên này Phật sẽ tùy khai giới đã chế", nghĩ rồi bèn lấy chuỗi anh lạc đem cất, sau đó đến bạch Phật, Phật nói: "Lành thay, này A Nan-đà, tuy ta chưa tùy khai nhưng thầy đã biết thời"… Cho đến câu Phật do nhân duyên này tập họp các Bí-sô khen ngợi người trì giới… rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni tự tay cầm vật quý giá và các loại thuộc vật báu hoặc bảo người cầm, trừ ở trong chùa và nhà bạch y, phạm Ba-dật-để-ca. Ở trong chùa và nhà bạch y nếu thấy vật quý giá và các loại thuộc vật báu nên khởi nghĩ: Nếu có người đến nhận tôi sẽ đưa lại. Đây là thời."

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Vật quý giá là chỉ cho bảy báu; các loại thuộc vật báu là chỉ cho các binh khí như cung, kiếm và các loại nhạc cụ như trống, đàn, sáo… Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni tự tay cầm hay bảo người cầm các loại vật báu đã được làm thành đều phạm Đọa, nếu chưa làm thành thì phạm Ác-tác cho đến cầm lưu ly giả cũng phạm Ác-tác. Nếu cầm các đồ trang sức như chuỗi anh lạc đều phạm Đọa, cho đến cầm tua ren cột tóc… cũng Ác-tác. Nếu cầm các loại nhạc cụ như đàn cầm, đàn sắt… đều phạm Đọa, loại đàn không dây thì Ác-tác, cho đến ống tre ống trúc làm

nhạc cụ cũng Ác-tác. Các loại ốc sò, tù và thổi được, cầm đều phạm Đọa; không thổi được thì Ác-tác. Các loại trống kèn… kết phạm cũng như trên. Nếu cầm cung có dây thì phạm Đọa, không dây thì Ác-tác.

Học Xứ Thứ 45: TẮM PHI THỜI

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Phật ở trong thành Vương-xá, trong thành này có ba suối nước ấm: một suối dành cho nhà vua tắm, Bí-sô cũng được tắm; một suối dành cho cung nhơn của vua, Bí-sô ni cũng được tắm; một suối dành cho tất cả mọi người. Lúc đó Lục chúng Bí-sô muốn thử nghiệm lòng tin của nhà vua nên tắm trong suối mãi không chịu lên, khiến nhà vua không thể đến tắm được, đành phải sai người múc nước đến chỗ riêng để tắm, tắm xong vua đến chỗ Phật đảnh lễ, nghe pháp xong rồi trở về cung. Lúc đó cụ thọ A Nan-đà nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật nói: "Vì các Bí-sô tắm nên có lỗi này phát sanh, từ nay các Bí-sô không nên tắm". Các Bí-sô không tắm, thân thể hôi dơ, khi đi khất thực các cư sĩ hỏi: "Các Thánh giả giữ thân thể hôi dơ như thế mà cho là thanh tịnh hay sao?", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nên mỗi nửa tháng tắm một lần". Vào lúc trời nóng bức, các Bí-sô không thường tắm, thân thể hôi dơ cũng bị hỏi như trên nên Phật nói trừ khi trời nóng bức. Lại có Bí-sô

bịnh, thầy thuốc bảo nên tắm nên Phật nói trừ khi bịnh; lại có Bí-sô khi làm việc chúng thân thể nhơ nhớp không tắm, bị chê trách nên Phật nói trừ khi làm việc; lại có Bí-sô khi đi đường xa về đến, thân dơ bẩn mệt nhọc nằm nghỉ cũng bị chê trách nên Phật nói trừ khi đi đường… cho đến gặp gió thổi, thân dính đầy bụi đất; gặp trời mưa hoặc gió mưa, thân ướt bẩn nên Phật nói trừ khi gặp gió thổi, gặp trời mưa hay mưa gió. Lúc đó Phật khen ngợi người trì giới… rồi bảo các Bí-sô: "Nay chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Bí-sô ni nên nửa tháng tắm một lần, nếu cố y trái chế thường tắm thì phạm Ba-dật-đề-ca, trừ thời khác. Thời khác là khi trời nóng bức, khi bịnh, khi làm việc, khi đi đường, khi gặp gió hoặc mưa hoặc cả gió mưa, đây là thời.

Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Nửa tháng tắm một lần tức là khoảng mười lăm ngày tắm một lần. Khi trời nóng bức là mùa xuân còn một tháng rưỡi nữa là đến ngày kiết hạ an cư và một tháng đầu của mùa hạ tức là hạ an cư được một tháng, trong hai tháng rưỡi này trời rất nóng bức. Khi bịnh là nếu không tắm thì thân không an. Khi làm việc là làm việc của Tam bảo cho đến quét đất hay lau chùi. Khi đi đường là đi và về khoảng một Du thiện na… các trường hợp kể trên khiến cho thân dơ đều được tắm không phạm.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni gặp các trường hợp trên khai cho tắm thì nên tâm niệm miệng nói lúc đang tắm là vì giữ gìn nên tắm, nếu không như thế thì khi xối nước chảy chưa đến rún, phạm Ác-tác; nước chảy đến rún, phạm Đọa; tắm trong suối, ao, sông… kết phạm cũng như trên. Nếu có duyên sự lội qua nước thì không phạm.

Học Xứ Thứ 46: GIẾT BÀNG SANH

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Ô-đà-di đi khất thực đến trong nhà dạy bắn, lấy cung tên bắn chim… nên bị người tục chê trách… Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cố tâm đoạn mạng loài bàng sanh, phạm Ba-dật-đề-ca".

Cố tâm là không phải lầm lẫn

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Đoạn mạng loài bàng sanh là dùng cả ba nội, ngoại và cả hai khởi phương tiện giết chết, nếu Bí-sô ni cố tâm sát hại cho đến dùng một ngón tay làm tổn hại bàng sanh, khiến nó chết thì phạm Đọa; nếu lúc đó không chết, sau do nhân duyên đó mà chết cũng phạm Đọa; nếu không chết thì phạm Ác-tác, tất cả đều giống như trong học xứ đoạn mạng người.

Học Xứ Thứ 47: CỐ Y XÚC NÃO BÍ SÔ

NI

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Thập thất chúng không chịu nghe lời Lục chúng bảo làm việc này việc nọ nên bị đuổi ra không cho cùng ở chung, Thập thất chúng liền đi đến chỗ khác để đọc tụng. Ô-ba-Nan-đà nói với Nan-đà: "Nên làm cho các tiểu sư này sanh não hối sẽ bỏ việc đọc tụng, nên làm như vầy…" cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cố tâm xúc não Bí-sô ni khác cho đến trong chốc lát không vui, chỉ lấy việc này làm nhân duyên thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Cố tâm xúc não là muốn khiến kia tâm sanh truy hối. Chỉ lấy việc này làm nhân duyên là không phải vì việc gì khác. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Có hai: Hoặc hỏi việc riêng hoặc hỏi việc tương ưng với Luật giáo. Sao gọi là hỏi việc riêng? Nếu Bí-sô ni cố tâm não loạn Bí-sô ni khác, đến hỏi rằng: "Cụ thọ có nhớ nhà vua , trưởng giả tên hay không?", đáp là không nhớ, liền nói: "Không phải là không nhớ mà là chưa đủ hai mươi tuổi mà thọ viên cụ", khi nói lời này dù Bí-sô ni kia tâm không sanh truy hối cũng phạm Đọa. Sao gọi là hỏi việc tương ưng với Luật giáo?: Nếu Bí-sô ni khởi tâm cố xúc não hỏi rằng: "Cụ thọ trước đây thọ cận viên ở đâu?", đáp: "Ở tại ", liền nói: "Ở chỗ đó trước kia

không có kết đại giới cũng không kết giới tràng, biệt chúng tác pháp, không phải thiện thọ cận viên, ngươi nên thọ giới lại". Hoặc hỏi: "Ai là A-giá-lợi-da, ai là Ô-ba-đa-da của ngươi?", đáp : "Hai thầy của tôi là ", liền nói: "Hai vị đó là người phá giới, không hợp pháp làm thầy, ngươi không thể gọi là thiện thọ cận viên"… khi nói những lời này là muốn xúc não, dù Bí-sô ni kia có bị xúc não hay không đều phạm Đọa. Nếu Bí-sô ni đến Bí-sô ni khác hỏi việc riêng như trên, Bí-sô ni kia nói là không nhớ liền nói: "Tuy ngươi không nhớ nhưng tuổi cũng đủ hai mươi, thiện thọ cận viên" thì không phạm. Nếu Bí-sô ni đến Bí-sô ni khác hỏi việc tương ưng với Luật giáo như trên, Bí-sô ni kia đáp rồi liền nói: "Chỗ đó trước có kết đại giới và giới tràng, ngươi đã thiện thọ cận viên"… đều không phạm.

Học Xứ Thứ 48: DÙNG NGÓN TAY THỌC LÉT NGƯỜI KHÁC

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có Bí-sô dùng ngón tay thọc lét khiến cho người kia cười ngất đến nỗi đứt hơi chết. Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni dùng ngón tay thọc lét người khác thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Tướng phạm là nếu dùng một ngón tay thọc lét thì phạm một tội Đọa, cho đến năm ngón tay thì

phạm năm tội Đọa. Nếu dùng ngón tay để chỉ nốt ruồi, vết thương… thì không phạm.

Học Xứ Thứ 49: GIỠN TRONG NƯỚC

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó trong nhóm Thất thập chúng có Bí-sô lớn nhất tên là Ưu-ba-ly đã đoạn phiền não chứng A-la-hán, liền khởi nghĩ các bạn đồng phạm hạnh trong nhóm ai có căn lành, ai không có căn lành và hệ thuộc nơi ai. Khi quán biết là hệ thuộc nơi mình, Ưu-ba-ly liền dẫn nhóm Thập thất chúng đến sông A-thị-la bạt để, lượt nước vào bình rồi cùng xuống sông tắm. Ưu-ba-ly tắm xong lên bờ nhìn mười sáu vị kia tắm, mười sáu vị này khi đã vào trong nước rồi, kẻ bơi người lặn hoặc ở bên này hoặc ở bên kia, hoặc lướt theo sóng hoặc ngược sóng, hoặc đập xuống nước kêu thành tiếng hoặc vỗ nước kêu bành bạch… đủ các cách đùa giỡn. Lúc đó vua Thắng-quang ở trên lầu cao với phu nhơn Thắng man, từ xa nhìn thấy các Bí-sô đùa giỡn trong nước như vậy liền nói với phu nhơn: "Hãy nhìn các phước điền mà phu nhơn kính trọng", phu nhơn nói: "Đại vương, đó là những thiếu niên mạnh khỏe nhưng lại có thể tu phạm hạnh, đại vương không cho là kỳ lạ hay sao, dù họ có đùa giỡn trong nước cũng đâu đáng trách". Lúc đó Ưu-ba-ly quán biết tâm nhà vua sanh khinh mạn, muốn nhà vua sanh chánh tín nên bảo mười sáu vị kia lên bờ mặc y

phục chỉnh tề rồi mang bình nước cùng trở về. Ưu-ba-ly dùng thần thông lực cùng các đồng phạm hạnh bay trên hư không ngang qua tầng lầu của nhà vua, phu nhơn Thắng man nhìn lên trông thấy liền chỉ cho vua thấy nói rằng: "Đại vương hãy nhìn xem, các phước điền đang bay trên hư không kìa", nhà vua trông thấy rồi liền nói: "Há có người đã chứng A-la-hán mà lại đùa giỡn trong nước hay sao?", phu nhơn nói: "Đó là việc mà nhà vua nghe biết, còn có việc chưa nghe mà nhà vua không biết", vua liền hỏi là việc gì, phu nhơn nói: "Tâm như điện chớp, trong chốc lát liền biến đổi, dùng sức định kiên cố cứng như kim cang, trong sát na phá hoặc vô minh", vua nghe rồi liền im lặng. Sau đó phu nhơn Thắng man sai sứ đến bạch Phật… cho đến câu xin Phật nhớ nghĩ. Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "… Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đùa giỡn trong nước, phạm Ba-dật-đề-ca". Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Có chín trường hợp phạm tội: Tự vui đùa, bảo người vui đùa; tự cười giỡn, bảo người cười giỡn; tự nhảy, bảo người nhảy; dao động giỡn với bóng, cùng nhau vỗ đánh. Nếu Bí-sô ni có ý đùa giỡn trong nước từ khi đi đến sông hồ cởi quần áo xuống nước cho đến chưa lặn xuống đều phạm Ác-tác; khi lặn xuống liền phạm Đọa. Nếu ý muốn được

mát mẻ thì ra vào trong nước đều không phạm, nếu bơi từ bờ này qua bờ kia hay từ bờ kia qua bờ này, hoặc lướt theo sóng hay ngược sóng đều phạm Đọa; nêu học bơi thì không phạm. Nếu vỗ đánh nước tạo thành tiếng nhạc… đều phạm Đọa.

Học Xứ Thứ 50: CÙNG NGƯỜI NAM NGỦ CHUNG NHÀ

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Bí-sô A-ni-lô-đà đã đoạn trừ kiết hoặc, chứng A-la-hán, chấp trì y bát du hành trong nhân gian đến một thôn xóm. Một trưởng giả trong thôn này Có ba người con, hai nam một nữ; người nữ này khi lớn lên có hạnh không trinh lương, hai người anh khi tranh cải với người thì nghe họ nói rằng: "Em gái của ông chưa cưới hỏi mà đã cùng người ngoài tư thông", người anh nghe rồi liền gạn hỏi em gái, người em gái này chối và nói rằng mình thanh bạch. Thời gian sau người em gái mang thai, hai người anh nói: "Em nói mình thanh bạch, tại sao lại như thế?", người em gái nói: "Do người trọc đầu cưỡng bức nên mới có thai", vì vậy đứa con sanh ra được gọi là Ngốc tử, người mẹ được gọi là Ngốc tử mẫu. Khi cụ thọ A-ni-lô-đà đến thôn xóm này thì trời sụp tối, muốn tìm chỗ nghỉ đêm, người trong xóm chỉ đến nhà của Ngốc tử mẫu và được Ngốc tử mẫu cho ở lại ngủ qua đêm. Đêm đó bà ta đến chỗ tôn giả muốn cùng làm hạnh bất chánh,

tôn giả liền dùng thần thông bay lên hư không, bà ta thấy rồi liền sanh tâm hy hữu cầu xin sám tạ.… cho đến câu tôn giả lấy lỗi này rồi về sau không nghỉ đêm trong nhà thế tục nữa và đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này khen ngợi người trì giới rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cùng người nam ngủ chung một nhà, phạm Ba-dật-đề-ca."

Người nam là người có thể hành dâm. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni đồng nhà ngủ qua đêm với người nam, Bí-sô ni ở tầng giữa, người nam ở tầng dưới thì nên kéo thang lên hoặc khóa cửa hoặc nhờ người coi chừng; nếu không như thế thì khi mặt trời chưa mọc, phạm Ác-tác, mặt trời mọc, phạm Đọa. Nếu Bí-sô ni ở tầng dưới, người nam ở tầng giữa hoặc Bí-sô ni ở tầng giữa, người nam ở tầng trên và ngược lại… đều kết phạm giống như trên. Nếu người nam có vợ bên cạnh thì không phạm.

Nhiếp Tụng Thứ Sáu:

Sợ, giấu, giận, chung đường,
Đào đất, thỉnh bốn tháng,
Chống lời dạy, nghe lén,
Im lặng rời khỏi tòa.

Học Xứ Thứ 51: KHỦNG BỐ BÍ SÔ NI

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó

Thập thất chúng siêng năng tụng tập, Lục chúng thấy rồi vào đầu đêm lật ngược nệm lông lên người giả ma và tạo ra tiếng đáng sợ để hù nhát Thập thất chúng khiến họ kinh hoàng khiếp vía… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự khủng bố hay bảo người khủng bố Bí-sô ni khác cho đến đùa giỡn, đều phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni có ý khủng bố người khác, làm đủ các hình trạng đáng sợ hoặc hình trạng quỷ thần để hù nhát, dù Bí-sô ni đó sợ hay không sợ đều phạm Đọa. Nếu Bí-sô ni có ý khủng bố người khác, làm đủ các âm thanh đáng sợ… kết phạm đều như trên. Cho đến làm các mùi đáng sợ, các sự xúc chạm đáng sợ… đều kết phạm như trên. Cho đến làm các hình sắc Khả-ái, âm thanh Khả-ái, các mùi Khả-ái, các sự xúc chạm Khả-ái… để khủng bố đều kết phạm như trên. Nếu muốn kia sanh tâm nhàm lìa mà khủng bố thì không phạm.

Học Xứ Thứ 52: GIẤU Y VẬT CỦA BÍ SÔ NI

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có một trưởng giả thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực, Lục chúng Bí-sô cùng Thập thất chúng chậm

rãi đi sau, khi đi đến một cái ao Lục chúng rủ Thấp thất chúng xuống tắm. Lúc đang tắm Lục chúng nói với Thập thất chúng: "Chúng ta cùng lặn thử xem ai lặn lâu hơn", Thập thất chúng vừa lặn, Lục chúng liền ra khỏi ao, lấy y bát của Thập thất chúng giấu trong bụi rậm rồi đi đến chỗ thỉnh thực.… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự giấu hay bảo người giấu y bát và các tư cụ của Bí-sô, Bí-sô ni, Chánh học nữ, Cầu-tịch, Cầu-tịch nữ thì phạm Ba-dật-để-ca.

Sau đó có Bí-sô gởi y cho Bí-sô khác, Bí-sô kia chỉ cất y của mình, không cất y của người gởi nên bị kẻ trộm lấy đi khiến cho Bí-sô kia bị thiếu y, Phật nói trừ thời nhân duyên rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô biết y bát và tư cụ của Bí-sô, Bí-sô ni, hoặc của Chánh học nữ, Cầu-tịch và Cầu-tịch nữ mà tự tay cất giấu hoặc bảo người cất giấu thì phạm Ba-dật-để-ca".

Sau đó có Bí-sô gởi y cho Bí-sô khác, Bí-sô này khi cất y chỉ cất y của mình, không cất y của Bí-sô kia nên bị kẻ trộm lấy đi, khiến Bí-sô kia thiếu y, Phật nói trừ thời nhân duyên thì cất không phạm. Nói rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự cất giấu hay bảo người cất giấu y bát và tư cụ của Bí-sô, Bí-sô ni, hoặc của Chánh học nữ, Cầu-tịch, Cầu-tịch nữ, trừ thời nhân duyên, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô ni và năm chúng đều là người trong pháp luật này. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô ni tự tay giấu y bát, tư cụ của Bí-sô ni khác hoặc bảo người cất giấu đều phạm Đọa. Trừ thời nhân duyên là chỉ cho tám nạn khởi thì không phạm.

Học Xứ Thứ 53: VU BÁNG BÍ SÔ NI THANH TỊNH

Duyên khởi ở tại thành Vương-xá giống như trong luật Bí-sô, lúc đó cụ thọ Thật-lực-tử đang kinh hành bên ao Tích thạch trên núi Thứu phong, Bí-sô ni Ốt-bát-la từ xa trông thấy liến đến đảnh lễ tôn giả, do mới vừa cạo tóc nên khi đảnh lễ xong đứng dậy thì đầu của cô vướng theo Đại y của tôn giả … hai Bí-sô Hữu và Địa nhìn thấy việc này liền nói với các Bí-sô rằng: "Vừa rồi tôi nhìn thấy Bí-sô Thật-lực-tử và Bí-sô ni Ốt-bát-la hai thân xúc chạm nhau"… cho đến câu Phật bảo các Bí-sô gạn hỏi mới biết là hai Bí-sô kia do sân giận nên vu báng như vậy. Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni vì sân hận, biết Bí-sô ni kia thanh tịnh không phạm lại

đem pháp Tăng-già-phạt-thi-sa vô căn cứ vu báng, phạm Ba-dật-đề-ca".

Bí-sô ni thanh tịnh là ni trong pháp luật này. Không căn cứ là không dựa trên ba việc thấy nghe nghi.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu biết người thanh tịnh mà đem pháp vô căn cứ vu báng thì có mười việc thành phạm và năm việc không phạm như đã nói trong giới vu báng của thiên Tăng-già-phạt-thi-sa.

Học Xứ Thứ 54: CÙNG NGƯỜI NAM ĐI CHUNG ĐƯỜNG

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có một người thợ dệt bẩm tánh thô bạo, khó chung sống với ai, ngay cả người vợ mới cưới cũng chịu đựng không nổi muốn trốn đi. Người vợ này vừa ra đường thấy một Bí-sô trên đường đi đến thành Thất-la-phiệt liền đi theo sau, người thợ dệt noi theo dấu đuổi theo thấy Bí-sô cùng đi chung đường với vợ mình, khi đến một thôn liền rủ những người bạn quen vây đánh Bí-sô suýt chết… cho đến câu Phật khen ngợi người trì giới và chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cùng người nam đi chung đường, không có người nữ khác bên cạnh, cho đến đi trong phạm vi một thôn, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho người trong pháp

luật này.

Người nam là người có thể hành dâm.

Không có người nữ khác là chỉ có hai người.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni một mình cùng đi chung đường với người nam thì phạm Đọa. Trong phạm vi một thôn có từ một Câu-lô-xá cho đến bảy Câu-lô-xá, nếu chưa đủ Câu-lô-xá thì phạm Ác-tác, nếu đủ thì phạm Đọa. Nếu đi từ thôn xóm ra đến đồng trống vắng vẻ hoặc từ đồng trống vắng vẻ đến trong thôn cũng tính theo dặm đường mà kết tội như trên. Nếu đến chỗ xa lạ nhờ người nam dẫn đường thí không phạm, hoặc Bí-sô ni lạc đường nhờ người nam chỉ đường cũng không phạm.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 16

Học Xứ Thứ 55: CÙNG GIẶC ĐI CHUNG ĐƯỜNG

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có một Bí-sô ở thành Vương-xá an cư xong muốn đến thành Thất-la-phiệt nên tháp tùng theo đoàn thương buôn đi chung đường. Do các thương nhơn này trốn thuế nên đi theo con đường trốn thuế, bị quan thuế bắt được trói hết giải về… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cùng đi chung đường với thương nhơn là giặc cho đến trong phạm vi một thôn, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho người trong pháp luật này. Thương nhơn là giặc tức là người trốn thuế.

Tướng phạm cũng giống như trong giới trên.

Học Xứ Thứ 56: PHÁ HOẠI SANH ĐỊA

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó

Lục chúng Bí-sô tự tay đào đất hay bảo người đào bị thế tục chê trách… cho đến câu Phật khen ngợi người trì giới, thiểu dục tri túc và quở trách người nhiều ham muốn rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự tay đào đất hoặc bảo người đào, phạm Ba-dật-đề-ca".

Đất có hai loại: Đất sống và chẳng phải đất sống. Sao gọi là đất sống? Là tánh chất của đất còn sống, nếu đào đã trải qua ba tháng có trời mưa cũng gọi là đất sống; nếu trời không mưa thì phải trải qua sáu tháng mới gọi là đất sống. Ngược lại là chẳng phải đất sống.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni đào đất làm tổn hại đất sống thì phạm Đọa, nếu chẳng phải đất sống thì Ác-tác. Nếu khi Bí-sô ni xới lớp da của đất có tánh ướt thì phạm Đọa, nếu không có tánh ướt thì Ác-tác. Nếu Bí-sô ni đóng cọc phạm Đọa, nhổ cọc phạm Ác-tác, nếu vẽ trên đất phạm Ác-tác, nếu gạch làm dấu thì không phạm. Nếu Bí-sô ni làm sụp lở bờ sông làm tổn hoại đến đất sống thì phạm Đọa; nếu đất đã nứt làm cho sụp lở xuống thì Ác-tác. Nếu Bí-sô ni làm chao động bùn trong ao, trong sông thì Ác-tác; kéo cái hũ ở trong bùn lên cũng Ác-tác. Đóng cọc hay đóng đinh trên tường phạm Đọa, cạo phân bò dính trên tường phạm Ác-tác. Nếu xô tường ngã phạm

Đọa, tường đã bị nứt làm cho ngã thì Ác-tác. Nếu vẽ trên vách phạm Ác-tác, ghi dấu cho nhớ thì không phạm. Cạo-rêu xanh trên tường phạm Ác-tác. Nếu đào đất mà có đá, đá ít đất nhiều thì phạm đọa; đất ít thì Ác-tác, nếu toàn là đá thì không phạm; đất sỏi cũng như vậy. Nếu Bí-sô ni coi việc xây cất khi sắp làm nền móng, chọn được giờ tốt mà không có tịnh nhơn, được tự tay đóng cọc xuống đất sâu bốn ngón tay không phạm.

Học Xứ Thứ 57: QUÁ BỐN THÁNG CÒN ĐÒI THỨC ĂN

Duyên khởi ở thành Kiếp-tỷ-la giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Thích ca Đại danh thỉnh cúng dường thức ăn và các vật cần dùng trong bốn tháng cho Phật và Tăng không để thiếu thốn. Trong bốn tháng Lục chúng thường đòi ăn những thức ăn ngon như lời thầy thuốc bảo, qua bốn tháng vẫn còn đến nhà bếp đòi hỏi nên bị Đại danh chê trách và bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Không nên đến thí chủ đòi hỏi thức ăn khiến họ sanh phiền não"… Cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được thỉnh cúng dường bốn tháng thức ăn, cần thì được thọ, nếu thọ quá hạn thỉnh thì phạm Ba-dật-để-ca.

Sau đó vua Thắng-quang thỉnh Phật và Tăng cúng dường trong ba tháng, lúc đó có một Bí-sô

được người khác thỉnh riêng, Phật nói: "Nay ta tùy khai, nếu được thỉnh riêng thì nên thọ". Lại có khách Bí-sô đến không được vua thỉnh nên đi khất thực, vua hỏi tại sao, đáp là vì không được thỉnh, vua nhân đó xin thỉnh lại, Phật nói: "Nếu được thỉnh lại thì nên thọ" cho đến vua ân cần thỉnh lại và thường thỉnh, Phật đều nói nên thọ. Lúc đó Phật khen ngợi người trì giới thiểu dục và quở trách kẻ tham muốn nhiều rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni được người thỉnh cúng dường bốn tháng, cần thì được thọ, nếu thọ quá thời hạn đã thỉnh, trừ thời khác, phạm Ba-dật-đề-ca. Thời khác là thỉnh riêng, thỉnh lại, thỉnh ân cần và thường thỉnh; đây là Thời."

Thọ quá hạn thỉnh trong đây là bốn tháng. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni được người khác cúng thức ăn thô dở, lại theo đòi hỏi thức ăn ngon hơn, khi đòi phạm Ác-tác, khi ăn phạm Đọa. Nếu người khác cúng thức ăn ngon, lại theo đòi thức ăn dở, khi đòi phạm Ác-tác, khi ăn không phạm. Cúng sữa đòi lạc… cũng như vậy, nếu bịnh thì không phạm. Nếu Bí-sô ni thứ lớp khất thực, thí chủ cúng thức ăn, Bí-sô ni muốn được thứ mình cần thì nên nói tôi không cần cơm, nếu thí chủ hỏi cần gì tức là thỉnh tùy ý, Bí-sô ni nói thứ mình cần thì không phạm.

Học Xứ Thứ 58: NGĂN TRUYỀN LỜI PHẬT DẠY

Duyên khởi ở thành Vương-xá giống như trong luật Bí-sô, thường pháp của Phật là khi chế học xứ chung cho hai bộ Tăng thì hai bộ Tăng đều phải tập họp. Khi Phật chế học xứ trên chung cho cả hai bộ Tăng thì ni chúng không có mặt nên Phật bảo A Nan-đà: "Thầy hãy đến bảo Châu-đồ-bán-thác-ca đến chỗ Bí-sô ni truyền đạt lại học xứ này", A Nan-đà vâng lời Phật đến nói, Châu-đồ-bán-thác-ca liền đi đến chùa ni để truyền lại lời Phật dạy, trên đường đi gặp Lục chúng liền nói: "Này các cụ thọ, Phật vừa chế học xứ cho hai bộ Tăng", liền hỏi là học xứ gì, Châu-đồ-bán-thác-ca liền nói lại học xứ trên rồi nói học xứ này nên tu tập, Lục chúng nói: "Thầy phân tích không rõ ràng, tôi há có thể nghe theo lời thầy mà phụng hành theo hay sao. Nếu tôi gặp Bí-sô nào thông tam tạng, tôi sẽ nghe theo mà thọ hành học xứ này", Lục chúng nói rồi liền bỏ đi. Châu-đồ-bán-thác-ca đến chỗ chúng ni truyền đạt, Thập nhị chúng Bí-sô ni cũng nói lời phi pháp giống như Lục chúng, các Bí-sô ni khác nghe rồi đều Hoan-hỉ phụng hành.… Cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu có Bí-sô ni nghe Bí-sô ni khác nói rằng: Này cụ thọ, nay nên học tập theo học xứ này. Bí-sô ni này liền nói: Tôi không thể nghe theo lời của

người không hiểu rõ, không khéo giải thích như cô mà phụng hành học xứ; nếu tôi gặp Bí-sô ni nào rõ thông tam tạng, tôi sẽ nghe theo lời của vị ấy mà thọ hành, thì Bí-sô ni này phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô ni này thật sự muốn cầu hiểu biết, hỏi vị thông ba tạng thì được.

Đối với ba tạng không hiểu rõ nghĩa gọi là không phân minh, đối với ba tạng không khéo giảng thuyết gọi là không thiện giải. Trong giới này là Bí-sô ni truyền đạt lại học xứ Phật vừa mới chế.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu có Bí-sô ni nói với Bí-sô ni khác rằng: Cụ thọ hãy tập hành theo học xứ này, Bí-sô kia nói như đoạn văn trên thì phạm Đọa. Nếu Bí-sô ni truyền đạt lời Phật quả thật không hiểu biết thì không phạm.

Học Xứ Thứ 59: NGHE LÉN BÀN VIỆC TRANH CẢI

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt giống như trong luật Bí-sô, lúc đó Thập thất chúng thấy trong Lục chúng chỉ còn có Nan-đà và Ô-ba-Nan-đà nương ở trong chúng, vì nhớ lại trước kia thường bị Lục chúng khinh khi nên cùng nhau bàn tính trong nhà ăn muốn tác pháp yết ma Xả trí cho Ô-ba-Nan-đà, Ô-ba-Nan-đà đứng ngoài cửa sổ nghe lén được liền vào trong nặng lời quở trách Thập

thất chúng… Sau đó Thập thất chúng đi đến chỗ nào bàn tính cũng bị Ô-ba-Nan-đà nghe lén được nên làm não loạn nhau… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết các Bí-sô ni khác luận bàn việc phát sanh tranh cải lăng xăng mà rình theo nghe lén, nghĩ rằng: Ta nghe rồi sẽ khiến sanh đấu loạn, chỉ lấy lý do này làm duyên thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Các Bí-sô ni khác là chỉ người trong pháp luật này. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu các Bí-sô ni ở gác trên bàn luận, Bí-sô ni khác muốn lên gác phải tạo tiếng động hay tằng hắng hoặc khảy móng tay cho họ biết có người lên gác, nếu không làm như thế thì khi lên gác vừa nghe tiếng nói chưa kịp hiểu nghĩa liền phạm Ác-tác, nếu hiểu được nghĩa thì phạm Đọa. Đến cửa nhà người hoặc đến chỗ kinh hành… chuẩn theo trên nên biết. Nếu Bí-sô ni trên đường đi bàn luận, Bí-sô ni từ phía sau đi đến cũng chuẩn theo trên nên biết. Nếu Bí-sô ni tình cờ nghe được hoặc sau khi nghe được muốn làm phương tiện khiến cho việc tranh cải chấm dứt thì không phạm.

Học Xứ Thứ 60: KHÔNG GỞI DỤC IM LẶNG BỎ ĐI

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó trong Lục chúng chỉ còn có Nan-đà và Ô-ba-Nan-

đà nương ở trong chúng, Thập thất chúng sau khi bàn tính xong đánh kiền chùy nhóm chúng rồi đến trước Thượng tọa Nan-đà bạch: "Nay con có việc muốn gạn hỏi… cho đến câu muốn tác pháp yết ma Xả trí cho Ô-ba-Nan-đà", Nan-đà nghe rồi hoảng sợ, không gởi dục lặng lẽ rời khỏi tòa… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni khi biết đại chúng như pháp bàn luận sự việc mà lặng lẽ từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi ra thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Sau đó khi các Bí-sô ni nhóm họp, những vị nuôi bịnh và thọ sự phải ngồi lâu trong chúng nên bỏ công việc của mình, do nhân duyên này Phật cho phép nếu có duyên sự nên dặn lại rồi đi ra. Lúc đó Phật khen ngợi người trì giới thiểu dục rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni khi biết đại chúng như pháp bàn luận sự việc mà lặng lẽ từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi ra, có Bí-sô ni ở đó mà không dặn lại thì phạm Ba-dật-đề-ca, trừ nhân duyên khác".

Đại chúng là đệ tử của Phật. Như pháp bàn luận là Tăng pháp yết ma gồm Đơn bạch, Bạch nhị và Bạch tứ. Từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi ra là ra khỏi thế phần tác pháp yết ma. Không dặn lại là có Bí-

sô ni ở đó mà không nói cho biết trước khi đi.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni biết đại chúng như pháp tác pháp, dùng ngôn luận để quyết trạch, có Bí-sô ni ở đó mà không báo, không dặn lại mà lặng lẽ từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi ra, nếu đến chỗ mà còn nghe được tiếng nói thì phạm Ác-tác; nếu ra ngoại phạm vi này thì phạm Đọa.

Nhiếp Tụng Thứ Bảy:

Không cung kính, uống ăn,
Vào thôn, đến nhà khác,
Trời sáng, nghe, ống kim,
Chân giường, dồn, phu cụ.

Học Xứ Thứ 61: KHÔNG CUNG KÍNH

Duyên khởi ở tại thành Vương-xá giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có hai Bí-sô biết các Bí-sô nhóm họp trong nhà ăn bàn việc Diệt-tránh, một người tùy thuận đến nhóm, một người không tùy thuận không đến nhóm. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni không cung kính thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Không cung kính có hai: Một là đối với đại chúng, hai là đối với riêng từng người, đối với cả hai hạng trên không cung kính đều phạm Đọa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu khi Bí-sô ni biết đại chúng nhóm họp bàn

luận sự việc, kêu đến mà không chịu đến thì phạm Đọa; cho đến bảo đứng không đứng, bảo đi không đi… cũng như vậy, trái lời chúng dạy đều phạm Đọa. Nếu hai thầy kêu đến mà không đến cho đến chống trái lời dạy riêng đều Ác-tác; nếu y theo đạo lý hỏi cho biết chứ không phải không cung kính thì không phạm.

Học Xứ Thứ 62: UỐNG RƯỢU

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt giống như trong luật Bí-sô, có một trưởng giả tên là Phù đồ giàu có nhiều của báu, cưới vợ chưa bao lâu thì sanh được một con gái, dung mạo đoan chánh ai thấy cũng yêu mến, đến tuổi lớn khôn được gả cho con trai của trưởng giả Cấp-cô-độc. Thời gian không lâu sau trưởng giả Phù đồ lại có thêm một con trai, dung mạo đáng yêu nên khi vừa mới sanh ra, người cha liền gọi là Thiện lai. Do duyên này nên thân tộc đặt tên là Thiện lai, nhưng đứa trẻ này bạc phước nên gia nghiệp ngày càng sa sút và khánh kiệt, cha mẹ cũng qua đời, không còn nơi nương tựa phải xin ăn nên người đương thời đều gọi là Ác lai, không gọi là Thiện lai nữa. Ác lai làm bạn với đám người xin ăn dần dần đến thành Thất-la-phiệt và gặp được Phật khai phát nhớ lại kiếp trước của mình… cho đến câu Thiện lai thấy sen xanh nở liền nhớ lại tiền thân của mình đã từng ở chỗ Phật tu Thanh xứ quán ảnh tượng hiện tiền.

Phật liền nói pháp yếu chỉ dạy được lợi hỉ rồi bèn được Kiến đế và xin xuất gia. Sau khi lìa tục xuất gia, Thiện lai phát tâm dõng mãnh siêng tu, đầu đêm cuối đêm tư duy quên cả mỏi mệt, cuối cùng đoạn hết các phiền não chứng quả A-la-hán, liền nói kệ:

"Xưa ở chỗ chư Phật,
Chỉ giữ thân gạch sắt,
Nay nghe Thế tôn dạy,
Chuyển thành thân vàng ròng,
Con ở trong sanh tử,
Không còn thọ thân sau,
Phụng trì pháp vô lậu,
Thẳng đến thành Niết-bàn,
Nếu người ưa châu báu,
Và sanh thiên, giải thoát,
Phải gần thiện tri thức,
Sở nguyện đều như ý".

Lúc đó những người không tín kính liền chê trách: "Sa môn Kiều-đáp-ma đã độ những người bần tiện xuất gia để làm kẻ sai vặt", Phật muốn hiển bày thắng đức của Thiện lai nên sai Thiện lai điều phục rồng độc… cho đến khi rồng độc được điều phục, thọ tam quy và năm học xứ, Phật bảo các Bí-sô: "Trong hàng đệ tử Thanh văn của ta, điều phục rồng độc, Thiện lai là bậc nhất". Lúc đó mọi người ở chung quanh núi Ma la thấy Thiện lai đã điều phục được rồng độc, không còn bị não hại nữa nên

thỉnh Phật và Tăng cúng dường. Sau đó có một Bà-la-môn thỉnh Thiện lai thọ thực, dâng cúng các món ăn thượng diệu khiến được no đủ, vì muốn cho Thiện lai được tiêu hóa nên Bà-la-môn rót một ít rượu mạnh vào trong thức uống, Thiện lai không biết nên uống, trên đường trở về rượu thấm dần bị say nên ngã xuống đất. Thế tôn được Niệm không quên nên hóa ra một thảo am ở chỗ Thiện lai nằm, che kín khiến người không nhìn thấy. Sau khi thọ thực ở nhà trưởng giả Cấp-cô-độc xong, Phật đến chỗ Thiện lai, chỉ Thiện lai rồi bảo các Bí-sô: "Các thầy hãy nhìn xem Thiện lai, nếu trước kia có thể điều phục được rồng độc thì nay không thể điều phục được một con lươn nhỏ. Này các Bí-sô, uống rượu có sự mất mát lớn như thế", nói rồi Phật đưa bàn tay có luân tướng sờ đầu Thiện lai và bảo rằng: "Này Thiện lai, tại sao không quán sát kỹ trước khi dùng, đến nỗi chịu khốn đốn như thế này". Thiện lai tỉnh rượu liền theo Phật trở về, sau đó Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "… Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni uống các loại rượu, phạm Ba-dật-đề-ca".

Các loại rượu là rượu làm bằng men gạo hay đại mạch hoặc làm từ hoa quả… khi uống có thể làm cho người say.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni uống các loại rượu có thể khiến cho người say thì phạm Đọa, uống loại rượu không làm say thì Ác-tác. Nếu Bí-sô ni thấy các loại rượu kia có sắc rượu, hơi rượu và vị rượu có thể làm say mà uống thì phạm Đọa; không làm say thì Ác-tác. Nếu Bí-sô ni uống các loại rượu có sắc rượu và hơi rượu có thể làm say thì phạm Đọa; không làm say thì phạm hai Ác-tác. Nếu Bí-sô ni uống loại rượu chỉ có sắc rượu có thể làm say thì phạm Đọa, không làm say thì phạm một Ác-tác. Nếu ăn bả rượu mà say thì phạm Đọa, không say thì Ác-tác; nếu ăn men rượu phạm Ác-tác. Phật bảo các Bí-sô: "Nếu các thầy xem ta là Đại sư thì không nên uống tất cả các loại rượu, cũng không bảo người uống, cho đến không dùng cọng cỏ chấm rượu nhỏ vào miệng, nếu cố trái thì phạm tội Việt pháp". Nếu Bí-sô ni uống loại rượu được nấu chín thì không phạm, nếu thầy thuốc bảo dùng rượu thuốc hoặc dùng rượu thoa chà thân thì không phạm.

Học Xứ Thứ 63: VÀO THÔN XÓM PHI THỜI KHÔNG DẶN BÍ SÔ NI

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có một Bà-la-môn từ nơi khác đến thành này cưới vợ, không bao lâu sau sanh được một con gái, người con gái này đến tuổi trưởng thành cùng các đồng nữ khác đến trong rừng Thệ-đa. Ô-đà-di thấy cô gái này xinh đẹp liền khởi tâm nhiễm xúc chạm

và hôn khiến đồng nữ này muốn cùng làm điều phi pháp. Ô-đà-di từ chối khiến đồng nữ sân hận, tự lấy móng tay cào vào người mình rồi trở về nói với cha là Ô-đà-di đã xâm phạm đến mình. Người cha nổi giận rủ năm trăm Bà-la-môn cùng đến đánh Ô-đà-di, Phật nghe biết việc này nghĩ đây là bài học sau cùng của Ô-đà-di nên dùng thần lực làm cho Ô-đà-di suy yếu không thể chống cự lại được, kết quả là bị đánh gần chết. Các Bà-la-môn này đánh rồi kéo Ô-đà-di dẫn đến của cung vua kiện cáo, lúc đó vua đang ngủ trên lầu thượng. Phật dùng thần lực khiến cho vua tỉnh thức… cho đến câu phu nhơn Thắng man khuyên Ô-đà-di cải hối. Ô-đà-di nghe rồi phát tâm dõng mãnh hệ niệm tư duy, không bao lâu sau đoạn hết các phiền não, chứng A-la-hán và được Phật thọ ký là trong các đệ tử giáo hóa mọi người thì Ô-đà-di là bậc nhất. Sau đó một hôm Ô-đà-di vào chiều tối đi đến thế tục, phi lý bị giết chết và bị vất vào đống phân. Phật bảo các Bí-sô: "Do đi phi thời nên mới chiêu lấy lỗi lầm này, nay ta chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni phi thời vào trong thôn xóm, phạm Ba-dật-đề-ca".

Sau đó các Bí-sô có trách nhiệm khán bịnh vì phi thời không được vào thôn xóm nên không thể đi nuôi bịnh, Bí-sô thọ sự cũng không thể đi lo việc của Tăng, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật

nói: "Nên dặn lại cho Bí-sô biết rồi đi, nên dặn như sau: Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi có nhơn duyên thăm nuôi bịnh hoặc lo việc của Tăng nên phi thời vào trong thôn xóm, bạch cụ thọ biết cho. Vị được dặn nên đáp là Áo-tỷ-da."

Sau đó lại có Bí-sô gởi y bát trong nhà thế tục, phi thời bị lửa cháy, Bí-sô vội chạy đến để lấy lại y bát, giữa đường sực nhớ là chưa dặn lại Bí-sô nên không dám đi nữa bèn trở về, lúc đó y bát đều bị cháy hết, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói trừ nhân duyên rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô ni phi thời vào trong thôn xóm mà không dặn lại Bí-sô ni khác thì phạm Ba-dật-để-ca, trừ nhân duyên".

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho người trong pháp luật này. Phi thời là từ quá ngọ cho đến sáng hôm sau khi mặt trời chưa mọc.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni lúc phi thời khởi tưởng là phi thời và nghi thì phạm Đọa; nếu là thời mà tưởng là phi thời và nghi thì Ác-tác, các trường hợp khác đều không phạm.

Học Xứ Thứ 64: THỌ THỈNH THỰC TRƯỚC HAY SAU BỮA ĂN

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó có một trưởng giả giàu có thọ dụng dư dã, Ô-đà-di

đến nhà đó khất thực rồi nói pháp yếu cho trưởng giả nghe về năm công đức thí thực, đó là sống lâu, sắc đẹp, sức khỏe, an lạc và biện luận giỏi. Trưởng giả Hoan-hỉ dâng thức ăn cúng dường rồi xin quy y Tam bảo và thọ trì năm học xứ, sau đó Ô-đà-di lại đến nhà trưởng giả, trưởng giả nói: "Sáng mai con thỉnh Phật và Tăng thọ thực, Thánh giả hãy đến sớm", sáng hôm sau Ô-đà-di lại đến nói với trưởng giả: "Tôi có duyên sự tạm đến nhà khác, nếu tôi chưa trở lại, ông không nên dọn đưa thức ăn trước". Sau đó Phật cùng đại chúng đến nhà trưởng giả, các Bí-sô bảo trưởng giả xướng tùy ý, trưởng giả bạch: "Thế tôn, con đã sắp đặt những đệm ngồi này cho Đại chúng", Phật nói: "Nói như vậy tức là xướng tùy ý rồi, đại chúng hãy đến ngồi"… Sắp qua giờ ngọ Ô-đà-di mới đến, lúc đó trưởng giả mới dọn thức ăn ra dâng cúng nên có Bí-sô ăn được một ít, có Bí-sô không ăn kịp miếng nào vì qua giờ ngọ. Phật nói kệ bố thí rồi cùng đại chúng ra về. Ô-đà-di ở lại nhà trưởng giả không về chùa cùng chúng tăng làm lễ bố tát, cũng không gởi dục đến khiến chúng tăng ngồi lâu mỏi mệt, lúc đó các Bí-sô đều chê trách rằng: "Tại sao Bí-sô thọ nhà người thỉnh thực trước bữa ăn không đến sớm, ăn rồi cũng không về mà ở lại lâu trong nhà thế tục", sau đó bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "…Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni thọ nhà người thỉnh thực, trước và sau bữa ăn lại đi đến nhà người khác thì phạm Ba-dật-đề-ca". (Tên Ô-đà-di trong giới này tức là Ô-ba-Nan-đà trong giới của Bí-sô). Sau đó có Bí-sô nuôi bịnh và Bí-sô thọ sự trước và sau bữa ăn không dám đi nên phế bỏ công việc của mình, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni thọ nhà người thỉnh thực, trước và sau bữa ăn lại đến nhà người khác mà không dặn dò lại thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Trước bữa ăn là trước giờ ngọ, nếu ghé qua hai nhà thì phạm Đọa; Sau bữa ăn là sau giờ ngọ, nếu ghé qua ba nhà thì phạm Đọa. Không dặn lại là không dặn lại thí chủ: Tôi đến nhà đó; hoặc không dặn lại Bí-sô: Tôi đến nhà đó.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni thọ nhà người thỉnh thực, trước bữa ăn ghé qua hai nhà, sau bữa ăn ghé qua ba nhà mà không dạn lại thì phạm Đọa. Nếu Bí-sô ni này không phải là người đại diện cho thí chủ thỉnh thực thì không phạm.

Học Xứ Thứ 65: VÀO CUNG VUA

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó cụ thọ Ô-đà-di không biết cơ nghi, ban đêm nghe tiếng binh mã rầm rập liền thức giấc nghĩ rằng: "Há

chẳng phải người trong cung có việc gì phải đi hay sao?", lúc đó trời chưa sáng lại tưởng là trời sáng liền đắp y mang bát vào trong cung vua. Phu nhơn Thắng man nghe báo vội ra nghinh đón để thọ kinh giáo, học xong trời vẫn chưa sáng, người trong cung đều chê trách: "Nhà vua tuy có lòng kính tín, tình không gián cách nhưng Bí-sô không biết thời nghi, nửa đêm đã vào trong cung vua"…. cho đến câu Phật nói người vào trong cung vua có mười lỗi lầm rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni khi mặt trời chưa mọc, vua quán đảnh dòng Sát-đế-lợi chưa cất của báu và thuộc loại vật báu mà bước vào cửa cung vua thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Thời gian sau nhà vua thỉnh Phật và Tăng vào trong cung thọ thực, tới giờ thọ thực Thế tôn không đi, Xá-lợi-tử cùng chúng tăng đến trong cung thọ thực, chúng tăng tới cửa cung không dám bước vào, nhà vua thỉnh vào trong, Xá-lợi-tử suy nghĩ: "Thế tôn chế giới không cho vào cửa cung, nay vua mời nếu không vào thì trái phép, do nhân duyên này Phật sẽ tùy khai", nghĩ rồi liền cùng chúng Tăng bước vào trong cung đến chỗ ngồi thọ thực. Sau khi thọ thực xong trở về, cụ thọ Xá-lợi-tử đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đem việc trên bạch Phật, Phật bảo Xá-lợi-tử:

"Lành thay, Như lai chưa khai mà thầy đã biết đúng lúc để tạo phương tiện", nói rồi bảo các Bí-

sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nay học xứ này nên nói lại cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu có Bí-sô ni khi mặt trời chưa mọc, vua Sát-đế-lị quán đảnh chưa cất của báu và các loại vật báu khác mà bước qua ngạch cửa cung vua, phạm Ba-dật-đề-ca, trừ các duyên khác."

Cửa cung Có ba: Thành môn, cung môn và vương môn. Trừ duyên khác là trừ được thắng pháp như cụ thọ Xá-lợi-tử.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Trời chưa sáng, Bí-sô ni tưởng là chưa sáng và nghi mà bước qua khỏi cửa thành, phạm Ác-tác; chưa sáng tưởng là sáng và nghi cũng Ác-tác, cửa vua cũng vậy. Nếu bước qua cửa cung, tưởng và nghi đều phạm bổn tội; hai câu kế phạm Ác-tác; hai câu sau không phạm; nếu vương phi, Thái-tử, đại thần mời vào cũng không phạm.

Học Xứ Thứ 66: DỐI NÓI KHÔNG BIẾT

Duyên khởi như trong luật Bí-sô, như Phật đã dạy các Bí-sô nên mỗi nửa tháng nói Ba-la-đề-mộc-xoa, nhưng khi nghe thuyết giới Lục chúng lại nói: "Nay tôi mới biết pháp này từ trong Giới kinh nói ra", các Bí-sô hỏi: "Các vị há chưa từng nghe hay sao?", đáp: "Chúng tôi há chỉ nghe việc này mà không nghe các việc khác hay sao?"… Cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu có Bí-sô ni khi nghe thuyết giới mỗi nửa tháng nói rằng: Này các cụ thọ, nay tôi mới biết pháp này nói ra từ trong Giới kinh. Các Bí-sô ni biết Bí-sô ni này đã hai, ba lần cùng làm trưởng tịnh hoặc nhiều hơn thì nên nói với Bí-sô ni kia rằng: Này cụ thọ, đây là pháp hy kỳ, khó thể gặp được, khi thuyết giới cô không cung kính phải chăng, trụ tâm không ân trọng phải không, khởi tưởng ý bất nhất phải không, không nhiếp tâm lắng nghe giới phải không; thì phạm Ba-dật-đề-ca ."

Khi nói giới kinh là nói từ bốn Tha-thắng cho đến bảy Diệt-tránh, theo thứ lớp nói rõ yếu nghĩa của giới. Nói nay tôi mới biết… là Lục chúng cùng các Bí-sô khác nghe giới mà cố ý nói là nay mới biết, ý muốn làm cho người khác sanh tâm ưu hối, làm não loạn chúng, nên có lỗi này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô ni nghe nói bốn Tha-thắng cho đến bảy Diệt-tránh mà nói như thế thì mỗi mỗi lời đều phạm bổn tội, nếu thật sự không hiểu biết như người ngu si thì không phạm.

Học Xứ Thứ 67: LÀM ỐNG ĐỰNG KIM

Duyên khởi như trong luật Bí-sô, lúc đó có một người thợ tiện tên là Đạt-ma tiện các dụng cụ bằng xương, sừng, ngà rất khéo tay. Trước kia vốn tín kính ngoại đạo, sau nhân đến trong chùa nghe pháp yếu sanh tín kính nên bỏ ngoại đạo theo Phật đạo,

người thọ này suy nghĩ: "Nhà ta nghèo khó tu phước nghiệp, ta nên dùng sức lao động của mình để tu phước nghiệp", nghĩ rồi liền đến bạch các Bí-sô, Bí-sô ni: "Con khéo tay tiện các dụng cụ bằng xương, sừng, ngà. Nếu các vị cần ống đựng kim con sẽ làm để cúng dường". Sau đó do có nhiều vị muốn làm nên không bao lâu sau người thợ tiện phải lâm cảnh nghèo khốn, áo không đủ che thân, cơm không đủ no bụng. Ngoại đạo lộ hình thấy vậy liền nói: "Trước kia quy y theo chúng tôi, gia cảnh còn đầy đủ, nay quy y theo những người cạo tóc nên mới lâm cảnh nghèo khốn, do đây nghiệm biết ai là bạn tốt". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách: "Tại sao Bí-sô bảo thợ tiện làm mà không biết lượng xét đến nỗi làm cho người ta lâm cảnh nghèo khốn lại còn bị ngoại đạo chê bai", đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "… Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu có Bí-sô ni làm ống đựng kim bằng ngà, sừng, xương, phạm Ba-dật-để-ca, nếu đã làm rồi thì nên đập bỏ."

Nếu có Bí-sô ni là chỉ cho người trong pháp này. Ống đựng kim có hai: Loại đựng một cây và loại đựng nhiều cây, nếu làm bằng ngà, sừng, xương thì không cho; tự làm hay bảo người khác làm đều không được, nếu đã làm rồi thì nên đập bỏ rồi sám tội, người đối sám nên hỏi Bí-sô phạm đã

dập bỏ rồi chưa, nếu không hỏi thì người đối sám phạm Ác-tác. Hỏi rồi mới cho sám tội. Bí-sô ni nên dùng ống tre, ống trúc hay miếng vải để đựng kim hay gói kim, thỉnh thoảng nên mở ra xem đừng để kim bị rỉ sét thì không phạm.

Học Xứ Thứ 68: LÀM GIƯỜNG QUÁ LƯỢNG

Duyên khởi như trong luật Bí-sô, lúc đó có một Bí-sô du hành trong nhân gian đến rừng Thệ-đa thì trời sụp tối, cửa ngỏ đã đóng nên Bí-sô rửa chân rồi ngồi trên một chiếc giường thấp dưới mái hiên thâu nhiếp thân tâm nhập định. Lúc đó có một con rắn nghe hơi nước bò đến trước giường, thấy đầu Bí-sô sô cúi xuống liền cắn vào trán Bí-sô, Bí-sô chết liền sanh lên cõi trời ba mươi ba… cho đến câu Phật bảo các Bí-sô: "Không nên nằm ngồi trên giường thấp, cũng không nên rửa chân ở trước giường, nếu trái lời thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó Lục chúng nghe Phật chế rồi liền làm giường chân cao đến bảy khuỷu tay rồi dùng thang leo lên leo xuống, các Bà-la-môn cư sĩ trông thấy đều chê trách, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "… Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu có Bí-sô ni làm giường lớn, giường nhỏ, chân giường nên cao bằng tám ngón tay của Như lai, nếu cao quá lượng phải cắt bỏ, phạm Ba-dật-

đề-ca."

Sau đó cụ thọ Ô-đà-di do thân hình cao lớn khi ngồi trên loại giường này thì cằm đụng đầu gối, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu có Bí-sô ni làm giường lớn, giường nhỏ, chân giường nên cao bằng tám ngón tay của Như lai, trừ khúc gỗ tra vào lỗ mộng ở chân giường, nếu cao quá lượng này phải cắt bỏ, phạm Ba-dật-đề-ca."

Làm giường lớn, giường nhỏ là tự làm hay bảo người làm. Chân giường cao tám ngón tay của Như lai: Tám ngón tay của Như lai bằng một khuỷu tay của người trung bình. Trừ khúc gỗ tra vào lỗ mộng ở chân giường là không tính chiều cao này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni làm giường cho Tăng hay cho riêng mình, cao quá tám ngón tay của Như lai đều phải cắt bỏ rồi sám tội Đọa, người đối sám nên hỏi là đã cắt bỏ rồi chưa, nếu không hỏi thì người đối sám phạm Ác-tác, nếu nói chưa cắt bỏ thì không cho thuyết hối, nếu làm đúng lượng thì không phạm.

Học Xứ Thứ 69: DÙNG CỎ, BÔNG DỒN LÀM NỆM GIƯỜNG

Duyên khởi như trong luật Bí-sô, lúc đó Ô-ba-

Nan-đà được chia cho chiếc giường lớn, liền dùng bông dồn làm nệm giường để nằm. Sau đó có một Bí-sô khách già đến cần ngọa cụ nên Ô-ba-Nan-đà phải nhường giường, khi dọn nệm giường đi đã làm rơi rớt bông trên giường. Bí-sô kia ngủ sáng dậy trên người dính đầy bông trắng… cho đến câu Phật quở trách rồi chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu có Bí-sô ni dùng bông gòn… dồn làm nệm trải trên giường của Tăng thì phải quăng bỏ, phạm Ba-dật-đề-ca."

Vật dồn có năm thứ: Bông gòn, bông cỏ, cỏ bồ, kíp bối, lông dê; nếu Bí-sô dùng năm thứ này tự dồn hay bảo người khác dồn làm nệm nằm đều phạm Đọa, tội nên thuyết hối.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni ở trên ghế giường của Tăng dùng bông gòn… dồn làm nệm trải ngồi nằm đều phạm Đọa, phải quăng bỏ bông gòn này rồi sám tội, người đối sám nên hỏi là đã quăng bỏ bông gòn đó chưa, nếu không hỏi thì người đối sám phạm Ác-tác; nếu nói chưa quăng bỏ thì không cho thuyết hối.

Học Xứ Thứ 70: LÀM NI SƯ ĐÀN NA QUÁ LƯỢNG

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, như Phật đã dạy nếu dùng ngọa cụ của Tăng hay của

người khác cho đến vật của riêng mình đều nên dùng vật lót gọi là Ni sư đàn na. Lúc đó các Bí-sô không biết may với kích lượng như thế nào nên may hoặc lớn quá hoặc nhỏ quá, dài quá hay ngắn quá… cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni làm Ni-sư-đản-na nên làm đúng lượng, đúng lượng là bề dài hai trương tay, bề rộng một trương tay rưỡi của Phật, nếu làm quá lượng này thì phạm Ba-dật-để-ca, nếu làm thành rồi phải cắt bỏ."

Sau đó cụ thọ Ô-đà-di do thân hình to lớn, mỗi khi ngồi phải lấy lá cây lót ở hai bên chân để hộ ngọa cụ, Thế tôn đi xem xét các phòng thấy lá bỏ bừa bãi, hỏi rõ nguyên do rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni làm Ni-sư-đản-na nên làm đúng lượng, đúng lượng là bề dài hai trương tay, bề rộng một trương tay rưỡi của Phật, bề dài thêm một trương tay, nếu làm quá lượng này phạm Ba-dật-để-ca, nếu làm thành rồi phải cắt bỏ."

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho người trong pháp luật này. Ni-sư-đản-na tức là phu cụ, tự làm hay bảo người làm đều phạm tội như nhau. Đúng lượng: Một trương tay của Phật bằng ba trương tay của người thường, tổng cộng Phật chế trước sau có

chín trương tay tức là bốn khuỷu tay rưỡi; bề rộng một trương tay rưỡi của Phật bằng bốn trương tay và sáu ngón tay của người thường. Nếu Bí-sô ni không y theo kích thước này mà làm quá lượng thì phải cắt bỏ, tội phải thuyết hối.

Nhiếp Tụng Thứ Tám:

Che ghẻ, lượng y Phật,
Tỏi, cạo, tẩy tịnh, vỗ,
Tự nấu ăn, tạt nước,
Cỏ tươi, bỏ ngoài tường.

Học Xứ Thứ 71: MAY Y CHE GHẺ

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, như Thế tôn đã dạy, nên may y che ghẻ, các Bí-sô không biết may với kích lượng như thế nào nên may quá lớn hoặc quá nhỏ, đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "… Chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni làm y che ghẻ nên làm đúng lượng, đúng lượng là bề dài bốn trương tay, bề rộng hai trương tay của Phật, nếu may quá lượng này nên cắt bỏ, phạm Ba-dật-đề-ca."

Giải thích và tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ 72: MAY Y ĐỒNG LƯỢNG Y CỦA PHẬT

Duyên khởi giống như trong luật Bí-sô, lúc đó

Ô-ba-Nan-đà may y bằng lượng y của Phật nên khi đắp phải dồn lại một bên vai… cho đến câu Phật chế học xứ này cho hai bộ đệ tử như sau:

Nếu có Bí-sô ni may y bằng kích thước y của Phật hoặc hơn thì phạm Ba-dật-để-ca. Kích thước y của Phật là bề dài mười trương tay, bề rộng sáu trương tay của Phật."

Mười trương tay của Phật bằng ba mươi trương tay của người thường tức là một năm khuỷu tay; bề rộng sáu trương tay của Phật bằng mười tám trương tay của người thường tức là chín khuỷu tay, hoặc hơn kích lượng này đều phạm Đọa.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 17

Học Xứ Thứ 73: ĂN TỎI

Phật ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả sống với nghề trồng tỏi, trong khu vườn của ông còn trồng thêm nhiều loại rau tươi ngon. Lúc đó thế gian mất mùa đói kém, khất thực khó được, trưởng giả thấy các Bí-sô ni khất thực phải mang bát không trở về nên nói với các Bí-sô ni: "Trong vườn tỏi của tôi còn có trồng nhiều loại rau, các vị có thể tùy ý hái về dùng". Các Bí-sô ni nghe rồi liền đến trong vườn hái rau, Thổ-la-Nan-đà khi đến hái rau nhổ luôn cả tỏi, các ni khác hỏi: "Cô nhổ luôn cả tỏi hay sao?", Thổ-la-Nan-đà nói: " Rau tức là tỏi, tỏi tức là rau". Trưởng giả thấy vậy sanh lòng bất nhẫn liền đến đánh rồi đoạt lại rau và tỏi, đuổi ra khỏi vườn với đủ lời chê trách: "Tại sao Bí-sô ni lại ăn tỏi chứ?". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni, thường pháp của chư Phật là đúng thời mới hỏi, không đúng thời thì không hỏi; có lợi mới hỏi, không lợi thì không hỏi để dứt

trừ nghi hoặc. Phật hỏi Thổ-la-Nan-đà: "Cô thật đã làm việc không đoan nghiêm này và ăn tỏi phải không?", đáp: "Thật vậy Thế tôn", Phật quở trách: "Cô chẳng phải là nữ sa môn, chẳng phải là pháp tịnh hạnh…", quở trách rồi chế học xứ này cho các Bí-sô ni như sau: Nếu lại có Bí-sô ni ăn tỏi, phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Ba-dật-đề-ca là đốt nấu, đọa lạc, nếu phạm tội này bị đọa vào ba cõi ác địa ngục, bàng sanh và ngạ quỷ chịu khổ đốt nấu. Người phạm tội này nếu không ân cần thuyết hối trừ tội thì có thể làm chướng ngại pháp lành đã có nên gọi là Ba-dật-đề-ca.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Ni-thổ-la-nan-đà do tham nên bị trưởng giả đánh đuổi ra khỏi vườn, xin Thế tôn nói rõ nhơn duyên xưa kia", Phật nói: "Ni-thổ-la-nan-đà không phải chỉ ngày nay do tham nên gặp điều bất lợi mà xưa kia cũng do tham nên gặp tai ương đưa đến chết. Các thầy lắng nghe: Thuở xưa, có một tên trộm chui qua lỗ khoét ở vách tường lẻn vào trong cung trộm lấy được nhiều vàng bạc châu báu gói lại để mang ra ngoài, do làm rớt lại một cái thìa vàng nên chui trở vào để lấy, bị quân canh bắt được giải đến chỗ vua, vua ra lịnh pháp quan đem chặt tay chân. Lúc đó có chư thiên nói bài tụng:

"Không nên nhiều lòng tham,

Tham là điều tội ác,
Người nào nhiều lòng tham,
Vật đã được đều mất.
Như người tìm cái thìa,
Nên gặp các khổ nạn."

Này các Bí-sô, tên trộm xưa kia chính là Ni-thổ-la-nan-đà, xưa do tham nên gặp khổ nạn, nay cũng như vậy. Cô ni này lại cũng do tham nên luôn gặp điều bất lợi và mất mát, các thầy lắng nghe: Thuở xưa, trong thành Bà-la-nê-tư có một người thợ kim hoàn cưới vợ không bao lâu sau sanh được một con gái, dung mạo đoan chánh, xinh đẹp hơn người ai cũng yêu mến. Khi cô lớn khôn thì người cha qua đời, thọ sanh trong loài ngỗng được làm Nga vương, con gái của ông trở nên nghèo khổ. Người cha Nga vương nhớ lại đời trước, nghĩ đến con gai nay đang nghèo khổ, vì thương yêu con nên Nga vương bay đến đảo châu báu ngậm một hạt ngọc mang về để nơi cửa nhà con gái vào mỗi buổi sáng như thế. Người con gái thu được nhiều châu ngọc liền suy nghĩ là ai đã đem cho châu ngọc, nghĩ rồi liền núp sau cánh cửa rình cho đến một hôm cô thấy con ngỗng bay tới nhả hạt ngọc ở cửa rồi bay đi. Cô gái suy nghĩ: "Trong thân con ngỗng này là kho chưa vật báu, ta làm cách nào bắt được nó để lấy hết kho ngọc báu đó", nghĩ rồi liền giăng lưới để bắt ngỗng, Nga vương thấy lưới giăng liền suy nghĩ: "Đứa con tội ác này không biết ân tình nên

muốn hại ta", nghĩ rồi liền bay đi luôn không trở lại nữa. Lúc đó chư thiên nói tụng:

"Không nên nhiều lòng tham,
Tham là điều tội ác,
Người nào nhiều lòng tham,
Vật đã được đều mất.
Như người muốn bắt ngỗng
Ngọc báu liền dứt hẳn."

Này các Bí-sô, người con gái xưa kia chính là Ni-thổ-la-nan-đà, xưa do tham nên mất hết các ngọc báu, nay cũng do tham nên bị đuổi ra khỏi vườn. Do đây các Bí-sô ni không nên tham nhiều."

Học Xứ Thứ 74: CẠO LÔNG CHỖ KÍN

Duyên khởi và nơi chốn như giới trên, lúc đó Thổ-la-Nan-đà ở chỗ hiển lộ cạo lông nách, các ni thấy hỏi: "Vì sao cô làm như vậy?", đáp: "Vì lông nách xúc não tôi nên tôi cạo bỏ", các ni nói: "Đây không phải là việc làm thanh tịnh", đáp: "Thanh tịnh hay không thì tôi cũng đã cạo rồi". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cạo lông chỗ kín, phạm Ba-dật-để-ca. Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 75: TẨY TỊNH KHÔNG

ĐƯỢC QUÁ LƯỢNG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trên, lúc đó Thổ-la-Nan-đà do tâm dục hừng thạnh nên khi tẩy tịnh đã đưa ngón tay vào trong chỗ kín khởi tưởng thọ lạc, sau đó chỗ kín sưng đau chịu nhiều khổ sở. Thổ-la-Nan-đà bảo đệ tử: "Cô hãy tìm mua giúp tôi các loại hương như hương Chiên đàn… vì tôi có bịnh đau nhức", nói rồi liền kể việc mình đã làm, các ni nói: "Đây là việc làm không thanh tịnh", đáp: "Thanh tịnh hay không thì tôi cũng đã làm rồi". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật quở trách rồi nói: "Lỗi này có là do tẩy tịnh, từ nay các ni không được tẩy tịnh". Thời gian sau Thổ-la-Nan-đà do không tẩy tịnh nên thân thể có mùi hôi khiến người khác không chịu nổi, họ hỏi nguyên do, ni nói là do Phật chế không được tẩy tịnh nên mới như thế. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni và chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni nếu tẩy tịnh chỉ nên dùng hai lóng tay, nếu quá hai lóng tay thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 76: DÙNG TAY VỖ CHỖ

KÍN

Duyên khởi và nơi chốn như giới trên, lúc đó Thổ-la-Nan-đà do tâm dục hừng thạnh nên dùng tay vỗ chỗ kín khiến bị sưng lên rất đau đớn, các ni hỏi nguyên do liền kể lại việc mình đã làm, các ni nói: "Đây là việc làm không thanh tịnh", đáp: "Thanh tịnh hay không thì tôi cũng đã làm rồi". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni dùng tay vỗ chỗ kín, phạm Ba-dật-đề-ca. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 77: TỰ TAY NẤU THỨC ĂN SỐNG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trên, lúc đó có một người ưa thích cây vườn bảo người đầu bếp: "Tôi muốn đi du ngoạn, sáng mai ông nên đến sớm để nấu thức ăn mang theo", nói rồi đưa tiền, người đầu bếp bảo những người phụ nấu ăn lo liệu mọi thứ mang đến nhà đó chờ ông đến nấu. Họ chuẩn bị mọi thứ xong xuôi nhưng chờ mãi không thấy ông tới, giờ sắp trôi qua nên họ đều lo lắng. Lúc đó Thổ-la-Nan-đà đến nhà đó khất thực, người vợ nói: "Hiện tại tôi đang lo lắng, cũng không có thức ăn cho cô", Thổ-la-Nan-đà hỏi biết nguyên do rồi nói: "Không lẽ bà chỉ biết kim chỉ, không biết nấu ăn hay sao?", người vợ liền hỏi: "Thánh giả biết nấu

ăn sao?", đáp: "Công xảo gì tôi cũng rành cả", người vợ nói: "Thánh giả thương xót nấu thức ăn giúp tôi", liền hỏi: "Tôi nấu giúp bà, bà có cho tôi thức ăn không?", đáp là cho, lại hỏi: "Có cho luôn người coi phòng của tôi không?", đáp là cho, liền hỏi: "Bà muốn nấu những món gì?". Người vợ liền nói các món ăn cần nấu, Thổ-la-Nan-đà đều nấu được cả, nấu xong nhận lấy phần thức ăn cho mình mang về chùa. Một lát sau người đầu bếp mới đến, người nhà nói: "Các món ăn đã nấu xong hết rồi, lại còn nấu rất ngon, người nấu là Ni-thổ-la-nan-đà", người đầu bếp nghe rồi liền chê trách: "Tại sao sa môn Thích nữ lại đoạt nghề kiếm sống của người khác, như vậy chẳng phải là nữ sa môn, chẳng phải là nữ tịnh hạnh". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự tay nấu thức ăn sống, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên, không phạm là nếu vì tăng già và các đồng phạm hạnh khác, nếu nấu phải nấu trong nhà kín không ai thấy.

Học Xứ Thứ 78: TẠT NƯỚC THƯỢNG CHÚNG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trên, lúc đó có một trưởng giả cưới vợ đã lâu mà không có con,

về sau thân tộc phân tán, của cải tiêu tan trở nên nghèo khổ, không biết kêu cứu với ai. Ông chống tay vào cằm suy nghĩ: "Nay ta già yếu không thể kiếm sống, ta nên xuất gia mới có chỗ nương nhờ", nghĩ rồi liền nói với vợ: "Tôi nay muốn xuất gia", người vợ nói: "Tôi cũng muốn xuất gia". Người chồng liền dẫn vợ đến chỗ Đại-thế-chủ xin cho vợ được xuất gia rồi đến trong chỗ tăng cầu xin xuất gia. Thời gian sau ông đến chỗ chùa ni thăm người vợ trước kia, cô ni này từ xa trông thấy người chồng trước kia liền ra đón chào mời ngồi rồi đứng một bên, Bí-sô nói diệu pháp rồi ra về, cô ni đem thức ăn ra mời Bí-sô ở lại để cúng dường, cô đứng phía trước một tay cầm bình nước một tay cầm quạt, Bí-sô thấy liền cười, cô ni hỏi vì sao cười, Bí-sô nói: "Khi còn ở nhà đã phục vụ tôi, nay cũng như vậy nên tôi cười". Cô ni nghe rồi nổi giận nói: "Tôi cung cấp vì ruộng phước tại sao lại chê cười", nói rồi tạt nước trong bình lên người Bí-sô và cầm bình đánh Bí-sô. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni dùng nước tạt thượng chúng, phạm Ba-dật-để-ca.

Thượng chúng là chỉ cho Bí-sô. Tướng phạm như trên, nếu bị té xỉu tạt nước cho tỉnh lại thì không phạm.

Học Xứ Thứ 79: ĐẠI TIỂU TIỆN TRÊN CỎ XANH TƯƠI

Duyên khởi và nơi chôn như giới trên, lúc đó ở phía trước chùa ni là một bãi cỏ xanh tươi, con của các Bà-la-môn, trưởng giả thường cùng các bạn trẻ đến đó vui đùa cười giỡn… làm ồn ào não loạn các ni trong chùa. Thổ-la-Nan-đà thấy vậy bèn bảo các ni uống thuốc xổ, đại tiểu tiện trong một cái bồn lớn rồi đem tưới trên bãi cỏ xanh tươi đó. Hôm sau họ lại đến như trước vui đùa cười giỡn bị dính dơ và nghe mùi hôi thối nên nói với nhau: "Sao lại có chất bất tịnh và hôi thối như thế này, ai đã làm việc này?", Thổ-la-Nan-đà từ xa trông thấy liền cười lớn, mọi người nghe cười liền hỏi: "Tại sao Thánh giả cười, có phải Thánh giả đã làm nhơ nhớp bãi cỏ xanh tươi này không?", đáp: "Ngoài tôi ra còn ai làm việc ấy", mọi người nghe rồi đều hết lời chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đại tiểu tiện trên cỏ xanh tươi, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên, không phạm là trừ khi bịnh.

Học Xứ Thứ 80: ĐỔ ĐỒ BẤT TỊNH NGOÀI TƯỜNG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trên, lúc đó

Thổ-la-Nan-đà vừa làm Tri sự vừa làm giáo thọ hoặc dạy phúng tụng nên phần nhiều không ngủ, ăn uống lại không tiêu, khi đại tiểu tiện đều đem đổ ra ngoài tường. Vua Thắng-quang có một đại thần tên Cát-tường do tự tiện cỡi voi của vua nên vua nổi giận đuổi đi, khi ông đi ngang qua chùa đúng vào lúc Thổ-la-Nan-đà đang đổ đồ bất tịnh ra ngoài tường trúng phải ông khiến toàn thân nhơ nhớp, ông xấu hổ ra sông tắm rửa. Các ni biết được liền nói với nhau: "Vị đại thần này có thế lực lớn, chúng ta ắt sẽ gặp họa". Lúc đó ở trong triều có vị đại thần tên là Lộc tử tâu vua lượng thứ cho Cát tường: "Đại thần cất tường là người trung tín, có công với nước, cúi xin nhà vua lượng thứ cho tội đã tự tiện cỡi voi của vua", nhà vua chuẩn tấu rồi sai sứ đến kêu đại thần Cát tường về triều phụng mệnh, sứ tuân lịnh đến kêu, đại thần nghe hoảng sợ, đang mặc áo ướt vội đến chỗ vua, vua cho phục chức và nói: "Con voi bạch liên hoa ta ban cho khanh tùy ý cỡi". Đại thần cát tường nghe rồi hết sức vui mừng liền suy nghĩ: "Ta nay được phục chức phải chăng là do vừa rồi ta bị trúng phải chất bất tịnh làm cho nhơ nhớp", nghĩ rồi liền đi đến chùa ni hỏi: "Hôm nay ai đã đổ đồ bất tịnh trúng phải người tôi?", Thổ-la-Nan-đà nghe hỏi trong lòng sợ hãi, vào phòng đóng cửa nói vọng ra: "Đó là do một vị ni già không biết xấu hổ, không biết đổ đồ bất tịnh đã làm nhơ nhớp quý nhơn, xin Ngài

đừng nổi giận", đại thần nói: "Tôi không có nổi giận, tôi hỏi để cúng y phục cho vị ấy vì nhờ trúng phải đồ bất tịnh đó mà tôi được phục chức". Thổ-la-Nan-đà nghe rồi liền bước ra lấy tay đấm ngực nói: "Do tôi thô tháo đã tạo tội này", đại thần thấy ni bước ra liền dâng cúng y phục. Thời gian sau, Thổ-la-Nan-đà tranh cải với các ni khác liền mắng một cô ni: "Tôi xem cô không bằng phân của tôi", các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni không xem xét kỹ liền đem đồ bất tịnh đổ ra ngoài tường, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Nhiếp Tụng Thứ Chín:

Một mình có năm giới,
Kề tai nói có bốn,
Nếu ôm lòng sân giận,
Đấm ngực đều không cho.

Học Xứ Thứ 81: MỘT MÌNH CÙNG NGƯỜI NAM ĐỨNG Ở CHỖ KHUẤT

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trên, lúc đó Thổ-la-Nan-đà một mình cùng nam tử đứng ở chỗ khuất, các Bà-la-môn trưởng giả… nhìn thấy đều sanh tâm nghi nói với nhau: "Cô ni này chẳng phải là người tịch tĩnh xuất gia nên mới một mình cùng người nam đứng ở chỗ khuất". Các ni đem

việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni một mình cùng người nam đứng ở chỗ khuất thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Chỗ khuất có năm: Hàng rào, tường vách, màn trướng, rừng rậm và chỗ tối tăm. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 82: MỘT MÌNH CÙNG BÍ SÔ ĐỨNG Ở CHỖ KHUẤT

Duyên khởi và nơi chốn như giới trên, lúc đó Bí-sô ni Cấp-đa cùng Bí-sô Ô-đà-di đứng ở chỗ khuất, các Bà-la-môn trưởng giả… thấy đều chê trách: "Cô ni này chẳng phải là người tịch tĩnh xuất gia nên mới cùng Bí-sô đứng ở chỗ khuất ắt là hẹn hò". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni một mình cùng Bí-sô đứng ở chỗ khuất, phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni Cấp-đa hoặc có ni khác giống như vậy. Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 83: MỘT MÌNH CÙNG

NGƯỜI NAM ĐỨNG Ở CHỖ HIỂN LỘ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trên, lúc đó Thổ-la-Nan-đà một mình cùng người nam đứng ở chỗ hiển lộ, các Bà-la-môn trưởng giả… thấy đều chê trách: "Cô ni này chẳng phải là người tịch tĩnh xuất gia nên mới một mình cùng người nam đứng ở chỗ hiển lộ để hẹn hò". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni một mình cùng người nam đứng ở chỗ hiển lộ, phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như thế. Chỗ hiển lộ là chỗ không có che ngăn. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 84: MỘT MÌNH CÙNG BÍ SÔ ĐỨNG Ở CHỖ HIỂN LỘ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trên, lúc đó Bí-sô ni Cấp-đa một mình cùng Bí-sô Ô-đà-di đứng ở chỗ hiển lộ, các Bà-la-môn trưởng giả thấy đều chê trách như trên. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni một mình cùng Bí-sô đứng ở chỗ hiển lộ, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm giống như giới trên,

không phạm là Bí-sô có bạn, ni có thị giả bên cạnh.

Học Xứ Thứ 85: MỘT MÌNH Ở MỘT PHÒNG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trên, lúc đó Châu-kế-Nan-đà mặc y đẹp, oai nghi từ tốn, bước đi đoan nghiêm, khi đi khất thực có nam tử bán hương thấy dung nghi của cô sanh tâm đắm nhiễm. Do tâm dục hừng thạnh nên không còn biết xấu hổ đến trước cô ni nói nhỏ: "Thánh giả hãy cùng tôi tư thông", ni nói: "Tôi là người xuất gia làm sao cùng ông làm việc xấu xa như thế", nói rồi nổi giận mắng: "Ông là kẻ vô lại, cha của ông không dạy ông hay sao mà nói ra lời thô với tôi như thế. Sao ông không cùng với voi, cọp, sư tử, rắn độc… các loại thú ác độc như thế giao hoan?", nam tử nói: "Thánh giả lẽ nào đối với trượng phu đều nói như thế?". Châu-kế-Nan-đà tự nghĩ: "Người này không phải người tốt đã xúc não ta, ta sẽ xúc não lại bằng cách hẹn gặp", nghĩ rồi liền nói: "Hiền thủ, phòng của tôi ở tại , ông phải tự biết thời mà đến đó". Đến trời tối lúc các ni đang phúng tụng ở nơi tháp, nam tử bán hương liền đến trong chùa và lẻn vào phòng của Châu-kế-Nan-đà. Phúng tụng xong Châu-kế-Nan-đà trở về phòng, vừa ngồi trên giường nam tử bán hương liền bước đến nắm tay, cô ni kêu lớn là có trộm, nam tử hoảng hốt chạy ra khỏi phòng nói: "Cô ni này dối trá, đã hẹn tôi đến, tôi đến rồi lại nói

tôi là kẻ trộm". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni một mình một phòng, phạm Ba-dật-để-ca. Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Châu-kế-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Một mình một phòng là không có người thứ hai cùng ngủ trong phòng. Tướng phạm như trên, không phạm là bạn ni qua đời hoặc bị đuổi đi hoặc thôi tu.

Học Xứ Thứ 86: CÙNG NGƯỜI NAM NÓI NHỎ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà sáng sớm vào thành Thất-la-phiệt khất thực, oai nghi chánh trụ mà lại kề tai người nam thế tục nói nhỏ. Các Bà-la-môn trưởng giả và những người không tín kính nhìn thấy đều chê trách: "Cô ni này không phải là người tịch tĩnh xuất gia, bỏ phẩm thiện của mình kề tai người nam nói nhỏ ắt là cùng hẹn hò". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni kề tai người nam nói nhỏ, phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà

hoặc có ni khác giống như vậy. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 87: CHO NGƯỜI NAM KỀ TAI NÓI NHỎ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà vào thành khất thực cho người nam kề tai nói nhỏ khiến người không tín kính chê trách giống như giới trên. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cho người nam kề tai nói nhỏ, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ 88: KỀ TAI BÍ SÔ NÓI NHỎ

Duyên khởi và nơi chôn như giới trước, lúc đó ni Cấp-đa cũng như Thổ-la-Nan-đà vào thành khất thực kề tai Bí-sô nói nhỏ khiến những người không tín kính chê trách giống như giới trên. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni kề tai Bí-sô nói nhỏ, phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni Cấp-đa hoặc có ni khác giống như vậy. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 89: CHO BÍ SÔ KỀ TAI NÓI NHỎ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Cấp-đa cũng như trước khi đi khất thực cho Bí-sô kề tai nói nhỏ khiến người không tín kính chê trách giống như giới trên. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cho Bí-sô kề tai nói nhỏ, phạm Ba-dật-để-ca. Giải thích và tướng phạm như giới trên.

Học Xứ Thứ 90: ĐẤM NGỰC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó các ni cùng nhau tranh cải nói tội lỗi lẫn nhau rồi ôm lòng sân giận tự đấm ngực kêu đau khổ. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni vì sân giận tự đấm ngực kêu đau khổ, phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Giải thích và tướng phạm như trên.

Nhiếp Tụng Thứ Mười:

Thề thốt, không xem xét.
Giường ngồi, dùng nhựa cây,
Ở bốn nhà bạch y,

Không khán bịnh cùng nằm.

Học Xứ Thứ 91: THỀ THỐT

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni cùng đến nhà các Bà-la-môn trưởng giả, hoặc nhơn đi khất thực, hoặc nhơn đi thăm bịnh, hoặc vì nói pháp, đến nhà họ rồi, họ thấy các ni đến kính lễ rồi bạch: "Các Thánh giả rất khó gặp, chúng tôi có phước mới được Thánh giả tới nhà. Rất mong các Thánh giả thương xót thường đến nhà chúng tôi chớ để chúng tôi trông ngóng". Các ni nghe thấy người khác cung kính khen ngợi gọi là Thánh giả nên sanh ngã mạn cống cao, những người tục đó lại nói: "Sợ các Thánh giả đi rồi không trở lại nữa, nếu các vị chắc chắn sẽ đến thì xin hãy thề", các ni nói: "Nếu chúng tôi đi mà không trở lại nữa thì tôi tu tịnh giới sẽ không có quả lợi", nghe các ni đem phạm hạnh của mình ra thề nên mọi người đều chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đem phạm hạnh của mình ra thề, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 92: KHÔNG XEM XÉT MÀ GẠN HỎI NGƯỜI KHÁC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó

các Bí-sô ni sống trong hòa hợp khiến các Bà-la-môn trưởng giả sanh tín kính, tôn trọng cúng dường tứ sự đầy đủ, họ đưa tịnh tài nói rằng: "Thánh giả hãy nhận tiền thuốc này, khi có bịnh hoạn thì tùy ý dùng". Chúng mười hai ni thấy rồi sanh tâm tật đố nói với nhau: "Tại sao chúng ta không nhờ người thế tục cung kính cúng dường tứ sự và tịnh tài để dùng cho việc ăn uống", bàn rồi cùng lập kế để cho các Bà-la-môn trưởng giả cung kính cúng dường cho họ. Đối với những việc không có căn cứ thấy nghe nghi, họ liền nói là có căn cứ thấy nghe nghi để gạn hỏi Bí-sô ni: "Cô ni tên có tội như vậy, cô ni tên phạm tội như vậy", gạn hỏi quở trách rồi vào ngày trưởng tịnh, tùy ý, họ không cho các ni đó vào trong chúng. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni không xem xét sự việc mà gạn hỏi người khác, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 93: KHÔNG XEM KỸ GIƯỜNG TÒA MÀ NGỒI NẰM

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó các Bí-sô ni an cư xong, như Phật đã cho phép chư ni an cư xong được du hành trong nhân gian, nên các ni này du hành đến một thôn xóm, trời sụp tối

nên đến nhà của một trưởng giả xin ngủ tạm một đêm, trưởng giả cho nghỉ lại đêm trong phòng khách. Trong phòng khách này đã có người thế tục đến xin ở ngủ đêm trước, các ni không xem xét lại do đi đường mỏi mệt và sợ nóng nên không ở trong phòng khách nằm ngủ mà ngủ ngoài hiên. Nửa đêm trời bỗng nổi gió mưa, bốn phía tối đen, các ni kinh sợ nên cùng vào trong phòng khách, vì không nhìn thấy nhau nên nằm ngủ cạnh người thế tục, khi thức dậy người ấy nắm tay Bí-sô ni, ni hoảng sợ kêu lên: "Kẻ vô lại nào đã nắm tay tôi, vua Thắng-quang cung kính phụng sự các ni đồng như phi hậu, há cho người ngu cưỡng bức hay sao?"… Liền cáo quan, quan xử chặt tay người ấy. Các ni đến thành Thất-la-phiệt kể lại cho các Bí-sô ni, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đến chỗ tối tăm không xem xét kỹ giường tòa mà ngồi nằm, phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Ngồi nằm trong học xứ này là ngủ lại đêm. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 94: DÙNG NHỰA CÂY LÀM SANH CHI

Duyên khởi và nơi chôn như giới trên, lúc đó

Thổ-la-Nan-đà đến nhà một trưởng giả khất thực thấy trưởng giả không có ở nhà bèn chúc vợ của trưởng sống lâu không bịnh rồi hỏi: "Hiền thủ, khi chồng cô không có ở nhà cô làm thế nào để được thích ý?", vợ trưởng giả xấu hổ im lặng không trả lời, ni bỏ đi. Sau đó đến trong cung vua chúc phi Thắng man không bịnh sống lâu rồi hỏi nhỏ: "Khi nhà vua ra đi, vương phi làm thế nào để được thích ý?", phi nói: "Thánh giả đã xuất gia sao lại hỏi pháp thế tục?", đáp: "Quý thắng ở chỗ tự tại, nhưng chúng tôi còn trẻ không có người sánh đôi, khó qua ngày mà không ưu sầu", phi nói: "Nếu nhà vua ra đi, tôi bảo thợ làm cái sanh chi bằng nhựa cây dùng để thích ý". Thổ-la-Nan-đà nghe rồi liền đến chỗ vợ của người thợ nói rằng: "Cô hãy làm cho tôi một cái sanh chi giống như đã làm cho phu nhân Thắng man", vợ của người thợ nói: "Thánh giả đã xuất gia sao lại dùng cái ấy", đáp: "Tôi có việc cần dùng", người vợ kia nói: "Nếu vậy tôi sẽ bảo làm cho cô", người vợ liền bảo chồng làm cái sanh chi, người chồng nói: "Tôi há không đủ hay sao mà bà còn nhờ cái này", người vợ nói: "Không phải làm cho tôi mà là làm giùm cho người bạn", người chồng làm xong đưa cho vợ, người vợ đưa cho ni. Thổ-la-Nan-đà mang về sau khi ăn cơm xong vào trong phòng lấy sanh cho cột vào nơi gót chân rồi đưa vào trong thân để cảm thọ lạc, sau đó ngủ quên. Lúc đó chùa bổng phát hỏa, nghe tiếng kêu la, ni

liền thức dậy chạy vội ra ngoài quên tháo cái sanh chi ra, mọi người nhìn thấy đều cười chê, trẻ con nhìn thấy nói: "Thánh giả cột cái gì ở gót chân", Thổ-la-Nan-đà nghe lời này hết sức xấu hổ. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni dùng nhựa cây làm sanh chi, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Tại sao Ni-thổ-la-nan-đà lại làm cho mọi người chê cười như thế, xin Phật nói nhân duyên xưa", Phật nói: "Không phải chỉ ngày nay Ni-thổ-la-nan-đà mới làm cho mọi người chê cười mà trong quá khứ cũng đã như vậy, các thầy lắng nghe: Thuở xưa, có một Bà-la-môn trong một thôn xóm cưới vợ chưa bao lâu thì sanh được một trai có mười tám tướng xấu, đến tuổi trưởng thành đồng tử này du học ở phương khác để tìm cầu nghề nghiệp. Ở một thôn khác có một đại Bà-la-môn rất giỏi Tứ minh luận, ông có một con gái nên ông muốn rễ của ông phải là người thông suốt Tứ minh luận. Đồng tử Bà-la-môn kia du hành đến làng này tới chỗ vị đại Bà-la-môn cầu học Tứ minh luận, không bao lâu sau thông suốt Tứ minh nên vị đại Bà-la-môn này quyết định gả con gái cho đồng tử Bà-la-môn này. Thời gian sau đại Bà-la-môn suy nghĩ: rễ của ta tướng mạo xấu

xí, nếu để nó ở đây sẽ bị nhiều người cười khinh. Lại thấy đứa con gái của ông hạnh không trinh lương nên ông bảo con rễ: "Nay con hãy dẫn vợ về nhà cha mẹ của con", đồng tử nghe rồi suy nghĩ: "Vợ ta tánh hạnh không trinh lương, ở trước mặt ta thường cùng người khác cười giỡn, ta nên dẫn về nhá cha mẹ". Nghĩ rồi liền nói với vợ: "Nàng hãy sửa soạn, sáng mai sẽ cùng nàng dạo chơi phương viên", người vợ đồng ý, sáng hôm sau đồng tử bảo vợ cỡi lừa để trở về nhà cha mẹ của mình, người vợ nghe nói trở về nhà cha mẹ chồng liền suy nghĩ: "Họa đến nơi thân rồi, ở đây tự tại muốn làm gì thì làm, tùy ý cùng nam tử tư thông, nay về nhà kia có cha mẹ tôn thân hộ vệ, không còn tự do nữa", nghĩ rồi liền cùng chồng cải cọ khóc kể bi ai nói là không muốn đi. Đồng tử nổi giận lấy dây cột trói lại bỏ nằm trên lưng lừa rồi đi tiếp. Sau đó do tâm dục hừng thạnh, đồng tử liền cùng vợ làm việc phi pháp rồi lấy bình nước rót nước để tẩy tịnh, nước chảy thành tiếng khiến con lừa hoảng sợ bỏ chạy, đồng tử đuổi theo không kịp. Con lừa chạy vào trong thôn, mọi người nhìn thấy liền hỏi nguyên do, đồng tử kể lại mọi việc, mọi người nghe rồi đều cười lớn rồi nói tụng:

"Rót nước chảy thành tiếng,
Lừa nghe hoảng sợ chạy,
Người nữ bạc phước này,
Xấu xa khiến người cười."

Này các Bí-sô, vợ của đồng tử xấu xí đó chính là Thổ-la-Nan-đà, cũng chính Thổ-la-Nan-đà thuở xa xưa về trước cũng đã làm cho mọi người cười náo loạn, các thầy hãy lắng nghe:

Thuở xa xưa, có một Bà-la-môn trong một thôn xóm cưới vợ chưa bao lâu lại muốn dời đến nơi khác ở, người vợ này vốn không trinh lương, nghe chồng sắp dọn đi liền nói với tình nhân: "Chồng tôi muốn dời đến nơi khác, anh hãy đến cùng tôi ngủ đêm nay", tình nhân nghe rồi tối đó liền đến nhà, không ngờ người chồng đêm đó trở lại kêu mở cửa. Nghe biết tiếng chồng, người vợ hoảng sợ vội giấu tình nhân trong thùng phân bò rồi mới mở cửa. Lúc đó nhà bỗng phát hỏa, người chồng vội chuyển của cải ra ngoài, người vợ nói: "Tất cả của quý đều nằm trong thùng phân này, hãy khiêng ra trước", hai người cùng khiêng ra, không ngờ thùng bị vỡ, tình nhân bò ra, va đầu vào trụ cột bị thương chảy máu, vội vàng bỏ chạy. Mọi người thấy rồi nói tụng:

"Bà vợ trước tư tình,
Giấu tình nhân trong thùng,
Lửa cháy khiêng thùng ra,
Vỡ đầu ai cũng biết".

Này các Bí-sô, người vợ Bà-la-môn xưa kia chính là Thổ-la-Nan-đà.

Học Xứ Thứ 95: NÓI PHÁP NHÀ BẠCH

Y KHÔNG DẶN CẤT TỌA CỤ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà thường đến nhà các trưởng giả Bà-la-môn nói pháp, vợ của trưởng giả kính trọng ni nên trải tòa ngồi tốt đẹp để ni ngồi. Lúc Thổ-la-Nan-đà nói pháp, người vợ tuy ngồi nghe nhưng trong lòng lại lo nghĩ việc nhà, sợ ngồi nghe quá lâu nên nửa chừng bỏ ra về. Thổ-la-Nan-đà thấy thính giả đã ra về nên cũng bỏ ra về, sau đó có kẻ trộm đến lấy tọa cụ mang đi. Thời gian sau Thổ-la-Nan-đà lại đến nhà trưởng giả, vợ trưởng giả hỏi về tọa cụ, cô đáp: "Hôm đó nói pháp xong không thấy còn ai nên tôi cũng ra về, bỏ tọa cụ ở đó", người vợ trưởng giả chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni nói pháp ở nhà bạch y, khi ra đi không dặn lại gia chủ don cất tọa cụ thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 96: KHÔNG CHO PHÉP LIỀN NGỒI

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà khất thực đến nhà một Bà-la-môn ưa thích sạch sẽ, ở trong phòng khách có một giường tòa sạch được phủ lên một tấm bạch điệp

sạch, lại có một người nữ cấm phất trần đuổi ruồi đứng ở đó. Thổ-la-Nan-đà xin thức ăn, người nữ nói: "Nếu tôi đi lấy thức ăn, ruồi sẽ đậu vào làm dơ chỗ ngồi này", ni nói: "Tôi sẽ đuổi ruồi cho cô", người nữ liền vào trong nhà lấy thức ăn, Thổ-la-Nan-đà chân dính đất không sạch liền ngồi lên giường tòa đó. Bà-la-môn thấy liền nói: "Chân dính bùn đất tại sao không rửa sạch mà ngồi trên giường đó", liền đáp: "Ông ngồi được tại sao tôi là người phạm hạnh lại không ngồi được". Khi Thổ-la-Nan-đà đứng dậy, Bà-la-môn thấy máu dính dơ chỗ ngồi sạch của mình liền đủ lời chê trách: "Cô ni này là người không biết xấu hổ". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ở nhà bạch y, chủ nhà chưa cho phép liền ngồi trên giường tòa thì phạm Ba-dật-đề-ca .

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 97: KHÔNG HỎI CHỦ LIỀN NGỦ LẠI ĐÊM

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó có Bí-sô ni du hành trong nhân gian đến một thôn xóm thì trời tối nên tìm chỗ nghỉ lại đêm. Đến nhà một người thợ dệt, người chồng đi khỏi, người vợ liền cho vào phòng ngủ chung với mình, không

ngờ người chồng nửa đêm trở về vào phòng lên giường muốn cùng vợ làm việc phi pháp, vừa đưa tay ôm vợ thì người vợ hét lên còn cô ni thì cười, người chồng hỏi là ai cười, người vợ nói là người xuất gia cười, người chồng nổi giận đuổi ni ra ngoài. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ở nhà bạch y không hỏi rõ về người chủ mà liền ở lại ngủ đêm, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng tội như trên, không phạm là người nữ đó không chồng là chủ nhà có quyền quyết định.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 18

Học Xứ Thứ 98: BIẾT NI Ở NHÀ BẠCH Y TRƯỚC, MÌNH ĐẾN SAU LẠI BẢO HỌ ĐI

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó có nhiều Bí-sô ni du hành trong nhân gian đến một thôn xóm thì trời tối nên tìm chỗ nghỉ lại đêm, có một trưởng giả cho các ni ở lại nghỉ đêm. Thổ-la-Nan-đà đến sau cũng tìm chỗ nghỉ lại đêm, người trong thôn chỉ đến nhà trưởng giả, đến nơi Thổ-la-Nan-đà liền chen vào trước các ni xin chỗ nghỉ, các ni nói: "Chỗ này chật hẹp không thể chứa thêm người được", Thổ-la-Nan-đà nói: "Tùy nghi thì được", các ni nghe rồi liền ngồi xếp chân lại cho Thổ-la-Nan-đà cùng ở. Lúc đó Thổ-la-Nan-đà liền dùng tay chân xô đẩy các ni tới ở trước, các ni này nói: "Tại sao cô lại bức bách nhau như thế", Thổ-la-Nan-đà nói: "Nếu không ở được thì tùy ý đi chỗ khác", các ni này thấy Thổ-la-Nan-đà khỏe mạnh, nếu cùng hơn thua e gặp mạng nạn nên đồng loạt đứng dậy bỏ đi. Các ni đem việc này bạch các Bí-

sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết Bí-sô ni đến ở trước trong nhà bạch y, mình đến sau lại bảo họ đi thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 99: ĐỆ TỬ CÓ BỊNH KHÔNG CHĂM SÓC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà bịnh, đệ tử thân và đệ tử y chỉ đều chăm sóc hầu hạ cho đến khi lành bịnh. Thời gian sau các đệ tử bịnh, Thổ-la-Nan-đà lại không chăm sóc, bỏ mặc nên ở chỗ người bịnh bừa bãi đồ bất tịnh. Sau khi biết được người bịnh là đệ tử của Thổ-la-Nan-đà, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đối với đệ tử thân và đệ tử y chỉ thấy có bịnh mà không chăm sóc chu đáo thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Đệ tử thân là người mà mình đã cho thọ cụ giới. Đệ tử y chỉ là người nương ở với mình. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 100: HAI NI NẰM CHUNG

MỘT GIƯỜNG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó có một ni tên là Ác-ái và Thượng-ái cùng nằm chung một giường như nam và nữ cùng nhau vui đùa. Thời gian sau một cô bỗng có thai, đủ ngày tháng sanh ra một cục thịt không có các căn và tay chân nên các ni đuổi ra khỏi chùa. Các ni đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Chưa nên đuổi, hãy xem xét kỹ rồi đuổi. Nên đem cục thịt này để dưới ánh nắng mặt trời giữa trưa, nếu nó bị tiêu hóa thì không phải là thai; nếu nó không tiêu mới thật là thai". Các ni vâng lời Phật dạy, đem cục thịt đó để dưới ánh nắng mặt trời giữa trưa thì nó tiêu mất. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, hai người nằm chung một giường thì phạm Ba-dật-để-ca.

Sau đó có nhiều Bí-sô ni đi du hành gặp trời tối xin nghỉ lại đêm ở nhà một trưởng giả, trưởng giả chỉ cho họ nằm nghỉ chung trên một cái giường lớn, nhưng chỉ có một cô nằm còn các cô khác lại đòi thêm giường khác, trưởng giả nói: "Trong nhà đông người không có giường dư cho các Thánh giả, sao các vị không nằm chung một giường?", các ni nói là Thế tôn không cho. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói:

"Nếu được một cái giường lớn thì các ni được nằm chung, nên lấy y ngăn cách, hệ niệm nằm ngủ, không được chạm nhau. Giường nhỏ mà có ngăn cách cũng được nằm ngủ chung."

Nhiếp Tụng Mười Một:

Hai an cư, khủng bố,
Thiên tự, chưa đủ tuổi,
Nuôi chúng, người có chồng,
Tăng chưa cho vô hạn.

Học Xứ Thứ 101: AN CƯ CHƯA TỰ TỨ MÀ DU HÀNH

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà hạ an cư nơi thành Thất-la-phiệt, chưa làm lễ Tùy ý mà vội du hành trong nhân gian. Các ngoại đạo, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ đều chê trách: "Cô ni này không thích xuất gia, mùa mưa các côn trùng đâu đâu cũng có mà lại du hành, đạp chúng tổn hại vô cùng. Loài chim nhỏ khi mùa mưa đến còn ẩn mình trong tổ, sa môn nữ này không có từ bi lại du hành làm tổn thương các loài hàm thức, ai lại khởi tâm cung kính cúng dường nữa chứ". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, hạ an cư chưa làm lễ Tùy ý mà du hành trong nhân gian thì phạm Ba-dật-để-

ca.

Hạ an cư là tiền an cư hay hậu an cư. Chưa làm lễ Tùy ý là chưa tự tứ. Tướng phạm như trên, không phạm là một trong tám nạn xảy đến.

Học Xứ Thứ 102: AN CƯ XONG KHÔNG DU HÀNH

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó các Bí-sô ni an cư xong muốn du hành trong nhân gian, hỏi Thổ-la-Nan-đà có đi không, Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi cần gì phải đi", các ni nói: "Phật dạy an cư xong nên đi". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, an cư xong mà không rời khỏi chỗ đó để du hành thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 103: BIẾT CÓ KHỦNG BỐ MÀ DU HÀNH

Duyên khởi tại thành Vương-xá, lúc đó vua Vị-sanh-oán có oán thù với thành Quảng-nghiêm, muốn dẫn binh thảo phạt nên nhà vua cho đánh trông thông báo cho dân chúng biết: "Ai ở trong ranh giới nước ta mà đến thành Quảng-nghiêm thì sẽ bị chém đầu". Ở các chỗ hiểm yếu nhà vua đều cho quân canh giữ, nếu bắt được ai trái lịnh thì y

pháp xử trị. Lúc đó có nhiều Bí-sô ni từ thành Vương-xá muốn đến thành Quảng-nghiêm, trên đường đi gặp giặc nên hoảng sợ kêu lớn, quân canh giữ biên phòng nghe tiếng kêu cứu liền chạy đến, giặc thấy quân của nhà vua vội bỏ chạy, quân canh nói: "Các Thánh giả há không nghe nhà vua thông báo ai đi đến thành Quảng-nghiêm sẽ bị chém đầu hay sao, nếu chúng tôi không phòng thủ nơi đây thì các Thánh giả há không bị giặc bắt rồi hay sao?". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu Bí-sô ni biết trong vương quốc có giặc khủng bố mà du hành thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 104: BIẾT CÓ CỌP SÓI SƯ TỬ MÀ DU HÀNH

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó có nhiều Bí-sô ni du hành trên đường hẻo lánh, phần nhiều gặp nguy hiểm về cọp, sói, sư tử nên bị người thế gian chê trách.… Phật chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết chỗ đó có cọp, sói, sư tử khủng bố mà còn du hành thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 105: ĐẾN THIÊN TỰ LUẬN

NGHỊ

Duyên khởi ở thành Vương-xá, lúc đó Thổ-la-Nan-đà du hành đến trong thiên tự và chỗ ngoại đạo cùng họ luận nghị đến trời tối mới trở về chùa rồi bảo các ni đấm bóp để bớt đau nhức, các ni hỏi nguyên do, Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi đến trong thiên tự và chỗ ngoại đạo cùng họ luận nghị", các ni nói: "Thánh giả đến trong thiên tự và chỗ ngoại đạo luận nghị với họ như vậy có hợp lý hay không?", đáp: "Hợp hay không hợp thì tôi cũng đã đến rồi". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đến trong thiên tự luận nghị thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Thiên tự là chỗ thờ thiên thần. Luận nghị là nạn vấn. Tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 106: CHƯA ĐỦ TUỔI MÀ CHO NGƯỜI XUẤT GIA VÀ THỌ CỤ TÚC GIỚI

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có các Bí-sô chưa đủ mười tuổi hạ mà cho người khác xuất gia và thọ cụ túc giới, các Bí-sô ni cũng vậy cho nên chúng mười hai Bí-sô có môn đồ rất đông. Họ đến chỗ Lục chúng, Lục chúng hỏi: "Các cô có rất đông đồ chúng vây quanh phải không?", đáp:

"Các Thánh giả cho người khác xuất gia và thọ cụ giới được thì chúng tôi cũng được cho", Lục chúng nói: "Các cô cùng chúng tôi không có khác nhau phải không?", đáp là không khác. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni chưa đủ mười hai tuổi hạ mà cho người khác xuất gia và thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-để-ca.

Cho xuất gia là cho thọ học xứ của cầu tịch. Cho thọ giới cụ túc là Bạch-tứ-yết-ma. Tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 107: VỘI NUÔI ĐỆ TỬ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thế tôn chế Bí-sô ni đủ mười hai tuổi hạ mới được cho người khác xuất gia và cho thọ giới cụ túc, tuy đủ mười hai tuổi hạ nhưng ngu si không biết phân biệt, cũng không hiểu rõ ràng mà cho người khác xuất gia và cho thọ giới cụ túc tức là tự mình chưa điều phục mà muốn điều phục người khác; tự mình chưa tịch tĩnh mà muốn làm cho người khác tịch tĩnh; tự mình chưa siêu thoát mà muốn làm cho người khác siêu thoát; tự mình chưa cứu được mà muốn cứu người khác… là không có lý đó. Lúc đó có nhiều Bí-sô thật không có đức mà vội độ đệ tử, các ni bạch Phật, Phật nói: "Nếu ni nào có khả năng

dạy bảo đệ tử thì nên thao tăng già xin, Tăng già sẽ tác pháp yết ma cho nuôi chúng với điều kiện ni này phải đủ mười hai hạ hay hơn mười hai hạ. Vị ni đó kính lễ Tăng rồi đến trước vị Thượng tọa ni quỳ gối chắp tay bạch rằng: Đại đức Tăng già lắng nghe, tôi Bí-sô ni tên đã đủ mười hai hạ có thể nuôi dạy đệ tử, nay theo Tăng già ni xin yết ma nuôi chúng. Xin thương xót. (3 lần)

Ni tăng sai một Bí-sô ni tác bạch yết ma như sau:

Đại đức ni Tăng lắng nghe, Bí-sô ni này tên đã đủ mười hai hạ muốn nuôi môn đồ, nay theo Ni tăng xin yết ma nuôi chúng. Nếu Ni tăng đúng thời đến nghe, Ni tăng nên chấp thuận, nay Ni tăng tác yết ma cho Bí-sô ni tên đã đủ mười hai hạ được nuôi chúng. Bạch như thế.

Đại đức Ni Tăng lắng nghe, Bí-sô ni này tên đã đủ mười hai hạ muốn nuôi môn đồ, nay theo Ni tăng xin yết ma nuôi chúng. Nay Ni tăng tác yết ma cho Bí-sô ni tên đã đủ mười hai hạ được nuôi chúng. Các cụ thọ nào chấp thuận cho Bí-sô ni tên đã đủ mười hai hạ được nuôi môn đồ thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Ni tăng cho chấp thuận cho Bí-sô ni tên đã đủ mười hai hạ được nuôi môn đồ rồi. Ni tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Sau đó Thổ-la-Nan-đà chưa được Tăng tác yết

ma cho nuôi chúng mà tự tiện cho người xuất gia và cho thọ giới cụ túc. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, Tăng già chưa tác yết ma cho nuôi chúng mà vội nuôi đệ tử thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 108: BIẾT NGƯỜI NỮ ĐÃ TỪNG GẢ, TUỔI CHƯA ĐỦ MƯỜI HAI MÀ CHO XUẤT GIA

Duyên khởi và nới chốn như giới trước, lúc đó có kẻ ngu si sanh tâm ác nên tru diệt dòng họ Thích, nhiều phụ nữ họ Thích không nơi nương tựa, tuy đã xuất gia nhưng trong lòng luôn ưu sầu nhớ nghĩ đến thân thích mà buồn khóc, nhưng sau khi hiểu đạo, nổi ưu sầu cũng nguôi ngoai nên họ cầu xin thọ giới cụ túc, các Bí-sô ni nói: "Các cô đợi đủ hai mươi tuổi mới được thọ giới cụ túc", các Thích nữ nói: "Đợi đến hai mươi tuổi thì lâu quá", các ni nói: "Đủ hai mươi tuổi mới có thể phụng sự Ô-ba-đà-da và A-giá-lợi-da", các Thích nữ nói: "Chúng tôi ở nhà thờ chồng và lo liệu việc nhà còn có thể làm xong, nay xuất gia xin thọ giới há không thể phụng sự Ô-ba-đà-da và A-giá-lợi-da hay sao?". Các ni bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật,

Phật nói: "Nếu người nữ đã từng gả, tuổi đủ mười hai hoặc mười tám thì nên cho hai năm Chánh học pháp rồi cho thọ cụ giới. Ni tăng nên bảo vị ấy đến trong Tăng ở trước vị Thượng tọa ni xin như sau: Đại đức ni tăng lắng nghe, con tên là đủ mười tám tuổi, Thánh giả là Ô-ba-đà-da. Nay con theo Ni tăng xin học sáu pháp và sáu tùy pháp làm Chánh học nữ, cúi xin Ni tăng cho con học sáu pháp và sáu tùy pháp, Thánh giả là Ô-ba-đà-da. Xin thương xót (3 lần).

Ni tăng sai một Bí-sô ni tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Cầu-tịch nữ này tên đủ mười tám tuổi, Thánh giả là Ô-ba-đà-da, nay theo Ni tăng xin học sáu pháp và sáu tùy pháp trong hai năm làm chánh học nữ. Nếu Ni tăng đúng thời đến nghe, Ni tăng nên chấp thuận, nay Ni tăng tác pháp yết ma cho Cầu-tịch nữ đủ mười tám tuổi trong hai năm học sáu pháp và sáu tùy pháp làm Chánh học nữ, Thánh giả là Ô-ba-đà-da. Bạch như vậy.

Đại đức ni tăng lắng nghe, Cầu-tịch nữ này tên đủ mười tám tuổi, Thánh giả là Ô-ba-đà-da, nay theo Ni tăng xin trong hai năm học sáu pháp và sáu tùy pháp làm Chánh học nữ. Nay Ni tăng tác pháp cho Cầu-tịch nữ tên đủ mười tám tuổi, Thánh giả là Ô-ba-đà-da trong hai năm học sáu pháp và sáu pháp làm chánh học nữ. Nếu các cụ thọ nào chấp

thuận cho Cầu-tịch nữ đủ mười tám tuổi, Thánh giả là Ô-ba-đà-da trong hai năm học sáu pháp và sáu tùy pháp làm Chánh học nữ thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Ni tăng đã chấp thuận cho Cầu-tịch nữ đã đủ mười tám tuổi, Thánh giả là Ô-ba-đà-da trong hai năm học sáu pháp và sáu tùy pháp làm chánh học nữ xong rồi. Ni tăng chấp thuận vì im lặng, việc nay xin nhớ giữ như vậy.

Kế nên bảo Chánh học nữ: "Từ hôm nay cô nên học sáu pháp:

- Một là không được đi đường một mình.
- Hai là không được lội qua sông một mình,
- Ba là không được xúc chạm thân trượng phu.
- Bốn là không được cùng người nam đồng ngủ đêm .
- Năm là không được làm mai mối.
- Sáu là không được che giấu tội trọng của ni."

Nhiếp Tụng:

Không đi đường một mình,
Không lội nước một mình,
Không xúc chạm nam tử,
Không cùng nam đồng ngủ,
Không làm việc mai mối,
Không giấu tội trọng ni.

Lại nói: Kể từ hôm nay cô nên học sáu tùy pháp:

- Một là không cất giữ vàng bạc xem như của

mình.

- Hai là không được cạo lông chỗ kín.
- Ba là không được đào đất.
- Bốn là không được hoại sanh chủng.
- Năm là không được không thọ mà ăn.
- Sáu là không được ăn thức ăn đã xúc chạm.

Nhiếp Tụng:

Không cất giữ vàng bạc,
Không cạo lông chỗ kín,
Không đào bới đất sống,
Không làm chết cỏ cây,
Không thọ không được ăn,
Đã xúc chạm không được ăn.

Lúc đó Thổ-la-Nan-đà lại cho người nữ đã từng gả chưa đủ mười hai tuổi xuất gia và thọ cụ túc giới. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết người nữ đã từng gả chưa đủ mười hai tuổi mà cho xuất gia thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 109: TUỔI ĐỦ MƯỜI HAI KHÔNG CHO CHÁNH HỌC PHÁP MÀ CHO THỌ CỤ GIỚI

Duyên khởi và nơi chốn như giới trên, lúc đó

Thổ-la-Nan-đà biết người nữ đã từng gả đủ mười hai tuổi cho xuất gia rồi suy nghĩ: "Thế tôn đã cho phép thọ cụ giới", nghĩ rồi liền cho thọ giới cụ túc mà không cho hai năm Chánh học pháp. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết người nữ đã từng gả đủ mười hai tuổi, không cho Chánh học pháp mà cho thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 110: VỘI NUÔI NHIỀU CHÚNG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà cho người xuất gia và thọ giới cụ túc nhiều vô hạn, đến nỗi không đặt tên hết được, chẳng hạn như đặt tên là Hộ Phật, Hộ Pháp, Hộ Tăng…, chỉ có tác nghiệp. Khi kêu hoặc kêu "Này các đệ tử", hoặc kêu "Này Cầu-tịch nữ", hoặc kêu "Này Chánh học nữ", hoặc kêu "Này một tuổi", cho đến hoặc kêu "Này mười tuổi". Khi nghe kêu như vậy, đệ tử không biết cô kêu ai, một ni nói với Thổ-la-Nan-đà: "Thánh giả đã có thể cho thọ giới cụ túc, vì sao không đặt tên cho họ, vì sao lại làm náo loạn như thế?", đáp: "Tôi có nhiều đệ tử làm sao đặt tên cho hết", ni kia nói: "Há nuôi đệ tử nhiều vô hạn như vậy là tịnh pháp hay sao?", đáp:

"Tịnh hay không tịnh thì tôi cũng đã nuôi rồi". Các ni bạch Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói:

"Bí-sô ni không nên nuôi chúng nhiều vô hạn như vậy", Bí-sô nào muốn nuôi chúng vô hạn thì nên theo Tăng xin yết ma nuôi chúng vô hạn, nếu Tăng tác pháp yết ma cho phép thì mới được nuôi. Nếu Tăng xét thấy vị ấy có khả năng và đủ mười hai hạ hoặc hơn thì nên tập Tăng tác pháp cho, vị ấy kính lễ Tăng rồi đến trước vị Thượng tòa quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, tôi Bí-sô ni tên đã đủ mười hai hạ có thể nuôi chúng. Xin Tăng cho phép tôi tên được nuôi chúng vô hạn, xin thương xót. (3 lần)

Ni tăng sai một Bí-sô ni tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni này tên nay theo Tăng xin phép được nuôi chúng vô hạn. Nếu Ni tăng đúng thời đến nghe, Ni tăng nên chấp thuận, nay Ni tăng tác pháp cho Bí-sô ni tên được nuôi chúng vô hạn. Bạch như vậy.

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Bí-sô ni này tên muốn nuôi môn đồ vô hạn, nay theo Tăng xin pháp nuôi chúng vô hạn. Ni tăng nay tác pháp cho Bí-sô ni tên được nuôi chúng vô hạn, các cụ thọ nào chấp thuận cho Bí-sô ni tên được nuôi chúng vô hạn thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Ni tăng đã

chấp thuận cho Bí-sô ni tên được nuôi chúng vô hạn rồi vì im lặng, việc này nên nhớ giữ như vậy.

Lúc đó Thổ-la-Nan-đà chưa được Tăng chấp thuận cho nuôi chúng vô hạn mà tự tiện nuôi chúng vô hạn. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni, Tăng chưa tác pháp cho nuôi chúng vô hạn mà vội nuôi nhiều thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Nuôi vô hạn là tùy ý muốn nuôi nhiều hay ít. Tăng tác pháp cho là Bạch-nhị-yết-ma. Tướng phạm như trên.

Nhiếp Tụng Mười Hai:

Độ người có thai, không dạy,
Không nhiếp hộ, không mang theo,
Đồng nữ hai giới, tánh ác,
Ưu sầu, sáu pháp hai giới.

Học Xứ Thứ 111: CHO NGƯỜI NỮ CÓ THAI XUẤT GIA

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà độ người nữ có thai xuất gia, thời gian sau người nữ ấy sanh bị các Bà-la-môn trưởng giả… chê trách: "Sa môn Thích nữ không trong sạch, ở trong một chùa có đủ hai pháp thế tục và tịnh hạnh". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô,

các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni độ người nữ có thai xuất gia thì phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 112: KHÔNG GIÁO GIỚI

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà đối với người nữ đến xin không lựa chọn gia tộc liền cho xuất gia và thọ giới cụ túc, cũng không giáo giới, không chỉ dạy cho họ nên họ may y không như pháp, trên dưới không ngay thẳng, không biết phép tắc, muốn đi đâu thì đi. Các ni hỏi ra biết là đệ tử của Thổ-la-Nan-đà liền trách Thổ-la-Nan-đà: "Tại sao cô không giáo giới cho họ biết phép tắc?", đáp: "Đệ tử của tôi quá nhiều làm sao dạy cho hết được". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cho người xuất gia và thọ giới cụ túc mà không giáo giới cho họ thì phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc ai khác giống như vậy. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 113: KHÔNG NHIẾP HỘ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà đối với người nữ đến xin đều cho xuất gia và cho thọ cụ giới mà không nhiếp hộ họ để họ mặc tình muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì thì làm. Có người ra cửa đứng trông ngóng, có người đứng dưới mái hiên, có người lên trên gác, có người đứng ở cửa sổ nhìn ra. Các ni hỏi ra biết được là đệ tử của Thổ-la-Nan-đà nên trách Thổ-la-Nan-đà: "Cô không nhiếp hộ đệ tử hay sao?", đáp: "Đệ tử của tôi nhiều quá làm sao nhiếp hộ hết được". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cho người xuất gia và thọ giới cụ túc mà không nhiếp hộ họ thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 114: KHÔNG MANG THEO BÊN MÌNH

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà độ người đã có chồng xuất gia, sau khi xuất gia rồi người đó nói với Thổ-la-Nan-đà: "Thánh giả, chồng tôi nếu biết tôi xuất gia ở đây chắc chắn sẽ ngăn trở tôi, cúi xin Thánh giả đưa tôi đến chỗ khác", Thổ-la-Nan-đà nói: "Tại sao cô lại muốn đến chỗ khác, bỏ nhà lìa thế tục tức là đến

chỗ khác rồi". Thời gian sau người chồng tìm đến bắt cởi bỏ pháp phục mặc lại đồ thế tục rồi dẫn về nhà, các Bí-sô ni nhân đi khất thực đến nhà gặp được liền hỏi: "Tại sao cô lại hoàn tục, nếu ở trong phật pháp mỗi mỗi niệm sẽ tăng trưởng phẩm thiện, nay trở về tục lụy chịu biết bao khổ lụy", người kia nói: "Tôi không được tự do, thân lệ thuộc kẻ khác. Trước kia tôi có xin Thánh giả Thổ-la-Nan-đà đưa tôi đến ở chỗ khác nếu không tôi sẽ bị ngăn trở, nhưng tôi không được Ni-thổ-la-nan-đà hỗ trợ, cho nên ngày nay tôi mới đến nỗi này". Các ni trở về hỏi Thổ-la-Nan-đà: "Tại sao trước kia cô không đưa người phụ nữ đó đến ở chỗ khác để bị chồng ngăn trở đến nỗi như thế?", Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi không có việc làm gì khác là cho người có chồng xuất gia đều phải đưa họ đi đến ở chỗ khác hay sao?". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cho người xuất gia mà không mang theo bên mình thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Không mang theo bên mình là có nạn sự mà không đưa đến chỗ khác lánh nạn. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 115: ĐỒNG NỮ CHƯA ĐỦ

HAI MƯƠI MÀ CHO THỌ CỤ GIỚI

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà cho đồng nữ mười tám tuổi xuất gia, cho hai năm học sáu pháp và sáu tùy pháp, tuổi chưa đủ hai mươi liền cho thọ giới cụ túc. Các ni hỏi: "Như Thế tôn đã dạy đồng nữ mười tám tuổi cho hai năm học sáu pháp và sáu tùy pháp, tuổi phải đủ hai mươi mới cho thọ cụ giới, tại sao cô biết tuổi chưa đủ hai mươi mà lại cho thọ cụ giới, như thế gọi là tịnh hay sao?", đáp: "Tịnh hay không thì tôi cũng đã cho thọ rồi". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết đồng nữ chưa đủ hai mươi mà cho thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 116: KHÔNG CHO HỌC SÁU PHÁP LIỀN CHO THỌ CỤ GIỚI

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà cho đồng nữ đủ hai mươi tuổi xuất gia, tự nghĩ: "Nếu là mười tám tuổi thì mới cho học sáu pháp và sáu tùy pháp, nhưng người này đã đủ hai mươi cần gì phải hai năm học Chánh học pháp nữa", nghĩ rồi liền cho đồng nữ này thọ giới cụ túc. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch

Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết đồng nữ đã đủ hai mươi, không cho hai năm học sáu pháp và sáu tùy pháp, liền cho thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 117: ĐỘ NGƯỜI NỮ TÁNH ÁC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà vào thành Thất-la-phiệt khất thực gặp một người nữ tánh tình hung dữ nhiều nóng giận, ưa thích đấu tranh đang cùng các người nữ khác gây gổ, đầu tóc dựng ngược lên và hét như tiếng hét của Dã can khiến các người nữ kia đều ngã lăn ra đất. Thổ-la-Nan-đà liền suy nghĩ: "Ta hãy dụ dẫn người nữ này xuất gia để giúp sức cho ta khi ta cùng tranh cải", nghĩ rồi liền phương tiện độ cho người nữ đó xuất gia. Thời gian sau, Thổ-la-Nan-đà tranh cải với một ni khác, người nữ tánh ác đó đứng một bên làm thinh xem, Thổ-la-Nan-đà giận nói: "Cô không thể sống cùng với tôi được nữa, tôi cho cô xuất gia sao cô không trợ giúp tôi mà đứng một bên làm thinh xem vậy hả?", ni tánh ác nói: "Thánh giả, tôi không biết nguồn cơn sự việc thì làm sao trợ giúp", Thổ-la-Nan-đà nói: "Sau này nếu tôi cùng Đại-thế-chủ tranh cải thì cô hãy mắng là kẻ lén cạo đầu; nếu tôi cùng Liên-hoa-sắc

tranh cải thì cô hãy mắng là kẻ bán sắc tự sống ở sáu thành lớn; nếu tôi cùng Pháp dự tranh cải thì cô hãy mắng là kẻ nhờ sứ giả mà được thọ giới cụ túc; nếu tôi cùng Sấu-kiều-đáp-di tranh cải thì cô hãy mắng là kẻ bị người khác đè bắt ăn thịt con. Cô nên dùng những lời này quở mắng họ để trợ giúp cho tôi". Ni tánh ác nghe lời dặn nên mỗi khi Thổ-la-Nan-đà cùng ni khác tranh cải thì ni này cũng cùng tranh cải với các ni, các ni nói: "Ai lại độ người có tánh hung dữ ưa tranh cải như thế xuất gia chứ". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết người nữ có tánh hung dữ ưa thích đấu tranh mà cho xuất gia và thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Tánh ác là tánh hung dữ ưa thích đấu tranh. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 118: ĐỘ NGƯỜI NỮ NHIỀU ƯU SẦU

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà độ người nữ không còn thân tộc, trong lòng ưu sầu xuất gia, xuất gia rồi cứ luôn nhớ nghĩ đến thân tộc, buồn khóc rơi lệ vào đầu đêm cuối đêm. Các ni nghe tiếng khóc của ni kia, vì phải cảnh giác nên tâm tán loạn không thể hệ niệm trong

định. Các ni khuyên: "Đừng buồn khóc như vậy, đó không phải là pháp của người xuất gia", ni kia không chịu nghe theo lời khuyên còn nói: "Các cô không biết đến nỗi khổ của người khác, thân tộc không còn làm sao tôi không ưu sầu cho được". Các ni nói với nhau: "Ai lại độ người nữ nhiều ưu sầu như vậy xuất gia chứ", một ni đáp là Thổ-la-Nan-đà đã độ. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết người nữ có nhiều ưu não mà độ cho xuất gia thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 119: HỌC PHÁP CHƯA ĐỦ MÀ CHO THỌ CẬN VIÊN

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà độ người nữ xuất gia cho hai năm học sáu pháp và sáu tùy pháp, học chưa đủ liền cho thọ giới cụ túc. Ni đó nói: "Thánh giả, Chánh học pháp con chưa học xong", Thổ-la-Nan-đà nói: "Hễ thọ giới cụ túc thì Chánh học pháp tự đủ", nói rồi liền cho kia thọ giới cụ túc. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết người nữ chưa đủ hai

năm học sáu pháp và sáu tùy pháp mà liền cho thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 120: BIẾT HỌC SÁU PHÁP XONG MÀ KHÔNG CHO THỌ GIỚI CỤ TÚC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà độ người nữ xuất gia, cho hai năm học sáu pháp và sáu tùy pháp xong, ni đó liền xin được thọ giới cụ túc, Thổ-la-Nan-đà nói: "Cô hãy học lại cho thật thông suốt rồi mới thọ giới cụ túc". Ni kia im lặng, các ni hỏi vì sao không chịu thọ cụ túc giới liền đáp: "Con đã thưa thỉnh Thánh giả Thổ-la-Nan-đà nhưng Thánh giả bảo con nên học lại cho thông suốt rồi mới thọ giới cụ túc". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết người đã hai năm học xong sáu pháp và sáu tùy pháp mà không cho thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Nhiếp Tụng Mười Ba:

Chưa giải phóng, cho tôi y,
Thu xếp, cho thọ hàng năm,
Gởi dục, nửa tháng, không tăng,
An cư, Tùy ý, trách chúng.

Học Xứ Thứ 121: NGƯỜI CHỒNG CHƯA GIẢI PHÓNG MÀ ĐỘ XUẤT GIA

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó Thổ-la-Nan-đà nhân đi khất thực vào một nhà, thấy người vợ bị chồng đánh đang ngồi buồn rầu còn người chồng đã ra ngoài, Thổ-la-Nan-đà nói: "Hiền thủ, chúc bà không bịnh, bà có thức ăn gì cho tôi không?", đáp: "Thánh giả, hiện tôi đang ưu phiền, không có thức ăn cho Thánh giả", Thổ-la-Nan-đà hỏi nguyên do, bà vợ kể lại mọi việc, Thổ-la-Nan-đà nói: "Như vậy sao không xuất gia", bà vợ vui mừng nói: "Đó là điều tôi mong muốn". Thổ-la-Nan-đà liền dẫn đi và độ cho xuất gia, sau đó người chồng trở về không thấy vợ đâu, người nhà nói: "Vợ ông đã đi xuất gia rồi", người chồng hỏi là ai độ, người nhà nói là Ni-thổ-la-nan-đà, người chồng nghe rồi nói: "Vợ tôi xuất gia thì ai coi ngó việc nhà đây". Thời gian sau Thổ-la-Nan-đà khất thực, người chồng thấy liền hỏi: "Thánh giả cho vợ tôi xuất gia thì ai coi ngó việc nhà đây?", nói rồi trong lòng phẫn nộ lấy y quấn vào cổ Thổ-la-Nan-đà kéo đi và nói: "Cô cho vợ tôi xuất gia, vậy cô hãy đến coi ngó việc nhà cho tôi". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết người vợ chưa được

chồng giải phóng mà độ cho xuất gia thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Người vợ là chỉ cho thê thiếp của người. Chồng chưa giải phóng là chồng chưa chấp thuận. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 122: THEO ĐÒI Y

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà có Chánh học nữ đã hai năm học pháp rồi đến xin Thổ-la-Nan-đà cho thọ giới cụ túc, Thổ-la-Nan-đà nói: "Nếu cho tôi y tôi sẽ cho cô thọ giới cụ túc", đáp: "Con không có phước lực, được cúng dường rất ít nên không có pháp y cho". Sau đó các ni hỏi Chánh học nữ tại sao không chịu thọ giới cụ túc, liền đáp: "Con đã có thưa thỉnh Thánh giả Thổ-la-Nan-đà nhưng Thánh giả nói: Cho tôi y, tôi sẽ cho cô thọ giới cụ túc". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết Chánh học nữ mong cầu thọ giới cụ túc mà bảo rằng: Hãy cho tôi y, tôi sẽ cho cô thọ giới cụ túc, Bí-sô này phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 123: BẢO NGƯỜI NỮ THU

XẾP GIA NGHIỆP

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Sấu-kiều-đáp-di vào thành khất thực đến nhà một trưởng giả, người chồng qua đời nên người vợ làm gia chủ, nhà rất giàu có, đông tôi tớ, kẻ hầu người hạ nhưng trong lòng luôn ưu sầu. Gia chủ thấy ni không cung kính cũng không cúng cho thức ăn, ni hỏi vì sao sầu não, gia chủ nói: "Thánh giả, chồng tôi chết, thân tộc không còn, tôi biết làm sao đây. Mũi tên độc phiền não trúng vào tim tôi nên lòng tôi luôn sầu não, tuy có tiền của đông tôi tớ nhưng chồng đã vắng bóng thì của cải này có ích gì". Sấu-kiều-đáp-di nói: "Như vậy sao không xuất gia?", gia chủ nói: "Cúi xin Thánh giả cho tôi xuất gia", đáp: "Nếu bà có thể thu xếp gia nghiệp, từ bỏ hết lưới giăng của thế tục thì xuất gia không khó". Gia chủ nghe rồi liền đem của cải đã có cúng thí cho Sa môn, Bà-la-môn và những người nghèo khó, cô nhi quả phụ, sau đó đến chỗ Sấu-kiều-đáp-di xin xuất gia, ni nói: "Nay tôi không thể cho bà xuất gia được, bà hãy đến chỗ khác cầu xin", gia chủ suy nghĩ: "Nay gia sản đã hết, cầu xuất gia lại không được", nghĩ rồi liền đứng ưu sầu, lúc đó có nhiều ni trông thấy liền hỏi nguyên do, bà gia chủ kể lại mọi việc. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni bảo người nữ thế tục rằng: Bà hãy thu xếp gia nghiệp, tôi sẽ cho bà xuất gia. Người nữ này nghe lời thu xếp xong gia nghiệp, Bí-sô ni lại không độ cho xuất gia thì phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Sấu-kiều-đáp-di hoặc có ni khác giống như vậy. Người nữ thế tục là chỉ cho nữ gia chủ. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 124: MỖI NĂM ĐỀU CHO XUẤT GIA VÀ THỌ GIỚI CỤ TÚC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà mỗi năm đều cho người xuất gia và thọ giới cụ túc, đệ tử quá nhiều nên không đặt tên hết, khi muốn kêu hoặc kêu "Này Cầu-tịch nữ", hoặc kêu "Này Chánh học nữ"… Các ni nghe rồi liền trách Thổ-la-Nan-đà: "Tại sao cô mỗi năm đều độ cho người xuất gia?", đáp: "Tôi cùng các oan gia kia độ cho họ xuất gia", các ni hỏi ai là oan gia, Thổ-la-Nan-đà nói: "Cô chính là oan gia nên đối với tôi sanh lòng bất nhẫn". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni mỗi năm đều cho người xuất gia và thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà và ni khác giống như vậy. Tướng phạm như trên.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 19

Học Xứ Thứ 125: GỞI DỤC TRẢI QUA ĐÊM

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Tăng già có việc quan trong nên nhóm họp các Bí-sô ni, tất cả đều đến nhóm chỉ riêng có Thổ-la-Nan-đà là không đến, ni chúng sai người đến kêu, Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi đã như pháp gởi dục rồi, chúng Tăng tùy ý làm". Sáng hôm sau ni chúng lại tập họp để trao việc, Thổ-la-Nan-đà cũng không đến nhóm, ni chúng sai người đến bảo Thổ-la-Nan-đà gởi dục, liền đáp: "Hôm qua tôi đã như pháp gởi dục rồi", các ni nói: "Trải qua đêm gởi dục há thành gởi dục hay sao?", đáp: "Dục có hư mục hay sao mà gởi qua đêm lại không thành?". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni gởi dục cách đêm thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Gởi dục là nói ý muốn của mình đến trong Tăng. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 126: CẦU GIÁO THỌ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà

cùng các bạn ni du hành trong nhân gian đi đến một thôn, trong đây có một trú xứ liền xin ở lại, họ nhớ ra hôm nay là ngày mười lăm nên cùng làm Trưởng tịnh (Bố tát), các ni khác nói: "Nên đến trong chùa tăng cầu giáo thọ", Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi thông hiểu ba tạng, há chẳng biết việc này nên làm, việc này không nên làm hay sao mà phải đi cầu giáo thọ. Tất cả tôi đều thông cần gì nhọc thỉnh". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni mỗi nửa tháng nên cầu giáo thọ, nếu không cầu thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 127: CHỖ KHÔNG CÓ BÍ SÔ LÀM TRƯỞNG TỊNH

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà cùng các bạn ni du hành trong nhân gian đến trong một thôn, dừng nghỉ trong một trú

xứ vào ngày mười lăm cùng làm trưởng tịnh, các ni khác nói với Thổ-la-Nan-đà: "Thánh giả như Thế tôn đã dạy, Bí-sô ni không nên ở chỗ không có Bí-sô mà làm Trưởng tịnh, chúng ta nên đến chỗ gần trú xứ Tăng cùng làm Trưởng tịnh", Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi thông suốt ba tạng há không biết làm trưởng tịnh hay sao mà phải đến gần chỗ có Bí-sô?". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ở chỗ không có Bí-sô mà làm Trưởng tịnh thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Làm trưởng tịnh là mỗi nửa tháng nói Giới kinh Ba-la-đề-mộc-xoa. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 128: CHỖ KHÔNG CÓ BÍ SÔ TÁC PHÁP AN CƯ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà cùng các bạn ni du hành đến một thôn, có một trưởng giả trong thôn giàu có xây cất một trú xứ cho ni chúng, khi thấy các ni đến liền lễ kính và thỉnh ở lại trú xứ đó an cư. Các ni nghe rồi đều muốn ở lại đây an cư, một ni nói với Thổ-la-Nan-đà: "Thánh giả, như Thế tôn đã dạy các Bí-sô ni không nên ở chỗ không có Bí-sô tác pháp an cư,

chúng ta nên đến gần trú xứ tăng để cùng tác pháp", Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi thông suốt ba tạng há không biết tác pháp an cư hay sao mà phải tìm đến gần trú xứ Tăng", các ni nghe rồi liền cùng ở lại trú xứ đó an cư, an cư xong ba tháng, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ở chỗ không có Bí-sô mà tác pháp an cư thì phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc ni khác giống như vậy. An cư là tiền hạ an cư hay hậu an cư. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 129: KHÔNG Ở TRONG HAI BỘ CHÚNG NÓI BA VIỆC TÙY Ý

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó các Bí-sô ni hạ an cư xong, vào ngày mười lăm muốn tác pháp Tùy ý nên nói với Thổ-la-Nan-đà: "Thánh giả, chúng ta phải đến trong Tăng tác pháp Tùy ý", Thổ-la-Nan-đà nói: "Chỉ làm ở đây, cần gì đến đó", các ni nói: "Như Thế tôn đã dạy Bí-sô ni nên ở trong hai bộ chúng nói ba việc Tùy ý thấy nghe nghi", Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi thông suốt ba tạng, có thể hỏi đáp, há không biết tác pháp tùy ý hay sao, cần gì phải đến trong hai bộ chúng?". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi

sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni an cư xong không đến tròng bộ chúng nói ba việc Tùy ý thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 130: TRÁCH CHÚNG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà dùng đủ lời chê trách ni chúng… làm việc tà mạng, dụ dẫn nhau và nói với các ni: "Các cô là người ngu si, không có khéo léo, không biết cái gì nên cho, việc gì nên làm, không rành việc chúng", các ni nói: "Thánh giả dùng đủ lời quở trách như thế là có hợp lý hay không?", đáp: "Hợp hay không thì tôi cũng đã nói rồi". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni quở trách ni chúng, phạm Ba-dật-đề-ca. Giải thích và tướng phạm như trên.

Nhiếp Tụng Mười Bốn:

Mắng chúng, năm giới xẻn,
Khen, nhà, chùa, thực, pháp,
Ăn nữa, nuôi hài tử,
Quần tắm, bảo giặt y.

Học Xứ Thứ 131: MẮNG CHÚNG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà nổi sân mắng ni chúng, như nói:

"Cô không thể tự kiếm sống nên cầu xuất gia; cô là hạng nghèo khổ, chủng tộc thấp hèn, Thánh pháp không có phần, có tâm Tặc trụ, dối lừa người khác, thật không phải thanh tịnh, là kẻ phá giới", các ni nói: "Thánh giả vì sao nổi sân nói ra lời thô ác như thế?", Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi sanh trong chủng tộc Thích ca tôn quý, trách mắng các người là hợp lý, không biết các cô thuộc tộc họ gì mà nghe mắng thì im lặng nhẫn chịu". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni quở mắng ni chúng, phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc ni khác giống như vậy. Quở mắng là nói lời thô ác. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 132: THẤY NGƯỜI KHÁC ĐƯỢC KHEN, KHỞI TÂM TẬT ĐỐ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ đều khen ngợi đức hạnh của các Bí-sô ni Đại-thế-chủ, Liên-hoa-sắc, Pháp dự… như núi Diệu cao. Thổ-la-Nan-đà khởi tâm tật đố chê bai, các ni trách: "Tại sao Thánh giả lại chê bai như vậy", đáp: "Tôi thuộc dòng họ Thích ca xuất gia, thông suốt ba tạng, là đại pháp sư, có luận nạn vấn đáp gì đều không vướng mắc,

đáng lẽ phải khen ngợi tôi mà ngược lại khen ngợi người khác", các ni nói: "Vì sao Thánh giả lại tật đố không công nhận đức tốt của người khác?". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni thấy người khác được khen ngợi mà khởi tâm tật đố, phạm Ba-dật-đề-ca .

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 133: (Không thấy ghi chú ở đây)

Học Xứ Thứ 134: ĐỐI VỚI NHÀ NGƯỜI XẢN TIẾC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó các Bí-sô ni nhân đi khất thực đến một nhà giàu có tín tâm, tất cả đều được thanh tịnh thí thức ăn ngon, được thức ăn rồi mang về trong chùa, Thổ-la-Nan-đà thấy liền hỏi từ chỗ nào được, các ni nói chỗ thí, Thổ-la-Nan-đà chê trách các ni: "Nhà này nên đi, nhà kia không nên đi, nhà nọ không nên vào…"

Các ni nói: "Tại sao Thánh giả lại đối với nhà người xẻn tiếc?", đáp: "Có lỗi gì, tôi là môn sư đâu làm người khác nhọc mệt mà mất kính tín". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật,

quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đối với nhà người có tâm xẻn tiếc, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 135: ĐỐI VỚI CHÙA XẺN TIẾC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà xây cất chùa ni, tầng trên có một ni ở, khi đi trên đó có tiếng động, Thổ-la-Nan-đà nghe liền nổi giận chê trách: "Ở đâu có hạng người vô lại, bước đi trên đó ra tiếng như chân voi cái, không có ai dạy dỗ", các ni nói: "Thánh giả tại sao đối với chùa xẻn tiếc mà nói ra lời thô như thế?", đáp: "Tôi giận thì có lỗi gì, tôi xây chùa này, tay chân đều nứt nẻ, thân thể lao nhọc, khổ sở biết bao, làm sao không xẻn tiếc". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đối với chùa có tâm xẻn tiếc, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 136: ĐỐI VỚI LỢI DƯỠNG ĂN UỐNG XẺN TIẾC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó các Bí-sô ni vào giờ tiểu thực đắp y mang bát theo

thứ lớp khất thực, được thức ăn rồi về chùa, Thổ-la-Nan-đà vì ham ăn nhiều nên đêm không ngủ được, vừa mới chợp mắt thì trời sáng. Trời sáng vừa thức dậy thì thấy các ni khất thực trở về, Thổ-la-Nan-đà thấy rồi liền suy nghĩ: "Chư ni khất thực quá sớm, ta nên tìm cách đi trước họ", nghĩ rồi liền nhơn lúc giáo giới nói với các ni: "Các cô ăn trộm thức ăn của người khác, suốt đêm không ngủ nghỉ, chỉ nghĩ đến thức ăn, không tư duy pháp nghĩa, không phụng sự Thân giáo sư, không cung kính Phật, không thoa trét đất đàn tràng để tán tụng, chỉ chờ trời sáng là mang bát khất thực, đây là pháp thức gì?", các ni nói: "Thánh giả nói như vậy thì từ nay sẽ không đi khất thực sớm nữa". Hôm sau trời vừa sáng, Thổ-la-Nan-đà liền đắp y mang bát vào thành khất thực, lúc đó có một Bà-la-môn chọn giờ tốt để đi đến phương khác, sắp ra khỏi cửa thành liền gặp Thổ-la-Nan-đà, trong lòng phẫn nộ nên đánh Thổ-la-Nan-đà khổ sở. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đối với lợi dưỡng thức ăn có tâm xẻn tiếc, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Xét thấy Ni-thổ-la-nan-đà vì xẻn tiếc lợi dưỡng thức ăn của người khác, tự có tâm tham nên mới bị

đánh khổ sở như thế", Phật nói: "Cô ni này không phải chỉ đời này do tâm tham bị người khác đánh khổ sở, mà thuở xa xưa về trước cũng đã như vậy, các thầy lắng nghe: Thuở xưa có con chim Đại-cù-dục thấy xe chở Ô-ma (mè đen) bị nghiêng bên đường, các chim Cù-dục khác muốn đến mổ ăn, chim Đại-cù-dục nói: "Chớ nên ở bên đường mổ an mè đen, trời sắp tối ắt có xe ngựa, xe voi đi qua đạp chết các ngươi", các chim nghe nói rồi bay đi tứ tán. Tuy chim Đại-cù-dục nói với các chim khác như thế, nhưng bản thân nó vào ban đêm lại đến mổ ăn mè đen, do tham ăn không để ý nên bị xe đi qua cán chết. Lúc đó chư thiên nói tụng:

"Tự mình không huệ giải, Lại gượng dạy kẻ khác, Đêm tham ăn mè đen, Nên bị xe cán chết."

"Này các Bí-sô, do nhân duyên này các thầy nói như thế nào thì nên làm theo như thế ấy, nên học như thế."

Học Xứ Thứ 137: XẢN PHÁP

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó các Bí-sô ni thỉnh Thổ-la-Nan-đà làm giáo thọ, Thổ-la-Nan-đà nhận lời nhưng đến giờ giáo thọ các ni đến học thì Thổ-la-Nan-đà lại sai các ni làm những việc như quét nhà xách nước…, các ni nói với nhau: "Thánh giả này đối với chúng ta có tâm xản pháp nên không chịu giáo thọ, chỉ sai chúng ta làm việc", nói rồi cùng nhau đến gạn hỏi Thổ-la-

Nan-đà: "Thánh giả vì sao không giáo thọ?", đáp: "Các cô cho rằng pháp dễ cầu hay sao, tôi phải trải qua thời gian dài cần khổ phụng sự minh sư để cầu pháp mới cầu được pháp", cuối cùng Thổ-la-Nan-đà không giáo thọ gì cả. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi bảo các Bí-sô ni: "Người xẻn pháp sẽ chiếu lấy năm lỗi: Một là bị mù khi mới sanh, hai là không có trí huệ, ba là xa lìa Phật pháp, bốn là oan gia ở trong nhà, năm là không vào Thánh vị, sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục", quở trách rồi chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni xẻn pháp thì phạm Ba-dật-đề-ca. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 138: ĂN RỒI ĂN NỮA

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà sáng sớm vào thành khất thực được thức ăn rồi mang về trong phòng tùy ý ăn no rồi đi kinh hành, kinh hành xong lại ăn nữa, ăn hết thức ăn trong bát rồi nằm dài, các ni nói: "Thánh giả ăn rồi kinh hành, kinh hành rồi ăn nữa, ăn no rồi lại nằm như vậy hay sao?", Thổ-la-Nan-đà nghe rồi liền mắng các ni. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ăn rồi lại ăn nữa thì phạm Ba-dật-để-ca. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 139: NUÔI CON CỦA NGƯỜI KHÁC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà nhân đi khất thực đến một nhà thấy người đàn bà mới sanh con liền chúc cho người này được mọi điều tốt lành và xin thức ăn. Người mẹ này hỏi Ni-thổ-la-nan-đà cách dỗ con khóc, ni nói: "Cô biết sanh con mà không biết cách nuôi con hay sao?", người mẹ này hỏi ni có biết không, ni đáp: "Các thắng pháp thế gian tôi còn biết huống chi là cách nuôi con, nếu tôi dạy cô cách nuôi con, cô có cho thức ăn không?", đáp là cho, lại hỏi có cho thị giả của tôi không, cũng đáp là cho. Lại hỏi có cho người giữ phòng của tôi không, cũng đáp là cho. Thổ-la-Nan-đà nghe rồi liền bồng hài nhi để trên bắp đùi, lấy dầu nóng thoa lên mình nó, dùng hột thơm thoa rồi lấy nước ấm lau sạch, sau đó đặt nó nằm trong chăn, đứa bé liền ngủ say. Người mẹ của đứa bé giữ lời đã hứa, lấy thức ăn ra dâng cúng. Thời gian sau Đại-thế-chủ cũng khất thực đến nhà ấy, người mẹ của đứa bé hỏi Đại-thế-chủ: "Thánh giả có thể làm cho đứa bé này được an ổn không?", Đại-thế-chủ nói: "Đó không phải là việc nên làm của người xuất gia, há có người xuất gia nào đã làm việc này rồi hay sao?", người mẹ đứa bé đáp là Ni-

thổ-la-nan-đà. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni nuôi con của người khác thì phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 140: KHÔNG MAY SẮM QUẦN ÁO TẮM

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó có nhiều Bí-sô ni cùng các người nữ thế tục tắm trong sông A-thị-la, dùng tay chỉ vào ngực, eo lưng, bắp đùi… của nhau rồi tùy việc khen ngợi lẫn nhau. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni không may sắm quần áo tắm, phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 141: BẢO THỢ GIẶT GIẶT Y

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó chúng mười hai ni nằm mộng thấy cùng nam tử giao hội nên tiết ra chất bất tịnh làm dơ y, sau đó đem y dơ này bảo thợ giặt giặt. Người thợ giặt đem

y dơ này ngâm giặt chung với áo của người thế tục nên làm dính dơ áo của họ. Chủ của cái áo bị dính dơ đến chê trách, người thợ giặt nói: "Do tôi đem y của Bí-sô ni ngâm giặt chúng nên mới làm dính dơ áo như vậy". Người chủ cái áo nghe rồi liền chê trách: "Người xuất gia này không phải là người cầu tịch tĩnh". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni sai bảo thợ giặt giặt y, phạm Ba-dật-để-ca. Giải thích và tướng phạm như trên.

Nhiếp Tụng Mười Lăm:

Thượng chúng, y sa môn, Hai bịnh y, theo xin, Không cùng xuất, chia y, Gây, không dặn, học chú.

Học Xứ Thứ 142: CÙNG THƯỢNG CHÚNG ĐỔI Y

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Bí-sô ni Hắc-danh có người con trai tên là Độc-tử và bốn người con gái cũng đồng xuất gia. Độc-tử mới may y Tăng-già-chi liền mặc đi đến chỗ ni Hắc-danh, ni em gái thấy người anh Độc-tử mặc y mới, màu sắc tươi sáng nên tâm sanh ưa thích xin của anh, Độc-tử không cho, ni em gái liền khóc. Ni Hắc-danh nói với Độc-tử: "Sao con không cho em, để nó làm phiền mẹ", Độc-tử nghe rồi liền đưa y cho em, ni em gái liền mặc rồi vào trong chùa khoe

với ni em gái kế, ni em gái kế này thấy liền xin, ni chị không cho, ni em liền khóc, ni mẹ bảo ni chị: "Hãy cho em đi, đừng làm phiền mẹ", ni chị nghe rồi liền đưa y cho ni em, ni em này lại mặc y rồi đi khoe với các ni khác, các ni khác hỏi: "Ở đâu có được chiếc y mới thượng diệu như của trời Tịnh cư, ai thấy đều muốn mặc?", ni em liền nói: "Y này có được từ người anh Bí-sô, tôi nguyện cho anh tôi mọi việc đều tốt đẹp". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cùng thượng chúng đổi y, phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Thượng chúng là chỉ cho Bí-sô.

Học Xứ Thứ 143: VỘI CHO NGƯỜI THẾ TỤC PHÁP Y

Duyên khởi tại thành Vương-xá, lúc đó có đứa bé vui tính xin Thổ-la-Nan-đà y, ni liền cho. Đứa bé này được y liền mặc vào làm Cầu-tịch đến trêu chọc Lục chúng. Lục chúng tìm hiểu biết được Thổ-la-Nan-đà đã cho đứa bé này pháp y, trong lòng tức giận suy nghĩ: "Chính ni kia muốn trêu chọc ta chứ không phải đứa bé này", nghĩ rồi chờ dịp, cho đến một hôm ở chỗ vắng gặp được Thổ-la-Nan-đà, Lục chúng liền đánh, khắp người Thổ-

la-Nan-đà đều sưng đau phải nằm trên giường, các ni hỏi nguyên do, Thổ-la-Nan-đà nói: "Là do Lục chúng đánh, họ là anh tôi nếu họ không răn dạy tôi thì còn ai răn dạy tôi nữa chứ". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đem pháp y của Sa môn cho người thế tục thì phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc ai khác giống như vậy. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 144: KHÔNG MAY SẮM BỊNH Y

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô ni nhân đi khất thực bị bất tịnh chảy dính ướt nội y đang mặc khiến các Bà-la-môn, trưởng giả chê trách. Các ni bạch Bí-sô, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Phiền não chưa trừ, theo nghiệp chảy ra. Người nữ mỗi tháng ra chất bất tịnh nên các Bí-sô ni phải may sắm bịnh y". Lúc đó Thổ-la-Nan-đà không nghe theo lời Phật dạy may sắm bịnh y, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni không may sắm bịnh y, phạm Ba-dật-để-ca. Bịnh y là chỉ cho nội y. Tướng

phạm như trên.

Học Xứ Thứ 145: BỊNH Y CỦA ĐẠI CHÚNG LẠI ĐEM DÙNG RIÊNG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà đến nói với phu nhơn Thắng man rằng: "Thế tôn chế Bí-sô ni nên may sắm bịnh y", phu nhơn nghe rồi liền dâng cúng vải cho Thổ-la-Nan-đà và đại chúng để may bịnh y, Thổ-la-Nan-đà liền đem về cho riêng mình dùng. Thời gian sau có nhiều ni khác đến chỗ phu nhơn xin bịnh y, phu nhơn nói: "Tôi đã cúng bịnh y cho đại chúng rồi", các ni hỏi đã đưa cho ai, phu nhơn nói là đã đưa cho Ni-thổ-la-nan-đà, các ni liền trở về hỏi Thổ-la-Nan-đà nhưng Thổ-la-Nan-đà không chịu đưa. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni lấy bịnh y của đại chúng đem về cho riêng mình dùng thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc ni khác giống như vậy. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 146: THEO NGƯỜI NGHÈO XIN Y YẾT SỈ NA

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó có một trưởng giả tín tâm, trước kia giàu có nhưng

nay trở nên nghèo khó. Trước kia khi các Bí-sô ni trương y Yết-sỉ-na, chính ông là người dâng cúng, năm nay khi đến thời trương y Yết-sỉ-na, các ni liền đến chỗ ông nhắc, ông nói:

"Hiện nay gia cảnh khó khăn, tôi không có tài vật dâng cúng". Các ni nói: "Nay đã đến thời dâng y, nếu ông không có tài vật thì mua thiếu, sau này có sẽ trả lại". Trưởng giả nghe rồi liền mua y thiếu chịu để dâng cúng Tăng điền và hứa sau này sẽ trả, nhưng ông lại không trả nổi, chủ nợ liền kéo lôi đòi nợ, mọi người thấy hỏi rõ nguyên do rồi chê trách: "Do ông có lóng tín kính sa môn Thích nữ nên gặp khổ nạn này". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết người kia nghèo mà theo xin y Yết-sỉ-na thì phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 147: KHÔNG CÙNG XUẤT Y

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, như Thế tôn dạy ni an cư xong nên du hành trong nhơn gian, lúc đó có nhiều Bí-sô ni cùng du hành giữa đường gặp giặc nên trở về chùa báo cho các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Từ nay các Bí-sô ni nếu gặp giặc nên cho họ phần y Yết-sỉ-na", các

ni nói với Thổ-la-Nan-đà: "Thánh giả hãy cùng đến tác pháp xuất y Yết-sỉ-na", Thổ-la-Nan-đà không chịu đến. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni không cùng xuất y Yết-sỉ-na, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 148: KHÔNG CÙNG CHIA Y

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó các Bí-sô xuất y Yết-sỉ-na, muốn cùng chia y nhưng Thổ-la-Nan-đà không chịu đến, các ni nhiều lần tới kêu sanh mệt nhọc, người giữ y cũng sanh phiền não. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni không chịu đến cùng các Bí-sô chia y, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng tội như trên, không phạm là không có y muốn lấy phần y này.

Học Xứ Thứ 149: THẤY NGƯỜI TRANH CÃI KHÔNG KHUYÊN DỨT

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó các Bí-sô ni tranh cải chia làm hai nhóm nên không

tu phẩm thiện, hai nhóm cùng đến chỗ Thổ-la-Nan-đà nói lên ý kiến của mình. Thổ-la-Nan-đà có khả năng nhưng lại không khuyên can họ dứt tranh cải, chỉ nói: "Để tôi xem các cô có phục tôi không". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự biết có khả năng, khi thấy các ni khác tranh cải mà không khuyên dứt thì phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc ai khác giống như vậy. Tự biết có khả năng là có thể điều phục được họ. Tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 150: BỎ CHỖ Ở ĐI MÀ KHÔNG DẶN LẠI

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà bỏ chỗ ở đi du hành trong nhân gian mà không dặn lại các bạn ni, sau khi đi chùa bỗng phát hỏa, tất cả vật dụng tư cụ y bát… đều cháy rụi. Thời gian sau các bạn ni trở lại thấy không còn gì liền hỏi Thổ-la-Nan-đà: "Vì sao Thánh giả khi đi không dặn lại cho ai biết, để y bát, tư cụ và vật dụng của tăng già đều bị cháy hết như thế?", Thổ-la-Nan-đà nói: "Thà bị lửa cháy chứ không để cho các cô dùng". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ

như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni bỏ chỗ ở đi mà không dặn lại, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 151: ĐẾN NGƯỜI THẾ TỤC CẦU HỌC CHÚ PHÁP

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà đến người thế tục chuyên về chú pháp để cầu học, đó là chú "Hí lý hí lý phốt sa ha", không phải chỉ đến một lần mà hai, ba lần. Các ni hỏi: "Tôi vốn nghe Thánh giả thông minh biết nhiều hiểu rộng, thông suốt ba tạng, tại sao còn theo người thế tục cầu học chú pháp?", đáp: "Không phải là tôi không thông hiểu, chỉ là tôi thích nói chuyện với người ấy". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đến người thế tục cầu học chú pháp, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Nhiếp Tụng Mười Sáu:

Dạy chú pháp, bán bún,
Lo việc nhà, sai ni,
Xe tơ, dệt, đi dù,
Giày, ghẻ, độ dâm nữ.

Học Xứ Thứ 152: DẠY CHÚ PHÁP CHO NGƯỜI THẾ TỤC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó có người thế tục đến chỗ Thổ-la-Nan-đà cầu học chú pháp, Thổ-la-Nan-đà liền dạy câu chú "Hí lý hí lý phốt sa ha". Người đó vừa nghe liền nhận hiểu, Thổ-la-Nan-đà nói lại, người đó nói là đã nhận hiểu rồi nhưng Thổ-la-Nan-đà vẫn nói lại chú pháp khiến người đó nổi sân nói: "Tôi không cần chú pháp", các ni nói: "Người ta không cần, tại sao Thánh giả cứ nói lại mãi thế?", Thổ-la-Nan-đà nói: "Chỉ là tôi muốn nói chuyện với người ấy". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni dạy chú pháp cho người thế tục, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 153: BÁN BÚN KHÔ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà nhân đi khất thực thấy có người mua bún khô liền nói với người đó: "Hãy đến chỗ tôi, tôi sẽ bán bún khô ngon cho", người ấy liền đến và Thổ-la-Nan-đà đem bún khô ra bán, người đó ở trong đám đông người nói: "Ở trong chùa ni có bán bún khô ngon", mọi người nghe nói rồi liền kéo đến mua. Sau đó có người lại đến chùa mua bún

khô, không may gặp Đại-thế-chủ liền hỏi mua bún khô, Đại-thế-chủ hỏi: "Có cô ni nào bán bún khô hay sao?", người kia nói: "Chính Ni-thổ-la-nan-đà bán bún khô, mọi người đều biết", Đại-thế-chủ nghe rồi liền than: "Nay chùa ni biến thành chỗ bán bún khô". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni bán bún (thực phẩm), phạm Ba-dật-để-ca.

Bán thực phẩm là bán thức ăn cho đến dùng vàng bạc tiền… đổi chác, tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 154: LO LIỆU VIỆC NHÀ CHO NGƯỜI THẾ TỤC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà khất thực đến một nhà gặp người vợ của chủ nhà, chúc cho người vợ đó mọi việc được tốt lành và xin thức ăn, người vợ kia nói: "Tôi không thông thạo việc nhà nên không có thức ăn cho Thành giả", Thổ-la-Nan-đà nói: "Bà chỉ biết kim chỉ, ngoài ra không biết việc gì hết sao?", người vợ kia hỏi: "Thánh giả biết lo liệu việc nhà hay sao?", đáp: "Tất cả việc nhà tôi đều biết cả", người vợ kia nói: "Thánh giả giúp tôi với", Thổ-la-Nan-đà hỏi: "Nếu tôi giúp, bà có cho tôi thức ăn không?", đáp là cho, lại hỏi: "Có cho thị giả và

người giữ phòng của tôi không?", đáp đều cho, Thổ-la-Nan-đà liền để y bát xuống đi xách nước rồi lượt xem có trùng hay không, kế quét dọn khắp nơi rồi nấu thức ăn… mọi việc xong xuôi rồi nhận lấy phần thức ăn của mình mang về chùa. Thời gian sau Đại-thế-chủ khất thực cũng đến nhà đó, người vợ kia liền nói: "Thánh giả hãy giúp tôi lo liệu mọi việc trong nhà, tôi sẽ cho thức ăn", Đại-thế-chủ hỏi: "Có người xuất gia nào đã làm việc này hay sao?", đáp: "Ni-thổ-la-nan-đà đã từng giúp tôi làm việc này". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni lo liệu việc nhà của người thế tục, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 155: DỜI GIƯỜNG GHẾ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà giáo thọ các ni, sai các ni đến học dời giường ghế ra ngoài hoặc bảo dời để ngoài cửa, hoặc dời để dưới hiên hoặc dời lên trên gác… khiến các ni nhọc mệt nói với nhau: "Suốt ngày sai bảo chúng ta dời giường ghế, có dạy học gì đâu". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni sai khiến các ni dời giường ghế nhọc mệt, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 156: TỰ TAY XE TƠ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà tự tay xe tơ rồi đem bán cho thợ dệt, các thợ dệt khác hỏi mua tơ từ đâu, đáp là từ Sa môn nữ. Thời gian sau người thợ dệt đó gặp Đại-thế-chủ liền hỏi: "Thánh giả xe tơ xong chưa?", Đại-thế-chủ hỏi: "Đã có ni nào xe tơ bán hay sao?", đáp: "Ni-thổ-la-nan-đà xe tơ bán, ai cũng biết". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự tay xe tơ để bán, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng tôi như trên, không phạm là nếu vì mình cần dùng thì được xe tơ ở chỗ kín đáo.

Học Xứ Thứ 157: TỰ TAY QUAY TƠ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà tự tay quay tơ bị người thế tục chê trách nên Phật chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự tay quay tơ, phạm Ba-dật-để-ca. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 158: CẦM DÙ ĐI

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Châu-kế-Nan-đà cầm dù đi khất thực, các Bà-la-môn trưởng giả… không có tin kính đều chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni cầm dù đi, phạm Ba-dật-để-ca. Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 159: MANG GIÀY DÉP NHIỀU MÀU SẮC

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Châu-kế-Nan-đà mang giày dép có nhiều màu sắc đi khất thực, các Bà-la-môn trưởng giả thấy đều chê trách là tuy đã xuất gia mà vẫn còn ham muốn trói buộc. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni mang giày dép có nhiều màu sắc, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng tội như trên, không phạm là chỉ mang trong phòng riêng.

Học Xứ Thứ 160: CÓ GHẺ BẢO NGƯỜI BĂNG RỒI LẠI THÁO RA

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó

Châu-kế-Nan-đà có ghẻ nhọt trên cánh tay phải nhờ người mời thầy thuốc đến chữa trị, thầy thuốc thoa thuốc lên ghẻ nhọt rồi băng lại, vừa băng xong ni liền bảo: "Băng chặt quá, hãy nới bớt ra một chút", thầy thuốc tháo ra băng lại, ni liền nói: "Nới lỏng quá, hãy băng chặt lại một chút", cứ như thế tháo ra rồi băng lại khiến thầy thuốc nổi giận nói: "Ghẻ nhọt này lành hay không có liên quan gì đến tôi", nói rồi liền bỏ đi, các ni hỏi tại sao lại làm như thế, Châu-kế-Nan-đà nói: "Chỉ là vì tôi muốn nói chuyện với người ấy". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni có ghẻ nhọt trên cánh tay, bảo người băng rồi lại tháo ra nhiều lần thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Châu-kế-Nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Tướng phạm như trên, không phạm là thật sự băng quá chặt nên bảo tháo ra băng lại.

Học Xứ Thứ 161: ĐỘ DÂM NỮ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà độ dâm nữ, cùng người này đi khất thực, các nam nữ mê sắc nhìn thấy đều chê trách: "Dâm nữ này trước kia hành nghề phi pháp, nay lại cho xuất gia cùng ở chung một chỗ". Các ni đem

việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu Bí-sô ni độ dâm nữ xuất gia, phạm Ba-dật-để-ca. Giải thích và tướng phạm như trên.

Nhiếp Tụng:

Sai ni thoa chà thân,
Về người có năm giới,
Hương thoa, nước hồ ma,
Vội hỏi, đeo nữ trang.

Học Xứ Thứ 162: SAI BÍ SÔ NI THOA CHÀ THÂN

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà sai các Bí-sô ni khác thoa chà thân để từ sự xúc chạm này khởi tưởng thọ lạc. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni sai Bí-sô ni thoa chà thân, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Bốn Học Xứ Kế

(Từ 163 đến 165) SAI CHÁNH HỌC NỮ… THOA CHÀ THÂN

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà sai các Chánh học nữ, Cầu-tịch nữ,

người nữ thế tục, người nữ ngoại đạo thoa chà thân để tử sự xúc chạm này khởi sinh thọ lạc. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni sai Chánh học nữ, Cầu-tịch nữ, người nữ thế tục, người nữ ngoại đạo thoa chà thân, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Hai Học Xứ 166 & 167: DÙNG HƯƠNG THOA THÂN VÀ ĐẦU

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà dùng hương thoa thân rồi đi khất thực, khi vào nhà người mùi thơm bay phảng phất, vợ trưởng giả có lòng tín kính hỏi nguyên do, Thổ-la-Nan-đà nói rõ nguyên do nên bị chê trách là tuy đã xuất gia mà vẫn còn tham dục. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni dùng hương thơm thoa chà thân và trên đầu, phạm Ba-dật-để-ca

Giải thích và tướng tội như trên.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

QUYỂN 20

Học Xứ Thứ 168: DÙNG CĂN HỒ MA VÀ NƯỚC THOA THÂN

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, nội dung của học xứ, giải thích và tướng phạm cũng giống như hai giới trên.

Học Xứ Thứ 169: CHƯA XIN PHÉP LIỀN HỎI

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó có Bí-sô đem bộ kinh A hàm đến trong chùa ni, các ni trải tòa mời ngồi, Thổ-la-Nan-đà suy nghĩ: "Vị này hiểu rõ bốn bộ kinh, ta nên hỏi thử", nghĩ rồi liền hỏi nghĩa kinh, Bí-sô không giải thích được cảm thấy xấu hổ, Thổ-la-Nan-đà nói: "Đã mang kinh đi mà trong bụng trống rỗng, như chim kêu inh ỏi, không giải thích được gì, uổng phí tâm lực". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni không xin phép trước mà

vội hỏi, phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà. Hỏi là hỏi nghĩa kinh. Tướng tội như trên.

Phật bảo các Bí-sô ni: Pháp thỉnh hỏi như sau: Nếu Bí-sô đến trải tòa mời ngồi, khéo lời thăm hỏi rằng: "Thánh giả đã từng đọc tụng các kinh, luật luận phải không, tôi có chút nghi muốn xin hỏi". Vị đó đồng ý thì mới hỏi, không đồng ý thì thôi, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp."

Học Xứ Thứ 170: ĐEO NỮ TRANG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà nhân đi khất thực đến nhà một trưởng giả, thấy vợ của trưởng giả đeo chuỗi anh lạc… để trang sức, Thổ-la-Nan-đà liền mượn đeo thử rồi hỏi vợ của trưởng giả: "Tôi vốn đoan chánh, nay đeo loại nữ trang này có thêm đẹp đẽ đáng yêu không?", người vợ trưởng giả nghe rồi chê trách là tuy đã xuất gia mà vẫn còn ham muốn. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni đeo nữ trang là vật trang sức của người thế tục để tự trang sức thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc ni khác giống như vậy. Vật trang sức là chỉ cho chuỗi ngọc, vòng xuyến… Tướng tội như trên.

Nhiếp Tụng Mười Tám:

Kéo nhau, ca, múa, nhạc,
Một mình đi đại tiểu,
Lược Có ba, tóc giả
Một trăm tám mươi tội Đọa.

Học Xứ Thứ 171: KÉO NHAU TẮM RỬA

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni kéo nhau ra sông A-thị-la tắm, cùng nhau vui đùa tạt nước qua lại nên bị các Bà-la-môn trưởng giả chê trách không phải là người tịch tĩnh xuất gia. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni kéo tay nhau đến sông tắm, phạm Ba-dật-để-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 172: TỰ MÚA, DẠY NGƯỜI MÚA

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà khất thực đến nhà một trưởng giả, vợ của trưởng giả yêu cầu Thổ-la-Nan-đà dạy múa, cô liền dạy, dạy rồi nói rằng: "Khi trong nhà có đám cưới hay tiệc tùng do được sanh trai hay sanh gái thì nên múa như vậy", mọi người nghe rồi đều chê trách là tuy xuất gia mà vẫn còn dục nhiễm,

sau đó đến trong chùa ni bạch cho các ni nghe. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni tự múa hay dạy người khác múa, phạm Ba-dật-để-ca .

Giải thích và tướng tội như trên.

Học Xứ Thứ 173: HÁT XƯỚNG

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà đến nhà của Bà-la-môn trưởng giả, vợ của họ yêu cầu Thổ-la-Nan-đà dạy họ hát, cô liền dạy nên bị mọi người chê trách như trên. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni dạy người ca hát, phạm Ba-dật-để-ca. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 174: ĐÁNH ĐÀN

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà đến các nhà giàu có, cùng các người nữ ở đó vui đùa, họ yêu cầu cô dạy họ đánh đàn, cô liền dạy nên bị mọi người chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô dạy người đánh đàn, phạm Ba-

dật-đề-ca. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 175: MỘT MÌNH RA NGOÀI ĐẠI TIỂU TIỆN

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Bí-sô ni Châu-kế-Nan-đà một mình ra ngoài chùa đến chỗ đất trống đại tiểu tiện gặp phải một nam tử háo sắc nắm tay muốn cùng làm việc phi pháp, Châu-kế-Nan-đà nói: "Ở đây không sạch hãy đến chỗ khác", nam tử kia nghe rồi liền dẫn cô đến chỗ sạch, cô liền la lớn, nam tử nghe la vội buông cô ra và nói: "Sa môn nữ nói dối thì nhiều, nói thật thì ít, bảo dẫn đến chỗ sạch mà giờ lại kêu la", mọi người nghe rồi đều chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni ra ngoài chùa đến chỗ trống đại tiểu tiện, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 176: SẮM ĐỒ CÀI ĐẦU BẰNG CỎ THƠM

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà nhân đi khất thực đến một nhà, thấy các người nữ trong nhà đang dùng loại cỏ thơm làm đồ cài tóc để tự trang nghiêm. Thổ-la-Nan-đà thấy rồi liền tự mua sắm để tự trang nghiêm rồi nói: "Hiện giờ tướng mạo của tôi rất Khả-ái", mọi

người nghe rồi đều chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni dùng cỏ thơm làm đồ cài đầu, phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 177: MUA SẮM LƯỢC DÀY

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà nhân di khất thực đến một nhà thấy các người nữ dùng lược dày chải tóc, liền tự mua sắm nên bị mọi người chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni mua sắm lược dày, phạm Ba-dật-đề-ca. Giải thích và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 178: MUA SẮM LƯỢC THƯA

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, nội dung học xứ và tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 179: DÙNG CẢ BA VIỆC TRÊN

Duyên khởi và nội dung của học xứ cùng tướng phạm như trên.

Học Xứ Thứ 180: SẮM ĐẦU TÓC GIẢ

Duyên khởi và nơi chốn như giới trước, lúc đó Thổ-la-Nan-đà suy nghĩ: "Hiện giờ còn có trò vui nào mà ta chưa làm", cô bỗng thấy dâm nữ sắm đầu tóc giả để làm đẹp khiến cho nhiều nam tử háo sắc đều tìm đến, nên đến hỏi dâm nữ nguyên do, dâm nữ nói phần nhiều là nhờ vào đầu tóc giả. Thổ-la-Nan-đà liền sắm đầu tóc giả đội lên trên đầu, trang điểm thật đẹp rồi đến bên cạnh dâm nữ, các nam tử háo sắc thấy Thổ-la-Nan-đà muốn cùng cô hoan lạc, cô ra giá rất cao không ngờ cũng có người đồng ý với giá đó. Dâm nữ nghĩ: "Nếu ta không nói cho người này biết thì e Bí-sô này sẽ bị phá giới", nghĩ rồi liền ôm choàng lấy người nam để cho Thổ-la-Nan-đà chạy thoát, người nam đuổi theo túm được đầu tóc của Thổ-la-Nan-đà, mới biết đó là tóc giả, Thổ-la-Nan-đà bỏ chạy, người nam lớn tiếng kêu la: "Sa môn nữ làm việc bỉ ổi, lừa gạt thế gian, lấy tiền của ta rồi bỏ chạy". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni sắm đầu tóc giả để trang sức thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Giải thích và tướng tội như trên.

Các đại đức ni, tôi đã nói một trăm tám mươi pháp Ba-dật-đề-ca, nay hỏi các đại đức ni trong

đây có thanh tịnh không (3 lần). Các đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

V. BA LA ĐỀ ĐỀ XÁ NI

Các Đại đức ni, đây là một pháp Ba-la-đề Đề-xá-ni, mỗi nửa tháng nói một lần, rút ra từ Giới kinh.

Nhiếp Tụng:

Sữa, lạc và sanh tô,
Thục tô, dầu, đường, mật,
Cá, thị và nem khô,
Nhà học gia đắc pháp.

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt:

Lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni không bịnh, đi khất thực đến nhà người xin sữa, tùy thích uống khiến các ngoại đạo không tín kính và Bà-la-môn trưởng giả đều chê trách là chỉ biết lo bổ dưỡng cho thân. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni không bịnh mà đến nhà thế tục xin sữa bảo bảo người khác xin cho mình, Bí-sô ni này khi trở về trú xứ nên đến chỗ các Bí-sô ni đối trước từng vị thuyết hối: "Đại tỷ, tôi phạm pháp ác đối thuyết, làm việc không nên làm, nay đối trước đại tỷ thuyết hối". Đây là pháp đối thuyết.

Sau đó có Bí-sô ni bịnh, các ni khác đến thăm

bịnh, ni bịnh nói: "Trước đây tôi uống sữa thì bịnh được lành, nay Thế tôn chế ngăn không cho xin sữa, không biết phải làm sao". Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nếu có bịnh thì được xin sữa uống, trước kia là chế ngăn, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau: Nếu lại có Bí-sô ni… giống như đoạn văn trên, cho đến câu đây là pháp đối thuyết, trừ khi thật có bịnh.

Nếu lại có Bí-sô ni là ni trong pháp luật này. Bí-sô ni này là chỉ cho người phạm. Tướng phạm là nếu không bịnh mà xin đều phạm Ác-tác phải đối thuyết hối. Khi có bịnh xin, khi hết bịnh dùng thì khi dùng phạm Ác-tác, khi xin không phạm. Khi không bịnh xin, đến khi có bịnh dùng thì khi xin phạm Ác-tác, khi dùng không phạm. Xin cho người bịnh, mình không bịnh mà dùng thì khi xin không phạm, nhưng dùng thì phạm Ác-tác; nếu xin cho người bịnh và người bịnh dùng thì đều không phạm.

Bí-sô ni xin được sữa lại đòi lạc, khi dùng phạm Ác-tác và phải đối thuyết hối. Bí-sô ni được sanh tô lại đòi thục tô, phạm tội cũng như trên. Bí-sô ni xin được thục tô lại đòi dầu, phạm tội cũng như trên. Bí-sô ni xin được dầu lại đòi đường, phạm tội cũng như trên. Cho đến xin được đường lại đòi mật; xin được mật lại đòi cá, thịt, nem khô; được nem khô rồi lại đòi thức ăn ngon… đều phạm tội

giống như trên. Không phạm là vì làm việc chúng hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách. Trên đây tổng cộng là mười pháp đối thuyết hối.

Duyên khởi ở thành Quảng-nghiêm:

Lúc đó có một trưởng giả tên là Sư tử đã được Kiến đế nên đối với chúng Thanh văn rất kính tín, tất cả tài sản đã có đều cúng dường Tam bảo nên sau một thời gian gia sản khánh tận. Lúc đó cu thọ Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên trên đường du hóa đến thành Quảng-nghiêm, trưởng giả hay tin liền thỉnh về nhà thọ thực. Hai tôn giả nghe mọi người chê trách: "Trưởng giả Sư tử nay áo không đủ che thân, cơm không đủ no lòng là do cúng dường Tam bảo", nghe rồi liền trở về bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô nên tác pháp yết ma Học gia cho trưởng giả Sư tử, nếu có ai khác giống như vậy cũng nên tác pháp cho như sau: Tập tăng rồi sai một Bí-sô tác bạch yết ma như sau:

Đại đức ni tăng lắng nghe, trưởng giả sư tử này có lóng tin sâu, ý ưa thuần thiện, tài sản đã có đều dâng cúng Phật, Pháp, Tăng không có hối tiếc, cho đến những người nghèo khó đến xin cũng đều cung cấp nên gia sản bị khánh tận. Nếu ni tăng đúng thời đến nghe, ni tăng nên chấp thuận, nay Ni tăng tác pháp yết ma Học gia cho trưởng giả Sư tử. Bạch như vậy. Văn yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm.

Nếu Bí-sô ni biết tăng đã tác pháp yết ma Học gia cho vị đó rồi thì không nên đến nhà đó thọ thực, cho đến thọ giường tòa ngọa cụ và nói pháp cho họ nữa, nếu trái phạm mắc tội Ác-tác."

Sau đó chúng mười hai Bí-sô không được thỉnh thực mà tự đến nhà đó thọ thực, các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết Học gia đó đã được Tăng tác pháp yết ma Học gia, Bí-sô ni này không được thọ thỉnh trước mà tự đến nhà đó thọ thực thì Bí-sô này khi trở về trú xứ, phải đến trước từng Bí-sô ni đối thuyết hối rằng: "Đại tỷ, tôi phạm pháp ác đối thuyết, làm việc không nên làm, nay đối trước đại tỷ thuyết hối". Đây là pháp đối thuyết.

Thời gian sau Phật cho các Bí-sô khất thực rồi mới đến nhà trưởng giả vì nói pháp, thức ăn dư trong bát chia cho các trẻ con trong nhà trưởng giả. Sau đó do trưởng giả cày cấy lại những thửa ruộng bỏ hoang nên thu hoạch được nhiều, gia cảnh sung túc trở lại nên trưởng giả đến chỗ Thế tôn bạch rằng: "Thế tôn, trước đây gia sản của con đều đem cúng dường ruộng phước nên bị khánh tận, Tăng đã tác pháp Học gia cho con. Nay gia cảnh được sung túc trở lại, cúi xin thương xót giải yết ma Học gia cho con để Tăng ni thọ con cúng dường trở lại". Phật bảo các Bí-sô: "Tăng nên giải yết ma Học gia

cho trưởng giả Sư tử, nên giải như sau": Tập tăng rồi bảo trưởng giả đến trong Tăng kính lễ, ở trước vị Thượng tọa quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, con tên là Sư Tử đối với Tam bảo hết lòng tín kính cúng dường nên gia sản bị khánh tận, Tăng thương xót đã tác pháp yết ma Học gia cho con. Nay gia cảnh đã sung túc trở lại, cúi xin Tăng thương xót giải yết ma Học gia để các Tăng ni được thọ con cúng dường, xin thương xót (3 lần). Bạch rồi lui ra.

Lúc đó Tăng nên sai một Bí-sô Bạch-nhị-yết-ma giải yết ma Học gia, giải yết ma rồi Tăng ni như trước trở lại nhà đó thọ tứ sự cúng dường không phạm.

Học gia là người tín kính Tam bảo đã được Kiến đế. Tướng phạm như trên.

Các Đại đức, tôi đã nói một pháp Ba la đề Đề-xá-ni, nay hỏi các đại đức trong đây thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

VI. CHÚNG HỌC PHÁP

Các Đại đức, đây là các Chúng học pháp, mỗi nửa tháng nói một lần từ trong Giới kinh rút ra.

Tổng Nhiếp Tụng :

Y, thực, thân nghiêm trang,
Nhà tục khéo giữ nghi,

Giữ bát, trừ người bịnh,
Khạc nhổ và leo cây.

Lúc đó Thế tôn chế nhiều pháp cần nên học liên quan tới oai nghi phép tắc về ăn mặc…, nhưng các Bí-sô ni chưa hành đúng như pháp khiến các Bà-la-môn… chê trách. Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này chế học xứ như sau:

Không được mặc y quá cao, cần nên học.

Sau đó lại có các ni mặc y quá thấp bị chê trách nên Phật chế: Không được mặc y quá thấp như người nữ mới về làm dâu, cần nên học.

Hoặc có các ni mặc y để phía trước dài thòng xuống như cái vòi voi hoặc xếp lại bên eo lưng như lá cây Đa-la đều bị chê trách, nên Phật chế không được mặc như thế. Hoặc có các ni mặc y dồn lại một góc rồi lật ngược lên như đầu con rắn, hoặc túm lại rồi cuộn vào eo lưng tròn như trái banh, bị chê trách, Phật đều chế không được mặc như thế.

Sau đó có Thổ-la-Nan-đà mặc y trống ở bụng giống như dâm nữ mặc, các ni chê trách: "Mặc y như vậy có phải là tịnh pháp hay không?", Thổ-la-Nan-đà nói: "Tôi thấy nữ nhơn trong cung cũng mặc như thế". Các ni bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật chế:

Không được mặc y lộ bụng, cần nên học.

Lúc đó các Bí-sô ni khi vào nhà thế tục hoặc

nhìn lên cao, hoặc nói lớn tiếng khiến người tục chê trách, Phật chế:

Không nên nhìn lên cao khi vào nhà thế tục, cần nên học.

Phải mặc năm y tề chỉnh, cần nên học.

Lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni đến nhà các Bà-la-môn trưởng giả khất thực hoặc nhìn ngó bốn phía, không hoặc không có oai nghi đỉnh đạc, hoặc các căn trạo cử…, hoặc vào nhà họ thấy nam tử đoan nghiêm liền khởi dục tâm, tiết ra chất bất tịnh, dù chưa xin được thức ăn cũng vội đi ra nên bị chê trách là không có phẩm hạnh thanh tịnh. Các ni bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật chế:

Nếu Bí-sô gần đến nguyệt kỳ thì không nên đến nhà thế tục, cần nên học.

Lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni hoặc trùm đầu, hoặc lật ngược y, hoặc chống nạnh, hoặc choàng vai đi vào nhà thế tục nên bị chê trách là không biết xấu hổ. Các ni bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật chế:

Không được trùm đầu, không được lật ngược y một bên, không được lật ngược y hai bên, không được chống nạnh, không được choàng vai khi vào trong nhà thế tục, cần nên học.

Lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni hoặc đi bằng gót chân, hoặc đi bằng ngón chân hoặc vừa đi vừa nhảy, hoặc đi nghiêng ngửa hoặc khom mình đi

vào trong nhà thế tục đều bị mọi người chê trách nên Phật chế:

Không được đi bằng gót chân, không được đi bằng ngón chân, không được vừa đi vừa nhảy, không được đi nghiêng ngửa, không được khom mình đi vào trong nhà thế tục, cần nên học.

Lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni hoặc lắc mình đi, hoặc đi đáng đàng xa, hoặc lúc lắc đầu hoặc nhún vai hoặc nắm tay nhau đi vào trong nhà thế tục đều bị chê trách nên Phật chế:

Không được đi lắc mình, không được đi đánh đàng xa, không được lúc lắc đầu, không được nhún vai, không được cùng nắm tay nhau đi vào nhà thế tục, cần nên học.

Lúc đó Ô-ba-Nan-đà sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực đến nhà một Bà-la-môn tánh ưa thích sạch sẽ, trong nhà ông có chiếc giường quý sạch, Ô-ba-Nan-đà vào nhà liền ngồi trên chiếc giường quý đó nên bị chủ nhà chê trách, Phật chế: Trong nhà thế tục, chủ nhà chưa mời không nên vội ngồi, cần nên học.

Lúc đó Ô-đà-di đến nhà một Bà-la-môn tín kính vội ngồi trên giường mà không xem xét kỹ liền đè chết đứa trẻ nằm trên giường đó, Phật chế:

Vào trong nhà thế tục nếu không xem xét kỹ thì không nên ngồi, cần nên học.

Lúc đó Thế tôn cùng chúng Thanh văn vào

trong cung thọ vua Tịnh-phạn cúng dường, Ô-đà-di không khéo thu nhiếp thân khiến phu nhơn Cù-tỳ chê trách là phi pháp. Sau đó Ô-đà-di vào trong cung, phu nhơn mời ngồi trên chiếc ghế đã hư mục, do không xem xét kỹ vội ngồi nên làm ghế gãy té xuống đất, vừa xấu hổ vừa bị chê trách nên Phật chế:

Vào trong nhà thế tục, khi ngồi nên xét xét kỹ và không nên buông thân ngồi mạnh xuống, cần nên học.

Lại có Bí-sô ni ở trong nhà thế tục ngồi kiễng chân, ngồi tréo chân, ngồi chồng gót chân trong ngoài, ngồi co chân, ngồi duỗi chân, ngồi để lộ thân hình đều bị chê trách nên Phật chế: Không được ở trong nhà thế tục ngồi kiễng chân, ngồi tréo chân, ngồi chồng gót chân trong ngoài, ngồi co chân, ngồi duỗi chân, ngồi để lộ thân hình, cần nên học.

Lúc đó có thí chủ thỉnh Phật và tăng đến nhà thọ thực, người dọn đưa thức ăn không cẩn thận làm rơi trái cây xuống chỗ Bí-sô, Bí-sô ni do không hộ bát cẩn thận khiến bát rơi bể, Phật chế: Phải cung kính khi thọ thực, cần nên học.

Lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni vào nhà trưởng giả thọ thực, bát đã đầy cơm và thức ăn lại nhận thêm canh nên bị tràn ra ngoài làm dơ, vừa xấu hổ vừa bị chê trách nên Phật chế:

Không được cơm đã đầy bát lại nhận thêm canh

khiến cho tràn ra ngoài, nên nhận thực ăn dưới miệng bát khoảng một lóng tay rồi dụng ý thọ thực, cần nên học.

Hoặc có Bí-sô ni thức ăn chưa đưa đến đã vội đưa bát ra trước giống như người ăn xin lộ vẻ đói khát nên bị chê trách, Phật chế:

Người dọn đưa thức ăn chưa đến chớ đưa bát ra đón trước, cần nên học.

Hoặc có người khi ăn hiện tướng kiêu mạn nên Phật chế:

Không được kiêu mạn khi ăn, phải cung kính khi ăn, cần nên học.

Hoặc có người khi ăn vắt cơm và thức ăn quá lớn hay quá nhỏ đưa vào miệng đều bị chê trách nên Phật chế:

Không được vắt miếng cơm và thức ăn quá lớn hay quá nhỏ đưa vào miệng, cần nên học.

Lúc đó có thí chủ thỉnh Phật và Tăng về nhà thọ thực, Bí-sô Ô-ba-Nan-đà và Bí-sô Ma-ha-la ngồi gần nhau, Ô-ba-Nan-đà thấy Ma-ha-la há miệng to mà lại ngước nhìn lên nên lấy viên đất ném vào trong miệng và nói ăn cái này. Nhân việc này Phật chế học xứ:

- Nếu thức ăn chưa đưa đến miệng thì không nên há miệng trước, cần nên học.

Lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni ngậm thức ăn nói chuyện bị người tục chê trách; lại có trường

hợp ở nhà thí chủ thọ canh rau rồi sợ ăn không đủ nên lấy cơm phủ canh mong được thêm nữa nên bị người tục chê trách. Phật nhân việc này chế học xứ:

- Không được ngậm cơm nói chuyện, cần nên học.

- Không được lấy cơm phủ lên canh rau để mong được thêm nữa, cần nên học.

Lúc đó có thí chủ thỉnh hai bộ tăng thọ thực, thức ăn quá ngọt thì chúng mười hai ni chắc lưỡi nói là quá chua; hoặc thức ăn quá chua lại xuýt xoa nói là quá ngọt; hoặc thức ăn quá nóng lại hà hơi nói là quá lạnh; hoặc thức ăn quá nguội lại thổi phù phù nói là quá nóng… nói đảo ngược như vậy là cố ý làm phiền lòng thí chủ nên Phật chế học xứ:

- Không được chắc lưỡi khi ăn, cần nên học.

- Không được xuýt xoa khi ăn, cần nên học.

- Không được hà hơi khi ăn, cần nên học.

- Không được thổi phù phù khi ăn, cần nên học.

Lúc đó Lục chúng thọ thỉnh thực, dùng tay bươi cơm và thức ăn ra; hoặc chê thức ăn dở; hoặc dồn thức ăn ở hai bên má rồi nhai từ từ; hoặc ăn phân nửa chừa lại phân nửa; hoặc le lưỡi liếm môi miệng khi ăn… đều bị người tục chê trách nên Phật chế học xứ:

- Không được dùng tay bươi thức ăn, cần nên học.

- Không được chê bai thức ăn, cần nên học.

- Không được dồn thức ăn ở hai bên má, cần nên học.

- Không được ăn phân nửa chừa lại phân nửa, cần nên học.

- Không được le lưỡi liếm môi miệng khi ăn, cần nên học.

Phật ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có thí chủ trước kia quy y với ngoại đạo lộ hình, sau sanh tâm tín kính Tam bảo nên thỉnh Phật và Tăng về nhà thọ thực, thí chủ dọn đưa các món ăn như bánh bột, rau cải…, Lục chúng chê thức ăn nên lấy bánh bột nặn thành tượng Tốt đổ ba rồi lấy rau cải phủ lên, nói với nhau: "Đây là tháp của ngoại đạo lộ hình Bổ-thích-noa", nói rồi lấy tượng tháp này ăn khiến rau cải phủ ở trên rớt xuống, liền nói với nhau: "Tháp của ngoại đạo lộ hình sụp đổ", thí chủ thấy hành động này rồi không còn quy kính Tam bảo nữa nên Phật chế học xứ:

- Khi ăn không được nặn hình Tốt-đổ-ba để ăn, cần nên học.

Lúc đó Lục chúng thọ người khác thỉnh thực, thức ăn ngon dính nơi tay liền le lưỡi liếm; hoặc rảy tay dơ; hoặc rảy bát dơ khiến nước thức ăn trong bát văng dính dơ y phục của người khác, những trường hợp như vậy Phật đều dạy không nên làm, cần nên học. Sau đó có thí chủ thỉnh thực khi

dọn đưa thức ăn nói rằng: "Còn nhiều thức ăn ngon, không nên thọ nhiều bánh bột", Lục chúng không tin nên thọ nhiều bánh bột, sau thấy thức ăn ngon đưa đến muốn bỏ bánh bột đã thọ, thấy một Bí-sô Ma-ha-la ngồi gần đang nhìn quanh bốn phía bèn bỏ bánh bột vào đầy bát của Ma-ha-la, khiến vị này không thể thọ được thức ăn ngon đưa đến. Phật nhân việc này chế học xứ:

- Thường xem nơi bát khi ăn, cần nên học.

Lúc đó Lục chúng Bí-sô nhìn sang bát của Bí-sô ngồi gần thấy thức ăn đầy bát liền khởi tâm khinh mạn phê bình là ăn nhiều. Phật nhân việc này chế học xứ:

- Không nên khởi tâm khinh mạn nhìn vào bát của người ngồi gần, cần nên học.

Lúc đó lục chúng dùng tay không sạch cầm bình nước sạch khiến ruồi tranh nhau bu đến, bị thí chủ chê trách nên Phật chế:

- Không được dùng tay dơ cầm bình sạch, cần nên học. Lúc đó các Bí-sô ni thọ thực trong nhà của trưởng giả Bồ đề ở núi Giang trư, ăn xong đem nước rửa bát đổ trên đất sạch, bị thí chủ chê trách nên Phật chế học xứ:

- Không được đổ nước rửa bát ở trong nhà bạch y, trừ trường hợp đã hỏi người chủ, cần nên học.

Phật ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có hài nhi của một Bà-la-môn bị bịnh, người bạn thân là một

Ô-ba-sách-ca bảo Bà-la-môn đến trong rừng Thệ-đa xin nước rửa bát của Bí-sô về tắm cho bé sẽ được khỏi bịnh. Bà-la-môn này nghe theo lời đến trong rừng Thệ-đa gặp Ô-ba-Nan-đà liền xin nước rửa bát, Ô-ba-Nan-đà lấy nước cơm thức ăn dư trong bát đưa, Bà-la-môn thấy nước dơ khởi tâm nhờm gớm nói rằng: "Con ta thà chết chứ không dùng nước do bẩn này cho nó tắm". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật dạy: "Không nên đem nước rửa bát dơ đưa cho người, nếu có người đến xin thì nên rửa bát sạch rồi đổ nước thanh tịnh vào, tụng ba biến kệ chú A-lợi-sa rồi trao cho họ. Nước này uống hay rửa đều có thể trừ vạn bịnh". (A-lợi-sa là kệ tụng do Phật nói ra trong Thánh giáo, khi đọc tụng có oai lực lớn, các kinh luật khác gọi là Già-tha. Khi ở trong sông ao, khi tắm rửa, uống nước… cho đến lau quét tháp miếu nếu thường tụng kệ chú Già-tha thì được phước. Vì gần đây pháp chúng ít thực hành nên ở đây chú thích là trong Thánh giáo có Gia-tha, như có bài tụng như sau:

"Ngũ dục lạc thế gian,
Hoặc là chư thiên lạc,
So với Ái tận lạc,
Ngàn phần không bằng một .
Do Tập hay sanh Khổ,
Nhơn Khổ lại sanh Tập,
Tám Thánh đạo vượt qua,

Đến cõi diệu Niết-bàn.
Người đã làm bố thí,
Ắt sẽ được nghĩa lợi,
Nếu vì vui nên thí,
Sau sẽ được an lạc".

Phật chế học xứ:

- Không được dùng thức ăn dư để vào nước trong bát, cần nên học.

Lúc đó Bí-sô để bát trên đất, không có lót ở dưới, bị chê trách là làm cho bát mau bể; lại có Bí-sô đứng rửa bát lở tay làm rớt bể; lại có Bí-sô để bát trên sườn dốc nguy hiểm, Phật bảo không nên; lại có Bí-sô ngược dòng nước sông chảy mạnh hứng nước làm bát bị bể nên Phật chế học xứ:

- Không được để bát ở trên đất mà không có vật lót ở dưới, cần nên học.

- Không được đứng rửa bát, cần nên học.

- Không được để bát ở nơi sườn dốc nguy hiểm, cần nên học.

- Không được ngược dòng nước chảy mạnh hứng nước, cần nên học.

Lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni đứng nói pháp cho người ngồi nghe, các Bà-la-môn cư sĩ tịnh tín chê trách: "Thế tôn trong vô lượng kiếp siêng tu khổ hạnh, bố thí đầu mắt… để cầu pháp này, tại sao các vị lại vì người tâm kiêu mạn ngồi mà nói đứng nói pháp", Phật bảo không nên; lại có người

bịnh không thể đứng lâu nghe pháp, Phật nói: "Nếu là người bịnh thì trong các trường hợp như nằm, ngồi, chỗ cao, chỗ thấp, ở dường chánh, đường phụ cho đến đi xe, mang giày dép, trùm đầu, đội mão, đeo anh lạc, cầm dù, cầm đao, trượng, mặc giáp trụ… vì họ nói pháp đều không phạm", Phật chế học xứ như sau:

- Người ngồi mình đứng không nên vì nói pháp, trừ bịnh, cần nên học.

- Người nằm mình ngồi không được vì nói pháp, trừ bịnh, cần nên học.

- Người ngồi chỗ cao mình ngồi chỗ thấp không nên vì nói pháp, trừ bịnh, cần nên học.

- Người đi trước mình đi sau, không nên vì nói pháp, trừ bịnh, cần nên học.

- Người đi đường chánh mình đi đường phụ, không nên vì nói pháp, trừ bịnh, cần nên học.

- Không được nói pháp cho người trùm đầu, người lật ngược y một bên, người lật ngược y hai bên, người chống nạnh, người choàng vai, trừ bịnh, cần nên học.

- Không được nói pháp cho người cỡi voi, người cỡi ngựa, người đi kiệu, người đi xe, trừ bịnh, cần nên học.

- Không được nói pháp cho người mang guốc, mang giày dép, mang ủng, trừ bịnh, cần nên học.

- Không được nói pháp cho người đội mão,

người trùm khăn, người búi tóc, người quấn đầu, người đeo tràng hoa, trừ bịnh, cần nên học.

- Không được nói pháp cho người cầm dù, trừ bịnh, cần nên học.

Phật ở thành Kiếp-tỷ-la phạt-tốt-đổ, lúc đó Thổ-la-Nan-đà đứng tiểu tiện bị người tục chê trách, Phật nói không nên và chế:

- Không được đứng tiểu tiện, trừ bịnh, cần nên học.

Lúc đó Thổ-la-Nan-đà đem y cũ của mình nhờ người giặt nhưng bị người kia từ chối, bèn nổi giận phóng bất tịnh vào trong nước giặt y. Người kia không biết nhúng tay vào nước dơ tay nên trách mắng, Phật nói không nên và chế học xứ:

- Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trong nước, trừ bịnh, cần nên học.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có thí chủ thỉnh Phật và tăng về nhà thọ thực, người giữ chùa ở lại trong chùa lấy làm lạ về sự chậm trễ của họ, sợ quá ngọ nên leo lên cây cao ngóng nhìn, bị người tục chế trách, Phật nói không nên; lại có Bí-sô bị dây nhiễm ràng buộc hoặc gặp nạn hổ lang… đều không dám leo lên cây tránh nên bị hại. Phật chế học xứ:

Không được leo lên cây cao quá đầu người, trừ gặp nạn duyên, cần nên học.

VI. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH

Nhiếp Tụng:

Hiện tiền và ức niệm,
Bất si và cầu tội,
Đa nhơn ngữ, tự ngôn,
Cỏ phủ trừ các tránh.

Phật bảo các Bí-sô ni: "Có bảy pháp Diệt-tránh cần nên học:

- Đáng cho Hiện tiền Tỳ-nại-da thì nên cho Hiện tiền Tỳ-nại-da.

- Đáng cho Ức niệm Tỳ-nại-da thì nên cho ức niệm Tỳ-nại-da.

- Đáng cho Bất si Tỳ-nại-da thì nên cho bất si Tỳ-nại-da.

- Đáng cho Cầu tội tự tánh Tỳ-nại-da thì nên cho Cầu tội tự tánh Tỳ-nại-da.

- Đáng cho Đa nhơn ngữ Tỳ-nại-da thì nên cho Đa nhơn ngữ Tỳ-nại-da.

- Đáng cho Tự ngôn Tỳ-nại-da thì nên cho Tự ngôn Tỳ-nại-da.

- Đáng cho cỏ phủ Tỳ-nại-da thì nên cho Cỏ phủ Tỳ-nại-da.

Nếu có việc tranh cải khởi lên nên dùng bảy pháp này thuận theo lời Phật dạy như pháp như luật dứt diệt".

"Trong cần, nhẫn là trên,
Hay được quả Niết-bàn,

Xuất gia xúc não người,
Không gọi là Sa môn".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Chánh đẳng giác Tỳ-bà-thi nói ra.

"Mắt sáng tránh đường hiểm,
Đến được chỗ an ổn,
Người trí trong Sanh giới,
Xa lìa được các ác".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Thi-khí nói ra.

"Không báng cũng không hại,
Khéo hộ trì giới kinh,
Ăn uống biết vừa đủ,
Thọ dụng ngọa cụ xấu,
Siêng tu Định tăng thượng,
Là lời chư Phật dạy".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Tỳ-xá-phù nói ra.

"Ví như ong hút mật,
Không hoại sắc và hương,
Chỉ hút lấy hương vị,
Như Bí-sô vào thôn".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Câu-lưu-tôn nói ra.

"Không chống trái việc người,
Không xem làm, không làm,
Chỉ xem lại hạnh mình,

Là chánh hay không chánh".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Yết-nặc-ca nói ra.

"Chớ đắm nơi tâm định,
Siêng tu chỗ vắng lặng,
Người nên cứu không lo,
Thường khiến niệm không mất.
Nếu người hay huệ thí,
Phước thêm, oán tự dứt,
Hành thiện trừ các ác,
Dứt hoặc đến Niết-bàn".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Ca-diếp-ba nói ra.

"Tất cả ác chớ làm,
Tất cả thiện nên tu,
Điều phục khắp tự tâm,
Là lời chư Phật dạy.
Lành thay, hộ thân nghiệp,
Lành thay, hộ ngữ nghiệp,
Lành thay, hộ ý nghiệp,
Hộ ba Nghiệp tối thiện,
Bí-sô hộ tất cả,
Giải thoát mọi khổ đau.
Khéo hộ nơi miệng nói,
Cũng khéo hộ nơi ý,
Thân không làm các ác,
Ba Nghiệp thường thanh tịnh,

Đây là tùy thuận theo,
Đạo Đại tiên đã hành".

Đây là Giới kinh do Đức Như lai Đẳng chánh giác Thích-ca nói ra.

"Tỳ-bà-thi, Thức-khí,
Tỳ-xá, Câu-lưu-tôn,
Yết-nặc-ca-mâu-ni,
Ca-diếp, Thích-ca tôn,
Đều là Trời trong trời,
Vô thượng điều ngự sư,
Bảy Phật đều hùng mãnh,
Hay cứu hộ thế gian,
Đầy đủ đại danh xưng,
Đều nói Giới kinh này.
Chư Phật và đệ tử,
Đều cùng tôn kính giới,
Do cung kính Giới kinh,
Chứng được quả vô thượng.
Người nên cầu xuất ly,
Siêng tu lời Phật dạy,
Hàng phục quân sanh tử,
Như voi xô nhà cỏ,
Ở trong pháp luật này,
Nên tu không phóng dật,
Khô được biển phiền não,
Dứt hết bờ mé khổ.
Như Giới kinh này nói,
Hòa hợp làm Trưởng tịnh,

Phải cùng tôn kính giới,
Như trâu mao tiếc đuôi.
Tôi nói Giới kinh rồi,
Chúng tăng trưởng tịnh xong,
Phước lợi các hữu tình,
Đều cùng thành Phật đạo".

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 78

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA XUẤT GIA SỰ

SỐ 1444

(QUYỂN 1 → 04)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1444

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ XUẤT GIA SỰ

QUYỂN 1

Tổng Nhiếp Tụng:

Xá-lợi-tử xuất gia,
Và ngoại đạo hai người,
Cùng Khu ô thiếu nhi,
A-la-hán, bịnh, nữ.
Biệt Nhiếp Tụng:
Xá-lợi-tử xuất gia,
Cho thọ pháp Cận viên,
Điều phục gọi Tiểu quân,
Ngoại đạo.

Lúc đó có vua nước Chiêm-ba tên là Ương-già và vua nước Ma-kiệt-đà láng giềng hiệu là Đại-liên-hoa, hai nước giáp ranh nhau đều có binh mã hùng cường tinh nhuệ, dân chúng trong hai nước đều sống thịnh vượng giàu vui. hai nước đã trải qua nhiều năm đánh nhau lúc thắng lúc bại, sau đó vua Ương-già với nước giàu dân mạnh tính kế trả thù xưa nên cố gắng luyện tập quân đội hùng mạnh, định ngày tuyên thệ xuất quân tru diệt thù địch. Lúc

đó những người sống ở vùng biên giới biết được liền sai sứ giả báo cho vua Đại-liên-hoa hay, vua hay tin liền xuất quân chống cự, hai bên giao tranh, vua Đại-liên-hoa bại trận rút quân về thành cố thủ. Vua Ương-già sai sứ đến nói với vua Đại-liên-hoa: "Nếu hàng phục thì tốt, bằng không sẽ không dung thứ, có lên trời cũng giăng lưới bắt, có trốn trong nước cũng giăng dây trói, có trốn lên núi hay chạy vào rừng cũng không thoát khỏi", vua Đại-liên-hoa nghe rồi rất sợ hãi nói với quần thần: "Quân của vua Ương-già hùng mạnh lại sai sứ đến bảo quy hàng, đất nước nguy ngập, các khanh có phương pháp nào cứu vãn hay không?", quần thần nói kệ tâu vua:

"Có vua thì có nước,
Không vua nước không còn,
Nước mất trùng hưng được,
Người chết không sống lại.
Nước và mạng khác nhau,
Người nên khéo giữ mạng,
Nước mất lập lại được,
Mạng mất không sống lại."

Nói kệ rồi quần thần khuyên vua quy hàng, vua nghe theo tự trói mình đến quy hàng và thệ ước với vua Ương-già sẽ triều cống vĩnh viễn, công việc hoàn tất, vua Đại-liên-hoa được thả về.

Lúc đó Bồ tát đang ở trên cõi trời Đổ-sử, quán thấy thế gian có đủ năm việc muốn hạ sanh nên chư

thiên ở cõi trời Lục dục lo liệu những việc cần làm để cho Bồ tát vào thai của phu nhơn Tam tịnh Ma-da trong nhà Duyệt đầu đàn ở nước Ca-duy-la-vệ, lại khiến cho bà Ma-da được giấc mộng tốt lành là mộng thấy Bồ tát hiện hình voi trắng giáng thần vào thai mẹ. Lúc đó đại địa chấn động, ánh sáng rực rỡ lấn át sắc vàng ròng, chiếu soi khắp thế gian hơn cả ánh sáng của mặt trời mặt trăng, trên chiếu soi đến tận cõi trời ba mươi ba, dưới chiếu soi đến tận những nơi mà ánh sáng của mặt trời mặt trăng không chiếu tới khiến chúng sanh không nhận biết nhau, nhưng vừa gặp thần quang này soi tới liền thấy được nhau. Thánh nhơn thị hiện tướng, người thế gian không thể biết được, cho nên ngay trong ngày Bồ tát hạ sanh, hậu cung của vua bốn nước đồng thời cũng hạ sanh Thái-tử, vua của bốn nước đều cho là điềm lành của con mình.

Một là vua Đại-liên-hoa của thành Vương-xá vào ngày sanh Thái-tử, thấy ánh sáng chiếu soi này liền cho là điềm lành của con mình, tự nghĩ: "Oai đức của con ta như mặt trời mọc, oai quang của con ta có thể chiếu sáng thế gian", do ánh quang thù thắng biểu thị cho điềm tốt lành, nên vua đặt tên cho Thái-tử là Ảnh-thắng.

Hai là đại vương Ma la của thành Thất-la-phiệt cũng như vua Đại-liên-hoa cho ánh sáng này là điềm lành của con mình, nói rằng: "Con ta mới sanh liền có điềm lành thù thắng, ánh sang chiếu

khắp nơi, quốc giới thanh bình", vua theo đức này nên đặt tên cho Thái-tử là Thắng quân.

Ba là Đại vương Xa-đa-di của thành Ô-xá-ny cũng như hai vua kia cho ánh sáng này là điềm lành của con mình, nói rằng: "Con ta có đức nên ánh sáng xuất hiện", vua theo điềm lành trên nên đặt tên cho Thái-tử là Xuất-quang.

Bốn là vua A-nan-đa-nê-di của thành Kiều-xa-di cũng như các vua kia cho ánh sáng này là điềm lành của con mình, nói rằng: "Con ta đản sanh như mặt trời mới mọc, ánh sáng chiếu soi phá trừ tăm tối, ánh sáng chuyển chiếu lên cao biểu thị cho sự tốt lành", vua theo điềm lành này nên đặt tên cho Thái-tử là Nhật sơ.

Cả bốn vua đều không biết thần quang đó là do đại thần lực của Bồ tát Thích-ca hiển hiện ra, nhưng các vương tử này đều có thắng nhân tích tập lâu đời, đều có đại nguyện lực nên cùng dẫn quyến thuộc theo bậc Thánh hạ sanh cõi này. Cho nên ngày Thái-tử Ảnh-thắng ra đời cũng là ngày năm trăm đại thần đều sanh con trai, họ đặt tên con theo tộc họ của mình. Thái-tử Ảnh-thắng được giao cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng, theo thời gian dần dần trưởng thành như hoa sen vượt lên khỏi mặt nước. Thái-tử không những học thông các môn binh thư kỹ nghệ, lịch số, kế toán cho đến tất cả pháp của vua quán đảnh dòng Sát-đế-lỵ; mà còn học thông các thứ công xảo và các phép tắc điều khiển voi

ngựa, bắn cung, đánh kiếm, phương pháp điều binh cho đến bốn bộ Minh luận thảy đều thông suốt. Con của năm trăm vị đại thần cũng như Thái-tử đều học thông tất cả. Thời gian sau, Thái-tử coi ngó việc nước, một hôm Thái-tử cởi voi du hành thấy có người đang trưng thu thuế, liền hỏi tùy tùng: "Những người này tại sao được trưng thu thuế?", đáp: "Đây là sứ giả của vua Ương-già nước láng giềng đến đây trưng thu thuế", Thải tử hỏi: "Tại sao nước ta lại cho họ trưng thu thuế?", đáp; "Đó là thệ ước từ xưa". Lúc đó Thái-tử triệu sứ giả đến nói rằng: "Vua nước ngươi là Quán đảnh dòng Sát-đế-lỵ vua nước ta cũng là Quán đảnh dòng Sát-đế-lỵ, việc trị nước không đồng, dân chúng cũng khác, tại sao các ngươi vượt biên giới của mình đến đây trưng thu thuế. Các ngươi hãy mau trở về nước, từ nay dứt hẳn việc làm này". Sứ giả nghe rồi tự nghĩ: "Thái-tử bản tánh ngang ngược, ý muốn bội lời thệ ước để ta trở về tay không. Ta nên đến gặp vua Đại-liên-hoa đòi trưng thu thuế", nghĩ rồi liền cùng đến chỗ nhà vua và được vua ra sắc lịnh cho trưng thu thuế như cũ. Trên đường về cung, Thái-tử lại gặp sứ giả trưng thu thế như cũ liền nói: "Ta đã ra lịnh các ngươi rời khỏi nơi đây, tại sao các ngươi còn lưu lại. Trở về nước thì tốt, nếu không ta sẽ nghiêm trị". Sứ giả nghe rồi sợ hãi cùng nhau trở vế nước, đem việc này tâu lên vua Ương-già: "Thái-tử Ảnh-thắng là người ngang ngược, bội lời thề ước không

cho trưng thu thuế. Cúi mong nhà vua sớm có kế sách đối phó, nếu không sẽ chiêu lấy họa hoạn sau này", vua nghe rồi nói kệ:

"Cây lúc đang lên mầm,
Móng tay bấm liền đứt,
Nếu đợi đến cao lớn,
Búa rìu không chặt ngã".

Lúc đó vua Ương-già tức giận sai sứ mang thư đến cho vua Đại-liên-hoa, trong thư nói: "Ảnh-thắng ngang ngược, phải trói cổ đưa tới đây, nếu không ta sẽ thân chinh giết nó, nên hiểu ý của trẫm", vua xem xong kinh hãi sợ mất nước nên triệu Thái-tử đến trách cứ và đưa thư cho Thái-tử xem, Thải tử xem xong tâu vua: "Vua nước họ là Quán đảnh dòng Sát-đế-lỵ, vua nước ta cũng là Quán đảnh dòng Sát-đế-lỵ, lãnh thổ khác nhau tại sao cho họ trưng thu thuế. Cúi xin Đại vương ban cho con bốn binh để con chống lại họ". Vua nghe rồi tự xét thấy Thái-tử có thể gánh vác được việc lớn nên phúc thư cho vua Ương-già, trong thư nói: "Nhà vua muốn tôi bắt Ảnh-thắng trói cổ đưa đến, nhưng đứa con này muốn kế tục sự nghiệp của Tiên vương. Lịnh trên tuy đáng làm nhưng tôi chưa dám vâng theo, đại vương muốn dùng hùng lực lấn áp, khí mạnh lấn sang, binh mã trán đồng, tôi chỉ biết chờ xử tội". Vua Ương-già xem xong hết sức tức giận ra lịnh chỉnh trang quân lực để vua thân chinh tru diệt Ảnh-thắng, nhà vua thống lĩnh ngàn vạn

quân binh, cờ xí rợp trời, chuông trống vang dậy tiến quân đánh nước Ma-kiệt-đà. Vua Đại-liên-hoa nghe tin kinh hãi, liền triệu Ảnh-thắng đến giao cho bốn binh, Thái-tử thống lĩnh năm trăm người con của các đại thần hỏi: "Vua Ương-già cùng nước ta có oán thù xưa, nay ta phải phục hận, họ xâm lấn nước ta ắt có nhiều mưu kế, các ngươi thọ ân sủng của vua nay có phương sách gì giúp ta dẹp giặc an dân hay không?", tất cả đều đáp: "Chúng tôi không có kế sách gì, nhưng chúng tôi dám liều thân phò Thái-tử", Thái-tử liền nói kệ:

"Trị quốc nuôi lê dân,
Phải nên khéo giữ gìn,
Bị ngoại xâm lấn chiếm,
Bá tánh biết nương đâu?"

Nói kệ rồi bảo: "Các người hãy đồng tâm hợp lực hộ vệ ta". Sau đó Thái-tử ra lịnh xuất chinh, oai đức hùng mạnh và nói với ba quân:

"Ta nghe người thiện chiến không cần quân trận, nay vua Ương-già có binh mã đông và hùng mạnh, nếu đối địch chỉ thương tổn cho ta, ta phải dùng mưu trí mới là thượng sách". Thái-tử liền tuyển mộ những người mạnh khỏe, chờ lúc địch không phòng bị giết vua Ương-già khiến cho ba quân sáu sư nhất thời tan rã, sau đó chỉnh đốn binh mã tiến lên phương Bắc, người trong nước kia không biết vua mình đã chết nên cố thủ thành. Thái-tử liền ra lịnh treo đầu vua Ương-già lên ngọn

giáo cho quân trong thánh thấy và ra lịnh: "Đây là đầu vua Ương-già, các ngươi hãy mau mở cửa thành, nếu không sẽ bị giết chết cùng một lúc", mọi người nghe rồi sợ hãi liền mở cửa thành quy hàng, Thái-tử vào thành tồi sai sứ về tâu lại vua cha: "Nhờ oai đức của Đại vương và quần thần tận lực nên vua Ương-già nghịch mạng đã bị giết chết, quốc giới từ nay thanh bình". Vua Đại-liên-hoa nghe rồi vô cùng mừng rỡ sai đem các y phục trang sức và lọng bảy báu đến ban cho Thải tử và phong làm vua nước Chiêm-ba thay thế vua Ương-già, nhân dân từ nay gọi là đại vương Ảnh-thắng, thần công thánh đức lan truyền khắp nơi, dân chúng sống an lạc không còn trộm cướp. Thời gian sau vua Đại-liên-hoa băng hà, quần thần nước Ma-kiệt-đà báo tang cho vua Ảnh-thắng biết và mời trở về trị nước, vua Ảnh-thắng giao việc nước Chiêm-ba cho cựu thần rồi nghiêm giá binh mã trở về nước thọ tang. Sau tang lễ vua Ảnh-thắng lên ngôi kế vị, dùng pháp giáo hóa dân, mưa thuận gió hòa, khắp nơi an ổn, các nước lân cận đều kính nể không còn oán địch.

Lúc đó ở trung Thiên trúc có con của một Bà-la-môn đi đến phương nam cầu học, ở nam Thiên trúc có một đại Bà-la-môn tên là Địa sư thông suốt bốn bộ luận, được mọi người tôn xưng là Đại sư. Đồng tử Bà-la-môn này đến phương nam rồi tới chỗ Đại sư đảnh lễ và xin được làm đệ tử cầu học,

Đại sư hỏi muốn học gì, liền đáp là muốn học bốn bộ Minh luận, Đại sư thâu nhận, đồng tử này theo Đại sư học các pháp sự. Theo pháp của Bà-la-môn, mỗi tháng có ba ngày không làm các việc khác, chỉ làm ba việc là tắm rửa, vào thành thị và đốt củi. Đến ngày này các đệ tử của đại sư cùng đi kiếm củi về để đốt, trên đường đi họ cùng hỏi thăm nhau về quê quán và chủng tộc, người thì đáp là ở phương Đông, người đáp là ở phương Nam, người đáp là ở phương Tây, người đáp là ở phương Bắc, người đáp là ở Trung phương (Trung Thiên trúc). Lúc đó có người nói kệ:

"Trí huệ ở phương Đông,
Kính thuận ở phương Nam,
Lưỡng thiệt ở phương Tây,
Ác khẩu ở phương Bắc".

Còn Trung phương thì không biết như thế nào?". Sau đó họ bạch thầy: "Ô-ba-đà-da, chúng con muốn đến Trung phương tham quan và yết kiến các bậc thầy nơi đó, chúng con muốn hàng phục các luận sư ở nơi đó, nhờ nhân duyên này tên tuổi của chúng con sẽ lan truyền khắp nơi và được nhiều trân tài", vị Đại sư này vốn ái niệm các đệ tử nên đem y phục và các vật dụng đã có chia cho các đệ tử rồi cùng các đệ tử đi đến nước ở trung phương. Trên đường đi họ cùng những người có trí huệ luận nghị đều được thắng nên có nhiều theo xin cầu học và thờ làm thầy. Khi đến nước ở trung

phương, vị đại sư này suy nghĩ: "Ta nghe những người có trí đều tập trung ở triều đình, ta nên đến đó hàng phục họ, vì sao? Vì ví như cây lớn có gốc và cành lá, những nơi ta đi qua luận nghị đều được thắng chỉ là cành lá, nếu ở nơi triều đình ta được thắng mới là chặt được gốc", nghĩ rồi liền đến chỗ vua xin được cùng luận nghị với các luận sư trong nước. Nhà vua nghe rồi liền hỏi quần thần: "Trong nước ta có các Bà-la-môn nào có thể luận nghị cùng vị đại sư này không?", quần thần đáp: "Có Bà-la-môn ở thôn Na-la thông suốt bốn bộ Minh luận, trí huệ như lửa đã tự tạo luận, tên là Ma-trá-la", nhà vua nói: "Hãy mời vị Ô-ba-đà-da đó đến". Đại thần vâng lịnh mời đến, vua hỏi: "Ô-ba-đà-da có thể ở trước ta luận nghị cùng vị đại sư kia không?", liền đáp: "Thần xin gắng sức đối đáp". Sau khi bố trí đàn tràng xong, cả hai cùng vào chỗ ngồi bắt đầu cùng luận nghị, vị Đại sư khách được trình bày trước bèn tụng ra năm trăm bài kệ tụng, Ma-trá-la tụng đáp lại và chỉ ra những lỗi sai của Đại sư rồi nói: "Ngôn nghĩa trong bài tụng của ông không tương đương, không hợp đạo lý", Đại sư nghe rồi liền im lặng, theo pháp luận nghị ai im lặng không đáp lại được là thua. Nhà vua nghe biết Ma-trá-la luận nghị được thắng rất vui vẻ hỏi rằng: "Ô-ba-đà-da hiện ở thôn ấp nào?", đáp là thôn Na la, nhà vua liền phong thưởng thôn Na-la cho Ma-trá-la được tùy ý thọ dụng. Thường tình có danh

lợi thì liền có nhân duyên, cho nên Ma-trá-la cưới một người con gái dòng Bà-la-môn làm vợ cùng sống rất hạnh phúc, không bao lâu sau sanh được một trai, do có vóc dáng cao nên được gọi là Trường thể. Trường thể đến tuổi trưởng thành học thông các môn, cho đến bốn bộ Bệ-đà, pháp tế tự, sáu cách cho và nhận thảy đều được thành tựu. Thời gian sau vợ của Ma-trá-la lại sanh thêm một gái, do có đôi mắt như chim Anh-vũ nên được gọi là Anh-vũ, đến tuổi trưởng thành cũng học thông các pháp luận nghị, khi cùng người anh luận nghị, cô thường được thắng, nên người cha nói: "Con là nam tử mà lại luận nghị thua con gái, ta nếu không có người thừa kế, tài sản của ta ắt chuyển qua người khác".

Lúc đó ở nam Thiên trúc có một đồng tử Bà-la-môn tên là Để-sa, thông hiểu luận Vô hậu thế (không có đời sau), vì cầu pháp nên đến Trung phương gặp Ma-trá-la cầu học và được Ma-trá-la thâu nhận. Sau khi thọ pháp rồi, sau giờ học Để-sa thường hay luận thuyết, thời giam sau lại cùng thầy luận nghị trước vua, Ma-trá-la là bậc niên trưởng nên được trình bày trước, muốn cho Để-sa rối loạn nên Ma-trá-la tụng năm trăm bài kệ tụng dài, không ngờ Để-sa nói tụng đáp lại và chỉ ra những lỗi sai rồi nói: "Đây là lời sai (phi ngôn), lời này phi loại (xếp loại sai), thuyết này không đúng", khiến cho Ma-trá-la im lặng không đáp lại được

nên bị thua. Nhà vua muôn phong ấp ban thưởng cho Để-sa, đại thần liền tâu: "Nếu ai luận nghị được thắng đều phong ấp ban thưởng thì nước Ma-kiệt-đà không bao lâu sẽ mất hết, vua nên thu lại thôn ấp đã ban thưởng cho Ma-trá-la trước kia để ban thưởng cho Để-sa", nhà vua chuẩn y. Ma-trá-la nghe rồi trở về bảo vợ thu xếp hành trang để đi đến thôn khác, người vợ hỏi nguyên do, Ma-trá-la nói: "Lâu nay ta thừa sự nhà vua, nhưng khi ta luận nạn không thắng, vua liền đoạt lại thôn ấp đã ban thưởng cho ta", người vợ nghe rồi liền thu xếp hành trang sửa soạn lên đường. Lúc đó thân tộc nghe biết tin này liền cùng nhau đến thăm hỏi, Ma-trá-la nói: "Lâu nay ta thừa sự… giống như đoạn văn trên, cho nên ta phải ra đi", thân tộc nói: "Ô-ba-đà-da sống ở đây rất tốt, xin hãy ở lại cùng với thân tộc", Ma-trá-la nói kệ:

"Trong nước bị người khinh,
Sống nước ngoài tốt nhất,
Nơi không bị khinh khi,
Là quê hương thân tộc".

Lúc đó Để-sa nói với Ma-trá-la: "Ô-ba-đà-da, tôi là khách chỉ ở tạm rồi đi, thôn ấp thầy đã thọ dụng, tôi xin giao lại cho thầy", Ma-trá-la không chịu nhận nên Để-sa nói: "Xin thầy hãy ở lại nhận một nửa thôn ấp, tôi nhận một nửa", Ma-trá-la nhận lời rồi nói với vợ: "Hiền thủ, lâu nay ta thừa sự nhà vua nhưng khi luận nạn không thắng, vua không

bảo hộ ta nữa. Để-sa lại cho ta ân huệ, giao lại cho ta một nửa thôn ấp, ta nên gả con gái cho Để-sa", người vợ nói: "Hãy đợi ý kiến của con trai lớn là Câu-sắt-sỉ-la". Sau đó Ma-trá-la nói với con trai: "Lâu nay ta thừa sự … giống như đoạn văn trên, nay ta muốn gả Xá-lị cho Để-sa", Câu-sắt-sỉ-la nói: "Để-sa là oán thù của cha, đoạt thôn ấp của cha, lẽ nào cha lại kết làm người thân", Ma-trá-la nói: "Con thật ngu si không biết gì, ý của cha mẹ con nên vâng theo", sau đó Ma-trá-la y theo lễ pháp gả con gái cho Để-sa. Lúc đó Câu-sắt-sỉ-la suy nghĩ: "Ta vì ít nghe kém học nên bị coi thường, Để-sa kia do thông luận không có đời sau mà được thắng, ta cũng nên học luận này", nghĩ rồi hỏi thăm tìm người thông hiểu luận không có đời sau để cầu học. Có người chỉ ở phương Nam, Câu-sắt-sỉ-la liền đi đến phương Nam hỏi thăm, có người chỉ đến gặp một Phạm chí tên , Câu-sắt-sỉ-la liền đến chỗ Phạm chí đó cầu học luận không có đời sau, Phạm chí nói: "Ta không truyền dạy cho người thế tục", Câu-sắt-sỉ-la vì cầu học nên theo Phạm chí xuất gia rồi lập thệ: "Nếu ta không thông hiểu luận này quyết không cắt móng tay", do nguyên nhân nay nên móng tay của Câu-sắt-sỉ-la dài dần ra, người đương thời gọi Câu-sắt-sỉ-la là Trường-trảo-phạm-chí.

Lúc đó Xá-lị về sống với Để-sa rất hạnh phúc, có một vị trời ở cõi Tịnh-cư đã trồng căn lành từ lâu sẽ thọ thân sau cùng, không còn thích sanh tử,

siêng tu cầu Niết-bàn nên ẩn thân nơi cõi trời Tịnh-cư đến thác sanh vào thai của bà Xá-lị. Lúc đó bà nằm mộng thấy có người cầm đuốc đi vào bụng mình, rồi thấy mình đi lên núi cao và bay lên hư không, lại thấy đại chúng làm lễ mình. Tỉnh dậy bà liền kể cho chồng nghe giấc mộng đó, Đề-sa tuy hiểu về sách giải mộng nhưng vẫn không giải được giấc mộng này, bèn đến chỗ vị thầy giải mộng nhờ giải, vị thầy giải mộng nói: "Đó là một giấc mộng tốt lành, sẽ sanh quý tử, năm lên mười bốn tuổi sẽ đọc tụng thông suốt các luận của Thiên đế, sau này sẽ thắng tất cả luận nạn. Thấy lên núi cao và bay lên hư không được mọi người làm lễ là người con trai này sẽ xuất gia có oai đức lớn, thành tựu đại giới được trời người cung kính". Sau khi mang thai Xá-lị luận nạn với chồng đều được thắng, Đề-sa suy nghĩ: "Trước đây ta luận nạn đều thắng Xá lị, nay Xá-lị đều được thắng, đấy chính là nhờ oai đức của thai nhi". Thời gian sau đủ ngày tháng Xá-lị sanh được một con trai, dung mạo đoan nghiêm, đủ các tướng tốt của bậc đại nhân, tôn thân tụ họp ăn mừng và muốn đặt tên cho đứa bé, người cha nói: "Nên đưa cháu đến gặp ông ngoại đặt tên", ông ngoại nói: "Nó là con của Đề-sa nên đặt tên là Ô-ba-Đề-sa", Đề-sa suy nghĩ: "Đứa bé này được đặt tên theo họ cha, ta nên thêm họ mẹ đặt tên cho nó", nghĩ rồi liền đặt tên là Xá-lợi-tử, cũng gọi là Ô-ba-Đề-sa. Xá-lợi-tử được giao cho tám bà nhũ mẫu

chăm sóc, ngày qua tháng lại đứa bé trưởng thành như hoa sen vượt lên khỏi mặt nước, học thông các môn học và cả bốn bộ Bệ-đà, năm lên mười sáu tuổi đã có thể luận nghị hàng phục được người khác. Một hôm ở trước cha đọc luận vệ đà rồi hỏi cha ý nghĩa, người cha nói không biết, Xá-lợi-tử nói: "Những bài tụng này là do các vị Cổ tiên làm ra, người đời nay tuy không hiểu nghĩa nhưng những bài tụng này không phải là không có ý nghĩa". Người cha thấy Xá-lợi-tử học vượt trội hơn mọi người nên giao cho Xá-lợi-tử dạy năm trăm học trò về Minh luận.

Lúc đó ở thôn Lâm viên có một đại thần tên là Hình-ảnh giàu có thọ dụng đầy đủ, thê thiếp tuy nhiều nhưng không có con. Vì cầu con nên ông đi khắp các thiên miếu cho đến thọ thần ở sơn lâm để cầu, cuối cùng có một vị trời với thân sau cùng đến thác sanh vào thai vợ ông. Thời gian sau đủ ngày tháng vợ ông sanh được một trai muốn đặt tên cho con, mọi người bàn: "Đứa bé này do chư thiên mang đến nên đặt tên là Câu-lý-đa (Thiên bảo), cũng gọi là Mục-kiền-liên". Người cha giao hài nhi cho tám bà nhũ mẫu chăm sóc, đến tuổi trưởng thành học thông các môn học, sáu loại pháp sự và bốn bộ Vệ đà, cũng giống như Xá-lợi-tử dạy cho năm trăm học trò về Minh luận. Tan học, năm trăm học trò này vừa đi vào thành vừa tán tụng, lúc đó năm trăm học trò của Xá-lợi-tử cũng vừa đi vào

thành vừa tán tụng, nghe năm trăm học trò kia tán tụng liền nói: "Tại sao các vị tụng sai văn luận?", hỏi: "Sai như thế nào?"… Sau đó năm trăm học trò của Xá-lợi-tử hỏi biết được là học trò của Mục-kiền-liên ở thôn Lâm viên nên tâm ý vui mừng trở về gặp thầy, thầy hỏi nguyên do không chịu nói, thầy liền nói kệ:

"Trong lòng có tình ý,
Có thể biết chuẩn xác,
Dùng thanh sắc, căn thân,
Biết giấu không thể được".

Học trò nghe rồi liền đem việc trên kể lại, thầy nghe xong nói rằng: "Những lời họ đọc tụng là văn hồi đáp đều đúng không sai". Lúc đó các học trò của Mục-kiền-liên trở về với sắc mặt không vui, thầy hỏi nguyên do không nói, gạn hỏi mới đem việc trên kể lại, thầy nghe xong nói rằng: "Theo những lời họ tán tụng thì thầy của họ là bậc thông minh trí huệ, trường luận, đoản luận, thúc văn, dẫn văn đều cực kỳ xảo diệu", hai bậc thầy này qua học trò đều muốn gặp mặt để hiểu biết nhau. Lúc đó Ô-ba-Đề-sa đến gặp cha xin được đến thôn Lâm viên, người cha hỏi nguyên do liền đáp là muốn được gặp người con trai của vị đại thần Hình-ảnh tên là Câu-lý-đa, người cha nói: "Trí huệ của người ấy có thể thắng con", Ô-ba-Đề-sa nói: "Trí huệ không thắng nhưng nhà giàu có được mọi người tôn trọng", liền nói kệ:

"Tôn trọng người cao niên,
Người giàu có cũng vậy,
Người học rộng nghe nhiều,
Đáng tôn trọng thừa sự".

Người cha nghe rồi liền nói: "Nếu người ấy đến đây, ta có thể truyền dạy, nhưng con không nên đến đó". Lúc đó Câu-lý-đa cũng đến xin phép cha đi đến thôn Na-thích-đà, người cha hỏi nguyên do, đáp là muốn gặp người con của Bà-la-môn Để-sa tên là Ô-ba-Để-sa, người cha nói: "Họ giàu hơn con không?", đáp là không giàu hơn nhưng trí huệ hơn, liền nói kệ:

"Niên trưởng đáng tôn trọng,
Người học nhiều cũng thế,
Hoặc người nhiều tiền của,
Đều tôn trọng thừa sự".

Người cha nghe rồi liền nói: "Nếu người ấy đến đây, con nên tặng tài vật nhưng con không nên đến đó".

Thời gian sau, trong thành Vương-xá có lễ hội, theo pháp vua hoặc vua tự đến hoặc sai Thái-tử đến. Lúc đó vua có việc riêng nên sai Thái-tử Vị-sanh-oán đến, đại thần Hình-ảnh nghe biết liền suy nghĩ: "Vua Ảnh-thắng băng hà thì Thái-tử sẽ kế vị, Câu-lý-đa sẽ thừa sự làm Thần tử", nghĩ rồi liền bảo con: "Con nên đến chỗ lễ hội bố trí bốn tòa ngồi: Tòa vua, tòa đại thần, tòa âm thanh và tòa

Bà-la-môn; con nên ngồi trên tòa Đại thần thứ hai ". Lúc đó Để-sa cũng hay tin này liền bảo con: "Con nên đến chỗ lễ hội, thấy bốn tòa ngồi thì con nên để bình bát và tích trượng ở tòa ngồi thứ ba, còn con nên ngồi tòa thứ tư. Từ sáng đến chiều các luận sư đã có trong lễ hội đều sẽ không bằng con". Ô-ba-để-sa vâng lời cha ngồi ở tòa thứ tư, trong lúc mọi người tấu nhạc tán ca, Ô-ba-Để-sa đều ngồi im lặng nên mọi người bàn tán: "Người này chắc là Đại ngu, nếu không phải Đại ngu thì là bậc Đại trí". Khi âm nhạc dừng, Câu-lý-đa hỏi Ô-ba-Để-sa: "Bạn có nghe thấy mọi người tấu nhạc tán ca không?", đáp: "Tôi chánh nội quán nên không nghe thấy", liền nói kệ:

"Da gân chết tấu nhạc,
Làm mọi người vui vẻ,
Vô thường mau như xe,
Người trí biết không vui",

Câu-lý-đa nghe rồi liền hỏi: "Bạn có phải là Ô-ba-Để-sa không?", đáp phải, bèn hỏi lại: "Bạn có nghe thấy họ tấu nhạc tán ca không?", đáp: "Tôi chánh nội quán nên không nghe thấy", liền nói kệ:

"Tất cả loại chuỗi ngọc,
Trang sức làm nặng thân,
Thân chuyển động nhảy múa,
Đều nhiếp thuộc hư dối,
Ca hát làm trò vui,
Cũng như tiếng la hét,

Tất cả đều vô thường,
Nghĩ đến có gì vui".

Ô-ba-Đề-sa nghe rồi liền hỏi: "Bạn có phải là Câu-lý-đa không?", đáp phải, Ô-ba-Đề-sa nói: "Tôi vì bạn nên đến đây, bạn hãy cùng tôi xuất gia", Câu-lý-đa nói: "Những việc tế tự, tế thần lửa, cầu phúc, tu khổ hạnh… tôi đều thông hiểu; tôi lại là con của bậc đại thần thường cỡi voi đi, tại sao lại phải xuất gia?", Ô-ba-Đề-sa nói kệ:

"Khi cây sắp muốn ngã,
Nhánh lá không chống nổi,
Chết đến cũng như vậy,
Tài sản nào cứu được .

Bạn hãy đến cùng tôi xuất gia", Câu-lý-đa nói: "Tôi phải hỏi cha mẹ", Ô-ba-Đề-sa nói tốt lắm. Sau đó Câu-lý-đa đến xin phép cha mẹ cho đi xuất gia, người cha nói: "Những việc tế tự, tế thần lửa, cầu phúc, khổ hạnh con đều thông hiểu, con lại là con của Đại thần cỡi voi đi, tương lai sẽ là đại thần, vì sao phải xuất gia?", Câu-lý-đa nói kệ:

"Thà ở trong rừng mặc vỏ cây,
Ở chung với thú, ăn trái cây,
Không bận quốc sự, khỏi ràng buộc,
trí không làm việc đáng lo".

Người cha nói: "Cha chỉ có mình con thương yêu biết bao, nhưng ý nguyện của con kiên quyết như thế thì cha cũng chấp thuận cho con xuất gia".

Lúc đó các bạn của Câu-lý-đa đều đến cùng Câu-lý-đa phát thắng tâm, sách tấn thân ý đi đến thôn Na thích đà hỏi thăm Ô-ba-Để-sa, người trong thôn nói: "Ô-ba-Để-sa đang ở nơi A-lan-nhã dạy cho năm trăm học trò đọc tụng thần chú Phạm tĩnh". Sau khi gặp nhau, Ô-ba-Để-sa hỏi Câu-lý-đa: "Bạn đã được cha cho xuất gia rồi sao?", đáp là đã cho, Ô-ba-Để-sa nói: "Bạn hãy tạm chờ, tôi cũng đi xin phép cha mẹ rồi sẽ trở lại ngay", nói rồi Ô-ba-Để-sa đến xin phép cha mẹ, người cha chấp thuận cho con xuất gia, Ô-ba-Để-sa trở lại gặp Câu-lý-đa nói là cha mẹ đã cho phép, Câu-lý-đa hỏi tại sao mau như thế, Ô-ba-Để-sa nói: "Không phải chỉ hôm nay mà đã năm trăm đời, tôi đã từng xuất gia lại từng phát nguyện sanh đến nơi không quá sang cũng không quá hèn, gia cảnh bình thường, gia sự đơn giản nên mau trở lại", Câu-lý-đa nói: "Còn tôi thuộc dòng tộc cao quý, muốn xuất gia không thể tùy nghi. Chúng ta hãy cùng thành vua yết kiến các vị tịnh phạm". Lúc đó Lục sư ngoại đạo ở trong thành đều tự cho mình đã đắc thần thông, tự tại vô ngại; Ô-ba-Để-sa cùng Câu-lý-đa đến chỗ lục sư Bộ thích noa hỏi: "Nhân giả hành pháp nhãn gì, tu tập giáo pháp gì, chứng đắc quả gì và nếu trì phạm hạnh sẽ được thù thắng gì?", đáp: "Ta thấy biết như vầy và nói học thuyết như vầy: không bố thí, không ái, không kiến, không cúng tế, không có thiện hạnh, Không có ác hạnh, không có quả dị thục của

nghiệp báo thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có mẹ, không có hữu tình hóa sanh. Trên thế gian không có A-la-hán chánh hạnh chánh thành tựu. Nếu người nơi đời này, đời sau ở nơi pháp của mình chứng được thần thông, nói là được viên thành rằng: sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, chỗ làm đã xong, không còn thọ thân sau; thì chỉ thọ đời này, đoạn dứt đời sau, chết là hết, bốn đại giả hợp tạm gọi là thân, khi chết bốn đại trở về chỗ ban đầu là Không giới thứ năm. Các căn biến đổi, đem tử thi hỏa thiêu, cháy thành tro trắng thì không còn gọi là người nữa. Hiểu như vậy rồi, người trí hành bố thí và người thọ thí nếu ai nói có thì đều là vọng thuyết, hư thuyết, kẻ đó là ngu muội; còn người trí biết rõ đều là đoạn hoại, không có thân sau". Câu-lý-đa và Ô-ba-Để-sa nghe rồi liền suy nghĩ: "Vị thầy này trụ nơi phi đạo, hành sự phi trí; người trí không nên theo học và tu theo đạo này", liền nói kệ:

"Tà giải không nói đúng,
Ưa thích pháp thấp kém,
Nếu Thiện giáo như thế,
Phi pháp sẽ thế nào?".

Cả hai biết rõ những lời đó như đánh vào vật khí rỗng, liền bỏ đi đến chỗ lục sư Mạt yết lỵ cù xà ly tử hỏi giống như đã hỏi vị trước, vị này đáp: "Ta nhận biết như vầy và nói học thuyết như vầy: Hữu tình thọ khổ không nhân không duyên, được an

tịnh cũng không nhân không duyên, được an tịnh tự nhiên không do nhân duyên. Hữu tình không có trí huệ, không có tri kiến đều không do nhân duyên; hữu tình có trí huệ, có tri kiến cũng không do nhân duyên, trí huệ tự nhiên cũng không do nhân duyên. Không lục, không tinh tấn, không trượng phu, không có hình hài của ta, không có hình hài của kẻ khác, không có hành động của ta, không có hành động của người. Tất cả hữu tình, tất cả sinh mạng, tất cả loài không có trú xứ, không có chỗ ở, không có quan niệm chính xác về chánh đạo, về chỗ quy y của hữu tình, về khổ lạc, về giác ngộ, đó là sáu nẻo chúng sanh". Cả hai nghe rồi suy nghĩ: Bậc thầy này trú nơi phi đạo, tu theo tà đạo; bậc trí giả nên xa lìa", liền nói kệ:

"Tà giải không nói đúng,
Ưa thích pháp thấp kém,
Chánh pháp đã như vậy,
Phi pháp sẽ thế nào?"

Cả hai biết rõ những lời nói đó như đánh vào vật khí rỗng, liền bỏ đi đến chỗ lục sư San-thệ-di tỳ thích tri tử hỏi giống như đã hỏi hai vị trước, vị này đáp: "Ta thấy biết như vầy và có học thuyết như vầy: Nếu cần giết người thì cứ giết và bảo người giết; cần tự đốt hay bảo người đốt, chặt, hại… cũng như vậy. Không cho mà nên lấy, nên hành tà dục, nên nói dối, nên uống rượu; nếu dùng dao ben chém chết người nhiều như núi, chất lại

thành đống cũng không có tội hay quả báo gì cả. Ở phía nam sông Hăng sát sanh, qua phía bắc sông Hằng cúng tế làm hội thí, Cả hai đều không có tội phúc. Đối với các pháp bố thí, trì giới … bốn Nhiếp pháp không làm thì được quả báo lớn", Cả hai nghe rồi liền suy nghĩ: "Thuyết này là phi lý, đều là tà giáo, người trí nên từ bỏ", liền nói kệ:

"Tà giải không nói đúng,
Ưa thích pháp thấp kém,
Chánh pháp đã như vậy,
Phi pháp sẽ thế nào?"

Cả hai biết rõ những lời nói này như đánh vào vật khí rỗng, liền bỏ đi đến chỗ Lục sư A-thị-đa-kê-xá-cam-bạt-la-tử hỏi như đã hỏi các vị trên, vị này đáp: "Ta thấy biết như vầy và có học thuyết như vầy: Có bảy thân là địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc và mạng; bảy thân này đều không có năng tác, không có sở tác, không có năng hóa, không có sở hóa, không có tổn hại, tích tụ an trụ như những cây sao đỡ lẫn nhau, chúng đều không sanh và không thay đổi cho đến chúng không hại nhau. Tội hay phước hay cả tội phước, khổ hay lạc hay cả khổ lạc, ở trong bảy thân này thân nào là trượng phu có thể hại nhau, người giết hay kẻ bị giết đều không có chủ tể, không hoại thế gian. Mạng nơi sáu thân, ở các khiếu cùng sáu thân làm chủ, rốt cuộc không tổn hại, trong đó cũng không hại nhau cũng không đấu tranh. Không có người ngộ, cũng không có

phát ngộ, cũng không nhớ nghĩ, không có người tỉnh thức, không có biểu thị và người biểu thị. Tất cả có một vạn bốn ngàn sáu trăm môn phát thú độ lấy làm thượng thủ; lại có năm nghiệp, ba nghiệp là năng tác, hai nghiệp là sở tác; cũng có toàn nghiệp, cũng có bán nghiệp. Có sáu mươi bốn ngàn thân thuộc, sáu mươi trung kiếp, một trăm ba mươi Na thích ca các căn; lại có một trăm ba mươi sáu bịnh giới, có bốn mươi chín ngàn quyến thuộc của rồng, bốn mươi chín ngàn diệu súy điểu, bốn mươi chín ngàn quyến thuộc của ni kiền tử, bốn mươi chín ngàn quyến thuộc của ngoại đạo. bảy lần Có là một kiếp, bảy lần Không là một kiếp, bảy đời A-tô-la, bảy đời Ty-xá-già, bảy Thiên-cư, bảy Nhân gian, bảy ao lớn, bảy ao nhỏ, bảy mộng lớn, bảy trăm mộng nhỏ, bảy hầm hố lớn, bảy trăm hầm hố nhỏ, bảy đại ngộ, bảy trăm tiểu ngộ, sáu đoan nghiêm sanh, mười tăng trưởng. Về phía trượng phu là tám muôn bốn ngàn đại kiếp, trong đó kẻ ngu người trí đều phải luân chuyển qua rồi mới đoạn hết khổ và được giải thoát. Như lấy chỉ cột vào một vật nặng thả xuống đến hết chỉ, kẻ ngu người trí cũng vậy, đều phải trải qua tám muôn bốn ngàn kiếp lưu chuyển trong sanh tử đến hết kiếp mới được giải thoát. Trong đây nếu có Sa môn, Bà-la-môn nào nói rằng: Tôi giữ giới cấm này, cần khổ tu phạm hạnh, người chưa thành thục sẽ làm cho thành thục, người đã thành thục thì hết khổ đắc

quả. Nếu ai nói lời này là không có lý, vì khổ vui thường trú, không có tăng giảm, không thể biết được. Tôi nói biết rõ sanh tử là thật không hư". Cả hai nghe rồi liền suy nghĩ: "Vị thầy này trụ nơi phi đạo, người trí nên xa lìa", liền nói kệ giống như văn kệ trên. Cả hai đều biết rõ những lời nói này như đánh vào vật khí rỗng, liền bỏ đi đến chỗ Nật-yết-lan-đà-tử hỏi như đã hỏi các vị trên, vị thầy này đáp: "Ta thấy biết như vầy và có học thuyết như vầy: Tất cả quả báo mà hữu tình thọ nhận đều là do nghiệp đời trước, nghiệp ác trong quá khứ nếu nay tu phạm hạnh sẽ được hết khổ; nay tu nghiệp thiện, do nhân duyên này sẽ được thiện quả, không tạo nghiệp ác nữa sẽ được lậu tận, lậu đã tận rồi, nghiệp khổ không còn, nghiệp khổ hết thì được giải thoát". Cả hai nghe rồi liền suy nghĩ: "Những lời của vị thầy này nói đều là phi đạo, người trí nên xa lìa", liền nói kệ giống như văn kệ trên. Cả hai đều biết rõ những lời nói này như đánh vào vật khí rỗng nên bỏ đi.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA XUẤT GIA SỰ

QUYỂN 2

CÓ DUYÊN ĐỘ XÁ LỢI TỬ VÀ MỤC KIỀN LIÊN

Lúc đó Câu-lý-đa và Ô-ba-Để-sa đến chỗ vị giáo sư tên là San-the-di, hỏi mọi người: "Vị sư ấy tĩnh tọa ở đâu?", vị sư này đang ở trong phòng nghe rồi suy nghĩ: "Ta ở đây đã lâu nhưng không nghe ai dùng từ tĩnh tọa này". Cả hai biết vị sư đó đang tĩnh tọa nên không muốn làm kinh động, bèn ẩn ở chỗ khuất đợi vị sư ấy xuất định. Sau đó San-thệ-di xuất định, các căn thanh tịnh, Cả hai đến gặp và hỏi: "Nhân giả có pháp nhãn gì, khai thị những gì, có thù thắng gì, tu phạm hạnh gì và được quả gì?", San-thệ-di đáp: "Ta thấy biết như vầy: Chân thật không nói dối, không làm hại chúng sanh, thường không sanh tử, không đọa, không diệt sẽ được sanh lên hai cõi trời Phạm". Cả hai hỏi: "Học thuyết này có nghĩa gì?", liền đáp: "Không nói dối gọi là xuất gia, không làm hại chúng sanh là cùng tất cả pháp lấy làm căn bản. Không sanh, không tử, không đọa, không diệt là Niết-bàn; sanh lên hai cõi trời Phạm

là chỗ mà các Bà-la-môn đã tu phạm hạnh đều mong đạt đến". Cả hai nghe rồi liền xin được xuất gia tu phạm hạnh, San-thệ-di liền cho Cả hai xuất gia, sau khi Cả hai xuất gia mọi người nghe biết đều mang phẩm vật đến dâng cúng nên San-thệ-di được rất nhiều lợi dưỡng. Ông liền suy nghĩ: "Vọng tộc xa xưa của ta thuộc dòng họ Kiều trần, nay ta cũng họ Kiều trần, nhưng ta được nhiều lợi dưỡng lại là do phúc đức của hai người đệ tử, không phải do phúc đức của ta". San-thệ-di vốn có năm trăm đệ tử thường dạy cho họ luận điển, nay chia cho Câu-lý-đa và Ô-ba-Để-sa mỗi người một nửa đệ tử của mình để thay mình dạy giáo pháp cho họ. Thời gian sau San-thệ-di mắc bịnh, Ô-ba-Để-sa bảo Câu-lý-đa tìm y dược chữa trị nhưng uống vào bịnh càng nặng thêm, lúc đó San-thệ-di bỗng miệng mỉm cười, Ô-ba-Để-sa nói: "Bậc đại nhân mỉm cười ắt có nhân duyên, xin hỏi thầy mỉm cười là có nhân duyên gì?", San-thệ-di nói: "Quả thật ta mỉm cười là có duyên do, ở Kim châu có vị vua tên là Kim chủ, ông ta qua đời, khi sắp hỏa thiêu vợ ông ta cũng tự thiêu theo. Chúng sanh ngu si bị dục lôi kéo, dục tình đắm nhiễm nên chịu khổ não này", Ô-ba-Để-sa hỏi là vào ngày tháng năm nào, San-thệ-di liền nói rõ ngày tháng năm, Ô-ba-Để-sa liền ghi lại rồi nói: "Chúng con xuất gia vì cầu đoạn sanh tử, thầy đã đạt được, xin chỉ dạy cho chúng con", đáp: "Ta xuất gia cũng vì cầu việc này, nhưng

điều các ngươi thỉnh cầu ta vẫn chưa đạt được. Vào ngày Bao sái đa có các thiên chúng ở trong hư không nói rằng: Trong dòng họ Thích có sanh một đồng tử, tại núi Tuyết có sông tên Phân lộ, trên bờ sông là trú xứ của tiên nhơn Kiếp-tỷ-la có một Bà-la-môn thông thiên văn và xem tướng. Vị này tiên đoán đồng tử này nếu không xuất gia sẽ là Chuyển luân Thánh vương, nhưng nếu xuất gia sẽ chứng Như lai Chánh đẳng chánh giác danh vang khắp mười phương. Các con nên xuất gia trong giáo pháp của vị ấy để tu phạm hạnh, không nên ỷ dòng họ tôn quý, phải siêng tu phạm hạnh, điều phục các căn, các con sẽ đắc quả vi diệu nơi vị ấy, không họ sanh tử nữa", liền nói kệ:

"Tích tụ đều tiêu tán,
Cao ngất ắt rơi rớt,
họp ắt biệt ly,
Có mạng đều phải chết".

Không bao lâu sau San-thệ-di qua đời, các đệ tử dùng lụa màu xanh, vàng đỏ trắng tẩm liệm rồi đem vào trong rừng hỏa thiêu. Lúc đó ở Kim châu có một Bà-la-môn tên là Kim phát đi đến thành Vương-xá gặp Ô-ba-Để-sa, Ô-ba-Để-sa hỏi biết được là từ Kim châu đến liền hỏi ở đó có việc gì hi hữu không, đáp: "Không có việc gì hi hữu, chỉ có vua Kim chủ chết, khi đem đi hỏa táng, vợ ông cũng tự thiêu theo", Ô-ba-Để-sa liền hỏi rõ ngày tháng rồi kiểm tra lại mới biết là đúng như lời thấy

đã nói, Câu-lý-đa nói: "Thầy ta đã chứng diệu pháp nhưng lại không dạy bí pháp cho chúng ta, nếu thầy không chứng được pháp nhãn thiên nhĩ thì làm sao biết phương ấy có việc như thế", tuy nói như thế nhưng Câu-lý-đa lại nghĩ là Ô-ba-Đề-sa chắc đã được diệu pháp từ thầy nên nói với Ô-ba-Đề-sa: "Chúng ta cùng lập thệ: Ai chứng được pháp thượng diệu trước thì sẽ độ cho người kia", lập thệ rồi cùng du hành trong nhân gian.

Lúc đó Bồ tát đã hai mươi chín tuổi đang ở trong cung hưởng thọ ngũ dục lạc, do thấy cảnh sanh già bịnh chết nên nửa đêm vượt thành đến trong rừng già tu khổ hạnh sáu năm nhưng không đạt được gì. Bồ tát tự điều hòa hơi thở rồi thọ dụng sữa lạc…, dùng tô dầu thoa thân và tắm bằng nước thơm, sau đó đến tụ lạc Quân doanh nhận cháo sữa của hai mục nữ tên Hoan-hỉ và Hoan-hỉ lực dâng cúng. Sau đó có một người tên là Thường trụ đưa cho Bồ tát bó cỏ Cát tường, Bồ tát trải cỏ này dưới cội cây Bồ đề, chánh thân đoan tọa và phát thệ nguyện: "Nếu ta không đoạn tận các lậu, quyết sẽ không rời khỏi tòa này". Lúc đó Bồ tát chưa chứng ngộ nên phải hàng phục ba mươi sáu vạn câu chi ác ma và trăm ngàn quỷ thần là quyến thuộc của ác ma. Bồ tát dùng áo giáp và trượng Từ bi hàng phục quân ma rồi liền chứng được Chánh giác bồ đề vô thượng. Lúc đó có Phạm thiên đến thỉnh Phật thuyết pháp, Phật đến thành Bà-la-nê-tư ba lần

chuyển pháp luân, trong hội này người nghe pháp có hơn năm mươi người con của Đại thần, nghe pháp rồi đều xin xuất gia và thọ Cận viên. Sau đó Phật đến thôn Bạch điệp lâm, nơi đây có sáu mươi người kết làm bạn thân sau khi nghe Phật thuyết pháp đều phát tâm chánh tín. Kế đó Phật đến thôn Quân trụ, nơi đây có hai người con gái của trưởng thôn tên là Nan-đà và Nan-đà-bà-la, sau khi nghe Phật thuyết pháp đều sanh tâm chánh tín. Kế đó Phật đến bên ao Ưu lâu tần loa, nơi đây có vị Đại tiên tên là Ca-nhiếp và một ngàn đệ tử nghe Phật thuyết pháp rồi đều xin xuất gia và thọ cận viên. Kế đó Phật đến đỉnh Già-da chỗ Chế-để, thị hiện ba loại thần biến để nhiếp phục Già-da Ca-diếp được trụ nơi Viên tịch. Sau đó Phật đến Trượng lâm nước Ma-kiệt-đà thuyết pháp khiến cho vua Ảnh-thắng được thấy Chơn đế, cùng tám vạn thiên chúng và Bà-la-môn cư sĩ nước Ma-kiệt-đà đến thành Vương-xá trụ ở Trúc-lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca. Lúc đó Ô-ba-Để-sa và Câu-lý-đa đang du hành trong nhân gian, khi đến thành Vương-xá thấy trong thành tịch tĩnh tự nghĩ: "Có hai nhân duyên khiến trong thành kia tịch tĩnh: Có oán tặc làm cho sợ hãi hoặc có Bà-la-môn đại oai đức", nghĩ rồi liền đi quán sát thì thấy không có oán tặc làm cho sợ hãi, liền biết là có bậc đại oai đức ở trong thành. Lúc đó Phật quán biết hai người dị học này đã ở chỗ chư Phật quá khứ gieo trồng thiện căn

sâu dày, cũng như ung nhọt đã muồi gặp duyên liền vỡ được lành, hai người này cũng vậy nay căn cơ đã đến lúc chín muồi được hóa độ. Phật lại quán căn khí của hai người này làm sao được độ, có duyên với ai và ở chỗ nào; liền quán biết hai người này sẽ phát tâm nơi người có đầy đủ luật nghi. Phật liền bảo Bí-sô Mã-thắng đến độ: "Thầy nên đến nhiếp thọ hai người ấy", Mã-thắng vâng lời Phật dạy đảnh lễ rồi đi. Sáng hôm sau, Mã-thắng đắp y mang bát vào thành Vương-xá theo thứ lớp khất thực với oai nghi thư thái, đoái nhìn như Ngưu vương. Lúc đó Ô-ba-Để-sa nhìn thấy Mã-thắng oai nghi thư thái liền khen ngợi là chưa từng có và nghĩ: "Những người xuất gia đã có trong thành không thể so sánh với vị này được, ta nên hỏi vị ấy đã xuất gia từ nơi ai, đã học pháp gì và thầy là ai", nghĩ rồi liền đứng bên đường đợi tôn giả, khi tôn giả đến gần liền hỏi: "Ai là thầy của tôn giả, tôn giả đã học pháp gì và xuất gia từ nơi ai?", Mã-thắng nói: "Đại sư của tôi thuộc chủng tộc Thích ca là sa môn Kiều-đáp-ma đã chứng Chánh đẳng bồ đề vô thượng. Vị ấy là thầy tôi, tôi nương nơi vị ấy cạo bỏ râu tóc xuất gia, học giáo pháp, tu phạm hạnh", Ô-ba-Để-sa nói: "Rất mong tôn giả thuyết giảng cho tôi nghe", Mã-thắng nói: "Giáo pháp của Như lai sâu xa vi diệu, khó hiểu khó biết. Tôi mới xuất gia không thể giảng giải hết, cũng không thể ghi nhớ hết, chỉ nói sơ lược nghĩa mà thôi", Ô-ba-Để-

sa nói: "Cúi xin lược nói", Mã-thắng nói kệ:

"Các pháp từ Duyên khởi,
Như lai nói là Nhân,
Pháp kia Nhân duyên diệt (tận),
Là Đại sa môn nói".

Vừa nghe kệ xong, Ô-ba-Đề-sa liền xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn, thấy được pháp rồi tâm không còn nghi hoặc, không còn sợ hãi, chắp tay cung kính nói: "Đấy chính là chánh pháp, ai trú pháp này sẽ không còn đọa lạc, đây là chỗ vô ưu, con từ vô lượng kiếp đến nay chưa được nghe pháp yếu thâm diệu như thế này. Xin hỏi tôn giả Đại sư hiện nay đang ở nơi đâu?", Mã-thắng nói: "Đại sư đang ở Trúc-lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương-xá", Ô-ba-Đề-sa nghe rồi Hoan-hỉ liền cung kính đi nhiễu ba vòng, cáo từ tôn giả Mã-thắng để đến chỗ Câu-lý-đa. Câu-lý-đa từ xa thấy Ô-ba-Đề-sa đi đến liền hỏi: "Hôm nay dung mạo của bạn tươi sáng khác thường, phải chăng đã được diệu pháp cam lồ?", Ô-ba-Đề-sa khen nói đúng rồi đem việc trên kể lại và nói lại bài kệ trên, Câu-lý-đa nghe rồi liền yêu cầu Ô-ba-Đề-sa nói lại một lần nữa, Ô-ba-Đề-sa nói lại kệ:

"Các pháp từ Duyên khởi,
Như lai nói là Nhân,
Pháp kia Nhân duyên diệt (tận),
Là Đại sa môn nói".

Vừa nghe kệ xong, Câu-lý-đa liền xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn, thấy được pháp rồi tâm không còn nghi hoặc, không còn sợ hãi, chắp tay cung kính nói: "Đấy chính là chánh pháp, ai trú pháp này sẽ không còn đọa lạc, đây là chỗ vô ưu, tôi từ vô lượng kiếp đến nay chưa được nghe pháp yếu thâm diệu như thế này. Bạn có biết Đại sư hiện nay đang ở nơi đâu không?", đáp: "Đại sư đang ở Trúc-lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương-xá", Câu-lý-đa nói: "Chúng ta nên cùng đi đến chỗ Phật xuất gia tu phạm hạnh", Ô-ba-Để-sa bằng lòng, Câu-lý-đa nói: "Chúng ta nên hỏi các đệ tử có muốn cùng đi hay không", Ô-ba-Để-sa nói: "Lành thay, bạn là bậc danh đức mọi người đều nghe biết danh, bạn nên hỏi các đệ tử", Câu-lý-đa hỏi các đệ tử: "Nay tôi cùng Ô-ba-Để-sa đến chỗ Phật xuất gia tu phạm hạnh, ý các ngươi như thế nào?", đáp: "Sở học của chúng con đều do thầy truyền thọ, nay thầy theo Phật xuất gia, chúng con cũng theo Phật xuất gia", Câu-lý-đa khen lành thay. Lúc đó Ô-ba-Để-sa và Câu-lý-đa cùng các đệ tử của mình đi đến chỗ Phật, từ xa trông thấy Bí-sô Mã-thắng ngồi dưới gốc cây cách chỗ Phật không xa, Ô-ba-Để-sa hỏi Câu-lý-đa: "Chúng ta nên đến lễ Phật trước hay lễ Ô-ba-đà-da trước?", Câu-lý-đa nói: "Nên lễ Ô-ba-đà-da trước", nói rồi Cả hai đến đảnh lễ Bí-sô Mã-thắng. Lúc đó trong chúng của Như lai có một Bà-la-môn trước đây thờ thần mặt trăng, Thế tôn

vì người này nói kệ:

"Người nào tỏ ngộ pháp,
Không luận trẻ hay già,
Đều phải cung kính họ,
Như mặt trăng mới mọc".

Lại có một Bà-la-môn thờ lửa, Thế tôn cũng vì người đó nói kệ:

"Người nào tỏ ngộ pháp,
Không luận trẻ hay già,
Đều phải cung kính họ,
Như lửa tịnh vật uế".

Đảnh lễ tôn giả xong, Cả hai cùng đến chỗ Phật, lúc đó Thế tôn đang nói pháp cho vô lượng trăm ngàn chúng Bí-sô trước sau vây quanh, Thế tôn từ xa trông thấy nhóm thầy trò Ô-ba-Để-sa và Câu-lý-đa đi đến liền bảo các Bí-sô: "Các thầy có thấy hai người thượng thủ trong nhóm đang đi đến không?", đáp thấy, Thế tôn nói: "Hai người ấy ở trong giáo pháp của ta xuất gia tu đạo sẽ là bậc nhất về thần thông và trí huệ trong chúng Thanh văn". Ô-ba-Để-sa và Câu-lý-đa đến đảnh lễ Phật rồi bạch Phật: "Thế tôn, cúi xin cho chúng con xuất gia và thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô tu trì phạm hạnh trong thiện pháp luật này", Phật nói: "Thiện lai Bí-sô, tu hành phạm hạnh". Phật vừa nói xong, Cả hai đều râu tóc tự rụng, thân mặc ca sa như đã từng cạo tóc, trải qua bảy ngày đầy đủ oai nghi như Bí-sô

một trăm tuổi hạ. Nhiếp tụng:

"Thế tôn bảo thiện lai, Các căn liền tịch tĩnh, Tóc rụng, mặc pháp y, Oai nghi như một trăm hạ".

Sau đó có nhiều Bí-sô đắp y mang bát vào thành theo thứ lớp khất thực, trong thành có nhiều đệ tử của San-thệ-di thấy các Bí-sô liền chê cười, nói kệ:

"Phật ở thành Vương-xá,
Ma-kiệt-đà tối thắng,
San thệ đều độ hết,
Nay Phật sẽ độ ai".

Các Bí-sô nghe rồi oai đức liền mất, trong lòng không Hoan-hỉ, khất thực xong trở về trú xứ thọ thực rồi đến chỗ Phật đem việc trên kể lại, Phật nói: "Nếu họ nói như vậy thì các thầy nên nói kệ đáp lại:

Hễ độ phải như pháp,
Thế tôn dạy là chánh,
Các ngươi có biết không,
Phật độ là y pháp".

Nếu các thầy đáp lại như thế, họ không còn oai đức sẽ im lặng bỏ đi". Hôm sau các Bí-sô đắp y mang bát vào thành khất thực cũng gắp các đệ tử của San-thệ-di chê cười nói kệ như trên, liền nói kệ đáp lại:

"Hễ độ phải như pháp,
Thế tôn dạy là chánh,

Các ngươi có biết không,
Phật độ là y pháp",

Họ nghe kệ xong liền mất oai đức, im lặng bỏ đi.

Thời gian sau, vợ chồng Bà-la-môn Ma-trá-la qua đời, vợ chồng Bà-la-môn Để-sa cũng qua đời, Câu-sắt-sỉ-la từ phương Nam mang luận Vô hậu thế về đến thôn na thích đà, người giữ cổng trông thấy liền hỏi: "Ông có phải là Câu-sắt-sỉ-la không?", đáp phải rồi hỏi: "Bà-la-môn Ma-trá-la nay ở đâu?", đáp là đã chết, lại hỏi: "Vợ chồng Để-sa nay ở đâu?", cũng đáp là đã chết, lại hỏi: "Xá-lợi-tử nay ở đâu?", đáp là đã xuất gia ở chỗ Đại sư San-thệ-di. Câu-sắt-sỉ-la nghe rồi liền đi vào thành Vương-xá hỏi thăm San-thệ-di nay ở đâu, mọi người đáp: "Đại sư đã qua đời, các đệ tử của ông đều đến chỗ sa môn Kiều-đáp-ma xuất gia". Câu-sắt-sỉ-la nay là phạm chí Trường trảo nghe rồi liền đi đến chỗ Phật, gặp Phật nói rằng: "Này sa môn Kiều-đáp-ma, tất cả ngã và pháp, tất cả thấy biết đều là tôi không ham muốn. Việc thờ lửa đã có là thấy như vầy và nói như vầy: Theo tôi thấy đều nên trừ bỏ hết, cũng xa lìa sự thay đổi, nếu từ bỏ cái thấy này thì không chấp thủ tương tục và không chấp thủ cái thấy biết khác. Này sa môn Kiều-đáp-ma, tôi thấy như vầy và hiểu như vầy: Việc mà thế gian thấy biết phần nhiều trái với việc thờ lửa; thấy và hiểu như vậy đều là trú ở đạo này. Sa môn Kiều-

đáp-ma có thấy và hiểu như vậy không?. Lại nữa, người thờ lửa nói: Nếu Sa môn, Bà-la-môn bỏ được thấy biết này, không chấp thủ thấy biết khác, người ấy mới là chân Sa môn, Bà-la-môn. Lại nữa người thờ lửa nằm trong ba kiến giải: Một là tất cả không ham muốn, hai là tất cả ham muốn, ba là tất cả nguyện không ham muốn….", cho đến câu Trường trảo xuất gia. Phật bảo các Bí-sô: "Trong các đệ tử Thanh văn của ta, bậc minh giải thông lợi hơn cả chính là Bí-sô Câu-sắt-sỉ-la".

Lúc đó Xá-lợi-tử đoạn trừ hết phiền não chứng quả A-la-hán, các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, tôn giả Xá-lợi-tử trước đây đã tạo hạnh nghiệp gì, nhờ hạnh nghiệp ấy mà nay được trí huệ thông lợi, trí huệ sâu xa, trí huệ không nghi hoặc?", Phật nói: "Này các Bí-sô, Xá-lợi-tử trước kia tạo nghiệp nay trở lại tự thọ quả báo, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại một thôn nọ, có một Bà-la-môn cưới vợ chưa bao lâu sanh được một trai, không bao lâu sau lại sanh thêm một gái, khi Cả hai trưởng thành thì cha mẹ đều qua đời vì bịnh. Đồng tử buôn thương nên muốn vào rừng núi ở, liền dẫn em gái vào trong rừng hái lượm hoa quả để chống chỏi qua ngày.

Này các Bí-sô, ví như rắn độc có năm điều đáng sợ: Một là nhiều sân, hai là nhiều hận, ba là làm ác, bốn là không biết ân nghĩa, năm là lợi độc. Người

nữ cũng vậy, có năm điều xấu như trên, sao gọi là người nữ lợi độc? Tức là người nữ phần nhiều ôm lòng dục mạnh mẽ.

Lúc đó người em gái tuổi đã trưởng thành, tâm dục cũng phát triển nói với người anh: "Em không thể ở trong rừng ăn hoa quả để sống, chúng ta hãy rời khỏi nơi đây đến sống cùng mọi người, tìm cầu thức ăn thức uống". Người anh bèn đưa em ra khỏi rừng, đến một nhà Bà-la-môn khất thực, Cả hai gọi cửa, chủ nhà bước ra nhìn thấy rồi hỏi: "An sĩ cũng có vợ hay sao?", người anh nói: "Đây không phải là vợ, mà là em gái tôi", chủ nhà hỏi: "Em gái ông đã có chỗ nào chưa?", người anh nói: "Chưa có", chủ nhà nói: "Nếu vậy ông hãy gả em gái cho tôi", người anh nói: "Em tôi đã tránh xa pháp ác thế gian", người em gái với tâm dục hừng thạnh liền nói với anh: "Em không thể ở trong rừng ăn hoa quả để sống, em cũng không chịu đựng được bị phiền não bức bách. Chúng ta hãy từ bỏ núi rừng trở về cùng sống với mọi người, anh nên gả em cho vị Bà-la-môn này", người anh nói: "Ta thật không thể đem gả em vì đây là pháp ác, không phải là việc làm của ta nhưng em có tâm thế tục thì em muốn làm gì tùy ý". Bà-la-môn biết tâm ý của người em gái bèn dẫn vào nhà, họp thân tộc cùng làm lễ cưới rồi nói với người anh: "Anh hãy cùng chúng tôi sống chung một nhà, sẽ dành riêng một phòng cho anh", người anh nói: "Tôi không cầu dục lạc, chỉ

ưa muốn xuất gia", người em gái nói: "Chúng ta hãy cùng lập lời thề ước", người anh hỏi: "Thề ước như thế nào?", người em gái nói: "Nếu anh chứng được quả thù thắng thì trở lại gặp em", người anh nói: "Lành thay, sẽ làm như lời em nói". Người anh từ giả rồi đến chỗ các ẩn sĩ sống đời xuất gia, do sức thiện căn đời trước nên người anh ngay nơi ba mươi bảy phẩm pháp bồ đề phần, không thầy tự ngộ chứng quả Độc giác. Lúc đó người anh nhớ đến lời thề ước với em gái nên đi đến chỗ người em gái, ở trước người em liền bay lên hư không, thân hiện thần biến, trên thân ra lửa, dưới thân ra nước… rồi trở xuống đất. Phàm phu hễ thấy được thần thông, tâm ý mau hồi chuyển như cây đại thọ bị ngã xuống đất nên người em gái sụp xuống đảnh lễ rồi nói: "Đại huynh, anh đã được thắng đức thù diệu rồi sao?", đáp phải, người em nói: "Anh khất thực nuôi thân, em vì cầu phúc, anh hãy ở lại để em được cúng dường", người anh nói: "Em không tự tại, hãy hỏi ý người chồng". Người em vào nói với chồng: "Anh biết không, anh tôi xuất gia thành tựu cấm giới đã đắc quả thượng diệu đệ nhất trong thế gian. Tôi muốn cúng dường nhưng không dám tự chuyên, nếu anh cho phép, tôi sẽ cúng dường tứ sự cho anh tôi trong ba tháng", người chồng nói: "Hiền thủ, nếu anh ấy không xuất gia, dù tôi không muốn cũng phải cung cấp trọn đời; huống chi anh ấy đã xuất gia và đã đắc đạo thù thắng, nay theo ý

em cúng dường cho anh ấy trong ba tháng". Trong ba tháng hai vợ chồng cúng dường đầy đủ không để thiếu thốn, mãn ba tháng họ đem vải tốt, dao và kim chỉ cho người anh, người anh nhận rồi cầm dao cắt vải, dao bén nên cắt rất nhanh, người em gái thấy rồi liền phát nguyện: "Xin nguyện căn tánh tôi sẽ sắc bén, nhanh và khéo như dao bén này cho đến đời vị lại thành tựu lợi trí"; người anh lại cầm kim xỏ chỉ may khéo léo không trở ngại, người em gái thấy rồi liền phát nguyện: "Xin nguyện thân tôi đến đời vị lại được trí huệ sâu xa thông đạt vô ngại như đường kim mũi chỉ này".

Này các Bí-sô, người em gái thuở xưa đó chính là Xá-lợi-tử ngày nay, quá khứ do cúng dường vị Độc giác rồi phát nguyện nên ngày nay được trí huệ sắc bén, thông minh bậc nhất. Này các Bí-sô, phải biết quả báo tự làm tự thọ, hễ tạo nghiệp đen thì cảm quả báo dị thục đen; tạo nghiệp trắng thì cảm quả báo dị thục trắng… các thầy nên học như thế."

Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi thỉnh hỏi Phật: "Cụ thọ Xá-lợi-tử đã tạo nghiệp gì trong quá khứ mà nay được sanh ra trong một gia đình trung lưu, không thuộc quý tộc cũng không hạ tiện, lại thường được xuất gia?", Phật nói: "Các thầy lắng nghe: Thuở xưa có một quốc vương lấy vợ không lâu thì đắm say dục lạc, ham mê săn bắn. Vài năm sau sanh được một trai, Thái-tử trưởng thành thấy vua

cha trị nước phi pháp liền suy nghĩ: "Cha ta mệnh chung sẽ đọa vào địa ngục, ta kế vị rồi cũng sẽ giống như cha, ta nên đến trong Thiện pháp luật xuất gia tu phạm hạnh", nghĩ rồi liền đến xin phép vua cha cho xuất gia, vua cha nói: "Tất cả việc cúng tế thiên thần đều là vì cầu phú quý, con là Thái-tử cỡi voi đi, vương vị kề bên, vì sao lại cầu xuất gia?", vua cha trách mắng rồi không cho Thái-tử xuất gia. Thời gian sau, Thái-tử cỡi voi ra thành du ngoạn, thấy một người nghèo cầm miếng lá xin ăn, Thái-tử nói: "Hiền thủ, ta ở địa vị tôn quý nên không được xuất gia, ngươi không có địa vị tôn quý vì sao lại không xuất gia?", đáp: "Tôi không có y bát làm sao xuất gia được?", Thái-tử nói: "Ta sẽ cho ngươi y bát, ngươi nên xuất gia", nói rồi liền cho y bát và dẫn người ăn xin này đến chỗ vị tiên nhơn đã đắc ngũ thông đang tọa thiền dưới một gốc cây, bạch rằng: "Cúi xin tiên nhơn cho vị này xuất gia". Tiên nhơn liền cho xuất gia, Thái-tử nói với người ăn xin kia rằng: "Bây giờ tôi phải trở về, nếu người đắc đạo chứng quả thì hãy báo cho tôi biết", đáp: "Tôi sẽ làm đúng như lời Thái-tử nói". Xuất gia rồi người kia đến chỗ yên tĩnh nổ lực thiền tư, không bao lâu sau ngay nơi ba mươi bảy phẩm pháp bồ đề phần, không thầy tự ngộ chứng quả Độc giác. Chứng quả rồi liền nhớ đến lời đã hứa với Thái-tử nên đi đến chỗ Thái-tử, ở trước Thái-tử liền bay lên hư không, thân hiện thần biến, trên

thân ra lửa, dưới thân ra nước… rồi trở xuống đất. Phàm phu hễ thấy được thần thông, tâm ý mau hồi chuyển như cây đại thọ bị ngã xuống đất, Thái-tử kính lễ rồi hỏi: "Thánh giả đã chứng được quả thù thắng rồi sao?", đáp phải, Thái-tử liền suy nghĩ: "Người kia chứng quả là nhờ ta. Ta không xuất gia, không chứng được quả, há chẳng phải là do ta sanh trong nhà quý tộc hay sao", nghĩ rồi liền phát nguyện: "Xin nguyện tôi đời đời kiếp kiếp đừng sanh trong nhà quý tộc, cũng không sanh trong nhà hạ tiện, mà sanh trong gia đình trung lưu để không gặp trở ngại dễ được xuất gia".

Này các Bí-sô, Thái-tử trong quá khư chính là Xá-lợi-tử ngày nay, do quá khư phát nguyện đó nên nay sanh trong gia đình trung lưu lại thường được xuất gia. Này các Bí-sô, phải biết quả báo tự làm tự thọ, hễ tạo nghiệp đen thì cảm quả báo dị thục đen; tạo nghiệp trắng thì cảm quả báo dị thục trắng… các thầy nên học như thế."

Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi thỉnh hỏi Phật: "Cụ thọ Xá-lợi-tử quá khứ đã tạo phước nghiệp gì mà thiện căn thành thục, được Phật thọ ký là Trí huệ bậc nhất trong chúng Thanh văn?", Phật nói: "Cũng là do sức phát nguyện trong đời quá khứ, các thầy lắng nghe: Thuở xa xưa ngay trong Hiền kiếp này, khi con người sống thọ hai vạn tuổi, có Phật ra đời hiệu là Ca-nhiếp-ba đầy đủ mười hiệu. Xá-lợi-tử có một thầy dạy ở chỗ Phật Ca-nhiếp-ba

mà được xuất gia, Phật Ca-nhiếp-ba thọ ký cho thầy của Xá-lợi-tử là thông minh trí huệ bậc nhất trong chúng Thanh văn, cho nên khi sắp lâm chung Xá-lợi-tử phát nguyện: "Nguyện nhờ công đức thiện căn tu phạm hạnh này ở đời vị lai lúc con người thọ một trăm tuổi, có Phật Thích-ca-mâu-ni ra đời đầy đủ mười hiệu, tôi sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán và được Phật thọ ký là thông minh trí huệ bậc nhất trong chúng Thanh văn".

Này các Bí-sô, do nguyện lực đó nên ngày nay Xá-lợi-tử được ta thọ ký là thông minh trí huệ bậc nhất trong chúng Thanh văn".

Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi thỉnh hỏi Phật: "Cụ thọ Đại Mục-kiền-liên trước kia đã từng tạo nghiệp gì mà thiện căn thành thục được Phật thọ ký là Thần thông bậc nhất trong chúng Thanh văn?", Phật nói:

"Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, cách thành Ba-la-nại không xa là chỗ ở của một tiên nhơn, vị này tâm từ bi trải khắp các hữu tình. Lúc đó có một tiều phu nghèo khổ vác củi đi đến gần chỗ vị tiên nhơn ở, mệt nhọc khom người xuống thở, tiên nhơn nhìn thấy thương xót tự nghĩ: "Người này nghèo khổ là do đời trước không chịu tu hành, gieo trồng thiện căn nên nay tuy được thân người nhưng phải chịu vất vả như

thế, ta nay nên độ người này xuất gia tu phạm hạnh", nghĩ rồi liền bảo tiều phu: "Ngươi vất vả như thế, vì sao không xuất gia?", đáp: "Đại tiên, tôi nghèo khổ vất vả kiếm sống, ai lại đọ cho tôi xuất gia", tiên nhơn nói: "Ta sẽ độ, nếu ngươi chứng được quả hãy báo cho ta biết", đáp: "Đại tiên, nếu con đắc quả sẽ báo cho đại tiên biết". Tiên nhơn liền cho xuất gia, sau khi xuất gia người này đến chỗ yên tĩnh nổ lực thiền tư, không bao lâu sau ngay nơi ba mươi bảy phẩm pháp bồ đề phần, không thầy tự ngộ chứng quả Độc giác. Chứng quả rồi liền nhớ đến lời đã hứa với tiên nhơn nên đi đến trước tiên nhơn liền bay lên hư không, thân hiện thần biến, trên thân ra lửa, dưới thân ra nước… rồi trở xuống đất. Phàm phu hễ thấy được thần thông, tâm ý mau hồi chuyển như cây đại thọ bị ngã xuống đất, tiên nhơn kính lễ rồi phát nguyện: "Xin nguyện với vô lương công đức đã tu ở đời vị lai sẽ có được oai đức thần thông bậc nhất như vị kia đã có".

Này các Bí-sô, tiên nhơn trong quá khư đó chính là Đại Mục-kiền-liên ngày nay. Này các Bí-sô, phải biết quả báo tự làm tự thọ, hễ tạo nghiệp đen thì cảm quả báo dị thục đen; tạo nghiệp trắng thì cảm quả báo dị thục trắng… các thầy nên học như thế."

Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi thỉnh hỏi Phật: "Cụ thọ Đại Mục-kiền-liên đã tạo hạnh nghiệp gì mà nay được Phật thọ ký là Thần thông bậc nhất

trong chúng Thanh văn?", Phật nói: "Các thầy lắng nghe: Thuở xa xưa ngay trong Hiền kiếp này lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-nhiếp-ba ra đời… giống như đoạn văn trên cho đến câu lúc lâm chung phát nguyện": "Nguyện nhờ công đức thiện căn tu phạm hạnh này ở đời vị lai lúc con người thọ một trăm tuổi, có Phật Thích-ca-mâu-ni ra đời đầy đủ mười hiệu, tôi sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán và được Phật thọ ký là Thần thông bậc nhất trong chúng Thanh văn".

Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi thỉnh hỏi Phật: "Cụ thọ Kiều-trần-như đời trước đã hành nghiệp gì mà nay thiện căn thành thục được Tứ như ý giải, lợi căn minh liễu?", Phật nói: "Các thầy lắng nghe: Thuở xưa ngay trong Hiền kiếp này khi con người sống thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-nhiếp-ba ra đời… giống như đoạn văn cho đến câu lâm chung phát nguyện: "Nguyện nhờ công đức thiện căn tu phạm hạnh này ở đời vị lai lúc con người thọ một trăm tuổi, có Phật Thích-ca-mâu-ni ra đời đầy đủ mười hiệu, tôi sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán và được Tứ như ý giải, lợi căn minh liễu".

Phật trụ ở đời, nếu có ai muốn xuất gia thọ cận viên đều đến gặp Phật, Phật nói: "Thiện lai, Bí-sô", thì râu tóc tự rụng, thân mặc ca sa với bình bát trên tay liền trở thành người xuất gia thọ cận viên. Sau

đó có người ở nước ngoài xa đến chỗ Bí-sô cầu xuất gia, Bí-sô đưa người này đến chỗ Phật, trên đường đi người này qua đời nên không được xuất gia và thọ cận viên. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật suy nghĩ: "Làm cho các đệ tử Thanh văn mệt nhọc, ở quốc độ xa nếu có người đến cầu xuất gia và thọ cận viên, nên để Tăng chúng cho họ xuất gia và truyền thọ Cận viên", nghĩ rồi Phật tập họp các Bí-sô nói rằng: "Do nhân duyên này, từ nay về sau nếu có người cầu xuất gia, Tăng chúng Bí-sô nên cho họ xuất gia và truyền thọ Cận viên". Lúc đó Tăng chúng không biết nên cho xuất gia và truyền thọ cận viên như thế nào nên bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Hễ có người đến cầu xuất gia nên hỏi họ các chướng nạn, nếu không có chướng nạn mới cho họ thọ Tam quy. Bảo họ quỳ gối chắp tay tự xưng tên rồi nguyện trọn đời quy y Phật lưỡng túc tôn, quy y Pháp ly dục tôn, quy y Tăng chúng trung tôn, Kế cho họ thọ năm học xứ, sau đó truyền thọ mười giới và sau cùng là truyền thọ hai trăm năm mươi giới".

Sau đó có người xuất gia được thọ Cận viên rồi đối với Ô-ba-đà-da và A-giá-lợi-da không có tâm kính sợ, những việc ra làm đều không hỏi hai thầy, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Nay ta chế định cho các đệ tử: Nếu đệ tử muốn làm việc gì như dùng nước tưới rưới trên đất, dùng Cù Ma-da đắp nền nhà, cho đến các việc liên quan tới y

bát, ăn uống… đều phải bạch thầy. Có khách Bí-sô không quen đến ở trong phòng… các việc đều phải bạch thầy, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp. Trừ năm việc không phạm là xỉa răng, uống nước, đại tiểu tiện, lễ bài Chế để trong phạm vi bốn mươi chín tầm. Nếu thầy may vá y, đệ tử nên thưa thầy: Thầy không nên lao nhọc như vậy, con sẽ làm cho thầy. Nếu nói và làm như vậy thì tốt, nếu không như vậy thì phạm tội Việt pháp. Nếu thầy làm việc phước và làm việc do Tăng sai, đệ tử không làm thay không phạm. Hai thầy có bịnh, đệ tử phải chăm sóc, những thức ăn uống và thuốc thang cần dùng đều nên thuận theo ý thầy, không được nghịch ý. Nếu làm được như vậy thì tốt, nếu không như vậy thì phạm tội Việt pháp. Nếu thầy phạm tội, đệ tử cùng ở chung nên phương tiện khéo khuyên can thầy phát lồ thuyết hối. Nếu thầy tà kiến bị Tăng tác pháp xua đuổi, đệ tử ở chung nên ở trong chúng ân cần sám tạ khiến Tăng Hoan-hỉ, rồi phương tiện khuyên can thầy bỏ ác kiến để cùng tăng hòa hợp và được an lạc trụ. Nếu thầy phạm tội Tăng-già-phạt-thi-sa, đệ tử nên khuyên can thầy phát lồ. Nếu thầy bị Tăng cho hành pháp Biến trú cho đến hành Ý hỉ, không được ở cùng phòng với thiện Bí-sô; đệ tử nên khuyên can thầy như pháp sám hối khiến cho tội Căn bản và nghiệp được trừ, trở lại đồng như thiện Bí-sô. Nếu làm được như vậy thì tốt, nếu không như thế thì phạm tội Việt

pháp. Ngược lại đệ tử có lỗi, thầy cũng phải khuyên can quở trách khiến cho họ hối cải."

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA XUẤT GIA SỰ

QUYỂN 3

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Cận quân an cư ba tháng mùa mưa xong liền độ một đệ tử rồi cùng đệ tử này đi đến thành Thất-la-phiệt, đến nơi rửa chân xong liền đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên. Thường pháp của chư Phật là khi có khách Bí-sô đến liền thăm hỏi từ đâu đến, hạ an cư ở đâu, Cận quân bạch Phật: "Thế tôn, con từ nước khác đến và đã an cư ba tháng mùa mưa ở đó", Phật hỏi: "Vị thiện nam này là đệ tử của ai?", đáp là của con, Phật hỏi: "Thầy đã xuất gia bao lâu?", đáp: "Con xuất gia được hai năm, người đệ tử này con độ được một năm". Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Bí-sô Cân quân này khởi lỗi đầu tiên, nay ta chế định cho các Bí-sô: không được chỉ mới xuất gia vài năm mà đã độ đệ tử và cho thọ Cận viên; nếu không ở chung với thầy thì nên tự cầu y chỉ. Người xuất gia chưa đủ mười hạ không được độ Cầu-tịch và truyền thọ Cận viên. Nếu có khách Bí-sô đến chưa quen biết thì không được cho y chỉ. Nếu Bí-sô đủ

mười hạ, hiểu rành việc thông bít trong Giới kinh Biệt giải thoát thì mới được độ Cầu-tịch và làm thầy y chỉ… Nếu tự mình chưa điều phục mà lại điều phục người thì không có lý đó. Người ngu si không có trí huệ cũng không cho độ người, vì tự mình chưa chứng ngộ giải thoát tịch định và được Niết-bàn lại độ người khác là không có lý đó. Tự mình ở trong chỗ bùn nhơ chưa ra khỏi mà lại muốn độ người khác là không có lý đó."

Lúc đó có Bí-sô già vô trí không thông hiểu giới luật lại độ một ngoại đạo và truyền thọ Cận viên, thọ giới rồi liền thỉnh cầu thầy giáo thọ, vị thầy do không hiểu biết gì nên không thể giáo thọ cho đệ tử, người đệ tử ngoại đạo này liền chê bai, không tín kính nữa. Các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Từ nay các Bí-sô phải đủ mười hạ mới được độ đệ tử và truyền thọ cận viên. Phải thành tựu năm pháp mới được làm thầy y chỉ:

- Một là thọ cận viên được mười hạ trở lên,
- Hai là đệ tử nếu có bịnh, có thể chăm sóc,
- Ba là có nghi đệ tử phạm Ác-tác thì phải tùy việc cử tội,
- Bốn là nếu đệ tử có tà kiến phải chỉ dạy cho có chánh kiến.
- Năm là đệ tử nếu không ưa thích pháp, phải cố gắng nhiếp thọ khiến được an lạc trụ.

Lại có năm pháp: Một là đầy đủ giới, hai là đa

văn, ba là trì kinh, bốn là trì luật, năm là trì luận.

Lại có năm pháp: Một là đủ giới không thiếu sót, hai là đa văn, ba là hiểu nghĩa kinh, bốn là hiểu rõ việc thông bít trong Tỳ-nại-da và năm là thông hiểu nghĩa trong tạng luận.

Lại có năm pháp: Một là đầy đủ giới, hai là đa văn, ba là trì kinh biết nghĩa, bốn là thông hiểu Tỳ-nại-da, năm là thông hiểu tạng Ma-trất-lý-ca.

Lại có năm pháp như trên, chỉ khác là có thêm chữ rất. Lại có năm pháp như trên, chỉ khác là có thêm chữ thắng. Lại có năm pháp như trên, chỉ khác là có thêm chữ có thể.

Lại có năm pháp: Một là giới thành tựu, hai là đa văn thành tựu, ba là thắng giải thoát thành tựu, bốn là chứng trí thắng giải thoát thành tựu, năm là trí huệ thành tựu.

Lại có năm pháp: Một là tín thành tựu, hai là giới thành tựu, ba là đa văn thành tựu, bốn là Xả thành tựu, năm là trí thành tựu.

Lại có năm pháp: Một là đủ giới, hai là đa văn, ba là tinh tấn, bốn là niệm, năm là tuệ.

Lại có năm pháp: Một là đủ giới, hai là đa văn, ba là tinh tấn, bốn là định, năm là bát nhã.

Lại có năm pháp, bốn pháp đầu như trên, năm là ưa thích tịch tĩnh.

Lại có năm pháp:

- Một là thành tựu giới uẩn hữu học,

- Hai là thành tựu định uẩn hữu học,

- Ba là thành tựu tuệ uẩn hữu học,

- Bốn là thành tựu giải thoát uẩn hữu học,

- Năm là thành tựu giải thoát tri kiến uẩn hữu học.

Lại có năm pháp thành tựu vô học giống như thành tựu hữu học ở trên.

Lại có năm pháp: Một là biết có lỗi, hai là biết biểu thị, ba là biết ý biểu thị, bốn là biết xả, năm là biết tùy giải.

Lại có năm pháp: Một là biết có ngăn ngại, hai là biết không có ngăn ngại, ba là tùy lúc dạy bảo, bốn là cho y chỉ, năm là nhiếp thọ. Lại có năm pháp: Một là biết có phạm. hai là biết không phạm, ba là biết tội khinh, bốn là biết tội trọng, năm là biết rõ Ba-la-đề-mộc-xoa và rộng giảng giải.

Người thành tựu các loại năm pháp trên, đủ mười hạ mới được độ người xuất gia và cho thọ Cận viên, cho người y chỉ và giáo thọ. Nếu không như thế thì phải y chỉ người khác mà ở."

Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, như Phật đã dạy phải thành tựu các loại năm pháp trên và đủ mười hạ mới được độ đệ tử…. Nếu Bí-sô tuy đã được sáu mươi tuổi hạ nhưng không thông hiểu Giới kinh Biết giải thoát, cũng không thành tựu năm pháp trên thì có nên y chỉ người khác mà ở hay không?". Phật nói nên, lại hỏi y chỉ

như thế nào, Phật nói nên y chỉ người già, lại hỏi nếu không có người già, Phật nói nên y chỉ người trẻ, chỉ trừ lễ bái còn các việc khác đều phải tuân hành.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một Bí-sô ngu si vô trí, không hiểu rõ thiện ác lại độ một ngoại đạo cho xuất gia và cho thọ cận viên. Người này thường hay cùng các Bí-sô tranh cải rồi tự ý hoàn tục và đủ lời chê trách các Bí-sô, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Kẻ ngu si vô trí bỏ thiện pháp luật để đến với tà kiến, ví như người bị cơn đói bức bách bỏ thức ăn ngon để ăn các thứ nhơ bẩn. Cho nên các Bí-sô không nên vội độ ngoại đạo làm đệ tử, chỉ nên độ thích tử. Nếu có Thích tử mặc y ngoại đạo đến cầu xuất gia thì nên độ để họ thành tánh Bí-sô. Trừ thích chủng ra, các ngoại đạo khác đều phải trải qua bốn tháng ở chung để xem xét rồi mới độ". Lúc đó các Bí-sô không biết pháp cho ở chung và tiếp độ ngoại đạo như thế nào nên bạch Phật, phật nói; "Nếu có ngoại đạo đến cầu xuất gia trước nên hỏi họ các chướng nạn, nếu không có chướng nạn thì cho họ thọ tam quy và năm học xứ. Sau đó dẫn họ đến trong tăng bảo họ quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, con là ngoại đạo tên nay cầu xin xuất gia, trong bốn tháng xin đem y phục trước kia của con cúng cho tăng già, cúi xin

cho phép con (3 lần). Kế bảo họ đến chỗ mắt thấy nhưng tai không nghe rồi sai một Bí-sô tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, ngoại đạo tên cầu xin xuất gia, trong bốn tháng đem y phục trước kia cúng cho tăng già và Ô-ba-đà-da . Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng nên chấp thuận… cho đến câu: Nếu ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận vì im lăng, việc này tôi xin nhớ giữ như vậy.

Trong bốn tháng những việc mà ngoại đạo làm đều đồng như Cầu-tịch, mặc y của Thân giáo sư và ăn thức ăn của Tăng. Nếu trong bốn tháng này họ thay đổi nhận thức trước kia của họ thì nên cho xuất gia, nếu tâm họ không thay đổi thì nên đuổi họ trở về. Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, như Phật đã dạy là nếu họ thay đổi nhận thức trước kia mới cho xuất gia, nhưng làm sao biết được là họ thay đổi nhận thức trước kia của họ?", Phật nói: "Ở trước mặt họ nên tán thán Tam bảo và công đức của Phật, đồng thời chê bai ngoại đạo. Nếu họ nghe như thế mà sanh tâm Hoan-hỉ thì nên cho họ xuất gia; ngược lại nếu họ không sanh tâm Hoan-hỉ, nghe chê bai ngoại đạo mà buồn thì không nên độ, nên đuổi họ trở về. Như vậy nếu họ nghe chê bai ngoại đạo mà tâm không sân hận, đó là thay đổi nhận thức trước kia. Nếu có ngoại đạo thở lửa đến cầu xuất gia thì nên độ và cho thọ cận viên, vì sao?, vì người thờ lửa tin vào ba loại

nghiệp: Một là Hữu nghiệp, hai là Sở tác nghiệp, ba là Tác nhân nghiệp. Các thầy nên học như thế."

Phật ở trong Trúc-lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương-xá, ở trong thành này số Bí-sô kỳ túc ít hơn số Bí-sô trẻ. Lúc đó an cư ba tháng hạ xong, Phật muốn du hành đến Nam sơn nên bảo tôn giả A-Nan-đà: "Thầy nên thông báo cho các Bí-sô, ai muốn đi theo Thế tôn du hành thì nên sửa soạn y bát", tôn giả vâng lời Phật dạy đi thông báo. Các Bí-sô kỳ túc nói với A-Nan-đà: "Tôi không thể theo Thế tôn du hành", A-Nan-đà hỏi nguyên do, liền đáp là do già yếu. Các Bí-sô trẻ cũng nói là không thể đi theo, A-Nan-đà hỏi nguyên do, liền đáp: "Thầy của tôi đã không đi nên tôi phải ở lại chăm sóc". Cuối cùng chỉ có số ít Bí-sô đi theo Phật du hành, lúc sắp đi Phật nhìn ngó hai bên xem các Bí-sô có chấp trì y bát như pháp không, thấy các Bí-sô đi theo không đông nên hỏi A-Nan-đà nguyên do, A-Nan-đà đem việc trên bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Từ nay các Bí-sô được năm tuổi hạ trở lên, thành tựu năm pháp sẽ được tùy chỗ thọ học, du hành nhân gian không cần y chỉ. năm pháp gồm có: Một là biết có phạm, hai là biết không phạm, ba là biết tội trọng, bốn là biết tội khinh, năm là khéo trì Ba-la-đề-mộc-xoa và rộng giảng giải". Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, nếu các Bí-sô dưới năm tuổi hạ nhưng thành tựu năm pháp thì có được du hành nhân gian

tùy chỗ thọ học hay không?", Phật nói: "Không được, nay ta chế định năm tuổi hạ trở lên và thành tựu năm pháp mới được tùy ý du hành, tùy chỗ thọ học. Nếu chưa đủ năm tuổi hạ, dù thông suốt tam tạng vẫn không được tùy ý du hành, tùy chỗ thọ học, phải nương ở với thầy và cần y chỉ".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Đại Mục-kiền-liên cho mười bảy thiếu niên xuất gia và truyền thọ Cận viên, trong số đó Ưu-ba-ly đứng đầu, đến nửa đêm họ đói bụng cùng kêu khóc vang dậy. Phật nghe tiếng trẻ khóc liền hỏi A-Nan-đà nguyên do, A-Nan-đà đem việc trên bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Nay ta chế định nếu ai chưa đủ hai mươi tuổi thì không được cho họ thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô, vì sao?, vì chưa đủ hai mươi tuổi sẽ không thể chịu đựng được lạnh nóng đói khát, muỗi trùng cắn đốt và bịnh tật … Lại nữa khi bị thầy quở trách cũng không thể chịu đựng được các khổ não. Phải đủ hai mươi tuổi mới có chí khí mạnh, chịu đựng được sự quở trách và khổ cực… Vì chưa đủ tuổi mà cho thọ Cận viên mới có các lỗi trên, cho nên từ nay các Bí-sô không được truyền thọ Cận viên cho người chưa đủ hai mươi tuổi. Nếu có Cầu-tịch cầu thọ Cận viên, Bí-sô nên hỏi đã đủ hai mươi tuổi chưa, nếu không hỏi thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó trong thành có một

trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu liền sanh được một trai, đứa bé này dần dần trưởng thành thì gia nghiệp của trưởng giả cũng dần dần tiêu tán hết. Trưởng giả suy nghĩ: "Ta nghèo khổ nên cầu xuất gia", nghĩ rồi liền nói với con: "Ta nay già yếu không thể cùng con chấn hưng gia nghiệp, ta muốn ở trong thiện pháp luật xuất gia, ý con thế nào?", đáp; "Cha xuất gia, con cũng xuất gia theo". Nói rồi hai cha con cùng đi đến trong rừng Thệ-đa gặp các Bí sô cầu xin xuất gia, các Bí-sô liền cho Cả hai xuất gia và dạy cho Cả hai oai nghi hành pháp, vài ngày sau các Bí-sô bảo Cả hai rằng: "Hai ngươi biết không, nai không nuôi nai, thành Thất-la-phiệt này rộng lớn, dân đông đều kính tín Tam bảo, hai ngươi nên đi đến đó khất thực tự nuôi thân". Cả hai nghe rồi liền chấp trì y bát cùng vào thành Thất-la-phiệt theo thứ lớp khất thực, đi đến ngã tư đường Cầu-tịch nhỏ thấy một phụ nữ đang chiên bánh bán liền đến xin, phụ nữ đó nói: "Đưa tiền tôi mới đưa bánh", đáp là không có tiền, phụ nữ đó không chịu đưa bánh, Cầu-tịch nhỏ này liền kêu khóc lớn tiếng và nằm lăn ra đất, mọi người nhìn thấy như vậy đều chê trách rằng: "Tại sao Bí-sô lại độ đứa bé chưa ráo máu đầu như thế xuất gia". Các Bí-sô nghe biết bạch Phật, Phật nói: "Do độ kẻ nhỏ tuổi xuất gia nên có lỗi này. Từ nay người chưa đủ hai tuổi không được cho xuất gia. Nếu có đồng tử đến cầu xuất gia, Bí-sô nên hỏi đã đủ hai tuổi chưa, nếu

không hỏi thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-ba-Nan-đà có hai cầu tịch cùng nhau chơi đùa như phụ nữ chơi đùa với chồng, như người nam chơi đùa với người nữ. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Do độ hai cầu tịch cùng một lúc nên có lỗi này. Từ nay ai độ hai cầu tịch cùng một lúc thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có hai anh em cùng đến cầu xuất gia, các Bí-sô không dám độ, không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Nếu là anh em cùng cầu xuất gia thì nên độ, không phạm. hai cầu tịch kia vì chưa đủ tuổi nên giữ lại một người để dạy bảo, còn người kia nên đưa đến một vị thân quen hay đại đức nào đó dạy bảo, đến khi đủ hai mươi tuổi thì cho họ thọ cận viên, nếu họ đã đủ hai mươi mà không cho thọ cận viên thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, trong thành có một cư sĩ nuôi một nô bộc siêng năng phục dịch không có lười biếng, làm việc gì cũng hoàn tất. một hôm chủ nhà nổi giận, người nô bộc suy nghĩ: "Ông chủ thật khó phục dịch, ta nên trốn đi, nhưng quên nhà khó thể bỏ đi. Ta nghe nói các sa môn Thích tử được vua ân sủng, không bị tổn hại, ta nên đến đo xin xuất gia", nghĩ rồi liền đi đến trong rừng Thệ-đa ở chỗ các Bí-sô xin xuất gia, các Bí-sô liền cho xuất gia và cho thọ Cận viên rồi chỉ dạy giáo pháp, vị này

y theo giáo pháp tu hành, không bao lâu sau diệt trừ phiền não chứng quả A-la-hán. Lúc đó gia chủ sanh tâm hối, tự nghĩ: "Tên nô bộc của ta đã làm việc siêng năng không lười biếng, ta không nên tức giận khiến nó bỏ đi như vậy, nếu gặp lại nó ta sẽ xin lỗi", nghĩ rồi đứng ở bên cửa thành chờ Bí-sô, khi Bí-sô đắp y mang bát vào thành khất thực, gia chủ thấy rồi liền nói: "Hiền thủ, ngươi tuy được xuất gia, nhưng nay không có ai phục dịch cho ta, hãy theo ta trở về". Bí-sô liền bay lên hư không, thân hiện thần biến, trên thân ra lửa, dưới thân ra nước… rồi trở xuống đất. Phàm phu hễ thấy được thần thông, tâm ý mau hồi chuyển như cây đại thọ bị ngã xuống đất, vị gia chủ này liền cúi mình đảnh lễ và bạch: "Thánh giả đã có công năng như vậy, con nguyện từ nay cúng dường tứ sự cho Thánh giả". Từ đó tiếng đồn vang khắp và đến tai của vua Thắng-quang, vua liền ra lịnh cho quần thần: "Từ nay trong nhà của các quan, trưởng giả

… có nô bộc muốn cầu xuất gia thì nên cho họ được xuất gia, không gây trở ngại". Lúc đó trong thành Thất-la-phiệt có một trưởng giả nuôi một nô bộc siêng năng làm việc… giống như trường hợp trên, chỉ khác ở chỗ nô bộc này sau khi xuất gia không có được chứng quả nên khi gia chủ nắm tay Bí-sô nói rằng: "Hiền thủ, ngươi tuy đã xuất gia nhưng nay không có ai phục dịch ta, hãy cùng ta trở về", thì Bí-sô này nói: "Nếu ông xúc chạm tôi,

ông sẽ bị chặt tay. Vua Thắng-quang có sắc lịnh xem Bí-sô đồng như vương tử", trưởng giả gia chủ nghe lời này liền chê trách các Bí-sô: "Sa môn Thích tử phá hoại, tại sao lại cho nô bộc xuất gia", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu đã có lỗi này thì từ nay các Bí-sô không nên tùy tiện cho nô bộc xuất gia. Nếu họ đến cầu xuất gia nên hỏi: Ngươi không phải là nô bộc phải không. Không hỏi mà cho xuất gia thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, trong thành có một trưởng giả cho vay, có lúc chỉ lấy lãi, có lúc lấy cả gốc lẫn lãi. Sau đó trưởng giả gặp một người mắc nợ đòi cả gốc lẫn lãi, người này nghèo khó không thể trả cả gốc lẫn lãi nên trưởng giả bắt họ làm tờ cam kết hẹn ngày trả mới thả cho về. Người này suy nghĩ: "Ta vốn không thể trả nổi cả gốc lẫn lãi, ta nên bỏ đi nhưng quê nhà khó bỏ đi được. Ta nghe nói sa môn Thích tử được vua xem đồng như vương tử, ta nên đến đó cầu xuất gia", nghĩ rồi liền đến trong rừng Thệ-đa ở chỗ các Bí-sô cầu xuất gia, các Bí-sô liền cho xuất gia và cho thọ cận viên. Sau khi được thọ Cận viên, người này phát tâm dõng mãnh siêng tu không gián đoạn, không bao lâu sau chứng quả A-la-hán. Lúc đó trưởng giả cho vay sanh tâm hối hận suy nghĩ: "Số tiền nó mắc nợ trước kia đã trả cả gốc lẫn lãi, nếu gặp lại nó, ta sẽ xin lỗi", nghĩ

rồi liền đứng bên cửa thành chờ Bí-sô, khi Bí-sô đắp y vào thành khất thực, trưởng gia thấy rồi liền đến nắm tay nói rằng: "Ngươi tuy đã xuất gia nhưng vẫn trả ta cả gốc lẫn lãi, nay ngươi nên trở về nhà". Bí-sô liền bay lên hư không, thân hiện thần biến, trên thân ra lửa, dưới thân ra nước… rồi trở xuống đất. Phàm phu hễ thấy được thần thông, tâm ý mau hồi chuyển như cây đại thọ bị ngã xuống đất, trưởng giả cho vay liền cúi mình đảnh lễ bạch rằng: "Thánh giả đã có công năng như vậy, con nguyện từ nay cúng dường tứ sự cho Thánh giả". Từ đó tiếng đồn vang khắp và đến tai của vua Thắng-quang, vua liền ra lịnh cho quần thần: "Từ nay nếu có ai mắc nợ không thể trả được mà muốn xuất gia theo Phật thì không nên gây trở ngại cho họ". Lúc đó trong thành Thất-la-phiệt có một trưởng giả cho vay… giống như trường hợp trên, chỉ khác ở chỗ người mắc nợ này sau khi xuất gia rồi không có chứng được quả nên khi bị trưởng giả cho vay nắm tay nói rằng: "Người xuất gia rồi thì ai sẽ trả nợ cả gốc lẫn lãi cho ta, hãy theo ta trở về nhà", thì Bí-sô này nói rằng: "Nếu ông xúc chạm tôi, ông sẽ bị chặt tay. Vua có sắc lịnh người mắc nợ không thể trả được nếu xuất gia thì tất cả nợ nần đều khỏi trả". Người kia nghe lời này rồi liền chế trách các Bí-sô: "Sa môn Thích tử phần nhiều ôm lòng ngạo mạn, người đang mắc nợ lại độ cho xuất gia", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói:

"Nếu có lỗi này sanh thì từ nay các Bí-sô không nên tùy tiện độ người mắc nợ. Nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu thì sanh được một trai… dần dần trưởng thành. một hôm đồng tử này bị cha mẹ giận trách liền muốn trốn đi, tự nghĩ: "Quê nhà khó bỏ đi được. Ta nghe nói sa môn Thích được xem đồng như vương tử, ta nên đến đó cầu xuất gia", nghĩ rồi liền đi đến trong vườn Cấp ở chỗ các Bí-sô cầu xuất gia, các Bí-sô liền cho xuất gia và cho thọ Cận viên. Thời gian sau, người cha tìm con đến chỗ các Bí-sô hỏi thăm, các Bí-sô đáp là đã độ cho xuất gia, người cha liền chê trách rằng: "Có phải các Bí-sô thường cầm sẵn con dao đợi khi có người đến cầu xuất gia liền cạo tóc liền phải không? Vì sao phải cạo gấp như vậy?", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không được cạo tóc liền. Nếu có đồng tử ở gần đến cầu xuất gia, nên chờ đợi bảy, tám ngày sau mới được cạo tóc. Nếu là người phương xa đến cầu xuất gia thì có thể cạo tóc liền không phạm".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu liền sanh được một trai. một hôm, trưởng giả nói với vợ: "Hiền thủ, nuôi con đến lớn ắt phải nhiều tốn kém, nay ta muốn đi đến phương

xa khác buôn bán cầu lợi", nói rồi liền ra đi nhưng sau đó không thấy trưởng giả trở về. Người vợ ở nhà tảo tần nuôi con đến lớn và cho con đến trường để học ngoại điển, không ngờ người con này học không tiếp thu được gì cả trong khi các bạn đồng học đối với các luận điển đã có đều học thông suốt. Người mẹ liền đến trường gạn hỏi thầy giáo nguyên do, thầy giáo nói: "Đối với người học có hai việc khiến cho học nghiệp được thành tựu: Một là biết hổ thẹn, hai là biết sợ hãi. Con trai của bà không có hai đức tánh này", người mẹ nói: "Nếu nó không chịu cố gắng học thì thầy cứ cho nó roi". Thầy giáo nghe theo lời người mẹ, khi thấy đồng tử này không chịu học liền quở trách và đánh roi, đồng tử khóc rồi chạy về mách mẹ, không ngờ lại bị người mẹ đánh thêm, đồng tử suy nghĩ: "Ta thật khổ, không mách mẹ thì chỉ bị thầy giáo đánh, về mách lại còn bị mẹ đánh thêm. Ta không thể chịu đựng được khổ này, ta nên trốn đi". Đồng tử liền đi đến trong rừng Thệ-đa, gặp một Cầu-tịch đang hái hoa liền khen: "Thật sung sướng thay", Cầu-tịch hỏi nguyên do, liền đáp: "Vì thầy được xuất gia", liền hỏi: "Vậy sao ngươi không xuất gia?", đáp: "Đâu có ai độ cho tôi", Cầu-tịch nói: "Ngươi đến đây, tôi sẽ dẫn đến gặp thầy tôi". Cầu-tịch liền dẫn đến gặp thầy bạch rằng: "Ô-ba-đà-da, vị thiện nam này muốn xuất gia", vị thầy liền cho xuất gia. Sau đó người mẹ đến trường hỏi thầy giáo: "Con

tôi đâu?", đáp: "Bị tôi đánh, nó liền bỏ về nhà", người mẹ nói: "Nó về nhà lại bị tôi đánh thêm nên nó bỏ đi, không biết đã đi đâu". Người mẹ liền đi khắp nơi tìm kiếm nhưng không tìm thấy, cuối cùng đứng bên cửa thành Vương-xá nhìn ngó Đông tây, bỗng thấy hai cầu tịch tay cầm bát đi đến, một Cầu-tịch chính là con mình liền đấm ngực kêu khóc: "Đứa con ngu si này, ta tìm kiếm khắp nơi không gặp, tai sao con lại xuất gia trong nhóm sa môn bần tiện này", nói rồi liền nắm tay con kéo lôi về nhà và bắt phải hoàn tục, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Do không xin phép cha mẹ liền cho xuất gia nên mới có lỗi này, Từ nay các Bí-sô nếu có người đến cầu xuất gia, không xin phép cha mẹ mà liền cho kia xuất gia thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong Trúc-lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương-xá, trong thành có một Bà-la-môn cưới vợ chưa bao lâu thì sanh được một trai, dần dần trưởng thành bỗng mắc bịnh nặng, tìm đến nhiều thầy thuốc nhưng không hết bịnh, người mẹ bảo con: "Con nên đến cầu xin trưởng giả Thị phược ca trị bịnh". Người con liền đến chỗ trưởng giả xin trị bịnh, trưởng giả nói: "Bịnh của ngươi rất nặng, rất khó trị; nhưng y thuật của ta chỉ dùng để trị cho hai hạng người: Một là Phật và Tăng chúng, hai là người ở trong cung vua. Vì thế ta không rảnh trị bịnh cho ngươi, ngươi hãy về đi". Người con trở

về nói lại cho mẹ nghe, người mẹ nói: "Vậy con nên xuất gia", người con nói: "Con là chủng tộc Bà-la-môn, sao lại phải xuất gia trong Sa môn tạp chủng đó?", người mẹ nói: "Con xuất gia để được trị bịnh, hết bịnh thì hoàn tục có khó gì", người con nói: "Xuất gia sẽ bị cạo tóc, con phải làm sao?", người mẹ nói: "Cạo rồi thì tóc cũng mọc lại, con sợ gì chứ !". Người con liền đến trong Trúc-lâm ở chỗ các Bí-sô cầu xuất gia, được xuất gia rồi ngay trong đêm ấy người này không chịu vào phòng, vị thầy hỏi nguyên do, liền đáp là có bịnh, vị thầy hỏi: "Tại sao ngươi không nói cho ta biết?", đáp: "Vì không thấy thầy hỏi", vị thầy nghe rồi rất tức giận. Sáng hôm sau có người đệ tử cũ đến viếng thăm, thấy thầy không vui liền hỏi nguyên do, vị thầy nói: "Chỗ ở của ta lại là chỗ nuôi bịnh, người có bịnh đều tụ lại đây", đệ tử nói: "Như Thế tôn dạy có hai việc: Một là không nên làm quá sức mình, hai là đã độ rồi thì không nên bỏ. Nay thầy đã độ rồi thì biết làm sao". Đúng lúc đó có y vương Thị phược ca đến, vị thầy hỏi y vương: "Bịnh của Bí-sô này có thể chữa được không?", đáp: "Bịnh này quá nặng, nếu vua Thắng-quang cấp thuốc đầy đủ thì tôi sẽ chữa được". Bí-sô này sau khi hết bịnh liền đến bạch thầy: "Con vì có việc mong cầu nên mới xuất gia, nay đã toại nguyện con muốn trở về nhà", vị thầy hỏi: "Con đã đắc A-la-hán chưa?", đáp chưa, lại hỏi: "Con đã đắc quả Bất lai, Nhất lai hay Tu đà

hoàn chưa?", đáp đều chưa, lại hỏi: "Nếu vậy tại sao lại muốn về nhà", đáp: "Con vì muốn trị bịnh nên mới xuất gia, nay bịnh đã lành nên muốn trở về", vị thầy nói: "Trong pháp xuất gia có bốn quả thù thắng, con đều không được. Con nên ở lại trả tiền thuốc cho người, nếu không sau này bịnh phát trở lại, chắc chắn sẽ chết không nghi". Người này không nghe lời liền bỏ về nhà, sau đó đem hoa quả… đến báo đáp Thị phược ca, Thị phược ca hỏi nguyên do, liền nói là muốn báo đáp, Thị phược ca nói không nhớ, liền đem việc trên kể lại, Thị phược ca nghe rồi nói rằng: "Ngươi đã xuất gia trong pháp luật thiện thuyết đáng lẽ phải chứng được bốn quả sa môn, nhưng ngươi thọ của tín thí lại rơi vào đường ác". Sau đó Thị phược ca đến chỗ Phật đem việc trên bạch Phật và nói: "Thế tôn, các Bí-sô cho người bịnh nặng xuất gia và thọ cận viên sẽ làm cho tài vật trong kho của vua tổn giảm, thân con cũng lao nhọc. Cúi xin Thế tôn chế định các Thánh giả đừng cho người bịnh nặng xuất gia", Phật im lặng nhận lời, Thị phược ca biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ rồi lui ra. Phật tự nghĩ: "Do độ người bịnh nặng nên có lỗi này", liền bảo các Bí-sô: "Từ nay không được độ người có bịnh nặng. Nếu có người đến cầu xuất gia nên hỏi hỏi bịnh gì không, nếu không hỏi liền độ thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong rừng Ni-cù-đà thành Kiếp-tỷ-la, lúc đó vua Tịnh-phạn bảo trong dòng họ Thích,

mỗi nhà nên cho một người xuất gia. Bà con thân thuộc đến thăm nghe thuyết pháp Hoan-hỉ rồi khởi lòng tin cầu xuất gia, trong số đó hoặc là cha, anh, chồng, con… nên người nhà buồn thương kêu khóc, vua Tịnh-phạn nghe biết liền hỏi nguyên do, thân quyến của những người xuất gia nói rõ nguyên do. Vua nghe rồi liền đến chỗ Phật bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn cho tôi một ước nguyện", Phật hỏi: "Đại vương muốn điều gì?", đáp: "Ước nguyện này là vì dòng họ Thích, nếu Thế tôn làm Chuyển luân thánh vương thì người trong dòng họ Thích đều đi theo, nhưng Thế tôn lại xuất gia nên điều mà chúng tôi mong mỏi lại không được toại. Lại nữa, Nan-đà là Lực chuyển luân vương, Thế tôn lại độ cho xuất gia nên chúng tôi cũng mất hy vọng; La-hổ-la có đại oai đức sẽ lên ngôi vua, Thế tôn cũng độ cho xuất gia, chúng tôi cũng tuyệt vọng. Thế tôn, cha mẹ đối với con tình thương sâu nặng, cúi xin Thế tôn chế định nếu cha mẹ chưa cho phép không nên độ cho xuất gia". Phật im lặng nhận lời, vua biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ rồi ra về, Phật tự nghĩ: "Do không hỏi ý kiến của cha mẹ liền độ cho xuất gia nên có lỗi này", Phật liền bảo các Bí-sô: "Từ nay nếu có người đến cầu xuất gia trước nên hỏi cha mẹ đã cho phép chưa, nếu cha mẹ đã cho phép mới được độ cho xuất gia, nếu không hỏi mà liền độ thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó có người từ xa đến cầu xuất gia nói là cha mẹ

đã cho phép, nhưng các Bí-sô không dám độ liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu có người từ xa đến, cha mẹ đã cho phép thì nên độ, không hỏi không phạm".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA XUẤT GIA SỰ

QUYỂN 4

Lúc đó có đoàn thương buôn trải qua gian nan trên biển trở về, rất mệt nhọc nên ngủ vùi. Tháp tùng theo đoàn thương buôn này có Bí-sô Tăng hộ, lúc đó Tăng hộ nhìn biển cả suy nghĩ: "Như Phật đã dạy có năm việc nhìn xem không thấy chán: Một là người đầy đủ tướng Tượng vương (voi chúa), hai là Chuyển luân thánh vương, ba là biển cả, bốn là núi Diệu cao vương, năm là Như lai Ứng cúng Chánh đẳng giác", nhìn xem một hồi rồi ngủ thiếp. Lúc đó đoàn thương buôn thức dậy vội vả lên đường, đến khi trời sáng mới phát hiện không có tăng hộ, trong lòng hoang mang bủa ra đi tìm khắp nơi nhưng không tìm thấy, một người nói: "Chúng ta bỏ Thánh giả lại là điều không tốt, nên trở lại tìm", một người khác nói: "Thánh giả có đại oai đức, hiểm nạn trong biển còn chịu đựng được huống chi ở trên đất liền", nói rồi cùng tiếp tục lên đường. Lúc đó Tăng hộ ngủ trên bãi cát sỏi đến khi trời nắng nóng mới thức dậy, nhìn quanh không còn ai biết là đoàn thương buôn đã đi, liền một

mình đi về phía trước, đi mãi mà không thấy dấu chân người, lại thấy có một con đường nhỏ liền đi theo con đường này đến một khu rừng lớn, trong rừng có một ngôi chùa nguy nga, trong chùa ngoài chùa đều trang hoàng rất đẹp, có suối trong có ao nước với cây báu mọc thành hàng và với các loại chim quý như Bạch-hạc, Khổng-tước, Anh-vũ, Xá-lợi… như ở trên thiên cung. Các Bí-sô ở đây đều đầy đủ oai nghi, Tăng hộ cung kính lễ rồi đem sự việc của mình kể lại, các Bí-sô dẫn vào trong nhà ăn, trên bàn ăn đã có thức ăn dọn sẵn rất ngon, Bí-sô hỏi có đói không, đáp có, Bí-sô nói: "Nếu đói thì hãy ăn", đáp: "Đợi Tăng già ăn sẽ cùng ăn", Bí-sô nói: "Thầy đi đường mệt nhọc nên ăn trước, nếu đợi tới giờ ăn sẽ có chuyện không hay", Tăng hộ ăn xong rồi đứng một bên. Đến giờ ăn, trong chùa đánh kiền chùy, chư tăng mỗi người tự mang bát đến ngồi vào bàn theo thứ lớp, bỗng nhiên tất cả đều biến mất, bát trên tay biến thành cây sắt, mọi người cầm cây sắt này đánh lẫn nhau đến khi đầu mặt tét ra chảy máu khắp đất, qua giờ ăn rồi cảnh chùa mới hiện lại như cũ, các Bí-sô bình phục như không có chuyện gì xảy ra, các căn tịch tĩnh. Sau đó Tăng hộ hỏi các Bí-sô: "Các vị ở đây đã tạo nghiệp nhân gì mà phải chịu khổ như vậy?", Bí-sô đáp: "Này Tăng hộ, người ở châu Thiệm-bộ không tin", Tăng hộ nói: "Tôi đã thấy trước mắt làm sao không tin", Bí-sô nói: "Này Tăng hộ, vào thời Phật

Ca-nhiếp-ba chúng tôi là Thanh văn, sắp đến giờ ăn chúng tôi đánh nhau, do nghiệp này nên nay ở trong địa ngục này chịu khổ báo nhẹ, ở đây chết sẽ vào đại địa ngục. Khi thầy trở về lại châu Thiệm-bộ nên nói lại cho Tăng già biết sắp đến giờ ăn chớ có đánh nhau", Tăng hộ nhận lời rồi từ giã, tiếp tục đi về phía trước, lại thấy một ngôi chùa nguy nga giống như trước, cũng thấy các Bí-sô đầy đủ oai nghi… giống như trước, chỉ khác là trong bát của các Bí-sô này là nước đồng sôi, các Bí-sô lấy nước đồng sôi này tạt lẫn nhau… qua giờ ăn cảnh chùa hiện lại như cũ, Tăng hộ cũng như trước hỏi nguyên do, Bí-sô nói: "Chúng tôi là Thanh văn trong thời Phật Ca-nhiếp-ba, đến giờ ăn được các món ăn ngon, khi thấy có khách Bí-sô đến, chúng tôi khởi nghĩ đợi khách đi rồi sẽ cùng nhau ăn. Không ngờ trời mưa kéo dài suốt bảy ngày khách không đi được, thức ăn vì thế hư thối không ăn được phải đổ bỏ. Do thọ của tín thí mà không bình đẳng thọ thực nên phải chịu khổ báo nhẹ ở trong địa ngục này, sau khi chết sẽ vào đại địa ngục. Thầy trở về châu Thiệm-bộ nên nói lại cho tăng già biết". Tăng hộ nhận lời rồi tiếp tục đi về phía trước, cũng thấy một ngôi chùa nguy nga như trước, cũng có các Bí-sô oai nghi đầy đủ… giống như trước, chỉ khác là các Bí-sô vừa vào bàn ăn thì chùa bỗng bị cháy, các Bí-sô đều bị thiêu đốt, qua giờ ăn cảnh chùa hiện lại như cũ. Tăng hộ cũng như trước hỏi

nguyên do, Bí-sô nói: "Chúng tôi là Thanh văn trong thời Phật Ca-nhiếp-ba vì phá giới nên bị Tăng già tẫn xuất. Chúng tôi đi đến nơi khác ở chung với những người đồng cảnh ngộ. Thời gian sau có một Bí-sô trì giới tinh tấn đến, sau đó lại có một Bí-sô trì giới đầy đủ đến cùng chỉnh lý Tăng đồ và quở trách chúng tôi nên chúng tôi sanh lòng bất nhẫn. Sau đó vào giờ ăn đại chúng đang ăn, chúng tôi đồng tâm phóng hỏa đốt chùa cháy rụi, do nghiệp lực này nên chịu khổ báo nhẹ ở trong địa ngục này, sau khi chết sẽ vào đại địa ngục. Thầy trở về châu Thiệm-bộ nên nói lại cho Tăng già biết". Tăng hộ nhận lời rồi tiếp tục đi về phía trước lại thấy có hữu tình hình thể như bức tường hoặc như đại thọ, hoặc như chiếc lá… hoặc như cột trụ, lại có hữu tình bị dây trói kéo làm cho đứt đoạn… Cuối cùng Tăng hộ đến một trú xứ của năm trăm tiên nhơn, họ thấy Tăng hộ đến liền nói với nhau: "Sa môn Thích tử đa ngôn đa ngữ, chúng ta không nên cùng nói chuyện", vì thế khi Tăng hộ xin chỗ nghỉ thì các tiên nhơn này đều im lặng không nói. Lúc đó có một tiên nhơn từ bi nói với các tiên nhơn: "Lẽ nào chúng ta không cho sa môn này một chỗ nghỉ hay sao?", các tiên nhơn nói: "Cho chỗ nghỉ nhưng không cùng nói chuyện", nói rồi chỉ cho Tăng hộ một căn phòng trống. Tăng hộ vào phòng rửa chân rồi tĩnh tọa, đoan thân chánh niệm, vào đầu đêm bỗng có nhiều tiên nữ đến yêu cầu

tăng hộ nói pháp yếu, Tăng hộ nói: "Tôi bị các tiên nhơn chế phục không cho nói chuyện nên được ở trong phòng này, các vị bảo tôi nói pháp yếu có phải muốn tôi bị đuổi khỏi chỗ này không?", các tiên nữ tự nghĩ: "Sa môn này từ xa mới đến chắc là mệt nhọc, chúng ta nên đi", nghĩ rồi liền bỏ đi, sau nửa đêm lại đến yêu cầu nói pháp yếu, Tăng hộ cũng đáp như lần trước, các tiên nữ lại bỏ đi, cuối đêm lại đến yêu cầu nói pháp yếu nữa, Tăng hộ cũng đáp như trước. Lúc đó các tiên nữ nói: "Trời đã sáng rồi tại sao không đi. Thánh giả không nhớ lời Phật dạy, đến chỗ khủng bố phải nhẫn chịu hay sao?", Tăng hộ nghe rồi liền muốn ra đi, lại nghĩ: "Các tiên nhơn này đều là dị học, ta nên nói kệ theo sở học của họ cho họ nghe để họ Hoan-hỉ", nghĩ rồi liền nói kệ:

"Lõa hình và tóc dài,
Bôi tro và nhịn ăn,
Nằm đất, tắm rửa thân,
Ngồi xổm và niệm tà,
Các pháp tà như vậy,
Không thể thoát sanh tử,
trừ pháp chân diệu,
Trang nghiêm nơi tự thân,
Chánh kiến trụ tư duy,
Sẽ đoạn tham sân si,
Từ bi hành hỉ xả,
Không giết hại chúng sanh,

Siêng tu nơi học xứ,
Chân sa môn như vậy,
Cũng là Bà-la-môn,
Không khác tánh Bí-sô".

Các tiên nhơn nghe rồi liền nói với nhau: "Người này tụng kinh của chúng ta", nói rồi liền lắng nghe lời kệ, Tăng hộ kế thuyết kinh Thành dụ khiến họ được giác ngộ, vừa nghe kinh xong các tiên nhơn liền chứng quả thứ ba, đồng thanh nói rằng: "Thiện thuyết, kinh này thật vi diệu". Tán thán rồi cùng đến chỗ tăng hộ xin được xuất gia và được thọ cận viên, Tăng hộ nói: "Các vị có tin tâm tăng thượng như vậy thật là tốt, vì như lời Phật dạy, người xuất gia có năm lợi ích:

1. Công đức xuất gia là tự lợi của ta, không chung với người khác, thế nên người trí cầu xuất gia.

2. Tự biết ta là người thấp kém bị người khác sai khiến, sau khi xuất gia lại được người khác lễ bái cúng dường và tán thán, thế nên người trí cầu xuất gia.

3. Từ cõi này mệnh chung sẽ sanh lên cõi trời, rời khỏi ba đường ác, thế nên người trí cầu xuất gia.

4. Do từ bỏ thế tục xuất ly sanh tử, sẽ được an ổn nơi Niết-bàn vô thượng, thế nên người trí cầu xuất gia.

5. Thường được chư Phật, chúng Thanh văn và các bậc Thắng thượng nhơn tán thán, thế nên người trí cầu xuất gia.

Các vị nên khéo quán năm lợi ích này, khởi tâm ân trọng rời bỏ lưới thế tục để cầu đại công đức. Nay ta độ cho các vị xuất gia, các vị muốn ở đây hay đến chỗ Phật?", các tiên nhơn đáp: "Muốn cùng tôn giả đến chỗ Phật xuất gia, không biết dùng thần lực của tôn giả hay dùng thần thông của chúng tôi để đến đó?". Tăng hộ nghe nói rồi tâm không vui tự nghĩ: "Các tiên nhơn nghe ta nói pháp liền chứng được quả cao, ta tuy được giải thoát nhưng lại không chứng được quả ấy", nghĩ rồi liền nói với các tiên nhơn: "Hãy đợi tôi một chút, tôi còn có việc cần làm", nói rồi đến bên gốc cây kiết già phu tọa, đoan thân chánh niệm, tâm ý tịch nhiên, không bao lâu sau phiền não đốn trừ chứng được quả A-la-hán, thoát ly ba cõi như dao cắt mùi thơm, không sinh sân hận, xem vàng như đất không khác, đáng được chư thiên Đế-thích, Phạm vương cúng dường. Chứng quả rồi liền bảo các tiên nhơn: "Hãy nắm lấy chéo y của tôi để nương thần lực của tôi đến chỗ Phật". Lúc đó đoàn thương buôn năm trăm người đang dừng ngựa xe ở giữa đường để nghỉ ngơi, từ xa trông thấy Tăng hộ nương hư không đi đến liền hỏi vọng lên: "Thánh giả đang định đi đâu?", đáp: "Năm trăm tiên nhơn này muốn xuất gia nên tôi đưa họ đến chỗ Phật",

năm trăm thương nhơn nghe rồi cùng nói: "Thánh giả, chúng tôi cũng muốn xuất gia, xin Thánh giả hãy hiện thân xuống, chờ chúng tôi đem tài vật giao cho người nhà rồi cùng đi". Sau khi họ phân phó tài vật xong rồi, Tăng hộ cùng một ngàn người này đi đến chỗ Phật, lúc đó Phật đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, từ xa thấy đoàn người của Tăng hộ đi đến liền bảo đại chúng: "Các thầy có thấy Bí-sô tăng hộ cùng một ngàn người kia đang đi đến đây không?", đáp: À có thấy, Phật nói: "Thế gian cúng dường không bằng người này giáo hóa người khác xuất gia và điều phục tế độ họ". Lúc đó Tăng hộ đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, các tộc tánh tử này gồm có một ngàn người đều muốn ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia và thọ cận viên thánh tánh Bí-sô, cúi xin Phật từ bi thương xót chấp thuận". Phật nói: "Thiện lai Bí-sô, ở trong giáo pháp của ta khéo tu phạm hạnh, thành đại sa môn". Phật vừa nói xong, cả ngàn người đều râu tóc tự rụng, thân mặc ca sa như đã từng cạo tóc, trải qua bảy ngày đầy đủ oai nghi như Bí-sô một trăm tuổi hạ. Phật nói pháp yếu cho họ rồi tự mỗi người đoan thân chánh niệm, tâm ý tịch nhiên, không bao lâu sau phiền não đốn trừ chứng được quả A-la-hán, thoát ly ba cõi như dao cắt mùi thơm, không sinh sân hận, xem vàng như đất không khác, đáng được chư thiên Đế-thích, Phạm vương cúng

dường. Lúc đó tăng hộ bạch Phật: "Thế tôn, ở chỗ kia con thấy có các hữu tình hoặc thân như bức tường… giống như đoạn văn trên, không biết họ đã tạo những nghiệp gì mà chịu quả báo ấy?", Phật nói: "Này Tăng hộ, tất cả hữu tình đã tự tạo nghiệp trở lại tự thọ quả báo, không ai thay thế được. Quá khứ trong Hiền kiếp khi con người sống thọ hai vạn tuổi có đức Phật ra đời hiệu là Ca-nhiếp-ba ở trong rừng Thi-lộc chỗ Tiên nhơn đọa xứ, lúc đó có các Cầu-tịch ở chỗ đức Phật ấy. Những chúng sanh hình dáng như vách tường là do làm dơ bẩn vách tường trong chốn già lam nên chịu quả báo đó. Những chúng sanh hình dáng như cột trụ là do khạc nhổ hỉ mũi làm dơ bẩn cột trụ trong chốn già lam nên chịu quả báo đó. Chúng sanh có hình dáng như cái muỗng chính là các Cầu-tịch phân chia nước mật trong già lam, lúc đó cầu tịch đang rửa muỗng, có khách Bí-sô đến hỏi: "Đã dọn đưa nước uống phi thời cho Tăng già chưa?", cầu tịch đáp: "Đã dọn đưa xong rồi, không thấy tôi đang rửa muỗng hay sao?", do quát mắng Bí-sô nên cầu tịch phải chịu quả báo đó. Chúng sanh có hình dáng như cái cối chính là Bí-sô vì muốn giã mè nên đến chỗ cầu tịch giữ kho hỏi mượn cái cối, cầu tịch giữ kho nói: "Đại đức hãy chờ một chút, tôi quên mất nó ở đâu rồi, chút nữa tìm ra sẽ đưa cho đại đức", Bí-sô nổi giận nói: "Nếu tôi tự do lấy cối thì không luận là giã mè mà còn giã luôn thân ngươi", cầu tịch suy

nghĩ: "Nếu ta trả lời vị ấy sẽ giận thêm", nghĩ rồi nên im lặng, đợi khi vị đó hết giận mới đến nói với vị ấy rằng: "Thầy có biết tôi là người như thế nào không?", Bí-sô nói: "Ngươi xuất gia làm cầu tịch trong giáo pháp của Phật Ca-nhiếp-ba", cầu tịch nói: "Việc của người xuất gia thầy còn chưa làm xong nên bị phiền não ràng buộc, còn tôi đã giải thoát. Thầy nói ra lời thô ác nên sám hối mới diệt được tội", Bí-sô đó tuy thuyết hối nhưng vẫn phải chịu quả báo đó. Chúng sanh có hình dáng như cái chão chính là tịnh nhơn trong chùa thừa sự cho các Bí-sô, một hôm đang rang thuốc thấy Bí-sô trừng mắt nhìn liền sanh lòng oán hận cố ý đập bể chão nên phải chịu quả báo đó. Chúng sanh bị dây cột trói kéo đứt đoạn chính là Bí-sô thọ sự, lúc đó có thí chủ cúng dường vật dụng cho tăng để dùng lúc trời nóng lạnh, Bí-sô thọ sự này đem y vật dùng cho mùa nóng đưa cho Tăng dùng vào mùa lạnh, đem y vật dùng cho mùa lạnh đưa cho Tăng dùng vào mùa nóng nên phải chịu quả báo đó.

Lúc đó các Bí-sô có nghi thỉnh hỏi Phật: "Cụ thọ tăng hộ đã từng tạo hạnh nghiệp gì và do nghiệp ấy được sinh vào nhà trưởng giả giàu có lại được xuất gia, chứng quả A-la-hán làm được việc lợi ích lớn như thế?", Phật nói: "Bí-sô Tăng hộ đã tạo các phước nghiệp nên nay trở lại thọ quả quả báo. Quá khứ trong Hiền kiếp khi con người sống thọ hai vạn tuổi có đức Phật ra đời hiệu là Ca-

nhiếp-ba ở trong rừng Thi lộc chỗ Tiên nhơn đọa xứ, lúc đó Tăng hộ cũng xuất gia ở chỗ đức Phật đó làm Chúng chủ có năm trăm đệ tử, nam nữ bốn phương đều quy ngưỡng. Vị chúng chủ này tuy kiên trì phạm hạnh không có khuyết phạm nhưng lại không chứng được quả, nên khi sắp lâm chúng liền phát nguyện: "Tôi kiên trì phạm hạnh, tinh tấn không lười biếng trong pháp luật thiện thuyết của Phật Ca-nhiếp-ba, nhưng lại không được chứng quả. Nguyện nhờ công đức thiện căn tu phạm hạnh này ở đời vị lai lúc con người thọ một trăm tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ mười hiệu, tôi sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán". Lúc đó năm trăm đệ tử đến hỏi thầy đã phát nguyện thù thắng gì, vị chúng chủ liền nói rõ nguyện mà mình đã phát, các đệ tử nghe rồi liền nói: "Nếu Ô-ba-đà-da phát nguyện như vậy, con cũng nguyện theo thầy xuất gia và cùng chứng quả A-la-hán". Lúc đó có năm trăm người trong thôn đến thăm nghe biết việc này cũng đồng nguyện được theo xuất gia và cùng chứng quả A-la-hán.

Này các Bí-sô, vị chúng chủ thuở xưa chính là Tăng hộ ngày nay, năm trăm đệ tử thuở xưa chính là năm trăm tiên nhơn, năm trăm người trong thôn thuở xưa chính là năm trăm thương nhơn. Vị chúng chủ thuở xưa do nhân duyên cúng dường tăng già nên nay được quả báo sanh trong nhà giàu có, do

xưa phát nguyện ấy nên nay được quả báo chứng A-la-hán; lại nữa do thuở xưa diều phục rộng khắp nên nay được quả báo điều phục nhiều người, độ nhiều hữu tình làm việc đại lợi ích như thế. Này các Bí-sô, phải biết quả báo tự làm tự thọ, hễ tạo nghiệp đen thì cảm quả báo dị thục đen; tạo nghiệp trắng thì cảm quả báo dị thục trắng… các thầy nên học như thế."

Lúc đó các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "Bí-sô hóa rồng bắt đầu phát tâm từ lúc nào?", Phật nói: "Quá khứ trong Hiền kiếp khi con người sống thọ hai vạn tuổi có đức Phật ra đời hiệu là Ca-nhiếp-ba ở trong rừng Thi lộc chỗ Tiên nhơn đọa xứ đang thuyết pháp cho các Thanh văn: "Này các Bí-sô, nên trú nơi A-lan-nhã hoặc trong núi, dưới gốc cây, chỗ tịch tĩnh… đoan thân chánh niệm, tinh tấn chớ buông lung, các thầy nên học như thế". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy, mỗi người tìm đến một nơi hoặc trên núi Diệu cao hoặc bên ao Vô nhiệt…, lúc đó có một con tiểu long vị Kim súy điểu chúa bắt bay lên không trung, từ trên không nhìn xuống thấy các Bí-sô đoan thân chánh niệm tĩnh tọa liền suy nghĩ: "Các Bí-sô thật an lạc không như ta đang chịu khổ", nghĩ rồi liền sanh tâm quy ngưỡng, tín tâm ân trọng, sau khi khởi niệm này liền mạng chung, thác sanh vào nhà một Bà-la-môn ở thành Bà-la-nê-tư. Đồng tử này đến tuổi trưởng thành liền xuất gia và thọ cận viên, siêng tu phạm hạnh,

không bao lâu sau phiền não đốn trừ chứng được quả A-la-hán, thoát ly ba cõi như dao cắt mùi thơm, không sinh sân hận, xem vàng như đất không khác, đáng được chư thiên Đế-thích, Phạm vương cúng dường. Lúc đó vị A-la-hán này liền quán mình đã tạo nghiệp gì, từ đâu chết sinh đền đây mà chứng được quả này; quán rồi liền biết mình từ loài rồng chết được sanh vào cõi người, do thấy các Thanh văn mà phát tâm ân trọng; lại quán thấy cha mẹ rồng trong quá khứ ở trong Long cung liền dùng thần thông hiện đến trong Long cung, thấy cha mẹ đang khóc liền hỏi nguyên do. Rồng mẹ nói: "Con tôi bị Kim súy điểu chúa bắt đi không biết ra sao", vị A-la-hán nói: "Tôi chính là con rồng nhỏ ấy, sau khi chết thác sanh trong nhà Bà-la-môn, sau đó xuất gia nơi Phật Ca-nhiếp-ba siêng tu phạm hạnh, đoạn trừ phiền não chứng A-la-hán". Rồng mẹ nói: "Thật là hi hữu khó tin, vì rồng con của tôi tánh tình vốn ác được sanh vào cõi lành còn khó, làm sao có thể chứng được A-la-hán", vị A-la-hán nói: "Tôi thật đã chứng quả, không phải nói hư dối", rồng mẹ nói: "Nếu thật như thế, từ nay về sau hằng ngày xin thỉnh Thánh giả xuống đây thọ thực", vị A-la-hán im lặng nhận lời thỉnh, hằng ngày đến trong Long cung thọ thực, ăn xong mới trở về chỗ ở của mình. Vị A-la-hán này có nuôi một cầu tịch, các Bí-sô hỏi cầu tịch: "Thầy của con hằng ngày đi đến đâu thọ thực?", đáp là không biết, lại hỏi tại

sao không đi theo, đáp: "Thầy con có đại oai đức dùng thần thông để đi, con không có oai đức làm sao đi theo được", các Bí-sô nói: "Khi thầy con sắp đi, con nên lặng lẽ nắm lấy chéo y", đáp: "Con sợ bị rơi xuống đất", các Bí-sô nói: "Cột núi Tô-mê-lô vào y của thầy con, núi còn không rớt huống chi là thân con". Cầu-tịch nghe lời chỉ vẻ nên sắp đến giờ ăn, lặng lẽ đến chỗ thầy đứng ở chỗ khuất, đợi khi thầy bay lên hư không liền nắm lấy chéo y của thầy bay theo. Khi đến trong long cung thấy sắp đặt hai chỗ ngồi liền hỏi tại sao, rồng chỉ phía sau, lúc đó vị thầy mới biết là Cầu-tịch lén theo sau. Các rồng suy nghĩ: " Vị thầy đã chứng quả có đại oai đức nên cúng dường thức ăn của trời, còn vị đệ tử chưa chứng nên cúng dường thức ăn của phàm phu", liền cùng dường cho hai vị như đã nghĩ. Sau khi ăn xong Cầu-tịch thâu bát của thầy, thấy trong bát còn sót vài hạt cơm bèn lấy ăn, mùi vị ngon ngọt ở thế gian không sánh bằng liền suy nghĩ: "Hai người cùng ăn sao lại có phân biệt", nghĩ rồi liền sanh tâm sân hận phát nguyện: "Ta xuất gia nơi Phật Ca-nhiếp-ba tu phạm hạnh, nguyện đem công đức này được sanh trong loài rồng có đại oai đức đoạt lấy Long cung, đuổi hết các rồng này đi". Do tâm sân hận mãnh liệt nên sau khi phát nguyện xong nơi hai tay chảy ra nước trong, lúc đó các rồng trong cung đều bị đau đầu, các rồng nói với vị thầy: "Cầu-tịch này không nghĩ việc thiện, nên

ngăn cản", vị thầy nói: "Đây là cõi ác, cớ sao con lại phát nguyện như vậy", Cầu-tịch nói kệ:

"Tâm con đã đi xa,
Khó thể nắm bắt lại,
Cớ sao khó truy hối,
Vì hai tay chảy nước".

Nói kệ xong thân hóa thành rồng, đuổi hết các rồng đi và chiếm lấy Long cung.

Này các Bí-sô, Bí-sô hóa rồng chính là Long vương bị đuổi, Long vương do nhân duyên này mà bắt đầu phát tâm".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một ngoại đạo đến trú xứ của các Bí-sô thấy giường nằm, ngọa cụ… cho đến thức ăn uống đều thượng diệu, liền suy nghĩ: "Ta nên xuất gia ở đây để được thọ hưởng mọi thứ thượng diệu, đến ngày nghe pháp thì ta sẽ trở về trú xứ của mình để nghe", nghĩ rồi liền đến chỗ các Bí-sô cầu xuất gia, các Bí-sô liền cho xuất gia và thọ cận viên. Thường pháp của ngoại đạo là Bao-sái-đà vào ngày thứ mười bốn, Bí-sô Bao-sái-đà vào ngày thứ mười lăm nên ngoại đạo này trở về trú xứ của ngoại đạo để Bao-sái-đà vào ngày thứ mười bốn, qua ngày thứ mười lăm mới trở lại chỗ Bí-sô để trưởng tịnh. Thời gian sau vì có duyên sư nên tăng già bố tát vào ngày thứ mười bốn, ngoại đạo này suy nghĩ: "Hôm nay hai nơi cùng trưởng

tịnh, ta nên đến kia hay ở đây. Sa môn Thích tử vốn từ bi hỉ xả, khoan dung còn ngoại đạo thì nghiêm khắc, nếu ta không đến ắt sẽ phạt và quở trách ta", nghĩ rồi liền đến trú xứ của ngoại đạo bố tát. Lúc đó các Bí-sô đánh kiền chùy tập họp Tăng già, đại chúng đều đến tập họp chỉ thiếu có mỗi Bí-sô ngoại đạo, các Bí-sô tìm không thấy nên cùng tác pháp trưởng tịnh. Sáng hôm sau Bí-sô ngoại đạo trở về, các Bí-sô hỏi đã đi đâu, liền đáp: "Tôi từ chỗ các phạm hạnh cũ bố tát xong trở về", các Bí-sô nghe rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Ngoại đạo kia còn chấp tà kiến không chịu bỏ, nếu còn ở trong giáp pháp của ta chẳng những không có lợi ích, cũng không tăng trưởng pháp nhãn, nên diệt tẫn cho họ hoàn tục. Từ nay về sau nếu có ngoại đạo đến cầu xuất gia nên hỏi: Ngươi không phải là ngoại đạo còn ưa thích tà pháp phải không? Nếu đáp phải thì nên đuổi ra, nếu không hỏi thì phạm tội việt pháp".

Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, ngoại đạo như thế nào nên diệt tẫn?", Phật nói: "Một là ngoại đạo vẫn còn giữ y phục trước kia của mình; hai là ngoại đạo còn ưa thích pháp của họ, không bỏ tà kiến; ba là ngoại đạo trở về trú xứ của ngoại đạo, mặc lại y phục của ngoại đạo cho đến khi mặt trời mọc. ba loại ngoại đạo như thế đều phải diệt tẫn".

Phật ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một

trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu thì sanh được một trai, sau đó trưởng giả vì muốn kinh doanh cầu lợi nên sang phương khác buôn bán, không may lại qua đời không trở về nữa, người vợ ở nhà phải tự lực nuôi con khôn lớn. Đến tuổi trưởng thành, đồng tử này cùng các bạn đến nhà một trưởng giả, người con gái của trưởng giả đó ném tràng hoa vào người đồng tử, các bạn liền hỏi đồng tử: "Bạn có hẹn với người con gái ấy phải không?", đáp là có, các bạn nói: "Ông trưởng giả đó tánh nghiêm khắc ác độc, bạn ước hẹn với con gái của ông ta, ông ta biết được sẽ hại bạn". Các bạn khuyên can rồi liền đưa đồng tử về nhà và nói với người mẹ: "Bạn ấy cùng ước hẹn với con gái ông trưởng giả làm việc phi pháp, chúng con đã khuyên can nhưng e trong đêm nay bạn ấy sẽ đi đến đó, bác nên tìm cách ngăn cản", nói rồi ra về. Người mẹ bảo con trai vào phòng, trong phòng để-sẵn bình nước và cái bô, bà đóng cửa lại và nằm ngủ ngay trước cửa phòng của con. Đến nửa đêm, người con kêu mẹ: "Mẹ hãy mở cửa cho con ra ngoài tiểu tiện", người mẹ nói: "Trong phòng có để-sẵn cái bô, con cứ tiểu vào trong đó". Không bao lâu sau người con lại kêu mẹ mở cửa, người mẹ vẫn không mở và nói rằng: "Ta biết con muốn đi đâu, ta có chết cũng không mở cửa", người con nghe rồi liền tức giận, lại do lửa dục đốt tâm nên không điều ác gì mà không dám làm, liền tông cửa ra giết chết mẹ rồi chạy đi đến

nhà trưởng giả để gặp người con gái kia. Lúc đó cô gái thấy đồng tử thân hình run rẩy liền nói: "Anh chớ sợ, cha em không có ở nhà", đồng tử nói: "Đêm nay vì em mà anh đã giết chết mẹ mình", cô gái hỏi: "Là mẹ ruột hay mẹ kế", đáp là mẹ ruột, cô gái suy nghĩ: "Người này nổi giận ngay cả mẹ mình còn dám giết, huống chi là ta", nghĩ rồi liền nói: "Hãy chờ ở đây, em lên lầu một chút rồi trở xuống ngay", lên lầu rồi cô gái liền la lớn là có giặc, đồng tử nghe rồi liền chui qua ống thoát nước trốn ra ngoài, về đến nhà liền la to lên rằng: "Giặc giết chết mẹ tôi". Sau khi hỏa táng mẹ xong, đồng tử suy nghĩ: "Ta đã tạo tội nghịch", từ đó trong lòng luôn sợ hãi bất an nên tìm đến các nơi thờ trời hỏi nên tu hạnh nghiệp gì để diệt tội. Có người nói là phải nhảy vào lửa, có người nói nên từ trên cao nhảy xuống, có người nói nên nhảy vào nước, lại có người nói nên thắt cổ… đều là tự sát, không có lối thoát. Thời gian sau đồng tử này đến trong rừng Thệ-đa nghe các Bí-sô tụng kệ:

"Nếu người tạo nghiệp ác,
Tu thiện trừ diệt được,
Kia chiếu soi thế gian,
(như) Mặt trời ra khỏi mây.",

Đồng tử nghe rồi liền suy nghĩ: "Sa môn Thích tử có pháp trừ tội, ta nên xuất gia tu thiện nghiệp để diệt trừ tội của mình". Nghĩ rồi liền đến chỗ các Bí-sô cầu xuất gia, các Bí-sô liền cho xuất gia và

cho thọ cận viên, sau đó siêng năng tinh tấn tu tập, không bao lâu sau thông suốt ba tạng được biện tài vô ngại, khéo hay luận đáp. Có một Bí-sô hỏi: "Vì nhân duyên gì mà thầy tinh tấn như vậy, chắc là mong cầu điều gì?", đáp: "Tôi vì muốn diệt trọng tội", lại hỏi trọng tội gì, đáp là tội giết mẹ, lại hỏi là mẹ ruột hay nhũ mẫu, đáp là mẹ ruột. Bí-sô này đem việc trên bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Người giết mẹ xuất gia trong giáo pháp của ta sẽ làm hoại chánh pháp, nên diệt tẫn. Từ nay về sau nếu có người đến cầu xuất gia nên hỏi: Ngươi không có giết mẹ phải không?, nếu không hỏi thì phạm tội Việt pháp". Sau khi bị Tăng diệt tẫn, người này suy nghĩ: "Ta không thể hoàn tục, ta nên đến biên phương xa xôi", nghĩ rồi liền đến chốn biên phương hóa độ một trưởng giả, trưởng giả này phát tâm tín kính xây chùa cho Bí-sô này ở, không bao lâu sau có nhiều người đến nghe pháp nương ở, trong số đó có nhiều người chứng quả A-la-hán. Thời gian sau Bí-sô này mắc bịnh lạ, thuốc thang không thể trị lành, đến lúc nguy khốn mới bảo các đệ tử xây nhà tắm, các đệ tử vâng lời cho xây nhà tắm vừa xong thì vị thầy nói kệ:

"Tích tụ đều tiêu tán,
Cao ngất ắt rơi rớt,
Hội họp ắt biệt ly,
Có mạng đều phải chết".

Nói kệ xong thì qua đời đọa vào địa ngục Vô

gián. Lúc đó vị đệ tử đã chứng quả A-la-hán nhập định quán xem Ô-ba-đà-da thác sanh vào chỗ nào, quán trên thiên cung không thấy; kế quán trong cõi người, cõi bàng sanh, ngạ quỷ cũng đều không thấy; kế quán cõi địa ngục thì thấy thầy đang ở trong ngục Vô gián. Vị đệ tử này suy nghĩ: "Thầy ta lúc còn sống đa văn trì giới, dùng pháp nhiếp thọ, không hiểu đã tạo nghiệp gì phải đọa trong Vô gián", nghĩ rồi liền quán thêm, mới biết thầy mình đã phạm tội nghịch là giết mẹ nên bị lửa dữ ở địa ngục bức thân. Lúc bị hành hạ ở địa ngục, vị này khởi tưởng đây là nhà tắm nên kêu lên là nhà tắm, ngục tốt nghe được dùng chùy đánh vào đầu nói rằng: "Tội nhân bạc phước, đây là địa ngục Vô gián sao gọi là nhà tắm", bị đánh liền phát thiện tâm nên mạng chung sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Tất cả hữu tình sanh lên cõi trời đều khởi ba niệm: Một là ta từ đâu sanh đến đây, hai là nay ta đang ở đâu, ba là ta do nghiệp duyên gì. Khởi niệm rồi liền quán biết ta chết từ địa ngục vô gián, được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, do nhân duyên làm nhà tắm nên được sanh lên cõi trời này. Quán biết rồi liền suy nghĩ: "Ta nhờ nơi thiện phương tiện của Thế tôn nên mới được sanh lên cõi trời, ta nên đến gặp Thế tôn để báo ân", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật, nghe pháp xong liền chứng Sơ quả, được Kiến đế rồi liền trở về thiên cung. Lúc đó vị đệ tử chứng A-la-hán đến giờ ăn của chúng Tăng ngồi ở vị trí bậc

Thượng tòa trong chúng, thị giả dọn đưa nước, lúc Thượng tọa thọ nước đầu ngón tay chạm vào nước lạnh liền nghĩ đến thầy mình đang đọa trong địa ngục phải uống nước đồng sôi, liền quán cõi địa ngục thì không còn thấy thầy đâu; kế quán cõi người, bàng sanh ngạ quỷ cũng không thấy; kế quán cõi trời thì thấy thầy được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, sau đó ở chỗ Phật đã được Kiến đế. Quán thấy biết rồi liền mỉm cười nói rằng: "Chỉ có Phật pháp tăng là vi diệu thanh tịnh bất tư nghì. Phạm tội nghịch, nghiệp cực trọng bị đọa vào địa ngục rồi lại được sanh lên cõi trời, thật là có công năng thù thắng", vị thị giả dọn đưa nước thấy Thượng tọa cười liền nói:

"Ô-ba-đà-da chết, thầy được lên làm Thượng tọa nên vui vẻ mỉm cười phải không?", Thượng tọa nói: "Này cụ thọ, điều mà thầy vừa hỏi bây giờ là không đúng lúc, đợi khi Tăng già tập họp hãy hỏi điều nay, ta sẽ giải đáp cho thầy". Sau đó khi Tăng già tập họp, vị thị giả kia liền hỏi Thượng tọa giống như đoạn văn trên, thương tọa liền đem việc trên nói cho đại chúng nghe, đại chúng nghe xong đều Hoan-hỉ tán thán công đức của Tam bảo như ở đoạn văn trên.

Phật ở trong rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt thuyết pháp cho vua Thắng-quang, vua nghe pháp xong liền được Kiến đế, lúc đó có tám vạn thiên chúng cùng vô lượng trăm ngàn Phạm chí, Bà-la-

môn đồng thời cũng được Kiến đế, vua liền cho người đánh trống tuyên lịnh: "Mọi người nên biết, người trong nước ta không được làm giặc cướp, nếu làm giặc cướp bị bắt được sẽ bị đi đày và tẫn xuất. Tài vật của người bị mất ta sẽ xuất kho bồi thường". Cũng vào lúc đó Phật thuyết kinh Thiếu Niên cho vua nước Kiều-tát-la khiến sanh lòng tín kính, vua cũng cho người đánh trống tuyên lịnh: "Mọi người nên biết, người trong nước ta không được làm giặc cướp, nếu làm giặc cướp bị bắt được sẽ giết chết. Tài vật của người bị mất ta sẽ xuất kho bồi thường". Lúc đó bọn giặc cướp của hai nước này nghe nhà vua tuyên lịnh như vậy liền tập trung lại ở ranh giới giữa hai nước để trốn tránh, người sống trong hai nước đều nghe biết ở ranh giới giữa hai nước có bọn giặc cướp thường đón đường các đoàn thương buôn cướp của giết người. Lúc đó có các thương nhơn đi đến giữa đường thì gặp cướp, trong số các thương nhơn có người bị giết chết, có người bỏ chạy, lại có một vị A-la-hán tháp tùng theo các thương nhơn thấy việc này rồi trong lúc chánh tư duy thì bị giết chết. Người chạy thoát được liền chạy đến chỗ vua Thắng-quang kêu cứu, vua hỏi biết rõ chỗ bị cướp rồi liền ra lịnh cho đại tướng Tỳ-lô-trạch-gia đem quân đi bắt giặc. Lúc đó bọn cướp đang ở trong rừng phân chia tài vật vừa cướp được, đại tướng cho quân bao vây tứ phía rồi đánh trống thổi ốc, giặc cướp nghe rồi kinh

hoàng bỏ chạy, có kẻ bị giết, có kẻ bị bắt. Đại tướng cho chở tất cả tài vật và bọn cướp đã bắt được giải về đến chỗ vua. Vua hỏi bọn cướp: "Các ngươi há không nghe ta tuyên lịnh, người trong nước ta không được làm giặc cướp, nếu làm giặc cướp bị bắt được sẽ giết chết hay sao?", đáp: "Chúng tôi đều nghe biết", vua hỏi: "Nếu đã nghe biết tại sao còn làm giặc cướp, cướp hết tài vật của đoàn thương buôn?", đáp: "Nếu không làm giặc cướp thì không thể sinh sống được", vua hỏi: "Nếu như vậy thì chỉ nên lấy của, tại sao còn giết người?", đáp: "Vì muốn khủng bố họ nên mới giết". Vua nói: "Nếu như vậy ta cũng có cách xử tội làm cho các ngươi sợ hãi, cách xử tội này nếu trước nay chưa thấy thì nay các ngươi được thấy", nói xong nhà vua ra lịnh giết hết bọn cướp. Trong số bọn cướp có một tên chạy thoát được liền chạy đến trong rừng Thệ-đa ở chỗ các Bí-sô cầu xuất gia, các Bí-sô liền cho xuất gia và thọ Cận viên. Sau đó các Bí-sô dẫn Bí-sô này vào rừng thây chết, Bí-sô này thấy xác của những tên cướp liền rơi nước mắt, các Bí-sô nói với nhau: "Bí-sô mới xuất gia này tín tâm rất sâu, nhìn thấy những thây chết này liền rơi nước mắt". Bí-sô này nghe rồi liền khóc lớn, các Bí-sô hỏi nguyên do, liền đáp: "Người này là cha, người này là anh, người này là em của tôi", các Bí-sô hỏi: "Họ đều là giặc cướp, đã giết chết một A-la-hán, không lẽ thầy cũng là

một trong số bọn cướp đó hay sao?", đáp phải. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Người giết A-la-hán là đoạn phước điền, phạm tội nghịch, nếu xuất gia sẽ làm hoại giáo pháp của ta, nên diệt tẫn cho hoàn tục. Từ nay các Bí-sô nếu có người đến cầu xuất gia nên hỏi: Ngươi không có giết A-la-hán phải không?, nếu không hỏi thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Nếu có người trước đã xuất gia, phá hòa hợp Tăng rồi hoàn tục, sau đó lại đến cầu xuất gia, có nên cho họ xuất gia không?", Phật nói: "Không nên. Từ nay trở đi nếu có người đến cầu xuất gia, các Bí-sô nên hỏi: Ngươi có từng phá hòa hợp Tăng hay không?, nếu đáp là không thì nên độ, nếu không hỏi như thế thì phạm tội Việt pháp", Ưu-ba-ly lại hỏi: "Nếu có người sanh tâm ác nghịch với Thế tôn làm thân Phật chảy máu, sau đó đến cầu xuất gia thì có nên độ họ không?", Phật nói: "Không nên. Nếu có người đến cầu xuất gia, các Bí-sô nên hỏi: Ngươi không có ác tâm làm thân Phật chảy máu phải không?, nếu đáp là không có thì nên độ, nếu không hỏi như thế thì phạm tội Việt pháp". Ưu-ba-ly lại hỏi: "Nếu có người trước đã xuất gia tùy phạm một trong bốn pháp Ba-la-thị-ca rồi hoàn tục, sau đó lại đến cầu xuất gia thì có nên độ họ không?", Phật nói: "Không nên. Nếu có người đến cầu xuất gia, các Bí-sô nên hỏi: Ngươi có từng phạm một trong bốn tội trọng hay không?, nếu không hỏi như thế

thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Nếu có Bí-sô bị Tăng tác pháp yết ma Bất kiến cử, liền hoàn tục; sau đó lại xuất gia và thọ Cận viên tiếp tục gây tội, không chịu phát lồ, còn nói là không thấy tội thì Tăng nên diệt tẫn. Nếu Bí-sô nào phạm tội không chịu sám hối, sanh ác kiến không chịu bỏ, bị tăng tác pháp yết ma Bất sám cử, Bất xả ác kiến cử, hoàn tục rồi lại đến cầu xuất gia, vẫn không chịu sám hối và không bỏ ác kiến thì nên diệt tẫn".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó những người đệ tử được Lục chúng Bí-sô độ khi chưa biết thầy mình là người ác hạnh thì cùng ở chung thừa sự cúng dường, nhưng khi biết rồi thì bỏ đi đến ở chung với các Bí-sô thiện hạnh để thỉnh hỏi những việc cần làm trong ba thời. Lục chúng Bí-sô nói với nhau: "Những Hắc bát này đoạt đệ tử của chúng ta, nếu chúng ta có độ thêm ai thì hãy độ những người như vầy như vầy". Sau đó Ô-ba-Nan-đà thấy một người không có tay liền nói: "Hiền thủ, sao ngươi không xuất gia?", đáp: "Ai có thể độ một người không có tay như tôi", Ô-ba-Nan-đà nói: "Giáo pháp của Thế tôn từ bi khoan thứ, ta sẽ độ ngươi". Nói rồi liền dẫn về cho xuất gia và thọ Cận viên rồi dạy các hành pháp và oai nghi, vài ngày sau bảo rằng: "

ngươi biết không, nai không nuôi nai, thành Thất-la-phiệt này rộng lớn, dân đông đều kính tín Tam bảo, ngươi nên đi đến đó khất thực tự nuôi thân", Bí-sô không tay bạch: "Thân con như vầy làm sao khất thực được", Ô-ba-Nan-đà nói: "Ta sẽ dạy ngươi", nói rồi liền mặc ba y vào người đệ tử rồi dùng dây cột lại, kế cột đãy bát vào vai trái, cột cây tích trượng vào vai phải của đệ tử. Bí-sô không tay vào thành khất thực, một phụ nữ trông thấy không có tay liền la lên: "Ai đã độc ác chặt Cả hai tay của Bí-sô nay như vậy?", Bí-sô nói: "Tôi bị chặt hai tay khi còn ở thế tục, không phải sau khi xuất gia", phụ nữ kia hỏi: "Ai đã độ thầy xuất gia?", đáp là Ô-ba-Nan-đà, phụ nữ kia nghe rồi liền nói: "Trừ nhóm Lục chúng ác hạnh ra, không ai độ người như thế này xuất gia". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Do độ người căn thân không đầy đủ nên có lỗi này. Sao gọi là căn thân không đầy đủ? Tức là không tay, không ngón tay, không chân, sứt môi, không môi… Nếu ai độ những người như thế thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó Ưu-ba-ly bạch Phật: "Nếu người phải chống gậy, bị ban trắng hoặc già quá, nhỏ quá… được độ không?", Phật nói: "Không được. Tất cả những bịnh làm nhơ ngọa cụ của tăng đều không được độ. Lại nữa những người què chân, mắt lé, mù, chột, gù lưng, lùn thấp, có bướu cổ, câm, điếc… đều không được độ, nếu độ thì phạm tội Việt pháp. Lại

nữa những người dâm dục quá độ, bị nữ nhân làm tổn thương, bị tổn thương do làm việc nặng, bị thương tổn do đi bộ, đại tiểu tiện không thể cấm chế… đều không được độ, nếu độ thì phạm tội Việt pháp", lại hỏi: "Những người mắc bịnh ghẻ lác, ghẻ độc, mạch lươn, bịnh lác khô, lác ướt, gầy còm, hen suyển, sốt rét, điên cuồng, nghiện ngập, trĩ… có được độ không?", Phật nói: "Không được, nếu độ thì phạm tội Việt pháp".

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 78

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA AN CƯ SỰ

SỐ 1445

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1445

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ AN CƯ SỰ

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Thế tôn cùng các Bí-sô an cư tại đây trong ba tháng mùa mưa, nhưng lại có nhiều Bí-sô ngay trong hạ du hành đến trú xứ khác, do không khéo hộ trì thân nghiệp đã đạp chết nhiều côn trùng. Các ngoại đạo chê trách: "Sa môn Thích tử không có tâm từ bi, du hành trong mùa hạ đạp chết côn trùng không khác người thế tục. Loài cầm thú còn ở trong hang ổ không ra ngoài, Sa môn Thích tử này không chịu an cư, không biết thu nhiếp ở yên một chỗ, không có phép tắc như thế thì ai lại đem y thực bố thí cho họ", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Do việc này ta nay chế các Bí-sô nên tác pháp an cư trong ba tháng ở yên một chỗ". Lúc đó các Bí-sô không biết tác pháp an cư như thế nào, Phật nói: "Trước ngày mười lăm tháng năm hãy quét dọn trú xứ sạch sẽ, dùng cù ma đắp nền, đem tất cả ngọa cụ tụ lại một chỗ và để bồn rửa chân. Sau đó đánh kiền chùy tập Tăng, Tăng nhóm rồi liền sai một Bí-sô làm người coi giữ

phân chia ngọa cụ, nếu người có năm pháp: Thương, giận, sợ, si, không biết phân chia hay không phân chia ngọa cụ thì người này không nên sai; ngược với năm pháp trên thì nên sai như sau: Trước nên hỏi Bí-sô tên có thể phân chia ngọa cụ cho Tăng già an cư hay không, nếu vị ấy đáp là có thể thì nên sai. Kế sai một Bí-sô tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Tăng già lắng nghe, Bí-sô này tên bằng lòng phân chia ngọa cụ cho Tăng già an cư mùa hạ. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, nay Tăng sai Bí-sô này tên làm người phân chia ngọa cụ cho Tăng già an cư mùa hạ. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng già lắng nghe, Bí-sô này tên bằng lòng phân chia ngọa cụ cho Tăng già an cư mùa hạ. Nay Tăng sai Bí-sô này tên làm người phân chia ngọa cụ cho Tăng già an cư mùa hạ. Nếu các cụ thọ chấp thuận Bí-sô này tên làm người phân chia ngọa cụ cho Tăng già an cư mùa hạ thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận Bí-sô tên làm người phân chia ngọa cụ cho Tăng già an cư mùa hạ. Tăng chấp thuận vì im lăng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nay ta chế hành pháp cho Bí-sô phân chia ngọa cụ, vị thọ sự trước nên làm thẻ dài khoảng một gang tay để phân phát cho Tăng già, sáng hôm sau mới trải tòa, đánh kiền chùy tập tăng. Những thẻ

đã làm nên rắc bột thơm rồi để trong một hộp tre có ướp hương thơm, phủ tấm vải trắng lên trên, để hộp thẻ trên một cái mâm ở trước Tăng rồi tuyên đọc chế lịnh an cư:

Đại đức Tăng già lắng nghe, ở trú xứ này có pháp chế, nếu các đại đức vui thích an cư ở đây không trái pháp chế thì nên lấy thẻ. Trong khi an cư không nên trách cứ lẫn nhau nói là phá kiến, phá giới, phá chánh hạnh, phá chánh mạng. Nếu vị nào biết có người phạm thì bây giờ nên nói ra, không nên cử tội trong hạ làm cho các Bí sô phiền não, không được an lạc trụ.

Kế sai một Bí-sô bưng mâm thẻ đi trước để phát, người bưng mâm không đi sau thu lấy thẻ. Bí-sô phát thẻ để một thẻ ở chỗ Thế tôn rồi mới đến trước Thượng tọa, Thượng tọa lấy một thẻ rồi để lên mâm không, thứ lớp phát và thu thẻ như vậy cho đến người cuối cùng, nếu có cầu tịch nào không đến được thì A-giá-lợi-da hoặc Ô-ba-đà-da lấy giùm cho họ. Kế đếm số thẻ đã thu được rồi bạch rằng: Những người có mặt trong trú xứ này gồm có vị Bí-sô, có Cầu-tịch kể ra. Lúc đó Bí-sô phân chia ngọa cụ để một chìa khóa ở trước Thượng tọa nói: đây là chìa khóa phòng số , nếu Thượng tọa bằng lòng thì xin nhận. Nếu Thượng tọa không nhận phòng này thì nên chuyển đưa chìa khóa cho Thượng tọa thứ hai, nếu Thượng tọa thứ hai nhận phòng này thì lấy chìa khóa phòng của

Thượng tọa thứ hai đã ở trước đó giao cho Thượng tọa thứ ba… cứ như thế cho đến người cuối cùng trong tăng. Nếu Thượng tọa thứ nhất thấy đưa chìa khóa phòng cho Thượng tọa thứ hai mà đổi ý đòi lại, đòi lần thứ nhất không nên cho, đòi lần thứ hai cũng không nên cho, đói lần thứ ba nên cho nhưng Thượng tọa thứ nhất này phải sám tội Ác-tác. Lần lượt như vậy, vị nào phải sám tội Ác-tác chuẩn theo đó nên biết". Lúc đó Bí-sô phân chia hết phòng xá lại có Bí-sô khách đến, không còn phòng để chia, Phật nói: "Nên chừa lại một phòng và ngọa cụ dự phòng cho Bí-sô khách. Nên sai một Bí-sô trông coi lợi dưỡng của tăng già và chừa một phòng để cất ngọa cụ, Bí-sô này nên coi giữ xem có trùng và tổ ong hay không, nếu có tổ ong đợi ong ra khỏi tổ thì đem bỏ đi, nếu còn ong con trong tổ thì nên đem treo tổ ong ở chỗ khác, khi chúng trưởng thành tự sẽ bay đi. Khi có Bí-sô khách đến nên cấp cho họ ngọa cụ, nếu ít người thì mỗi người một cái, nếu đông thì hai người dùng chung một cái". Lại có Bí-sô kỳ túc được cấp cho nệm dày và lớn, một mình khó mang đi, Phật nói: "Nếu có Bí-sô trẻ nên bảo y chỉ thừa sự". Sau khi phân chia ngọa cụ xong, Phật nói: "Không có vật lót không nên nằm ngồi liền, cũng không nên dùng vật nhỏ lót làm cho dơ hay hư rách ngọa cụ của Tăng. Vị thọ sự nên đi tuần xem xét thấy có ai làm sai trái thì dưa theo việc mà trị phạt, nếu là người tuổi nhỏ thì nên nói

hai thầy trị phạt họ. Nên vào ngày mười lăm mỗi tháng đi tuần tra, nếu thấy ai dùng ngọa cụ không như pháp thì bạch cho đại chúng biết để thu ngọa cụ lại và trị phạt họ; nếu ai còn y chỉ thì nên nói với thầy y chỉ thu ngọa cụ lại."

Khi đại chúng tập họp tác pháp an cư nên cáo bạch: "Này các cụ thọ, nay ở trú xứ này có tất cả là người, sẽ nương nơi làm thí chủ, nương thôn xóm làm chỗ khất thực, coi là người doanh sự, là người khán bịnh để ở tại trú xứ này an cư". Lúc đó các Bí-sô nên xem xét những thôn xóm khất thực ở gần, nếu thấy ưa thích muốn ở nơi đây an cư cùng các vị đồng phạm hạnh không sinh ưu não, nếu có phát sinh thì mau trừ diệt; an lạc chưa sanh thì nên làm cho sanh, đã sanh thì nên làm cho tăng trưởng. Khất thực ở trong thôn xóm đó không có khó nhọc, nếu có bịnh khổ thì có người cung cấp thuốc men, thức ăn thức uống và những vật cần dùng được đầy đủ. Bí-sô này nên đến trước một Bí-sô đối thú tác pháp an cư:

Cụ thọ nhớ nghĩ, hôm nay là ngày mười sáu tháng năm Tăng già an cư mùa hạ. Tôi là Bí-sô tên cũng vào ngày mười sáu tháng năm an cư, ở ngay trong giới này tiền an cư ba tháng hạ nương nơi làm thí chủ, làm người doanh sự, làm người khán bịnh. Nếu trú xứ có hư dột tôi sẽ tu bổ, xin được ở trong đây an cư. (3 lần)

Bí-sô đối thú nói: Áo tỷ ca (thiện) Bí-sô tác

pháp nói: Sa độ (nhĩ).

Trường hợp có duyên sự không kịp tiền an cư thì được hậu an cư, tác pháp giống như tiền an cư. Đã tác pháp an cư rồi thì ban đêm không được ra khỏi giới, nếu có duyên sự phải xuất giới thì không được ở lại qua đêm.

Lúc đó trong thôn Tượng có một trưởng giả tên là Ưu-đà-diên giàu có muốn cúng dường Tăng già nên đem cất y thực vào trong kho rồi sai sứ đến thành Thất-la-phiệt thỉnh Bí-sô tăng già đến thọ nhận, các Bí-sô hỏi sứ giả: "Nhà trưởng giả gần hay xa?", đáp: "Cách đây khoảng hơn ba du thiện na", các Bí-sô thấy hơi xa sợ đi sẽ không về kịp trong ngày, vì Thế tôn đã chế trong khi an cư không được ngủ đêm ở ngoài giới, vì thế các Bí-sô từ chối không đi phó thỉnh. Lúc đó cạnh thôn Tượng có các Bí-sô an cư đến nhà trưởng giả thọ thỉnh, được cúng dường rất nhiều y thực. Mãn hạ, các Bí-sô này đắp y mang bát đến thành Thất-la-phiệt, các Bí-sô trú xứ đón chào thăm hỏi: "Các thầy từ đâu đến, đã an cư ở đâu?", đáp: "Chúng tôi an cư bên cạnh thôn Tượng, mãn hạ liền đến đây", lại hỏi: "Các thầy an cư nơi đó có hòa hợp không, khất thực có dễ không?", đáp: "Chúng tôi an cư nơi đó rất an lạc, y thực đầy đủ", nói rồi liền đem việc trên kể lại, các Bí-sô nghe rồi liền nói: "Trưởng giả đó có đến đây thỉnh, chúng tôi sợ đến đó thọ thỉnh trở về không kịp trong ngày, vì Thế tôn đã chế khi an

cư không được ngủ đêm ở ngoài giới, cho nên chúng tôi từ chối không đi phó thỉnh". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật suy nghĩ: "Đệ tử Thanh văn của ta tuy không có tâm tham đắm y thực, nhưng để cho họ được an lạc trụ và khiến cho thí chủ được phước thọ dụng, ta nên khai cho được xuất giới bảy ngày để đi phó thỉnh", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "Trong khi an cư nếu có duyên sự cần xuất giới, nên tác pháp xin xuất giới từ một đến bảy ngày". Phật tuy khai cho xuất giới nhưng các Bí-sô lại không biết việc gì thì được xin xuất giới, liền bạch Phật, Phật nói: "Đó là những việc liên quan tới Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, Bí-sô, Bí-sô ni, Thức-xoa-ma-na, Cầu-tịch nam, Cầu-tịch nữ… Sao gọi là việc liên quan tới Ô-ba-sách-ca và Ô-ba-tư-ca? Nếu trong nhà của họ có việc muốn cúng dường y thực nên sai sứ đến thỉnh Bí-sô, lúc đó Bí-sô đối trước một Bí-sô tác pháp xin xuất giới trong bảy ngày. Hoặc họ muốn cúng dường ngọa cụ, các vật dụng và y thực, cũng nên tác pháp xin xuất giới trong bảy ngày; hoặc đến thỉnh Bí-sô về nhà thọ thực, cũng nên tác pháp xin xuất giới trong bảy ngày. Nếu có Ô-ba-sách-ca xây cất chùa tháp đến thỉnh Bí-sô trợ giúp công đức, Bí-sô nên tác pháp xin xuất giới trong bảy ngày. Cho đến các việc như an trí tướng pháp luân, cờ phướn, y thực để cúng dường tháp nên đến thỉnh Bí-sô trợ giúp, Bí-sô cũng nên tác pháp xin xuất giới bảy ngày, đây gọi

là việc liên quan tới Ô-ba-sách-ca và vì Phật sự. Nếu có Ô-ba-sách-ca sao chép kinh luận để tu học, sao chép xong muốn cúng dường nên đến thỉnh Bí-sô; hoặc ở trong Tạng giáo lược giải giáo pháp có nghi không thể quyết đoán, muốn thỉnh hỏi Bí-sô nên đến thỉnh Bí-sô quyết nghi; hoặc sanh tà kiến, không tin nhân quả nên đến thỉnh Bí-sô dứt trừ tà kiến cho họ, đây gọi là việc liên quan tới Ô-ba-sách-ca và vì pháp sự. Nếu vợ của Ô-ba-sách-ca có thai sợ khi sanh gặp nạn, muốn cầu cho mẹ tròn con vuông nên đến thỉnh Bí-sô; hoặc vì bịnh hoạn muốn cúng dường Bí-sô nên đến thỉnh, Bí-sô đều được tác pháp xin xuất giới trong bảy ngày để đi.

Sao gọi là việc liên quan tới Bí-sô? Nếu có Bí-sô xây cất trú xứ cúng cho Tứ phương Tăng già nên làm lễ khánh thành thiết trai cúng dường Tăng, sai sứ đến thỉnh; hoặc cúng dường ngọa cụ, hoặc vì thờ xá lợi nên xây tháp, hoặc bố trí tướng pháp luân… Hoặc muốn tác pháp yết ma trị phạt người ác nên đến thỉnh Bí-sô; hoặc vị bịnh năng nên sai sứ đến thỉnh… Bí-sô đều được tác pháp xin xuất giới trong bảy ngày để đi. Sao gọi là việc liên quan tới Bí-sô ni?: duyên sư cũng giống như của Bí-sô, chỉ khác ở chỗ là cúng dường hai bộ tăng hoặc muốn học Phật pháp, cho đến Thức-xoa-ma-na muốn thọ Cận viên nên đến thỉnh hai bộ tăng truyền giới, Bí-sô đều được tác pháp xin xuất giới trong bảy ngày để đi. Việc liên quan tới Cầu-tịch,

cầu tịch nữ cũng giống như trên, chỉ khác ở chỗ người nữ đã từng gả, tuổi đủ mười hai và đồng nữ tuổi đủ mười tám muốn thọ sáu học pháp và sáu tùy pháp nên đến thỉnh."

Nếu Bí-sô tác pháp an cư xong, nghĩ rằng: "Ta an cư nơi đây không có người cung cấp thức ăn thức uống, ta có thể chết"; hoặc có người chưa học kinh, cần nên học; người chưa tu tập định, cần nên học; người chưa chứng nên chứng; người chưa thấy cầu thấy, người chưa đắc cầu đắc… Nếu có các duyên trên muốn rời khỏi trú xứ thì Phật dạy không phạm, cũng không phá an cư. Trường hợp tác pháp an cư xong bỗng sinh bịnh, biết không có thầy thuốc và thuốc, nếu ở lại sợ mạng sống không toàn. Có các duyên sự thuộc mạng nạn như thế phải xuất giới thì Phật dạy không phạm, cũng không phá an cư. Trường hợp tác pháp an cư xong bỗng sinh bịnh, tuy có thuốc thang nhưng không có người chăm sóc, sợ sẽ chết thì Phật dạy được đi không phạm, cũng không phá an cư. Trường hợp tác pháp an cư xong, có người nữ đến chỗ Bí-sô nói: "Tôi có phụ nữ trẻ và nô tỳ muốn cúng dường đại đức", Bí-sô suy nghĩ: "Nếu ta không bỏ đi sợ mất phạm hạnh và gặp mạng nạn". Có các duyên thuộc nạn phạm hạnh như thế thì Phật dạy bỏ đi không phạm, cũng không phá an cư. Các duyên thuộc người nam, huỳnh môn giống như trên được bỏ đi không phạm. Trường hợp Bí-sô tác pháp an

cư xong, nếu thấy người nữ khởi tưởng dục, không thể ngăn chận được phiền não sợ mất phạm hạnh, cũng nên bỏ đi đến nơi khác. Trường hợp Bí-sô tác pháp an cư xong thấy có phục tàng liền suy nghĩ: "Ta ở đây sợ sẽ không giữ được tâm mình mà lấy vật báu kia", Phật dạy được dời đi nơi khác không tội. Trường hợp Bí-sô tác pháp an cư xong bỗng có quyến thuộc đến can ngăn Bí-sô ở đây, Bí-sô hiềm trách nên dời đi đến nơi khác cũng như trên không lỗi.

Trường hợp có nam nữ, bán trạch ca… đến thỉnh Bí-sô an cư, sau khi thọ thỉnh thí chủ này hoặc mắc nợ người khác, hoặc sát hại người khác, hoặc cướp đoạt tài vật của người khác, hoặc ở trú xứ có cọp sói sư tử các loài thú dữ đến khủng bố thí chủ nên thí chủ bỏ chạy hoặc bị chết. Lúc đó Bí-sô suy nghĩ: "Thí chủ này thỉnh ta an cư lại có các nạn sự như thế khởi lên, nếu ta ở đây hoặc mất phạm hạnh hoặc mất mạng", thì như Phật dạy được bỏ đi không phạm. Trường hợp trong trú xứ có bịnh dịch phát sanh, Bí-sô ở đây không được an lạc thì như Phật dạy được bỏ đi không phạm.

Trường hợp có nam nữ, bán trạch ca… đến thỉnh Bí-sô an cư, nếu có vua đến bắt thí chủ hoặc giết hoặc đoạt tài vật nên thí chủ chạy đến nơi khác. Lúc đó Bí-sô suy nghĩ: "Thí chủ này bị khủng bố đã chạy trốn đến nơi khác, nếu ta ở đây hoặc bị mất mạng hoặc mất phạm hạnh", thì như Phật dạy được

dời đến nơi khác không phạm. Trường hợp thí chủ đến thỉnh Bí-sô an cư, nhà thí chủ bỗng bị cháy hoặc thí chủ chết hoặc bỏ chạy, lúc đó Bí-sô suy nghĩ: "Thí chủ gặp hỏa hoạn hoặc bị chết hoặc bỏ chạy, nếu ta ở lại đây sợ bị mạng nạn hoặc phạm hạnh nạn", thì nhu Phật dạy được dời đến nơi khác không phạm. Trường hợp thí chủ thỉnh Bí-sô an cư nhưng trú xứ này lại ẩm thấp nhiều nước sợ sẽ sinh bịnh nên dời đến nơi khác, cũng như trước không phạm. Trường hợp thí chủ thỉnh Bí-sô an cư nhưng tại trú xứ này lại có lời gièm pha: "Cần gì phải cạo đầu ở đây chịu khổ đói, hoặc ở trong rừng dưới gốc cây, hoặc hoàn tục làm các phước nghiệp không cần xuất gia", lúc đó Bí-sô suy nghĩ: "Nếu ta ở đây lâu sẽ gặp nạn phạm hạnh", cũng như trước được bỏ đi không phạm.

Trường hợp Bí-sô đang an cư hoặc có vua ra lịnh bốn binh đến trú xứ bắt Bí-sô làm việc lao dịch như thế tục, hoặc bắt hoàn tục, hoặc bắt lấy vợ hoặc đoạt y bát… Có các nạn như thế thì Bí-sô được bỏ đi không phạm, cũng không phá an cư. Trường hợp Bí-sô ở trong trú xứ của mình, có nam nữ, bán trạch ca đến thỉnh Bí-sô an cư và cung cấp các vật cần dùng; sau đó gặp các nạn vua… đều bỏ chạy, không còn người cung cấp nữa thì Bí-sô được bỏ đi đến nơi khác không phạm. Trường hợp Bí-sô đang an cư bỗng có giặc cướp đến trộm cướp bò dê…, sát sanh và làm việc phi pháp; họ đến chỗ Bí-

sô nói rằng: "Thầy hãy đi nơi khác, chúng tôi muốn ở đây". Nếu có giặc ác như thế đến trong chùa não loạn thì được bỏ đi không phạm. Trường hợp Bí-sô y chỉ nơi nam, nữ, bán trạch ca để an cư, bỗng thí chủ bị người bắt giữ, bị oan gia trói buộc, bị phi nhơn khủng bố, nên bỏ chạy đến nơi khác, sau đó qua đời. Lúc đó Bí-sô suy nghĩ: "Ta an cư nơi đây có các nạn như thế, lại không có thí chủ, có thể khiến ta mất phạm hạnh", thì như Phật dạy được bỏ đi đến nơi khác không phạm, cũng không phá an cư. Đến chỗ mới nên làm an cư, tác pháp an cư rồi thì không được xuất giới. Trường hợp trú xứ này trước là của phi nhơn, Bí-sô ở đây tác pháp an cư thì có những kẻ già trẻ vô tri vào chùa phóng uế bất tịnh, không thể thân cận; lại gần sông nước, nước ngập lụt làm cho y vật và các tư cụ bị tổn thất, thí chủ hoặc chết hoặc bỏ đi. Lúc đó Bí-sô suy nghĩ: "Thí chủ này gặp nạn nước lụt, nếu ta ở đây sợ gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn", thì được bỏ đi đến nơi khác không phạm. Trường hợp Bí-sô đang an cư thấy có Bí-sô tự làm hay bảo Bí-sô khác làm việc phá Tăng hay khuyến khích mọi người làm phương tiện phá Tăng, Bí-sô này suy nghĩ: "Nếu ta an cư nơi đây, Bí-sô muốn phá Tăng kia bảo ta làm hoặc khuyên ta làm phương tiện phá Tăng; nếu ta dùng lời thiện khuyên can, Bí-sô kia không nghe theo sẽ đối xử với ta không tốt; nếu ta ở lại đây mà phát sinh việc phá Tăng thì những điều ta học trước

đây ắt sẽ mất hết, những điều chưa học không thể tăng tấn, ta nên đi chỗ khác", thì được bỏ đi đến nơi khác không phạm. Trường hợp Bí-sô đang an cư nghe có Bí-sô muốn phá tăng, Bí-sô ấy là thân hữu tri thức nên suy nghĩ: "Nếu ta nhận lời giúp thì sẽ phát sinh việc phá Tăng, nếu ta không nhận lời giúp thân hữu tri thức thì không được. Ta nên thọ pháp bảy ngày xuất giới". Nếu xuất giới đủ bảy ngày mà việc kia không chấm dứt thì ở ngoài giới quá bảy ngày không lỗi, nếu không xuất giới đi tránh thì phạm tội Việt pháp.

Trường hợp Bí-sô nghe Bí-sô khác nói chỗ kia tiền an cư ba tháng được nhiều lợi vật, Bí-sô này muốn đến đó an cư. Lại có Bí-sô khác nói chỗ này an cư cũng được nhiều lợi dưỡng giống như chỗ kia. Bí-sô này liền ở lại đây an cư nhưng không được lợi dưỡng gì thì Bí-sô nói kia phạm tội Việt pháp. Trường hợp Bí-sô nghe Bí-sô khác nói chỗ kia tiền an cư tốt liền đến chỗ đó an cư, nhưng những lợi vật đã được đều không như lời Bí-sô kia nói thì Bí-sô nói kia phạm tội Việt pháp. Trường hợp Bí-sô nghe Bí-sô khác nói chỗ kia tiền an cư tốt liền đến chỗ đó tiền an cư, sau khi thọ thẻ xong lại không được ngọa cụ cũng không có phòng ở được thì Bí-sô nói kia phạm tội Việt pháp. Trường hợp Bí-sô nghe Bí-sô khác nói chỗ kia tiền an cư tốt liền đến đó tiền an cư, sau khi thọ thẻ xong được chia ngọa cụ rồi liền bỏ đi đến chỗ khác, đến đó rồi

cũng không an cư thì phạm tội Ác-tác. Trường hợp Bí-sô nghe Bí-sô khác nói chỗ kia tiền an cư tốt liền đi đến đó, sau khi thọ thẻ xong được chia ngọa cụ rồi tác pháp an cư. Sau đó có duyên sự không thọ trì pháp bảy ngày liền xuất giới, không thành tiền an cư thì phạm tội Ác-tác. Trường hợp Bí-sô nghe Bí-sô khác nói chỗ kia tiền an cư tốt liền đến đó an cư, sau khi thọ thẻ xong được chia ngọa cụ rồi tác pháp an cư. Sau đó có duyên sự nên thọ trì pháp bảy ngày xuất giới, nếu quá bảy ngày không trở lại là phá an cư.

Sáu trường hợp hậu an cư cũng giống như sáu trường hợp tiền an cư trên, chỉ đổi chữ tiền thành chữ hậu là khác.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 78

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TÙY Ý SỰ

SỐ 1446

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1446

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TÙY Ý SỰ

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt an cư ba tháng mùa mưa, lúc đó có nhiều Bí-sô an cư nơi khác cùng lập quy chế như sau: "Các cụ thọ, trong ba tháng an cư chúng ta không nên nói việc phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng… Nếu thấy cỏ trong nhà xí thiếu và bình quân trì không có nước thì nên lấy cỏ và đổ nước cho đầy. Nếu một mình làm không được thì vẩy tay gọi bạn đến giúp", lập chế xong ai nấy đều trở về phòng của mình, cứ như thế không cùng nói chuyện suốt trong ba tháng an cư. Mãn an cư, các Bí-sô này đắp y mang bát tuần tự du hành đến thành Thất-la-phiệt để yết kiến Thế tôn, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên. Thường pháp của chư Phật là thăm hỏi khách Bí-sô từ đâu đến, đi đường có an lạc không và an cư ở đâu, các Bí-sô này đáp: "Chúng con an cư ở Thiền na bát đa xong thì đến đây, nơi đó an cư được an lạc, khất thực dễ được, nhưng trong ba tháng an cư chúng con cùng lập quy chế … giống như đoạn văn trên", Phật bảo các

Bí-sô: "Các thầy ngu si không có một người trí, tại sao lại lập ra quy chế phi pháp này, suốt trong ba tháng không cùng nói chuyện khác nào kẻ thù ở chung ăn chung với nhau thật là khổ, sao lại nói là được an lạc trụ. Đây là pháp ngoại đạo, là pháp ngu si, không phải là pháp xuất yếu. Từ nay trở đi, nếu làm pháp câm như thế thì phạm tội Việt pháp. Nếu Bí-sô an cư xong nên thỉnh nói ba việc: Thấy, nghe, nghi để tác pháp Tùy ý". Lúc đó các Bí-sô không biết thỉnh nói như thế nào, Phật nói: "Trước ngày tác pháp Tùy ý khoảng bảy ngày, các Bí-sô cựu trụ đến các thôn xóm lân cận thông báo cho các Bí-sô già trẻ và những người chưa thọ cận viên biết để cùng góp phần vào việc cúng dường. Đến ngày mười bốn tháng tám, các Bí-sô nên sắp đặt việc cúng dường và trang hoàng nơi Phật điện, bên tháp treo cờ phướn, quét dọn sạch sẽ… Sáng ngày mười lăm đến giờ tác pháp Tùy ý, Tăng nên sai một vị có đủ năm đức làm người thọ Tùy ý cho Tăng, hoặc hai, ba hay nhiều người nhưng phải là người có đủ năm đức: không thương, không giận, không sợ, không si, khéo hay phân biệt các việc tùy ý. Nếu trái với năm đức trên thì không được sai, nếu trước đó chúng tăng chưa hòa hợp thì phải làm cho hòa hợp; nếu đã hòa hợp thì phải làm cho được an lạc trụ. Nên sai như sau: Trải tòa, đánh kiền chùy tập Tăng, Tăng nhóm xong trước nên hỏi vị đủ năm đức: Thầy có thể làm người thọ tùy ý cho tăng già

thỉnh nói ba việc thấy nghe nghi để tác pháp tùy ý không? Nếu đáp là có thể thì tăng nên sai một Bí-sô tác bạch yết ma sai như sau:

Đại đức Tăng già lắng nghe, Bí-sô tên nay làm người thọ Tùy ý cho tăng già hạ an cư. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô tên làm người thọ Tùy ý cho tăng già hạ an cư. Bạch như thế.

Đại đức Tăng già lắng nghe, Bí-sô tên nay làm người thọ tùy ý cho Tăng già hạ an cư. Tăng nay sai Bí-sô tên làm người thọ tùy ý, Bí-sô này tên sẽ làm người thọ tùy ý cho Tăng già hạ an cư. Nếu các cụ thọ nào chấp thuận Bí-sô tên làm người thọ Tùy ý cho Tăng già hạ an cư thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng già đã chấp thuận Bí-sô tên làm người thọ Tùy ý cho tăng già hạ an cư xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Này các Bí-sô, nay ta chế hành pháp cho Bí-sô thọ Tùy ý như sau: Nếu chỉ có một người thọ Tùy ý thì từ Thượng tọa cho đến hạ tòa đều phải làm Tùy ý; nếu là hai người thọ Tùy ý thì một người thọ Tùy ý từ Thượng tòa, một người thọ tùy tùy từ nửa số chúng còn lại cho đến người cuối cùng; nếu là ba người thọ tùy ý thì nên bố trí ba chỗ ngồi và chuẩn theo như trên mà làm Tùy ý. Thượng tòa lúc đó nên tác bạch:

Đại đức Tăng già lắng nghe, hôm nay ngày mười lăm Tăng già tác pháp Tùy ý. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay tác pháp Tùy ý, bạch như vậy.

Lúc đó từ Thượng tòa cho đến hạ tòa đều đến trước Bí-sô thọ Tù ý làm Tùy ý như sau: Cụ thọ nhớ nghĩ, hôm nay ngày mười lăm Tăng già làm tùy ý, tôi Bí-sô tên cũng làm Tùy ý. Tôi Bí-sô tên ở trong Tăng đối trước Cụ thọ thỉnh nói ba việc thấy nghe nghi để làm tùy ý. Đại đức tăng già nên nhiếp thọ chỉ bảo cho tôi, xin thương xót làm lợi ích cho tôi, nếu tôi thấy biết có tội, tôi sẽ như luật sám hối. (3 lần). Bí-sô thọ tùy ý nói: Áo-tỉ-ca (thiện).

Bí-sô làm tùy ý nói: Sa độ (nhĩ).

Cứ như thế cho đến vị hạ tòa, Bí-sô thọ tùy ý nếu là hai, ba người thì nên đối nhau tác pháp, nếu là một người thì nên tâm niệm tác pháp. Bí-sô tác pháp xong, kế đến Bí-sô ni từng người đến tác pháp cũng giống như Bí-sô. Sau đó là Thức-xoa-ma-na, Cầu-tịch, Cầu-tịch nữ cũng tác pháp giống như trên. Tác pháp xong, Bí-sô thọ Tùy ý đến trước vị Thượng tòa bạch: hai bộ tăng già đã làm tùy ý xong. Lúc đó hai bộ tăng già cùng xướng: Lành thay, đã tác pháp tùy ý xong. Nếu cùng xướng lên như thế thì tốt, nếu không xướng thì phạm Ác-tác.

Bí-sô thọ Tùy ý cầm dao nhỏ hoặc kim chỉ hoặc

các tư cụ tạp vật của Sa môn ở trước Thượng tòa bạch: "Đại đức, các vật thí này có nên trao cho người đã an cư xong làm vật thí Tùy ý không? Nếu trú xứ này được các lợi vật khác, Tăng già nên hòa hợp chia hay không?", đại chúng cùng đáp nên chia. Nếu làm khác thì Bí-sô thọ Tùy ý và đại chúng đều phạm tội Việt pháp. Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, có mấy cách tác pháp Tùy ý?", Phật nói: "Có bốn cách: Một là Phi pháp biệt chúng, hai là Phi pháp hòa hợp, ba là Như pháp không hòa hợp, bốn là Như pháp hòa hợp. Trong bốn cách này thì Như pháp hòa hợp là thiện".

Vào ngày mười lăm tác pháp Tùy ý, Phật ngồi trong Tăng bảo các Bí-sô: "Phần đêm đã qua, vì sao không tác pháp tùy ý", lúc đó có Bí-sô ở trong chúng đứng dậy sửa y phục chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, tại phòng số có Bí-sô cựu trụ bịnh nặng rất đau đớn nên không thể đến nhóm họp được, chúng con không biết phải làm sao", Phật nói: "Nên lấy dục Tùy ý đến", các Bí-sô không biết lấy dục Tùy ý như thế nào, Phật nói: "Một người có thể lấy dục của một người hoặc hai, ba cho đến nhiều người. Nên đến chỗ Bí-sô bịnh, Bí-sô bịnh nên ngồi dậy chắp tay gởi dục như pháp gởi dục Trưởng tịnh: Cụ thọ nhớ nghĩ, hôm nay ngày mười lăm Tăng già tác pháp Tùy ý. Tôi Bí-sô tên vào ngày mười lăm cũng tác pháp Tùy ý. Tôi Bí-sô tên tự nói không có các chướng pháp, vì bịnh nên Tăng

sự như pháp xin gởi dục. Những lời này xin ở trong tăng nói lại giùm. (3 lần). Nếu gởi dục được như vậy thì tốt, nếu người bịnh không thể nói được thì nên dùng thân biểu nghiệp, cũng thành gởi dục. Nếu không nói được cũng không biểu hiện bằng thân nghiệp được thì Tăng nên đến chỗ người bịnh. Nếu người bịnh không đến được, chúng tăng cũng không đến chỗ người bịnh mà riêng tác pháp tùy ý thì tác pháp không thành, phạm tội Việt pháp. Nay ta nói về hành pháp của Bí-sô nhận dục… cũng giống như trong trong pháp Trưởng tịnh đã nói rõ. Bí-sô mang dục đến trong tăng nói, nếu không thể thì nên nói cho người ngồi gần cũng được, nên nói như sau: Cụ thọ nhớ nghĩ, ở tại phòng số có Bí-sô tên bịnh. Hôm nay ngày mười lăm Tăng già tác pháp Tùy ý, Bí-sô bịnh tên ngày mười lăm cũng tác pháp Tùy ý. Bí-sô bịnh tự nói không có các chướng pháp, vì bịnh nên tăng sự như pháp xin gởi dục. Nếu không làm theo như trên thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, nếu nhận dục tùy ý xong, giữa đường bị mạng nạn thì có thành nhận dục hay không?", Phật nói không thành … giống như trong pháp trưởng tịnh đã nói rõ. Ưu-ba-ly bạch Phật: "Nếu trú xứ chỉ có một Bí-sô thì Bí-sô này nên tác pháp tùy ý như thế nào?", Phật nói: "Nên ở trong trú xứ quét dọn sạch sẽ… sau đó lên chỗ cao ngóng nhìn bốn hướng xem có Bí-sô nào đến hay không, nếu có và biết họ thanh

tịnh thì nên gọi đến để cùng tác pháp, nên đối trước Bí-sô khác đối thú tác pháp Tùy ý như sau: Cụ thọ nhớ nghĩ, hôm nay ngày mười lăm là ngày Tùy ý, tôi Bí-sô tên cũng vào ngày mười lăm tác Tùy ý. Nếu sau này gặp chúng tăng hòa hợp sẽ cùng chúng hòa hợp kia như pháp Tùy ý (3 lần). Trường hợp Tăng đủ túc sô nhưng lại có nhiều người ngu si vô trí thì tác pháp tùy ý cũng không thành, phải đợi có Bí-sô thiện đến mới cùng làm tùy ý. Trường hợp đợi không có ai đến thì được tâm niệm tùy ý, nên tâm nghĩ miệng nói như sau: Hôm nay ngày mười lăm là ngày Tùy ý, tôi Bí-sô tên vào ngày mười lăm cũng tác pháp tâm niệm tùy ý, nếu sau này có chúng tăng như pháp sẽ cùng làm Tùy ý (3 lần). Trường hợp hai, ba Bí-sô ở chung cũng nên đối thú tác pháp như vậy; nếu đủ túc sô bốn vị cũng đối thú tác pháp tùy ý, không được sai người thọ tùy ý; nếu Tăng đủ túc số năm vị mới được làm Chúng pháp đối thú, khi tác pháp Tùy ý nếu có người bịnh nên đưa vào trong chúng, không nên lấy dục; nếu túc số Tăng sáu vị trở lên khi tác pháp Tùy ý nếu có người bịnh được lấy dục đến".

Có ba trường hợp:

1. Một như pháp chỉ trụ tùy ý, một phi pháp: Nghĩa là trường hợp khai cho nói một lần Tùy ý liền dừng là như pháp.

2. Ba như pháp, một phi pháp: Nghĩa là trường hợp phải nói đủ ba lần Tùy ý mới như pháp, nếu

chỉ nói một lần là phi pháp.

3. Năm như pháp, một phi pháp: Nghĩa là có năm trường hợp nói tùy ý như pháp hoặc khai cho nói một lần, hoặc nói đủ ba lần, hoặc đồng thời đối thuyết một lần, hoặc đồng thời đối thuyết ba lần hoặc tâm niệm Tùy ý. Trường hợp khai cho nói một lần là:

1. Vào ngày mười lăm các Bí-sô tập họp lại một nơi muốn tác pháp tùy ý nhưng trong chúng có nhiều người bịnh nặng, sợ các Bí-sô bịnh không thể ngồi lâu, do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần.

2. Vào ngày tác pháp Tùy ý bỗng gặp trời mưa lớn hoặc trời sắp mưa, các Bí-sô suy nghĩ: "Nếu nói ba lần tùy ý sợ mưa lớn làm ướt hết ngọa cụ", do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần.

3. Vào ngày tác pháp tùy ý bỗng có vua đến cùng với quyến thuộc hoặc đại thần cùng với thuộc hạ đến, hoặc người trong thành tập họp đến đem y thực cúng dường Bí-sô tăng già và yêu cầu Tăng già chú nguyện nên Tăng già mỏi mệt sợ không thể nói Tùy ý ba lần, do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần.

4. Vào ngày Tùy ý, do các Bí-sô thông hiểu Tô-đát-la, Tỳ-nại-da, Ma-đát-lý-ca suốt đêm tụng kinh thuyết pháp đều mỏi mệt, sợ không thể nói Tùy ý

ba lần, do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần.

5. Vào ngày Tùy ý, do có bốn tránh sanh khởi, vị Bí-sô thông hiểu ba tạng phải quyết đoán tội để Diệt-tránh rất mỏi mệt, sợ không thể thọ Tùy ý nghe nói ba lần, do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần.

6. Vào ngày Tùy ý, do vua tức giận nên ra lịnh bốn binh đến trú xứ bắt trói các Sa môn Thích tử hoặc bắt đi chăn voi chăn ngựa hoặc bắt phải lao dịch…, các Bí-sô sợ nói Tùy ý ba lần vua sẽ giận trách gây bất lợi cho Tăng, do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần.

7. Vào ngày Tùy y bỗng có giặc cướp kéo đến hoặc phá thành ấp hoặc giết hại bò dê, hoặc giết người cướp của… các việc phi pháp, các Bí-sô sợ nói Tùy ý ba lần giặc cướp sẽ gây bất lợi cho Tăng hoặc đoạt y bát hoặc giết, do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần.

8. Vào ngày Tùy ý, nếu trong trú xứ có Bí-sô già không hiểu biết khạc nhổ nhiều hoặc có các nữ nhân từ xa đến không tin quỷ thần khiến các quỷ thần nổi giận, các Bí-sô sợ nói Tùy ý ba lần các quỷ thần sẽ làm điều bất lợi cho Tăng, do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần.

9. Vào ngày Tùy ý nếu các Bí-sô làm tăng phòng ở nơi có thú dữ hoặc có bà già và các người

nữ vô tri không sạch sẽ, các Bí-sô lại đại tiểu tiện phi pháp… khiến các quỷ thần nổi giận sai khiến thú dữ đến gây tổn hại cho các Bí-sô, các Bí-sô sợ nói Tùy ý ba lần sẽ gặp mạng nạn, do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần.

10. Trường hợp Bí-sô ở gần trú xứ của rồng đã khạc nhổ, đại tiểu tiện… làm ô uế khiến cho rồng tức giận phun độc làm thương tổn cho các Bí-sô, các Bí-sô sợ nói Tùy ý ba lần sẽ bị mạng nạn, do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần hoặc đối thuyết một lần.

11. Trường hợp Bí-sô ở gần nhà thế tục, lúc Bí-sô muốn tác pháp tùy ý thì nhà thế tục bỗng phát hỏa cháy lan tới Tăng phường, các Bí-sô sợ nói Tùy ý ba lần sẽ gặp mạng nạn hay bị cháy, do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần hoặc đồng thời đối thuyết.

12. Trường hợp trú xứ tăng ở gần khe núi, vào ngày tùy ý trời bỗng mưa lớn, nước ngập lụt khắp nơi tràn tới Tăng phường, các Bí-sô sợ nói Tùy ý ba lần sẽ bị mạng nạn, do nhân duyên này Phật khai cho nói Tùy ý một lần hoặc đồng thời đối thuyết.

Nếu trú xứ Tăng ở nơi đồng trống xa vắng, bỗng có nạn khủng bố khởi lên sợ tổn hại đến thân mạng, các Bí-sô nói với nhau: "Hôm nay ngày mười lăm làm Tùy ý nhưng chúng ta gặp nạn gấp bức bách không làm Tùy ý được, nên dời đi nơi

khác, sau này sẽ như pháp làm Tùy ý", Phật nói: "Nếu có nhân duyên như vậy, đồng thời di tản đều không phạm."

Lúc đó Ưu-ba-ly bạch Phật: "Nếu có số đông Bí-sô cùng nhau an cư, chưa mãn an cư lại muốn cùng nhau đi đến chỗ khác thì có được làm Tùy ý trước hay không?", Phật nói: "Không được, nếu Bí-sô kia nói: Nay tôi tạm ngừng Tùy ý đi đền chỗ khác sẽ làm Tùy ý; các Bí-sô nên nói: Chúng ta an cư ở đây, không nên ngừng Tùy ý hay đến nơi khác làm Tùy ý. Phật chế chúng ta như pháp an cư mãn rồi phải như pháp thanh tịnh Tùy ý". Ưu-ba-ly bạch Phật: "Nếu Bí-sô nói: Tôi có duyên sự phải đi, hãy cho tôi tạm ngừng tùy ý hoặc cho tôi làm tùy ý để tôi làm xong việc đó, thì có được không?", Phật nói: "Việc này không thành Tùy ý, các Bí-sô nên nói với vị kia: Chúng ta không nên tạm ngừng tùy ý hay đối nhau làm Tùy ý, phải đợi an cư xong. Phật chế chúng ta an cư xong mới như pháp thanh tịnh Tùy ý, không cho phép chúng ta không như pháp Tùy ý. Này Ưu-ba-ly, nếu người nào không hành theo đúng như trên hoặc làm phi pháp thì phạm Ác-tác".

Đến ngày mười lăm làm Tùy ý, nếu Bí-sô bỗng bị vua hay đại thần bắt giữ hoặc bị giặc cướp hay oán thù bắt giữ, các Bí-sô nên xin phép họ tạm thả Bí-sô về để cùng làm Tùy ý. Họ chịu thả thì tốt, nếu không chịu thả thì tăng nên kết tiểu giới làm

Tùy ý. Bí-sô bị bắt kia sau khi được thả về sẽ làm Tùy ý lại, nếu không làm đúng như thế thì như Phật nói phạm tội Việt pháp. Đến ngày Tùy ý, nếu Bí-sô nhớ biết có tội phải ở chỗ khuất đối trước Bí-sô sám hối rồi mới được cùng làm tùy ý. Nếu không thuyết tội mà cùng làm tùy ý thì không thành Tùy ý giống như trong pháp Trưởng tịnh và trong thập sự đã nói rõ.

Đến ngày Tùy ý, nếu Bí-sô nhớ biết có tội muốn phát lồ sám hối, nếu là tội Ba-la-thị-ca thì đại chúng nên tẫn xuất rồi mới làm Tùy ý. Nếu là tội Tăng-già-phạt-thi-sa thì tạm gác tội này lại, đợi làm Tùy ý rồi sẽ trị tội; nếu phạm tội Ba-dật-đề-ca, Ba-la-đề-Đề-xá-ni, Đột-ắc-ngật-lý-đa thì phải thuyết hối trước rồi mới cùng làm Tùy ý.

Đến ngày Tùy ý, nếu Bí-sô đối với tội Tha-thắng có nghi, không biết có phạm tội Tha-thắng hay không; nếu là tội Tha-thắng bất cọng trụ thì không còn là Bí-sô, nếu không phải là tội Tha-thắng thì tạm gác lại để làm Tùy ý trước.

Khi làm Tùy ý, Bí-sô thuyết tội thì nên cho thuyết tội trước rồi mới làm tùy ý; nếu có yết ma xuất tội thì nên yết ma trước rồi mới làm Tùy ý.

Khi làm Tùy ý, nếu có Bí-sô cử tội Bí-sô khác là có phạm tội, Bí-sô cử tội này nếu có thân khẩu ý bất thiện thì các Bí-sô nên nói: Hãy làm tùy ý. Nếu Bí-sô cử tội này tuy thân thiện nhưng khẩu bất

thiện thì không nên nghe lời của vị ấy, nên cùng làm Tùy ý. Nếu Bí-sô cử tội này tuy khẩu thiện nhưng thân bất thiện cũng giống như trên; nếu thân khẩu đều thiện nhưng không thông hiểu ba tạng, cũng không nên nghe lời của người ấy nói, nên cùng làm tùy ý. Nếu Bí-sô cử tội này thân khẩu đều thiện, tuy có học ba tạng nhưng không hiểu nghĩa sâu mầu, cũng không hiểu rõ sự việc; các Bí-sô nên nói với vị ấy rằng: "Hãy quan sát kỹ sau mới cùng chúng tôi như pháp trừ tội, nay nên làm Tùy ý".

Khi làm Tùy ý, nếu có Bí-sô thân khẩu đều thiện, lại học thông ba tạng, hiểu nghĩa sâu và hiểu rõ sự việc, nhưng tâm bị mê loạn, pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, đúng nói là sai, Tỳ-nại-da nói là không phải Tỳ-nại-da. Không phải Tỳ-nại-da nói là Tỳ-nại-da, đến trong Tăng ngăn Tùy ý thì các Bí-sô nên hỏi: "Trong chúng này ai có phạm tội, là tội gì? Tha-thắng hay Tăng-già-phạt-thi-sa hay Ba-dật-để-ca hay Ba-la-đề-Đề-xá-ni hay Đột-sắc-ngật-lý-đa; là đêm hay ngày, ở trên đường chánh hay trên lề đường, lúc đang đi hay dừng lại, lúc đang đứng hay đang ngồi, nằm?. Nếu nói phạm tội Tha-thắng thì không phạm tội Tăng-tàn… cho đến tội Ác-tác; nếu nói phạm tội Tăng-tàn thì không phạm tội Tha-thắng cho đến tội Ác-tác; nếu nói phạm Ba-dật-để-ca thì không phạm Ba-la-thi-ca cho đến tội Ác-tác; nếu nói phạm Ba la đề Đề-xá-ni thì không phạm tội Tha-thắng cho đến tội Ác-

tác; nếu nói phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa thì không phạm tội Tha-thắng cho đến Ba la đề Đề-xá-ni. Nếu nói phạm tội Tha-thắng thứ nhất thì không phạm tội thứ hai cho đến tội thứ tư và ngược lại; nếu nói phạm tội Tăng-tàn thứ nhất thì không phạm tội Tăng-tàn thứ hai cho đến tội thứ mười ba và ngược lại; nếu nói phạm tội Ba-dật-để-ca thứ nhất thì không phạm tội thứ hai cho đến tội thứ chín mươi và ngược lại; nếu nói phạm tội Ba-la-đề-Đề-xá-ni thứ nhất thì không phạm tội thứ hai cho đến tội thứ tư và ngược lại; nếu nói phạm tội Đột-sắc-ngật-lý-đa thứ nhất thì không phạm tội thứ hai cho đến tội cuối cùng và ngược lại. Nếu nói phạm ban đêm thì không phạm vào ban ngày và ngược lại; nếu nói phạm trên đường chánh thì không phạm trên lề đường và ngược lại; nếu nói phạm lúc đang đi thì không phải lúc dừng lại…". Nếu khi các Bí-sô hỏi đầy đủ như vậy, Bí-sô kia nói trước sau mâu thuẫn nhau thì không nên nghe lời người ấy nói; nếu trả lời trước sau không có mâu thuẫn nhau thì các Bí-sô nên hỏi: "Ngay khi thấy họ phạm, họ biểu lộ như thế nào, nói ra lời gì và làm ý thú gì?". Nếu hỏi xong xét thấy đúng là phạm tội Tha-thắng thì Tăng nên tẫn xuất rồi mới làm tùy ý; nếu là phạm tội Tăng-tàn thì nên gác lại đợi làm Tùy ý rồi sẽ trị tội; nếu là phạm Ba-dật-để-ca, Ba la đề Đề-xá-ni và Đột-sắc-ngật-lý-đa thì phải thuyết tội trước rồi mới làm tùy ý.

Đến ngày Tùy ý, các Bí-sô cựu trụ nếu đủ túc số năm vị trở lên thì nên tác pháp Tùy ý; nếu có vị nào không đến cùng làm tùy ý, các Bí-sô biết mà không chờ họ đến, lại cùng tác pháp Tùy ý thì khi Bí-sô kia đến, các Bí-sô này phải tác pháp Tùy ý lại, các Bí-sô tác pháp tùy ý trước phạm tội Việt pháp vì phi pháp. Lúc đó Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, có Bí-sô an cư khi tác pháp tùy ý hỏi trong chúng này nếu không có việc tranh cải, người gây ồn náo, người ưa cật vấn, người đến đến chỗ vua quan, người cấm đoán người khác, người cử tội phi pháp đến trú xứ này và các Bí-sô hiện tiền đều biết hổ thẹn thì không có gì phải nói; nhưng nếu có người ác đến tranh cải… thì các Bí-sô phải tác pháp Tùy ý như thế nào?", Phật nói: "Nếu có người ác đến đột ngột thì hai, ba người nên đến trong giới tràng tự tác pháp Tùy ý, Được như vậy thì tốt, nếu không thì nên ra đón tiếp họ, diu dàng thăm hỏi rồi sắp đặt chỗ cho họ nghỉ. Lúc đó các Bí-sô cùng tác pháp tùy ý, nếu được như vậy thì tốt, nếu không được thì nên bảo họ tắm rửa, trong lúc họ đang tắm rửa thì các Bí-sô nên mau làm Tùy ý, được như vậy thì tốt, nếu không được thì nên kết tiểu giới làm Trưởng tịnh. Nếu họ hỏi: Hôm nay làm Tùy ý tại sao lại làm trưởng tịnh, thì nên đáp là chúng tôi có pháp tắc riêng. Trưởng tịnh xong chờ họ đi rồi mới cùng tác pháp Tùy ý."

Trường hợp lúc tác pháp tùy ý có Bí-sô bịnh

không đến được, các Bí-sô không biết tác pháp Tùy ý như thế nào, Phật nói: "Nên thông báo cho họ biết, ai đến được thì đến, nếu không đến được thì gởi dục Tùy ý đến. Khi tùy ý có bốn trường hợp xảy ra: Một là có sự việc không có người: Như khi Tùy ý có người không hiểu, bản tánh ngu si không phân biệt tốt xấu, nếu ở gần miếu thần hoặc hướng về miếu thần hoặc có đồng nam đồng nữ chửi mắng quỷ thần với lời ác khẩu, hoặc làm việc bất tịnh khiến cho thiên thần quỷ thần tức giận đến nêu sự việc quở trách mà không chỉ đích xác tên người.

Hai là có người không có sự việc: Như khi Tùy ý có các việc xảy ra giống như ở đoạn văn trên, chỉ khác ở chỗ khiến cho thiên thần tức giận đến trong chùa nêu đích danh Bí-sô có lỗi, nhưng không nói rõ làm lỗi gì.

Ba là có người có sự việc: Tức là nêu rõ tội lỗi và tên người làm lỗi.

Bốn là không có người không có sự việc: Trái ngược với trường hợp trên, tổng cọng là bốn trường hợp.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 78

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA BÌ CÁCH SỰ

SỐ 1447

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1447

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÌ CÁCH SỰ

QUYỂN THƯỢNG

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó ở trong thôn Bà-sách-ca có một trưởng giả tên là Lực quân (Bà-la-tiên) giàu có như Tỳ sa môn thiên vương, tuy cưới vợ đã lâu nhưng vẫn chưa có con, ông buồn rầu suy nghĩ: "Nay ta giàu có nhiều tài bảo nhưng lại không có con, không có người thừa kế, sau khi ta qua đời gia sản ắt bị vua tịch thu", một người thân quen bảo ông nên cầu khẩn thần linh, trưởng giả nghe lời tìm đến các miếu thờ thiên thần, quỷ thần ở khắp nơi để cầu khẩn nhưng vẫn không có con. Nhiều người thấy vậy liền nói: "Nếu cầu khẩn thiên thần mà có được con thì người trên thế gian đến cầu khẩn có tới cả ngàn người con khác nào vua Chuyển luân". Thật ra phải có đủ ba điều kiện mới có thể có con: Một là cha mẹ giao hội, hai là người mẹ đúng vào thời kỳ có thai, ba là thân trung ấm hiện tiền. Thời gian sau có một hữu tình ở cõi khác qua đời thác thai nơi vợ của trưởng giả, nếu là người nữ minh

huệ thì có năm loại trí đặc biệt khác với người nữ bình thường, đó là biết người nam có tâm dục, biết thời tiết, biết từ người nào để được thọ thai, biết là nam và biết là nữ. Nếu thai là con trai thì nằm bên hông phải, nếu là con gái thì nằm hông bên trái. Lúc đó người vợ trưởng giả vui mừng báo cho chồng biết là mình có thai và thai chắc là con trai vì nằm ở hông bên phải, trưởng giả nghe rồi hết sức vui mừng cười nói rằng: "Ta đã trải qua thời gian dài cầu khẩn thiên thần mới có được con, sau này sẽ gánh vác khó nhọc cho ta, trông coi gia nghiệp cho ta, việc gì ta chưa làm được nó sẽ làm thay ta, kế thừa gia nghiệp làm cho hưng thạnh. Sau khi ta chết, nó sẽ truy phước cho ta, xưng tên ta và cầu nguyện cho ta được sanh vào cõi lành, nay ta được toại nguyện rồi". Lúc đó trưởng giả sắp xếp cho vợ ở trên lầu cao để chăm sóc tùy thời nóng lạnh, ăn uống thích nghi, trang sức cho vợ bằng các chuỗi anh lạc trang nghiêm như thiên nữ… tai không nghe tiếng xấu, mắt không nhìn sắc xấu… đủ ngày tháng đến kỳ sanh nở sanh được một bé trai dung mạo đoan nghiêm, ai nấy đều yêu mến, vừa sanh ra trên lỗ tai đã có đeo khoen báu, tự phát ra tiếng. Trưởng giả liền cho mời vị chuyên gia về vật báu đến để định giá trị của vòng tai báu này, vị chuyên gia nói: "Không thể định giá được, nhưng thông thường một vất báu vô giá đều định lượng khoảng chừng một câu chi". Trải qua hai

mươi mốt ngày trưởng giả hội họp thân tộc để ăn mừng và đặt tên cho bé, thân tộc nói: "Hài nhi từ trong Văn tinh sanh ra, lại có đeo vòng tai báu vô giá, vậy nên đặt tên cho bé là Văn-câu-chi-nhĩ (Ức nhĩ)". Ngay trong ngày sanh Ức nhĩ, tỳ nữ trong nhà trưởng giả cũng sanh hai con trai: một tên là Nô (Đà-sách-ca), một tên là Ủng hộ (Ba-lạc-ca). Trưởng gia giao Ức nhĩ cho tám bà vú nuôi: Hai bà lo việc bú mớm, hai bà lo việc bồng giữ, hai bà lo việc tắm rửa, hai bà cùng vui đùa. Ức nhĩ được nuôi dưỡng bằng các loại thức ăn ngon bổ như sữa, tô, lạc, đề hồ… nên mau lớn như bông sen lên khỏi mặt nước. Đến tuổi trưởng thành học thông các môn học và các kỹ nghệ, trưởng giả cho xây ba tòa nhà thích hợp với ba mùa đông hạ và thu cho Ức nhĩ ở, lại cho làm ba khu vườn cho ức nhĩ vui chơi. Bản thân trưởng giả trông coi hết mọi việc trong nhà rất vất vả, Ức nhĩ thấy thế liền hỏi tại sao cha lại khổ nhọc như vậy, trưởng giả nói: "Con còn trẻ chỉ biết hưởng thụ nên cha phải khổ nhọc như vậy, nhưng không bao lâu nữa khổ nhọc này sẽ chấm dứt", Ức nhĩ nghe rồi liền nói với cha: "Nếu vậy xin cha cho con ra biển tìm châu báu"… Trưởng giả khuyên can không được, biết con đã quyết chí nên bằng lòng cho con đi, sau đó trưởng giả cho rung chuông bố cáo: "Những người cư trú nơi đây hãy nghe: Nay con ta muốn ra biển tìm châu báu, nếu ai chịu đi theo thì trên đường đi khỏi phải đóng

thuế và nên tự sửa soạn hành trang để cùng lên đường". Lúc đó có năm trăm thương nhơn đến muốn cùng đi theo, trưởng giả thiết đãi họ ăn no đủ rồi dặn dò: "Các người hãy yêu con ta như ta đã yêu nó, nếu nó làm việc bất thiện không lợi ích thì nên khuyên can", các thương nhơn nhận lời; trưởng giả lại nói với con: "Con phải nghe theo lời các thương nhơn nhắc nhở, trên đường đi con không được đi trước cũng không được đi sau, vì sao?, vì nếu gặp cướp mạnh bạo, chúng sẽ tấn công những người đi trước; nếu gặp cướp sức yếu, chúng sẽ tấn công những người đi sau. Nếu vị thương chủ bị tổn thì các thương nhơn cũng bị tổn", người con vâng lời cha dạy bảo; trưởng giả lại gọi hai nô bộc trong nhà đến bảo rằng: "Hai ngươi không được rời xa con ta", hai nô bộc vâng lời. Dặn dò đâu đó xong xuôi, trưởng giả chuẩn bị xe lừa và mọi thứ cần dùng đầy đủ cho con lên đường. Lúc đó người con đến từ giã mẹ, người mẹ nghe rồi liền ngất xỉu và can ngăn con đừng đi vì sợ không biết bao giờ gặp lại, người con tức giận nói: "Gặp lại nhau trong cõi ác", người mẹ nói: "Con nói ra lời thô ác như vậy là không tốt, con nên sám hối cho tội nhẹ bớt", người con nghe rồi liền đối trước mẹ sám hối, sám hối xong rồi lên đường, mọi người tiễn đưa đều cầu chúc an lành. Đoàn thương nhân gồm có thương chủ là người con của trưởng giả và năm trăm thương nhơn tuần

tự trải qua nhiều thôn xóm cuối cùng tới cửa biển, thương chủ đem năm trăm tiền vàng thuê thuyền và năm người giỏi về đi biển gồm có một người cầm lái, một người biết phương hướng, một người biết sữa chữa thuyền, một người biết phân biệt và một thuyền trưởng. Sau khi cầu nguyện xong, thuyền xuất phát đến đảo châu báu, lấy được nhiều báu vật rồi trở về được an ổn. Lên bờ thương chủ cùng hai nô bộc ở riêng một nơi trên bãi cát, sau đó bảo một nô bộc: "Này Đà-sách-ca, ngươi hãy đền xem các thương nhơn đang làm gì?", nô bộc này đến nơi thấy các thương nhơn đều đang ngủ nên cũng nằm ngủ theo. Thương chủ sau đó lại bảo nô bộc thứ hai đến xem các thương nhơn đang làm gì, nô bộc này đến nơi thì thấy các thương nhơn đang chuẩn bị lên đường. Lúc đó Đà-sách-ca bảo Ba-lạc-ca đi báo cho thương chủ biết thì Ba-lạc-ca lại bảo Đà-sách-ca đi báo, cuối cùng Cả hai đều không đi báo mà đi cùng các thương nhơn. Sáng hôm sau tìm khắp nơi không thấy thương chủ đâu mới hỏi các thương nhơn, người đi sau nói là ở trước, người đi trước nói là ở sau, nhưng trước sau đều không tìm thấy, các thương nhơn nói với nhau: "Chúng ta bỏ thương chủ lại là trái đạo lý, phải quay lại tìm". Một thương nhơn nói; "Đường đi rất nguy hiểm, nếu quay trở lại tìm e cũng không tìm được, chúng ta đành phải phương tiện, khi trở về đến nơi nếu người cha hỏi về thương chủ thì người

đi trước nên nói là ở phía sau, nếu hỏi người đi sau thì nên nói là ở phía trước, không được nói là chúng ta đã bỏ rơi thương chủ". Nhất trí với nhau rồi các thương nhơn tiếp tục lên đường trở về thôn Đà-sách-ca, trưởng giả Bà-la-tiên nghe tin vui mừng ra đón và hỏi về con mình, họ đều trả lời như đã bàn tính trước, trưởng giả nghe rồi suy nghĩ: "Những người này dối gạt ta, con ta đã chết hay là bị lạc mất". Cho là con mình đã chết nên trưởng giả đau khổ tuyệt vọng, thân quyến và những người đến thăm đều buồn khóc, vợ chồng trưởng giả vì thương khóc con nên hai mắt bị mù. Trưởng giả đem tất cả vật dụng mà người con đã dùng trước kia như y phục giày dép… đem để trong miếu thờ và viết lên trên đó: "Nguyện cho con tôi nếu còn sống thì ở chỗ nào cũng được bình an, nếu đã chết thì được sanh về cõi lành".

Lúc đó thương chủ ngủ quên trên bãi cát đến sáng hôm sau, mặt trời chiếu lên người mới tỉnh dậy, nhưng không biết đường đi vì gió cát thổi mất hết dấu vết. Thương chủ không biết các thương nhơn đã đi về hướng nào nên cứ cỡi lừa đi về phía trước, con lừa biết lạc đường nên đi từ từ, thương chủ thấy lừa đi chậm nên dùng roi đánh, lừa bị đánh đau không thể đi được nữa. Thương chủ suy nghĩ: "Ai lại ở trong cảnh khốn khổ này không có tâm từ bi đánh lừa như thế", nghĩ rồi liền bỏ lừa đi bộ về phía trước thì thấy có một thành sắt, tường

vách cao ngất. Thương chủ đến cửa thành thấy có một trượng phu thân hình cao lớn, bộ dạng đáng sợ liền hỏi: "Thưa ông trong thành có nước không?", người này không nói nên thương chủ đi vào thành tìm khắp nơi vẫn không thấy có nước, vì quá khát nên thần trí mệt mỏi gào lên: Nước, nước. Lúc đó bỗng có năm trăm ngạ quỷ thân hình như cây gỗ cháy, tóc xõa che thân, cổ nhỏ như kim, bụng to như núi lớn, lửa từ chi phần phun ra trở lại đốt thân, cùng đến chỗ thương chủ xin nước, thương chủ nói: "Tôi vì quá khát nên mới vào đây tìm nước", ngạ quỷ nói: "Đây là thành của ngạ quỷ làm gì có nước, chúng tôi ở đây đã mười hai năm chưa hề nghe đến nước", thương chủ hỏi: "Các vị tạo nghiệp gì mà sanh vào thành này?", ngạ quỷ nói: "Người ở châu Thiệm-bộ phần nhiều ít tin, dù tôi có nói ông cũng không tin", thương chủ nói: "Chính tôi thấy ngay trước mắt, làm sao không tin", ***ngạ quỷ nói kệ:***

"Tôi từng mắng chửi, thường sân hận,
Bỏn xẻn tiếc của, không cho người,
Cũng chưa bao giờ hành bố thí,
Do nghiệp này sanh làm ngạ quỷ".

Lúc đó thương chủ sanh tâm nhàm lìa phiền não vội chạy ra khỏi thành, gặp trượng phu đứng ở cửa thành khi nảy liền nói: "Nếu hồi nảy ông nói đây là thành của ngạ quỷ thì tôi đã không vào", trượng phu nói: "Há thương chủ không nghe thấy

người nào đã vào trong thành ngạ quỷ thì không thể trở ra được hay sao? Vì ông có đại phước đức nên mới thoát ra được, hãy rời khỏi nơi đây nhanh lên". Thương chủ nghe rồi vội đi nhanh về phía trước, trời về chiều mới thấy phía trước có một thiên cung, trong đó có một Thiên tử và bốn thiên nữ đang cùng nhau hoan lạc. Thiên tử từ xa thấy thương chủ đi đến liền hỏi có khát không, đáp là rất đói, Thiên tử bảo thương chủ đi tắm rửa rồi bảo dọn các món ăn ngon ra cho ăn rồi bảo ngủ lại đêm. Sáng hôm sau mặt trời vừa mọc thì thiên cung liền biến mất, bốn thiên nữ biến thành chó đen đè Thiên tử úp mặt trên giường sắt nóng đỏ rồi ăn thịt trên lưng của Thiên tử. Đến khi trời vừa sụp tối thì cảnh đó liền biến mất, thiên cung và bốn thiên nữ hiện trở lại như cũ. Thương chủ nhìn thấy rồi lấy làm quái dị liền hỏi Thiên tử: "Người đã tạo nghiệp gì mà sanh vào nơi này?", Thiên tử nói: "Người ở châu Thiệm-bộ phần nhiều ít tin, dù tôi có nói ông cũng không tin", thương chủ nói: "Chính tôi thấy ngay trước mắt, làm sao không tin", ***Thiên tử nói kệ:***

"Xưa kia ban ngày hại mạng người,
Ban đêm trì giới siêng tu hành,
Do nhân duyên này sanh ở đây,
Thọ lấy nghiệp quả thiện ác này".

Thương chủ hỏi: "Bài kệ này có nghĩa gì?", Thiên tử nói: "Xưa kia tôi ở trong thôn Bà-sách-ca

làm người đồ tể thường giết dê bán thịt để kiếm sống. Lúc đó có Thánh giả Ca-đa-diễn-na khuyên tôi cải hối, đừng tạo nghiệp này nhưng tôi không nghe theo, Thánh giả lại khuyên tôi ban đêm nên trì giới tu hành, tôi liền vâng theo. Do nhân duyên này nên ban ngày chịu khổ báo, ban đêm được hưởng quả báo diệu lạc. Thương chủ nếu có đến thôn kia nên nói cho con trai con gái của tôi biết: Cha các người đang chịu quả báo đau khổ, các người nên cải hối đừng làm nghiệp sát này nữa". Thương chủ nói: "Như người đã nói người ở châu Thiệm-bộ khó tin", Thiên tử nói: "Thương chủ nói với con tôi rằng: Ngay dưới đất chỗ giết dê có một bình vàng, nó hãy đào lên lấy dùng tùy ý và nên thường cúng dường Thánh giả Ca-đa-diễn-na, vị ấy là phước điền của trời người đáng cúng dường, khi cúng nên xưng tên tôi và nguyện cho tôi tội được tiêu diệt", Thương chủ nhận lời rồi tiếp tục đi về phía trước, lại thấy một thiên cung trong đó có một Thiên tử và các thiên nữ đang vui thú, Thiên tử từ xa thấy thương chủ đến liền hỏi có đói không, đáp là đói, Thiên tử bảo đi tắm rửa rồi cho dọn lên các món ăn ngon, thương chủ ăn xong rồi đi nghỉ, đến chiều tối thiên cung bỗng biến mất, Thiên nữ biến thành con rắn lớn quấn quanh người Thiên tử rồi ăn lấy não, đến trời sáng thiên cung lại hiện ra và Thiên nữ hiện hình lại như cũ. Thương chủ cũng như lần trước hỏi Thiên tử:

"Người đã tạo nghiệp gì mà sanh vào nơi này?", Thiên tử nói: "Người ở châu Thiệm-bộ phần nhiều ít tin, dù tôi có nói ông cũng không tin", thương chủ nói: "Chính tôi thấy ngay trước mắt, làm sao không tin", ***Thiên tử nói kệ:***

"Đêm ngủ với vợ người,
Ban ngày hộ Thi la,
Chính do nghiệp quả này,
Nên thọ báo thiện ác".

Thương chủ hỏi: "Kệ này có nghĩa gì?", Thiên tử nói: "Trước đây tôi ở thôn Bà-sách-ca, thường hành dâm dục với vợ và con gái của người. Sau đó Thánh giả Ca-đa-diễn-na khuyên tôi nên từ bỏ nghiệp ác đã tạo nhưng tôi không nghe theo, vì thế Thánh giả bảo tôi ban ngày nên giữ giới, tôi vâng theo. Do nghiệp quả này nên nay ban ngày tôi hưởng diệu lạc, còn ban đêm phải chịu khổ báo. Thương chủ nếu có đến thôn kia nên nói với con tôi rằng: Cha ngươi do đời trước đã dâm với vợ và con gái của người, do tạo nghiệp này nên nay chịu khổ nơi địa ngục", thương chủ nói: "Người ở châu Thiệm-bộ khó tin, làm sao họ tin tôi nói", Thiên tử nói: "Thương chủ nói với nó rằng: Khi tôi còn sống, ngay dưới đất nơi lò tế lửa có hai bình vàng, nó hãy đào lên lấy dùng tùy ý và nên thương cúng dường Thánh giả Ca-đa-diễn-na, là bậc trời người tôn kính, khi cúng dường nên xưng tên tôi, nguyện cho tôi tội được tiêu diệt, sanh vào cõi lành".

Thương chủ nhận lời rồi tiếp tục đi về phía trước, lại thấy có một khu vườn, trong vườn có tòa sư tử, trên tòa có một phụ nữ đang ngồi, dung mạo đoan nghiêm; dưới bốn chân ghế có bốn ngạ quỷ. Phụ nữ này từ xa thấy thương chủ đi đến liền hỏi có đói không, đáp là đói, phụ nữ này nói: "Khi ta đưa thức ăn thức uống cho ngươi, ngươi hứa là không được cho bốn ngạ quỷ này", thương chủ bằng lòng, phụ nữ này liền dọn thức ăn thức uống ra rồi ẩn mình trong phòng, lúc đó bốn ngạ quỷ cầu xin thương chủ bố thí thức ăn thức uống, thương chủ động lòng thương xót nên đưa thức ăn thức uống cho bốn ngạ quỷ. Ngạ quỷ thứ một được thức ăn, thức ăn liền biến thành cục sắt nóng; ngạ quỷ thứ hai vừa được thức ăn, thức ăn liền biến thành cám; ngạ quỷ thứ ba vừa được thức ăn, thức ăn liền biến thành máu mủ bất tịnh; ngạ quỷ thứ tư vừa được thức ăn, thức ăn biến thành máu thịt của mình. Ngạ quỷ thứ một vừa nuốt hòn sắt nóng thì thân liền bị cháy tỏa ra mùi hôi thối, phụ nữ nghe mùi liền bước ra lớn tiếng nói với thương chủ: "Ngươi không nên cho chúng ăn uống", thương chủ nói: "Họ cầu xin khiến tôi động lòng thương xót nên đưa cho", phụ nữ nói: "Lòng từ bi của ta còn hơn ngươi, bốn ngạ quỷ này, thứ một là chồng ta, thứ hai là con trai ta, thứ ba là con dâu ta, thứ bốn là người ở", thương chủ hỏi: "Các vị đã tạo nghiệp gì mà sanh vào nơi này?", phụ nữ nói: "Người ở châu Thiệm-bộ phần nhiều ít

tin, dù ta có nói ngươi cũng không tin", thương chủ nói: "Chính tôi thấy ngay trước mắt, làm sao không tin", phụ nữ nói: "Trước kia ta sống ở thôn Bà-sách-ca là nữ Phạm chí, vào ngày lễ Tuế tinh ta đang sửa soạn thức ăn thì có Thánh giả Ca-đa-diễn-na đến khất thực, ta vui mừng sớt thức ăn đầy bát cho Thánh giả. Lúc đó ta bảo chồng ta nên sanh tâm tùy hỉ cúng dường, chồng ta tức giận nói: Chưa cúng dường cho Bà-la-môn, sao lại cúng dường cho sa môn trọc đầu, sao không cho họ ăn cục sắt nóng. Ta khuyên chồng không được nên khuyên tới con ta, nó lại nói: sao không cho ông ta ăn cám. Sau đó ta sai người ở mang thức đến cho thân quyến, không ngờ trên đường nó ăn hết thức ăn ngon, khi nó trở về ta gạn hỏi thì nó thề: Nếu tôi có ăn thì đời sau tôi sẽ ăn máu mủ của mình. Sau đó thân quyến cho người mang thức ăn tới cho ta, con dâu ta lại ăn hết, khi ta gạn hỏi thì nó thề là nếu có ăn thì đời sau sẽ ăn thịt của mình. Thương chủ, bốn ngạ quỷ này chính là chồng, con, dâu và người ở của ta, do nghiệp nhơn đó nên nay thọ thân ngạ quỷ. Ta nhờ cúng dường Thánh giả Ca-đa-diễn-na đáng lẽ được sanh lên cung trời Đế-thích, vì ta phát nguyện ác rằng: Nếu các người thọ quả báo, ta sẽ tận mắt nhìn thấy, nên nay ta cũng đọa vào nơi này. Thương chủ nếu có đến thôn Bà-sách-ca, hãy nói với con gái của tôi là dâm nữ ở trong thôn ấy rằng: Cha mẹ anh, chị dâu và người ở của cô đang đọa

trong cõi ngạ quỷ chịu khổ báo, cô nên cải hối, đừng nên làm việc xấu này nữa", thương chủ nói: "Người ở châu Thiệm-bộ khó tin, sẽ không nghe lời tôi nói", phụ nữ này nói: "Ngươi nên nói với nó rằng: Ngay dưới giường trước đây ta nằm có chôn bốn bình vàng, một cây gậy vàng và chậu rửa bằng vàng, nó đào lên tùy ý lấy dùng và nên cúng dường Thánh giả Ca-đa-diễn-na, là bậc người trời đều biết, khi cúng dường nên xưng tên ta, nguyện cho ta tội được nhẹ bớt". Thương chủ nhận lời rồi đi vào phòng ngủ, lúc đó bốn ngạ quỷ nói với nhau: "Đợi thương chủ ngủ say, chúng ta mang anh ta trở lại thôn Bà-sách-ca, để trên linh sáng của anh ta". Đến sáng hôm sau thương chủ thức dậy thì thấy chung quanh mình có đầy đủ vật dụng, tư cụ, trên đó có ghi tên họ của mình với hàng chữ: "Tôi nay bố thí những vật dụng này nguyện cho con tôi nếu còn sống thì sớm trở về, nếu đã chết thì sanh vào chỗ nào những vật dụng này đều theo con tôi". Thương chủ xem xong liền suy nghĩ: "Cha mẹ cho là ta đã chết, vậy ta cần gì ở lại, ta nên đến chỗ Thánh giả Ca-đa-diễn-na cầu xuất gia tu phạm hạnh", nghĩ rồi liền đi đến chỗ Thánh giả Ca-đa-diễn-na, Thánh giả từ xa thấy thương chủ đi đến liền hỏi: "Này thương chủ, nay ngươi đã thấy họa hoạn của sanh tử chưa?", đáp: "Con đã thấy, xin Thánh giả cho con xuất gia, tu phạm hạnh đoan trừ dâm nộ si", Thánh giả nói: "Ngươi hãy đi truyền

đạt lại những lời mà họ đã nhờ ngươi, sau đó đến đây xuất gia cũng không muộn". Thương chủ vâng lời liền đi đến chỗ người giết dê nói nói lại lời vị Thiên tử thứ nhất đã dặn, người giết dê nghe rồi nói rằng: "Cha tôi chết đến nay đã mười hai năm, lẽ nào lại nhắn lời như thế ở trong cõi khác, thương chủ nghe người khác nói hay là chính mắt thấy?", thương chủ nói: "Nếu ông không tin thì cha ông có nói rằng: Ngay dưới đất chỗ giết dê có chôn mười bình vàng… giống như đoạn văn trên", người giết dê nghe rồi liền đào lên, quả nhiên có chôn mười bình vàng mới tin là sự thật. Thương chủ lại đi đến chỗ con của Thiên tử thứ hai, truyền đạt lại lời của Thiên tử đã dặn, người con này nghe rồi liền nói: "Cha tôi chết đến nay đã mười hai năm, lẽ nào lại nhắn lời như thế ở trong cõi khác, thương chủ nghe người khác nói hay là chính mắt thấy?", thương chủ nói: "Nếu ông không tin thì cha ông có nói rằng: Ngay dưới lò tế lửa có chôn hai bình vàng… giống như đoạn văn trên", người con nghe rồi liền đào đất lên, quả nhiên có chôn hai bình vàng mới tin là sự thật. Thương chủ lại tìm đến chỗ dâm nữ là con gái của người phụ nữ kia và truyền đạt lại lời của bà ta đã dặn, người con gái nghe rồi nói rằng: "Thân quyến của tôi chết đến nay đã mười hai năm, lẽ nào lại nhắn lời như thế ở trong cõi khác, thương chủ nghe người khác nói hay là chính mắt thấy?", thương chủ nói: "Nếu cô không tin thì

mẹ cô có nói rằng: Ngay dưới giường ngủ của bà có chôn mười bình vàng, một cây gậy vàng và một chậu rửa bằng vàng… giống như đoạn văn trên", người con gái nghe rồi đào lên, quả nhiên có chôn bình vàng… mới tin là sự thật. Lúc đó thương chủ cười nói: "Mọi người chỉ tin vàng, không tin lời tôi nói", người con gái thấy thương chủ cười lộ hàm răng có một cái răng vàng, liền nhận ra thương chủ là con của trưởng giả Bà-la-tiên liền hỏi: "Ông có phải là con của trưởng giả Bà-la-tiên không?", đáp phải, người con gái này liền chạy đến nhà báo tin cho trưởng giả biết. Hai vợ chồng trưởng giả nghe còn đang chưa tin thì thương chủ vào nhà, cất tiếng tằng hắng, trưởng giả nghe tiếng liền nhận biết là con mình, ôm lấy con khóc lớn. Hai vợ chồng trưởng giả trước đây vì khóc con nên bị mù, nay thấy con trở về vui mừng khóc lớn khiến cho màng mắt tiêu trừ mà sáng mắt trở lại, được thấy mặt con. Lúc đó thương chủ nói với cha mẹ: "Con muốn xuất gia, xin cha mẹ cho phép", trưởng giả nói: "Chúng ta vì khóc con mà bị mù, nay con đã trở về, khi cha mẹ còn sống thì con không được xuất gia, đợi khi chúng ta chết con được tùy ý". Ức nhĩ thương cha mẹ nên ở lại nhà nhưng vẫn đọc tụng kinh điển và chứng được quả Dự lưu, sau đó nói cho cha mẹ nghe bốn chân đế, cha mẹ nghe pháp xong cũng chứng được quả Dự lưu. Thời gian sau cha mẹ qua đời, Ức nhĩ sau khi bố thí tu các phước

nghiệp hồi hướng cho cha mẹ xong, liền đến chỗ Thánh giả Ca-đa-diễn-na cầu xin xuất gia, Thánh giả cho Ức nhĩ xuất gia làm cầu tịch, sau đó Ức nhĩ lại chứng được quả Nhất lai. Vì nơi Ức nhĩ ở là biên địa ít có Bí-sô, không đủ túc số để truyền thọ cụ túc cho Ức nhĩ nên Ức nhĩ chỉ làm Cầu-tịch, đối với các hành pháp của Cầu-tịch Ức nhĩ đều đã học thông, sau đó lại chứng thêm quả Bất hoàn. Thường pháp của chư Phật là mỗi năm có hai kỳ đại hội, tất cả Bí-sô đều tụ hội về, lúc đó các Bí-sô ở những nơi khác an cư xong tuần tụ du hành đến thôn Bà-sách-ca, thấy đủ túc số Thánh giả Ca-đa-diễn-na liền cho Ức nhĩ thọ cận viên rồi dạy cho Ức nhĩ những luật hạnh của Bí-sô, không bao lâu sau ức nhĩ đoạn các phiền não chứng quả A-la-hán. Lúc đó các Bí-sô bạch với Ca-đa-diễn-na: "Đại đức, chúng con ở đây đối với pháp sự nên làm đều đã làm xong, nay chúng con muốn đi yết kiến Thế tôn", Thánh giả nói: "Lành thay, tùy ý", các Bí-sô liền chấp trì y bát đi đến thành Thất-la-phiệt, Ức nhĩ cũng rời khỏi chỗ ngồi sửa y phục chắp tay bạch rằng: "Ô-ba-đà-da, con từ trước đến nay chỉ thấy Ô-ba-đà-da nhưng chưa gặp Thế tôn, tuy con thấy được pháp thân nhưng chưa thấy được sắc thân, cúi xin Ô-ba-đà-da cho phép con đi yết kiến Thế tôn", Thánh giả nói: "Chư Phật Như lai khó được thấy, thời gian lâu xa mới được gặp như hoa Ưu đàm, con nay muốn đi thì cứ tùy ý. Khi con gặp

Thế tôn, con hãy thay mặt ta đảnh lễ Thế tôn và thăm hỏi Thế tôn có được ít bịnh, ít não, đi đứng có thơ thới và an vui không. Con cũng nên bạch Thế tôn năm việc như sau: Thôn Bà-sách-ca là biên địa, có người muốn thọ cận viên nhưng khó tìm đủ túc số mười người; người ở biên quốc thường dùng nước tắm giặt để làm tịnh; đất nơi đó cứng, trên đường đi có dấu chân của trâu bò nên không bằng phẳng như đất ở các nơi khác; người nước phương Đông dùng các ngọa cụ bằng da dê đen, da nai, da bò…; nếu có Bí-sô gởi y đến cho Bí-sô khác, tuy nghe gởi y đến nhưng chưa nhận vào tay, quá mười ngày sợ phạm Xả-đọa, không biết phải làm sao. Con bạch Phật năm việc này rồi, Phật dạy như thế nào ta cũng sẽ cung kính phụng hành". Ức nhĩ nhất tâm ghi nhớ rồi từ giả thầy sáng hôm sau lên đường du hành đến thành Thất-la-phiệt, trải qua nhiều thôn xóm mới đến nơi, sau khi cất y bát, rửa tay chân xong Ức nhĩ liền đến đảnh lễ Phật. Lúc đó Phật đang thuyết pháp cho bốn chúng và các chúng Trời, Rồng, Quỷ thần, Quốc vương, Đại thần…, từ xa thấy Ức nhĩ đến, Phật liền bảo A Nan-đà: "Thầy nên sắp xếp giường nằm ngọa cụ cho Ức nhĩ", A Nan-đà vâng lời sắp xếp xong liền bạch Phật biết thời, Phật rửa chân xong vào phòng, nằm nghiêng bên hông phải khởi tưởng quang minh, chánh niệm tác ý nhớ giờ thức dậy. Lúc đó Ức nhĩ cũng rửa chân rồi vào phòng, nằm nghiêng bên hông phải…

đến đêm sắp qua Ức nhĩ ngồi dậy kiết già phu tọa, thân thẳng định ý, chánh niệm hiện tiền. Phật bảo Ức nhĩ: "Này Ức nhĩ, thầy hãy tụng kinh luật mà ta đã giảng nói sau khi thành đạo", Ức nhĩ tụng kinh xong, Phật liền khen ngợi: "Lành thay, thầy tụng kinh rất thanh tịnh vi diệu", Ức nhĩ suy nghĩ: "Ô-ba-đà-da bảo ta bạch Phật, bây giờ là đúng lúc nên bạch", nghĩ rồi liền rời chỗ ngồi đảnh lễ Phật bạch rằng: "Thế tôn, con ở trú xứ A-thấp-bà-lan, nước Đức già, thôn Bà-sách-ca, thân giáo sư của con là Thánh giả Ca-đa-diễn-na bảo con đảnh lễ Phật thăm hỏi Thế tôn có được ít bịnh, ít não… và có năm việc bạch Thế tôn như sau: Thôn Bà-sách-ca là biên địa, có người muốn thọ cận viên nhưng khó tìm đủ túc số mười người; người ở biên quốc thường dùng nước tắm giặt để làm tịnh; đất nơi đó cứng, trên đường đi có dấu chân của trâu bò nên không bằng phẳng như đất ở các nơi khác; người nước phương Đông dùng các ngọa cụ bằng da dê đen, da nai, da bò…; nếu có Bí-sô gởi y đến cho Bí-sô khác, tuy nghe gởi y đến nhưng chưa nhận vào tay, quá mười ngày sợ phạm Xả-đọa, không biết phải làm sao", Phật nói: "Này Ức nhĩ, những điều thầy vừa bạch bây giờ là chưa đúng lúc, thầy nên ở trong Đại chúng bạch, lúc đó ta sẽ giải đáp cho thầy". Sáng sớm Phật đến trong chúng ngồi vào tòa ngồi xong, Bí-sô Ức nhĩ liền rời khỏi chỗ ngồi sửa y phục chắp tay bạch Phật: "Biên quốc ở

phương Đông tại thôn Bà-sách-ca có Thánh giả Ca-đa-diễn-na là thân giáo sư của con, bảo con đảnh lễ Phật thăm hỏi Thế tôn có được ít bịnh, ít não, đi đứng có thơ thới và an vui không và có năm việc bạch Thế tôn như sau: Thôn Bà-sách-ca là biên địa, có người muốn thọ cận viên nhưng khó tìm đủ túc số mười người; người ở biên quốc thường dùng nước tắm giặt để làm tịnh; đất nơi đó cứng, trên đường đi có dấu chân của trâu bò nên không bằng phẳng như đất ở các nơi khác; người nước phương Đông dùng các ngọa cụ bằng da dê đen, da nai, da bò…; nếu có Bí-sô gởi y đến cho Bí-sô khác, tuy nghe gởi y đến nhưng chưa nhận vào tay, quá mười ngày sợ phạm Xả-đọa, không biết phải làm sao", Phật do nhân duyên này bảo các Bí-sô: "Từ nay về sau, ta khai cho các Bí-sô ở Biên phương năm Bí-sô trì luật được truyền thọ Cận viên; nơi Biên phương đất cứng, ta khai cho mang giày da một lớp đế, không được hai lớp hay ba lớp, đế giày nếu lủng rách được vá hay thay; nếu có Bí-sô gởi y đến cho Bí-sô khác, tuy nghe gởi đến nhưng chưa nhận y thì quá mười ngày không phạm Xả-đọa". Lúc đó Ưu-ba-ly ở trong đại chúng rời chỗ ngồi đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế tôn khai cho ở Biên phương đủ năm Bí-sô trì luật được truyền thọ Cận viên, con không biết bắt đầu từ chỗ nào trở đi thì gọi là Biên phương?", Phật nói: "Từ phương Đông này có rừng Bôn-trà, nơi đó có dòng

sông tên là Bôn-trà, từ chỗ đó trở ra gọi là Biên phương. Phương Nam có nước tên là Nhiếp-phạt-la-Phật-để, nơi đó có dòng sông tên là Nhiếp-phạt-la Phật để, từ đó trở ra ngoài gọi là biên phương. Phương Tây có nước tên là Tốt-thổ-nô, nơi đó có thôn tên là Ô-ba-tố-thổ-nô, từ đây trở ra ngoài gọi là Biên phương. Phương Bắc có núi tên là Ôn-thi-la, ngoài phạm vi núi này gọi là biên phương." Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Bí-sô Ức nhĩ đã từng làm hạnh nghiệp gì mà được sanh trong nhà đại phú quý, còn ở trong thai mẹ trên lỗ tai đã có đeo khoen báu trị giá vô lượng, lại được xuất gia thọ Cận viên, tuy chưa gặp Thế tôn đã đoạn trừ phiền não, đắc quả vô học?", Phật bảo các Bí-sô: "Bí-sô Ức nhĩ này đối với những hạnh nghiệp đã làm đời trước, nay nhân duyên hội ngộ trở lại tự thọ quả báo, không phải đất nước gió lửa có thể làm hoại quả báo", Phật liền nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

"Các thầy lắng nghe: Quá khứ trong Hiền kiếp khi con người sống thọ hai vạn tuổi có đức Phật ra đời hiệu là Ca-nhiếp-ba có đầy đủ mười hiệu, ở trong rừng Thi-lộc chỗ Tiên nhơn đọa xứ nước Ba-ni tư có vua Ngật-lý-già. Vua dùng pháp trị nước nên dân chúng sống phồn thịnh, ẩm thực đầy đủ

không có thiếu thốn, trong nước không có họa tai, giặc cướp. Vua có con trai tên là Thiên sanh được lập làm Thái-tử, lúc đó Phật Ca-nhiếp-ba nhân duyên hóa độ đã mãn nên nhập Niết-bàn như củi hết lửa tắt. Vua Ngật-lý-già dùng gỗ thơm làm lễ trà tỳ, rưới sữa bò dập tắt lửa, thu xá-lợi đựng trong bốn bình báu rồi xây tháp bảy tầng nơi ngã tư đường để thờ xá-lợi Phật, tất cả vật cống hiến của nước phương Đông đều đưa vào trong tháp cúng dường. Thời gian sau vua Ngật-lý-già qua đời, Thái-tử lên ngôi muốn cùng các đại thần kiểm lại quốc khố, các đại thần thấy những vật cống hiến từ nước phương Đông đều đưa vào trong tháp cúng dường nên tâu vua rằng: "Những vật cống hiến ấy có nên lấy lại hay không?", vua nói: "Những việc mà Tiên vương đã làm như vua trời Đế-thích, phạm thiên, ta làm sao dám lấy lại". Các đại thần này vốn không tín kính Phật pháp nên bàn với nhau: "Ta nên làm phương tiện để lấy lại những vật cống hiến ấy", bàn rồi họ liền cho đóng cửa thành phía Đông và có cống hiến vật gì cũng không được đưa vào trong tháp. Thời gian sau tháp bị hư hoại, lúc đó ở phương Bắc có một thương chủ dẫn các thương nhơn đến nước này dừng lại nghỉ bên tháp, thương chủ vào tháp kính lễ mới thấy tháp bị hư hoại, lại thấy có một người nữ đang quét tháp, người nữ này vốn đã gặp được Phật Ca-nhiếp-ba và đã ở chỗ Phật phát tâm thọ học. Thương chủ hỏi

người nữ là tháp của ai, người nữ đáp là tháp của Phật Ca-nhiếp-ba, thương chủ nghe rồi sanh tâm Hoan-hỉ tháo đôi khoen tai đưa cho người nữ bán lấy tiền để tu bổ tháp và nói: "Nếu tôi trở lại sẽ cúng dường thêm", người nữ sau khi bán được tiền bèn tu bổ lại tháp. Thời gian sau, thương chủ trở lại chiêm ngưỡng tháp xong lại phát tâm cúng dường thêm lọng báu, tràng phan và phát nguyện: "Nguyện nhờ công đức cúng dường tháp này, ở đời vị lai sanh ra nơi nào đều được phú quý cao sang, ở chỗ Phật vị lai tôi sẽ được xuất gia, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán".

Này các Bí-sô, thương chủ xưa kia nay chính là Bí-sô Ức nhĩ, nhờ cúng dường tháp của Phật Ca-nhiếp-ba nên đời đời thường sanh trong nhà phú quý, còn ở trong thai mẹ trên lỗ tai đã có đeo khoen tai báu. Lại do nguyện đời vị lai được xuất gia đoạn phiền não chứng quả vô học nên nay được như lời phát nguyện. Chỉ vì ở trước bà mẹ đã nói ra lời thô ác nên phải trải qua các địa ngục trên, cho nên các Bí-sô, hễ tạo nghiệp đen thì cảm quả báo dị thục đen; tạo nghiệp trắng thì cảm quả báo dị thục trắng, tạo nghiệp xen tạp thì cảm quả báo xen tạp. Các thầy nên xa lìa nghiệp xen tạp và nghiệp đen, nên tu nghiệp trắng, đây là lời ta dạy, các thầy nên học như thế."

Các Bí-sô nghe Phật dạy xong đều Hoan-hỉ phụng hành.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA BÌ CÁCH SỰ

QUYỂN HẠ

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-ba-Nan-đà mới xuất gia được chia cho một chiếc giường rất cũ, mỗi khi động thân giường bèn phát ra tiếng nên Ô-ba-Nan-đà nằm trên giường không dám xoay trở, sợ kêu ra tiếng bèn suy nghĩ: "Nếu ta không xin làm chiếc giường mới khác thì ta không gọi là Ô-ba-Nan-đà". Sáng hôm sau Ô-ba-Nan-đà đến gặp vua Thắng-quang, vua thăm hỏi có an không, Ô-ba-Nan-đà nói: "Tuy tôi nằm ngủ nhưng tâm thường lo sợ. Đại vương cũng biết, khi tôi chưa xuất gia nằm ngủ trên giường tám lớp nệm, nay tôi xuất gia vì tuổi hạ nhỏ nên được chia cho chiếc giường rất cũ, mỗi khi động thân liền kêu ra tiếng nên tôi không dám xoay trở, sợ nó hư sập nên rất khổ sở, làm sao ngủ yên được", vua nói: "Phật có cho nằm trên giường nệm tám lớp không?", đáp: "Có chỗ nào Phật chế nằm trên giường nệm tám lớp đâu", vua nói: "Nếu Phật không chế thì tôi cúng dường chiếc giường ấy cho thầy, thầy tùy ý mang đi", Ô-ba-Nan-đà nói: "Tôi

làm sao dám mang vật của vua đi, vua nên cho người mang đến chùa, tôi sẽ nhận". Vua liền sai tám người, bốn người khiêng giường, bốn người khiêng nệm tám lớp, Ô-ba-Nan-đà vui vẻ đi theo sau. Trên đường đi có Bà-la-môn, người tục thấy khiêng giường nệm liền hỏi là của ai, đáp là của vua cho, lại hỏi: "Vua cho giường này rồi vua ngủ ở đâu?", đáp: "Vua ngủ trong cung còn giường nệm này cho tôi", họ nghe rồi liền chê trách: "Sa môn trọc đầu lại chứa dùng ngọa cụ hành dục như vậy". Ô-ba-Nan-đà về đến trong chùa quét dọn sạch sẽ trong phòng rồi để giường nệm gần cửa, thấy Phật đi đến liền khoe: "Thế tôn, hãy xem giường nệm này", Phật nhìn giường nệm rồi im lặng, sau đó tập họp Tăng già bảo các Bí-sô: "Nếu người nào nằm ngồi trên giường cao rộng lớn thì các lỗi từ đó sanh ra, từ nay về sau, Bí-sô nào nằm ngồi trên giường cao rộng lớn thì phạm tội Việt pháp".

Sau đó có một trưởng giả thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực, A-Nan-đà đến nhà xem xét trước thấy trưởng giả sắp đặt tòa ngồi cao liền bảo dẹp cất, lúc họ đang dẹp cất thì Phật đến, thấy dẹp cất liền hỏi nguyên do, A Nan-đà đáp là tòa ngồi phi pháp, Phật nói: "Ta không chế không được ngồi tòa cao ở các nơi, nếu ở nhà cư sĩ thì khai cho ngồi, nếu ở trong Tỳ ha la ngồi nằm thì phạm tội Việt pháp".

Lúc đó ở phương Nam có một Bí-sô đi đến

thành Thất-la-phiệt để yết kiến Thế tôn, ngoài ba y còn có một tấm phu cụ bằng da. Ô-ba-Nan-đà thấy rồi liền đi theo, chờ vị đó nghỉ ngơi rồi liền hỏi xin: "Thầy có thể cho tôi tấm phu cụ bằng da này không, tôi muốn mang theo tùy thân du hành đến các chùa tháp lễ bái", vị đó hỏi: "Nếu tôi cho thì thầy có thể mang theo tùy thân phải không?", đáp: "Mấy tấm còn mang được huống chi là một tấm", vị đó nghe rồi liền nói: "Nếu vậy thì tôi không cho nữa". Ô-ba-Nan-đà nghe rồi ôm lòng tức giận, suy nghĩ: "Người chăn bò của vua Thắng-quang tên Bà trá trước đây là thân hữu của ta, trong nhà người ấy có da ta nên đến xin", nghĩ rồi liền đến nhà Bà trá. Lúc đó con bò mẹ vừa sanh được một con bò nghé rất dễ thương, Ô-ba-Nan-đà đến thấy con nghé liền đưa tay vuốt ve, Bà trá nhìn thấy liền hỏi: "Thánh giả cần sữa bò phải không?", đáp: "Tôi không cần sữa, nếu được da của con nghé này dùng làm phu cụ để lót thân ngồi thì an ổn hành đạo", Bà trá nói: "Tôi đã hiểu ý, Thánh giả tạm về". Ô-ba-Nan-đà đi chưa bao lâu thì Bà trá sai người giết con nghé, người kia vâng lời ở trước bò mẹ giết nghé lột da để mang đến cho Ô-ba-Nan-đà. Bò mẹ thương con nên chạy theo tấm da, người kia mang tấm da vào trong rừng Thệ-đa, bò mẹ đứng ở ngoài cửa kêu rống lên, Thế tôn nghe biết nhưng cố ý hỏi A Nan-đà nguyên do, A Nan-đà đem việc trên bạch Phật, Phật nghe rồi suy nghĩ: "Do dùng da làm phu

cụ nên có lỗi này sanh", nghĩ rồi liền đến trong Tăng bảo các Bí-sô: "Ô-ba-Nan-đà ngu si vô trí, vì muốn dùng da làm phu cụ mà làm việc không phải pháp sa môn, từ nay về sau các Bí-sô không được dùng da làm phu cụ, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên khởi ở tạo thành Vương-xá, lúc đó cụ thọ Tất-lân-đà bà ta từ khi xuất gia thường bị bịnh, quyến thuộc đến thăm nghe cụ thọ thuyết pháp rồi về nhà nói với vợ: "Thánh giả Tất-lân-đà-bà-ta thuyết pháp, giọng ngọt như mật vì sao em không đến nghe?", người vợ nói: "Quả báo của anh thành thục nên gặp Phật ra đời được nghe diệu pháp, nếu Thánh giả đến nhà thuyết pháp thì em sẽ nghe". Người chồng nghe rồi liền đến bạch với cụ thọ Tất-lân-đà-bà-ta: "Thánh giả, con nghe pháp được lợi ích vô cùng, vợ con là phụ nữ ngại đến đây nghe pháp nhưng lại rất muốn nghe, nếu Thánh giả từ bi đến nhà thuyết pháp thì vợ con mới được nghe", Tất-lân-đà-bà-ta nói: "Ta từ khi xuất gia đến nay thân thường bị bịnh, không thể đi đến được", người chồng nói: "Chúng con sẽ mang kiệu đến khiêng thầy đi", Tất-lân-đà-bà-ta nói: "Thế tôn chưa cho phép". Người chồng đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật suy nghĩ: "Ta nên vì các Bí-sô già bịnh khai cho được đi kiệu", nghĩ rồi liền tập họp tăng rồi bảo các Bí-sô: "Từ nay khai cho các Bí-sô được đi kiệu". Lúc đó Lục chúng Bí-sô

thấy Tất-lân-đà-bà-ta đi kiệu cùng các thị giả đến nhà trưởng giả thuyết pháp, liền làm kiệu bằng vật báu và trang hoàng đẹp đẽ để đi đến nhà thế tục, các Bà-la-môn thấy hỏi tại sao lại đi kiệu, liền đáp là Thế tôn khai cho đi, mọi người nghe rồi liền chê trách: "Sa môn các người bị dục bức bách". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu đã có lỗi này thì các Bí-sô không nên đi kiệu. Có hai duyên được đi: Một là gầy yếu, hai là già bịnh. Nếu không có hai duyên này mà đi kiệu thì phạm tội Việt pháp". Có một Bí-sô du hành trong nhân gian gặp sông không thể tự mang y bát lội qua, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô nên tập học bơi lội". Lúc đó Lục chúng Bí-sô ở trong sông bơi qua bơi lại, thấy có một cô gái đứng ở bờ sông chờ thuyền qua sông, liền nói với cô gái: "Chúng tôi bơi đưa cô qua sông", cô gái thấy là người xuất gia nên tin tưởng, không ngờ Lục chúng đến giữa dòng sông liền xúc chạm chi phần trên thân cô, qua đến bờ kia lại nói với cô gái: "Lượt về chúng tôi cũng sẽ đưa cô qua sông", cô gái liền mắng chửi: "Kẻ trọc đầu các ngươi trong lòng gian ác, phu chủ của ta cũng không xúc chạm đến ta như thế". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật suy nghĩ: "Do xúc chạm thân nữ nên có lỗi này", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "Lục chúng Bí-sô ngu si có nhiều hữu lậu, đã làm điều không phải pháp sa môn, đã làm việc không tùy thuận, bất tịnh là xúc chạm thân phần

người nữ. Từ nay trở đi không được chạm thân người nữ, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Sau đó có vị chủ thành đưa quyến thuộc dạo chơi nơi thắng cảnh có vườn cây và ao hồ, trong số quyến thuộc có một người nữ mang bình đến sông lấy nước thấy có một Bí-sô đang lượt nước ở gần đó nên đi đến một chỗ khác xa hơn, khi vừa muốn nhấc bình nước lên không may trượt chân ngã xuống sông bị nước cuốn trôi. Bí-sô thấy muốn nhảy xuống cứu nhưng lại sợ chạm thân phần người nữ thì phạm tội Việt pháp, nên bỏ đi không xuống cứu. Lúc đó quyến thuộc của người nữ thấy đi lâu không trở lại, thấy Bí-sô đi đến liền hỏi thăm, Bí-sô nói: "Tôi thấy cô ấy ngã xuống sông bị nước cuốn đi rồi", quyến thuộc nghe rồi liền hỏi: "Thánh giả thương xót hữu tình nên lượt nước xem trùng, tạo sao thấy người nữ chết đuối lại bỏ đi không xuống cứu?", Bí-sô nói: "Thế tôn chế không được xúc chạm thân người nữ", mọi người nghe rồi đều chê trách. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu có người gặp nạn chết thì nên cứu, họ có thể tự cứu bảo buông thì buông". Lúc đó có Bí-sô vì cứu người, khi ôm giữ liền sanh tâm nhiễm, Phật nói: "Nên quán người nữ mà mình đang cứu như mẹ hoặc như chị em gái". Lại có người được cứu lên vì uống nước quá nhiều nên không hồi tỉnh được, Phật nói: "Nên đặt họ nằm sấp trên cát", lúc đó Bí-sô đặt họ nằm sấp trên cát rồi bỏ đi nên họ

bị kên kên, chó sói xé ăn, Phật nói: "Không nên bỏ đi, phải coi chừng họ". Lại có Bí-sô vì coi chừng ở gần một bên liền sanh tâm nhiễm, Phật nói: "Không nên ở gần một bên, tùy lúc nhớ chừng trông coi". Lại có Bí-sô vì coi chừng nên qua ngọ không ăn được nữa, Phật nói: "Sắp đến giờ ăn nếu thấy có người chăn bò chăn dê thì nên nhờ họ trông coi giùm. Sau giờ ăn cũng nên thường trông coi họ còn sống hay chết". Lúc đó Lục chúng Bí-sô tắm giặt bên bờ sông A thị đa, có con bò sữa của một trưởng giả lội qua sông, Lục chúng nắm đuôi bò bơi theo qua sông khiến cho bò bị ngưng sữa. Trưởng giả mắng người chăn bò, người chăn bò kể lại sự việc, trưởng giả liền chê trách, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô không nên nắm đuôi bò bơi theo qua sông, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có nhiều Bí-sô muốn qua sông nhưng không có thuyền để qua, bạch Phật, Phật nói: "Có năm vật có thể nương theo để qua sông, đó là voi, ngựa, bò nghé, bò đực và phao nổi". Lục chúng nương phao nổi có vẻ hình nam nữ để qua sông, các Bà-la-môn cư sĩ nhìn thấy đều chê trách rằng: "Sa môn trọc đầu bị dục nhiễm bức bách", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Không được dùng phao nổi có vẻ hình nam nữ, nên dùng hai loại phao: Một là màu tối, hai là phao nhỏ".

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô trên đường đi gặp rắn nên Phật cho các Bí-sô

mang guốc gỗ. Sau đó trưởng giả Cấp-cô-độc vừa làm xong giảng đường mới, trang hoàng đẹp đẽ rồi thỉnh các Bí-sô đến thuyết pháp và tụng kinh, lúc đó có Bí-sô mang guốc gỗ đi vào đạp lên nền đất mới làm cho hư nền. Trưởng giả sáng hôm sau đến thấy nền đất có dấu guốc đạp lồi lõm liền chê trách, do nhân duyên này nên Phật chế không được mang guốc gỗ, nếu trái lời phạm tội Việt pháp. Lại có Bí-sô an cư cư ba tháng ở nhà cư sĩ, dép da bị hoại, bạch Phật, Phật nói: "Nếu ở nhà thế tục, đi guốc gỗ không phạm". Lại có một trưởng giả tín tâm cúng dường guốc gỗ cho các Bí-sô nhưng các Bí-sô không nhận, trưởng giả nói: "Khi Phật chưa ra đời, ngoại đạo là phước điền. Nay Phật ra đời, các Bí-sô là phước điền, xin thương xót nhận sự cúng dường này", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nên nhận, nhận rồi đặt bên cạnh nhà xí để dùng".

Nhiếp tụng:

Lá tre, cỏ, dây đan,
Hộ khai cho Ức nhĩ,
Từng mang, đoạt dép da,
Mang vớ, để vật lót.

Lúc đó Phật chế các Bí-sô không được mang guốc gỗ, nên dùng lá tre đan dép, các Bí-sô mang dép lá tre lại sanh lỗi, Phật lại chế không được mang dép lá tre, nên dùng cỏ bồ đan dép, lại sanh lỗi, Phật lại chế không được mang dép cỏ bồ, nên dùng dây đan dép, lại sanh lỗi nên Phật chế không

được mang dép dây đan. Sau đó các Bí-sô bị phù thủng, hai bắp vế đều đau nhức, do thường đắp nước nên dép da hư hoại, Phật lại chế nên mang dép dây đan.

Lúc đó đồng tử Ức nhĩ do quả báo đời trước thành thục nên thân thể mềm mại, dưới lòng bàn chân có lông vàng dài bốn ngón tay. Lục chúng thấy rồi cùng nhau phê bình: "Đồng tử này xuất gia trong phật giáo có thể làm được việc gì", đồng tử nghe được lời này trong lòng không vui, đến chỗ A Nan-đà bạch rằng: "Tôn giả, một bề siêng tu cầu hành tam ma địa như thế nào?", A Nan-đà nói: "Như Phật đã dạy kinh hành là tối thắng". Đồng tử nghe rồi đến trong rừng vắng quét don một khu đất để kinh hành, do kinh hành nhiều nên lông vàng dài bốn ngón tay dưới lòng bàn chân bị rụng, hai chân sưng nứt, máu chảy dinh đầy chỗ kinh hành. Thường pháp của chư Phật là thường đi đến các nơi xem xét, lúc đó Phật đi đến chỗ Ức nhĩ kinh hành, thấy máu chảy dinh khắp nơi, tuy biết nhưng vẫn hỏi A Nan-đà: "Bí-sô nào đang một bề siêng tu cầu thắng Tam ma địa?", đáp là Bí-sô Ức nhĩ, Phật nói: "Nay ta khai cho Ức nhĩ được mang dép da một lớp đế, không được hai, ba lớp, nếu đế bị hư rách, được vá hay thay đế khác. Mang dép da này để an ổn hành đạo". A Nan-đà liền đến chỗ Ức nhĩ truyền đạt lại lời Phật, Ức nhĩ bạch rằng: "Thế tôn cho phép tất cả Bí-sô hay chỉ khai cho riêng

con được mang?", A Nan-đà nói: "Thế tôn thấy chỗ thầy kinh hành dính máu khắp nơi nên khai riêng cho thầy được mang", Ức nhĩ bạch: "Nếu Thế tôn chỉ khai riêng cho một mình con được mang thì các vị phạm hạnh khác thấy sẽ nói: Con từ bỏ địa vị gia chủ và các quyến thuộc, cung điện và tài bảo xuất gia nên Phật mới khai riêng cho con mang dép da. Nếu Thế tôn khai cho tất cả Bí-sô Tăng đều được mang thì con cũng y theo lời Phật dạy mà mang; nếu không như thế thì một mình con không dám mang". A Nan-đà trở lại bạch Phật, Phật nói: "Từ nay ta khai cho các Bí-sô Tăng già đều được mang dép da một lớp đế, không được hai, ba lớp, nếu đế bị hư rách, được vá hay thay đế khác". A Nan-đà đến trong tăng truyền đạt lại, lúc đó có một Ma-ha-la mang dép da đến chỗ Phật kinh hành, Phật thấy rồi liền bảo: "Đừng mang dép đến trước mặt ta", sau đó Phật bảo các Bí-sô: "Nếu ta đang ở chỗ người thế tục thì các Bí-sô được phép mang dép da đến gặp ta, nếu ta một mình ở chỗ khác hay ở trong chúng Thanh văn thì không được mang dép da đến gặp ta". Lúc đó có một Bí-sô muốn rửa chân nhưng bình đựng nước rửa chân bị bể, Bí-sô này liền rửa chân trong chậu nước sạch, sau đó ngậm nước đầy miệng không dám nuốt và đi lắc lư. Lục chúng thấy liền hỏi: "Tại sao múa nhảy mà không ca hát?", nói rồi liền huýt sáo theo nhịp đi của Bí-sô đó, các Bí-sô thấy liền hỏi: "Tại sao các thầy

trạo cử cười đùa như thế?", Lục chúng nói: "Thầy há không thấy Bí-sô này múa nhảy mà thiếu âm nhác hay sao?". Các Bí-sô bạch Phật, Phật hỏi nguyên do, Bí-sô này đáp: "Con vì muốn ngọa cụ không bị dơ", Phật nói: "Nếu vì hộ ngọa cụ thì không có lỗi, nay ta khai cho các Bí-sô vì hộ ngọa cụ được mang dép da một lớp đế, không được hai, ba lớp, nếu đế bị hư rách, được vá hay thay đế khác".

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả riêng đối với một Bí-sô khất thực sanh tâm tín kính, khi thấy Bí-sô này vào thành khất thực không mang dép nên chân nứt nẻ liền hỏi: "Thầy không có dép da để mang phải không?", đáp là không có, trưởng giả liền dẫn Bí-sô đến chỗ làm dép bảo người làm dép rằng: "Hiền thủ, hãy đo theo chân của Bí-sô này, làm cho thầy một đôi dép da một lớp đế", người làm dép đo cỡ chân xong liền suy nghĩ: "Sa môn Thích tử chỉ trả tiền bằng lời, ta nên hẹn thời gian lâu để không được dép mang, lúc đó ta sẽ đòi tiền dép". Vì thế nên Bí-sô này nhiều lần đến hỏi dép đều nói là chưa xong, Bí-sô liền không đến hỏi nữa, vẫn không mang dép đi khất thực, trưởng giả thấy liền hỏi tại sao, đáp là chưa được dép, trưởng giả cùng Bí-sô đến chỗ làm dép, người làm dép nói: "Không có dép da một lớp đế, chỉ có loại nhiều lớp, nếu cần thì tùy ý lấy mang", Bí-sô nói: "Phật chế không được mang dép

da nhiều lớp đế", trưởng giả nói: "Thầy mang về tách ra bớt và giữ lại một lớp đế để mang". Bí-sô đành phải nhận lấy mang về trú xứ, vừa muốn tách ra thì Thế tôn trông thấy liền hỏi nguyên do, Bí-sô đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Đừng tách ra như thế", liền suy nghĩ: "Các Bà-la-môn, cư sĩ, trưởng giả tín tâm cúng dường dép da nhiều lớp đế, ta cũng nên khai cho các Bí-sô được mang", nghĩ rồi liền tập họp các Bí-sô bảo rằng: "Nay có trưởng giả cúng dường cho Bí-sô này dép da nhiều lớp đế, Bí-sô này muốn tách ra bớt còn lại một lớp đế. Ta nhân việc này khai cho các Bí-sô, nếu có trưởng giả cúng dường cho các Bí-sô dép da nhiều lớp đế đã từng mang qua thì được nhận lấy để mang". Ưu-ba-ly bạch Phật: "Như Phật đã dạy là khai cho các Bí-sô được thọ dép da nhiều lớp đế mà cư sĩ đã mang qua, không biết như thế nào gọi là đã từng mang qua?", Phật nói: "Nếu cư sĩ mang dép da ấy đi chừng bảy, tám bước đều gọi là đã từng mang qua".

Duyên khởi ở thành Quảng-nghiêm, lúc đó trong thành có bán nhiều loại dép da, có loại dép da khi mang vào bước đi liền kêu ra tiếng, lại có nhiều loại dép nhiều màu sắc, nhiều hình vẽ rất đẹp, giá bán là năm tiền vàng. Lục chúng Bí-sô thấy mọi người mang các loại dép ấy liền vứt bỏ dép da của mình, dùng chân đạp lên dép của họ làm cho họ té ngã để đoạt lấy dép rồi nói: "Nhờ bố thí

dép da này, nguyên cho các vị ở đời vị lai thường được mang dép báu, hưởng diệu lạc ở cõi trời", các Bà-la-môn cư sĩ đều hiềm trách và chê cười, từ đó khắp nơi lan truyền Sa môn Thích tử đoạt dép của người. Lúc đó có một Bà-la-môn vừa mua một đôi dép da đẹp khi đưa cho con rể nói rằng: "Con hãy giữ kỹ đôi dép đẹp này, chớ để cho Sa môn Thích tử đoạt lấy", người con rể ghi nhớ lời dạn bảo này nên sáng hôm sau khi mang dép này ra đường, thấy một Bí-sô khất thực theo thứ lớp từng nhà, người con rể liền lo lắng trong lòng nên bước tránh vào một nhà khác, không ngờ Bí-sô khất thực đến trước nhà đó, người con rể liền bước ra khỏi nhà muốn đến một nhà khác và nói rằng: "Thánh giả đừng theo sau tôi, tôi không cho dép đâu", Bí-sô khất thực nói: "Hiền thủ, tôi đi khất thực, không phải theo lấy dép của người". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật suy nghĩ: "Do mang dép da có màu sắc và hình vẽ nên có lỗi này sanh", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "Lục chúng thấy người khác mang dép da đẹp nên theo cưỡng đoạt khiến các Bà-la-môn cư sĩ hiềm trách chê cười, từ nay các Bí-sô không được mang dép da có màu sắc và hình vẽ, nếu mang thì phạm tội Việt pháp".

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật khai cho mang giày da, các Bí-sô vì mang giày da bị ma sát nên chân bị trầy, các Bà-la-môn cư sĩ thấy liền hỏi nguyên do rồi nói: "Vì sao không mang

thêm vớ", đáp là Phật chưa khai cho mang. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nay khai cho các Bí-sô mang giày da và vớ".

Duyên khởi ở thành Vương-xá, lúc đó các Bí-sô lên núi Linh-thứu, có Bí-sô bị mụt nhọt nơi ngón chân… Phật khai cho mang giày da nhiều lớp đế. Sau đó các Bí-sô xuống núi bị thương ở chân… Phật lại khai cho để hai miếng lót hai bên ở bên trong giày da.

Nhiếp tụng:

Giày cỏ, giày vải và ủng,
Tuyết lạnh được mang giày ống,
Thợ săn cúng thí da gấu,
May giày được chứa dùi dao.

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó trời mưa dầm mà các Bí-sô lại mang giày cỏ xanh đi khất thực nên dưới chân mọc những hạt nhỏ như hạt cải, các Bà-la-môn cư sĩ hỏi nguyên do rồi nói: "Tại sao không mang giày vải?", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do việc này bảo các Bí-sô: "Từ nay khai cho các Bí-sô được mang giày vải". Lúc đó trong thành Thất-la-phiệt, ven đường đi có cỏ mọc cao tốt, các Bí-sô khi đi chân đạp lên cỏ này bị thương… Phật lại khai cho các Bí-sô được mang Ủng. Lúc đó Thái-tử Ác sanh vì ngu si mê hoặc nên giết hại Thích chủng ở thành Kiếp-tỷ-la, có người chạy thoát về hướng Tây, có người

chạy thoát vào nước Nê-bà-la. Những người chạy thoát vào nước này đều là quyến thuộc của tôn giả A Nan-đà, gặp các thương nhơn mang hàng hóa từ thành Thất-la-phiệt đến nước Nê-bà-la liền nói: "Chúng tôi đang nguy khốn ở nơi đây, lẽ nào Thánh giả A Nan-đà lại không đến thăm chúng tôi". Sau đó các thương nhơn khi trở về thành Thất-la-phiệt liền đem việc này nói cho A Nan-đà biết, A Nan-đà nghe rồi trong lòng rất đau buồn vội đi đến nước Nê bà la. Lúc đó ở nước này tuyết rơi lạnh buốt khiến cho tay chân của A Nan-đà đều bị nứt nẻ, khi trở về lại thành Thất-la-phiệt, các Bí-sô thấy liền hỏi nguyên do rồi hỏi: "Nếu trời giá lạnh như vậy quyến thuộc của thầy ở đó như thế nào?", đáp: "Họ có mang bao tay và giày ống", lại hỏi: "Tại sao thầy không mang?", đáp: "Thế tôn chưa khai cho mang", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu ở nơi có tuyết lạnh thì khai cho mang bao tay và giày ống". Ưu-ba-ly bạch Phật: "Như Phật đã dạy ở nơi có tuyết lạnh khai cho mang bao tay và giày ống, không biết như thế nào gọi là tuyết lạnh?", Phật nói: "Nếu nước đựng trong chén đông lại thì gọi là xứ có tuyết lạnh".

Lại có một thợ săn gặp Bí-sô sanh tâm tín kính nên đem tấm da gấu cúng cho Bí-sô, Bí-sô không nhận nên người thợ săn này đi theo sau Bí-sô, Phật thấy rồi liền hỏi A Nan-đà nguyên do, A Nan-đà hỏi Bí-sô nguyên do rồi bạch Phật, Phật nói: "Hiếm

khi có thợ săn khởi tâm tín kính, vì dù có giáo hóa ngàn cách họ cũng không chịu bỏ nghiệp sát sanh này. Nay khai cho các Bí-sô nhận da gấu, nhận rồi nên để ở gần cửa của phật đường hoặc dưới chân tòa ngồi, vì da gấu có thể làm cho mắt sáng và trị được bịnh trĩ".

Lại có một Bí-sô đế dép bị rách nên mang tới chỗ làm dép để vá lại, trải qua khá lâu mà họ không đưa lại, các Bí-sô nói: "Sao thầy không tự vá?", đáp: "Tôi tuy biết vá đế giày nhưng Thế tôn chưa khai cho tự làm", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu người nào biết vá đế thì nên đến chỗ khuất tự vá", các Bí-sô trở lại nói cho Bí-sô kia biết, Bí-sô kia nghe rồi liền nói: "Muốn vá đế giày dép cần phải có dùi, dao nhỏ, miếng da…", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói được chứa dùi, dao nhỏ, miếng da… để vá đế giày dép không phạm.

-oOo-